BAN TỔ CHỨC KÌ THI

TUYỂN TẬP ĐỀ THI OLYMPIC

30 tháng 4, lần thứ XVI - 2010

Lịch sử

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

BAN TỔ CHỨC KÌ THI

TUYỂN TẬP ĐỀ THI OLYMPIC

30 THÁNG 4 LẦN THỨ XVI – 2010

LỊCH SỬ

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Giám đốc ĐINH NGỌC BẢO
Tổng biên tập ĐINH VĂN VANG

Chịu trách nhiệm nội dung và bản quyền:
Nhà sách HỒNG ÂN

Biên tập nội dung:
LÊ NGỌC BÍCH

Kĩ thuật vi tính:
Nhà sách HỒNG ÂN

Trình bày bìa:
VÕ THỊ THỪA

Mã số: 02.02. 48/76. PT2010

TUYỂN TẬP ĐỀ THI OLYMPIC 30 – 4 LẦN THỨ XVI – 2010 – LỊCH SỬ

In 1.000 cuốn, khổ 16 × 24cm tại Công ti TNHH In Bao bì Phong Tân - TP.Hồ Chí Minh.
Đăng kí kế hoạch xuất bản số: 465 – 2010/CXB/48-27/ĐHSP ngày 14/05/2010.
In xong và nộp lưu chiểu quý IV năm 2010.

Lời nói đầu

Mỗi năm cứ vào dịp tháng 4, tháng kỉ niệm miền Nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, các em học sinh giỏi lớp 10 và 11 của các trường THPT chuyên và không chuyên của các tỉnh miền Nam, miền Trung và Tây nguyên lại nô nức tham dự kì thi OLYMPIC TRUYỀN THỐNG 30/4. Kì thi lần đầu được tổ chức vào năm học 1994 - 1995 theo sáng kiến của Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong Thành Phố Hồ Chí Minh. Từ đó đến nay kì thi đã được tổ chức liên tục với quy mô ngày càng lớn, chất lượng ngày càng cao.

Tháng 4 năm 2010, kì thi OLYMPIC TRUYỀN THỐNG 30/4 LẦN THỨ XVI lại được tổ chức tại Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong Thành Phố Hồ Chí Minh. Kì thi năm nay có quy mô rất lớn gồm 2.900 thí sinh của 90 trường thuộc 30 tỉnh thành, tham gia tranh tài đủ 10 môn thi : Toán, Lí, Hóa, Sinh, Tin học, Ngữ văn, Sử, Địa, Tiếng Anh và Tiếng Pháp.

Sau khi thi ban tổ chức đã tập hợp, sắp xếp lại bộ đề chính thức và các đề thi đề nghị của các trường tham dự .Đây là một tư liệu có giá trị, rất cần thiết cho quý thầy cô và các em học sinh tham khảo trong quá trình giảng dạy và học tập. Ban tổ chức đã phối hợp với nhà sách Hồng Ân Thành Phố Hồ Chí Minh và Nhà Xuất Bản Đại Học Sư phạm xuất bản bộ sách: TUYỂN TẬP ĐỀ THI OLYMPIC 30/4 LẦN THỨ XVI – 2010. Bộ sách gồm 10 tập, mỗi tập là một môn thi. Trong mỗi tập sách gồm có 2 phần chính : Phần I là đề thi chính thức và đề thi đề nghị khối 10 ; Phần II là đề thi chính thức và đề thi đề nghị khối 11.

Chúng tôi xin trân trọng giới thiệu bộ sách: TUYỂN TẬP ĐỀ THI OLYMPIC 30/4 LẦN THỨ XVI – 2010 với quý độc giả. Hi vọng rằng đây là những tập tư liệu có giá trị giúp cho quý thầy cô và các em học sinh trong công tác bồi dưỡng học sinh giỏi và trong việc tự học tập, tự rèn luyện.

Chúc quý thầy cô và các em học sinh đạt nhiều thành công.

Ban tổ chức

Phần I

ĐỀ THI OLYMPIC TRUYỀN THỐNG 30/4 LẦN XVI – NĂM 2010

A. LỚP 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á. Nêu những biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Hãy so sánh sự khác nhau giữa Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ theo mẫu sau:

Nội dung so sánh	Vương triều Hồi giáo Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Sự thành lập		
Thời gian tồn tại		
Chính sách cai trị		
Vị trí trong lịch sử		

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nêu nội dung cuộc cải cách hành chính dưới thời vua Lê Thánh Tông. Em có nhận xét gì về những cải cách đó?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự phát triển giáo dục, văn học của nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Nêu những điểm tích cực và hạn chế của nền giáo dục trong giai đoạn này.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời Lí -Trần theo mẫu sau:

Nội dung	Thời Lí	Thời Trần
Thời gian		
Người chỉ huy		
Những danh tướng tiêu biểu		
Chủ trương đánh giặc		
Trận quyết chiến chiến lược		
Kết quả		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Cho biết quá trình hình thành và vai trò về mặt chính trị của vương triều Gúp-ta. Vì sao nói thời kì Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ? Bản thân những tôn giáo hình thành ở Ấn Độ có phải là văn hóa không, vì sao?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Hãy lập bảng biểu về quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á. Nêu đặc điểm chung của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á trong quá trình hình thành và phát triển. Hiện nay ở Đông Nam Á có bao nhiêu quốc gia, nêu tên thủ đô của những quốc gia đó? Giới thiệu khái quát về một tổ chức liên minh chính trị lớn nhất Đông Nam Á hiện nay mà em biết.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Hãy trình bày quá trình xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc trong các thế kỉ X - XV? Cho biết "An Nam tứ đại khí" gồm những công trình nào? Hiện nay còn hay không? Nếu còn, các em hãy cho biết tên. Nếu mất, các em hãy giải thích vì sao?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Hãy vẽ và so sánh sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước của chính quyền Đàng Ngoài và Đàng Trong. Cho nhận xét.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

- Học sinh giải thích lời hiểu dụ của vua Quang Trung:

"Đánh cho để tóc dài

Đánh cho để đen răng

Đánh cho nó chích luân bất phản

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ"

Hãy cho biết những điểm nổi bật trong nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Quang Trung - Nguyễn Huệ?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh lớn của nhân loại? Nền văn hoá Ấn Độ đã toả ảnh hưởng ra Đông Nam Á như thế nào? Vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội của Đông Nam Á?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Những nét chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, chính trị và tư tưởng văn hoá của các quốc gia trong vùng Đông Nam Á từ khi lập quốc? Các quốc gia này chịu ảnh hưởng của nền văn hoá Ấn Độ như thế nào?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỉ X – XVIII (Tên cuộc kháng chiến, khởi nghĩa; thời gian; lãnh đạo; chiến thắng quan trọng). Ý nghĩa lịch sử và bài học kinh nghiệm chung.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích vai trò của phong trào Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII. Những việc làm của vương triều Tây Sơn và ý nghĩa của những việc làm đó. Từ đó rút ra công lao của Nguyễn Huệ - Quang Trung đối với lịch sử dân tộc

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

So sánh sự khác nhau của tình hình kinh tế nông nghiệp, thương nghiệp Đại Việt trong 2 giai đoạn: từ thế kỉ X - XV và từ thế kỉ XVI – XVIII. Nguyên nhân của các tình hình đó?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THOẠI NGỌC HẦU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao Ấn Độ được coi là trung tâm văn minh của nhân loại? Quá trình truyền bá Hinđu giáo và Phật giáo vào Đông Nam Á như thế nào? Phân tích vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội ở Đông Nam Á. Ảnh hưởng của Phật giáo vào Đại Việt trong các thế kỉ X - XV như thế nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Phân tích những điểm khác nhau và giống nhau của hai vương triều Gúp-ta và Đê-li trong lịch sử phong kiến Ấn Độ, theo yêu cầu sau:

Nội dung so sánh	Vương triều Gúp-ta	Vương triều Đê-li
1. Khác nhau: – Sự thành lập. – Tôn giáo. – Kiến trúc. – Vị trí.		
2. Giống nhau.		

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày các thành tựu về nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật của nước ta ở các thế kỉ X - XV. Phân tích nét khác nhau cơ bản trong nghệ thuật điêu khắc Rồng thời Lý so với thời Lê sơ.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trên cơ sở trình bày nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thế kỉ XIII. Em hãy lí giải tại sao nhân dân thời Trần lại sẵn sàng đoàn kết với Triều đình chống giặc giữ nước?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XIX theo yêu cầu:

Triều đại	Niên đại	Quốc hiệu	Kháng chiến chống xâm lược

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Cho biết sự giống và khác nhau của vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn trong lịch sử phong kiến Ấn Độ. Nhận xét về vị trí và vai trò của hai triều đại này.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Quan sát lược đồ dưới đây:

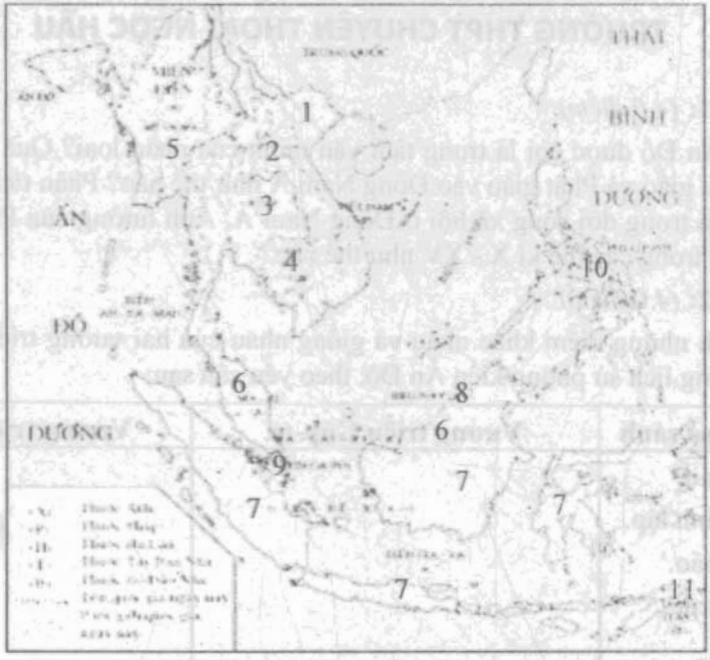

– Kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á hiện nay theo đúng số thứ tự ghi trên lược đồ từ đó cho biết tên của các quốc gia cổ và quốc gia phong kiến tương ứng (nếu có).

– Khái quát các giai đoạn phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ đầu đến thế kỉ XIX.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê về các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX theo mẫu sau:

Triều đại	Thời gian tồn tại	Kinh đô	Quốc hiệu	Người sáng lập

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày sơ lược về cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược lần thứ 3 của nhân dân ta dưới thời nhà Trần ở thế kỉ XIII. Phân tích những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Cho biết những đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc. Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH THUẬN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trên cơ sở hiểu biết về nghệ thuật kiến trúc - điêu khắc của Ấn Độ thời phong kiến:

Hãy trình bày những thành tựu cơ bản của kiến trúc Ấn Độ.

Lập bảng so sánh những điểm khác nhau của hai loại hình nghệ thuật trên của Ấn Độ và Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Vì sao nói thời kì Gúp-ta là thời kì định hình của văn hóa truyền thống Ấn Độ? Những yếu tố nào của văn hóa truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài? Ảnh hưởng đến những nơi nào?

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Cho biết ý nghĩa của việc Lí Công Uẩn dời đô về Thăng Long.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày nhà nước Đại Việt thời Lê sơ. Vì sao thời Lê sơ nhà nước quân chủ đạt đến đỉnh cao?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê về những thành tựu kinh tế nước ta thời Lê sơ?

Đánh giá cải cách hành chính của Lê Thánh Tông.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TTHUẾ
TRƯỜNG THPT QUỐC HỌC

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao nói thời kì Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ? Nền văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng ra bên ngoài như thế nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh trình bày khái quát những hiểu biết của em về Ấn Độ và Đông Nam Á theo các yêu cầu sau: (Thời gian hình thành nhà nước, điều kiện tự nhiên, kinh tế, thể chế chính trị, cơ cấu tổ chức xã hội, thành tựu văn hoá)

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến nước ta được hoàn thiện như thế nào trong các thế kỉ X đến thế kỉ XV?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự phát triển kinh tế nước ta từ thế kỉ XVI - XVIII. Vì sao thời kì này Đô thị Việt Nam hưng thịnh?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày những đóng góp của Vương triều Tây Sơn và đánh giá vai trò của người anh hùng Nguyễn Huệ trong hai cuộc kháng chiến chống Xiêm và chống Thanh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH MẪN ĐẠT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những thành tựu văn hóa nổi bật của vương quốc Cam-pu-chia và vương quốc Lào. Qua đó rút ra nhận xét chung về nền văn hóa của hai quốc gia này?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Tại sao nói thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ? Những yếu tố văn hóa truyền thống nào của Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và ảnh hưởng đến những nơi nào?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nghệ thuật quân sự của nước ta được thể hiện như thế nào qua các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm từ thế kỉ XI đến cuối thế kỉ XVIII. Trên cơ sở đó, em hãy rút ra những bài học kinh nghiệm trong công cuộc bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

a. Vẽ sơ đồ tổ chức chính quyền ở Đàng Trong, Đàng Ngoài và so sánh, nhận xét.

b. Hãy nhận xét bộ máy nhà nước thời Lê - Trịnh.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh các triều đại Lí - Trần và Lê sơ với các nội dung theo mẫu sau:

Nội dung	Triều Lí – Trần	Triều Lê sơ
Tổ chức bộ máy nhà nước		
Luật pháp		
Quân đội		
Chính sách đối nội, đối ngoại		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ KHIẾT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng thống kê kiến thức về sự phát triển của lịch sử Ấn Độ qua các thời cổ đại và phong kiến theo mẫu sau:

Nội dung / Các thời kì	Thời gian	Sự kiện chủ yếu
Thời kì các quốc gia đầu tiên		
Thời kì Vương triều Gúp-ta		
Thời kì Vương triều Hồi giáo Đê-li		
Thời kì Vương triều Mô-gôn		

– Nêu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các quốc gia Đông Nam Á.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Bằng những kiến thức lịch sử đã học ở lớp 10, hãy chứng minh: Nghĩa quân Tây Sơn đã hoàn thành hai nhiệm vụ thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Vai trò của Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn là gì?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Từ thế kỉ thứ X đến thế kỉ thứ XV, nền giáo dục và văn học Đại Việt đã đạt được những thành tựu như thế nào? Nhận xét chung về văn hóa Đại Việt.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống ngoại xâm ở nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

– Hãy so sánh sự giống nhau và khác nhau giữa hai triều đại: Vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Ấn Độ Mô-gôn.

– Nhận xét tổng quát về lịch sử Ấn Độ thời phong kiến.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Khái quát quá trình hình thành và phát triển của vương quốc Cam-pu-chia và Lào. Nêu những thành tựu văn hóa của hai dân tộc này.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự phát triển giáo dục, văn học, nghệ thuật của quốc gia Đại Việt từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Nhận xét của em về giáo dục nước ta trong giai đoạn này.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích: nguyên nhân thắng lợi của phong trào Tây Sơn trong sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc từ năm 1771 đến năm 1789.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh về tổ chức chính quyền Đàng Ngoài và Đàng Trong.

Vì sao có sự phân chia Đàng Trong - Đàng Ngoài?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE
TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những nét chính về vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn. Qua đó rút ra những điểm giống nhau giữa hai vương triều này.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX và nêu nhận xét.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Ý thức bảo vệ nền độc lập dân tộc của nhân dân ta biểu hiện ở những khía cạnh nào trong lịch sử dân tộc từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVIII? Nêu những biểu hiện đó.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nghĩa quân Tây Sơn đã hoàn thành hai nhiệm vụ thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc như thế nào? Đánh giá vai trò của Quang Trung trong hai cuộc kháng chiến chống Xiêm, Thanh.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý - Trần - Hồ và thời Lê sơ. Qua đó hãy nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước thời phong kiến ở nước ta.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÀ VINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TRÀ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vương quốc Cam-pu-chia được hình thành như thế nào? Những biểu hiện về sự thịnh đạt của vương quốc Cam-pu-chia ?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

– Những yếu tố nào thể hiện Ấn Độ có nền văn hóa phát triển lâu đời?

– Vẽ sơ đồ biểu hiện văn hóa truyền thống Ấn Độ.

– Vì sao Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh sự khác nhau giữa hai cuộc kháng chiến chống Tống thời Lí và chống Mông- Nguyên thời Trần.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nhà nước và nhân dân Đại Việt đã làm gì để phát triển nông nghiệp? Nhận xét về tác dụng của sự phát triển nông nghiệp?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nêu những nét chính về diễn biến của phong trào nông dân Tây Sơn thế kỉ XVIII. Theo em, phong trào nông dân Tây Sơn đã làm được những gì cho đất nước ta vào thời đó?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Tại sao nói thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ X - XVIII được biểu hiện như thế nào?

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Những biểu hiện của sự phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nhận xét vị trí của Phật giáo ở các thế kỉ X – XIV. Vì sao Phật giáo rất phát triển dưới thời Lí - Trần nhưng đến thời Lê lại không phát triển?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống ngoại xâm của nhân dân ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XV theo mẫu sau:

STT	Tên các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa	Thời gian	Những trận đánh tiêu biểu

– So sánh các cuộc kháng chiến thời Lý - Trần với khởi nghĩa Lam Sơn.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vương quốc Cam-pu-chia và vương quốc Lào thịnh đạt vào thời gian nào? Nêu biểu hiện của sự thịnh đạt đó?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn trong lịch sử trung đại Ấn Độ về sự hình thành, chính sách cai trị, kết quả và rút ra nhận xét.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự phát triển giáo dục của Đại Việt qua các thời Lý, Trần, Lê và nêu nhận xét.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Những cuộc kháng chiến chống xâm lược trong các thế kỉ X – XV đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các cuộc đấu tranh ở giai đoạn sau này. Bằng những kiến thức lịch sử đã học, em hãy làm sáng tỏ nhận định trên.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy điền sự kiện tương ứng với các mốc thời gian sau:

Thời gian	Sự kiện
1054	
1076	
1247	
1407	
1484	
1545 - 1592	
1627 - 1672	
1789 - 1792	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG THPT KON TUM

CÂU HỎI 1: *(4.0 điểm)*

Trình bày nội dung, ý nghĩa những chính sách cải cách trong thời kì trị vì của vua Acơba (1556 - 1605). Việt Nam học tập được gì qua nội dung cải cách cho công cuộc xây dựng đất nước hiện nay?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ thứ XIX. Biểu hiện và nguyên nhân phát triển trong thời kì thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Năm 1010, Lí Công Uẩn cho dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội) nhằm mục đích gì?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Chứng minh thời Lê sơ (thế kỉ XV) là thời kì hưng thịnh nhất của chế độ phong kiến Việt Nam?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

– Phân tích sự khác nhau giữa hai cuộc kháng chiến chống Tống thời Lí và kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần theo mẫu dưới đây.

Nội dung so sánh	Kháng chiến chống Tống thời Lí	Kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần
Thế giặc		
Chiến thuật		
Lực lượng tham gia		
Thời gian		

– Phân tích nguyên nhân thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIỀN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TIỀN GIANG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vẽ lược đồ các mốc thời gian đánh dấu sự phát triển của Ấn Độ từ lúc thành lập các quốc gia đầu tiên đến thế kỉ XIX. Người ta cho rằng Ấn Độ là một dân tộc đa tôn giáo hãy chứng minh nhận định trên.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

– Hãy so sánh vương quốc Cam-pu-chia và Lào theo bảng yêu cầu sau:

Nội dung	VQ Cam-pu-chia	VQ Lào
Thời gian và chủ thể sáng lập.		
Điều kiện tự nhiên và địa bàn đầu tiên.		
Thời kì phát triển nhất.		
Công trình kiến trúc tiêu biểu.		

– Người ta cho rằng Cam-pu-chia và Lào chịu ảnh hưởng văn hóa của Ấn Độ. Hãy chứng minh nhận định trên.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày tình hình, nội dung và mục đích giáo dục ở nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Cho biết công trình xây dựng tiêu biểu nhất của nền giáo dục nước ta trong thời kì này. Cha ông ta muốn nói gì qua việc xây dựng công trình này?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII. *(theo mẫu).*

Thời gian	Triều đại	Thế lực xâm lược	Nhân vật lịch sử tiêu biểu	Trận đánh kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến.

– Nêu nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến đó. *(lấy cuộc cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên để dẫn chứng).*

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Vẽ sơ đồ bộ máy chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài. Trình bày quá trình hình thành và hoàn thiện bộ máy chính quyền của chúa Nguyễn ở Đàng Trong. Nêu sự giống nhau và khác biệt hai bộ máy chính quyền này.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẬU GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN VỊ THANH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những hiểu biết của em về thị quốc thời Hi Lạp - Rô ma cổ đại?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Hãy phân tích những thành tựu của văn hóa Trung Quốc thời phong kiến?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày tóm tắt sự phát triển của giáo dục nước ta qua các thời Đinh, Tiền Lê, Lí, Trần, Hồ, Lê sơ?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Sự phân hóa xã hội ở nước ta trong các thế kỉ X-XV được thể hiện như thế nào? Hậu quả và nguyên nhân chính dẫn đến sự phân hóa đó?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Phân tích vai trò của Phật giáo ở nước ta từ thế kỉ X đến XV, qua đó hãy nhận xét về đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân thời Lý, Trần, Lê?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Về cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thời Trần, hãy nêu:

a/ Tóm tắt diễn biến chiến thắng Bạch Đằng 1288.

b/ Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

– Thành tựu văn hoá thời cổ đại và phong kiến của Ấn Độ?

– Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các quốc gia Đông Nam Á?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày khái quát quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Điền vào bảng thống kê về quốc hiệu nước ta từ khi lập quốc đến nay theo mẫu với các nội dung sau:

Quốc hiệu	Thời gian	Kinh đô	Người sáng lập

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày thành tựu văn hoá Đại Việt thời Lý - Trần - Lê? Nhận xét về đặc điểm của nền văn hoá Đại Việt.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Nêu những thành tựu chủ yếu của văn hóa truyền thống Ấn Độ. Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của nền văn hóa này như thế nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng biểu thị giai đoạn thịnh vượng và những thành tựu văn hóa chủ yếu của Vương quốc Cam-pu-chia và Vương quốc Lào.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nhà nước và nhân dân Đại Việt đã làm gì để phát triển nông nghiệp? Sự phát triển nông nghiệp đương thời có tác dụng gì đối với đất nước?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Lập bảng về các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa chống ngoại xâm của nhân dân ta từ thế kỉ X- thế kỉ XV theo mẫu sau.

STT	Cuộc kháng chiến – khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Trận quyết chiến chiến lược

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn đối với đất nước vào cuối thế kỷ XVIII.. Nguyễn Huệ-Quang Trung đã có vai trò như thế nào trong hai cuộc kháng chiến chống quân Xiêm, chống quân Thanh và xây dựng đất nước.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUANG TRUNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những nét tiêu biểu của văn hoá Cam-pu-chia và văn hoá Lào. Điểm tương đồng giữa hai nền văn hoá này là gì?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Văn hoá truyền thống Ấn Độ được định hình và phát triển như thế nào trong khoảng thời gian từ thế kỉ IV đến thế kỉ XII? Nêu các thành tựu chủ yếu của văn hoá truyền thống Ấn Độ.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự chia cắt và thống nhất lãnh thổ nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII. Đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn trong việc thống nhất đất nước.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Biểu hiện sự hưng khởi của các đô thị nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII? Sự hưng khởi của các đô thị có ý nghĩa như thế nào?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Các sự kiện được liệt kê ở bảng dưới đây diễn ra vào năm nào?

STT	Sự kiện	Thời gian (năm)
1.	Ngô Quyền xưng vương, bắt tay xây dựng chính quyền mới, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).	
2.	Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế.	
3.	Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được nhiều tướng lĩnh và bà Thái hậu họ Dương tôn lên làm vua, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lượcTống.	
4.	Lí Công Uẩn lên ngôi. Nhà Lí được thành lập.	
5.	Vua Lí Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội), mở ra một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử dân tộc.	
6.	Vua Lí Thái Tông ban hành bộ luật Hình thư – bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta.	
7.	Vua Lí Thánh Tông quyết định đổi tên nước là Đại Việt.	
8.	Hồ Quý Ly phế truất vua Trần và lên ngôi, lập ra nhà Hồ.	
9.	Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.	
10.	Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Lê, khôi phục quốc hiệu Đại Việt.	
11.	Mạc Đăng Dung bắt vua Lê nhường ngôi và thành lập triều đại mới – triều Mạc.	
12.	Cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn bùng nổ.	
13.	Chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, thành lập triều đình trung ương ở Đàng Trong.	
14.	Thủ lĩnh nghĩa quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, thành lập vương triều Tây Sơn.	
15.	Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung.	
16.	Vương triều Tây Sơn sụp đổ. Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lập ra nhà Nguyễn.	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

CẬU HỎI 1 *(4,0 điểm)*

Trình bày những thành tựu chủ yếu của nền văn hóa Ấn Độ. Đồng thời nêu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các nước Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng về các giai đoạn lịch sử Lào từ thời dựng nước đến năm 1893. Trình bày nét tiêu biểu của văn hóa Lào.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày nguyên nhân và diễn biến của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Qua đó rút ra đặc điểm của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn so với các cuộc kháng chiến thời Lý - Trần.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nêu các giai đoạn hình thành, phát triển và hoàn thiện của nhà nước phong kiến Việt Nam.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Khái quát các cuộc đấu tranh bảo vệ độc lập từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII theo bảng thống kê sau:

Tên cuộc đấu tranh	Thời gian	Người lãnh đạo	Kết quả

Nêu nhận xét về nội dung bảng thống kê.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT KRÔNG NÔ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh các quốc gia cổ đại phương Đông và các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải về quá trình hình thành, kinh tế, xã hội, chính trị.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Trình bày về những thành tích nổi bật của nền văn hóa Cam-pu-chia và Lào (thời phong kiến). Em có nhận xét gì về nền văn hóa này?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nêu ngắn gọn các cuộc khởi nghĩa nông dân Trung Quốc diễn ra từ thời Tần đến thời Minh, qua đó rút ra đặc điểm chung.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Qua các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông – Nguyên thời Trần (thế kỉ XIII), hãy phân tích nguyên nhân thắng lợi.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV? Cho biết ý nghĩa của việc Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Tại sao nói thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ? Văn hóa truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng như thế nào đến các nước Đông Nam Á?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh các giai đoạn lịch sử lớn của Lào và Cam-pu-chia. Rút ra nhận xét.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Những biểu hiện nào chứng tỏ thời Lê sơ ở thế kỉ XV là một giai đoạn phát triển thịnh đạt của nước Đại Việt?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích việc xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc được đẩy mạnh từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Nhận xét.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XV (thời gian, triều đại, quân xâm lược, người chỉ huy, trận quyết chiến chiến lược).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG PTTH CHUYÊN KONTUM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

a. Vì sao Ấn Độ được xem là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

b. Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các quốc gia Đông Nam Á như thế nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Bằng kiến thức lịch sử đã học, hãy chứng minh nhận định: Thời Lê sơ (thế kỉ XV) là giai đoạn phát triển thịnh đạt của nước Đại Việt.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỉ XIII.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa lớn chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XV với các nội dung sau: Tên các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa; Thời gian; Người lãnh đạo; Chiến thắng tiêu biểu.

– So sánh điểm khác nhau cơ bản về nghệ thuật chỉ đạo kháng chiến chống ngoại xâm của nhà nước phong kiến trong cuộc đấu tranh chống Tống thời Lý và chống Mông - Nguyên thời Trần.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Những yếu tố văn hóa truyền thống nào của Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và đến những nơi nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử lớn trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX theo mẫu:

Niên đại	Vương quốc	Những đặc điểm chính

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Em có nhận xét gì về những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh và các vua đầu thời Lí?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích ý nghĩa đoạn trích trong bài hiểu dụ của vua Quang Trung. Đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn trong sự nghiệp thống nhất đất nước.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

a. Thống kê các thành tựu văn học nghệ thuật ở các thế kỉ XI - XV theo mẫu:

Lĩnh vực	Thể loại	Thành tựu

b. Những công trình kiến trúc nào thuộc "An Nam tứ đại khí"

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

a. Phân tích vị trí của Vương triều Gúp-ta trong lịch sử Ấn Độ.

b. Tại sao Ấn Độ được xem là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

a. Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử lớn trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX (yêu cầu niên đại, nội dung chính).

b. Sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ X - XVIII được biểu hiện như thế nào?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

a. Tại sao năm 1010, vua Lí Thái Tổ quyết định dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long?

b. Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVIII Thăng Long đã phát triển như thế nào?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

a. Trình bày tình hình ngoại thương của nước ta trong các thế kỉ XI – XVIII.

b. Sự phát triển của ngoại thương có tác dụng gì đối với nền kinh tế trong nước?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa lớn chống ngoại xâm của dân tộc Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII theo yêu cầu sau:

STT	Cuộc kháng chiến – khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Trận quyết chiến chiến lược

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH LONG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN BỈNH KHIÊM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vương quốc Cam-pu-chia trải qua quá trình hình thành, phát triển và suy yếu như thế nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh sự khác nhau giữa vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn theo các nội dung: Sự xác lập, đặc điểm phát triển, vị trí.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các sự kiện thời Lí - Trần theo mẫu sau:

Nội dung	Thời Lý	Thời Trần
Năm mở đầu và kết thúc		
Kháng chiến chống xâm lược		
Người chỉ huy		
Đường lối kháng chiến		
Các danh tướng tiêu biểu		
Chiến thắng lịch sử		
Nguyên nhân thắng lợi		
Ý nghĩa lịch sử		

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống (1075 - 1077):

– Trình bày hai sự kiện tiêu biểu.

– Phân tích những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lí Thường Kiệt, nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập niên biểu về những hoạt động của phong trào nông dân Tây Sơn (1771 - 1789). Nêu nhận xét của em về phong trào này

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Hãy cho biết vị trí của Vương triều Gúp-ta, Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn trong lịch sử Ấn Độ.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Điều kiện hình thành các Vương quốc cổ Đông Nam Á.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Tình hình nông nghiệp nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV với các nội dung: triều đại, niên đại, kinh đô, quốc hiệu, vị vua đầu tiên. Nêu ý nghĩa của việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc của phong trào Tây Sơn? Đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT GIA ĐỊNH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao nói thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ? Nền văn hóa Ấn Độ đã ảnh hưởng ra bên ngoài Ấn Độ như thế nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

– Nhà nước Đại Việt thời Lí, Trần được xây dựng, phát triển như thế nào?

– Vì sao vua Lý Thái Tổ cho dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long? Ý nghĩa của việc làm đó?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bầy các biện pháp để phát triển nông nghiệp của nước ta từ thế kỉ X - XV? Sự phát triển kinh tế từ thế kỉ X -XV có ảnh hưởng đến sự phân hóa xã hội như thế nào?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy đánh giá vai trò của phong trào nông dân Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Hãy cho biết vị trí của vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn trong lịch sử Ấn Độ.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Phân tích sự khác nhau giữa hai cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý và chống Mông – Nguyên thời Trần.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Bằng những sự kiện lịch sử trong sách mà em đã học (Sách giáo khoa Lịch sử lớp 10 - Chương trình chuẩn), chứng minh phong trào Tây Sơn đã làm nhiệm vụ thống nhất đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy lập bảng thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật và khoa học – kĩ thuật của Việt Nam trong các thế kỉ X – XV.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á? Nêu biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt ở Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng niên biểu về tiến trình lịch sử của Ấn Độ từ năm 1500 TCN đến thế kỉ XIX (theo mẫu sau). Vì sao đến thời A-cơ-ba, Ấn Độ lại phát triển thịnh đạt nhất?

Niên đại	Sự kiện
Năm 1.500 TCN	
Năm 500 TCN	
Thế kỉ III TCN	
Thế kỉ I	
Thế kỉ VII	
Thế kỉ XIII	
Thế kỉ XIV	
Thế kỉ XV	
Thế kỉ XVI	
Thế kỉ XIX	

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Em hãy trình bày sự phát triển của Phật giáo ở thế kỉ X – XIV. Nêu những biểu hiện của sự phát triển đó.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Hãy nêu những cải cách hành chính dưới thời vua Lê Thánh Tông. Em có nhận xét gì về những cải cách đó?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

So sánh cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất và lần thứ hai theo các tiêu chí sau:

– Thời gian.

– Người lãnh đạo.

– Tình hình nước Đại Việt trước khi kháng chiến.

– Kết quả.

Phân tích ngắn gọn ý nghĩa bài thơ *Nam quốc sơn hà*?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Tại sao nói thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ? Những yếu tố văn hóa truyền thống nào của Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và ảnh hưởng đến những nơi nào?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng biểu thị các giai đoạn lịch sử lớn của Lào.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nêu những cuộc cải cách hành chính dưới thời vua Lê Thánh Tông. Ý nghĩa. Nhận xét về những cải cách đó.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm cuối thế kỉ XVIII. Em biết gì về Nguyễn Huệ - Quang Trung và đánh giá vai trò của ông trong hai cuộc kháng chiến chống Xiêm và chống Thanh.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh kháng chiến chống Tống thời Lí và chống Mông – Nguyên thời Trần

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH PHÚ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Em hãy chứng minh rằng: Từ cơ sở truyền thống ban đầu, nền văn hóa Ấn Độ đã được đa dạng hóa trong thời gian từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVIII.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Hãy nêu quá trình hình thành và phát triển vương quốc phong kiến Cam-pu-chia.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Hãy so sánh và nhận xét sự phát triển của kinh tế Đại Việt trong giai đoạn từ thế kỉ X – XV với giai đoạn từ thế kỉ XVI - XVIII

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trong hoàn cảnh nào nước ta bị phương Bắc đô hộ lần thứ hai? Tóm lược cuộc kháng chiến của dân tộc ta chống lại ách đô hộ của phương Bắc trong giai đoạn này. Cho biết nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến trên.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy tóm lược vai trò của nhà Tây Sơn trong sự nghiệp thống nhất, bảo vệ đất nước.

B. LỚP 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1 *(4,0 điểm)*

Hãy trình bày sự lãnh đạo của Lê-nin trong Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và trong cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền Xô viết(1917-1920).

CÂU HỎI 2 *(4,0 điểm)*

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939_1945):

– Hoàn thành nội dung bảng thống kê sau:

Thời gian	Sự kiện
Từ 9-1939 đến 4-1940	
22-6-1940	
22-6-1941	
7-12-1941	
1-1-1942	
Từ 11-1942 đến 2/1943	
6-1944	
9-5-1945	

– Nêu tính chất của cuộc chiến tranh.

– Nêu kết cục của cuộc chiến tranh.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3 *(4,0 điểm)*

Hãy so sánh phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX với phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX theo bảng sau:

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Mục tiêu đấu tranh		
Tầng lớp lãnh đạo		
Lực lượng tham gia		
Hình thức đấu tranh		
Phong trào tiêu biểu		
Kết quả, ý nghĩa		

CÂU HỎI 4 *(4,0 điểm)*

Tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào nông dân Yên Thế từ năm 1884 đến năm 1913. Hãy nêu nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của phong trào.

CÂU HỎI 5 *(4,0 điểm)*

Trình bày buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (từ năm 1911 - 1918). Qua đó hãy nêu nét mới trong hoạt động cứu nước của Người.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Đặc điểm, kết quả của cuộc cách mạng Tân Hợi? Vì sao gọi cuộc cách mạng này là cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các sự kiện chính từ Cách mạng tháng Hai đến Cách mạng tháng Mười.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Từ câu nói của Nguyễn Trung Trực: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam thì mới hết người Nam đánh Tây", em hãy dùng thực tế phong trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX để chứng minh nhận định trên.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích nguyên nhân thất bại của triều đình nhà Nguyễn trong cuộc đề kháng chống thực dân Pháp xâm lược vào nửa sau thế kỉ XIX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

So sánh phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX với phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày nội dung và tác dụng của cuộc cải cách Minh Trị. Hãy rút ra bài học kinh nghiệm từ cuộc cải cách nói trên.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh cuộc cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868) và phong trào Duy Tân ở Trung Quốc (1898):

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Thông qua giai đoạn lịch sử 1858 - 1884, em hãy chứng minh: Triều Nguyễn từ tư tưởng cầu hoà đã đi đến nhượng bộ, thoả hiệp, rồi đầu hàng thực dân Pháp.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nêu các nguyên nhân thất bại của phong trào Cần Vương ở nước ta vào cuối thế kỉ XIX

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày khái quát 2 giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương. Qua đó, so sánh những điểm giống và khác nhau giữa 2 giai đoạn.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Quá trình các nước thực dân phương Tây biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến diễn ra như thế nào? Qua các cuộc đấu tranh: Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc, phong trào Duy Tân, phong trào Nghĩa Hoà đoàn, hãy rút ra nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của các phong trào.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Vai trò của Lê-nin đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền Xô viết (1917 - 1920)

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Phân tích thái độ chống Pháp xâm lược của triều đình nhà Nguyễn từ 1858 đến 1884. Từ đó rút ra trách nhiệm của nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Thông qua nội dung cơ bản của chiếu Cần Vương, hãy:

– Phân tích thái độ của các văn thân sĩ phu và quần chúng nhân dân đối với chiếu Cần Vương.

– Trình bày các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương trong sự nghiệp chống Pháp.

– Trong các cuộc khởi nghĩa của phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất? Vì sao?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Vì sao này sinh khuynh hướng cứu nước mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX? Phân tích sự giống và khác nhau giữa hai khuynh hướng bạo động và cải cách đầu thế kỉ XX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THOẠI NGỌC HẦU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những sự kiện tiêu biểu của Chiến tranh thế giới thứ hai ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương (từ tháng 9.1940 đến tháng 8. 1945). Theo em trong các sự kiện trên, sự kiện nào đã tác động mạnh mẽ đến tình hình cuộc chiến tranh? Vì sao? Từ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai, hãy rút ra bài học cho cuộc đấu tranh bảo vệ hoà bình thế giới hiện nay.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Phân tích những điểm giống nhau và khác nhau của Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc với cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga theo những yêu cầu sau:

Nội dung so sánh	Cách mạng Tân Hợi năm 1911	Cách mạng tháng Hai năm 1917
Khác nhau:		
Giống nhau:		

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Phân tích những đặc điểm của phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX. Yêu cầu của cách mạng Việt Nam trong những thập niên đầu thế kỉ XX là vấn đề gì?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thất bại của phong trào nông dân Yên Thế (1887 - 1913). Vì sao phong trào nông dân Yên Thế kéo dài được gần 30 năm?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

- Lập bảng niên biểu về các sự kiện chính trong quá trình Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1858 đến năm 1884 theo mẫu sau:

Thời gian	Sự kiện	Mục đích	Kết cục

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày nội dung của cải cách Duy tân Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868. Tại sao cải cách Minh Trị mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản không triệt để?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng tóm tắt diễn biến và rút ra một số đặc điểm chủ yếu của cuộc cách mạng tháng Hai. Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga có những khác biệt gì so với các cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở các nước phương Tây thời cận đại. Theo em, những nước nào đã tiến hành cách mạng theo dạng của cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Tình hình Việt Nam giữa thế kỉ XIX trước cuộc xâm lược của thực dân Pháp? Hành động nào chứng tỏ thực dân Pháp ráo riết chuẩn bị xâm lược Việt Nam và tại sao thực dân Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu tấn công đầu tiên?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nêu những đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Pháp ở ba tỉnh miền Tây Nam Kì sau năm 1867. Tường thuật ngắn gọn diễn biến của cuộc khởi nghĩa do Trương Định lãnh đạo và nhận xét về tinh thần chống Pháp của vua quan triều đình nhà Nguyễn.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Tại sao cuộc khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương. Lập bảng thống kê về các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong phong trào Cần Vương.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH THUẬN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Có ý kiến cho rằng Hiệp ước Nam Kinh 1842 thực chất là một hàng ước, hãy giải thích ý kiến ấy. Hệ quả của Hiệp ước Nam Kinh đối với Trung Quốc.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới, cách mạng xã hội chủ nghĩa theo các nội dung sau: nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo, động lực cách mạng, xu hướng phát triển.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Ở Việt nam, đầu thế kỉ XX, vì sao lại nảy sinh khuynh hướng mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc? Phân tích sự giống nhau và khác nhau giữa khuynh hướng bạo động và cải cách lúc bấy giờ.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Ý nghĩa lịch sử của phong trào khởi nghĩa nông dân Yên thế 1884 - 1913. Vì sao phong trào khởi nghĩa nông dân Yên thế lại tồn tại thời gian dài như vậy.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh thái độ của triều đình nhà Nguyễn và thái độ của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược theo các nội dung: chủ trương, việc chuẩn bị, biện pháp đấu tranh, kết quả.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỪA THIÊN HUẾ
TRƯỜNG THPT QUỐC HỌC HUẾ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Có đúng hay không khi cho rằng *kẻ tội phạm khi châm ngòi lửa Chiến tranh thế giới thứ hai là bọn phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản. Nhưng các nước Anh, Pháp, Mĩ cũng phải chịu một phần về sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai*? Vì sao?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh Chính sách Cộng sản thời chiến với Chính sách Kinh tế mới theo các nội dung sau: Hoàn cảnh ra đời, nội dung, tính chất, tác dụng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)* Cho sơ đồ:

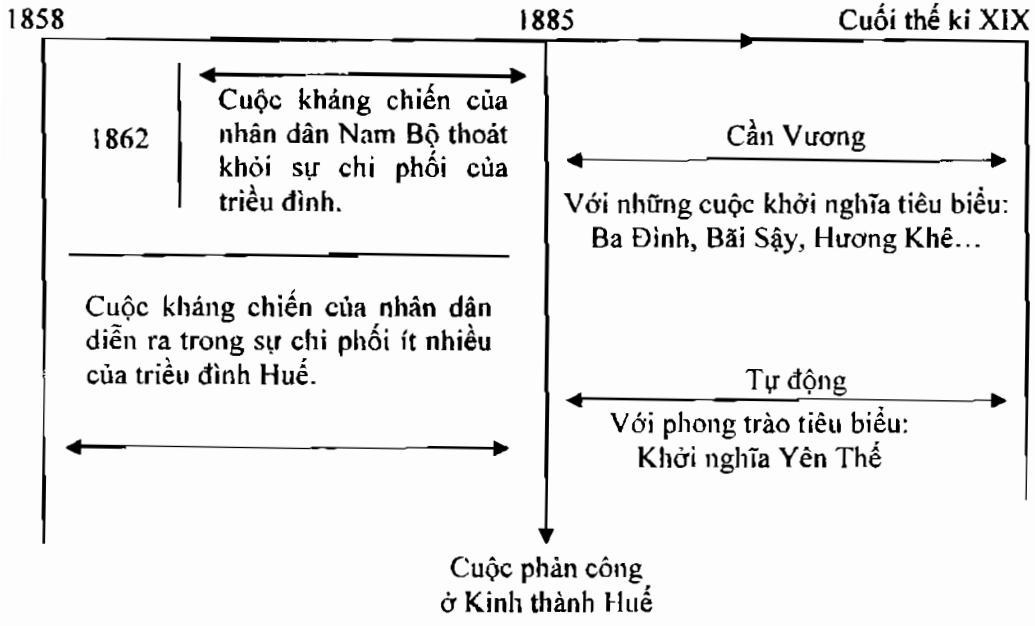
1858
1885
Cuối thế kỉ XIX
1862
Cuộc kháng chiến của nhân dân Nam Bộ thoát khỏi sự chi phối của triều đình.
Cần Vương
Với những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: Ba Đình, Bãi Sậy, Hương Khê...
Cuộc kháng chiến của nhân dân diễn ra trong sự chi phối ít nhiều của triều đình Huế.
Tự động
Với phong trào tiêu biểu: Khởi nghĩa Yên Thế
Cuộc phản công ở Kinh thành Huế

Bằng những kiến thức đã học về phong trào chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta từ 1858 đến cuối thế kỉ XIX. Em hãy giải thích sơ đồ trên.

CÂU HỎI 4 *(4,0 điểm)*

Tại sao nói phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam từ đầu thế kỉ XX, là sự kế tục phong trào Cần Vương yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX, đồng thời đánh dấu bước phát triển mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng thống kê phong trào đấu tranh vũ trang của nhân dân ta trong Chiến tranh thứ nhất (1914-1918) theo mẫu:

TT	Phong trào	Địa bàn	Hình thức đấu tranh	Thành phần chủ yếu	Kết quả

– Nêu nhận xét của em về: thành phần tham gia, thành phần lãnh đạo, tính chất chung của phong trào.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH MẪN ĐẠT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao Cách mạng tháng Mười Nga 1917 được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga và lịch sử nhân loại thế kỉ XX?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh Chính sách Cộng sản thời chiến và Chính sách Kinh tế mới với những nội dung sau: Bối cảnh lịch sử, nội dung, kết quả. Qua đó rút ra nhận xét.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày tiến trình Pháp xâm lược Việt Nam từ 1858 – 1884.

CÂU HỎI 4: (điểm)

Từ những cuộc khởi nghĩa tiêu biểu Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê, hãy rút ra nguyên nhân bùng nổ và thất bại của phong trào Cần Vương 1885 - 1896.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác với những người đi trước?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ KHIẾT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày nội dung cơ bản, kết quả và ý nghĩa của cuộc Duy tân Minh Trị năm 1868 ở Nhật Bản.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Quân Đồng minh đã đánh bại phát xít I-ta-li-a, Đức và quân phiệt Nhật như thế nào? Ý nghĩa của những thắng lợi đó đối với diễn biến của Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945)?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Triều đình nhà Nguyễn kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5-6-1862) với Pháp trong hoàn cảnh nào? Nội dung cơ bản của hiệp ước này? Vì sao triều đình chấp nhận kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất và Hiệp ước này ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta như thế nào?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Tại sao Khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh về tình hình xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp và trong Chiến tranh thế giới thứ nhất.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Cuối thế kỉ XIX ở Trung Quốc và Nhật Bản đã xuất hiện những cuộc cải cách nào? Tại sao cải cách ở Trung Quốc thất bại, ở Nhật Bản lại thành công?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Vì sao Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 được đánh giá là một sự kiện vĩ đại nhất trong lịch sử nước Nga và lịch sử nhân loại? Những ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với Việt Nam.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Qua chiến sự diễn ra ở mặt trận Đà Nẵng trong cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược (từ 9 - 1858 đến 2 - 1859), anh (chị) hãy làm rõ:

– Tại sao Pháp lại chọn Đà Nẵng làm mục tiêu mở đầu cho cuộc tấn công xâm lược Việt Nam?

– Nguyên nhân dẫn đến thất bại của Pháp tại Đà Nẵng?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Bằng những sự kiện lịch sử Việt Nam trong giai đoạn từ 1858 đến 1885, em hãy nêu trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn trong việc để nước ta rơi vào tay Pháp cuối thế kỉ XIX?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trên cơ sở kiến thức lịch sử đã học và đã đọc về phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX, anh (chị) hãy:

– Phân biệt sự khác nhau trong chủ trương và biện pháp cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh theo yêu cầu sau:

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Chủ trương cứu nước		
Mục tiêu trước mắt		
Phương pháp đấu tranh		
Phương thức hoạt động		
Những hoạt động tiêu biểu		

– Xác định điểm giống nhau trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE
TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE

CÂU HỎI 1. *(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Theo yêu cầu sau:

Thời gian	Sự kiện	Tính chất	Ý nghĩa

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Khi nói về cuộc cách mạng xã hội, Lê-nin đã nêu lên một luận điểm nổi tiếng: *"Một cuộc cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ"*. Bằng những hiểu biết của mình hãy chứng minh câu nói trên. Qua đó, nêu lên việc vận dụng bài học "biết tự bảo vệ" của Cách mạng tháng Mười đối với cách mạng nước ta.

CÂU HỎI 3. *(4,0 điểm)*

Nêu bối cảnh và nội dung các hiệp ước mà triều đình nhà Nguyễn đã kí kết với Pháp (từ 1858 đến 1884). Qua đó, hãy nêu lên nhận định của các em về các hiệp ước này.

CÂU HỎI 4. *(4,0 điểm)*

Bằng những sự kiện lịch sử Việt Nam trong giai đoạn 1858 - 1884, các em hãy nêu lên đánh giá của mình về trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn đã để nước ta rơi vào tay giặc Pháp.

CÂU HỎI 5. *(4,0 điểm)*

Trình bày những hoạt động trong buổi đầu tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1918). Từ đó, nêu ý nghĩa những hoạt động đó và nhận định nét khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với các sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÀ VINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TRÀ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Nêu hoàn cảnh, nội dung, ý nghĩa của chính sách kinh tế mới:

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX theo tiêu chí sau: Tên phong trào, lãnh đạo, hoạt động chính, ý nghĩa. Nêu nhận xét về phong trào đấu tranh trên.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Những chính sách khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp tác động như thế nào đến nền kinh tế và xã hội ở Việt Nam?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày nội dung Hiệp ước 1883 và Hiệp ước 1884. Qua đó nêu nhận xét về việc làm của triều đình và thái độ của nhân dân sau khi kí Hiệp ước.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến năm 1884.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt chuyển biến của Cách mạng tháng Mười Nga từ đấu tranh hòa bình sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền? Sau đó Cách mạng phát triển thế nào? Nguyên nhân nào làm nên thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Vì sao Đảng Bôn-sê-vích và Lê-nin quyết định chuyển từ *Chính sách Cộng sản thời chiến* sang *Chính sách Kinh tế mới*? Lập bảng so sánh *Chính sách Kinh tế mới* với *Chính sách Cộng sản thời chiến*, từ đó rút ra thực chất của *Chính sách Kinh tế mới* là gì?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày những chuyển biến về xã hội ở Việt Nam từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914)?

Vì sao ngay từ khi ra đời, công nhân Việt Nam đã đấu tranh chống lại tư bản Pháp?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng so sánh sự khác nhau trong chủ trương và biện pháp cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

– Nêu điểm giống nhau trong tư tưởng cứu nước của hai ông.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày hoàn cảnh ra đời, nội dung chính và hậu quả của Hiệp ước Nhâm Tuất (1862) và Hiệp ước Hác-măng (1883).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao nước Nga phải tiến hành hai cuộc cách mạng trong năm 1917. Trình bày diễn biến khởi nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga; phân tích vai trò của Lê-nin trong và sau cuộc cách mạng này.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Bằng kiến thức đã học về cuộc "Chiến tranh thế giới thứ II (1939-1945)":

– Hãy rút ra những nhân tố góp phần đánh bại chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

– Đánh giá vai trò của Liên Xô, Anh, Mĩ trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

– Trình bày đặc điểm phong trào chống Pháp của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX.

– Những nguyên nhân thất bại của phong trào và bài học kinh nghiệm rút ra từ sự thất bại đó.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Tại sao nói trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX ở nước ta là sự kế tục phong trào Cần Vương yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX đồng thời đã mang nhiều nét mới khác trước?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng kê các sự kiện chính của tiến trình Pháp xâm lược Việt Nam. Qua đó, bằng những kiến thức lịch sử từ 1858 - 1884, anh (chị) hãy nhận xét về thái độ của triều đình Huế và thái độ của nhân dân ta.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIỀN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TIỀN GIANG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Phân tích những nguyên nhân dẫn đến cuộc Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản năm 1868. Vì sao nói cuộc Duy tân Minh Trị có ý nghĩa như một cuộc cách mạng tư sản?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Phân tích những nét chính trong các mối quan hệ quốc tế trước Chiến tranh thế giới thứ hai. Từ đó, đánh giá trách nhiệm của Anh, Pháp đối với sự bùng nổ của cuộc chiến tranh này.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Vì sao trong năm 1917, ở Nga đã diễn ra hai cuộc cách mạng? Điền vào những chỗ trống trong bảng sau:

Các nội dung cần so sánh	Cách mạng tháng Hai năm 1917	Cách mạng tháng Mười năm 1917
Mục tiêu		
Lãnh đạo		
Lực lượng tham gia		
Hướng phát triển của cách mạng		
Tính chất của cách mạng		

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Tóm tắt các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương. Chứng minh rằng: mục tiêu giành độc lập dân tộc là mục tiêu chủ đạo của phong trào. Phong trào Cần Vương có vị trí như thế nào trong phong trào đấu tranh chống Pháp cuối XIX đầu XX?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày vị trí của phong trào cách mạng Việt Nam đầu XX. Cho biết cảm nghĩ của em về những người đã khởi xướng phong trào?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Ý nghĩa lịch sử Cách mạng tháng Mười Nga 1917.

Ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga với phong trào cách mạng giải phóng dân tộc thế giới.

CÂU HỎI 2: ***(4,0 điểm)***

Kết cục Chiến tranh thế giới thứ hai.

Vai trò Liên Xô trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

So sánh phong trào Cần Vương với phong trào yêu nước cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

So sánh sự khác nhau trong hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh về chủ trương cứu nước, mục tiêu trước mắt, phương pháp đấu tranh, phương thức hoạt động và những hoạt động tiêu biểu.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng về chuyển biến xã hội Việt Nam trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp ở Việt Nam (giai cấp tầng lớp, địa vị xã hội, xuất thân, thái độ cách mạng).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT PHAN CHÂU TRINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Cải cách Minh Trị ở Nhật được thực hiện trong bối cảnh nào? Nguyên nhân dẫn đến thành công của cuộc cải cách này. Tác động của cải cách Minh Trị.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Trình bày con đường dẫn đến sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai. Đánh giá thái độ của các nước lớn trước những hành động của phe phát xít.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

So sánh con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc với Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Từ đó rút ra điểm mới trong con đường cứu nước của Người.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Hãy kể tên một số cuộc khởi nghĩa Cần Vương tiêu biểu. Và qua đó phân tích ưu, nhược điểm của phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX có gì mới, khác với phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX? (Lập bảng so sánh: Bối cảnh lịch sử, Mục tiêu đấu tranh, Tầng lớp lãnh đạo, Lực lượng tham gia, Phong trào tiêu biểu, Kết quả, Ý nghĩa).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HOÀ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Thống kê các sự kiện quan trọng của Liên Xô từ 1917 - 1945?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

So sánh cải cách ở Nhật Bản năm 1868 với cải cách ở Trung Quốc 1898.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nêu các hiệp ước triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp từ 1858 - 1884 và nhận xét.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Các giai đoạn của phong trào Cần Vương và nhận xét.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

So sánh hoạt động của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đầu thế kỉ XX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT PLÂY-KU

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Hãy phân tích vai trò của Lê-nin đối với thắng lợi của cách mạng 1905 - 1907 và Cách mạng tháng Mười Nga 1917.

CÂU HỎI 2: *(3,0 điểm)*

Lập bảng so sánh Cách mạng Tân Hợi và Cách mạng Nga (1905 - 1907) về các mặt: Nhiệm vụ, giai cấp lãnh đạo; Động lực cách mạng; Chính quyền nhà nước; Xu thế phát triển của cách mạng; Tính chất cách mạng.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự kiện lịch sử theo bảng niên biểu thời gian từ khi Pháp xâm lược đến khi bình định xong Việt Nam:

Thời gian	Sự kiện
01/9/1858	
23/2/1861	
10/12/1861	
05/6/1862	
20/11/1873	
21/12/1873	
19/5/1883	
25/8/1883	

CÂU HỎI 2: *(5,5 điểm)*

Trong phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Việt Nam những năm cuối thế kỉ XIX, một phong trào khởi nghĩa vũ trang mới dưới danh nghĩa Cần Vương diễn ra sôi nổi, gây nhiều tổn thất cho địch. Bằng kiến thức lịch sử đã học, em hãy làm sáng tỏ:

a. Hoàn cảnh bùng nổ của phong trào Cần Vương?

b. Phân tích nội dung, tác dụng của chiếu Cần Vương?

c. Trong phong trào Cần Vương, cuộc khởi nghĩa nào là tiêu biểu nhất? Vì sao?

CÂU HỎI 3: *(3,5 điểm)*

Làm rõ nội dung cơ bản của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX theo các yêu cầu: Bối cảnh lịch sử; Mục tiêu đấu tranh; Hình thức đấu tranh; Lực lượng tham gia; Kết quả; Ý nghĩa.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUANG TRUNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

– Sơ lược tiểu sử của Tôn Trung Sơn và Học thuyết Tam dân.

– Sự thành lập, cương lĩnh, mục tiêu, tác dụng của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội. Nêu những ưu điểm và hạn chế trong cương lĩnh của tổ chức này.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Nêu nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai. Lập niên biểu về quá trình xâm chiếm châu Âu của phát xít Đức từ tháng 9/1939 đến tháng 6/1941 theo các nội dung: Thời gian, Chiến sự, Kết quả.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

So sánh thái độ chống Pháp của vua quan triều đình Nguyễn và nhân dân ta từ 1858 đến 1873.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phong trào yêu nước và cách mạng có tính chất dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX:

– Hãy cho biết vì sao phong trào có yếu tố cách mạng?

– Yếu tố cách mạng biểu hiện ở chỗ nào?

– Vì sao cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản bị thất bại?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy nêu những sự kiện tiêu biểu trong phong trào yêu nước và cách mạng ở Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến hết Chiến tranh thế giới thứ nhất. Phân tích một sự kiện (theo em) là nổi bật nhất?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Vì sao năm 1921, nước Nga Xô viết phải thực hiện Chính sách Kinh tế mới? Trình bày nội dung cơ bản của Chính sách Kinh tế mới và phân tích tác động của nó đối với nước Nga.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

– Qua các sự kiện diễn ra trong quá trình dẫn đến chiến tranh, anh (chị) hãy phân tích nguyên nhân bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai.

– Lập bảng thống kê những sự kiện chính về cuộc phản công của quân Đồng minh trên các mặt trận (từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944) theo mẫu sau:

Trận đánh	Tại chiến trường	Thời gian	Nét chính diễn biến	Ý nghĩa

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Vì sao thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta? Quá trình xâm lược của Pháp diễn ra như thế nào?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phong trào Cần Vương:

– Nguyên nhân bùng nổ và sự phát triển của phong trào.

– Anh (chị) có nhận xét gì về phong trào?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác so với những người đi trước? Ý nghĩa những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong các năm 1911 - 1918.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Em hãy nêu diễn biến, kết quả và ý nghĩa của cuộc Cách mạng Dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917. Vì sao nói cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 là cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Những sự kiện lịch sử nào chứng tỏ từ giữa thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, Trung Quốc trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Hãy nêu nội dung cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp. Phân tích sự chuyển biến và thái độ cách mạng của các tầng lớp, giai cấp trong xã hội Việt Nam do cuộc khai thác thuộc địa này tác động.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trên cơ sở phong trào dân tộc - dân chủ ở Viện Nam những năm đầu thế kỉ XX, hãy đánh giá vai trò của phong trào này đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh thái độ của triều đình nhà Nguyễn và thái độ của nhân dân trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược theo các nội dung: Chủ trương; Chuẩn bị; Biện pháp đấu tranh; Kết quả.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh: Phong trào cách mạng 1918 - 1923 và phong trào cách mạng 1929 - 1939 về các mặt: Hoàn cảnh; Nội dung; Tính chất; Kết quả.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Vì sao trong hoàn cảnh lịch sử của châu Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Nhật Bản thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa và trở thành một nước đế quốc? Hãy liên hệ với tình hình Trung Quốc và Việt Nam lúc bấy giờ?

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Ý nghĩa của Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917? Nêu ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với cách mạng Việt Nam?

CÂU HỎI 4: *(5,0 điểm)*

Bằng những sự kiện lịch sử ở thời kì thứ hai của lịch sử thế giới cận đại hãy giải thích và chứng minh "phong trào đấu tranh của giai cấp vô sản ngày càng có tính quần chúng và tự giác"?.

CÂU HỎI 5: *(3,0 điểm)*

Hãy phân tích nguồn gốc sâu sa và duyên cớ trực tiếp dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918).?

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những nét lớn về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1925 đến năm 1941.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Tình hình thế giới từ Hội nghị Muy-ních đến Chiến tranh thế giới thứ hai? Nhận xét của em về thực chất của Hội nghị Muy-ních.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Pháp đã thực hiện kế hoạch gì để xâm lược nước ta từ năm 1859 đến năm 1873? Vì sao kế hoạch của Pháp lại có sự thay đổi?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Kể các phong trào yêu nước tiêu biểu trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918). Nêu nhận xét về phong trào cách mạng Việt Nam trong thời kì này.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh giữa khởi nghĩa nông dân Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương. Theo mẫu sau:

Nội dung so sánh	Khởi nghĩa nông dân Yên Thế	Các cuộc Khởi nghĩa Cần Vương
Thành phần lãnh đạo		
Mục tiêu đấu tranh		
Thời gian tồn tại		
Tính chất		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN KON TUM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Bằng những sự kiện lịch sử có chọn lọc, em hãy đánh giá vai trò của Liên Xô và Anh - Mĩ trong Chiến tranh thế giới thứ hai 1939 – 1945.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh Chính sách Cộng sản thời chiến và Chính sách Kinh tế mới ở nước Nga Xô viết về: Hoàn cảnh; Nội dung; Tác dụng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Đặc điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp cuối thế kỉ XIX. Vì sao các phong trào này đều thất bại?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trên cơ sở phong trào dân tộc, dân chủ Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX, hãy đánh giá vai trò của phong trào này với sự phát triển của lịch sử dân tộc đầu XX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hoàn thành bảng niên biểu về các phong trào yêu nước ở Việt Nam trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất theo mẫu sau:

Nội dung	Việt Nam Quang phục hội	Khởi nghĩa binh lính Huế	Khởi nghĩa binh lính Thái Nguyên	Phong trào Hội kín Nam Kì	Khởi nghĩa đồng bào thiểu số
Thành phần chủ yếu					
Lãnh đạo					
Địa bàn					
Hình thức					

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Ở châu Á, từ những năm cuối thế kỉ XIX, khi nhiều nước nơi đây đều bị các nước tư bản phương Tây xâm lược, thì Nhật Bản lại thoát khỏi số phận đó để vươn lên thành đế quốc. Vì sao nước Nhật lại có khả năng đó?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga.

a. Diễn biến.

b. So sánh với các cuộc cách mạng tư sản (về tính chất nhiệm vụ, giai cấp, lãnh đạo, động lực cách mạng, chính quyền nhà nước, xu thế phát triển cách mạng)

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Đến nửa đầu thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Việt Nam đứng trước những khó khăn nào?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

– Những chủ trương lớn.

– Mối quan hệ về xu hướng chính trị của hai ông.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

So sánh phong trào Cần Vương với phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX với các nội dung: Hoàn cảnh ra đời; Tầng lớp lãnh đạo; Lực lượng tham gia; Phong trào tiêu biểu; Kết quả; Ý nghĩa.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẠC LIÊU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những chính sách Cải cách Minh Trị. Tại sao lại coi chính sách giáo dục là nhân tố chìa khóa cho công cuộc hiện đại hóa?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Phân tích những tiền đề dẫn tới cách mạng bùng nổ và thắng lợi ở Nga năm 1917.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Phong trào Cần Vương (1885 - 1896):

– Nguyên nhân bùng nổ.

– Quá trình phát triển.

– Ý nghĩa lịch sử.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Những điểm giống nhau và khác nhau trong đường lối cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh. Theo em, sự thất bại của hai nhà cách mạng này đặt cho cách mạng Việt Nam những yêu cầu mới nào cần giải quyết?

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Trình bày những nội dung phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX và phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX (đến năm 1914), theo bảng sau:

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử		
Mục tiêu đấu tranh		
Hình thức đấu tranh		
Lực lượng tham gia		
Kết quả		
Ý nghĩa		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

– Trình bày sự thành lập tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội và nêu những tiến bộ, hạn chế của tổ chức này.

– Vai trò của Đồng minh hội đối với cách mạng Trung Quốc?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

– Lập bảng so sánh sự khác nhau cơ bản giữa Chính sách Cộng sản thời chiến với Chính sách Kinh tế mới theo mẫu sau:

Nội dung	Chính sách cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh thực hiện		
Mục đích		
Nội dung		
Ý nghĩa		

– Sự khác nhau về vai trò của Nhà nước khi thực hiện Chính sách Cộng sản thời chiến và Chính sách Kinh tế mới.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Vì sao cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược của quân dân ta từ năm 1858 đến năm 1884 bị thất bại? Từ sự thất bại đó, em có suy nghĩ gì?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

– Trình bày những nội dung cơ bản và ý nghĩa của chiếu Cần Vương.

– Nêu nhận xét về phong trào Cần Vương qua hai giai đoạn phát triển. Qua đó chứng minh ý kiến: "*Cần Vương chỉ là danh nghĩa, tính chất yêu nước chống Pháp là chủ yếu*".

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

– Hoàn thiện sơ đồ để thể hiện bước chuyển biến về xã hội Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX.

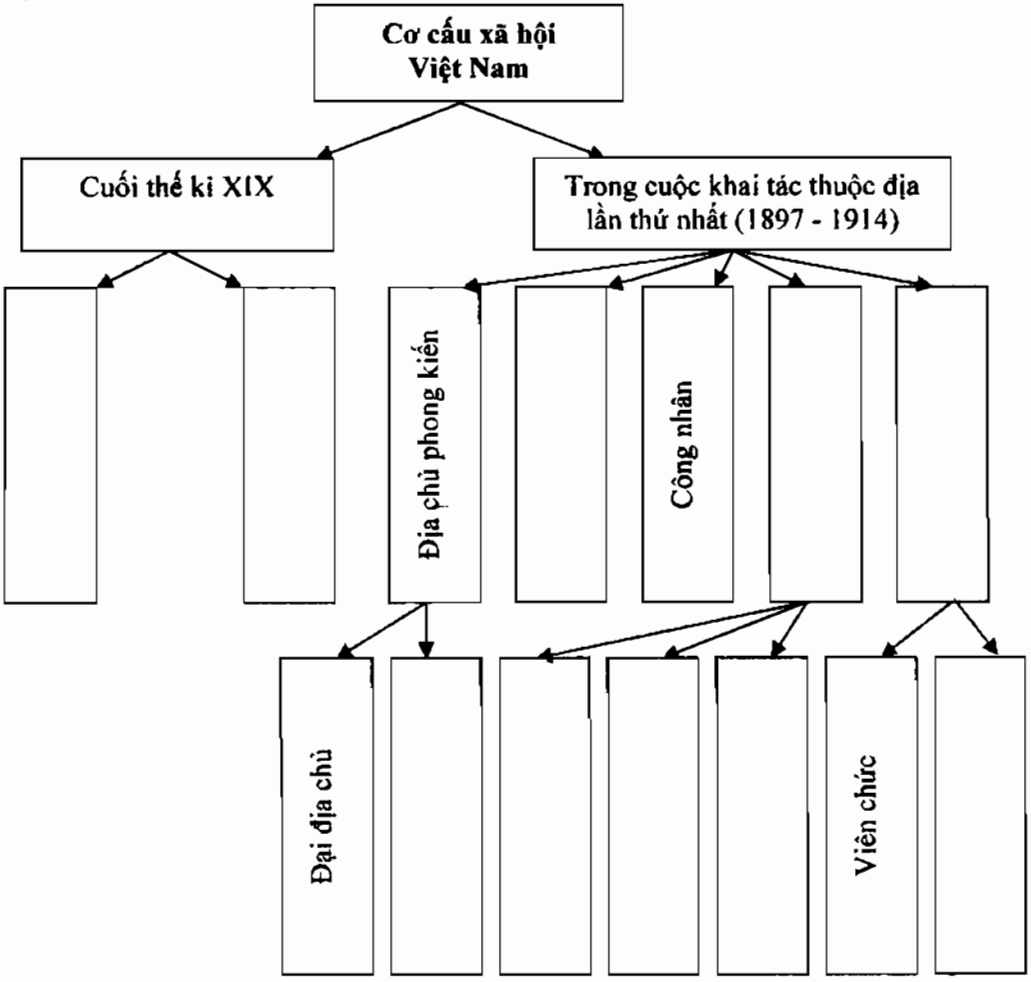
Cơ cấu xã hội Việt Nam
Cuối thế kỉ XIX
Trong cuộc khai tác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914)
Địa chủ phong kiến
Công nhân
Đại địa chủ
Viên chức

– Nêu thái độ, vị trí của từng giai cấp, tầng lớp trong xã hội Việt Nam đối với cuộc vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH LONG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN BỈNH KHIÊM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Hãy tìm những sự kiện để minh chứng, Liên Xô có vai trò trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX. Nêu nhận xét các cuộc đấu tranh của nhân dân Trung Quốc trong thời gian này.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Từ năm 1858-1884, những sự kiện nào chứng tỏ nhà Nguyễn từng bước đầu hàng thực dân Pháp?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phong trào yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX có điểm gì khác so với phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy tìm sự kiện và sắp xếp thời gian, nhân vật cho phù hợp sau:

Thời gian	Sự kiện	Nhân vật
8/1883		Gác-ni-ê
1885-1895		Nguyễn Trung Trực
1862		Phan Đình Phùng
10/12/1861		Nguyễn Thiện Thuật
21/12/1873		Trương Định
1883-1892		Hac măng

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày những nét chính về các cuộc cách mạng ở nước Nga trong năm 1917.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Hãy đánh giá chiến thắng Xtalingrát (11 - 1942 đến 2 - 1943). Căn cứ vào đâu để nói rằng từ đây Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công quân đội phe phát xít cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Qua diễn biến của các cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892), khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887), khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896), hãy trình bày những điểm nổi bật về xây dựng căn cứ, tổ chức lực lượng, và cách đánh của từng cuộc khởi nghĩa.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Trình bày về những hoạt động yêu nước theo khuynh hướng cải cách ở Việt Nam vào đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Hãy điền theo yêu cầu vào bảng sau đây:

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
Giai cấp lãnh đạo		
Lượng lượng		
Mục tiêu		
Đối tượng cách mạng		
Hình thức đấu tranh		
Kết quả		

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÀ MAU
TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN NGỌC HIỂN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Những biểu hiện nào chứng tỏ Nhật Bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa vào cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX? Vì sao chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản được gọi là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt?

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh những nội dung cơ bản giữa Chính sách Cộng sản thời chiến và Chính sách Kinh tế mới ở nước Nga Xô viết theo nội dung sau:

Nội dung	Chính sách cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh thực hiện		
Mục đích		
Nội dung		
Ý nghĩa lịch sử		

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Trình bày khái quát diễn biến cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896). Tại sao khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương?

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Tại sao nói: Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 - 1918 là cơ sở quan trọng để Người xác lập con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy với khởi nghĩa Ba Đình theo nội dung sau: Thời gian; Địa bàn hoạt động; Xây dựng căn cứ; Chiến thuật; Tổ chức; Hoạt động.

Phần II

ĐÁP ÁN ĐỀ OLYMPIC TRUYỀN THỐNG 30/4 LẦN XVI – NĂM 2010

A. LỚP 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á** (2,5 *điểm)*

– Từ thế kỉ VII đến thế kỉ X, ở khu vực Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia phong kiến dân tộc như Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ-me, các Vương quốc của người Môn và người Miến ở vùng hạ lưu sông Mê Nam, người In-đô-nê-xi-a ở đảo Xu-mat-ra và Gia-va...

– Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á:

+ In-đô-nê-xi-a thống nhất dưới Vương triều Mô-giô-pa-hit hùng mạnh trong ba thế kỉ (1213 - 1527).

+ Trên bán đảo Đông Dương, ngoài các quốc gia Đại Việt và Chăm-pa, Vương quốc Cam-pu-chia từ thế kỉ IX cũng bước vào thời kì Ăng-co huy hoàng.

+ Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi, từ giữa thế kỉ XI, quốc gia Pan-gan ở miền Trung đã mở đầu cho quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Mi-an-ma.

+ Thế kỉ XIV, thống nhất các tiểu quốc lập ra Vương quốc Thái.

+ Giữa thế kỉ XIV, Vương quốc Lan Xang được thành lập.

*** Những biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt** *(1,5 điểm)*

– Kinh tế: Có khả năng cung cấp một khối lượng lớn lúa gạo, cá, sản phẩm thủ công (vải, đồ sứ, chế phẩm kim khí...) và nhất là những sản vật thiên nhiên (các loại gỗ quý, hương liệu, ngọc trai,...). Lái buôn nhiều nước trên thế giới đến đây buôn bán.

– Chính trị: Tổ chức bộ máy nhà nước chặt chẽ, kiện toàn từ trung ương đến địa phương.

– Văn hóa: Các dân tộc ở Đông Nam Á đã xây dựng được một nền văn hóa riêng của mình và đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của loài người những giá trị tinh thần độc đáo.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Nội dung so sánh	Vương triều Hồi giáo Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Sự thành lập *(1,0 điểm)*	Người Hồi giáo gốc Trung Á tiến hành chinh chiến vào đất Ấn Độ, từng bước chinh phục các tiểu quốc Ấn, lập nên Vương quốc Hồi giáo Ấn Độ, gọi tên là Đê-li.	- 1398, vua Ti-mua Leng tự nhận là dòng dõi Mông Cổ bắt đầu tấn công Ấn Độ. - Đến thời Ba-bua đã đánh chiếm Đê-li, lập ra một vương triều mới, gọi là Vương triều Mô-gôn.
Thời gian tồn tại *(0.5 điểm)*	1206 - 1526	1526 - 1707
Chính sách cai trị *(1,5 điểm)*	- Truyền bá, áp đặt Hồi giáo. - Tự dành những ưu tiên về ruộng đất, địa vị trong bộ máy quan lại. - Phân biệt sắc tộc và tôn giáo.	Dưới thời vua A-cơ-ba đã thi hành một số chính sách tích cực: - Xây dựng một chính quyền dựa trên sự liên kết các tầng lớp quý tộc, không phân biệt nguồn gốc. - Xây dựng khối hòa hợp dân tộc... - Tiến hành đo đạc lại ruộng đất... - Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật.
Vị trí trong lịch sử *(1,0 điểm)*	- Bước đầu tạo ra sự giao lưu văn hóa Đông-Tây. - Truyền bá đạo Hồi và văn hóa Hồi giáo đến một số nước Đông Nam Á.	- Là thời kì cuối cùng của chế độ phong kiến Ấn Độ. - Chính sách của A-cơ-ba làm cho xã hội Ấn Độ ổn định, kinh tế phát triển, nhiều thành tựu văn hóa mới, đất nước thịnh vượng.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nội dung cuộc cải cách hành chính dưới thời vua Lê Thánh Tông:** *(3,0 điểm)*

– Ở Trung ương: Bãi bỏ chức Tể tướng và các chức Đại hành khiển. Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ. Các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn.

– Ở địa phương: Cả nước được chia thành 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo có 3 ti trông coi các mặt dân sự, quân sự, an ninh. Dưới đạo là phủ, huyện, châu như cũ. Xã vẫn là đơn vị hành chính cơ sở đứng đầu là Xã trưởng, do dân bầu.

– Quan lại được tuyển chọn chủ yếu qua khoa cử.

– Luật pháp: Ban hành Quốc triều hình luật (luật Hồng Đức) gồm 700 điều.

– Quân đội: Được tổ chức quy củ, tuyển chọn theo chế độ "Ngụ binh ư nông", trang bị vũ khí đầy đủ.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

– Những cải cách có tính toàn diện, sâu sắc, góp phần đưa nhà nước quân chủ đạt mức độ cao và hoàn thiện.

– Tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, tạo điều kiện ổn định chính trị và phát triển kinh tế.

CÂU HỎI 4:*(4,0 điểm)*

*** Giáo dục:***(2,0 điểm)*

• Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu. Năm 1075, mở khoa thi đầu tiên.

• Từ thế kỉ XI - XV, giáo dục Đại Việt từng bước được hoàn thiện và phát triển trở thành nguồn đào tạo quan lại và người tài cho đất nước.

• Thời Lê sơ, quy chế thi cử được ban hành rõ ràng. Thời vua Lê Thánh Tông đã tổ chức được 12 kì thi Hội.

• Năm 1484, dựng bia Tiến sĩ.

→ Đặt nền móng cho sự phát triển của nền giáo dục nước ta.

*** Văn học:** *(1,25 điểm)*

Sự phát triển của giáo dục góp phần phát triển văn học:

• Ban đầu, văn học mang nặng tư tưởng Phật giáo. Từ thời Trần, văn học dân tộc ngày càng phát triển, hàng loạt bài thơ, bài hịch, bài phú nổi tiếng ra đời: *Nam quốc sơn hà* Lý Thường Kiệt), *Hịch tướng sĩ* (Trần Hưng Đạo), *Bạch Đằng giang phú* (Trương Hán Siêu)... với nội dung ca ngợi lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

• Ở thế kỉ XV, văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển với sự xuất hiện hàng loạt các tập thơ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lý Tử Tấn.

*** Những điểm tích cực và hạn chế ...**

• Tích cực:

+ Giáo dục được quan tâm và phát triển, dân trí được nâng cao.

+ Hàng loạt trí thức tài giỏi được đào tạo, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

• Hạn chế:

Giáo dục Nho học không tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế.

CÂU HỎI 5:*(4,0 điểm)*

Lập bảng thống kê cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời Lý - Trần

Nội dung	Thời Lý	Thời Trần
Thời gian *(0,5 điểm)*	1075 - 1077	1258, 1285, 1287 - 1288
Người chỉ huy *(0,5 điểm)*	Lý Thường Kiệt	Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Trần Thủ Độ, Trần Hưng Đạo.

Nội dung	Thời Lý	Thời Trần
Những danh tướng tiêu biểu *(0,5 điểm)*	Thân Cảnh Phúc, Lý Kế Nguyên ...	Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão,...
Chủ trương đánh giặc *(1,0 điểm)*	"Tiên phát chế nhân"	"Vườn không nhà trống"
Trận quyết chiến chiến lược (*1,0 điểm)*	Trên bờ sông Như Nguyệt (Bắc Ninh)	Trận đánh trên sông Bạch Đằng (1288).
Kết quả (*0,5 điểm)*	Đánh tan 30 vạn quân xâm lược Tống, buộc nhà Tống phải từ bỏ ý đồ xâm lược nước ta.	Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên của dân tộc ta.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình hình thành và vai trò về mặt chính trị của vương triều Gúp-ta:**

Đầu Công nguyên, miền Bắc Ấn Độ được thống nhất - nổi bật Vương triều Gúp-ta (319 - 467), vương triều này đã tổ chức kháng cự không cho các tộc ở Trung Á xâm lấn từ phía Tây Bắc, thống nhất miền Bắc Ấn Độ, tấn công chiếm cao nguyên Đê-can làm chủ gần như toàn bộ miền Trung Ấn Độ. Sự phát triển và nét đặc sắc của Vương triều Gúp-ta còn giữ được ở thời hậu Gúp-ta (467 - 606) và cả Hác-sa (606 - 647).

*** Thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ vì:**

- *Tôn giáo:*

+ *Đạo Phật* tiếp tục phát triển và được truyền bá khắp Bắc Ấn và nhiều nơi.

+ *Đạo Ấn hay đạo Hin-đu* ra đời và phát triển. Cùng với đạo Hin-đu các công trình kiến trúc thờ thần cũng được xây dựng.

+ *Các tập tục, lễ nghi tôn giáo*

- *Kiến trúc:* hình thành các kiểu kiến trúc đặc trưng riêng: lăng mộ kiểu đền tháp, hình núi, lăng mộ hình bát úp, bán cầu... kiến trúc chịu sự ảnh hưởng của đạo Phật như: chùa Hang mọc ở nhiều nơi (chùa hang A-gian-ta), tượng phật điêu khắc bằng đá, trên đá...

- *Nghệ thuật tạc tượng* phật giáo, Hin-đu giáo các thời kì, các phong cách, kiểu dáng hình thành những quy tắc, nghệ thuật tượng thờ của mỗi tôn giáo.

- *Chữ viết:* Từ chữ viết cổ Bra-hmi đã nâng lên, sáng tạo và hoàn chỉnh hệ chữ San-skrit (chữ Phạn) dùng để viết văn, ghi tài liệu, khắc bia và là cơ sở hình thành chữ viết Ấn Độ ngày nay, chữ Pali dùng để viết kinh Phật → Chữ viết phát triển đã tạo điều kiện cho nền văn học viết của Ấn Độ phát triển rực rỡ.

- *Văn học:* Từ chữ viết và tinh thần Hin-đu đã có nhiều tác phẩm văn học mang đậm tinh thần và tính chất Ấn Độ. Văn học truyền thống được ghi lại, được sáng tạo: hai bộ sử thi *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-ya-na, Sơ-kun-tơ-la* của Ka-li-đa-sa …

⇒ Văn hóa thời Gúp-ta đã phát triển khắp Ấn Độ, nó còn rực rỡ sang cả thời Hác-sa. Ngày nay dân số Ấn Độ đa số theo đạo Ấn, chữ viết ngày nay của Ấn Độ dựa trên chữ San-skrit. Trong quá trình buôn bán với các quốc gia Đông Nam Á, văn hóa Ấn Độ đã ảnh hưởng sang các nước này chủ yếu là tôn giáo: đạo Phật, đạo Hin-đu và chữ San-skrít….

*** Bản thân những tôn giáo hình thành ở Ấn Độ không phải là văn hóa vì:** *(2 điểm)*

– Thời Gúp-ta đã định hình văn hóa truyền thống Ấn Độ, một đất nước, một thời lại sản sinh ra 2 tôn giáo lớn của thế giới. Bản thân của tôn giáo không phải là văn hoá truyền thống, mà cách thể hiện của tôn giáo, tính chất văn hoá của tôn giáo(triết lí, quan niệm) mới trở thành văn hoá truyền thống. Với những tôn giáo lớn và những công trình kiến trúc, tượng, những tác phẩm văn học tuyệt vời, làm nền cho văn hóa truyền thống Ấn Độ có giá trị văn hóa vĩnh cửu.

– Triết lí, lễ nghi trở thành quan niệm, tập tục của xã hội. Giới hạn chủ yếu là Hin-đu giáo mang đậm sắc thái của người Ấn Độ và nhiều mặt cũng là của loài người, ở Ấn Độ Hin-đu giáo tồn tại như một phần đời sống tâm linh, một phần văn hoá và đời sống xã hội.

– Cùng với tôn giáo là kiến trúc, điêu khắc, tạc tượng, chữ viết, văn học. Từ những thành tố này người Ấn Độ đã mang văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống truyền bá ra bên ngoài mà Đông Nam Á là ảnh hưởng rõ nét nhất. Việt Nam cũng ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ (tháp Chăm, đạo Phật, đạo Hin-đu).

CÂU HỎI 2: ***(4,0 điểm)***

***** Quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á

Giai đoạn	Quá trình hình thành các nước Đông Nam Á
Khoảng từ thế kỉ I – VI Quốc gia còn nhỏ, phân tán	- Chăm-pa (Trung Bộ Việt Nam), Phù Nam (hạ lưu sông Mê Công)
Khoảng từ thế kỉ VII-nửa đầu thế kỉ X Thời kì "Các quốc gia phong kiến dân tộc"	- Vương quốc Ăng-co (người Khơ-me), các Vương quốc của người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam, người In-đô-nê-xi-a ở đảo Xu-ma-tơ-ra và Gia-va. → làm đà cho sự phát triển vào giai đoạn sau.
Khoảng từ nửa sau thế kỉ X – nửa đầu thế kỉ XVIII: Là thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.	+ In-đô-nê-xi-a: Từ thế kỉ VII – XIII diễn ra sự thống nhất các nước nhỏ trên từng đảo Java và Xu-ma-tơ-ra. Cuối thế kỉ XIII thống nhất dưới Vương triều Mô-giô-pa-hít (1213 – 1527). + Vương quốc Cam-pu-chia: hình thành Thế kỉ VI, thời kì phát triển kéo dài từ năm 802 đến 1432 còn gọi là thời kì Ăng-co + Vương quốc Pan-gan: giữa thế kỉ XI quốc gia Pa-gan chinh phục các tiểu quốc khác, hình thành và phát triển của Vương quốc Mi-an-ma

	+ Vương quốc Ma-lac-ca: Giữa Thế kỉ XV 6 tiểu quốc Ma-lai-xi-a hợp thành Vương quốc Ma-lac-ca - Những biến động ở Đông Nam Á do sự tấn công của người Mông Cổ: Làn sóng xâm lăng của quân Nguyên xuống Đông Nam Á đã tạo nên những "xáo trộn" nhất định trong khu vực: + Vương quốc Thái: Thế kỉ XIII một bộ phận người Thái đến định cư ở lưu vực sông Mê Nam. 1349 A-út-thay-a chinh phục Sô-khô-thay. Đến 1767 đổi thành nhà nước Xiêm. + Vương quốc Lào: sự kết hợp giữa người Lào Thơng(cư dân bản địa) và người Lào Lùm(người Thái di cư) Năm 1353 Pha Ngừm đã thống nhất các bộ lạc Lào lập nên Vương quốc Lang - Xang (Triệu Voi)
Nửa sau Thế kỉ XVIII - giữa Thế kỉ XIX	Bước vào thời kì suy thoái và lần lượt bị thực dân phương Tây đô hộ.

*** Đặc điểm chung của quá trình hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thời kì này là** thống nhất các nước nhỏ thành nước lớn

- Hiện nay ở Đông Nam Á có 11 quốc gia
- Tên thủ đô của những quốc gia đó là:

Tên nước	Thủ đô
1. Việt nam	Hà Nội
2. Lào	Viêng Chăn
3. Cam-pu-chia	Phnôm Pênh
4. Thái Lan	Băng Cốc
5. Mi-an-ma	Răng-gun
6. Phi-lip-pin	Ma-ni-la
7. Ma-lai-xi-a	Kua-la Lăm-pơ
8. Xin-ga-po	Xin-ga-po
9. Bru-nây	Ban-đa Xê-ri Bê-ga-oan
10. In-đô-nê-xi-a	Gia-các-ta
11. Đông Ti-mo	Đi-li

- Tổ chức liên minh chính trị lớn nhất Đông Nam Á hiện nay là:

+ Hiệp hội các nước Đông Nam Á (ASEAN).

+ Ra đời 8/1967 tại Băng Cốc.

+ Lúc đầu gồm: In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Xin-ga-po, Thái Lan và Phi-lip-pin.

+ Trụ sở đặt tại Gia-các-ta

+ Mục tiêu: Xây dựng mối quan hệ hòa bình, hữu nghị và hợp tác giữa các nước trong khu vực. Tạo nên một cộng đồng Đông Nam Á hùng mạnh, trên cơ sở tự cường khu vực.

+ Về sau thêm các thành viên khác gia nhập: Bru-nây (1984), Việt Nam (1995), Lào, Mi-an-ma (1997), Cam-pu-chia (1999)

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng** *(1,0 điểm)*

- *Nho giáo:* dần trở thành hệ tư tưởng của giai cấp phong kiến. Đặt thành những nguyên tắc cơ bản trong quan hệ vua - tôi, cha - con, chồng - vợ, và là tư tưởng chi phối nội dung giáo dục, thi cử. Ở các thế kỉ X - XIV ảnh hưởng của Nho giáo trong nhân dân còn ít.

- *Phật giáo:* Dưới thời Lý - Trần Phật giáo được phổ biến rộng rãi và giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Các nhà sư được triều đình tôn trọng, có lúc đã tham gia bàn việc nước. Vua, quan nhiều người theo đạo Phật, góp tiền xây dựng chùa, đúc chuông, tô tượng. Chùa mọc khắp nơi, sư sãi đông.

- *Đạo giáo* truyền bá trong nhân dân hoà nhập với một số tín ngưỡng dân gian. Nhiều đạo quán được xây dựng

- *Các tín ngưỡng* thờ tổ tiên, thờ những người có công với nước, với dân, thần núi, thần sông, các hiện vật tiêu biểu cho nguồn gốc dân tộc(trống đồng cũng ngày càng phổ biến).

- *Đặc điểm:* Nhà nước thời Lý - Trần thực hiện chính sách "Tam giáo đồng nguyên".

*** Giáo dục, văn học, nghệ thuật** *(1,5 điểm)*

- *Giáo dục:*

+ Năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu. Năm 1075, khoa thi quốc gia đầu tiên được tổ chức ở kinh thành. Nhà nước quan tâm đến giáo dục, chữ Hán trở thành chữ chính thức.

+ Thời Trần, các khoa thi tổ chức đều đặn hơn. Năm 1247 nhà Trần đặt lệ lấy "tam khôi", quy định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc Tử giám cho con em quý tộc và quan chức tới học. Tuy nhiên giáo dục không tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế vì nội dung học chủ yếu là sách kinh điển Nho giáo.

- *Văn học:*

+ Phát triển mạnh từ thời nhà Trần, nhất là văn học chữ Hán. Tác phẩm tiêu biểu: *Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú*...

+ Thế kỉ XI - XII chữ Nôm ra đời trên cơ sở chữ Hán. Văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển với sự xuất hiện hàng loạt tập thơ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông...

+ Từ thế kỉ XV, văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển.

- *Đặc điểm:*

+ Thể hiện tinh thần dân tộc, lòng yêu nước tự hào dân tộc.

+ Ca ngợi những chiến công oai hùng, cảnh đẹp của quê hương đất nước.

- *Nghệ thuật:*

+ Kiến trúc phát triển chủ yếu ở giai đoạn Lý - Trần - Hồ thế kỉ X - XV theo hướng Phật giáo gồm chùa, tháp, đền. Bên cạnh đó có những công trình kiến trúc ảnh hưởng của Nho giáo: Cung điện, thành quách, thành Thăng Long.

+ Điêu khắc: Gồm những công trình trạm khắc, trang trí ảnh hưởng của Phật giáo và Nho giáo song vẫn mang những nét độc đáo riêng: rồng mình trơn cuộn trong lá đề, bệ chân cột, phù điêu...

+ Nghệ thuật sân khấu: chèo, tuồng ra đời sớm và ngày càng phát triển mang đậm tính dân gian truyền thống. Múa rối nước là một nghệ thuật đặc sắc phát triển từ thời Lý.

+ Âm nhạc phát triển với nhiều nhạc cụ trống cơm, sáo, đàn tranh, cồng chiêng... các nghệ nhân sáng tác nhiều bản nhạc để tấu hát trong các buổi lễ hội.

+ Ca múa: tổ chức trong các lễ hội, ngày mùa. Ngoài ra còn có những cuộc đua tài: đấu vật, đua thuyền, đá cầu...

- *Đặc điểm:*

+ Thể hiện tài năng sáng tạo của người thợ thủ công trong quá trình lao động.

+ Lưu giữ, phát triển và sáng tạo các hình thức nghệ thuật cổ truyền của dân tộc.

→ Tóm lại:

+ Văn hóa Đại Việt thế kỉ X - XV phát triển phong phú đa dạng.

+ Chịu ảnh hưởng của yếu tố bên ngoài song vẫn mang đậm tính dân tộc và dân gian.

*** Khoa học kĩ thuật** *(1,0 điểm)*

Cùng với sự phát triển của giáo dục và ý thức dân tộc, nhiều ngành khoa học kĩ thuật cũng đạt được những thành tựu có giá trị.

- Lịch sử: Nhiều tác phẩm sử học được biên soạn: *Đại Việt sử kí* (Lê Văn Hưu), *Đại Việt sử lược, Đại Việt sử kí toàn thư*...

- Địa lí: *Dư địa chí, Hồng Đức bản đồ.*

- Quân sự: *Binh thư yếu lược, Vạn kiếp tông bí truyền thư.*

- Các thiết chế chính trị: *Thiên Nam dư hạ.*

- Toán học: *Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh), *Lập thành toán pháp* (Vũ Hữu)

- Cuối thế kỉ XIV, Hồ Nguyên Trừng đã sáng chế được súng thần cơ và đóng loại thuyền chiến có lầu; xây dựng thành nhà Hồ (Thanh Hóa).

→ Nhìn chung văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần - Hồ phát triển cao, toàn diện (văn hóa Thăng Long)

*** "An Nam tứ đại khí"**

Gồm những công trình: Tháp báo thiên, Chuông quy điền, Vạc Phổ Minh, Tượng phật chùa Quỳnh Lâm.

Các công trình này hiện nay không còn vì năm 1407 quân Minh tiến quân sang xâm lược nước ta, đã tàn phá các công trình kể trên.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước của chính quyền Đàng Ngoài: *(1,5 điểm)*

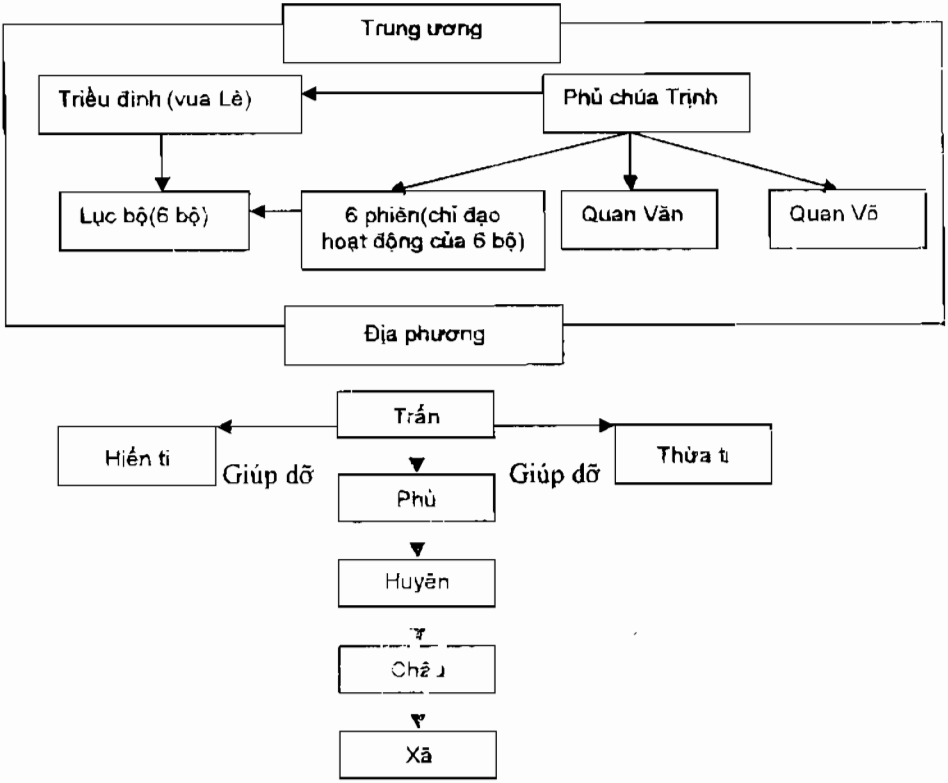

Xây dựng hoàn chỉnh, chặt chẽ từ Trung ương xuống địa phương.

Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước của chính quyền Đàng Trong: *(1,5 điểm)*

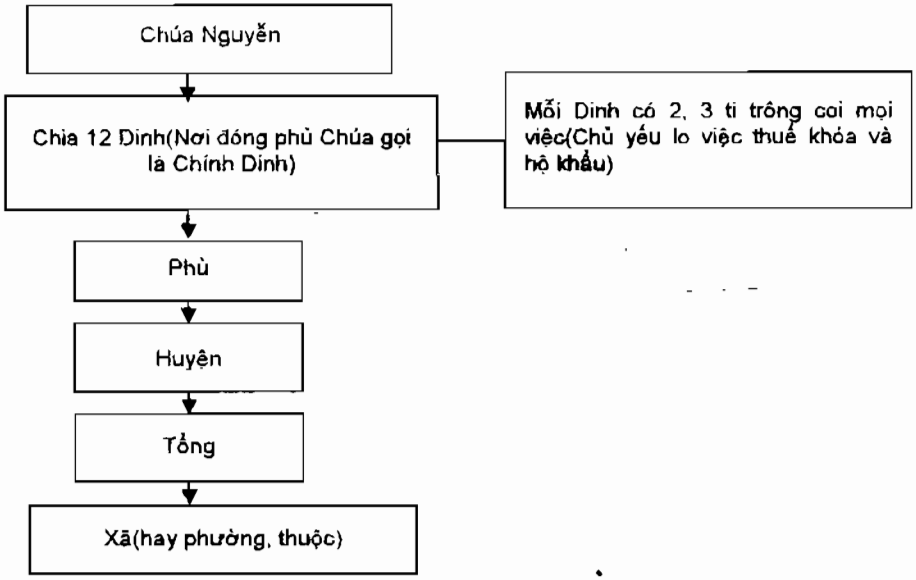
Chúa Nguyễn
Chia 12 Dinh(Nơi đóng phủ Chúa gọi là Chính Dinh)
Mỗi Dinh có 2, 3 ti trông coi mọi việc(Chủ yếu lo việc thuế khóa và hộ khẩu)
Phủ
Huyện
Tổng
Xã(hay phường, thuộc)

Tính thống nhất chưa cao, chưa hoàn chỉnh

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lời hiểu dụ của vua Quang Trung:** *(1,5 điểm)*

"Đánh cho để tóc dài
Đánh cho để đen răng
Đánh cho nó chích luân bất phản
Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn
Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ"

Có ý nghĩa như sau:

– Hai câu đầu nói lên quyết tâm đánh giặc, bảo vệ độc lập dân tộc, giữ gìn nền văn hóa và những phong tục tập quán lâu đời của nhân dân ta.*(0.5 điểm)*

– CÂU HỎI 3, 4 nói lên quyết tâm đánh tiêu diệt, khiến cho quân giặc không còn mảnh giáp nào, không còn chiếc xe nào để trở về.*(0.5 điểm)*

– Câu cuối nghĩa là đánh cho chúng biết nước Nam anh hùng là có chủ.

*** Những điểm nổi bật trong nghệ thuật chỉ đạo quân sự của Quang Trung - Nguyễn Huệ là:** *(2,5 điểm)*

– Chủ động tấn công liên tục, đánh bất ngờ, áp đảo, tiêu diệt kẻ thù.

– Biết cơ động lực lượng(hành quân) thần tốc và linh hoạt.

– Sử dụng nhiều binh chủng và tổ chức hợp đồng binh chủng trong tác chiến rất tài tình.

– Sử dụng nhiều loại vũ khí độc đáo, tạo nên xung lực, hỏa lực mạnh, đột phá mạnh, cơ động nhanh.

– Cách đánh sáng tạo, thích hợp cho từng trận hoặc cả chiến dịch.

– Gạn lọc từng tình huống và giải quyết lần lượt. Lựa chọn đối đầu với kẻ địch chủ yếu nhất.

– Các cuộc chiến do Quang Trung lãnh đạo là chiến tranh chính quy, đánh tập trung cao, chủ yếu là công thành.

– Tạo được sự đoàn kết quân dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vì:** *(1,5 điểm)*

- Ở Ấn Độ, những quốc gia cổ đại đầu tiên đã được hình thành trên lưu vực sông Ấn từ rất sớm(khoảng thiên niên kỉ III TCN)

- Nền văn hoá Ấn Độ được hình thành từ rất sớm, phát triển cao, phong phú và toàn diện (Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo lớn: Phật giáo, Hin-đu giáo... nghệ thuật kiến trúc đền chùa, lăng mộ; nghệ thuật tạc tượng; người Ấn Độ sớm có chữ viết riêng, từ chữ viết mà văn học cũng ra đời, phát triển và có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống xã hội)

- Một số thành tựu được lưu giữ đến ngày nay.

- Văn hoá Ấn Độ có ảnh hưởng đến quá trình phát triển của lịch sử văn hoá của các dân tộc Đông Nam Á.

→ Tóm lại, Ấn Độ là nước có nền văn hoá phát triển lâu đời, phong phú, đa dạng, mang đậm bản sắc truyền thống Ấn Độ. Những thành tựu văn hoá đã ảnh hưởng đến sự phát triển lịch sử văn hoá của các dân tộc Đông Nam Á và một số thành tựu vẫn được lưu giữ đến ngày nay – chứng tỏ Ấn Độ là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại...

*** Ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á:** *(2,0 điểm)*

- Văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng đến các nước Đông Nam Á, bắt đầu từ đầu công nguyên, thông qua việc giao lưu, buôn bán.

+ Về chữ viết: Chữ Phạn của Ấn Độ đã được truyền bá sang Đông Nam Á từ những thế kỉ đầu Công nguyên. Ban đầu nhiều dân tộc Đông Nam Á sử dụng chữ Phạn làm chữ viết của mình, về sau nhiều nước sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn: Chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me, chữ Mi-an-ma, chữ Lào...

+ Dòng văn học Hin-đu của Ấn Độ cũng được truyền sang Đông Nam Á với nhiều đề tài văn học viết và văn học truyền miệng

+ Về tôn giáo: Nhiều nước Đông Nam Á theo đạo Phật, đạo Hin-đu của Ấn Độ, một số nước từng thời Phật giáo và Hin-đu giáo đã trở thành quốc giáo...

+ Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc: Đông Nam Á chịu ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu và kiến trúc Phật giáo của Ấn Độ: Tháp Chàm ở Việt Nam, Ăng-co vát, Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luổng ở Lào...

. Văn hoá Ấn Độ ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc đến các nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, mỗi dân tộc Đông Nam Á vẫn xây dựng cho mình một nền văn hoá mang đậm bản sắc riêng.

*** Vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội ở Đông Nam Á:** *(0,5 điểm)*

- Giữ vai trò quan trọng trong đời sống và văn hoá của cư dân Đông Nam Á Phật giáo được truyền bá sâu rộng, ngày càng thấm sâu vào cuộc sống tinh thần của nhân dân.

- Chùa không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là trung tâm văn hoá, là hình tượng về chân - thiện - mĩ đối vời người dân, trở thành nơi lưu giữ và phổ biến văn hoá và tri thức cho dân chúng...

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Nét chung:** *(2,0 điểm)*

- *Điều kiện tự nhiên*:

+ Hầu hết là các quốc gia ven biển, bán đảo và hải đảo.

+ Đất đai ít màu mỡ, phân tán.

+ Nằm trong khu vực nhiệt đới gió mùa(hai mùa mưa và khô rõ rệt).

- *Kinh tế:(0,5đ)*

+ Từ đầu Công nguyên - đồ sắt xuất hiện.

+ Sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Bên cạnh đó, mỗi quốc gia lại có những nghề thủ công truyền thống riêng biệt... giao lưu buôn bán giữa các nước với nhau và các nước lớn trong khu vực.

- *Chính trị:*

+ Thế kỉ I - VII: Thời kì hình thành, phát triển của các quốc gia cổ, bị chia cắt thành nhiều nước nhỏ và nằm rải rác nhiều nơi.

+ Thế kỉ VII - X: Thời kì hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc. Các Vương quốc phát triển và thống nhất thành các Vương quốc lớn.

+ Thế kỉ X - XVIII: Thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

+ Từ cuối thế kỉ XVIII, các quốc gia phong kiến suy yếu và bị một số nước phương Tây nhòm ngó, xâm lược.

– *Tư tưởng - văn hoá:*

Chịu ảnh hưởng lớn của nền văn hoá Ấn Độ (Trừ Bắc Việt Nam chịu ảnh hưởng nhiều của nền văn hoá Trung Hoa). Mỗi dân tộc sáng tạo riêng cho mình nét độc đáo trong việc sử dụng văn hoá Ấn Độ, phù hợp với yêu cầu, đặc điểm của từng dân tộc.

*** Các nước Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ:** *(2,0 điểm)*

– Văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng đến các nước Đông Nam Á, bắt đầu từ đầu Công nguyên, thông qua việc giao lưu, buôn bán.

+ Về chữ viết: Chữ Phạn của Ấn Độ đã được truyền bá sang Đông Nam Á từ những thế kỉ đầu Công nguyên. Ban đầu nhiều dân tộc Đông Nam Á sử dụng chữ Phạn làm chữ viết của mình, về sau nhiều nước sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn: Chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me, chữ Mi-an-ma, chữ Lào....

+ Dòng văn học Hin-đu của Ấn Độ cũng được truyền sang Đông Nam Á với nhiều đề tài văn học viết và văn học truyền miệng.

+ Về tôn giáo: Nhiều nước Đông Nam Á theo đạo Phật, đạo Hin-đu của Ấn Độ, một số nước từng thời Phật giáo và Hin-đu giáo đã trở thành quốc giáo...

+ Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc: Đông Nam Á chịu ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu và kiến trúc Phật giáo của Ấn Độ: Tháp Chàm ở Việt Nam, Ăng-co Vát, Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luổng ở Lào...

– Văn hoá Ấn Độ ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc đến các nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, mỗi dân tộc Đông Nam Á vẫn xây dựng cho mình một nền văn hoá mang đậm bản sắc riêng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống xâm lược thế kỉ X – XVIII:** *(1,5 điểm)*

Tên cuộc kháng chiến, khởi nghĩa	Thời gian	Lãnh đạo	Thắng lợi tiêu biểu
Kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê	981	Lê Hoàn	Bạch Đằng
Kháng chiến chống Tống thời Lý	1075 – 1077	Lý Thường Kiệt	Sông Như Nguyệt

Tên cuộc kháng chiến, khởi nghĩa	Thời gian	Lãnh đạo	Thắng lợi tiêu biểu
Ba lần kháng chiến chống Mông – Nguyên thời Trần	1258; 1285; 1288	Vua quan nhà Trần, đặc biệt: Trần Hưng Đạo.	Đông Bộ Đầu; Chương Dương, Hàm Tử, Vạn Kiếp; Bạch Đằng
Khởi nghĩa Lam Sơn	1418 – 1427	Lê Lợi, Nguyễn Trãi	Tốt Động, Chúc Động; Chi Lăng, Xương Giang
Kháng chiến chống Xiêm	1784 -1785	Nguyễn Huệ	Rạch Gầm - Xoài Mút
Kháng chiến chống Thanh	1788 – 1789	Nguyễn Huệ	Ngọc Hồi - Đống Đa

***Ý nghĩa lịch sử:** *(1,25điểm)*

- Ghi nhiều chiến công chói lọi và lịch sử chống ngoại xâm bảo vệ Tổ quốc của dân tộc ta.

- Giáng đòn mạnh mẽ vào bọn phong kiến xâm lược phương Bắc và phong kiến Xiêm. Đập tan tham vọng bành trướng xâm lược của chúng, buộc chúng phải công nhận độc lập chủ quyền của dân tộc ta.

- Bảo vệ thành quả xây dựng đất nước của tổ tiên, giữ vững nền độc lập và văn hoá của dân tộc, khẳng định quyền tự chủ của nhân dân ta. Mang lại cho nhân dân niềm tự hào sâu sắc, lòng tin vững chắc vào sức mạnh dân tộc.

- Thể hiện tài năng của những nhà lãnh đạo, thể hiện tinh thần yêu nước, đoàn kết, ý chí quyết chiến, quyết thắng, tinh thần anh dũng của quân và dân ta.

- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các cuộc đấu tranh ở các giai đoạn sau

*** Bài học kinh nghiệm:** *(1,25điểm)*

– Bài học về đường lối, phương pháp đấu tranh: Toàn dân, toàn diện, trường kì.

Ví dụ: Toàn dân: Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên.

Toàn diện: Trong kháng chiến chống Tống thời Lý: chính trị kết hợp quân sự, ngoại giao, thơ văn...

Trường kì: Thể hiện trong cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

– Bài học về nghệ thuật quân sự: (Chiến lược, chiến thuật)

+ Bài học về chớp thời cơ ở hầu hết các cuộc đấu tranh.

+ Chủ động tấn công giặc: kế sách "Tiên phát chế nhân" trong kháng chiến chống Tống thời Lý...

+ Lấy chỗ mạnh đánh vào chỗ yếu, lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều (linh hoạt).

+ Thực hiện chiến tranh du kích. Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên; khởi nghĩa Lam Sơn...).

+ Thực hiện "vườn không nhà trống"(Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên, kháng chiến chống Thanh).

+ Thần tốc, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng (Kháng chiến chống Thanh).

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Phân tích....**

- Năm 1771 phong trào nông dân Tây Sơn bùng nổ do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

- Phong trào Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Nguyễn và đánh tan quân xâm lược Xiêm:

+ Từ 1773 - 1783 quân Tây Sơn đánh chiếm phủ Quy Nhơn, đánh chiếm Phú Xuân (Huế) và đánh Gia Định. Chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong bị lật đổ.

+ Từ 1784 - 1785, Nguyễn Ánh cầu viện quân Xiêm → 5 vạn quân Xiêm sang xâm lược nước ta. Quân Tây Sơn đánh bại quân xâm lược Xiêm với chiến thắng tiêu biểu ở Rạch Gầm - Xoài Mút năm (1785).

- Phong trào Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh:

+ Từ năm 1786 đến 1788, Nguyễn Huệ cho xuất quân ra Bắc, đánh vào Thăng Long, chúa Trịnh bị dân bắt nộp cho quân Tây Sơn. Chính quyền chúa Trịnh bị sụp đổ.

+ Cùng với việc tiêu diệt chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, việc quân Tây Sơn lật đổ chính quyền họ Trịnh ở Đàng Ngoài đã tạo ra những điều kiện cơ bản cho sự thống nhất đất nước.

- Phong trào Tây Sơn đánh tan quân xâm lược Thanh:

+ Năm 1788, Lê Chiêu Thống cầu cứu quân Thanh → 29 vạn quân Thanh kéo vào Thăng Long, xâm lược nước ta. Nguyễn Huệ - Quang Trung đã lãnh đạo quân dân ta đánh bại cuộc xâm lược của quân Thanh, với chiến thắng vang dội: Ngọc Hồi - Đống Đa, giải phóng hoàn toàn đất nước.

Như vậy, phong trào Tây Sơn không chỉ tiêu diệt họ Nguyễn ở Đàng Trong và họ Trịnh ở Đàng Ngoài mà còn đánh tan quân xâm lược Xiêm ở mạn Nam và quân xâm lược Thanh ở mạn Bắc. Công lao to lớn của phong trào Tây Sơn là vừa thống nhất đất nước, vừa bảo vệ trọn ven nền độc lập của dân tộc.

*** Những việc làm của Vương triều Tây Sơn:**

- Ban chiếu kêu gọi nhân dân khôi phục sản xuất, lập lại sổ hộ, tổ chức lại giáo dục thi cử.

- Quân đội được tổ chức quy củ và trang bị vũ khí đầy đủ.

- Đặt quan hệ hoà hảo với nhà Thanh và được nhà Thanh rất tôn trọng.

- Quan hệ với Lào và Chân Lạp diễn ra rất tốt đẹp.

*** Ý nghĩa:**

- Những việc làm đó có tác dụng ổn định lại đất nước. Tuy nhiên phạm vi ảnh hưởng của nó chưa lan rộng ra cả nước.

- Vua Quang Trung mất đột ngột đã không cho phép hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.

* Từ đó ta thấy, Nguyễn Huệ - Quang Trung là trụ cột của phong trào Tây Sơn, đã đóng góp công lao to lớn trong sự nghiệp thống nhất đất nước, bảo vệ và giải phóng dân tộc, xây dựng đất nước. Từ một thủ lĩnh nông dân kiệt xuất, Quang Trung trở thành vị anh hùng dân tộc vĩ đại.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Tình hình nông nghiệp thế kỉ X - XV**

Kinh tế nông nghiệp được mở rộng và phát triển, có nhiều chính sách tiến bộ để phát triển kinh tế nông nghiệp.

– Biểu hiện:

Diện tích đất trồng trọt tăng, vùng châu thổ các sông lớn và các vùng ven biển được khai phá. Cây trồng phong phú, đa dạng: ngoài trồng lúa ngô còn co các loại khoai, sắn, đậu và các loại cây ăn quả...

Đê điều, thuỷ lợi được nhà nước quan tâm, cho đắp các hệ thống đê từ đầu nguồn đến ven biển... Làng xóm được bảo vệ, mùa màng ổn định. Thời nhà Lê còn đặt phép quân điền phân chia ruộng đất công ở các làng xã, sức kéo trong nông nghiệp được bảo vệ.

- Nguyên nhân của tình hình trên:

Đây là những thế kỉ đầu độc lập vì vậy nhân dân rất hăng hái, tích cực khai hoang, đẩy mạnh sản xuất. Các triều đại Đinh - Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ luôn có những chính sách tiến bộ khuyến khích nhân dân sản xuất.

*** Tình hình nông nghiệp thế kỉ XVI - XVIII**

– Tình hình:

+ Đàng Ngoài: Kinh tế nông nghiệp bị phá hoại nghiêm trọng, nông dân phải rời bỏ ruộng đồng đi lang thang kiếm sống. Ruộng đất bị bỏ hoang, mất mùa đói kém thường xuyên. Ruộng đất tư hữu phát triển một cách nhanh chóng.

+ Đàng Trong: Chính quyền Đàng Trong tổ chức di dân khai hoang, lập ấp, lãnh thổ ngày càng được mở rộng, vùng Nam Bộ có nhiều điều kiện thuận lợi nên nông nghiệp phát triển dễ dàng

Cả hai Đàng ruộng đất ngày càng tập trung trong tay giai cấp địa chủ.

– Nguyên nhân của tình hình trên:

+ Do chiến tranh kéo dài trong nhiều năm. Nhà nước không có biện pháp khuyến khích phát triển kinh tế.

+ Chính sách ruộng đất tiến bộ thời Lê sơ bị phá sản, đặc biệt ở Đàng Ngoài, chính sách ruộng đất của họ Trịnh chỉ nhằm phục vụ quyền lợi của nhà nước phong kiến, giai cấp địa chủ và binh lính.

*** Tình hình thương nghiệp thế kỉ X - XV**

- Tình hình: Thương nghiệp rất phát triển

+ *Nội thương:* Các chợ làng, chợ huyện mọc lên khắp nơi. Kinh đô Thăng Long trở thành đô thị lớn - là trung tâm buôn bán và sản xuất

+ *Ngoại thương:* Nhà nước cho xây dựng nhiều bến cảng để buôn bán với nước ngoài. Mở rộng buôn bán với thương nhân Trung Hoa và các nước Đông Nam Á.

- Nguyên nhân của tình hình trên:

+ Do nông nghiệp và thủ công nghiệp đều phát triển đã thúc đẩy thương nghiệp phát triển. Trong hoàn cảnh đất nước được độc lập, thống nhất.

*** Tình hình thương nghiệp thế kỉ XVI – XVIII**

- Tình hình:

+ Nội thương: Chợ làng, chợ huyện mọc khắp nơi và ngày càng đông đúc.

Nhiều nơi xuất hiện các làng buôn, buôn bán lớn (buôn thuyền, buôn chuyến) xuất hiện. Buôn bán giữa các vùng miền xuất hiện.

+ Ngoại thương: Thuyền buôn các nước(Kể cả châu Âu), đến buôn bán ở nước ta tấp nập. Thương nhân nhiều nước đã lập phố xá, cửa hàng buôn bán lâu dài.

- Nguyên nhân của tình hình trên:

+ Do chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh, Nguyễn. Các nghề thủ công phát triển mạnh mẽ.

+ Do hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí tạo điều kiện giao lưu Đông - Tây thuận lợi, và vị trí địa lí của nước ta thuận lợi...

Đến cuối thế kỉ XVIII đô thị Việt Nam lụi tàn dần vì những chính sách cấm đoán, thuế khoá nặng nề của các chúa Trịnh, Nguyễn đối với hoạt động thương nghiệp, đặc biệt là ngoại thương.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THOẠI NGỌC HẦU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

** Ấn Độ được coi là trung tâm văn minh của nhân loại vì:*

– Ấn Độ là một quốc gia được hình thành sớm trong lịch sử phát triển loài người, với một nền văn hoá cũng được hình thành từ rất sớm (khoảng thiên niên kỉ 3 TCN)

– Ấn Độ có một nền văn hoá phát triển cao và toàn diện (tôn giáo, kiến trúc, điêu khắc, chữ viết, văn học, toán học...).

– Một số các thành tựu văn hoá còn lưu giữ đến ngày nay và ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới.

– Văn hoá Ấn Độ có ảnh hưởng lớn đến quá trình phát triển của lịch sử, đặc biệt là ảnh hưởng đến sự phát triển văn hoá của các dân tộc Đông Nam Á.

** Quá trình truyền bá Hin-đu giáo và Phật giáo vào Đông Nam Á.*

Từ đầu Công nguyên, Hin-đu giáo và Phật giáo được truyền bá vào các nước Đông Nam Á, nhưng Hin-đu giáo được thịnh hành hơn, người ta thờ thần: Bra-ma, Vi-s-nu, Si-va, ... tạc nhiều tượng, xây dựng nhiều đền tháp theo kiến trúc Hin-đu.

Từ thế kỉ XIII, dòng Phật giáo Tiểu thừa được phổ biến ở nhiều nước Đông Nam Á, các chùa mới được mọc lên, văn học Phật giáo gồm các tích truyện được gắn với sự tích lịch sử Phật giáo phát triển mạnh.

** Vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội ở Đông Nam Á.*

– Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hoá của cư dân Đông Nam Á.

– Tư tưởng Phật giáo được phổ biến trong dân chúng qua hệ thống giáo dục.

– Chùa không chỉ là nơi thờ cúng, mà còn là một trung tâm văn hoá, là hình tượng về chân - thiện - mĩ đối với mọi người dân, trở thành nơi lưu giữ, phổ biến văn hoá tri thức cho dân chúng.

** Ảnh hưởng của Phật giáo vào Đại Việt từ thế kỉ X - XV:*

– Từ thế kỉ X – XV, Phật giáo có vị trí quan trọng và khá phổ biến ở nước ta, được truyền bá sâu rộng, thấm sâu vào cuộc sống tinh thần của nhân dân, được giai cấp thống trị tôn sùng.

– Nhiều nhà sư được triều đình tôn trọng, tham gia bàn việc nước như: Ngô Chân Lưu, Đỗ Thuận, Vạn Hạnh.

– Vua, quan nhiều người theo đạo Phật, góp tiền xây dựng chùa, đúc chuông, tô tượng, viết giáo lí nhà Phật,...

– Vua Lý Thái Tổ lên ngôi được hai năm đã dựng 8 chùa ở Thiên Đức, cấp độ điệp cho hơn 1000 người ở kinh sư làm tăng.

– Vua Trần Nhân Tông khi lên làm Thái Thượng Hoàng, đã xuất gia đầu Phật, lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Đại Việt.

Chùa chiền được mọc lên ở khắp nơi, dân chúng quá nửa nước là sư...

CÂU HỎI 2: ***(4,0 điểm)***

Nội dung so sánh	**Vương triều Gúp-ta**	**Vương triều Đê-li**
1. Khác nhau - Sự thành lập: *(0,5 điểm)*	Vua Gúp-ta, người gốc Ấn Độ sáng lập, tồn tại từ 319 - 467, trải qua 9 đời vua, làm chủ toàn miền Bắc và miền Trung Ấn Độ.	Người Hồi giáo gốc Trung Á tấn công và chinh phục các tiểu quốc Ấn Độ, lập nên vương triều Hồi giáo Đê-li (1206 – 1526)
- Tôn giáo: *(1,0 điểm)*	- Đạo Phật xuất hiện vào thế kỉ VI TCN và được truyền bá khắp Ấn Độ thời vua Asôka, Gúp-ta. - Đạo Hin-đu ra đời đầu công nguyên, kết hợp của đạo Bà-la-môn với đạo Phật, thờ ba thần(Vis-nu, Si-va, Bra-ma), giáo lí khuyên con người từ bi, thân ái, nhẫn nại, tuân theo luật pháp ... Ấn Độ giáo trở thành quốc giáo.	- Đạo Hồi được du nhập và truyền bá vào Ấn Độ. - Phân biệt tôn giáo, áp đặt Hồi giáo: bắt nhân dân Ấn Độ phải bỏ Phật giáo, Hin-đu giáo, đi theo đạo Hồi. - Người Hồi giáo ở Ấn Độ được ưu ái về ruộng đất, địa vị...
- Kiến trúc, điêu khắc: *(1,0 điểm)*	- Kiến trúc Phật giáo(chùa hang, tượng Phật bằng đá.) - Kiến trúc Hin-đu giáo: đền hình tháp nhọn nhiều tầng, trang trí tỉ mỉ bằng các bức phù điêu ...	- Xuất hiện nhiều công trình kiến trúc Hồi giáo ... - Xây dựng kinh đô Đê-li trở thành một trong các thành phố lớn nhất thế giới.

- Vị trí: *(1,0 điểm)*	- Đưa Ấn Độ phát triển về kinh tế, văn hoá... - Nền văn hoá truyền thống Ấn Độ được định hình và phát triển rộng khắp với những đặc trưng riêng, có giá trị vĩnh cửu xuyên suốt lịch sử loài người.	- Tạo điều kiện cho nền văn hoá mới (văn hoá Hồi giáo) được du nhập vào Ấn Độ, tạo nên sự đa dạng và phong phú của văn hoá Ấn Độ. - Bước đầu tạo sự giao lưu văn hoá Đông - Tây.
2. Giống nhau: *(0,5 điểm)*	- Cả hai vương triều đều góp phần vào sự phát triển chung của Ấn Độ về kinh tế, văn hoá, giao lưu buôn bán với nhiều nước... - Nền văn hoá Ấn Độ(văn hoá truyền thống, Hồi giáo) được phổ biến đến nhiều nước, đặc biệt là Đông Nam Á.	

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Thành tựu về nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật.

– Nghệ thuật: *(1,0 điểm)*

+ Phát triển mới, xây dựng nhiều cung điện đền đài, tháp chuông, nổi tiếng: chùa Một Cột, chùa Dâu, chùa Phật Tích, đền Đồng Cổ, tháp Báo Thiên, tháp Phổ Minh, chuông Quy Điền ...

+ Chùa tháp được xây dựng nhiều ở các địa phương, tượng Phật được đúc nhiều(tượng Phật Quỳnh Lâm), xây dựng thành nhà Hồ, Kinh thành Thăng Long ...

+ Nghệ thuật điêu khắc độc đáo: chân bệ cột hình hoa sen, hành lang Rồng, hình Rồng nổi trên lá đề, các bức phù điêu hình cô tiên, vũ nữ...

+ Nghệ thuật chèo, tuồng, hề, múa rối nước, ca nhạc, các lễ hội cùng vui chơi, ca múa, thi tài.

– Khoa học- kỹ thuật: *(1,0 điểm)*

+ Sử học: *Đại Việt sử kí* của Lê Văn Hưu, bộ sử chính thống được biên soạn. Các tác phẩm *Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt sử ký* toàn thư của Ngô Sĩ Liên, *Thiên Nam dư hạ* của Lê Thánh Tông ...

+ Địa Lí: *Dư địa chí* và *Hồng Đức bản đồ* của Nguyễn Trãi...

+ Quân sự: *Binh thư yếu lược* (Trần Quốc Tuấn), *súng Thần cơ*, *Lâu thuyền* (Hồ Nguyên Trừng)

+ Toán học: *Đại thành toán pháp* của Lương Thế Vinh, *Lập thành toán pháp* của Vũ Hữu.

*** Nét khác nhau cơ bản trong nghệ thuật điêu khắc rồng thời Lý so với thời Lê sơ.**

– Thời Lý: *(1,0 điểm)*

+ Rất phát triển, hoa văn phong phú, trên nhiều chất liệu (đá, gỗ, gạch), hình tượng điêu khắc trung tâm là hình rồng. Tiêu biểu là hình rồng và hoa dây.

+ Rồng thân dài, đều đặn, không vẩy, uốn mềm mại nhiều khúc. Tua rồng bay về phía trước, đuôi giống như đuôi rắn, chân có ba ngón.

+ Đầu Rồng cân đối với thân Rồng, toàn bộ thân được chạm khắc mềm mại hình chữ S, tượng trưng cho sóng lượn, mây, mưa, sấm chớp ...

+ Hình rồng thời Lí gắn chặt với lịch sử nguồn gốc dân tộc, sự đoàn kết của triều đình với nhân dân, nói lên ước mơ, mong muốn mưa thuận, gió hoà của cư dân nông nghiệp trồng lúa nước ...

– Thời Lê sơ: *(1,0 điểm)*

+ Rất phát triển, tiêu biểu là lan can đá chạm rồng tại Điện Kính Thiên (Hà Nội).

+ Trong 4 thành bậc của Điện Kính Thiên tạo ra 3 lối vào điện thì 2 bậc thành được chạm rồng đá. Rồng được chạm hình bò xoài theo 9 bậc cấp, đầu rồng nhô cao, bờm tóc mượt, thân uốn nhiều khúc, mềm rộng, mũi sư tử, chân có nhiều móng vuốt, hoa văn hình sóng nước được trang trí cùng hình tượng rồng.

+ Rồng được tạc vẩy, sừng, móng vuốt vẻ dữ tợn, thể hiện sự uy nghi, quyền lực của nhà nước phong kiến.

Hình tượng rồng ở Điện Kính Thiên, chứng tỏ sự tài hoa trong điêu khắc của người đương thời, đồng thời còn mang đậm tính Nho giáo, chịu ảnh hưởng và phản ánh thiết chế chính trị trung ương tập quyền của nhà nước phong kiến Đại Việt thế kỉ XV.

CÂU HỎI 4: *(4.0 điểm)*

*** Nguyên nhân thắng lợi:** ***(3,0 điểm)***

- Trong 3 lần kháng chiến, tất cả các tầng lớp nhân dân, các dân tộc đều tham gia đánh giặc, bảo vệ đất nước:

+ Nhân dân cất giấu lương thảo, của cải, thực hiện vườn không nhà trống, tự vũ trang đánh giặc.

+ Tổ chức dân binh, phối hợp với triều đình chiến đấu, làm cho quân giặc lâm vào thế bị động, phân tán lực lượng

+ Trong hội nghị Diên Hồng các bô lão thể hiện ý chí toàn dân: quyết đánh ...

+ Quân sĩ đều thích vào cánh tay hai chữ "Sát thát".

- Nhà Trần chuẩn bị rất chu đáo về mọi mặt cho cuộc kháng chiến:

+ Vua Trần thường về các địa phương tìm hiểu đời sống nhân dân, quan tâm chăm lo sức dân, tạo điều kiện gắn bó giữa triều đình và nhân dân.

+ Quý tộc và vương hầu nhà Trần chủ động giải quyết các bất hoà trong nội bộ triều đình, tạo sự đoàn kết dân tộc.

+ Trần Quốc Tuấn ra Hịch tướng sĩ để động viên tinh thần quân sĩ, đoàn kết dân tộc.

- Tinh thần quyết chiến, quyết thắng của toàn dân, quân đội. Chiến đấu kiên cường, dũng cảm của nhân dân để bảo vệ nền độc lập.

- Vua Trần và Trần Quốc Tuấn, cùng nhiều tướng giỏi, đó là những nhà lí luận thiên tài, với chiến lược chiến thuật đúng đắn, sáng tạo.

+ Nghĩ ra cách đánh sáng tạo, phù hợp với hoàn cảnh từng giai đoạn. Thấy được chỗ mạnh, chỗ yếu của kẻ thù ...

+ Biết phát huy sức mạnh, lợi thế của ta, buộc địch phải đánh theo cách đánh của ta, buộc chúng từ mạnh chuyển sang yếu, ta từ bị động chuyển sang chủ động.

+ Kết hợp đấu tranh quân sự với chính trị - ngoại giao - địch vận, phát huy chiến tranh nhân dân ...

*** Tại sao nhân dân thời Trần lại ...** *(1,0 điểm)*

- Chống giặc giữ nước chính là bảo vệ quê hương, đất nước, cuộc sống của nhân dân, của bản thân.

- Nhân dân ta có truyền thống yêu nước, niềm tự hào dân tộc, nên không chịu khuất phục trước kẻ thù(sự xâm lược của quân Mông - Nguyên lần thứ I: năm 1258, lần thứ II: năm 1285, lần thứ III: năm 1288), thể hiện tinh thần yêu nước, tinh thần dân tộc.

- Triều Trần mạnh, những chính sách tiến bộ của nhà Trần về phát triển kinh tế, văn hoá, giáo dục, quân sự, sự quan tâm và chăm sóc đến đời sống nhân dân, biết đoàn kết sức mạnh của dân tộc. Từ đó, nhân dân tin tưởng vào đường lối đánh giặc của nhà Trần, sẵn sàng đoàn kết với triều đình đánh giặc giữ nước, bảo vệ nền độc lập, xây dựng cuộc sống.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Triều đại	Niên đại	Quốc hiệu	Kháng chiến chống xâm lược
1. Ngô	939 - 965		Đánh bại quân Nam Hán năm 938
2. Đinh	968 - 980	Đại Cồ Việt	
3. Tiền Lê	980 - 1009	Đại Cồ Việt	Đánh bại quân xâm lược Tống lần thứ nhất 980 - 981.
4. Lý	1010 - 1225	Đại Việt	Đánh bại quân xâm lược Tống lần thứ hai 1075 - 1077.
5. Trần	1225- 1400	Đại Việt	Ba lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thắng lợi: lần I (1258), lần II(1285), lần III (1287 - 1288).
6. Hồ	1400 - 1407	Đại Ngu	Kháng chiến chống quân Minh xâm lược nhưng thất bại.
7. Hậu Trần	1407- 1413	Đại Việt	Kháng chiến chống quân Minh xâm lược nhưng thất bại.
8. Lê sơ	1428 - 1527	Đại Việt	
9. Triều Mạc	1527 - 1592	Đại Việt	
10. Hậu Lê	1533 - 1789	Đại Việt	
11.Tây Sơn	1778 - 1802	Đại Việt	Đánh bại quân Xiêm xâm lược năm 1785. Đánh bại quân Thanh xâm lược năm 1789.
12. Nguyễn	1802 - 1945	Việt Nam Đại Nam	Kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược nhưng thất bại.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vương triều Hồi giáo Đê-li và vương triều Mô-gôn**

Giống nhau: *(1,0 điểm):*

– Là những vương triều ngoại tộc: Do người bên ngoài vào xâm chiếm Ấn Độ lập nên.

– Đều là vương triều Hồi giáo: Lấy đạo Hồi làm tôn giáo chính thống.

– Góp phần tạo nên nền văn hóa Ấn Độ thêm đa dạng, phong phú: Bên cạnh văn hóa truyền thống, dòng văn hóa Hồi giáo xâm nhập và ngày càng phát triển tại Ấn Độ, ảnh hưởng đến đời sống tâm linh của người dân và cho ra đời những công trình kiến trúc độc đáo.

Khác nhau: *(1,5 điểm)*

Nội dung so sánh	Vương triều Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Thời gian tồn tại	1206 – 1526	1526 – 1707
Tộc người	Người Hồi giáo gốc Thổ	Người Hồi giáo gốc Mông Cổ
Chính sách cai trị	Áp đặt Hồi giáo vào những cư dân theo Phật giáo và Hin-đu giáo ở Ấn Độ, tự dành cho mình những ưu đãi về địa vị chính trị và ruộng đất. Chính sách có sự phân biệt tôn giáo và sắc tộc.	Thời A-cơ-ba: xây dựng chính quyền mạnh dựa trên sự liên kết tầng lớp quý tộc; tiến hành đo đạc và chia lại ruộng đất, thống nhất đơn vị đo lường...; khuyến khích các hoạt động sáng tác văn hóa nghệ thuật...
Kết quả	Nhiều mâu thuẫn bùng nổ trong xã hội. Vương triều Đê-li sụp đổ Vương triều Mô-gôn thay thế.	Đất nước phát triển phồn thịnh. Về sau, Vương triều Mô-gôn suy yếu, Ấn Độ từng bước rơi vào tay thực dân phương Tây.

* Nhận xét *(1,5 điểm):*

- Vương triều Hồi giáo Đê-li đã mở ra sự giao lưu giữa hai nền văn hóa Đông - Tây: Nền văn hóa Ấn Độ Hin-đu giáo và Ả-rập Hồi giáo. Từ đó, thúc đẩy văn hóa Hồi giáo phát triển ở Ấn Độ và lan truyền đến một số nơi, nhất là ở một số nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, vì chính sách cai trị có sự phân biệt về tôn giáo và sắc tộc đã gây ra nhiều sự bất bình trong nhân dân.

- Vương triều Mô-gôn là thời kì cuối cùng của chế độ phong kiến Ấn Độ. Cai trị theo hướng "Ấn Độ hóa" dưới triều vua A-cơ-ba đã đưa đất nước phát triển phồn thịnh. Tuy nhiên, các triều vua sau A-cơ-ba cai trị chuyên quyền độc đoán đã làm cho Ấn Độ lại rơi vào chia rẽ và khủng hoảng. Đó cũng là lúc chủ nghĩa thực dân phương Tây xâm nhập vào Ấn Độ.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Kể tên các nước trong khu vực Đông Nam Á:** *(2.5 điểm)*

STT	Tên quốc gia hiện nay	Vương quốc phong kiến	Quốc gia cổ
1	Việt Nam	Đại Việt, Chăm-pa.	Âu Lạc, Chăm-pa, Phù Nam.
2	Lào	Lan Xang.	
3	Thái Lan	Su-khô-thay, A-u-thay-a, Xiêm (Người Thái).	Ha-ri-pun-giay-a, Dva-ra-va-ti, Kê-đa... (Người Môn).
4	Cam-pu-chia	Ăng-co.	Chân Lạp.
5	Mi-an-mar	Pa-gan, Tôn-gu.	Sri Kse-tra,Tha-tơn, Pê-gu.
6	Ma-lai-xi-a	Ma-lắc-ca.	
7	In-đô-nê-xi-a	Sri-vi-giay-a, Mataram, Mô-giô-pa-hít.	Ka-lin-ga, Can-tô-li, Ta-ru-ma.
8	Brunei		
9	Xin-ga-po		Tur-ma-sic.
10	Phi-líp-pin		
11	Đông Ti-mor		

*** Các giai đoạn phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ đầu đến thế kỉ XIX:** *(1,5 điểm)*

- Từ thế kỉ I - VII: Thời kì các quốc gia cổ Đông Nam Á.
- Từ thế kỉ VII - XIX: Thời kì các Vương quốc phong kiến bao gồm các giai đoạn:

+ Từ thế kỉ VII - X: Các Vương quốc phong kiến Đông Nam Á hình thành.

+ Từ thế kỉ X - XIII: Các Vương quốc phong kiến Đông Nam Á bước đầu phát triển.

+ Từ thế kỉ XIII - XVIII: Các Vương quốc phong kiến Đông Nam Á phát triển thịnh vượng.

+ Từ thế kỉ XVIII - XIX: Các Vương quốc phong kiến Đông Nam Á suy yếu, lần lượt trở thành thuộc địa của các nước phương Tây(trừ Xiêm).

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Bảng thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX:

Triều đại	Thời gian tồn tại	Kinh đô	Quốc hiệu	Người sáng lập
Nhà Ngô	939 - 944	Cổ Loa (Đông Anh - Hà Nội)	Đại Cồ Việt	Ngô Quyền
Nhà Đinh	968 - 980	Hoa Lư (Ninh Bình)	Đại Cồ Việt	Đinh Bộ Lĩnh
Tiền Lê	981 - 1009	Hoa Lư (Ninh Bình)	Đại Việt	Lê Hoàn

Triều đại	Thời gian tồn tại	Kinh đô	Quốc hiệu	Người sáng lập
Nhà Lý	1009 - 1225	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Việt	Lý Công Uẩn
Nhà Trần	1225 - 1400	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Ngu	Trần Cảnh
Nhà Hồ	1400 - 1407	Tây Đô (Thanh Hóa)	Đại Việt	Hồ Quý Ly
Lê sơ	1428 - 1527	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Việt	Lê Lợi
Nhà Mạc	1527 - 1592	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Việt	Mạc Đăng Dung
Triều Tây Sơn	1778 - 1801	Thành Hoàng đế (Bình Định), Phượng Hoàng trung đô (Nghệ An) Phú Xuân (Huế)		Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ
Nhà Nguyễn	1802 - 1945		Việt Nam, Đại Nam	Nguyễn Ánh

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược lần thứ 3:** *(2,5 điểm)*

- *Nguyên nhân:* Sau 2 lần thất bại thảm hại ở Đại Việt (năm 1258 và 1285), vua Nguyên - Hốt Tất Liệt mất mặt, tức tối muốn tổ chức ngay cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ ba hòng trả thù, đồng thời cũng để gấp rút đánh thông con đường bành trướng xuống Đông Nam Á.

- Lực lượng quân Nguyên lần này gồm bộ binh, thủy binh khoảng 30 vạn quân, mang theo lương thực đầy đủ tiến vào nước ta theo 3 đường:

+ Đạo quân bộ do Thoát Hoan chỉ huy từ Quảng Tây theo đường Lạng Sơn tiến vào.

+ Đạo quân do Ái Lỗ chỉ huy từ Vân Nam theo sông Hồng tiến xuống.

+ Đạo quân thủy do Ô Mã Nhi, Phấn Tiếp chỉ huy từ Quảng Đông vào vịnh Hạ Long theo sông Bạch Đằng tiến vào hội quân ở Vạn Kiếp(Chí Linh, Hải Dương). Ngoài ra, còn có đoàn thuyền vận tải do Trương Văn Hổ cầm đầu chở 70 vạn thạch lương theo sau.

- Trước sức mạnh của giặc, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chủ trương rút khỏi kinh thành Thăng Long về vùng ven biển để bảo toàn lực lượng. Như hai lần trước, ta sử dụng kế sách "Vườn không nhà trống" để gây khó khăn cho địch. Mặt khác, Hưng Đạo Vương cũng đề ra kế hoạch đánh giặc rất chủ động, cắt cử những vị tướng tài ba đi trấn giữ ở những nơi trọng yếu. Sau chiến thắng Vân Đồn – Cửa Lục của Trần Khánh Dư tiêu diệt toàn bộ đoàn thuyền lương của địch, quân và dân ta đã từng bước đẩy quân Nguyên vào thế bị động. Tinh thần quân sĩ rệu rã, không có lương ăn, Thoát Hoan buộc phải quyết định chia quân làm hai đạo thủy, bộ rút về nước. Biết trước ý đồ hành quân của địch, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chủ trương dồn chúng vào thế khốn quẫn, cùng đường phải rút chạy rồi mở trận quyết chiến chiến lược trên sông Bạch Đằng. Ngày 9/4/1288, với chiến thắng vang dội trên sông Bạch Đằng quân ta bắt sống được tướng giặc là Ô Mã Nhi và Phàn Tiếp. Tiêu diệt phần lớn lực lượng quân địch. Cuộc kháng chiến đến đây kết thúc thắng lợi.

*** Nguyên nhân dẫn đến thắng lợi:** *(1.5 điểm)*

- Sự lãnh đạo tài tình sáng suốt của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn.
- Có nhiều tướng giỏi như Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư, Trần Nhật Duật...
- Tinh thần đoàn kết, lòng yêu nước và quyết tâm đánh giặc bảo vệ độc lập dân tộc của toàn thể quân và dân ta.
- Phát huy truyền thống đấu tranh anh hùng bất khuất của dân tộc.
- Sự chủ quan, nóng vội của quân địch khi bước đầu chiếm được Thăng Long một cách dễ dàng hay trong trận Ô Mã Nhi, Phàn Tiếp đánh bại quân của Trần Khánh Dư ở vùng biển Hạ Long...

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Những đóng góp của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc:** *(2.0 điểm)*

- Thống nhất đất nước: Đứng trước sự chia cắt đất nước đã làm cho nước ta thế kỉ XVIII lâm vào khủng hoảng sâu sắc, phong trào Tây Sơn bùng nổ trước hết giải quyết những nhu cầu trước mắt của nhân dân: "Lấy của người giàu chia cho dân nghèo" sau đó đã tiến thêm một bước nữa là thống nhất lại đất nước: Từ năm 1773 đến 1786, nghĩa quân Tây Sơn đã lần lượt đánh bại các tập đoàn phong kiến họ Nguyễn ở Đàng Trong và họ Trịnh ở Đàng Ngoài, xoá bỏ ranh giới sông Gianh, bước đầu thống nhất lại đất nước.
- Bảo vệ Tổ quốc: Khi Nguyễn Ánh và sau đó là Lê Chiêu Thống cầu cứu ngoại bang, rước kẻ thù vào xâm lược nước ta, nghĩa quân Tây Sơn đã đứng lên kháng chiến bảo vệ Tổ quốc. Năm 1785, với chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, quân ta đã đánh bại được cuộc xâm lược của 5 vạn quân Xiêm, đập tan âm mưu xâm lược nước ta của địch. Năm 1789, sau chiến thắng vang dội Ngọc Hồi - Đống Đa ngày mùng 5 tết Kỉ Dậu, nghĩa quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ đã đánh tan 29 vạn quân Thanh sang xâm lược. Nền độc lập của Tổ quốc được bảo vệ vững chắc.

→ Đó chính là hai công lao to lớn của phong trào Tây Sơn đã đóng góp cho lịch sử dân tộc cuối thế kỉ XVIII.

*** Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung:** *(2,0 điểm)*

- Khi phong trào vừa mới bùng nổ, Nguyễn Huệ cùng Nguyễn Nhạc và Nguyễn Lữ là những người lãnh đạo phong trào Tây Sơn.
- Trong quá trình phong trào diễn ra, vai trò của Nguyễn Huệ càng ngày càng quan trọng. Nguyễn Huệ là linh hồn của phong trào, trực tiếp chỉ huy các trận đánh tiêu diệt các tập đoàn phong kiến Nguyễn, Trịnh; lãnh đạo quân và dân ta đánh tan các cuộc xâm lược của quân Xiêm và Thanh.
- Khi đất nước đã thống nhất, Nguyễn Huệ - Quang Trung đã tổ chức xây dựng đất nước: Ban hành nhiều chính sách cải cách tiến bộ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, giáo dục...nhằm khôi phục và phát triển đất nước...

→ Nguyễn Huệ - Quang Trung vừa là nhà quân sự đại tài vừa là nhà cải cách lớn, là "Người anh hùng áo vải" được nhân dân ta ngợi ca muôn đời.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH THUẬN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những thành tựu cơ bản của kiến trúc Ấn Độ và Đông Nam Á:** *(2,5 điểm)*

– Kiến trúc:

+ Nghệ thuật kiến trúc tiêu biểu là đền chùa, lăng mộ rất lớn, đẹp và kì vĩ. Kiểu kiến trúc đền tháp hình núi, chùa hang, lăng mộ hình bát úp, bán cầu.

+ Tiêu biểu: Kinh đô Đê-li, lăng mộ A-cơ-ba, Ta-giơ-ma-han và lâu đài thành đỏ được xem là "thiên đường trên trần thế".

– Điêu khắc:

+ Nghệ thuật tạc tượng Phật giáo, Hin-đu giáo kiểu dáng phong phú, phong cách rất độc đáo.

+ Tiêu biểu là những pho tượng phật và tượng thần được tạo bằng đá, hoặc trên đá, đúc bằng đồng... mang sắc thái tôn giáo.

*** Lập bảng so sánh sự khác nhau của kiến trúc và điêu khắc:** *(1,5 điểm)*

	Ấn Độ	Đông Nam Á
Kiến trúc	Các công trình kiến trúc có quy mô đồ sộ, hoành tráng, chất liệu xây dựng chủ yếu bằng đá.	Chất liệu xây dựng đa dạng, phong phú hợp thẩm mĩ của mỗi dân tộc (ví dụ: đền Ăng-co bằng đá, chùa vàng Mi-an-ma dát vàng, khu di tích Mĩ Sơn, Việt Nam bằng gạch...).
Điêu khắc	Chủ yếu tạc tượng thần và phật, phong cách và kiểu dáng phong phú.	Chủ yếu là tượng tròn và phù điêu, đồng thời có sự hài hoà giữa kiến trúc và điêu khắc.
Kết luận	Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc của Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của Ấn Độ. Tuy nhiên, kiến trúc điêu khắc Đông Nam Á không phải là sự rập khuôn, mà mỗi dân tộc đều có sự sáng tạo, mang nét riêng độc đáo của mình.	

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Nói thời kì Giúp-ta là thời kì định hình của văn hóa truyền thống Ấn Độ?** *(2,0 điểm)*

- Vương triều Giúp-ta (319 - 467) do vua Giúp-ta sáng lập, lãnh thổ bao gồm toàn bộ miền Bắc và Trung Ấn.

- Đây là thời kì xuất hiện các tôn giáo lớn, chữ viết, kiến trúc, điêu khắc mang đặc trưng riêng biệt, làm cơ sở cho sự hình thành nền văn hóa truyền thống Ấn Độ.

- Những biểu hiện cụ thể:

+ Tôn giáo: Đạo Phật, đạo Hin-đu (Ấn Độ giáo) ra đời. Về sau, hai tôn giáo này được truyền bá ra khắp Ấn Độ và trở thành hai tôn giáo lớn trên thế giới.

+ Chữ viết, văn học: Trên cơ sở chữ Phạn, người Ấn đã sáng tạo ra nền văn học cổ điển Ấn Độ, mang tinh thần và triết lí Hin-đu giáo.

+ Kiến trúc, điêu khắc: Chịu ảnh hưởng kiến trúc Phật giáo, Hin-đu giáo.

*** Những yếu tố của nền văn hóa truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và ảnh hưởng đến các nơi:**

- Văn hóa truyền thống Ấn Độ có ảnh hưởng đến nhiều nước châu Á, nhất là các nước Đông Nam Á. Những ảnh hưởng đó bắt đầu từ những thế kỉ đầu Công nguyên, do các thương nhân, các nhà truyền đạo sang buôn bán, du lịch truyền bá tôn giáo. *(0,5 điểm)*

Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á biểu hiện ở các mặt ***(1 điểm)***.

+ Chữ viết: Lúc đầu, nhiều dân tộc Đông Nam Á dùng chữ Phạn làm chữ viết của mình, sau đó sáng tạo ra chữ viết riêng trên cơ sở chữ Phạn.

+ Văn học: Dòng văn học Hin-đu cũng được truyền bá sang Đông Nam Á. Có rất nhiều đề tài trong văn học truyền miệng cũng như văn học viết của các dân tộc Đông Nam Á có xuất xứ từ văn học Ấn Độ.

+ Tôn giáo: Nhiều nước Đông Nam Á chịu ảnh hưởng và đi theo đạo Bà-la-môn, đạo Phật của Ấn Độ.

+ Kiến trúc và điêu khắc: Tháp Chàm (Việt Nam), Ăng-co Vát (Cam-pu-chia) chịu ảnh hưởng đậm nét kiến trúc Hin-đu của Ấn Độ. Kiểu kiến trúc Phật giáo của Ấn Độ cũng có mặt ở hầu khắp các nước Đông Nam Á.

→ Trên cở sở tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, các dân tộc Đông Nam Á vẫn không bị mất đi những nét văn hóa riêng, độc đáo của dân tộc mình. *(0,5 điểm)*

B. SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê các triều đại Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV** *(3,0 điểm)*

Triều đại	Niên đại	Kinh Đô	Quốc hiệu	Vị vua đầu tiên
Ngô	939 - 967	Cổ Loa		Ngô Quyền
Đinh - Tiền Lê	968 - 1009	Hoa Lư	Đại Cồ Việt	Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành
Lý	1009 - 1225	Thăng Long	Đại Việt	Lý Thái Tổ
Trần	1226 - 1400	Thăng Long	Đại Việt	Trần Thái Tông
Hồ	1400 - 1407	Thanh Hóa	Đại Ngu	Hồ Quý Ly
Lê sơ	1428 - 1527	Thăng Long	Đại Việt	Lê Thái Tổ

*** Ý nghĩa của việc Lí Công Uẩn dời đô về Thăng Long:** *(1,0 điểm)*

Năm 1010, Lý Công Uẩn viết chiếu và dời đô về Thăng Long. Chiếu dời đô có đoạn: *"Chỉ vì muốn đóng đô ở trung tâm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu,... địa thế rộng mà bằng phẳng, đất đai cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khốn khổ vì ngập lụt... thật là chốn hội tụ của bốn phương đất nước..."*

- Việc dời đô về Thăng Long, một vùng đất trù phú, đông dân, nhiều tiềm năng về kinh tế, văn hóa đã chứng tỏ dân tộc và đất nước ta bước vào một thời kì phát triển mới. Sau hơn một thế kỉ tự khẳng định mình, sang thời Lý, đất nước Đại Việt đã đầu vươn dậy với khí thế Thăng Long - Rồng bay lên.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nhà nước Đại Việt thời Lê sơ:** *(3,0 điểm)*

- Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, sáng lập ra nhà Lê, đặt tên nước là Đại Việt.

- Vào những năm 60 của thế kỉ XV, đất nước đã ổn định. Vua Lê Thánh Tông (1460-1497) đã tiến hành một cuộc cải cách hành chính.

+ Ở trung ương, các chức: tể tướng, đại hành khiển bị bãi bỏ.

+ Sáu bộ được thành lập (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) trực tiếp cai quản mọi việc và chịu trách nhiệm trước vua.

+ Ngự sử đài có quyền hành cao hơn trước.

+ Ở địa phương, nhà nước bỏ các đạo, lộ cũ, chia lại cả nước thành 13 đạo thừa tuyên.

+ Ở mỗi đạo thừa tuyên đều có 3 ti (đô ti, thừa ti, hiến ti) phụ trách các lãnh vực quân sự, dân sự và thanh tra. Xã vẫn là đơn vị hành chính cơ sở.

+ Quan lại được tuyển chọn chủ yếu qua giáo dục, khoa cử.

+ Một bộ luật mới được ban hành với tên gọi Quốc triều hình luật (hay luật Hồng Đức) gồm hơn 700 điều, đề cập đến hầu hết các hoạt động xã hội và mang tính dân tộc sâu sắc.

+ Quân đội được tổ chức chặt chẽ và theo chế độ "Ngụ binh ư nông", được trang bị vũ khí đầy đủ.

+ Nhà Lê tiếp tục củng cố khối đoàn kết các dân tộc trong nước, phong chức tước cho các thủ lĩnh, đặc biệt là những người có công trong cuộc chiến đấu chống quân Minh xâm lược.

+ Chính sách đối với vùng biên giới cũng rất nghiêm ngặt.

*** Thời Lê sơ đạt đến đỉnh cao vì quyền lực tập trung vào tay vua:** *(1,0 điểm)*

Chức tể tướng, đại hành khiển bị bãi bỏ; vua trực tiếp chỉ đạo 6 bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công); vua cũng là người chỉ huy tối cao.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê về những thành tựu kinh tế...** *(3,0 điểm)*

Các lĩnh vực kinh tế	Thành tựu chủ yếu
Nông nghiệp:	
+ Chế độ ruộng đất	+ Ban hành chính sách quân điền, quy định ruộng đất công ở các làng xã.
+ Thủy lợi	+ Hệ thống đê sông được sửa đắp, kênh mương được nạo vét, tu sửa.
+ Sản xuất nông nghiệp	+ Nhà nước cùng nhân dân lao động để khôi phục sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh, ổn định cuộc sống.
Thủ công nghiệp	Kinh thành Thăng Long có 36 phố phường vừa sản xuất hàng thủ công vừa buôn bán. Hàng hóa rất nhiều... Nhiều hàng thủ công mới ra đời.
Thương nghiệp:	
+ Nội thương	+ Nhiều chợ mọc lên ở các làng, nhà nước ban hành lệnh lập chợ.
+ Ngoại thương	+ Nhà Lê không chủ trương mở rộng giao lưu buôn bán với nước ngoài. Thuyền bè chỉ được cập bến vài cảng và bị khám xét nghiêm ngặt.

*** Đánh giá cải cách của Lê Thánh Tông** *(1,0 điểm)*

– Tạo ra bộ máy quản lí hành chính từ trung ương đến địa phương. Tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, tạo điều kiện ổn định về chính trị và phát triển kinh tế.

– Tạo ra sự thống nhất trong bộ máy quản lí của nhà nước quân chủ mới.

– Tạo ra uy lực, uy quyền của nhà vua trong việc cai quản đất nước.

→ Chứng tỏ nhà nước quân chủ đạt mức độ cao và hoàn thiện.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỪA THIÊN HUẾ
TRƯỜNG THPT QUỐC HỌC HUẾ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Thời kì Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ:** *(3,0 điểm)*

– Vương triều này do vua Gúp-ta sáng lập, trải qua gần 150 năm(từ 319 - 467), ngay cả dưới thời Hậu Gúp-ta (319 - 467) và vương triều Hác-sa (606 - 647) vẫn giữ được sự phát triển và nét đặc sắc, *nét đặc sắc nổi bật của thời kì này là sự định hình và phát triển của văn hoá truyền thống Ấn Độ.*

– Được biểu hiện cụ thể qua các chi tiết sau đây:

+ Dưới thời Vương triều Gúp-ta Đạo Phật được truyền bá rộng rãi, lòng tôn sùng với Phật giáo được thể hiện qua việc người ta xây dựng rất nhiều công trình kiến trúc nổi bật là kiến trúc Phật giáo, Hin-đu giáo và Hồi giáo rất kì vĩ, rất đẹp và rất lớn, tiêu biểu là những ngôi chùa hang(chùa A-gian-ta) đền tháp (nổi bật có *(hang đá)*, những ngôi đền bằng đá rất đồ sộ, hình chóp núi (*là nơi ngự trị của thần thánh)*, nhiều pho tượng phật điêu khắc trên đá hoặc bằng đá.

+ Đạo Hin-đu cũng được ra đời và phát triển, thờ bốn thần chủ yếu: (thần sáng tạo (Bra-ma), thần huỷ diệt (Si-va), thần bảo hộ (Vi-snu) và thần sấm sét (In-đra), người ta xây dựng nhiều ngôi đền bằng đá rất đồ sộ hình chóp núi, và cũng tạc rất nhiều tượng thần đẹp bằng đá hoặc bằng đồng những pho tượng phật điêu khắc bằng đá hoặc trên đá và những tượng thần được tạc bằng đá hoặc đúc bằng đồng với những phong cách tạc tượng rất độc đáo.

+ Ấn Độ sớm có chữ viết, từ chữ viết cổ vùng sông Hằng (chữ Bra-mi), sau đó là chữ Phạn (San-skrit), dùng để viết văn bia và truyền bá văn hoá Ấn Độ.

+ Văn học Hin-đu và văn học truyền thống ra đời và phát triển: hai bộ sử thi nổi tiếng: *Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na*, các tác phẩm của Ka-li-đa-sa…

*** Nền văn hoá Ấn Độ đã ảnh hưởng ra bên ngoài …**

– Văn hoá Ấn Độ được truyền bá ra bên ngoài, đặc biệt là các nước châu Á, bắt đầu từ đầu Công nguyên, thông qua việc giao lưu, buôn bán.

– Vặn hoá của Ấn Độ ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc đến các nước Đông Nam Á, tuy nhiên mỗi dân tộc ở Đông Nam Á vẫn xây dựng nền văn hoá mang đậm bản sắc riêng.

CÂU HỎI 2:*(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh trình bày khái quát về Ấn Độ và Đông Nam Á phong kiến

Tiêu chí So sánh	Ấn Độ	Đông Nam Á
Thời gian hình thành nhà nước	Khoảng 3.000 năm đến 1.500TCN. Thời kì hình thành nhà nước phong kiến từ 1.500 năm.	Khoảng thế kỉ I đến thế kỉ X. Thời kì hình thành các quốc gia phong kiến từ thế kỉ VII đến thế kỉ X.
Điều kiện tự nhiên	Nhà nước hình thành bên lưu vực sông Hằng, sau mở rộng về sông Ấn điều kiện tự nhiên thuận lợi, mưa thuận gió hoà, đất đai màu mỡ thuận lợi phát triển kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp, giao lưu buôn bán...	Có khí hậu nóng ẩm, do hoạt động của gió mùa phân chia hai mùa rõ rệt mùa mưa và mùa khô, còn gọi là vùng "châu Á gió mùa" Gió mùa kèm theo mưa nhiều thuận lợi cho trồng trọt và chăn nuôi... Điều kiện thiên nhiên thuận lợi phát triển kinh tế.
Kinh tế	Phát triển kinh tế nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp.	Chủ yếu kinh tế nông nghiệp lúa nước ngoài ra còn chăn nuôi, trồng trọt, ươm tơ dệt lụa, là vùng có nhiều hương liệu quý như: hồ tiêu, sa nhân, quế, trầm hương...

Tiêu chí So sánh	Ấn Độ	Đông Nam Á
Thể chế chính trị	Quá trình phong kiến hoá chậm, kéo dài. Nhà nước phong kiến với thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.	Nhà nước phong kiến theo thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền. Vua nắm mọi quyền hành.
Tổ chức xã hội	Xã hội phân hoá giàu - nghèo, phân hoá giai cấp. Quan hệ phong kiến hình thành những chúa phong kiến lớn với nông dân lệ thuộc, tăng lữ, quý tộc võ sĩ...	Vua chuyên chế nắm quyền hành. Xã hội phân hoá giàu - nghèo, phân hoá giai cấp địa chủ phong kiến với nông dân là chủ yếu.
Thành tựu văn hoá	- Ấn Độ là quê hương của nhiều tôn giáo Ba-la-môn (Hin-đu giáo) là tôn giáo chính thống, Phật giáo, Hồi giáo... Cùng với tôn giáo là nghệ thuật kiến trúc đền, chùa, lăng mộ, tạc tượng...Nổi bật là kiến trúc Phật giáo, Hin-đu giáo và Hồi giáo. - Chữ viết có từ rất sớm, từ chữ viết cổ vùng sông Hằng (chữ Bra-mi), sau đó là chữ Phạn (San-skrit), chữ Phạn là cơ sở chữ viết của nhiều quốc gia trong khu vực. - Văn học Hin-đu và văn học truyền thống ra đời và phát triển, hai bộ sử thi nổi tiếng: *Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na*, các tác phẩm của Ka-li-đa-sa... Văn hoá Ấn Độ được truyền bá ra bên ngoài... đặc biệt là các nước châu Á. Văn hoá của Ấn Độ ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc đến các nước Đông Nam Á.	- Tín ngưỡng và tôn giáo: Gồm tín ngưỡng nguyên thuỷ và sự tiếp thu Hin-đu giáo, Phật giáo, Hồi giáo và Ki-tô giáo. - Văn tự và văn học: Tiếp thu từ chữ Phạn từ Ấn Độ các dân tộc đã sáng tạo chữ viết riêng chữ Chăm, Thái, chữ Khơ-me... Văn học dân gian phát triển là nét đặc sắc của văn hoá Đông Nam Á, văn học chữ viết ra đời dần dần về với văn học dân gian. - Kiến trúc điêu khắc ảnh hưởng mạnh mẽ của kiến trúc Ấn Độ nhưng không rập khuôn mà có những nét độc đáo riêng của mình. Gồm kiến đền tháp, chùa tháp, nghệ thuật tạc tượng. Mặc dù ảnh hưởng khá toàn diện và sâu sắc văn hóa Ấn Độ, tuy nhiên mỗi dân tộc ở Đông Nam Á vẫn xây dựng nền văn hoá mang đậm bản sắc riêng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Tổ chức bộ máy nhà nước phong kiến nước ta được hoàn thiện trong các thế kỉ X đến thế kỉ XV.** *(0,5 điểm)*

Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 mở đầu thời đại phong kiến độc lập ở nước ta. Nhà nước quân chủ chuyên chế được thành lập và từng bước phát triển hoàn thiện, đạt đến đỉnh cao ở thế kỉ XV. *(1,0 điểm)*

**** Bắt đầu từ nhà Ngô, Đinh, Tiền Lê đã xây dựng được nhà nước quân chủ sơ khai** (1,0 điểm)*

- Năm 938, Ngô Quyền xưng vương, thành lập chính quyền mới đóng đô ở Đông Anh (Hà Nội) mở đầu việc xây dựng nhà nước độc lập tự chủ. Tuy nhiên thời Ngô chính quyền vẫn chưa cai quản được ở các địa phương nên sau khi Ngô Quyền mất, đất nước xảy ra loạn 12 sứ quân.

- Thời Đinh, sau khi dẹp loạn 12 sứ quân Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Chuyển kinh đô về Hoa Lư (Ninh Bình). Thời Đinh, Tiền Lê bộ máy nhà nước độc lập tự chủ theo thiết chế quân chủ chuyuên chế được xây dựng nhưng vẫn còn sơ khai. Cụ thể: đứng đầu nhà nước là vua, dưới vua là 3 ban: ban văn, võ ban, và tăng ban; về hành chính chia nước ta thành 10 đạo, đứng đầu 10 đạo là chức thập tướng quân.

- Đất nước dần dần ổn định, 1010, Lý Thái Tổ dời đô về Thăng Long (Hà Nội), mở ra một giai đoạn phát triển mới. Năm 1054, Lý Thánh Tông đổi tên nước là Đại Việt.

*** Từ thế kỉ XI đến XV**, trải qua các triều đại Lý Trần, Hồ, Lê sơ chính quyền trung ương được tổ chức ngày càng có quy củ chặt chẽ. Vua đứng đầu nhà nước, quyết định mọi công việc quan trọng. Quyền hành vua ngày càng cao. *(0,5 điểm)*

*** Ở thời Lý Trần, Hồ.** *(1,0 điểm)*

- Giúp vua trị nước có tể tướng và một số đại thần. Bên dưới là các cơ quan quan trọng là Sảnh, Viện, Đài.

- Cả nước được chia thành nhiều lộ, trấn do các hoàng tử (thời Lý) hay an phủ sứ (thời Trần) cai quản. Dưới lộ, trấn là các phủ huyện châu đều có quan của triều đình coi. Đơn vị hành chính cơ sở là xã, đứng đầu là xã quan.

Như vậy ở thời Lý, Trần, Hồ thể chế quân chủ chuyên chế vẫn còn có mức độ vì dưới vua còn có tể tướng và đại thần, đứng đầu các lộ chỉ có một vài chức quan, cấp phủ, huyện, châu cũng có một chức quan cai trị, chứng tỏ bộ máy chính quyền còn gọn nhẹ, quyền lực chưa thực sự tập trung vào tay nhà vua nhiều. Thời Lý Trần, phần lớn các chức quan cao cấp là vương hầu quý tộc hoặc con em quan lại. Khi giáo dục phát triển, nhà nước bắt đầu đưa người đỗ đạt ra làm quan.

*** Đến thời Lê sơ** *(1,0 điểm)*

- Năm 1428, sau khi đất nước hoàn toàn giải phóng, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế lập ra nhà Lê. Khôi phục quốc hiệu Đại Việt, nhà nước quân chủ mới được tổ chức theo mô hình của nhà nước thời Lý, Trần. Từ những năm 60 của thế kỉ XV, khi đất nước cường thịnh, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn:

+ Ở trung ương: chức tể tướng và các chức đại hành khiển bị bãi bỏ. Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ (Lại, Lễ, Binh, Hình, Hộ, Công). Các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn.

+ Ở Địa phương: Cả nước được chia thành 13 đạo thừa tuyên, mỗi đạo có 3 ti trông coi các mặt dân sự (thừa ti), quân sự (đô ti), thanh tra (hiến ti). Dưới đạo là phủ, huyện, châu, xã. Người đứng đầu cấp xã là xã trưởng do dân bầu.

- Thời Lê sơ, giáo dục, thi cử phát triển trở thành nguồn đào tạo và tuyển chọn quan lại chủ yếu.

→ Cuộc cải cách hành chính lớn, toàn diện được tiến hành từ trung ương đến địa phương của Lê Thánh Tông đã khiến quyền lực của chính quyền trung ương được tăng cường, nhất là quyền lực được tập trung trong tay nhà vua. Điều này chứng tỏ bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế nhà Lê đạt đến đỉnh cao.

CÂU HỎI 4:*(4,0 điểm)*

*** Sự phát triển kinh tế nước ta từ thế kỉ XVI - XVIII:** *(3,0 điểm)*

Từ thế kỉ XVI đất nước có nhiều biến động lớn song do nhiều nguyên nhân khác nhau nền kinh tế Đại Việt vẫn tiếp tục phát triển.

– *Tình hình nông nghiệp:*

+ Từ cuối thế kỉ XV đến nửa đầu thế kỉ XVII, do Nhà nước không quan tâm đến sản xuất, nội chiến giữa các thế lực phong kiến làm cho nông nghiệp sa sút, mất mùa, đói kém liên miên.

+ Từ nửa sau thế kỉ XVII, tình hình chính trị ổn định, nông nghiệp cả hai Đàng đều phát triển.

+ Ruộng đất ở cả hai Đàng được mở rộng, nhất là Đàng Trong. Ở cả hai Đàng chế độ tư hữu ruộng đất phát triển. Ruộng đất ngày càng tập trung trong tay địa chủ.

+ Thuỷ lợi được củng cố.

+ Giống cây trồng ngày càng phong phú.

→ Các thế kỉ XVI - XVIII nông nghiệp dần ổn định, nông dân đã đúc kết được nhiều kinh nghiệm cấy trồng, cơ cấu đa ngành hình thành bổ sung hỗ trợ cho nhau.

*** Sự phát triển của thủ công nghiệp:**

+ Nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển đạt trình độ cao (dệt, gốm).

+ Một số nghề mới xuất hiện như: Khắc in bản gỗ, làm đường trắng, làm đồng hồ, làm tranh sơn mài.

+ Khai mỏ - một ngành quan trọng rất phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài.

+ Các làng nghề thủ công xuất hiện ngày càng nhiều.

+ Ở các đô thị, thợ thủ công đã lập phường hội vừa sản xuất vừa bán hàng(nét mới trong kinh doanh).

→ Thủ công nghiệp thế kỉ XVI - XVIII phát triển mạnh mẽ, ngành nghề phong phú, chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng nhu cầu trao đổi trong nước và nước ngoài. Chính sự phát triển của thủ công nghiệp đã thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển. Thủ công nghiệp ngày càng tăng tiến nhưng không thể chuyển hóa sang phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

*** Sự phát triển của thương nghiệp:**

+ Nội thương: Ở các thế kỉ XVI - XVIII buôn bán trong nước ngày càng phát triển. Chợ làng, chợ huyện... mọc lên khắp nơi và ngày càng đông đúc. Ở nhiều nơi xuất hiện làng buôn: Buôn bán lớn (buôn chuyến, buôn thuyền) xuất hiện. Buôn bán giữa các vùng miền phát triển.

+ Ngoại thương: Thế kỉ XVI - XVIII, do chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh, Nguyễn và các cuộc phát kiến địa lí đã tạo điều kiện giao lưu Đông - Tây thuận lợi, ngoại thương phát triển rất mạnh:

▪ Thuyền buôn các nước (kể cả các nước châu Âu: Bồ Đào Nha, Hà Lan, Pháp, Anh) đến nước ta buôn bán ngày càng tấp nập.

▪ Thương nhân nhiều nước đã hội lập phố xá, cửa hàng buôn bán lâu dài.

→ Giữa thế kỉ XVIII ngoại thương suy yếu dần do chế độ thuế khoá của Nhà nước ngày càng phức tạp.

– *Sự hưng khởi của các đô thị:*

+ Thế kỉ XVI - XVIII nhiều đô thị mới hình thành phát triển hưng thịnh.

+ Thăng Long – kẻ chợ với 36 phố phường trở thành đô thị lớn của cả nước.

+ Những đô thị mới như: Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Phú Xuân - Huế) trở thành những nơi buôn bán sầm uất.

+ Nhiều cảng lớn xuất hiện ở các cửa biển sầm uất hội tụ nhiều thuyền buôn, thương điếm. Đô thị cũng là nơi tập trung thương khách trong và ngoài nước, phương Đông - Phương Tây, đông nhất là người Trung Quốc.

+ Nguyên nhân hưng thịnh đô thị *(1,0 điểm)*

- Thủ công nghiệp và thương nghiệp phát triển nhất là ngoại thương. Ngoại thương phát triển, thúc đẩy sự thông thương buôn bán với nước ngoài.

- Sự thông thương quốc tế, góp phần mở rộng thị trường trong nước và thúc đẩy sự hưng thịnh của đô thị.

Song do chính sách của Nhà nước nên cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX, do chính sách hạn chế ngoại thương, hạn chế giao lưu giữa các vùng của chính quyền phong kiến nên đô thị suy tàn dần Việt Nam vẫn là một nước nông nghiệp lạc hậu.

CÂU HỎI 5:*(4,0 điểm)*

*** Những đóng góp của Vương triều Tây Sơn:** *(3,0 điểm)*

Từ giữa thế kỉ XVIII chế độ phong kiến Đàng Ngoài lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng, phong trào đấu tranh của nông dân bùng lên rầm rộ. Năm 1771, khởi nghĩa nông dân bùng lên ở Tây Sơn(Bình Định).

– Từ một cuộc khởi nghĩa nhanh chóng phát triển thành phong trào lật đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong năm 1778, thủ lĩnh phong trào Tây Sơn là Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, thành lập vương triều nhưng không làm được gì thêm.

– Năm 1788, trước khi xuất quân lên đường ra Bắc chống quân xâm lược nhà Thanh, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế (niên hiệu Quang Trung), nghĩa quân tiến ra Bắc lật đổ tập đoàn Lê - Trịnh. Năm 1789, đánh bại hoàn toàn quân xâm lược nhà Thanh thống nhất đất nước.

– Sau ngày chiến thắng, Nguyễn Huệ chính thức xây dựng vương triều mới theo chế độ quân chủ chuyên chế, thống trị trên vùng đất từ Thuận Hóa trở ra Bắc.

– Chính quyền mới thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại tiến bộ.

+ Đối nội:

▪ Thành lập chính quyền các cấp. Vua Quang Trung ban chiếu kêu gọi nhân dân khôi phục sản xuất.

▪ Lập lại sổ hộ, tổ chức lại giáo dục, thi cử, tổ chức quân đội (dịch chữ Hán, chữ Nôm để làm tài liệu dạy học).

• Quân đội được tổ chức quy củ và trang bị vũ khí đầy đủ.

+ Đối ngoại:

Sau khi đánh tan 29 vạn quân Thanh, Quang Trung thực hiện chính sách hòa hảo với nhà Thanh (cử Ngô Văn Sở và Phan Huy Ích sang Trung Quốc cầu phong, lập lại hoà bình để xây dựng đất nước). Quan hệ với Lào và Chân Lạp rất tốt đẹp.

Kết luận: Vương triều Tây Sơn dân Tây Sơn đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chống ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc, bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Đặc biệt những chính sách của Quang Trung mang tính chất tiến bộ đã ổn định tình hình đất nước. Năm 1792 Quang Trung đột ngột qua đời, sự nghiệp thống nhất đất nước, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng chưa thành.

*** Vai trò của anh hùng Nguyễn Huệ:** *(1,0 điểm)*

– Nguyễn Huệ là nhà quân sự lỗi lạc, đồng thời là vị anh hùng của dân tộc. Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chống ngoại xâm, đập tan âm mưu của quân xâm lược *bảo vệ nền độc lập dân tộc.*

Tiêu diệt 5 vạn quân Xiêm chỉ trong 1 ngày(19/1/1785) và tiêu diệt 29 vạn quân Thanh trong 5 ngày(từ 30 tháng Chạp năm Mậu Thân đến mùng 5 tết Kỉ Dậu).

– Bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước. Xây dựng nền móng chế độ mới mang tính *toàn diện* cả chính trị - xã hội lẫn kinh tế, văn hoá - giáo dục, an ninh - quốc phòng và ngoại giao. Đất nước dần được ổn định và vị thế của Vương triều Tây Sơn được nâng cao.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH MẪN ĐẠT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những thành tựu văn hóa nổi bật của Cam-pu-chia và Lào:** *(3,0 điểm)*

– Chữ viết:

+ Trên cơ sở chữ Phạn của người Ấn, từ thế kỉ VII, người Khơ-me đã sáng tạo ra hệ thống chữ viết riêng của mình.

+ Người Lào có hệ thống chữ viết riêng được xây dựng một cách sáng tạo dựa trên cơ sở vận dụng nét chữ cong của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

– Tôn giáo:

+ Thời gian đầu, Cam-pu-chia chịu ảnh hưởng của Hin-đu giáo. Từ thế kỉ XII, Phật giáo Đại thừa có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia.

+ Từ thế kỉ XIII, đạo Phật truyền bá vào Lào và được nhân dân Lào tiếp nhận. Ngày nay Phật giáo là tôn giáo lớn nhất và phát triển nhất ở Lào.

– Văn học:

Văn học dân gian và văn học viết của Cam-pu-chia phát triển mạnh với những truyện thần thoại, truyện trạng, truyện cười... phản ánh tình cảm của con người với thiên nhiên, đất nước, tình cảm giữa những người sống chung trong một cộng đồng.

-- *Kiến trúc:*

Kiến trúc của Cam-pu-chia và Lào gắn liền với những tôn giáo được truyền bá ở đây. Nhiều công trình kiến trúc Hin-đu giáo và Phật giáo được xây dựng như: quần thể kiến trúc Ăng-co Vát và Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luổng ở Lào.

– *Nghệ thuật dân gian:* Phát triển mạnh. Người Cam-pu-chia và Lào đều thích ca múa, sử dụng nhiều loại nhạc cụ độc đáo.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

– Văn hóa Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ trên nhiều lĩnh vực: chữ viết, tôn giáo, kiến trúc...

– Tuy nhiên, mỗi nước lại tiếp thu ảnh hưởng có chọn lọc, dựa vào văn hóa Ấn Độ để sáng tạo ra nền văn hóa mang bản sắc riêng, phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lí của dân tộc mình.

CÂU HỎI 2: *(4.0 điểm)*

*** Thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ:** *(2,5 điểm)*

- Vương triều Gúp-ta do vua Gúp-ta lập ra, trải qua 9 đời vua, tồn tại từ năm 319 đến 467, lãnh thổ bao gồm toàn bộ miền Bắc và miền Trung Ấn Độ.

- Qua gần 150 năm, Vương triều Gúp-ta có vai trò tổ chức kháng cự, không cho các tộc ở Trung Á xâm lấn từ phía Tây Bắc, thống nhất miền Bắc sau đó là miền Trung. Nét đặc sắc nổi bật nhất của thời kì này là sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ.

- Biểu hiện:

+ Tôn giáo: Phật giáo tiếp tục được phát triển dưới các triều đại Gúp-ta, cùng với Phật giáo, Ấn Độ giáo (Hin-đu giáo) cũng ra đời và phát triển, thờ 4 vị thần: thần Bra-ma (thần Sáng tạo thế giới), thần Si-va (thần Hủy diệt), thần Vis-nu (thần Bảo hộ) và thần In-đra (thần Sấm sét). Phật giáo và Ấn Độ giáo được nhân dân Ấn Độ tiếp nhận và truyền bá rộng rãi. Ngày nay là hai tôn giáo lớn, có nhiều tín đồ trên thế giới.

+ Kiến trúc: Vương triều Gúp-ta đã xây dựng nhiều công trình kiến trúc gắn liền với Phật giáo và Ấn Độ giáo, các công trình tiêu biểu như: chùa hang, tượng phật (chịu ảnh hưởng Phật giáo); những ngôi đền bằng đá, hình chóp núi, những pho tượng thần bằng đá hoặc bằng đồng(ảnh hưởng Ấn Độ giáo).

+ Chữ viết: thời Gúp-ta, chữ Phạn và ngôn ngữ Phạn được dùng phổ biến, là điều kiện để truyền tải, truyền bá văn học, văn hóa Ấn Độ.

+ Văn học: từ chữ viết mà văn học Ấn Độ dưới thời Gúp-ta đã phát triển mạnh mẽ, với nhiều tác phẩm đặc sắc.

- Thời Gúp-ta đã có những công trình kiến trúc, điêu khắc, những tác phẩm văn học tuyệt vời, làm cho nền văn hóa truyền thống Ấn Độ có giá trị vĩnh cửu, xuyên suốt thời gian lịch sử của loài người.

*** Những yếu tố văn hóa truyền thống của Ấn Độ đã ảnh hưởng ra bên ngoài:** *(1,5 điểm)*

- Người Ấn Độ đã mang văn hóa, đặc biệt là văn học truyền thống của mình truyền bá ra bên ngoài. Đông Nam Á là nơi chịu ảnh hưởng rõ rệt nhất của văn hóa Ấn Độ.

- Những biểu hiện ảnh hưởng:

+ Chữ viết: Nhiều quốc gia Đông Nam Á đã dựa vào chữ Phạn để sáng tạo ra chữ viết riêng của dân tộc mình: Lào, Cam-pu-chia...

+ Tôn giáo: Nhiều nước chịu ảnh hưởng của Ấn Độ giáo và Phật giáo: Lào, Cam-pu-chia, Việt Nam, Thái Lan...

+ Kiến trúc và điêu khắc: Các công trình kiến trúc ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của kiến trúc Ấn Độ như: tháp Chàm (Việt Nam), quần thể kiến trúc Ăng-co Vát, Ăng-co Thom (Cam-pu-chia), Thạt Luổng (Lào),...

+ Văn học: có nhiều đề tài trong văn học truyền miệng cũng như văn học viết của các nước Đông Nam Á có xuất xứ từ Ấn Độ.

- Mặc dù chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Ấn Độ, nhưng các nước Đông Nam Á vẫn giữ được những bản sắc văn hóa riêng, độc đáo của dân tộc mình.*(0,25đ)*

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nghệ thuật quân sự nước ta:** *(3,0 điểm)*

Từ thế kỉ XI đến cuối thế kỉ XVIII, nước ta đã trải qua các cuộc kháng chiến: chống Tống thời Lí, 3 lần kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thời Trần, khởi nghĩa Lam Sơn, kháng chiến chống quân Xiêm (1785) và quân Thanh (1789). Các cuộc kháng chiến đã thể hiện nghệ thuật quân sự độc đáo, đó là:

- *Lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều:* Trong các cuộc kháng chiến, về binh lực, bao giờ quân xâm lược cũng có ưu thế hơn hẳn quân ta:

+ Kháng chiến chống Tống thời Lý: nhà Lý có 10 vạn quân, địch có 30 vạn quân.

+ Kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thời Trần: quân ta lúc cao nhất khoảng 15 vạn, nhưng quân địch có tới 50 - 60 vạn.

+ Thời Quang Trung có 10 vạn quân, trong khi quân xâm lược Thanh có tới 29 vạn.

Lấy nhỏ chống lớn, lấy ít địch nhiều, lấy chất lượng cao thắng số lượng đông, tạo sức mạnh của toàn dân đánh giặc là truyền thống, là nghệ thuật độc đáo của ta.

- *Cả nước chung sức đánh giặc, kháng chiến toàn dân, toàn diện, trường kì:* Để chiến thắng giặc ngoại xâm có tiềm lực kinh tế và quân sự hơn ta nhiều lần, nhân dân ta phải đoàn kết các dân tộc, đoàn kết toàn dân, thực hiện kháng chiến toàn diện, trường kì, tạo sức mạnh to lớn của cả dân tộc để chiến thắng kẻ thù xâm lược:

+ Thời Lý: Lý Thường Kiệt đoàn kết lực lượng: đồng bào miền xuôi miền ngược, đoàn kết quân dân...

+ Thời Trần: vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức.

+ Khởi nghĩa Lam Sơn: "Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào", cuộc khởi nghĩa đã thể hiện sự chịu đựng gian khổ, kháng chiến trường kì (kéo dài 10 năm).

- *Đường lối chiến lược và phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo:* Trong các cuộc kháng chiến, ngoài tinh thần chiến đấu dũng cảm, không ngại hi sinh, dân tộc ta còn chiến đấu với đường lối chiến lược, phương pháp đấu tranh đúng đắn, sáng tạo:

+ Chớp lấy thời cơ, kịp thời tấn công tiêu diệt địch: kháng chiến chống Tống thời Lý, thời Trần, thời Quang Trung,...

+ Thời Lý: Thực hiện "Tiên phát chế nhân" chủ động đánh trước phá kế hoạch của địch, làm chậm bước tiến quân của địch.

+ Thời Trần: Thực hiện kế hoạch "vườn không nhà trống", lấy chỗ mạnh của ta đánh vào chỗ yếu của địch ("đĩ đoàn chế trường"), biết rút lui bảo toàn lực lượng.

- *Kết hợp chiến đấu dũng cảm với "tâm Lý chiến":* trong những thời điểm quyết định chúng ta luôn có những văn kiện khích lệ tinh thần chiến đấu của binh lính, làm nản lòng quân địch: bài thơ *"thần"* của Lý Thường Kiệt, *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn, *Đại cáo Bình Ngô* của Nguyễn Trãi, *Dụ tướng sĩ* của Quang Trung,...

*** Bài học rút ra trong công cuộc bảo vệ tổ quốc hiện nay:** *(1,0 điểm)*

- Kết hợp chặt chẽ 2 nhiệm vụ chiến lược dựng nước đi đôi với giữ nước, xây dựng, phát triển kinh tế phải gắn liền với bảo vệ Tổ quốc.

- Đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của toàn dân để bảo vệ Tổ quốc.

- Chú trọng xây dựng lực lượng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chú trọng giáo dục truyền thống dân tộc, nêu cao tinh thần quyết chiến, quyết thắng.

- Xây dựng mối quan hệ ngoại giao tốt đẹp với các nước, chủ động trong việc bảo vệ Tổ quốc.

Ghi chú: Thí sinh có thể trình bày theo cách hiểu khác, nếu đúng, đủ nội dung giáo viên vẫn cho điểm, nhưng không vượt khung.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Vẽ sơ đồ:** *(2,0 điểm)*

- Đàng Ngoài

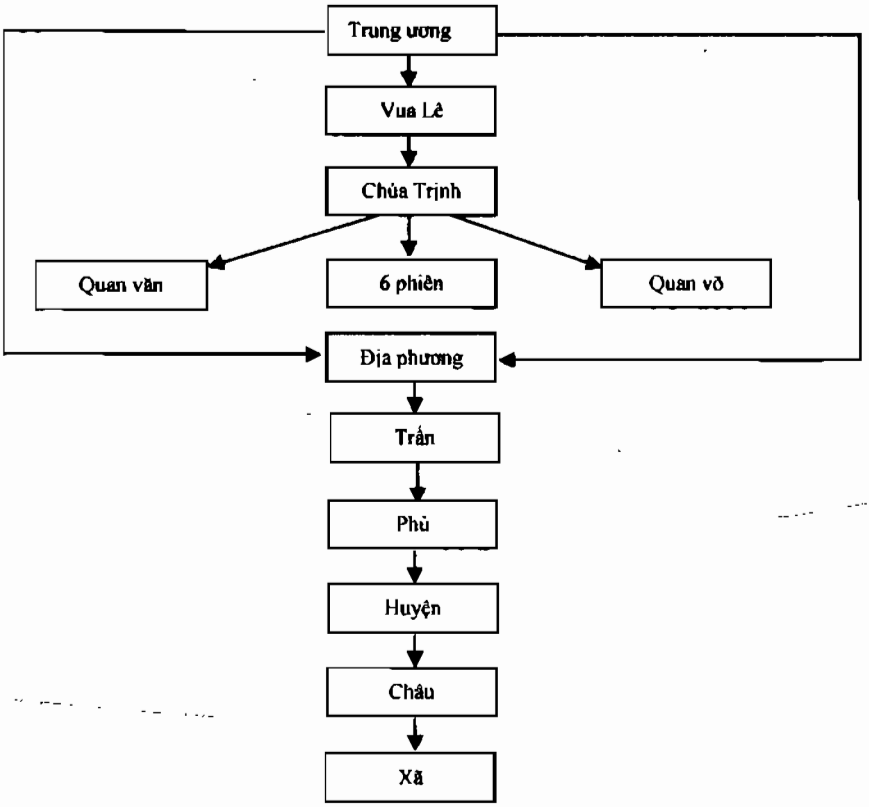

- *Đàng Trong:*

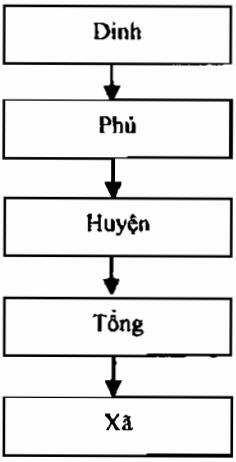

*** So sánh và nhận xét** *(1,0 điểm)*

- Tổ chức chính quyền Đàng Ngoài hoàn chỉnh hơn, với danh nghĩa thống trị toàn bộ đất nước, hoàn thiện từ trung ương đến địa phương.

- Tổ chức chính quyền Đàng Trong chỉ là tổ chức ở địa phương.

*** Nhận xét bộ máy nhà nước thời Lê - Trịnh:** *(1,0 điểm)*

- Bộ máy nhà nước thời Lê - Trịnh được xây dựng lại hoàn chỉnh, nhưng vua Lê chỉ là bù nhìn, mọi quyền hành nằm trong tay chúa Trịnh.

- Bộ máy cồng kềnh, gây ảnh hưởng không tốt đến việc cai quản đất nước.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Triều Lý – Trần	Triều Lê sơ
Tổ chức bộ máy nhà nước *(1,0 điểm)*	***- Chính quyền Trung ương.*** Chính quyền trung ương được tổ chức ngày càng chặt chẽ. Vua (Hoàng đế) đứng đầu nhà nước, quyết định mọi việc quan trọng. Giúp vua trị nước có tể tướng (đại hành khiển thời Trần) và các quan đại thần, bên dưới là các cơ quan trung ương như Sảnh, Viện, Đài. ***- Chính quyền địa phương.*** Chia thành nhiều lộ, trấn do hoàng tử (thời Lý) hay An phủ	***- Chính quyền Trung ương*** + Thời kì đầu, nhà nước quân chủ mới được tổ chức theo mô hình thời Trần. + Những năm 60 của thế kỉ XV, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn. chức tể tướng và đại hành khiển bị bãi bỏ, Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ. Các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền lực cao hơn. ***- Chính quyền địa phương*** Cả nước chia thành 13 đạo thừa tuyên, mỗi đạo có 3 ti (đô ti,

	sứ (thời Trần) cai quản. Dưới lộ, trấn là các phủ, huyện, châu do quan lại triều đình trông coi. Đơn vị hành chính cơ sở là xã. Thời Trần, những người đứng đầu xã được gọi là xã quan.	thừa ti, hiến ti) trông coi về mặt dân sự, quân sự và an ninh. Dưới đạo là các phủ, huyện, châu, xã. Người đứng đầu xã gọi là xã trưởng do dân bầu.
Luật pháp *(1,0 điểm)*	- Thời Lý có bộ *Hình thư.* - Thời Trần có bộ *Hình luật.*	Có bộ *Quốc triều hình luật* (Luật Hồng Đức), gồm hơn 700 điều, quy định khá đầy đủ về các tội danh và hình phạt liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội, bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, một số quyền lợi chân chính của nhân dân và an ninh đất nước.
Quân đội *(1,0 điểm)*	Được tổ chức quy củ, gồm hai bộ phận: quân bảo vệ nhà vua và kinh thành (cấm quân) và quân chính quy bảo vệ đất nước (ngoại binh hay lộ binh). Quân đội được tuyển theo chế độ "Ngụ binh ư nông".	Về cơ bản giống thời Trần, nhưng trang bị vũ khí đầy đủ hơn (có một vài loại súng).
Chính sách đối nội, đối ngoại *(1,0 điểm)*	***- Chính sách đối nội:*** Chăm lo đời sống nhân dân, có chính sách đoàn kết với các dân tộc ít người. ***- Chính sách đối ngoại:*** + Đối với các triều đại phong kiến phương Bắc: thực hiện đầy đủ lệ triều cống nhưng luôn giữ vững tư thế của một quốc gia độc lập, tự chủ. + Đối với các nước láng giềng phía Tây và phía Nam: giữ quan hệ thân thiện, hòa hiếu, mặc dù đôi lúc xảy ra chiến tranh.	– Các đời vua thời Lê thực hiện chính sách đối nội, đối ngoại về cơ bản giống thời Lý - Trần. – Tiếp tục củng cố khối đoàn kết dân tộc trong nước, quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng được duy trì, củng cố.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ KHIẾT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á

*** Sự hình thành:** *(1,0 điểm)*

Trong khoảng thế kỉ VII đến thế kỉ X, ở khu vực Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia, lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt, thường được gọi là các quốc gia phong kiến "dân tộc":

+ Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ-me.

+ Các Vương quốc của người Môn và người Miến ở vùng hạ lưu sông Mê Nam.

+ Của người In-đô-nê-xi-a ở Xu-ma-tơ-ra và Gia-va

*** Sự phát triển:** *(3,0 điểm)*

- Khoảng nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á:

+ Ở In-đô-nê-xi-a, đến cuối thế kỉ XIII dòng vua Gia-va mạnh lên chinh phục Xu-ma-tơ-ra, thống nhất In-đô-nê-xi-a dưới Vương triều Mô-giô-pa-hít hùng mạnh trong 3 thế kỉ.

+ Cũng trong thế kỉ XIII, do sự tấn công của người Mông Cổ, một bộ phận người Thái đã di cư ồ ạt xuống phía Nam, định cư ở lưu vực sông Mê Nam là lập nên Vương quốc Su-khô-thay - tiền thân của nước Thái Lan ngày nay.

+ Một nhóm người nói tiếng Thái khác di cư xuống vùng trung lưu sông Mê Công, lập nên Vương quốc Lan Xang (Lào) vào giữa thế kỉ XIV.

- Biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt:

+ *Về kinh tế:*

▪ Nông nghiệp và thủ công nghiệp: Hình thành những vùng kinh tế quan trọng, có khả năng cung cấp cung cấp một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm, sản phẩm thủ công, sản vật của thiên nhiên.

▪ Ngoại thương: Các hải cảng của nhiều nước Đông Nam Á đã trở thành điểm dừng chân và buôn bán của thương nhân nhiều nước (Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a...).

▪ Nhiều sản vật nổi tiếng của các nước Đông Nam Á được thế giới ưa chuộng (gỗ trầm hương, cá, các loại quả, hương liệu...).

+ *Về Văn hóa:* Văn hóa dân tộc được hình thành gắn liền với quá trình xác lập các quốc gia "dân tộc":

▪ Người Khơ-me sáng tạo ra chữ Khơ-me cổ (thế kỉ VII).

▪ Người Chăm cũng có chữ viết riêng (thế kỉ IV).

▪ Các kiến trúc của người In-đô-nê-xi-a (đền tháp Bô-rô-bu-đua), người Cam-pu-chia (Ăng-co Vát), người Lào (tháp Thạt Luổng), Việt Nam (Tháp Chàm)

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng...** *(3,0 điểm, mỗi thời kì 0,75 điểm)*

Nội dung / Các thời kì	Thời gian	Sự kiện chủ yếu
Thời kì các quốc gia đầu tiên	Khoảng 1500 TCN đến cuối thế kỉ III TCN	- Khoảng 1.500 TCN hình thành các nhà nước đầu tiên. - Khoảng 500 TCN vua Bim-bi-sa-ra thành lập nước Ma-ga-đa, lớn mạnh hơn cả được các nước khác thần phục - Thế kỉ III TCN, Vua A-sô-ca thống nhất gần hết bán đảo Ấn Độ. Đến cuối thế kỉ III Ấn Độ rơi vào thời kì chia rẽ, khủng hoảng kéo dài đến đầu Công nguyên.
Thời kì vương triều Gúp-ta	Từ đầu Công nguyên đến thế kỉ V(467)	- Đầu công nguyên , vua Gúp-ta thống nhất miền Bắc Ấn Độ và làm chủ hầu hết miền Trung Ấn Độ. - Đây là giai đoạn định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ (đạo Hin-đu, chữ San-skrit, chữ Pa-li...) - Đây là giai đoạn văn hóa Ấn truyền bá sang các nước Đông Nam Á.
Thời kì Vương triều Hồi giáo Đê-li	Từ năm 1206 đến năm 1526	- Người Hồi giáo gốc Trung Á đã chinh phục Ấn Độ và lập ra Vương triều Hồi giáo Đê-li tồn tại hơn 300 năm (1206 - 1526) - Đây là thời kì tiếp xúc và giao lưu giữa hai nền văn minh đặc sắc: Ấn Độ Hin-đu giáo và Ả-rập Hồi giáo.
Thời kì Vương triều Mô-gôn	Từ năm 1526 đến năm 1707	- Ba-bua đánh chiếm Đê-li lập ra vương triều Mô-gôn gốc Mông Cổ (1526 - 1707) là thời kì cuối của chế độ phong kiến Ấn Độ. - Đây là thời kì thực hiện xu hướng "Ấn Độ hóa" và xây dựng đất nước đạt đến đỉnh cao là thời kì A-cơ-ba (1556 - 1605) với các chính sách tích cực để ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa.

b. Ảnh hưởng... *(1,0 điểm)*

- Chữ viết: Một số nước Đông Nam Á đã hình thành chữ viết từ chữ Phạn cổ của Ấn Độ.

- Tôn giáo: Đạo Phật, Hồi, Hin-đu được truyền bá sang Đông Nam Á.

- Kiến trúc: Những công trình kiến trúc Đông Nam Á về tôn giáo đều chịu ảnh hưởng của kiến trúc Ấn Độ.

- Mỗi dân tộc ở Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ nhưng vẫn giữ được bản sắc riêng của dân tộc mình.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nghĩa quân Tây Sơn đã hoàn thành nhiệm vụ thống nhất đất nước:** *(2,0 điểm)*

- Lật đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong (1771 -1777): **1 điểm**

+ Năm 1771, cuộc khởi nghĩa do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo bùng nổ ở ấp Tây Sơn (Bình Định). Năm 1773, nghĩa quân Tây Sơn kiểm soát phần lớn phủ Quy Nhơn.

+ Giữa năm 1774, nghĩa quân mở rộng vùng kiểm soát: phía Bắc đến Quảng Nam, phía Nam đến Bình Thuận. Vùng đất của chúa Nguyễn chỉ còn lại vùng Gia Định và Thuận Hoá.

+ Chúa Trịnh đem quân đánh vào Phú Xuân. Chúa Nguyễn phải vào Gia Định. Chúa Trịnh vào Quảng Nam đụng độ với quân Tây Sơn, Tây Sơn bị dồn vào thế bất lợi: Bắc có quân Trịnh, Nam có quân Nguyễn. Nguyễn Nhạc phải hoà hoãn với quân Trịnh để tập trung lực lượng chống quân Nguyễn.

+ Tạm yên phía Bắc, Tây Sơn dốc lực đánh Nguyễn, năm 1777 Tây Sơn bắt được chúa Nguyễn, chỉ còn Nguyễn Ánh chạy thoát. Chính quyền chúa Nguyễn đến đây sụp đổ.

- Lật đổ chính quyền vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài (1786 - 1788)

+ Mùa hè năm 1786, Nguyễn Huệ tiến quân đánh thành Phú Xuân, quân Trịnh bị tiêu diệt.

+ Giữa năm 1786, Nguyễn Huệ tiến ra Thăng Long, chúa Trịnh bị dân bắt nộp cho Tây Sơn. Họ Trịnh sụp đổ. Nguyễn Huệ vào Thăng Long, giao chính quyền cho vua Lê Hiển Tông rồi trở vào Nam.

+ Sau khi Tây Sơn rút, tình hình Bắc Hà trở nên rối ren. Giữa năm 1788 Nguyễn Huệ kéo quân ra Thăng Long và tự tay xây dựng chính quyền.

Như vậy từ năm 1786 đến năm 1788, phong trào Tây Sơn lần lượt lật đổ tập đoàn phong kiến Trịnh, Lê và cơ bản thống nhất đất nước.

*** Bảo vệ tổ quốc:** *(1,25 điểm)*

- Đánh bại quân Xiêm (1785):

+ Lợi dụng Nguyễn Ánh cầu cứu, năm 1884 vua Xiêm điều 5 vạn quân sang xâm lược nước ta.

+ Tháng 1 năm 1885, Nguyễn Huệ tiến quân vào Gia Định, được sự ủng hộ của nhân dân, Nguyễn Huệ tổ chức trận Rạch Gầm - Xoài Mút, đánh tan quân Xiêm. Miền Nam trở lại yên bình.

- Đánh tan quân Thanh (1789):

+ Lợi dụng vua Lê Chiêu Thống cầu cứu, năm 1788 nhà Thanh huy động 29 vạn quân sang xâm lược nước ta.

+ Sau khi nhận được tin quân Thanh xâm lược, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, thống nhất đại quân, khẩn trương lên đường ra Bắc diệt giặc, trên đường đi có dừng lại ở Nghệ An, Thanh Hoá để tuyển thêm quân.

+ Vào đêm 30 tết, 5 mũi tiến công của quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy được lệnh xuất phát. Sau 5 ngày (bắt đầu từ đêm 30 cho đến trưa mồng 5 Tết Kỉ Dậu) tiến quân thần tốc, chiến đấu quyết liệt và với chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, quân Tây Sơn đã đánh bại quân Thanh, tiến vào Thăng Long.

*** Vai trò của Nguyễn Huệ trong phong trào Tây Sơn:** *(0,75 điểm)*

- Là người giữ vai trò quan trọng trong việc đánh đổ chúa Nguyễn ở Đàng Trong và vua Lê - chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, thống nhất đất nước.

- Là người chỉ huy tài tình trong các cuộc kháng chiến chống quân Xiêm và quân Thanh ở cuối thế kỉ XVIII.

- Quang Trung đã đưa ra các chính sách hợp lí nhằm phát triển đất nước.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

**** Giáo dục:*** *(2,0 điểm)*

- Thời Lý, Trần và Lê sơ, Nhà nước phong kiến Việt Nam rất quan tâm đến việc phát triển nền giáo dục dân tộc nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài phục vụ cho công cuộc xây dựng nhà nước phong kiến độc lập tự chủ.

- Năm 1070, Vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu ở Kinh đô Thăng Long → nâng cao trình độ dân trí và đào tạo nhân tài.

- Năm 1075, nhà Lý tổ chức khoa thi quốc gia đầu tiên ở kinh thành → chọn nhân tài cho đất nước.

- Từ thế kỉ XI - XV, giáo dục Đại Việt từng bước hoàn thiện và phát triển, trở thành nguồn đào tạo quan lại và người tài cho đất nước.

Năm 1247, nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi", quy định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc Tử giám.

- Thời Lê sơ, quy chế thi cử được ban hành rõ ràng, hoàn chỉnh (cứ 3 năm có 1 kì thi Hội chọn Tiến sĩ), tổ chức được 12 kì thi. Số người đi học ngày càng đông, trình độ dân trí được nâng cao.

- Năm 1484, nhà Lê cho dựng bia ghi tên tiến sĩ → tôn vinh hiền tài.

- Nền giáo dục Đại Việt đã đào tạo được nhiều trí thức Nho học tài giỏi, góp phần quan trọng vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc nhưng không tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế.

*** Văn học:** *(1,25 điểm)*

- Sự phát triển của giáo dục đã góp phần thúc đẩy văn học phát triển.

- Từ thời Lý, văn học dân tộc phát triển, hàng loạt bài thơ, bài hịch, bài phú nổi tiếng như *Nam quốc sơn hà*, *Hịch tướng sĩ*, *Bạch Đằng giang phú*, *Bình Ngô đại cáo*... cùng hàng loạt tập thơ, truyện kí ra đời như: *Việt điện u linh*, *Lĩnh Nam chích quái*... thể hiện sâu sắc tinh thần yêu nước, niềm tự hào dân tộc, đánh dấu sự hình thành của văn học dân tộc.

- Từ thế kỉ thứ XI – XII, chữ Nôm ra đời. Văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển với sự xuất hiện của hàng loạt tập thơ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lý Tự Tấn... thể hiện lòng yêu nước, tự hào dân tộc, ca ngợi những chiến công oai hùng và cảnh đẹp quê hương đất nước.

*** Nhận xét chung về văn hóa Đại Việt:** *(0,75 điểm)*

- Văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần - Lê sơ đã đạt được trình độ phát triển cao toàn diện trên tất cả các mặt: tôn giáo, tín ngưỡng, giáo dục, văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật.
- Văn hóa Đại Việt thời kì này phát triển đạt nhiều thành tựu rực rỡ, đặc sắc, mang đậm bản sắc dân tộc.
- Khẳng định tinh thần độc lập, tự chủ, làm nền cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc sau này.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Tên cuộc kháng chiến và khởi nghĩa	Thời gian	Lãnh đạo	Trận tiêu biểu	Kết quả
K/c chống Tống thời Tiền Lê	981	Lê Hoàn	Chiến thắng ở vùng Đông Bắc	Đánh tan quân Tống, bảo vệ độc lập dân tộc.
K/c chống Tống thời Lý	1075 - 1077	Lý Thường Kiệt	Trận quyết chiến trên bờ sông Như Nguyệt	Đánh tan 30 vạn quân Tống, bảo vệ độc lập dân tộc
K/c chống Mông - Nguyên lần I	1258	Vua Trần	Đông Bộ Đầu	Đánh tan 85 vạn quân Mông - Nguyên, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.
K/c chống Mông - Nguyên lần II	1285	Trần Quốc Tuấn	Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết	
K/c chống Mông - Nguyên lần III	1287 - 1288	Trần Quốc Tuấn	Bạch Đằng	
Khởi nghĩa Lam Sơn	1418 - 1427	Lê Lợi - Nguyễn Trãi	Chi Lăng - Xương Giang	Đánh tan 10 vạn quân Minh, giành lại độc lập dân tộc
K/c chống Xiêm.	1785	Nguyễn Huệ	Rạch Gầm - Xoài Mút	Đánh tan 5 vạn quân Xiêm, bảo vệ độc lập dân tộc
K/c chống Thanh	1789	Quang Trung	Ngọc Hồi - Đống Đa	Đánh tan 29 vạn quân Thanh, bảo vệ độc lập dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG - ĐÀ LẠT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Ấn Độ Mô-gôn.** *(3 điểm)*

- Giống nhau

+ Cả hai triều đại Ấn Độ Hồi giáo Đê-li và Ấn Độ Mô-gôn đều do đế quốc bên ngoài xâm chiếm và xây dựng nên.

+ Cả hai triều đại đều áp bức và thống trị nhân dân Ấn Độ.

+ Do mâu thuẫn giai cấp và dân tộc, cả hai triều đại bị suy yếu và sụp đổ.

- Khác nhau:

+ Ấn Độ Hồi giáo Đê-li:

▪ Thế kỉ XII, người Thổ Nhĩ Kì theo đạo Hồi xâm chiếm miền Bắc Ấn thành lập Vương quốc do những người Hồi giáo đứng đầu, định đô ở Đê-li, gọi là Vương quốc Hồi giáo Đê-li (thế kỉ XII-XVI).

▪ Người Thổ vào Ấn Độ mang theo đạo Hồi và truyền bá đạo Hồi.

▪ Thực hiện chính sách kì thị dân tộc và tôn giáo, bắt nhân dân Ấn Độ phải theo đạo Hồi, cấm đoán nghiệt ngã đạo Hin-đu.

▪ Thi hành chính sách áp bức bóc lột tàn bạo như: Chiếm đoạt ruộng đất của nông dân Ấn, bóc lột nông dân và thợ thủ công Ấn Độ.

▪ Nông dân Ấn Độ đấu tranh mạnh mẽ chống lại vương triều Hồi giáo Đê-li.

+ Ấn Độ Mô-gôn:

▪ Thế kỉ XVI, người Mông Cổ tấn công Bắc Ấn, thủ tiêu chính quyền Hồi giáo, lập Vương quốc Ấn Độ do người Mông Cổ đứng đầu, gọi là Vương quốc Ấn Độ Mô-gôn.

▪ Người Mông Cổ vào Ấn Độ không áp đặt một tôn giáo nào.

▪ Thực hiện chính sách đoàn kết tôn giáo, xóa bỏ sự kì thị tôn giáo, thủ tiêu những đặc quyền Hồi giáo.

▪ Thực hiện chính sách hòa hợp dân tộc, chủ trương hòa đồng với tộc Ấn Độ.

▪ Khôi phục kinh tế và phát triển văn hóa Ấn Độ, củng cố sự thống nhất và tăng cường bộ máy nhà nước trung ương tập quyền.

▪ Dù có nhiều cố gắng, song vẫn không sao thủ tiêu được mâu thuẫn giai cấp giữa tầng lớp quý tộc thuộc mọi màu sắc với nông dân bị mất đất, bị bóc lột. Sự khủng hoảng và chia rẽ bên trong đã tạo điều kiện cho thực dân châu Âu xâm chiếm Ấn Độ sau đó.

*** Nhận xét tổng quát về lịch sử Ấn Độ thời phong kiến:** *(1,0 điểm)*

- Trong thời phong kiến, Ấn Độ có vương triều do phong kiến Ấn Độ thiết lập (Vương triều Giúp-ta, vương triều Hác-sa), nhưng lại có vương triều do phong kiến ngoại tộc xâm lược lập nên (Vương triều Hồi giáo Đê-li, vương triều Hồi giáo Mô-gôn).

- Ấn Độ ít khi được thống nhất dưới chế độ phong kiến, Ấn Độ chỉ tương đối thống nhất dưới Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn.

- Phong kiến Ấn Độ cũng bị ngoại tộc tấn công như người Hung, Ep-ta-lit, người Arập, người Tốc ...

- Trong thời phong kiến, Ấn Độ đạt được những thành tựu: Kiến trúc, nghề đúc kim khí; nghề dệt và nhuộm phát triển; có nhiều giống cây trồng; có quan hệ buôn bán rộng rãi ...

- Ở Ấn Độ thời phong kiến, ngoài mâu thuẫn giai cấp còn có mâu thuẫn đẳng cấp và mâu thuẫn tôn giáo rất nặng nề.

- Dưới thời phong kiến, Ấn Độ có nhiều cuộc đấu tranh của quần chúng bị trị chống lại giai cấp thống trị.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc**

Cam-pu-chia: *(1,25 điểm)*

– *Dân tộc:* Người Cam-pu-chia có tên tộc là người Khơ-me, vốn là một nhóm của người Môn cổ.

– *Địa bàn cư trú*: Thoạt tiên họ sống ở phía Bắc nước Cam-pu-chia ngày nay, trên cao nguyên Cò Rạt và mạn trung lưu sông Mê Công.

– *Thế kỉ V*, xã hội có giai cấp và nhà nước hình thành, họ tự gọi tên nước mình là Cam-pu-chia.

– *Thời kì phát triển của Vương quốc* kéo dài từ thế kỉ IX đến thế kỉ XV (còn gọi là thời kì Ăng-co). Trong thế kỉ X - XII, Cam-pu-chia trở thành một trong những Vương quốc mạnh và ham chiến nhất Đông Nam Á (tiêu biểu là vua Gia-ya-vac-man VII, cuối thế kỉ XII là ông vua kiệt xuất nhất trong lịch sử Cam-pu-chia bởi những chiến công chinh chiến và các công trình xây dựng).

– *Thế kỉ XIII*, Cam-pu-chia bắt đầu suy thoái do bị người Thái tấn công nhiều lần, đến năm 1863 bị Pháp xâm lược.

Lào: *(1,25 điểm)*

– *Dân tộc:* Người Lào cổ sinh sống từ thời xa xưa. Họ có thể là tổ tiên của những người được gọi là Lào Thơng sống trên vùng núi Nam Lào ngày nay.

– *Thế kỉ XIII*, một nhóm người nói tiếng Thái di cư đến sinh sống hòa hợp với dân cư cổ, gọi là người Lào Lùm.

– *Năm 1353*, nhà nước ra đời, ông vua sáng lập là Pha Ngừm đặt tên nước là Lan Xang(nghĩa là Triệu Voi).

– *Lan Xang bước vào giai đoạn thịnh vượng* ở các thế kỉ XV - XVII. Phát triển cao nhất dưới thời vua Xu-li-nha Vông-xa (cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII).

– *Từ cuối thế kỉ XVIII*, Lang-Xang suy yếu và bị Xiêm xâm lược. Năm 1893, bị pháp biến thành thuộc địa.

*** Những thành tựu văn hóa của hai dân tộc Cam-pu-chia và Lào:** *(1,5 điểm)*

- Tôn giáo:

+ Thời gian đầu, Cam-pu-chia theo đạo Hin-đu, thờ các thần Thiện (Vis-nu) và thần Ác (Si-va).

+ Thế kỉ XII, đạo Phật có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia. Thế kỉ XIII, đạo Phật được truyền bá vào Lào và Cam-pu-chia theo một dòng mới (Tiểu thừa). Từ đó, tạo một bước ngoặt trong văn hóa ở hai nước.

+ Chùa thay thế cho đền tháp

+ Văn học Phật giáo phát triển mạnh.

- Kiến trúc:

Xây dựng nhiều đền tháp, chùa, ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu giáo của Ấn độ:

+ Cam-pu-chia có Ăng-co Vat, Ăng-co Thom.

+ Lào có Thạt luổng.

- Chữ viết:

+ Từ chữ Phạn, người Khơ-me sáng tạo ra chữ Khơ-me cổ. Đây là một sáng tạo lớn của người Khơ-me trong lĩnh vực văn hóa.

+ Người Lào có chữ viết riêng, được xây dựng một cách sáng tạo trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

- Nghệ thuật ca múa:

Cả hai nước đều thích ca múa và sử dụng nhiều nhạc cụ độc đáo.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Sự phát triển giáo dục, văn học, nghệ thuật của quốc gia Đại Việt từ thế kỉ X đến thế kỉ XV.

*** Giáo dục:** *(1,0 điểm)*

- Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long.

- Năm 1075, nhà Lý tổ chức khoa thi quốc gia đầu tiên.

- Từ thế kỉ XI - XV, giáo dục Đại Việt từng bước được hoàn thiện, trở thành nguồn đào tạo quan chức và nhân tài cho đất nước.

- Năm 1247, nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi", quy định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc tử giám

- Thời Lê sơ, quy chế thi cử được quy định rõ ràng.

*** Văn học:** *(1,0 điểm)*

- Từ thời Lý: Văn học dân tộc đã định hình và ngày càng phát triển, hàng loạt bài thơ, bài hịch, bài phú nổi tiếng ra đời như: bài *Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo*. Bên cạnh đó, còn có truyện ký như: *Việt điện u linh, Lĩnh Nam chích quái...*

- Từ thế kỉ XI - XII, chữ Nôm ra đời, văn học chữ Hán và chữ Nôm đều phát triển. Tiêu biểu có các nhà thơ: Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lý Tử Tấn ....

*** Nghệ thuật:** *(1,0 điểm)*

- Nghệ thuật kiến trúc: Có bước phát triển mới, công trình Phật giáo được xây dựng khắp nơi như: Chùa Một cột, Chùa Dâu, chùa Phật Tích, Tháp Báo Thiên, tháp Phổ Minh, chuông, tượng được đúc, tạc rất nhiều.

- Bên cạnh đó, có những công trình kiến trúc ảnh hưởng Nho giáo: xây cung điện, Kinh thành (thành Thăng Long), Thành nhà Hồ với nghệ thuật xây dựng hết sức độc đáo.

- Nghệ thuật điêu khắc tinh tế, độc đáo: bệ chân cột hình hoa sen nở, phù điêu nổi cô tiên, vũ nữ múa....

- Nghệ thuật sân khấu đa dạng: Ca múa nhạc, chèo, tuồng, múa rối...

*** Nhận xét về giáo dục:** *(1,0 điểm)*

- *Tích cực:*

+ Đào tạo quan chức và nhân tài cho đất nước, nâng cao dân trí, góp phần vào việc xây dựng và phát triển của quốc gia Đại Việt.

+ Giáo dục được quan tâm, vị trí Nho giáo dần được nâng cao.

- *Hạn chế:* Nội dung giáo dục chủ yếu thiên về thiên văn, triết học, đạo đức, chính trị. Không tạo điều kiện cho phát triển kinh tế.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước bảo vệ Tổ quốc của phong trào Tây Sơn thắng lợi do những nguyên nhân sau:

**** Nhờ có ý chí đấu tranh chống áp bức bóc lột và tinh thần yêu nước cao cả của nhân dân ta, biểu hiện:*** *(1,25 điểm)*

– Sự ủng hộ về voi, ngựa, lương thực của đồng bào thiểu số. Sự nhiệt liệt tham gia nghĩa quân của nông dân nghèo người Chăm, Ba-na (ở vùng An Khê), của thợ thủ công, thương nhân, kể cả hào mục các địa phương... ngay từ khi nghĩa quân dựng cờ khởi nghĩa ở vùng Tây Sơn thượng đạo.

– Trong cuộc hành quân ra Bắc của vua Quang Trung (1788), nhân dân Nghệ An, Thanh Hóa và nhân dân các địa phương hưởng ứng tạo nên trận "Rồng lửa" trong trận Đống Đa vào ngày mùng 5 tết Kỉ Dậu.

– Nghĩa quân và các tầng lớp nhân dân đã chiến đấu vô cùng anh dũng, kiên cường, mưu trí, tạo nên sức mạnh áp đảo kẻ thù.

**** Nhờ có sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của bộ chỉ huy nghĩa quân mà đứng đầu là Quang Trung - Nguyễn Huệ:*** *(2,75 điểm)*

– Ngay từ đầu, ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ và Nguyễn Lữ đã đưa ra khẩu hiệu "lấy của người giàu chia cho người nghèo" trong lúc mâu thuẫn giữa nhân dân Đàng Trong với tập đoàn thống trị nhà Nguyễn ngày càng sâu sắc, điều này đã đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân. Vì thế, cuộc khởi nghĩa đã tập hợp được một lực lượng vô cùng to lớn lên tới hàng vạn người.

– Khi quân Trịnh vào đánh chiếm Phú Xuân, không chống cự nổi, chúa Nguyễn phải bỏ chạy vào Gia Định. Nghĩa quân Tây Sơn rơi vào tình thế bất lợi: Phía Bắc có quân Trịnh, phía Nam có quân Nguyễn. Vì vậy, theo kế sách của Nguyễn Huệ, Tây Sơn đã khôn khéo giảng hòa với quân Trịnh, để dồn sức đánh quân Nguyễn ở phía Nam và nhanh chóng lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong.

– Nghệ thuật quân sự tài tình của Nguyễn Huệ trong cách phục binh ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút (Mĩ Tho - Tiền Giang): Năm 1785, Nguyễn Huệ đã nhử quân Xiêm ra khỏi Trà Tân và bố trí trận địa mai phục khiến quân Xiêm bất ngờ bị đánh bại.

– Kế hoạch rút quân khỏi Thăng Long của Ngô Thì Nhậm và việc tổ chức xây dựng phòng tuyến Tam Điệp, Biện Sơn: Đây là một kế hoạch sáng suốt, vừa để bảo toàn lực lượng của quân ta, vừa tạo cho quân địch sự chủ quan, kiêu ngạo, mất cảnh giác.

– Trong cuộc hành quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh, Quang Trung đã kết hợp các yếu tố: Thần tốc, bí mật, bất ngờ, chọn đúng thời cơ(dịp tết quân Thanh ăn chơi, mất cảnh giác) và nhanh chóng giành thắng lợi.

– Được tin quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta, ngày 22 – 12 -1788, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế ở Phú Xuân hiệu Quang Trung rồi tiến quân ra Bắc. Đây là việc làm đúng thời điểm, hợp lòng dân, nhằm tạo ra ngọn cờ chính trị để có thể đủ sức tập hợp sức mạnh trí tuệ của cả dân tộc, tăng thêm uy tín và vai trò của Quang Trung trên cương vị chỉ huy tối cao trong cuộc đại phá quân Thanh.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng so sánh về tổ chức chính quyền Đàng Ngoài và Đàng Trong.**

Nội dung so sánh	Đàng Ngoài	Đàng Trong
Chính quyền trung ương *(1,0 điểm)*	- Gồm triều đình nhà Lê và phủ chúa Trịnh. - Vua Lê đứng đầu triều đình nhưng chỉ là danh nghĩa. - Phủ chúa nắm mọi quyền hành, gồm quan văn, quan võ. Về sau, Chúa đặt ra sáu phiên để chỉ đạo các bộ - Ban đầu không có triều đình trung ương.	- Năm 1744, chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, lập chính quyền trung ương, đổi 3 ti thành 6 bộ.
Chính quyền địa phương *(1,0 điểm)*	- Cả Đàng Ngoài chia thành 12 trấn có trấn thủ đứng đầu, có 2 ti giúp đỡ. - Dưới trấn là phủ, huyện, châu, xã. - Tuyển chọn quan lại như thời Lê sơ.	- Ban đầu cả Đàng Trong chia thành 12 dinh, nơi đóng phủ Chúa gọi là chính dinh. - Mỗi dinh có 2 hay 3 ti coi việc thu thuế và hộ khẩu. - Dưới dinh là phủ, huyện, tổng, xã. - Tuyển chọn quan lại bằng nhiều cách: dòng dõi, đề cử, khoa cử.
Quân đội *(1,0 điểm)*	- Quân thường trực (quân Tam phủ) tuyển ở 3 phủ của Thanh Hóa, được nhiều ưu đãi (gọi là ưu binh). - Ngoại binh tuyển ở 4 trấn quanh kinh thành.	- Gồm quân thường trực tuyển theo nghĩa vụ, được trang bị vũ khí như phương Tây.

*** Có sự phân chia Đàng Trong - Đàng Ngoài vì:** *(1,0 điểm)*

- Ngay từ khi cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều còn đang tiếp diễn thì nội bộ Nam triều đã nảy sinh mầm mống của sự chia rẽ. Trịnh Kiểm thâu tóm trong tay mọi quyền hành và loại bỏ dần ảnh hưởng của nhà Nguyễn.

- Để tránh âm mưu bị ám hại của họ Trịnh, Nguyễn Hoàng đã tìm cách trốn vào trấn thủ ở Thuận Hóa, rồi sau đó trấn thủ ở cả xứ Quảng Nam. Khu đất này dần dần trở thành vùng đất của tập đoàn phong kiến Nguyễn.

- Vùng đất từ sông Gianh, lũy Thầy (Quảng Bình) trở ra Bắc nằm dưới quyền cai trị của chính quyền Lê - Trịnh gọi là Đàng Ngoài. Vùng Thuận Quảng ở phía Nam được gọi là Đàng Trong của chính quyền họ Nguyễn.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE
TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Trình bày những nét chính về hai Vương triều Hồi giáo Đê-li và Vương triều Mô-gôn:** *(3,0 điểm)*

+ Những nét chính về Vương triều Hồi giáo Đê-li:

• Hoàn cảnh lịch sử: Do sự phân tán đã không đem lại sức mạnh thống nhất để chống lại cuộc tấn công bên ngoài của người Hồi giáo gốc Thổ.

• Quá trình hình thành: Năm 1206, người hồi giáo chiếm đất Ấn Độ, lập vương triều Hồi giáo Ấn Độ gọi là Đê-li.

• Chính sách thống trị: Truyền bá, áp đặt Hồi giáo, tự dành cho mình quyền ưu tiên về ruộng đất, địa vị trong bộ máy quan lại; có sự phân biệt sắc tộc và tôn giáo. Văn hóa Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ.

+ Những nét chính về Vương triều Mô-gôn

• 1398, thủ lĩnh - vua Ti-mua Leng thuộc dòng dõi Mông Cổ tấn công Ấn Độ, đến 1526 vương triều Mô-gôn được thành lập.

• Các đời vua đều ra sức củng cố theo hướng "Ấn Độ hóa" và xây dựng đất nước. Ấn độ có bước phát triển mới.

Thời A-cơ-ba (1566 - 1605) với nhiều chính sách tích cực như: xây dựng chính quyền mạnh, hòa hợp dân tộc, phát triển kinh tế, văn hóa, nghệ thuật.

• Giai đoạn cuối do chính sách cai trị hà khắc của giai cấp thống trị: chuyên chế, đàn áp, lao dịch nặng nề, xây dựng nhiều công trình rất tốn kém…

Tạo nên sự phản ứng của nhân dân ngày càng cao, nên Ấn Độ lâm vào khủng hoảng. Ấn Độ đứng trước sự xâm lược của thực dân phương Tây (Bồ Đào Nha và Anh).

*** Những điểm giống nhau giữa hai vương triều:** *(1,0 điểm)*

– Cả 2 vương triều đều được xác lập trên cơ sở sự xâm nhập từ bên ngoài vào Ấn Độ.

– Cả 2 đều áp đặt nền thống trị hà khắc làm nảy sinh mâu thuẫn dân tộc gay gắt → Cuối mỗi vương triều đều rơi vào tình trạng suy yếu, khủng hoảng rồi sụp đổ.

– Góp phần làm phong phú nền văn hóa truyền thống Ấn Độ.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX:** *(3,5 điểm)*

Các giai đoạn	Thời gian	Nội dung
Giai đoạn hình thành	Thế kỉ VII → thế kỉ X	- Tên và địa bàn của các quốc gia tiêu biểu: + Cam-pu-chia của người Khơ-me. + Sri Keset-tria ở lưu vực sông I-ra-oa-đi. + Hi-ri-pun-giay-a, Đva-ra-va-ti ở sông Mê Nam. + Sri-vi-giay-a, Ma-ta-ram ở In-đô-nê-xi-a…
Giai đoạn phát triển	Nửa sau Thế kỉ X → nửa đầu thế kỉ XVIII	- Tên và địa bàn của các quốc gia tiêu biểu: + Đại Việt. + Ăng-co. + Pa-gan Tôn-gu. + Mô-giô-pa-hit. + Su-khô-thay - A-u-thay. + Lan-xang… - Kinh tế phát triển: lúa gạo, sản phẩm thủ công, hương liệu… - Chính trị ổn định, chế độ phong kiến tập quyền.
Giai đoạn suy thoái	Nửa sau Thế kỉ XVIII → Giữa thế kỉ XIX	-Khủng hoảng kinh tế, chính trị. -Sự xâm nhập của các nước tư bản phương Tây

** Nhận xét: (0,5 điểm)*

– Do địa hình phân tán nên hình hành nên các quốc gia nhỏ, thời gian ra đời phát triển và suy vong không đồng nhất với nhau.

– Có sự giao lưu giữa các nước trong vùng. Chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn độ.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

- Ý thức bảo vệ độc lập dân tộc biểu hiện qua các thế kỉ XI → XVIII, ở các khía cạnh: Đấu tranh chống ngoại xâm, các văn kiện có tính chất tuyên ngôn, xây dựng nền độc lập:

*** Đấu tranh chống ngoại xâm:** *(1,5 điểm)*

- Kháng chiến chống Tống của Lê Hoàn năm 981.
- Kháng chiến chống Tống của Lí Thường Kiệt năm 1075 → 1077.
- Kháng chiến chống quân Mông Cổ của vua tôi nhà Trần năm 1258.
- Kháng chiến chống quân Nguyên của vua tôi nhà Trần năm 1285.

- Kháng chiến chống quân Nguyên của vua tôi nhà Trần năm 1287 → 1288
- Kháng chiến chống Minh với Khởi nghĩa Lam Sơn của Lê Lợi năm 1418-1427
- Kháng chiến chống quân Xiêm của Nguyễn Huệ năm 1785
- Kháng chiến chống quân Thanh của Quang Trung năm 1789

*** Các văn kiện có tính chất tuyên ngôn, khẳng định nền độc lập dân tộc:** *(1,5 điểm)*

- *Nam quốc sơn hà* của Lý Thường Kiệt.
- *Hịch tướng sĩ* của Trần Quốc Tuấn.
- *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi.
- *Biểu dụ* của Quang Trung

*** Xây dựng nền độc lập** với nền chính trị ổn định, kinh tế phát triển và xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. *(1,0 điểm)*

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nghĩa quân Tây Sơn đã hoàn thành hai nhiệm vụ thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc:** *(3,25 điểm)*

– *Nhiệm vụ thống nhất đất nước:*

+ Vào giữa thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Ngoài khủng hoảng sâu sắc.

Phong trào nông dân bùng lên rầm rộ, kéo dài trong 10 năm, nhưng cuối cùng bị đàn áp.

+ Nửa sau thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Trong cũng bước vào khủng hoảng. Năm 1771, cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ ở ấp Tây Sơn (Bình Định) do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Lữ, Nguyễn Huệ lãnh đạo.

Từ Tây Sơn cuộc khởi nghĩa đã phát triển, lật đổ chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong, làm chủ vùng từ Quảng Nam trở vào.

+ Từ 1786 → 1788, phong trào Tây Sơn tiếp tục tiến ra Đàng Ngoài, lật đổ chính quyền vua Lê- chúa Trịnh, làm chủ đất nước.

Sự nghiệp thống nhất đất nước cơ bản hoàn thành.

– *Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc:*

+ Kháng chiến chống Xiêm (1785):

- Đầu những năm 80 của thế kỉ XVIII, sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh chạy sang Xiêm(Thái Lan) cầu cứu. Vua Xiêm sai tướng mang 5 vạn quân thủy bộ sang xâm lược nước ta.
- Đầu 1785, quân Tây Sơn dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ đã tổ chức trận Rạch Gầm - Xoài Mút đánh tan quân Xiêm bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc.

+ Kháng chiến chống quân Thanh (1789)

- Sau khi chính quyền Lê - Trịnh bị lật đổ, Lê Chiêu Thống cùng một số cận thần bỏ chạy lên phía Bắc và sang Trung Quốc cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh sai tướng mang 29 vạn quân sang xâm lược nước ta.

▪ Được tin đó Bắc Bình Vương - Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế - lấy hiệu là Quang Trung, chỉ huy quân tiến ra Bắc. Chỉ trong 5 ngày đêm (từ 30 tháng chạp Mậu Thân (1788) → mồng 5 tháng Giêng năm Kỉ Dậu (1789)) với cuộc hành quân thần tốc, nghĩa quân Tây Sơn đánh bại hoàn toàn quân xâm lược và tiến vào Thăng Long, chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa còn vang mãi về sau.

*** Đánh giá vai trò của Quang Trung trong hai cuộc kháng chiến chống Xiêm, Thanh:** *(0,75 điểm)*

+ Trực tiếp chỉ huy kháng chiến.

+ Vạch ra kế hoạch đánh địch đúng đắn, sáng tạo, bất ngờ chắc thắng.

+ Huy động nhân dân, đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc.

CÂU HỎI 5:(4điểm)

*** Vẽ sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước:**

– Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lý - Trần - Hồ: *(0,75 điểm)*

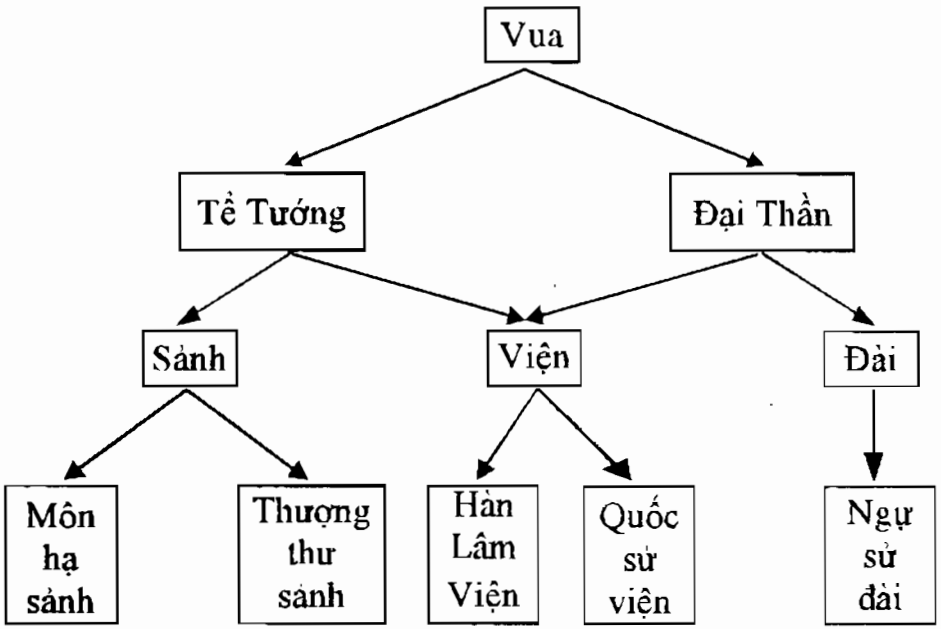

– Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ: *(1,75 điểm)*

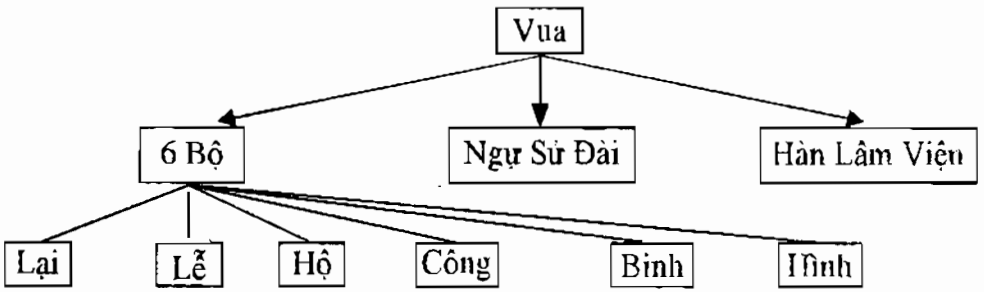

*** Nhận xét về tổ chức bộ máy nhà nước thời phong kiến ở nước ta:** *(1,0 điểm)*

– Đều tập trung quyền lực vào tay vua (chế độ quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

– Thời Lý - Trần- Hồ nền quân chủ chuyên chế còn có mức độ vì dưới vua còn có tể tướng và các đại thần, còn thời Lê sơ nhà vua làm việc trực tiếp với các cơ quan trung ương nên chứng tỏ vua nắm mọi quyền hành, chuyên chế ở mức độ cao hơn thời Lý- Trần- Hồ.

– Bộ máy nhà nước thời phong kiến được tổ chức chặt chẽ từ trung ương → địa phương.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÀ VINH
TRƯỜNG THPTCHUYÊN TRÀ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình hình thành Vương quốc Cam-pu-chia:** *(1,0 điểm)*

- Ở Cam-pu-chia, tộc người đa số là Khơ-me. Địa bàn sinh sống chủ yếu của họ trên cao nguyên Cò Rạt.

- Đến thế kỉ thứ VI, Vương quốc của người Khơ-me hình thành, họ tự gọi là Cam-pu-chia.

- Thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia kéo dài từ thế kỉ thứ IX đến thế kỉ XV, còn gọi là thời kì Ăng-co.

*** Biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt của Vương quốc Cam-pu-chia:** *(3,0 điểm)*

–Kinh tế:

+ Nông nghiệp: Người dân sống chủ yếu bằng nông nghiệp. Người ta đào nhiều hồ, kênh, máng để trữ và điều phối nước tưới.

+ Ngư nghiệp: Đánh bắt cá ở Biển Hồ.

+ Thủ công nghiệp: Có nhiều thợ khéo tay, đặc biệt là các nghề làm đồ trang sức và chạm khắc trên đá, trên các bức phù điêu của đền, tháp.

– Văn hóa, kiến trúc:

+ Chữ viết: Trên cơ sở chữ Phạn, người Khơ-me tạo ra chữ viết riêng của mình.

+ Văn học: Dòng văn học dân gian và văn học viết có nhiều tác phẩm có giá trị: thần thoại, truyện cười, truyện trạng...

+ Nghệ thuật kiến trúc gắn liền với tín ngưỡng tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom, khu đền Bay-on.

– Về chính trị: Các vua Cam-pu-chia không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài. Trong các thế kỉ X - XII, Cam-pu-chia trở thành một trong những nước mạnh và ham chiến trận nhất Đông Nam Á.

– Từ thế kỉ XIII, Cam-pu-chia bắt đầu suy yếu do Vương quốc Thái tấn công xâm lược, rất nhiều lần họ phải bỏ kinh đô về miền Nam nhưng vẫn không yên cho đến khi bị Pháp xâm lược (1863).

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Ấn Độ có nền văn hóa phát triển lâu đời:** *(1,0 điểm)*

- Tôn giáo: (Phật giáo và Hin-đu giáo): Cùng với những tập tục và lễ nghi tôn giáo được hình thành rất sớm.

- Nghệ thuật kiến trúc đền chùa, lăng mộ như kiểu đền tháp, hình tháp, lăng mộ hình bát úp, bán cầu.

- Nghệ thuật tạc tượng Phật giáo, Hin-đu giáo, qua các thời kì, các phong cách, kiểu dáng.

- Chữ viết: Đặc biệt là chữ Phạn dùng để viết văn, ghi tài liệu, khắc bia và chữ Pa-li dùng để viết kinh Phật.

*** Vẽ sơ đồ biểu hiện văn hóa truyền thống Ấn Độ:** *(2,0 điểm)*

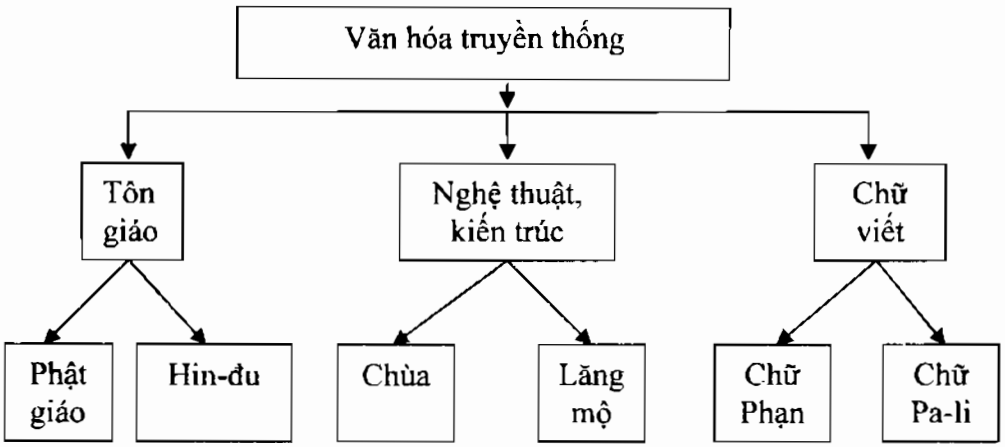

*** Ấn Độ được coi là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại:** *(1,0 điểm)*

- Văn hóa Ấn Độ được hình thành từ rất sớm(khoảng thiên niên kỉ thứ III TCN).

- Ấn Độ có một nền văn hóa phát triển cao, phong phú, toàn diện, trong đó có một số thành tựu vẫn được sử dụng tới ngày nay.

- Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng rộng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Bảng so sánh sự khác nhau giữa cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý và chống Mông - Nguyên thời Trần:

Nội dung so sánh	Kháng chiến chống Tống	Kháng chiến chống Mông - Nguyên
Thời gian	1075 - 1077	- Lần 1: 1258 - Lần 2: 1285 - Lần 3: 1287 - 1288
Tình hình	Đại Việt đang vươn lên trong xây dựng đất nước.	Đại Việt đang trên bước đường ổn định và phát triển.

Nội dung so sánh	Kháng chiến chống Tống	Kháng chiến chống Mông - Nguyên
Người chỉ huy	Lý Thường Kiệt	Các vị vua nhà Trần, Trần Thủ Độ và nhà quân sự Trần Hưng Đạo.
Cách tổ chức kháng chiến	Thực hiện chủ trương "Tiên phát chế nhân", chủ động tấn công sang đất Tống, rồi chủ động rút về xây dựng phòng tuyến bên bờ sông Như Nguyệt đợi giặc.	Ba lần rút khỏi kinh thành Thăng Long với chiến thuật "Vườn không nhà trống". Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng, đợi quân giặc mệt mỏi ta tổ chức phản công giành thắng lợi.
Trận quyết chiến	Sông Như Nguyệt	Các trận, Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết, Vạn Kiếp, Trận Bạch Đằng.
Cách kết thúc chiến tranh	Chủ động giảng hoà, quan hệ Việt - Tống tốt đẹp.	Dùng thắng lợi quân sự để làm nhục ý chí xâm lược của kẻ thù.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Những việc mà nhà nước và nhân dân Đại Việt đã làm để phát triển nông nghiệp:** *(2,75 điểm)*

Nhà nước Đại Việt là nhà nước độc lập, tự chủ, đã tạo mọi điều kiện phát triển kinh tế, nhất là nông nghiệp:

– Khuyến khích công cuộc khai hoang, mở rộng diện tích canh tác, nhiều làng xóm mới được thành lập.

– Tích cực khai hoang vùng châu thổ, các con sông lớn và ven biển.

– Các vị vua Tiền Lê, Lý hàng năm làm lễ cày tịch điền, khuyến khích sản xuất.

– Nhà Trần khuyến khích các vương hầu, quý tộc mộ dân nghèo đi khai hoang, lập điền trang.

– Thuỷ lợi được quan tâm. Đặt ra chức Hà đê sứ trông nom đê điều.

– Năm 1248, nhà Trần cho đắp đê "Quai Vạc", từ đầu nguồn đến cửa biển.

– Đặt ra phép "Quân điền", "Lộc điền".

– Thời Lê sơ cho đắp đê biển mở rộng ruộng đồng

– Thời Lý- Trần- Lê bảo vệ sức kéo, đẩy mạnh chăn nuôi.

– Ngoài trồng lúa, trồng cây lương thực khoai, sắn, cây công nghiệp bông, dâu.

*** Nhận xét về tác dụng của sự phát triển nông nghiệp:** *(1,25 điểm)*

– Nông nghiệp phát triển, đảm bảo đời sống nhân dân ấm no, trật tự xã hội ổn định. Nhân dân tích cực tham gia xây dựng quê hương, đất nước.

– Góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ.

– Nông nghiệp phát triển mạnh, tạo điều kiện tăng cường sức mạnh của quân đội và quốc phòng, góp phần xây dựng nước Đại Việt cường thịnh, nền độc lập được củng cố, chế độ, đất nước được giữ vững.

CÂU HỎI 5: *(4.0 điểm)*

*** Bối cảnh lịch sử:** *(1,0 điểm)*

– Thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Ngoài bước vào giai đoạn khủng hoảng, sâu sắc. Trong triều bọn ninh thần hoành hành, địa chủ, cường hào hào chiếm ruộng đất,sách nhiễu nông dân.Nông dân bị bóc lột, thiên tai, mất mùa,nạn đói liên tiếp xảy ra → Phong trào đấu tranh của nông dân bùng nổ khắp nơi.

– Từ giữa thế kỉ XVIII, xã hội Đàng Trong cũng lâm vào cảnh đói kém, khủng hoảng. Chính quyền chúa Nguyễn đã sa đoạ còn định vĩnh viễn tách thành một quốc gia riêng biệt.*(0.5đ)*

*** Diễn biến:** *(2,0 điểm)*

– Năm 1771, cuộc khởi nghĩa nông dân do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo bùng nổ ở ấp Tây Sơn (Bình Định).

– Năm 1777, nghĩa quân nhanh chóng thu hút sự ủng hộ của nông dân, mở rộng vùng chiếm đóng, đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn làm chủ đất Đàng Trong.

– Đầu năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đã đánh tan 5 vạn quân Xiêm do Nguyễn Ánh rước về, ở trận Rạch Gầm- Xoài Mút.

– Năm 1786, Nguyễn Huệ đã lãnh đạo nghĩa quân Tây Sơn đánh ra Đàng Ngoài, dưới lá cờ " Phù Lê diệt Trịnh", chính quyền chúa Trịnh bị lật đổ.

– Cuối năm 1786, 29 vạn quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta, theo lời cầu viện của Lê Chiêu Thống. Năm 1789, dưới sự lãnh đạo của người " Anh hùng áo vải" Quang Trung, tấn công thần tốc, bất ngờ, đánh tan 29 vạn quân Thanh xâm lược ở trận Ngọc Hồi - Đống Đa, đất nước hoàn toàn được giải phóng, thống nhất.

*** Phong trào Tây Sơn đã hoàn thành 2 nhiệm vụ:** *(1,0 điểm)*

- Xoá bỏ các lực lượng phong kiến cát cứ trong nước (chúa Nguyễn và chúa Trịnh), tạo cơ sở vững chắc cho sự thống nhất quốc gia.

- Đánh tan 5 vạn quân Xiêm xâm lược ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút, tiêu diệt 29 vạn quân Thanh ở trận Ngọc Hồi - Đống Đa, giải phóng Thăng Long, giữ vững nền độc lập, bảo vệ đất nước.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4.0 điểm)*

- Vương triều Giúp-ta do vua Giúp-ta sáng lập, đã thống nhất một vùng lãnh thổ rộng lớn gồm toàn bộ miền Bắc và miền Trung Ấn, trải qua 9 đời vua trong gần 150 năm (319 - 467), không ngừng đưa đất nước phát triển.

- Gọi thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ bởi vì vào thời kì này đã xuất hiện nhiều tôn giáo, chữ viết, kiến trúc, điêu khắc mang đặc trưng riêng biệt, làm cơ sở cho sự hình thành nền văn hóa truyền thống Ấn Độ (văn hóa Hin-đu).

- Làm cho nền văn hóa truyền thống của Ấn Độ có giá trị vĩnh cửu, xuyên suốt lịch sử loài người. Cụ thể:

+ Tôn giáo: ra đời, hưng thịnh đạo Phật, đạo Ấn (Hin-đu giáo).

+ Chữ viết: chữ Phạn.

+ Kiến trúc, điêu khắc: ảnh hưởng kiến trúc Phật giáo, Hin-đu giáo. Tiêu biểu là lăng mộ Taj-ma-han.

+ Văn học: Nhiều tác phẩm tiêu biểu.

- Thời kì Giúp-ta không chỉ tạo nên một nền văn hóa đặc sắc cho Ấn Độ mà nền văn hóa này còn được truyền bá ra nước ngoài và ảnh hưởng sâu sắc đến các nước Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Các biểu hiện về sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỉ XVI – XVIII:

- Đây là thời kì hình thành các quốc gia dân tộc, là cơ sở để xác lập và phát triển cực thịnh chế độ phong kiến ở Đông Nam Á.

– Kinh tế phát triển mạnh:

+ Nông nghiệp: Hình thành những vùng kinh tế quan trọng, có khả năng cung cấp một khối lượng lớn lúa gạo.

+ Thủ công nghiệp: Nhiều ngành nghề phát triển, như: dệt vải, hàng sơn, đồ sứ, thuốc nhuộm, chế phẩm kim khí, v.v...

+ Thương nghiệp và ngoại thương rất phát triển. Lái buôn của nhiều nước trên thế giới đến đây buôn bán, mang sản vật của Đông Nam Á, như: các loại gỗ quý, hương liệu, gia vị, đá quý, ngọc trai, cánh kiến,... về nước họ hay đến những nơi khác xa xôi hơn.

– Chính trị: tổ chức bộ máy chặt chẽ, kiện toàn từ trung ương đến địa phương.

– Văn hóa: của mỗi dân tộc được hình thành và phát triển trên cơ sở tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hóa nước ngoài và phát huy văn hóa bản địa để tạo nên nền văn hóa riêng mang đậm bản sắc mỗi dân tộc:

+ Một số công trình văn hóa tiêu biểu của Đông Nam Á đã ra đời trong giai đoạn này, như: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom (Cam-pu-chia); Thạt Luổng (Lào); Bô-rô-bu-đua (In-đô-nê-xi-a).

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Thủ công nghiệp:** *(2,0 điểm)*

- Các nghề *thủ công cổ truyền* như làm gốm, sứ, dệt vải lụa, làm giấy, làm đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng... tiếp tục phát triển và đạt trình độ cao.

- Nhiều *nghề thủ công mới* xuất hiện như: nghề khắc in bản gỗ, làm đường trắng, làm đồng hồ, làm tranh sơn mài.

- Số *làng nghề* như: dệt lụa, lĩnh các loại, làm giấy, làm gốm sứ, nhuộm vải, đúc đồng,... tăng lên ngày càng nhiều.

- Ngành khai mỏ - một ngành quan trọng, rất phát triển ở cả Đàng Trong và Đàng Ngoài.

*** Thương nghiệp:** *(2,0 điểm)*

- *Nội thương*: Buôn bán trong nước ngày càng phát triển. Cụ thể:

+ Chợ làng, chợ huyện, chợ phủ... mọc lên khắp nơi và ngày càng đông đúc.

+ Ở nhiều nơi xuất hiện làng buôn và trung tâm buôn bán của vùng.

+ Buôn bán lớn (buôn chuyến, buôn thuyền) xuất hiện.

+ Buôn bán giữa các vùng, miền phát triển.

- *Ngoại thương*: Phát triển mạnh:

+ Thuyền buôn các nước, kể cả các nước châu Âu (Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh), đến nước ta ngày càng nhiều.

+ Họ chở đến nước ta những sản phẩm: vũ khí, thuốc súng, len dạ, bạc, đồng, đồ sứ,...

+ Họ mua: tơ lụa, đường, gốm, các loại nông sản, lâm sản quý... chở đi.

+ Thương nhân nhiều nước: Nhật Bản, Trung Hoa, Hà Lan, Anh, Pháp đã xin lập phố xá, cửa hàng để buôn bán lâu dài.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nhận xét:** *(2,0 điểm)*

– Đạo Phật được truyền bá vào Đông Nam Á từ những thế kỉ đầu Công nguyên, đến thế kỉ XIII trở nên phổ biến. Đạo Phật có ảnh hưởng lớn trong đời sống chính trị, xã hội và văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á nói chung, Đại Việt nói riêng:

+ Nhà sư được trọng dụng.

+ Tư tưởng đạo Phật được truyền bá trong nhân dân.

+ Chùa chiền xây dựng nhiều - không chỉ là nơi thờ cúng mà còn là trung tâm văn hóa.

- Phật giáo du nhập vào nước ta từ thời Bắc thuộc, đến thế kỉ X- XIV, Phật giáo phát triển mạnh, trở thành quốc giáo.

- Tư tưởng Phật giáo được truyền bá rộng rãi trong nhân dân.

*** Nguyên nhân:** *(2,0 điểm)*

– Nhà Lý - Trần đã tạo nhiều điều kiện cho sự phát triển của Phật giáo:

+ Nhà nước khuyến khích, cho phép Phật giáo phát triển trở thành quốc giáo.

+ Tư tưởng Phật giáo phù hợp với nhân dân, Phật giáo có điều kiện phát triển rộng trong nhân dân.

- Nhà Lê có những chính sách hạn chế sự phát triển của Phật giáo, đồng thời khuyến khích Nho giáo phát triển mạnh trở thành quốc giáo:

+ Tư tưởng Phật giáo bộc lộ những hạn chế.

+ Nhà nước chủ trương hạn chế sự phát triển của Phật giáo, khuyến khích Nho giáo phát triển mạnh trở thành quốc giáo để hoàn thiện bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế quan liêu.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng:** *(2,0 điểm)*

STT	Các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa	Thời gian	Những trận đánh tiêu biểu
1	Kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê	981	Bạch Đằng
2	Kháng chiến chống Tống thời Lý	1075 - 1077	Như Nguyệt
3	Kháng chiến chống Mông - Nguyên	1258, 1285, 1288	Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Tây Kết, Chương Dương, Vạn Kiếp, Bạch Đằng.
4	Khởi nghĩa Lam Sơn	1418 - 1427	Tân Bình, Thuận Hoá, Chi Lăng - Xương Giang.

*** So sánh:** *(2,0 điểm)*

** Giống nhau:*

- Đều là những cuộc kháng chiến, khởi nghĩa vì nền độc lập của dân tộc.
- Kết quả: đều giành được thắng lợi.

** Khác nhau:*

– Hoàn cảnh khi tiến hành:

+ Lý - Trần có thuận lợi, vì có chính quyền độc lập tự chủ, có điều kiện thực hiện đoàn kết dân tộc.

+ Lam Sơn: Tổ chức kháng chiến có nhiều khó khăn, chính quyền độc lập tự chủ đã mất.

– Cách thức khi tiến hành:

+ Lý - Trần: Chủ động, buộc kẻ thù phải đánh theo cách của ta

+ Lam Sơn: Lúc đầu bị động, sau giành được thế chủ động.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vương quốc Cam-pu-chia:** *(2,0 điểm)*

Thời kì phát triển kéo dài từ thế kỉ IX - XV gọi là thời kì Ăng-co.

– Biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt:

+ Kinh tế - xã hội ổn định vững chắc: Nhà nước quan tâm đến sản xuất nông nghiệp. Nhiều hồ, kênh, máng được đào và xây dựng để trữ và điều phối nước. Ngoài ra, Cam-pu-chia còn nổi tiếng với các ngành thủ công nghiệp, đánh bắt cá, khai thác lâm thổ sản quý. Đặc biệt, có nhiều thợ khéo tay trong nghề làm đồ trang sức, chạm khắc đá và trên các bức phù điêu...

+ Đối ngoại: Các vua Cam-pu-chia không ngừng mở rộng quyền lực của mình ra bên ngoài. Đặc biệt, dưới thời của vua Ja-ya-var-man VII, quân Cam-pu-chia đã tiến đánh Chăm-pa biến Vương quốc này thành một tỉnh của Ăng-co. Sau đó, chinh phục vùng trung và hạ lưu Mê Nam, mở rộng tới miền Bắc bán đảo Ma-lai-xi-a... trong các thế kỉ X - XII, Cam-pu-chia trở thành một trong những Vương quốc hùng mạnh và ham chiến trận nhất Đông Nam Á.

+ Văn hóa: Đây là thời kì xây dựng nhiều công trình kiến trúc lớn và phát triển rực rỡ nhất của văn hóa Ăng-co qua các công trình tiêu biểu là Ăng-co Vát (dưới thời vua Ja-ya-var-man II 1131 - 1150) và Ăng-co Thom (dưới thời vua Ja-ya-var-man VII 1181 - 1201)...

- Từ cuối thế kỉ XIII, Cam-pu-chia bắt đầu suy yếu, bị người Thái tấn công xâm lược nhiều lần phải bỏ Kinh đô Ăng-co lui về phía Nam cho đến khi bị thực dân Pháp xâm lược...

*** Vương quốc Lào:** *(2,0 điểm)*

Thời kì thịnh vượng là giai đoạn thế kỉ XV - XVII, đặc biệt dưới triều vua Xu-li-nha-vông-sa.

– Biểu hiện của sự thịnh đạt:

+ Sản vật dồi dào, buôn bán với các nước láng giềng được mở rộng

+ Xây dựng Lào thành một trung tâm Phật giáo, với công trình kiến trúc tiêu biểu là Thạt Luổng

+ Chia đất nước thành các mường Lào, đặt các quan cai trị.

+ Xây dựng quân đội tương đối mạnh.

+ Giữ mối quan hệ hòa hiếu với Đại Việt và Cam-pu-chia, chống quân xâm lược Mi-an-ma.

Đến thế kỉ XVIII, Lào suy yếu, trở thành thuộc quốc của Xiêm cho đến khi người Pháp xâm lược

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Bảng so sánh:** *(3,0 điểm)*

So sánh	Vương triều Hồi giáo Đê-li (1206 - 1526)	Vương triều Mô-gôn (1526 - 1707)
Sự thành lập *(1,0 điểm)*	Năm 1206, người Hồi giáo gốc Trung Á hoàn thành việc xâm lược Ấn Độ thiết lập vương triều Hồi giáo Đê-li.	Năm 1526, vua Babua ở Trung Á theo đạo Hồi, tự nhận mình là dòng dõi Mông Cổ hoàn thành xâm lược vương triều Hồi giáo Đê-li, lập nên vương triều Mô-gôn.
Chính sách cai trị *(1,0 điểm)*	– Chia rẽ dân tộc, kì thị tôn giáo, áp bức giai cấp: Bắt người Hin-đu giáo phải theo Hồi giáo. – Tự giành cho mình những quyền lợi lớn về kinh tế,	– Dưới thời vua A-cơ-ba 1556 - 1605 Xóa bỏ kì thị tôn giáo, thủ tiêu những đặc quyền Hồi giáo, bỏ thuế ngoại đạo. – Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc, xây dựng chính quyền

	chính trị(ưu đãi về ruộng đất, nắm những vị trí quan trọng trong bộ máy nhà nước...)	dựa trên sự liên kết tầng lớp quý tộc không phân biệt nguồn gốc... – Khuyến khích hỗ trợ các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật...
Kết quả *(1,0 điểm)*	– Chính sách phân biệt tôn giáo, sắc tộc làm tăng sự bất bình của nhân dân – Văn hóa Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ, bước đầu có sự giao lưu văn hóa Đông - Tây. – Một số công trình kiến trúc Hồi giáo được xây dựng đặc biệt là kinh đô Đê-li là một trong những thành phố lớn nhất thế giới – Tạo điều kiện để Hồi giáo du nhập vào các nước Đông Nam Á.	– Xã hội ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa có nhiều thành tựu mới. Đây là thời kì phát triển thịnh vượng nhất trong lịch sử phong kiến Ấn Độ – Nhiều công trình kiến trúc bất hủ được xây dựng như lăng mộ Taj-ma-han và lâu đài Thành đỏ (La Ka-la)...

*** Nhận xét:** *(3,0 điểm)*

– Giống nhau:

+ Cả hai triều đại đều do đế quốc bên ngoài xâm chiếm Ấn Độ và xây dựng nên.

+ Đều góp phần làm phong phú thêm nền văn hóa Ấn Độ.

+ Kinh đô là Đê-li.

+ Có vai trò nhất định trong việc phát triển kinh tế, văn hóa của Ấn Độ.

– Khác nhau: Về chính sách cai trị, Vương triều Mô-gôn cai trị bằng những chính sách tiến bộ, đặc biệt là dưới thời A-cơ-ba đã đưa đến một thời kì thịnh vượng và phát triển cao trong lịch sử trung đại Ấn Độ.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nhu cầu xây dựng nhà nước và nâng cao dân trí thúc đẩy nhà nước phong kiến quan tâm nhiều đến giáo dục, chữ Hán trở thành chữ viết chính thức.

*** Thời nhà Lý:** *(1,0 điểm)*

- Năm 1070, Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu ở Kinh đô Thăng Long, thờ Khổng Tử, Chu Công. Giáo dục Nho học chính thức được thiết lập.

- Năm 1075, nhà Lý mở khoa thi minh kinh đầu tiên.

- Năm 1076, cho xây dựng Quốc Tử giám, được xem là trường Đại học đầu tiên của nước ta. Năm 1095, Lý mở khoa thi Tam giáo (Phật, Đạo, Nho) đầu tiên. Tuy nhiên, giáo dục Nho học thời Lý chưa phát triển.

*** Thời nhà Trần:** *(1,0 điểm)*

- Các khoa thi được tổ chức đều đặn hơn. Năm 1247, nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi" (ba người đỗ đầu: trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa) và quy định 7 năm mở một kì thi. Nhà Trần còn cho mở rộng Quốc Tử giám cho con em quý tộc và quan chức đến học.

- Năm 1396, các kì thi được hoàn chỉnh. Sự phát triển giáo dục đã tạo nên nhiều nhân tài cho đất nước như Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Lê Văn Hưu, Trương Hán Siêu, Phạm Sư Mạnh, Lê Quát...vị trí Nho giáo cũng được nâng lên theo hướng độc tôn...

*** Thời nhà Lê:** *(1,0 điểm)*

- Nho giáo được tôn vinh, giáo dục Nho học thịnh đạt. Năm 1428, nhà Lê cho dựng lại Quốc Tử giám ở Kinh đô, mở trường học ở các lộ, ban hành quy chế thi cử rõ ràng, cứ 3 năm có một kì thi Hội, các khoa thi tổ chức đều đặn để chọn nhân tài.

- Những người đỗ tiến sĩ được khắc tên vào bia đá dựng ở Văn miếu. Nhiều trí thức đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước. Số người đi học tăng lên gấp nhiều lần so với thời Lý-Trần...

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

- Giáo dục thời Lê đạt đến mức độ phát triển cao nhất trong toàn bộ nền giáo dục của chế độ phong kiến Việt Nam. Là biểu hiện sự hưng thịnh của chế độ phong kiến Việt Nam ở thế kỉ XV. Có tác dụng tích cực trong việc mở mang dân trí, sản sinh nhiều nhân tài cho dân tộc, góp phần quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước.

- Nội dung giáo dục chủ yếu là Tứ thư, Ngũ kinh của Nho giáo, theo lối học từ chương, học thuộc lòng không được thay đổi. Chỉ chú trọng đến văn chương, thần học xem nhẹ kiến thức khoa học tự nhiên và kiến thức phục vụ sản xuất nên không có đóng góp tích cực cho việc phát triển kinh tế đất nước.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Những cuộc kháng chiến chống xâm lược trong các thế kỉ X-XV không những đã ghi thêm những chiến công chói lọi vào lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, mà còn để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu cho các cuộc đấu tranh ở giai đoạn sau này:

*** Bài học về đường lối và phương pháp đấu tranh:** *(3,0 điểm)*

– Kháng chiến toàn dân: toàn dân tham gia đánh giặc

+ Kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần: "Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức".

+ Kháng chiến chống Tống dưới triều Lý: Lý Thường Kiệt đoàn kết mọi lực lượng miền xuôi với miền ngược, đoàn kết quan với dân...

– Kháng chiến toàn diện: đánh địch trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều hình thức quân sự, chính trị, ngoại giao, thơ văn...

Tiêu biểu:

+ Kháng chiến chống Tống lần II: Lý Thường Kiệt vừa đánh bằng phương pháp vũ trang, vừa dùng thơ văn (bài thơ Thần *Nam quốc sơn hà*), vừa đấu tranh quân sự vừa đấu tranh chính trị, ngoại giao(chủ trương giảng hòa cho giặc rút về trong danh dự).

+ Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh của Lê Lợi và Nguyễn Trãi cũng vừa đấu tranh quân sự kết hợp với chính trị, ngoại giao, vừa đấu tranh vũ trang vừa dùng cả thơ văn...

– Kháng chiến trường kì: đánh lâu dài

Tiêu biểu:

+ Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh trải qua 10 năm gian khổ, nhiều lần bị vây hãm, có lúc nghĩa quân chỉ còn dưới trăm người nhưng vẫn kiên trì kháng chiến, quyết tâm đi đến thắng lợi cuối cùng...

– Nêu cao ý chí quyết chiến quyết thắng, đấu tranh anh dũng bất khuất

Tiêu biểu:

+ Trần Thủ Độ: "Đầu tôi chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo"

+ Trần Hưng Đạo: "Bệ hạ muốn hàng, trước hết hãy chém đầu tôi..."

+ Trần Bình Trọng trả lời khẳng khái trước quân thù: "Ta thà làm quỷ nước Nam chứ không thèm làm vương đất Bắc..."

– Chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn:

+ Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh...

+ Bài học về nghệ thuật quân sự: chiến lược và chiến thuật...

– Biết chớp thời cơ (tất cả các cuộc đấu tranh)

+ "Tiên phát chế nhân" chủ động đánh trước, phá kế hoạch của địch (Lý Thường Kiệt chống Tống thời Lý)

+ Lấy chỗ mạnh của ta đánh vào chỗ yếu của địch (nhà Trần chống quân Mông-Nguyên).

+ Lấy yếu đánh mạnh, lấy ít địch nhiều (Lê Lợi, Nguyễn Trãi chống quân Minh).

+ Vườn không nhà trống, rút lui kịp thời bảo toàn lực lượng (nhà Trần chống quân Nguyên - Mông)...

* Những bài học kinh nghiệm quý báu này tiếp tục được phát huy trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Xiêm (1785) và quân Thanh (1789) của phong trào Tây Sơn. Đặc biệt, được phát huy cao độ trong 2 cuộc kháng chiến thần kì chống thực dân Pháp và đế quốc Mĩ xâm lược trong thế kỉ XX. *(0,5 điểm)*

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện
1054	Vua Lý Thánh Tông đặt quốc hiệu là Đại Việt.
1076	Quốc Tử Giám - trường đại học đầu tiên của nước ta được xây dựng.
1247	Nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi", quy định rõ nội dung học tập, mở rộng Quốc Tử giám...
1407	Cuộc kháng chiến của nhà Hồ (Hồ Quý Ly) thất bại trước quân Minh, nước ta rơi vào ách đô hộ của giặc Minh.
1484	Lê Thánh Tông cho dựng bia ghi tên tiến sĩ để khuyến khích việc học, tôn vinh nhân tài, nhắc người đỗ đạt có trách nhiệm với đất nước, làm gương cho đời sau.
1545 - 1592	Chiến tranh Nam - Bắc triều diễn ra, triều mạc bị lật đổ, đất nước bước đầu được thống nhất.
1627 - 1672	Chiến tranh Trịnh - Nguyễn với bảy lần giao tranh ác liệt bất phân thắng bại, đất nước suy tàn, đất nước bị phân đôi Đàng Trong - Đàng Ngoài.
1789-1792	Quang Trung xây dựng đất nước, thực thi nhiều chính sách tiến bộ về mọi mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, quân sự, đối ngoại...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG THPT KON TUM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Các chính sách cải cách của A-cơ-ba: *(2,0 điểm)*

- Chính trị: Xây dựng bộ máy nhà nước với 3 thành phần quan lại có tỉ lệ bằng nhau.
- Xã hội: Xây dựng khối hoà hợp dân tộc.
- Kinh tế: Khuyến khích phát triển kinh tế.
- Văn hóa: Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo.

*** Ý nghĩa:** *(1,0 điểm)*

Xã hội ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa có nhiều thành tựu mới, đất nước thịnh vượng.

- Dưới thời A-cơ-ba Vương triều Mô-gôn phát triển đến đỉnh cao của chế độ phong kiến Ấn Độ. A-cơ-ba gọi là "Đáng Chí tôn A-cơ-ba".

*** Việt Nam học tập:** *(1,0 điểm)*

- Phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết dân tộc.
- Chú trọng đào tạo nhân tài coi giáo dục quốc sách …

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Niên đại	Thời kì	Biểu hiện
Từ thế kỉ I - VII *(0,25 điểm)*	Hình thành và phát triển của các quốc gia cổ Đông Nam Á	Như Chăm-pa (vùng Trung Bộ Việt Nam); tiêu biểu nhất là Vương quốc Phù Nam (hạ lưu sông Mê Công)..
Từ thế kỉ VII đến X *(0,5 điểm)*	Hình thành các quốc gia phong kiến Đông Nam Á	Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ-me, Vương quốc của người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam, của người In-đô-nê-xia ở Xu-ma-tơ-ra và Gia-va..
Nửa sau thế kỉ X đến thế kỉ XIII *(0,5 điểm)*	Thời kì phát triển của các quốc gia Đông Nam Á	Cam-pu-chia bước vào thời kì Ăng-co huy hoàng. VQ Pa-gan, Ma-ta-ram
Từ thế kỉ XIII đến nửa đầu thế kỉ XVIII *(0,5 điểm)*	Thời kì thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á	Mô-giô-pa-hít trong 3 thế kỉ (1213-1527); A-út-thay-a; Lan xang; Tôn-gu
Nửa sau thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX *(0,25 điểm)*	Thời kì suy thoái và trở thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây	In-đô-nê-xia thuộc địa của Hà Lan: Lào; Cam-pu-chia thuộc địa của Pháp; Mi-an-ma; Xin-ga-po; Ma-lay-xia của Anh..

Biểu hiện phát triển thịnh đạt:

+ Thời gian thịnh đạt: thế kỉ XIII - nửa sau thế kỉ XVIII

+ Kinh tế: Hình thành trung tâm kinh tế lớn có khả năng cung cấp các mặt hàng đi khắp nơi (đô thị Pa-gan; Hội An, Thăng Long).

+ Chính trị: Quá trình xác lập các quốc gia dân tộc (A-ut-thay-a ; Lan Xang), sự hoàn thiện bộ máy nhà nước, quá trình đánh chiếm lẫn nhau mở rộng lãnh thổ.

+ Văn hoá: phát triển rực rỡ (chữ viết, kiến trúc, điêu khắc, văn học..) trên cơ sở tiếp thu chọn lọc văn hoá Ấn Độ, Trung Quốc.

Nguyên nhân: Sự quan tâm của nhà nước phong kiến. Ví dụ: thời Lý - Trần cho lập cảng Vân Đồn (Quảng Ninh); Lạch Trường (Thanh Hóa), xây dựng thủy lợi như đê Quai Vạc...

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Lý Công Uẩn dời đô:** *(2,0 điểm)*

- Vài nét về Lý Công Uẩn: người châu Cổ Pháp (huyện Tiên Sơn, Bắc Ninh), mẹ họ Phạm, khi còn nhỏ theo học ở chùa Lục Tổ, làm con nuôi cho nhà sư Lý Khánh Vân; lớn lên chuyển qua nghề võ, sau giữ đến chức Điện tiền chỉ huy sứ, chỉ huy cấm quân ở Kinh đô Hoa Lư, có uy tín trong triều đình.

- Năm 1009, Lý Công Uẩn lên ngôi lập ra nhà Lý. Năm 1010, ông đặt niên hiệu Thuận Thiên. Quyết định quan trọng đầu tiên của ông là dời kinh đô từ vùng núi Hoa Lư chật hẹp về Thăng Long(tên gọi mới của thành Tống Bình - Đại La thời Bắc thuộc) ở vùng đồng bằng thoáng rộng, địa thế thuận lợi, giữ vị trí trung tâm chính trị - kinh tế.

- Nhà vua soạn Chiếu dời đô trong đó có đoạn viết: *"Thăng long được cái thế rồng cuộn hổ ngồi... tiện hướng nhìn sông tựa núi. Địa thế rộng mà bằng, đất đai cao mà thoáng... Xem khắp đất Việt ta chỉ thấy nơi này là thắng địa. Thật là chốn hội tụ trọng yếu của bốn phương đất nước; cũng là kinh đô bậc nhất của đế vương muôn đời".*

*** Giới thiệu vài nét về Kinh thành Thăng Long dưới thời Lý:** *(2,0 điểm)*

Xây dựng và phát triển trở thành một đô thị phồn thịnh và tiêu biểu của Đại Việt, gồm 2 khu vực: chính trị quan liêu (đô) và kinh tế dân gian (thị).

Thành Thăng Long đời Lý có vòng lũy đất La Thành bao bọc, nương vào thế tự nhiên (hệ thống sông Tô Lịch). Thành mở ra 4 cửa: Tường Phù (Đông), Quảng Phúc (Tây), Đại Hưng (Nam) và Diệu Đức (Bắc), có hào bao quanh. Bên trong có hệ thống cung điện như các điện Càn Nguyên, Tập Hiền, Giảng Võ, Long Trì (có đặt lầu chuông ở thềm điện này, để xét xử các nỗi oan ức của dân), cùng các cung Thuý Hoa, Long Thuỵ... Một số hoàng tử có cung điện ở ngoài hoàng thành. Sát với hoàng thành về phía Đông, là khu chợ phố dân gian, gồm 61 phường, quang cảnh nhộn nhịp ngày đêm, với hệ thống sông kênh (Nhị Hà - Tô Lịch) giao thương thuận tiện.

- Việc dời đô về Thăng Long của Lý Công Uẩn đã chứng tỏ một tầm nhìn chiến lược sâu rộng của ông trong việc xây dựng một sự nghiệp lâu dài, phản ánh thế đi lên của vương triều và đất nước (với biểu tượng Rồng bay).

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Thời Lê sơ:** *(0,75 điểm)*

- Sự thành lập nhà Lê sơ: **Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế lập ra nhà Lê sơ, quốc hiệu Đại Việt, kinh đô Thăng Long.** *(0,25 điểm)*

- Vua Lê Thánh Tông tên thật là Lê Tư Thành, trị vì từ năm 1460 đến 1497... *(0,5 điểm)*

*** Chính trị:** *(1,0 điểm)*

- Cải cách bộ máy nhà nước: **Bỏ chức tể tướng, đại hành khiển thay bằng 6 bộ,** cơ quan Ngự sử đài có quyền **hành hơn trước nhằm tập trung quyền hành ở trung ương, quản lí địa phương chặt chẽ.**

- Luật Hồng Đức được coi **là bộ luật có tính đức trị và nhân văn sâu sắc.**

- Chính sách đối nội và đối ngoại:

- Nhận xét: Đất nước ổn định, **tạo điều kiện cho kinh tế phát triển cực thịnh**

*** Kinh tế:** *(1,0 điểm)*

- Nông nghiệp: Có **chính sách tích cực như chính sách** "quân điền". Nông **nghiệp bội thu "Đời vua Thái Tổ, Thái Tông".**

- Thủ công nghiệp: Phát triển **mạnh với 36 phố phường.**

- Thương nghiệp: Tuy ngoại **thương bị hạn chế, nhưng** nội thương phát triển **mạnh với hệ thống chợ làng, chợ huyện...**

- Nhận xét: Kinh tế phát triển cực thịnh, giúp cho đời sống nhân dân sung túc, tạo điệu kiện sự phát triển mạnh nền văn hóa

*** Văn hóa:** *(1,0 điểm)*

- Tôn giáo: Nho giáo được độc tôn, Phật giáo và Đạo giáo trở thành tôn giáo của nhân dân...

- Giáo dục: cứ 3 năm tổ chức 1 kì thi Hội ở kinh đô, năm 1484 dựng bia Tiến sĩ...

- Văn học: Hán, Nôm phát triển với hàng loạt tập thơ: *Bình Ngô đại cáo, Ức Trai thi tập, Quỳnh uyển cửu ca, Hồng Đức quốc âm thi tập...*

- Nghệ thuật - Khoa học kĩ thuật: Nổi tiếng là bản nhạc *Bình Ngô phá trận* với "tiếng trống đồng vang dội làm rung động lòng người"; có Hồng *Đức bản đồ, Lam Sơn thực lục, Đại Việt sử kí toàn thư, Đại hành toán pháp...*

*** So sánh với thời Lý - Trần - Hồ:** Những thành tựu đạt được ngày to lớn hơn, toàn diện hơn.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Phân tích sự khác nhau giữa hai cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý và chống Mông - Nguyên thời Trần:** *(3,0 điểm)*

	Kháng chiến chống Tống thời Lý	**Kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần**
Thế giặc	Suy yếu	Hùng mạnh, tàn bạo
Chiến thuật	Chủ động tấn công kẻ thù trước, chặn thế mạnh của địch.	Chuẩn bị mọi mặt tiến hành cuộc kháng chiến khi quân địch tới "vườn không nhà trống".

	Kháng chiến chống Tống thời Lý	Kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần
Lực lượng tham gia	+ Quân chính quy và Lực lương dân binh của các dân tộc ít người.	Lực lượng toàn dân: + Quân chính quy. + Quân các vương hầu. + Nhân dân tự vũ tranh đánh giặc.
Thời gian	Ngắn (2 năm từ 1075 đến 1077).	Dài (30 năm từ 1258 đến 1288).

*** Phân tích nguyên nhân thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn:** *(1,0 điểm)*

- Tinh thần yêu nước, đoàn kết chiến đấu của quân và dân ta. Như: tinh thần hi sinh cứu chúa của Lê Lai, Hội thề Lũng Nhai...

- Sự chỉ đạo tài tình, sáng suốt của bộ chỉ huy nghĩa quân Lam Sơn như Lê Lợi coi trọng nhân tài..., Nguyễn Trãi dâng "Bình Ngô sách" và "Chiến lược công tâm"

- Nhờ điều kiện tự nhiên thuận lợi: Nhờ địa hình hiểm trở của ở ải Chi Lăng (Lạng Sơn) mai phục chém đầu Liễu Thăng.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIỀN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TIỀN GIANG.

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vẽ lược đồ các mốc thời gian đánh dấu sự phát triển của Ấn Độ từ đầu đến thế kỉ XVIII:** *(1,0 điểm)*

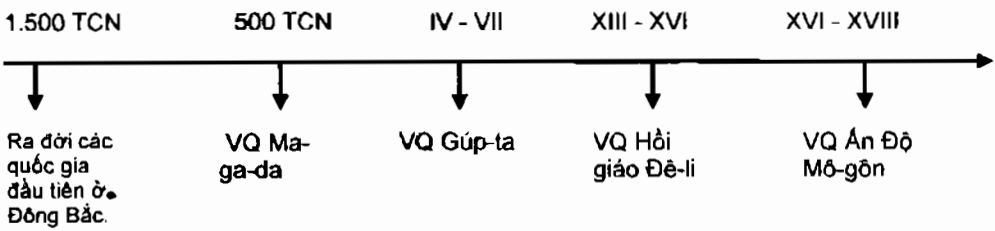

- Đúng trọn vẹn: 1,0đ. -Nếu sai trừ 0,25/một năm tháng và sự kiện tương ứng.

*** Chứng minh Ấn Độ là dân tộc đa tôn giáo:** *(3,0 điểm)*

Ít dân tộc nào có nhiều tôn giáo như Ấn Độ, đặt biệt đã sản sinh hai tôn giáo lớn ảnh hưởng đến nhiều nước trên thế giới. Đó là:

***Đạo Hin-đu*:**

-Bắt nguồn từ tôn giáo cổ xưa nhất của người Ấn ở hạ lưu sông Ấn - đạo Bà-la-môn. Đến thế kỉ V TCN sự ra đời của đạo Phật, đạo Bà-la-môn suy yếu.

- Sau thời gian hưng thịnh, đến thế kỉ thứ VII đạo Phật bước vào thời kì suy thoái, đạo Bà-la-môn dần được phục hồi và bổ sung nhiều yếu tố mới. Từ đó được gọi là đạo Hin-đu.

- Đạo Hin-đu thờ rất nhiều thần nhưng chủ yếu là 4 vị thần chính: thần Bra-ma (*thần sáng tạo)*; thần Vis-nu (*thần Bảo hộ*); thần Si-va (*thần Hủy diệt)* và thần In-dra (*thần Sấm sét)*. Vệ Đà là tập kinh chính. Cùng với sự phát triển của đạo Hin-đu nhiều công trình kiến trúc được xây dựng ở khắp nơi. Các công trình được xây bằng đá cao đồ sộ, hình chóp núi, là nơi ngự trị của các thần.

**** Đạo Phật:***

- Ra đời ở Đông Bắc Ấn Độ do Thái tử Tất Đạt Đa sáng lập cách nay 2.500 năm. Dưới thời vua Asôka, Phật giáo phát triển khắp Ấn Độ bằng những cột đá khắc ghi những lời dạy của Phật và trở thành tôn giáo chính.

- Đến đầu công nguyên Phật giáo chia thành hai phái Đại thừa và Tiểu thừa, từ đó lan truyền ra bên ngoài. Phật giáo Đại thừa theo đường bộ lan truyền sang Trung Quốc, Đại Việt, Nhật Bản. Phật giáo Tiểu thừa lan tỏa sang các nước Phù Nam, Chăm-pa, Cam-pu-chia.... và trở thành tôn giáo chính ở Đông Nam Á.

**** Ngoài ra Đạo Hồi cũng có vai trò rất quan trọng trong đời sống chính trị và văn hóa ở Ấn Độ:***

- Có nguồn gốc từ Tây Á ra đời vào thế kỉ thứ VII. Du nhập vào Ấn Độ từ thời Vương quốc Hồi giáo Đê-li (thế kỉ XIII).

- Sự tồn tại và phát triển đạo Hồi ở Ấn Độ, chứng tỏ bắt đầu có sự giao lưu lẫn nhau giữa hai nền văn hóa Đông Tây: Ảrập Hồi giáo và Ấn Độ Hin-đu.

* Ngoài ba tôn giáo chính nêu trên Ấn độ còn có nhiều tôn giáo nhỏ như đạo Gain, đạo Xích...

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng so sánh:** *(2,0 điểm)*

Nội Dung	Vương quốc Cam-pu-chia	Vương quốc LÀO
Điều kiện tự nhiên và địa bàn đầu tiên.	- Điều kiện tự nhiên thuộc hữu ngạn vùng trung lưu sông Mê Công. - Địa bàn cư trú đầu tiên trên cao nguyên Cò Rạt thuộc Đông Bắc Cam-pu-chia ngày nay.	- Điều kiện tự nhiên tả ngạn vùng trung lưu sông Mê Công. - Địa bàn cư trú đầu tiên là Cánh đồng Chum bằng phẳng thuộc vùng Trung Lào ngày nay.
Thời gian và chủ thể sáng lập	Do người Khơ-me sáng lập vào thế kỉ thứ V.	Do biến động cuộc chiến tranh xâm lược của người Mông Cổ vào thế kỉ XIII. Người Lào Thơng phía Bắc tràn xuống phía Nam sống chung với người Lào Lùm. Đến năm 1353, Pha Ngừm chính thức thống nhất lập ra Vương quốc Lan Xạng.
Thời kì phát triển nhất	Thời kì Ăng Kor (thế kỉ IX - XV) tiêu biểu nhất là vào thế kỉ XII dưới thời vua Gia-ya-var-man VII.	Từ thế kỉ XIV đến thế kỉ XVIII, tiêu biểu nhất là thời Xô-li-nha Vôn-sa thế kỉ XVII..

Công trình kiến trúc tiêu biểu	- Công trình kiến trúc tiêu biểu là Ăng-co Vát được vua Sur-ya-vas-man II xây dựng vào năm 1113 (*đây vừa là ngôi chùa vừa là lăng mộ của vua Sur-ya-vas-man* I) và Ăng-co Thom được vua Gia-ya-var-man VII xây dựng vào đầu thế kỉ XIII. *(Thực tế là một kinh thành, mà trung tâm của nó là ngôi đền Bay-on nổi tiếng)*	Công trình kiến trúc tiêu biểu là Thạt Luổng do vua Sệt-tha-ti-lat xây dựng vào năm 1566. Là viên ngọc quý của văn hóa Lào. Bao gồm tháp lớn hình quả bầu và xung quanh là 30 tháp nhỏ dùng để chứa đựng thánh tích Phật giáo.

*** Chứng minh văn hóa Cam-pu-chia và Lào chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ:** *(2,0 điểm)*

Chữ viết:

- Người Cam-pu-chia và Lào không có chữ viết riêng nên trong quá trình phát triển họ du nhập chữ Phạn của Ấn Độ. Tuy vậy mỗi dân tộc lại sáng tạo ra cách viết riêng của mình.

- Ví dụ: Chữ của Cam-pu-chia có nét viết gần gống với chữ Phạn của người Ấn Độ với những nét viết cứng cáp và vững chắc; trong khi đó chữ viết của Lào lại có những nét cong mềm mại và uyển chuyển hơn.

Tôn giáo:

- *Đạo Phật*: Phật giáo du nhập vào Cam-pu-chia và Lào từ những năm đầu Công nguyên. Cả hai đều xem Phật giáo là quốc giáo. Tuy vậy mỗi nước khi phát triển đạo Phật cũng có những đặc trưng riêng phù hợp với đặc tính văn hóa của dân tộc mình.

- *Đạo Hin-đu*: Đạo Hin-đu du nhập vào Cam-pu-chia và Lào qua các hình tượng các vị thần Bra-ma, Si-va, Vis-nu.. cùng các nghi thức tín ngưỡng khác.

- *Đạo Hồi:* Đạo Hồi có mặt ở Cam-pu-chia và Lào cũng do các thương nhân Ấn Độ mang đến như các nước Đông Nam Á khác. Tuy vậy đạo Hồi ở đây không phát triển bằng ở In-đô-nê-xi-a và Thái Lan.

Nghệ thuật:

- *Kiến trúc*: Nhiều đền, tháp, và chùa ở Cam-pu-chia và Lào được xây dựng theo kiến trúc Ấn Độ. Tiêu biểu như Ăng-co Vat và Ăng-co Thom của Cam-pu-chia; Thạt Luổng của Lào...

- Bên cạnh đó nhiều lĩnh vực văn hóa nghệ thuật khác của Cam-pu-chia và Lào cũng thể hiện ảnh hưởng sâu đậm văn hóa Ấn Độ như điêu khắc - ca múa - văn học...

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Trình bày tình hình, nội dung và mục đích nền giáo dục...** *(2,0 điểm)*

– Tình hình giáo dục nước ta từ thế kỉ X - XV:

+ Thời Đinh - Tiền Lê: Bộ máy nhà nước còn sơ khai, người đứng đầu đất nước là các võ tướng và các nhà sư, nên nhà nước chưa có chính sách cũng như những quy định cụ thể về giáo dục.

+ **Đến thời Lý**, nhà nước phong kiến dân tộc đã hoàn thiện, vì thế nền giáo dục được chú trọng, nhiều chính sách và biện pháp khuyến khích việc học được ban hành:

• Năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho xây dựng Văn Miếu thờ Khổng Tử và là nơi học tập của các hoàng tử. Sự kiện này đánh dấu sự mở đầu cho nền giáo dục nước ta. Năm 1075, thời Lý Nhân Tông khoa thi đầu tiên được tổ chức ở Kinh thành.

• Năm 1076, nhà vua lập trường Quốc Tử giám để mở rộng việc học tập cho các hoàng thân và con của các quan đại thần, giáo dục chính thức trở thành nguồn đào tạo quan lại và nhân tài cho đất nước.

+ **Thời Trần:** Việc tổ chức các khoa thi được mở rộng. Nhiều nhân tài được trọng dụng góp phần quan trọng vào việc bảo vệ và xây dựng đất nước *(như Trần Quốc Tuấn, Trần Nhật Duật, Lưỡng quốc Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, Đại việt sử kí là bộ quốc sử đầu tiên của dân ta do Lê văn Hưu biên soạn.)*

+ **Thời Lê sơ:**

• Quy chế tuyển chọn quan lại qua thi cử đi vào nề nếp. Ba năm có một kì thi Hội để chọn tiến sĩ, trong 37 năm thời Lê Thánh Tông có đến 12 khoa thi Hội - điều đó cho thấy việc thi cử được thực hiện thường xuyên và nghiêm túc.

• Số người đi học ngày càng đông, nhiều nhân tài xuất hiện... Năm 1484, nhà vua cho dựng bia tiến sĩ trong Văn Miếu. Đến thế kỉ XVIII, đã có 1.323 tiến sĩ được khắc tên trong 82 tấm bia nhằm đề cao và khuyến khích việc học.

– **Nội dung giáo dục và mục đích học tập:**

+ *Nội dung học tập* chủ yếu là tư tưởng Nho giáo của Khổng Tử. Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Xuân thu... là tài liệu học tập mang tính kinh điển, vì thế người học phải học thuộc và làm đúng những điều Khổng Tử dạy.

+ *Mục đích học tập* là để làm quan *"Giáo dục là đường thẳng của quan trường"*. Dưới thời Lê Thánh Tông, giáo dục là kênh quan trọng để tuyển chọn quan lại. Điều này góp phần đào tạo nhân tài, nâng cao vị trí của giáo dục trong mọi hoạt động xã hội.

*** Công trình tiêu biểu nhất về giáo dục:** *(1,0 điểm)*

Đó là Văn Miếu:

- Văn Miếu được xây dựng năm 1070 dưới thời Lý Thánh Tông, đây là dấu ấn đầu tiên chứng tỏ nhà nước phong kiến Việt Nam bắt đầu quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Lúc đầu, chỉ là nơi học tập của các Hoàng tử. Đến năm 1076, dưới thời Lý Nhân Tông, việc học tập ở Văn Miếu được mở rộng cho con em của các đại thần tham gia, từ đó mang tên Quốc Tử giám, có thể xem đây là trường đại học đầu tiên ở nước ta.

- Năm 1484, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia khắc tên của các tiến sĩ. Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVIII, đã có 1.323 đã có tiến sĩ được khắc tên trên 82 tấm bia. Hiện nay, đây là công trình tiêu biểu và có giá trị nhất về giáo dục và văn hóa Việt Nam.

*** Cha ông ta muốn nói gì qua công trình này?** *(0,5 điểm)*

- Đề cao và khuyến khích việc học trong nhân dân, đồng thời ghi nhận công sức của những người có nhiều thành tích trong học tập.

- Nhắc nhở những người có học đem tài năng và sức học của mình đóng góp xây dựng đất nước.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XVIII:** *(2,0 điểm)*

Thế lực xâm lược	Thời gian và triều đại lãnh đạo kháng chiến	Nhân vật lịch sử tiêu biểu	Trận đánh kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến
- Quân Tống *(0,5 điểm)*	Năm 981: Nhà Tiền Lê. Năm 1075: Nhà Lý.	Lê Hoàn. Lý Thường Kiệt.	- Trận Bạch Đằng (*lần 2*) - Trận sông Như Nguyệt.
- Quân Mông - Nguyên. *(0,5 điểm)*	Ba lần từ 1458 đến 1488: Nhà Trần.	Trần Thủ Độ. Trần Hưng Đạo.	- *Lần 1*: Trận Đông Bộ Đầu. - *Lần 2*: Trận Vạn Kiếp. - *Lần 3*: Trận Bạch Đằng (*lần 3*)
- Quân Minh *(0,5 điểm)*	1418-1428 Nhà Hậu Lê.	Lê Lợi (*hoặc Nguyễn Trãi*)	Trận Chi Lăng - Xương Giang.
- Quân Xiêm	1785 nhà Tây Sơn.	Nguyễn Huệ.	Trận Rạch Gầm - Xoài Mút.
- Quân Thanh *(0,5 điểm)*	1789 Tây Sơn	Quang Trung.	Trận Đống Đa.

*** Nêu nguyên nhân thắng lợi của các cuộc kháng chiến(*có dẫn chứng*)** *(2,0 điểm)*

– Có hai nguyên nhân chính:

+ Thứ nhất là truyền thống yêu nước, đoàn kết chống ngoại xâm của dân tộc được hun đúc trong lòng của mọi người dân Việt ngay từ những năm tháng đen tối thời Bắc thuộc. Truyền thống đoàn kết chính là sức mạnh vô địch của dân tộc ta, sức mạnh này được chứng minh trong mọi cuộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập dân tộc.

* Thứ hai là sự lãnh đạo tài giỏi của các vua quan trong mỗi thời đại. Điều này thể hiện qua đường lối tiến hành kháng chiến và cách thức tổ chức cuộc chiến tranh.

– Lấy cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên vào thế kỉ XIII để dẫn chứng:

- Khi nghe tin giặc Sát thát sang xâm lược, vua tôi nhà Trần thực hiện chính sách đoàn kết rất hiệu quả, sự đoàn kết đó thể hiện trong nội bộ vương triều Trần và với toàn thể nhân dân. Điều này thể hiện rõ nhất qua Hội nghị Bình Than năm 1282 và Hội nghị Diên Hồng năm 1285.

- Hiểu được cái mạnh và cái yếu của ta và địch, các vua quan nhà Trần thực hiện đường lối dụ giặc vào sâu trong lãnh thổ nước ta, ba lần phải rời bỏ kinh thành Thăng Long cho giặc tạm thời chiếm đóng. Chờ cho giặc lún sâu vào nội địa, tích cực thực hiện kế sách "***Vườn không nhà trống***". Thời gian kéo dài, địch không thể

khắc phục cái yếu nhất là lương thực và khí hậu. Vì thế sinh ra đói khát, mệt mỏi Lợi dụng thời cơ, ta nhanh chóng phản công dũng cảm và táo bạo giành thắng lợi từng bước để đi đến thắng lợi hoàn toàn.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Câu này có 3 yêu cầu:

*** Vẽ sơ đồ bộ máy chính quyền chúa Trịnh ở Đàng Ngoài:** *(2,0 điểm)*

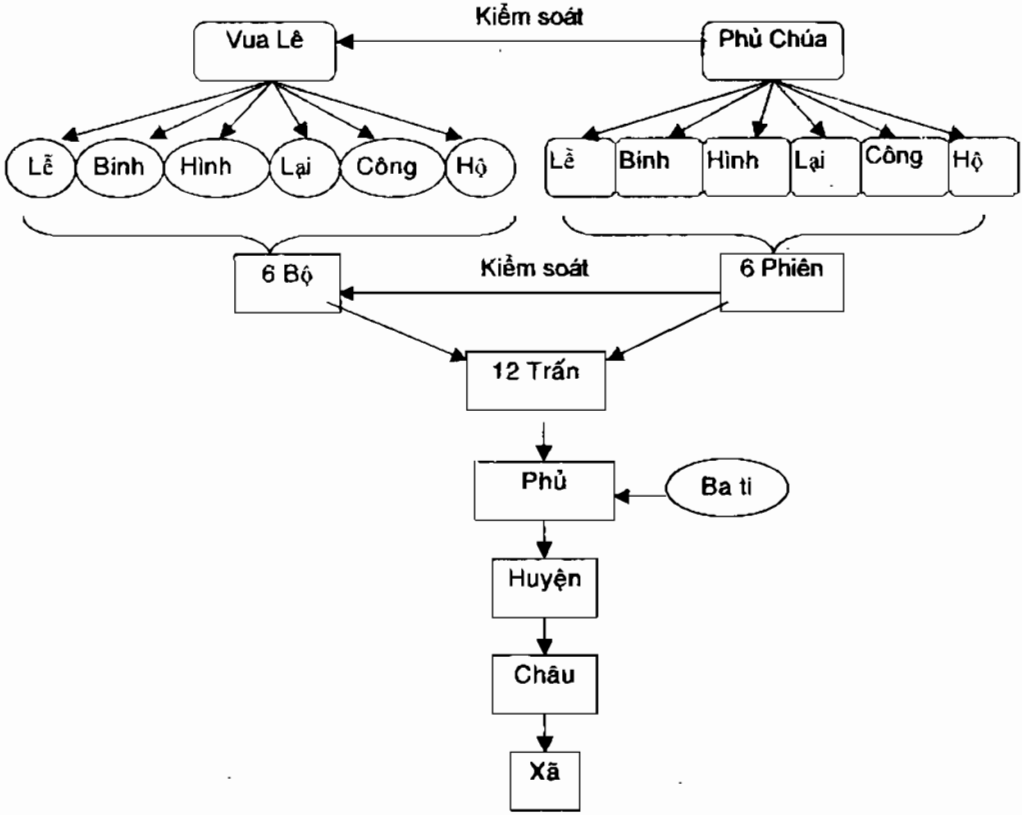

*** Trình bày quá trình ra đời và hoàn thiện bộ máy chính quyền ở Đàng Trong:** *(1,0 điểm)*

- Từ thế kỉ XVII cả Đàng Trong chia thành 12 dinh. Nơi đóng phủ Chúa gọi là Chính dinh(Phú Xuân). Mỗi dinh có 2 hoặc 3 ti giúp việc, chủ yếu là lo về thuế má và hộ khẩu.
- Năm 1744, Nguyễn Phúc Khoát xưng vương. Bộ máy chính quyền cấp trung ương xây dựng gần giống như Đàng Ngoài.(*Đổi 3 ti thành 6 bộ và thêm một vài quan chức).* Cấp địa phương vẫn như cũ.

3. Nêu sự giống nhau và khác biệt hai chính quyền: *(1,0 điểm)*

Giống nhau:

- Vẫn công nhận sự tồn tại của vua Lê nhưng cả hai đều xem vua Lê là hư vị. Quyền hành đều nằm trong tay của phủ Chúa.
- Đến thời Nguyễn Phúc Khoát năm 1744 bộ máy nhà nước hai Đàng gần như giống nhau.

Khác biệt:

- Ở Đàng Trong suốt quá trình không có sự hiện diện thực tế của vua Lê, Phủ chúa là thực thể duy nhất. Trong khi đó ở Đàng Ngoài vua Lê là thực thể tồn tại song song với Chúa.

- Một thời gian dài bộ máy chính quyền Đàng Trong chỉ có ở cấp địa phương, nhưng bị sự chi phối bởi Chính dinh. Trong khi đó ở Đàng Ngoài bộ máy nhà nước rất hoàn chỉnh theo mô hình thời Lê sơ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HẬU GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN VỊ THANH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

- Tình trạng đất đai phân tán nhỏ, hẹp; cư dân sống chủ yếu bằng nghề thủ công và thương nghiệp là chủ yếu. Đó là cơ sở để hình thành các thị quốc Hi Lạp - Rô Ma.

- Tổ chức thị quốc: Về mặt hành chính: thị quốc là một nước, trong nước thành thị có vai trò quan trọng. Trong thành thị có lâu đài, phố xá, chợ ...

- Tính chất dân chủ của thị quốc: Quyền lực không nằm trong tay quý tộc mà nằm trong tay Đại hội công dân, Hội đồng 500 người... Mọi công dân đều được phát biểu và biểu quyết những việc lớn của quốc gia.

- Bản chất của nền dân chủ cổ đại Hi Lạp và Rô-ma là nền dân chủ chủ nô, dựa vào sự bóc lột tàn bạo của chủ nô đối với nô lệ.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm, mỗi ý 0,5 điểm)*

* Thời Tần - Hán: Tư tưởng Nho giáo là công cụ của giai cấp thống trị dung để thống trị nhân dân.

- Văn học: phú là thể loại văn học đặc biệt, có nội dung ca ngợi quê hương, đất nước.
- Sử học trở thành một lĩnh vực độc lập, người đặt nền móng là Tư Mã Thiên.

* Thời Đường - Tống: có thơ Đường.

- Phật giáo và các công trình kiến trúc phật giáo.
- Nho giáo phát triển thêm một bước.
- Hình thức văn học điển hình: Từ.

* Thời Minh - Thanh:

- Tiểu thuyết chương hồi cùng nhiều tác phẩm có giá trị.
- Quốc sử quán của nhiều nước được thành lập.
- Có nhiều phát minh khoa học kĩ thuật.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Giáo dục nước ta qua các thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ có bước phát triển mạnh:** *(1,75 điểm)*

- Nhu cầu xây dựng nhà nước và nâng cao dân trí đã thúc đẩy các nhà nước đương thời quan tâm đến giáo dục.

- Thời Đinh - Tiền Lê:

- Thời Lý:

- Thời Trần:

- Thời Hồ:

- Thời Lê sơ:

- Trong 38 năm dưới thời vua Lê Thánh Tông, nhà nước mở 12 khoa thi Hội, lấy đỗ 501 tiến sĩ, có 9 trạng nguyên. Đây được xem là thời kì thịnh đạt nhất của giáo dục thi cử phong kiến.

*** Về hình thức tuyển chọn, nội dung và tư tưởng giáo dục:** *(1,25 điểm)*

- Về hình thức: nhiệm cử, tiến cử, khoa cử.

- Tư tưởng "giáo dục là đường thẳng của quan trường"

- Nội dung giáo dục chủ yếu là Nho giáo qua các sách Ngũ Kinh, Tứ Thư...

- Thi cử được tổ chức chặt chẽ, số người đi học tăng.

- Thời Lê sơ, quy định 3 năm có một kì thi Hội, đậu được phong là tiến sĩ. Có 82 bia tiến sĩ ở Văn Miếu, khắc tên 1.323 vị.

*** Nguyên nhân phát triển:** *(1,0 điểm)*

- Giáo dục phát triển ngày càng hoàn thiện.

- Có nhiều thầy giáo giỏi, đức độ.

- Từ giáo dục khoa cử đã xuất hiện nhiều nhà thơ, nhà chính trị...

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm).*

*** Sự phân hóa:** *(2,0 điểm)*

- Sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế đã làm cho đời sống nhân dân đảm bảo hơn. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh chế độ phong kiến, xã hội cũng từng bước phân hóa.

- Tầng lớp quý tộc được củng cố, địa chủ gia tăng. Từ thế kỉ XII, nhà Lý đã ban hành nhiều điều luật về mua bán ruộng đất. Tuy nhiên, tình trạng phân hóa giàu nghèo càng tăng cao ở cuối thế kỉ XII và XIV.

- Những năm đói kém, nhân dân nhiều nơi phải bán ruộng đất và con trai - con gái làm nô tì.

*** Hậu quả:** *(1,0 điểm)*

- Làm bùng nổ các mâu thuẫn xã hội, đặc biệt là mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến và dẫn tới các cuộc khởi nghĩa nông dân chống phong kiến ở cuối triều đại.

- Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn đã làm cho đại đa số nhân dân bị bần cùng hóa cao độ; công thương nghiệp kém phát triển vì sức mua hàng hóa của nhân dân ngày càng thấp.

*** Nguyên nhân:** *(1,0 điểm)*

- Sự phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam, quý tộc quan lại, địa chủ ngày càng chấp chiếm nhiều ruộng đất làm cho đa số nông dân bị mất đất.

- Những điều luật của nhà Lý đã dẫn đến sự phát triển nhanh chóng chế độ tư hữu ruộng đất và sự phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Vai trò:** *(2,0 điểm)*

- Phật giáo được truyền bá vào nước ta từ thời Bắc thuộc và phát triển cực thịnh từ thời Lý - Trần.

- Phật giáo phù hợp với đặc điểm và tính cách của người Việt Nam, nhất là tính vị tha và hỉ xả.

- Phật giáo có vai trò quan trọng trong đời sống chính trị, xã hội Việt Nam ở các triều Đinh - Lý - Trần. Triều đình có ban văn, ban võ, ban tăng.

- Thời Lý - Trần, Phật giáo là quốc giáo.

*** Nhận xét:** *(2,0 điểm)*

- Từ thế kỉ X, đất nước ta được độc lập, tự chủ và có điều kiện xây dựng và phát triển. Vì vậy, đời sống vật chất và tinh thần được nâng cao hơn trước.

- Cùng với sự phát triển của Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo nhiều loại hình nghệ thuật văn hóa dân gian cũng có điều kiện phát triển phong phú như tuồng, chèo...

- Có nhiều nghệ nhân xuất hiện, đời sống văn hóa tinh thần phong phú, đạng...

- Nho giáo trở thành công cụ thống trị không thể thiếu trong đời sống chính trị lúc bấy giờ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Tóm tắt diễn biến chiến thắng Bạch Đằng 1288**

Nhận thấy thời cơ đã đến, vua Trần và Trần Quốc Tuấn quyết định mở cuộc phản công và tiến hành việc bố trí trận địa mai phục ở sông Bạch Đằng

Đầu 4/1288, đoàn thuyền do Ô Mã Nhi chỉ huy có kị binh hộ tống rút về theo đường thủy trên sông Bạch Đằng. Khi thuyền chiến của Ô Mã Nhi tiến gần đến trận địa bãi cọc, một số thuyền nhẹ của quân Trần ra khiêu chiến giả vờ thua chạy, quân giặc ra sức đuổi theo, lọt vào trận địa mai phục, đúng lúc thủy triều xuống nhanh.

Từ hai bờ, hàng nghìn chiến thuyền nhỏ của quân Trần đổ ra đánh, phá vỡ đội hình của giặc. Bị đánh bất ngờ, giặc hoảng hốt tranh nhau chạy tháo ra biển, thuyền giặc xô vào bãi cọc đang nhô lên, bị ùn tắc, vỡ đắm. Giữa lúc đó, hàng loạt bè lửa xuôi nhanh theo nước triều đang xuống lao vào thuyền giặc. Những tên sống sót nhảy lên bờ bị quân bộ của ta chờ sẵn tiêu diệt. Toàn bộ cách quân thủy của địch bị tiêu diệt, Ô Mã Nhi bị bắt sống.

*** Nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên:** *(2,0 điểm)*

**** Ý nghĩa lịch sử***

- Đập tan tham vọng và ý chí xâm lược Đại Việt của kẻ thù, bảo vệ độc lập toàn vẹn lãnh thổ và chủ quyền quốc gia của dân tộc.

- Khẳng định sức mạnh của dân tộc, nâng cao lòng tự hào tự cường, củng cố niềm tin cho toàn dân.

- Để lại bài học vô cùng quý giá, đó là củng cố khối đoàn kết toàn dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là sự quan tâm của nhà nước đến toàn dân, dựa vào dân để đánh giặc

- Góp phần ngăn chặn những cuộc xâm lược của quân Nguyên đối với Nhật Bản và các nước phương Nam, làm thất bại mưu đồ thôn tính miền đất còn lại ở Châu Á của Hốt Tất Liệt.

**** Nguyên nhân thắng lợi***

- Tất cả các tầng lớp nhân dân, thành phần xã hội đều tham gia đánh giặc bảo vệ đất nước.

- Nhà Trần đã chuẩn bị rất chu đáo tiềm lực về mọi mặt cho mỗi lần kháng chiến, rất quan tâm chăm sóc sức khoẻ nhân dân nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân bằng nhiều biện pháp để tạo nên sự gắn bó đoàn kết giữa triều đình và nhân dân.

- Trong kháng chiến các quý tộc vương hầu nhà Trần chủ động giải quyết các bất hoà trong nội bộ vương triều, tạo nên hạt nhân của khối đoàn kết dân tộc mà Trần Quốc Tuấn là tiêu biểu.

- Tinh thần hi sinh quyết chiến quyết thắng của toàn quân dân, nòng cốt là quân đội nhà Trần.

- Có chiến lược chiến thuật đúng đắn sáng tạo của nhà Trần đặc biệt là vua Trần Nhân Tông và các danh tướng (Trần Quốc Tuấn, Trần Khánh Dư, Trần Quang Khải...)

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Thành tựu văn hoá:** *(2,0 điểm)*

- Tôn giáo: quê hương của các tôn giáo lớn: Phật giáo, Hin-đu giáo.

- Chữ viết: có rất sớm → Bra-hmi có từ thế kỉ VIII TCN, chữ Phạn hoàn chỉnh từ Thế kỉ V TCN

- Văn học: phong phú → bộ kinh, thơ ca lịch sử, thần thoại → bộ kinh Vefa, bộ sử thi *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-ya-na*

- Kiến trúc: gắn với tôn giáo → đền hình tháp nhọn nhiều tầng, tượng trưng đỉnh núi thiêng nơi ngự trị các thần, những tháp hình núi trang trí tỉ mỉ những phù điêu → phong cách kiến trúc Hin-đu độc đáo.

- Thiên văn học, toán học: có lịch sớm (một tháng 30 ngày, một năm = 12 tháng); giải thích được nhật nguyệt thực, tính được số Pi, phát minh ra chữ số, đặc biệt số 0

*** Ảnh hưởng:** *(2,0 điểm)*

- Chữ viết: một số nước Đông Nam Á đã hình thành chữ viết từ chữ Phạn cổ (trừ Việt Nam)

- Tôn giáo: Đạo Phật, đạo Hồi, đạo Hin-đu được truyền bá sang Đông Nam Á.

- Văn học: văn học dân tộc của các nước Đông Nam Á đều mô phỏng hay lấy tích từ các sử thi, các truyện thần thoại Ấn Độ.

- Kiến trúc: Những công trình kiến trúc Đông Nam Á về tôn giáo đều chịu ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu, Phật giáo. Kiến trúc Hin-đu với những hình tháp nhọn nhiều tầng, kiến trúc Phật giáo với những kiểu hình tháp Xtu-pa có mái tròn .

- Mỗi dân tộc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nhưng vẫn giữ bản sắc dân tộc.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

- Trong khoảng thời gian từ thế kỉ VII - X, khu vực Đông Nam Á hình thành một số quốc gia lấy một dân tộc đông nhất làm nòng cốt, thường gọi là các quốc gia phong kiến dân tộc như: Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ-me, các vương quốc của người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam, người In-đô-nê-xi-a ở đảo Xu-ma-tra và Gia-va.

- Từ nửa sau thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII, là thời kì thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

+ Ở In-đô-nê-xi-a cuối XIII dòng vua Ga-va mạnh lên chinh phục được Xu-ma-tra thống nhất In-đô-nê-xi-a dưới vương triều Môgiôpahít hùng mạnh gồm 10 nước nhỏ và đảo phụ thuộc có nhiều sản phẩm quý, đứng thứ 2 sau Ả-rập, trong suốt 3 thế kỉ.

+ Trên bán đảo Đông Dương ngoài Đại Việt, Chăm-pa, Vương quốc Cam-pu-chia từ thế kỉ IX cũng bước vào thời kì Ăng-co huy hoàng.

+ Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi từ giữa XI, quốc gia Pa-gan ở miền Trung đã mạnh lên chinh phục các tiểu quốc khác, thống nhất lãnh thổ, mở đầu quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Mi-an-ma.

+ Thế kỉ XIII là mốc quan trọng trong quá trình phát triển của khu vực vì: Bị dồn đẩy do sự xâm lược của Mông Cổ, một bộ phận người Thái di cư xuống phía Nam định cư ở lưu vực sông Mê Nam, lập nên Vương quốc Su-khô-thay (là tiền thân của Thái Lan). Một nhóm người Thái khác xuống trung lưu sông Mê Công lập nên Vương quốc Lan Xang vào giữa Thế kỉ XIV.

- Biểu hiện sự phát triển thịnh đạt:

+ Kinh tế cung cấp khối lượng lớn (Lúa, cá, sản phẩm thủ công, sản vật thiên nhiên...) nhiều lái buôn các nước đến buôn bán .

+ Chính trị: tổ chức bộ máy chặt chẽ kiện toàn từ trung ương đến địa phương.

+ Văn hóa dân tộc: các dân tộc Đông Nam Á đã xây dựng một nền văn hóa riêng cho dân tộc mình → Đóng góp vào kho tàng văn hóa thế giới.

- Từ nửa sau thế kỉ XVIII, Đông Nam Á bước vào giai đoạn suy thoái → giữa XIX trở thành thuộc địa của tư bản phương Tây.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Quốc hiệu	Thời gian	Kinh đô	Người sáng lập
Văn Lang	VII TCN	Bạch Hạc (Phú thọ)	Vua Hùng
Âu Lạc	IIITCN	Cổ Loa	Vua Thục
Đại Cồ Việt	968 - 1009	Hoa Lư (Ninh bình)	Nhà Đinh, Tiền Lê
Đại việt	1010 - 1400	Thăng Long (Hà nội)	Nhà Lý, Trần
Đại Ngu	1400 - 1407	Tây Đô (Thanh hóa)	Nhà Hồ
Đại Việt	1428 - 1802	Đông Đô (Hà nội)	Nhà Hậu Lê
Việt Nam	1802 - 1945	Phú Xuân (Huế)	Nhà Nguyễn
Việt Nam DCCH	1945 - 1976	Hà Nội	
CHXHCN Việt Nam	1976 - nay	Hà Nội	

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Thành tựu văn hoá Đại Việt thời Lý - Trần - Lê**

Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng

- *Nho giáo:* được giai cấp thống trị nước ta tiếp nhận trên bước đường xây dựng nhà nước quân chủ trung ương tập quyền và từng bước nâng cao dần trở thành hệ tư tưởng chính của giai cấp thống trị.

- *Phật giáo:* Ngày càng thấm sâu vào cuộc sống tinh thần của nhân dân, được giai cấp thống trị tôn sùng. Chùa chiền được xây dựng khắp nơi, sư sãi nhiều.

- *Các tín ngưỡng dân gian* như thờ tổ tiên, thờ những người có công với nước và dân, thờ thần núi, sông... ngày càng phổ biến.

Giáo dục: Do nhu cầu xây dựng nhà nước và nâng cao dân trí, từ đó thúc đẩy nhà nước đương thời quan tâm đến giáo dục.

- Từ thời Lý: vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu (1070), mở khoa thi đầu tiên (1075) → đánh dấu sự ra đời của giáo dục nước Đại Việt.

- Thời Trần: những khoa thi được tổ chức đều đặn hơn, mở rộng Quốc Tử giám cho con em quý tộc, quan chức đến học.

- Thời Lê sơ: quy chế thi cử rõ ràng, cho dựng bia tiến sĩ khắc tên người đỗ tiến sĩ, tổ chức lễ vinh quy bái tổ → số người đi học, đi thi ngày càng đông, do đó dân trí được nâng cao.

Văn học:

- Từ thời Trần: Văn hóa dân tộc phát triển mạnh, xuất hiện nhiều tác phẩm: *Hịch tướng sĩ* (Trần Hưng Đạo), *Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo*... đậm đà tình yêu nước, niềm tự hào dân tộc.

Nghệ thuật:

- *Kiến trúc.* Thăng Long trở thành trung tâm của nền văn hóa mới. Ở Thăng Long, ngoài những cung điện, tháp chuông, đền đài, còn có những công trình kiến trúc độc đáo như Chùa Diên Hựu, Tháp Báo Thiên, Tháp Phổ Minh. Chùa tháp được xây dựng ở nhiều địa phương

- *Điêu khắc:* tinh tế, độc đáo, bố cục gọn gàng cân xứng, không đơn điệu, với những loại hình khác nhau như chân bệ cột hình hoa sen nở, hành lang rồng, những bức phù điêu khắc hình rồng nổi cuộn trong lá đề, hình bông cúc nhiều cánh, hình vũ nữ....

Hàng loạt tượng Phật được tạc, đúc trong đó nổi lên tượng Phật chùa Quỳnh Lâm.

- *Sân khấu:* chèo, tuồng, múa rối nước phát triển. Âm nhạc với nhiều nhạc cụ: tiêu, đàn tranh, cồng chiêng...

Khoa học – Kĩ thuật:

- *Khoa học:*

+ *Sử học:* nhiều tác phẩm sử học được biên soạn như *Đại Việt sử kí* (Lê Văn Hưu), *Lam Sơn thực lục* (Nguyễn Trãi), *Đại Việt sử kí toàn thư* (Ngô Sĩ Liên).

+ *Địa lí: Dư địa chí* (Nguyễn Trãi), *Hồng Đức bản đồ* (của các quan triều Lê), *An Nam hình thắng đồ* (Đàm Văn Lễ).

+ *Khoa học quân sự:* bộ *Binh thư yếu lược* (Trần Hưng Đạo), *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* (Trần Hưng Đạo).

+ *Thiết chế chính trị:* bộ *Thiên Nam dư hạ* (Lê Thánh Tông), *Hoàng triều đại điển.*

+ *Y học:* có 1 số tác phẩm y dược dân tộc: *Nam dược thần hiệu* (Tuệ Tĩnh), *Bản thảo thực vật toát yếu* (Phạm Phu Tiên).

+ *Toán học: Đại thành toán pháp* (Lương Thế Vinh), *Lập thành toán pháp* (Vũ Hữu).

+ *Thiên văn:* Một số nhà thiên văn đã chế tạo dụng cụ khảo sát những hiện tượng trời đất, soạn lịch: Đặng Lộ chế tạo dụng cụ quan sát thiên văn, khảo sát khí tượng gọi là "Lung linh nghi"; Trần Nguyên Đán với tác phẩm *Bách thể thông khảo.*

– *Kĩ thuật:*

Cuối thế kỉ XIV Hồ Nguyên Trừng chế súng thần cơ, đóng thuyền chiến lớn có lầu.

*** Nhận xét về đặc điểm của nền văn hoá Đại Việt:** *(0,5 điểm)*

– Văn hóa Đại Việt thời Lý - Trần - Lê đạt trình độ phát triển cao và toàn diện

- Kế thừa văn hóa truyền thống thời Văn Lang - Âu Lạc. chịu ảnh hưởng văn hoá bên ngoài (Trung Quốc, Chăm-pa,...) nhưng vẫn đậm đà bản sắc dân tộc và đậm tính dân gian.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HÒA
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Thành tựu chủ yếu của văn hóa truyền thống Ấn Độ:** *(2,0 điểm)*

- Tôn giáo: là quê hương của hai tôn giáo: Phật giáo và Hin-đu giáo.

- Kiến trúc: Ảnh hưởng của 2 tôn giáo trên nên có kiến trúc đền chùa, lăng mộ như kiểu đền tháp hình núi, lăng mộ hình bát úp... nghệ thuật tạc tượng Phật giáo, Hin-đu giáo mang nhiều nét đặc sắc.

- Chữ viết: Chữ Phạn cổ dùng để sáng tác văn học, ghi tài liệu, khắc bia và viết kinh Phật.

- Văn học: Nhờ chữ viết mà các bộ sử thi: *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-y-a-na* và tác phẩm *Sơ-kun-ta-la*... được lưu truyền đến ngày nay.

*** Ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ đến Việt Nam:** *(2,0 điểm)*

- Người Chăm ở nước ta chịu ảnh hưởng về tôn giáo, chữ viết và nghệ thuật kiến trúc Ấn Độ:

+ Tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo.

+ Chữ viết: bắt nguồn từ chữ Phạn cổ.

+ Kiến trúc: ảnh hưởng của kiến trúc đền tháp Hin-đu giáo: Tháp Chàm ở Trung Bộ.

- Cư dân cổ Phù Nam ở nước ta theo Hin-đu giáo và Phật giáo.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Tên nước	Thời gian *(1,0 điểm)*	Nội dung chủ yếu *(1,0 điểm)*	Thành tựu văn hóa *(2,0 điểm)*
Vương quốc Cam-pu-chia	Thế kỉ IX - XV	Thời kì thịnh vượng: Thời kì Ăng-co huy hoàng. (Tiêu biểu: Vua Ja-ya-var-man VII)	- Chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn Độ và xây dựng nền văn hóa dân tộc độc đáo: + Tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo. + Kiến trúc: Đền tháp Ăng-co Vát và Ăng-co Thom, chùa chiền. + Chữ viết: Dựa trên chữ Phạn cổ sáng tạo ra chữ Khơ-me cổ. + Văn học dân gian phát triển: thơ ca, truyện cười, truyện thơ.
Vương quốc Lào	Thế kỉ XV-XVII	Thời kì thịnh vượng (Tiêu biểu: Vua Su-li-nha vông-sa)	- Chịu ảnh hưởng sâu sắc văn hóa Ấn độ và xây dựng nền văn hóa dân tộc độc đáo: + Tôn giáo: đạo Phật. + Kiến trúc: Phật giáo (Thạt Luổng) nhưng ảnh hưởng tháp Ấn độ và mang nét độc đáo của kiến trúc Lào. + Chữ viết: Dựa trên chữ Khơ-me cổ và chữ nét cong của Mi-an-ma. + Ca múa nhạc.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nhà nước và nhân dân Đại Việt đã có những việc làm và chính sách để phát triển nông nghiệp:** *(3,0 điểm)*

- Nhân dân hăng hái, phấn khởi tích cực khai hoang mở rộng diện tích đất trồng trọt, đẩy mạnh sản xuất.

- Các triều đại phong kiến đưa ra nhiều chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp:

+ Hàng năm làm lễ cày ruộng để khuyến khích dân sản xuất.

+ Khuyến khích các quý tộc, vương hầu mộ dân nghèo đi khai hoang, thành lập điền trang.

+ Chú trọng cho dân xây dựng những con đê (như đê Quai Vạc), đê biển để bảo vệ mùa màng và cuộc sống của nhân dân.

+ Đặt phép "Quân điền" để phân chia ruộng đất công ở các làng, xã.

+ Quan tâm bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

***Tác dụng:** *(1,0 điểm)*

- Nông nghiệp phát triển đem lại nhiều sản phẩm cho xã hội, làm cho đời sống nhân dân ấm no, ổn định.

- Góp phần vào sự phát triển của kinh tế, văn hóa - giáo dục, sự ổn định của xã hội đương thời và tăng cường sức mạnh quân sự trong việc bảo vệ đất nước, chiến thắng giặc ngoại xâm.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Tên các cuộc kháng chiến, khởi nghĩa. *(1,0 điểm)*	**Người lãnh đạo** *(1,0 điểm)*	**Chiến thắng quan trọng** *(1,0 điểm)*	**Nghệ thuật quân sự tiêu biểu** *(1,0 điểm)*
Kháng chiến chống Tống lần 1 (981)	Lê Hoàn	Bạch Đằng	Chủ động tấn công.
Kháng chiến chống Tống lần 2 1075 - 1077	Lý Thường Kiệt	Như Nguyệt	"Tiên phát chế nhân"
Ba lần Kháng chiến chống Mông - Nguyên Từ 1258 - 1288	Trần Hưng Đạo	Đông bộ Đầu, Hàm Tử Chương Dương, Bạch Đằng	Lấy chỗ mạnh của ta đánh vào chỗ yếu của địch. Vườn không nhà trống
Khởi nghĩa Lam Sơn chống Minh	Lê Lợi, Nguyễn Trãi	Chi Lăng - Xương Giang.	Lấy yếu địch mạnh, lấy ít đánh nhiều.

CÂU HỎI 5:

*** Công lao của phong trào Tây Sơn đối với đất nước vào cuối thế kỷ XVIII: Rất to lớn:** *(1,0 điểm)*

- Thống nhất đất nước:
  + Đánh đổ các thế lực phong kiến Đàng Trong (Chúa Nguyễn).
  + Đánh đổ tập đoàn phong kiến Đàng Ngoài (Vua Lê - Chúa Trịnh).
- Bảo vệ độc lập dân tộc
  + Đánh bại quân Xiêm (1785).
  + Đánh bại quân Thanh (1789).

*** Vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung trong hai cuộc kháng chiến chống quân Xiêm, chống quân Thanh và xây dựng đất nước:** *(3,0 điểm)*

- Trong hai cuộc khánh chiến chống quân Xiêm và chống quân Thanh:

+ Kế thừa cách đánh của Ngô Quyền và Trần Hưng Đạo trong trận Rạch Gầm - Xoài Mút:cho quân mai phục tiêu diệt thuyền chiến của kẻ thù.

+ Có nghệ thuật quân sự tài tình, sáng tạo trong cuộc kháng chiến chống quân Thanh: Thần tốc - Táo bạo - Bất ngờ, huy động sức mạnh của nhân dân.

- Trong xây dựng đất nước:

+ Có chính sách kinh tế, văn hóa, giáo dục đúng đắn phù hợp để nhanh chóng khôi phục đất nước sau chiến tranh: chính sách khuyến nông, khuyến học.

+ Chính sách đối ngoại: Mềm dẻo nhưng cứng rắn để bảo vệ độc lập, chủ quyền dân tộc.

→ Đánh giá vai trò của Nguyễn Huệ - Quang Trung: Là một thiên tài về quân sự và kinh tế, chính trị, xứng đáng là "Anh hùng dân tộc".

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUANG TRUNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

– Văn hoá Cam-pu-chia: *(1,75 điểm)*

+ Trong hơn một nghìn năm dưới chế độ phong kiến, người Cam-pu-chia đã xây dựng nên một nền văn hoá riêng, hết sức độc đáo.

+ Từ những thế kỉ đầu Công nguyên, người Khơ-me đã học chữ Phạn của người Ấn. Trên cơ sở đó, từ thế kỉ VII, người Khơ-me đã sáng tạo nên hệ thống chữ viết riêng của mình. Từ đó về sau, các bài văn bia, ngoài phần mở đầu theo thói quen viết bằng chữ Phạn, còn phần lớn đều được viết bằng chữ Khơ-me cổ.

+ Dòng văn học dân gian và văn học viết với những truyện thần thoại, truyện cười, truyện trạng, truyện thơ... đều phản ánh những tình cảm của con người đối với thiên nhiên, đất nước, tình cảm giữa những con người cùng sống chung trong một cộng đồng.

+ Nghệ thuật kiến trúc Cam-pu-chia gắn chặt với những tôn giáo đã truyền bá ở đây. Thời kì đầu, Cam-pu-chia tiếp thu văn hoá Hin-đu giáo. Thế kỉ XII, Phật giáo Đại thừa lại có ảnh hưởng lớn ở Cam-pu-chia. Những công trình kiến trúc Hin-đu giáo và Phật giáo đã xuất hiện. Nổi tiếng nhất là quần thể kiến trúc Ăng-co Vát và Ăng-co Thom.

– Văn hoá Lào: *(1,5 điểm)*

+ Về chữ viết, cũng như các nhóm người Thái khác, người Lào có hệ thống chữ viết riêng, được xây dựng một cách sáng tạo trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

+ Người Lào thích ca nhạc và ưa múa hát, sống hồn nhiên nên các điệu múa của họ thật cởi mở, vui tươi.

+ Từ thế kỉ XIII, đạo Phật truyền bá vào Lào theo một dòng mới - Phật giáo Tiểu thừa. Ở Lào đã xuất hiện một số công trình kiến trúc Phật giáo mà điển hình nhất là Thạt Luổng ở Viêng Chăn. Thạt Luổng là một công trình kiến trúc Phật giáo, nhưng lại chịu ảnh hưởng của các tháp Ấn Độ, đồng thời cũng có một dáng vẻ riêng của Lào. Hình tượng quả bầu trên đỉnh Thạt Luổng tạo cho kiến trúc một dáng vẻ độc đáo, riêng biệt của người Lào.*(0.5 điểm)*

*** Điểm tương đồng giữa văn hoá Cam-pu-chia và văn hoá Lào:** *(0,75 điểm)*

– Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ trên các lĩnh vực chữ viết, tôn giáo, văn học, kiến trúc và điêu khắc.

– Khi tiếp thu ảnh hưởng của văn hoá nước ngoài, nhất là Ấn Độ, mỗi nước đều có sự sáng tạo riêng để xây dựng cho mình nền văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc. Chính bản sắc đó đã trở thành sợi dây liên kết dân tộc và thúc đẩy cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền dân tộc.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Sự định hình và phát triển văn hoá truyền thống Ấn Độ trong khoảng từ thế kỉ IV đến thế kỉ XII:** *(2,0 điểm)*

– Từ thế kỉ IV đến thế kỉ VII là thời kì văn hoá truyền thống Ấn Độ được định hình và phát triển.

▪ Đầu Công nguyên, miền Bắc Ấn Độ đã được thống nhất lại. Vương triều Gúp-ta do vua Gúp-ta sáng lập đã thống nhất một vùng lãnh thổ rộng lớn gồm toàn bộ miền Bắc và Trung Ấn, trải qua 9 đời vua trong gần 150 năm (319 - 467), không ngừng đưa đất nước phát triển.

▪ Thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển văn hoá truyền thống Ấn Độ. Đây là thời kì các tôn giáo lớn như Phật giáo, Hin-đu giáo được truyền bá rộng rãi; Ấn Độ đạt được nhiều thành tựu về kiến trúc, điêu khắc, chữ viết, văn học với những đặc trưng riêng biệt; làm cơ sở cho sự hình thành nền văn hoá truyền thống Ấn Độ(văn hoá Hin-đu); làm cho nền văn hoá Ấn Độ có giá trị vĩnh cửu, xuyên suốt lịch sử loài người.

▪ Sau thời Gúp-ta, văn hoá truyền thống Ấn Độ tiếp tục phát triển dưới thời Hậu Gúp-ta (467 - 606) và Hác-sa (606 - 647).

– Từ thế kỉ VII đến thế kỉ XII là thời kì văn hoá truyền thống của Ấn Độ phát triển rộng trên toàn lãnh thổ và có ảnh hưởng ra bên ngoài.

– Từ thế kỉ VII, Ấn Độ rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán. Đất nước chia thành sáu nước, trong đó, nước Pa-la ở vùng Đông Bắc và nước Pa-la-va ở miền Nam có vai trò nổi trội hơn.

– Trong trường hợp này, sự phân liệt không nói lên tình trạng khủng hoảng, suy thoái mà lại phản ánh sự phát triển tự cường của các vùng địa phương. Mỗi nước lại tiếp tục phát triển sâu rộng nền văn hoá của mình, trên cơ sở văn hoá truyền thống Ấn Độ - chữ viết, văn học và nghệ thuật Hin-đu, đặc biệt là văn học và nghệ thuật thời Gúp-ta.

– Nước Pa-la-va ở miền Nam, thuận tiện về bến cảng và đường biển, đã có vai trò tích cực trong việc phổ biến văn hoá Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á. Như thế, ngay từ đầu Công nguyên và trong 5 thế kỉ tiếp theo(thế kỉ VII - XII), văn hoá truyền thống của Ấn Độ phát triển rộng trên toàn lãnh thổ và có ảnh hưởng ra bên ngoài.

Các thành tựu chủ yếu của văn hoá truyền thống Ấn Độ: *(2,0 điểm)*

– *Tôn giáo:*

▪ Phật giáo xuất hiện vào khoảng thế kỉ VI TCN, do nhà hiền triết Sít-đác-ta, hiệu là Sa-ky-a Mu-ni (Thích Ca Mâu Ni) sáng lập. Đạo Phật được truyền bá mạnh mẽ dưới thời vua A-sô-ca, tiếp tục dưới các triều đại Gúp-ta và Hác-sa(đến thế kỉ VII).

▪ Cùng với Phật giáo, Ấn Độ giáo cũng ra đời và phát triển...

– *Kiến trúc, điêu khắc*

▪ Cùng với sự truyền bá Phật giáo, lòng tôn sùng đối với Phật, người ta đã làm hàng chục ngôi chùa hang. Đây là những công trình kiến trúc bằng đá rất đẹp và rất lớn. Cùng với chùa là những pho tượng Phật được điêu khắc bằng đá hoặc trên đá.

▪ Ảnh hưởng từ Ấn Độ giáo, người ta đã xây dựng nhiều ngôi đền bằng đá rất đồ sộ hình tháp nhọn nhiều tầng, tượng trưng cho đỉnh núi linh thiêng – nơi ngự trị của các thần. Các tháp hình núi được trang trí tỉ mỉ bằng các phù điêu, tạo nên một phong cách nghệ thuật kiến trúc Hin-đu độc đáo. Họ cũng tạc bằng đá hoặc đúc bằng đồng rất nhiều pho tượng thần thánh để thờ.

– Về chữ viết:

▪ Người Ấn Độ sớm có chữ viết (chữ cổ vùng sông Ấn có từ 3000 năm TCN, chữ cổ vùng sông Hằng có thể có từ 1000 năm TCN). Ban đầu là kiểu chữ đơn sơ Bra-hmi, được dùng để khắc trên cột A-sô-ca, rồi được nâng lên sáng tạo thành hệ chữ Phạn (San-skrit).

- ▪ Chữ Phạn được hoàn thiện từ thời A-sô-ca cả về chữ viết và ngữ pháp. Ngôn ngữ Phạn dùng phổ biến dưới thời Gúp-ta trong việc viết văn bia.

– Về văn học:

▪ Ngôn ngữ và văn tự phát triển là điều kiện để chuyển tải, truyền bá văn học, văn hoá Ấn Độ. Văn học Hin-đu với các giáo lí, các chính luận, luật pháp,... đã có ảnh hưởng sâu sắc trong đời sống xã hội và cả trong các sáng tác văn thơ.

▪ Các nhà văn, nhà thơ lớn đã thể hiện chủ nghĩa nhân đạo cao cả trong quan hệ giữa người với người, trong tình yêu lứa đôi; đồng thời phản đối sự phân biệt đẳng cấp, sự chia rẽ con người; chẳng hạn như Ka-li-đa-sa trong các tác phẩm của ông (đặc biệt là trong "Sơ-kun-tơ-la").

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Sự chia cắt và thống nhất lãnh thổ nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII:** *(3,5 điểm)*

- Đầu thế kỉ XVI, triều Lê sơ suy sụp, một số thế lực phong kiến nổi lên tranh chấp quyền hành. Sau khi dẹp yên các thế lực phong kiến khác, nhận thấy sự bất lực và suy sụp của dòng họ Lê, năm 1527, Mạc Đăng Dung bắt vua Lê nhường ngôi và thành lập triều đại mới - triều Mạc.

- Không chấp nhận chính quyền của họ Mạc, một số quan lại cũ của nhà Lê, đứng đầu là Nguyễn Kim, đã họp quân, nêu danh nghĩa "phù Lê diệt Mạc", nổi dậy ở vùng Thanh Hoá. Một nhà nước mới được thành lập ở đây, sử cũ gọi là Nam triều để phân biệt với Bắc triều của nhà Mạc.

- Chiến tranh Nam - Bắc triều bùng nổ và kéo dài cho đến cuối thế kỉ XVI. Triều Mạc bị lật đổ. Đất nước bước đầu được thống nhất lại.

- Năm 1545, Nguyễn Kim chết, con rể là Trịnh Kiểm được cử lên thay, nắm toàn bộ binh quyền. Người con thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng xin được vào trấn thủ đất Thuận Hoá. Từ đây, một thế lực cát cứ ở phía Nam hình thành - thế lực phong kiến họ Nguyễn.

- Năm 1627, cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ, kéo dài đến cuối năm 1672. Không phân được thắng bại, hai bên giảng hoà, lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến, chia đất nước làm hai: Đàng Ngoài và Đàng Trong, với hai chính quyền riêng biệt.

- Tình trạng chia cắt đất nước kéo dài cho đến cuối thế kỉ XVIII, gây nên hậu quả hết sức nặng nề cho đất nước.

- Năm 1771, một cuộc khởi nghĩa nông dân bùng lên ở ấp Tây Sơn(Bình Định) do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo. Sau nhiều năm chiến đấu kiên cường, cuộc khởi nghĩa phát triển, tiến lên đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, làm chủ phần đất từ Quảng Nam trở vào.

- Trong những năm 1786 - 1788, phong trào Tây Sơn lần lượt đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Trịnh, Lê và làm chủ toàn bộ đất nước. Sự nghiệp thống nhất đất nước bước đầu được hoàn thành.

*** Công lao của phong trào Tây Sơn trong việc thống nhất đất nước:** *(0,5 điểm)*

- Lật đổ tập đoàn phong kiến Nguyễn ở Đàng Trong, Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài, chấm dứt tình trạng chia cắt đất nước.

- Tạo điều kiện thống nhất về lãnh thổ, chính quyền trong cả nước.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Biểu hiện sự hưng khởi của các đô thị nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII:** *(3,25 điểm)*

- Sự phát triển của kinh tế hàng hoá đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự hình thành và hưng khởi của đô thị. Vào các thế kỉ XVI - XVIII, nhiều đô thị mới hình thành ở cả Đàng Ngoài và Đàng Trong.

- Ở Đàng Ngoài, hai đô thị tiêu biểu nhất là Thăng Long và Phố Hiến(đúng như dân gian xác nhận "Thứ nhất Kinh kì, thứ nhì Phố Hiến").

+ Kinh kì (Thăng Long hay Kẻ Chợ) không chỉ là trung tâm chính trị - hành chính, văn hoá mà còn là một trung tâm kinh tế lớn nhất của đất nước với hệ thống chợ, bến và hàng chục các phố hàng. Kinh kì có 36 phố phường và 8 chợ, là nơi có nhiều mặt hàng từ khắp nơi đưa về. Một thương nhân nước ngoài đã mô tả: "Các phố ở Kẻ Chợ đều rộng, đẹp và lát gạch từng phần...". Một thương nhân khác nói thêm: "Tất cả những vật phẩm khác nhau bán trong thành phố này đều được dành riêng cho từng phường...".

+ Phố Hiến (phía Nam thành phố Hưng Yên ngày nay) là nơi chính quyền Lê - Trịnh đặt dinh Hiến ti trấn Sơn Nam, nơi bốc dỡ và trung chuyển hàng hoá từ các tàu buôn ngoại quốc. Vào thời điểm thịnh đạt, Phố Hiến có khoảng 2000 ngôi nhà với 20 phường chuyên sản xuất hàng thủ công và buôn bán. Phố Hiến cũng là nơi hội tụ nhiều khách thương ngoại quốc phương Đông và phương Tây, trong đó phần lớn là người Trung Quốc.

- Đàng Trong cũng xuất hiện khá nhiều đô thị sầm uất, tiêu biểu là Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Huế)...

+ Hội An là thành phố cảng lớn nhất ở Đàng Trong (trên đất Quảng Nam ngày nay), phát triển chủ yếu ở các thế kỉ XVII - XVIII. Hội An là trung tâm trao đổi, buôn bán của cả vùng Đàng Trong, là một thương cảng quốc tế nằm trên con đường thương mại Biển Đông từ Đông sang Tây, từ Nam lên Bắc. Từ đầu thế kỉ XVII, Hội An đã là một thành phố cảng lớn, hội tụ nhiều thuyền buôn, thương điếm của các nước phương Đông và phương Tây. Hội An còn có các khu cư trú riêng của người Nhật và người Hoa.

+ Thanh Hà cũng là một đô thị mới hình thành ở trên bờ sông Hương, gần Phú Xuân (Huế) do các thương nhân Trung Hoa thành lập với sự đồng ý của chúa Nguyễn. Trao đổi buôn bán ở đây khá sầm uất và người đương thời đã gọi là "Đại Minh khách phố".

- Ngoài ra, còn có một số trung tâm buôn bán nhỏ hơn, phồn vinh một thời.

- Vào đầu thế kỉ XIX, do nhiều nguyên nhân khác nhau, các đô thị suy tàn dần, thậm chí không còn được nhắc đến, trừ Thăng Long.

*** Ý nghĩa:** *(0,75 điểm)*

- Thúc đẩy kinh tế trong nước phát triển, tạo điều kiện giao lưu buôn bán trong và ngoài nước, đánh dấu thời kì Đại Việt đi theo luồng giao lưu buôn bán quốc tế.

- Đô thị hưng khởi thể hiện sự phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong các thế kỉ XVI – XVIII.*(0.25 điểm)*

- Mở rộng tầm nhìn và sự hiểu biết của người dân Việt, thúc đẩy quá trình giao lưu văn hoá giữa Việt Nam với các quốc gia trên thế giới.

CÂU HỎI 5: *(Mỗi đáp án đúng được 0,25 điểm)*

STT	Sự kiện	Thời gian (năm)
1.	Ngô Quyền xưng vương, bắt tay xây dựng chính quyền mới, đóng đô ở Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội).	939
2.	Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi hoàng đế.	968
3.	Thập đạo tướng quân Lê Hoàn được nhiều tướng lĩnh và bà Thái hậu họ Dương tôn lên làm vua, chỉ đạo cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Tống.	980
4.	Lý Công Uẩn lên ngôi. Nhà Lý được thành lập.	1009
5.	Vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long (Hà Nội), mở ra một giai đoạn phát triển mới trong lịch sử dân tộc.	1010
6.	Vua Lý Thái Tông ban hành bộ luật Hình thư - bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta.	1042
7.	Vua Lý Thánh Tông quyết định đổi tên nước là Đại Việt.	1054
8.	Hồ Quý Ly phế truất vua Trần và lên ngôi, lập ra nhà Hồ.	1400
9.	Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.	1407
10.	Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Lê, khôi phục quốc hiệu Đại Việt.	1428
11.	Mạc Đăng Dung bắt vua Lê nhường ngôi và thành lập triều đại mới - triều Mạc.	1527
12.	Cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ.	1627
13.	Chúa Nguyễn Phúc Khoát xưng vương, thành lập triều đình trung ương ở Đàng Trong.	1744
14.	Thủ lĩnh nghĩa quân Tây Sơn là Nguyễn Nhạc tự xưng hoàng đế, thành lập vương triều Tây Sơn.	1778
15.	Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, đặt niên hiệu là Quang Trung.	1788
16.	Vương triều Tây Sơn sụp đổ. Nguyễn Ánh lên ngôi vua, lập ra nhà Nguyễn.	1802

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những thành tựu...** *(2,5 điểm)*

Ấn Độ là nước có lịch sử, văn hóa lâu đời và là một trong những trung tâm văn minh lớn của loài người, với nhiều thành tựu:

– *Ngôn ngữ và chữ viết*: tiếng Phạn và chữ Phạn là ngôn ngữ, chữ viết cổ, là nguồn gốc của ngôn ngữ và chữ viết Hin-đu thông dụng hiện nay ở Ấn Độ.

– *Tôn giáo*: Ấn Độ là trung tâm của nhiều tôn giáo lớn: đạo Bà-la-môn, đạo Phật, đạo Hin-đu, đạo Hồi, mà chủ yếu là đạo Hin-đu, thờ hệ thống tam thần Bra-ma, Vis-nu, Si-va.

– *Kiến trúc*: Ấn Độ có nền kiến trúc gắn với tôn giáo, với nhiều loại hình đa dạng, phong phú.

+ Kiến trúc Phật giáo: kiểu hình tháp Xtu-pa, có mái tròn như chiếc bát úp (Chùa Hang)

+ Kiến trúc Hồi giáo: mái tròn, cửa vòm, có tháp nhọn, sân rộng, hoàn toàn không có hình tượng con người (Đền Tagiơ-Mahan)

+ Kiến trúc Hin-đu: phổ biến, rất độc đáo, có nhiều tầng với đỉnh tháp nhọn, được trang trí tỉ mỉ bằng các phù điêu (Đền Vishvanatha)

– *Văn học*: phong phú với nhiều thể loại như thơ ca, truyện thần thoại, kịch, văn học Hin-đu với các giáo lý, chính luận, luật pháp (Ma-ha-bha-ra-ta và Ra-ma-ya-na là tiêu biểu) đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống xã hội, thể hiện chủ nghĩa nhân đạo, đề cao tư tưởng tự do....

*** Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các nước Đông Nam Á.** *(1,5 điểm)*

Các nước Đông Nam Á được học trong chương trình đều có vận dụng văn hóa của Ấn Độ để sáng tạo, phát triển văn hóa dân tộc mình:

– *Chữ viết*: từ chữ Phạn của Ấn Độ, một số dân tộc Đông Nam Á sáng tạo ra chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khơ-me cổ, chữ Lào, Thái Lan, Mi-an-ma,...

– *Tôn giáo*: Đông Nam Á tiếp thu đạo Phật, đạo Hin-đu và cả đạo hồi của Ấn Độ.

– *Kiến trúc*: mô phỏng theo kiến trúc ở Ấn Độ, các nước Đông Nam Á hầu như nước nào cũng có kiến trúc Phật giáo, Hin-đu (Tháp Chăm ở Việt Nam, Ăng-co Vát, Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luổng ở Lào, Bô-rô-bu-đua ở In-đô-nê-xi-a,...)

– *Văn học*: văn học Phật giáo ở Ấn Độ với các tích truyện gắn với sự tích lịch sử Phật giáo, có ảnh hưởng sâu sắc đến văn học các nước Đông Nam Á. Từ đó, ít nhiều mỗi dân tộc đã sáng tạo văn hóa của mình, hình thành nét bản sắc riêng.

– *Toán học*: Người Ấn Độ phát minh ra chữ số và cả chữ số 0, truyền bá sang các nước Ả rập, rồi lan rộng khắp thế giới. Đông Nam Á cũng dùng hệ thống chữ số này cho đến ngày nay.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng...** *(3,25 điểm)*

Thời gian	Nội dung lịch sử
Thời cổ đại *(0,75 điểm)*	Hàng ngàn năm trước, Người Lào Thơng dựng nước ở Xiêng Khoảng và họ đã sáng tạo ra nền văn hóa Chum đá và tổ chức xã hội đầu tiên: - Đơn vị hành chính nhỏ nhất là Mường. - Đứng đầu là vua (Khún Bo-lom là vua đầu tiên), cha truyền con nối suốt 500 năm. - Dân trong Mường sống bằng nghề trồng lúa nương, săn bắn, nghề thủ công.
Thế kỉ XIII - XIV *(0,5 điểm)*	- Thế kỉ XIII, người Thái di cư đến cùng sinh sống hòa hợp với người Lào Thơng, được gọi là người Lào Lùm. - Thế kỉ XIV, Pha Ngừm thống nhất các Mường Lào, đặt tên nước là Lan Xang.
Thế kỉ XV - XVII *(1,5 điểm)*	Đây là giai đoạn Lan Xang thịnh vượng: - *Đối nội*: + Vua chia nước làm các Mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do vua chỉ huy. + Dân sống thanh bình, giàu có, với nhiều sản vật quý như thổ cẩm, ngà voi, cánh kiến... - *Đối ngoại*: + Giữ mối quan hệ hòa hiếu với các quốc gia láng giềng. + Cứng rắn, kiên quyết chống kẻ thù khi bị xâm lăng (chống Mi-an-ma vào thế kỉ XVI). - *Cuối thế kỉ XVII đầu thế kỉ XVIII*, đất nước thịnh vượng dưới thời vua Xu-li-nha Vông-sa: + Tổ chức nhà nước chặt chẽ hơn, chia nước làm 7 tỉnh, có phó vương trông coi, hỗ trợ cho vua. + Xây dựng quân thường trực của vua và quân địa phương, mua khí giới của châu Âu. + Lan Xang là trung tâm Phật giáo, ngoài buôn bán với các nước láng giềng còn buôn bán cả với các nước châu Âu.
Thế kỉ XVIII - XIX *(0,5 điểm)*	Lan Xang suy yếu: + Do tranh chấp ngôi báu, Lan Xang bị phân liệt thành 3 tiểu quốc (Luông Phabăng, Viêng Chăn, Chăm-pa-sắc) + Xiêm nhân cơ hội đó xâm lược, nhiều cuộc khởi nghĩa, tiêu biểu nhất là của Chậu A Nụ nhưng thất bại... Năm 1893, Pháp đến xâm lược.

*** Nét tiêu biểu của văn hóa Lào:** *(0,75 điểm)*

- Chữ viết: vận dụng chữ cong của Cam-pu-chia, Mi-an-ma, người Lào sáng tạo ra chữ viết của mình.

- Văn học: dân Lào sống hồn nhiên, vui tươi nên văn học phát triển, nhất là nền văn học dân gian ca hát, nhảy múa...

- Kiến trúc: thế kỉ XIII, Phật giáo được truyền bá vào nước Lào, từ đó nhiều công trình kiến trúc ảnh hưởng kiến trúc Phật giáo, nhưng được sáng tạo với nét độc đáo riêng biệt (Thạt Luổng,...)

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân:** *(0,5 điểm)*

Vào cuối thế kỉ XIV, nhà Trần suy vong, nhà Hồ thành lập, quân Minh xâm lược. Sau thất bại của nhà Hồ, năm 1407, nền độc lập của dân tộc bị thủ tiêu, ách đô hộ đốt sạch, phá sạch, giết sạch của nhà Minh đẩy dân ta vào con đường khốn khổ lầm than. Nhiều cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm diễn ra, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa Lam Sơn.

***Diễn biến:** *(2,0 điểm)*

Hội thề Lũng Nhai chiêu mộ hiền tài để khởi nghĩa, chủ tướng Lê Lợi đã thu phục nhiều nhân tài cứu nước: Lê Lai, Nguyễn Trãi, Nguyễn Chích, Trần Nguyên Hãn...

Ngày 7/2/1418, Lê Lợi xưng là Bình Định Vương, dựng cờ khởi nghĩa tại núi rừng Lam Sơn thuộc tỉnh Thanh Hóa, nghĩa quân gây cho giặc nhiều khó khăn. Tuy vậy, không ít lần bị giặc bao vây căn cứ, Lê Lai phải liều mình cứu chủ tướng.

Từ 1423 - 1424, hai bên giảng hòa.

Đầu năm 1425, Lê Lợi chuyển căn cứ vào Nghệ An, nhờ vậy mà nghĩa quân liên tiếp giành thắng lợi, mở rộng vùng giải phóng. Sau đó tiến quân ra Bắc, trận Tốt Động, Chúc Động và tiến vào bao vây Đông Quan, Vương Thông phải cố thủ và xin tiếp viện.

Cuối năm 1427, 10 vạn quân tiếp viện của Vương Thông bị đánh tan tành, nổi tiếng với trận Chi Lăng, Xương Giang. Giặc cùng quẫn, Lê lợi "thể đức hiếu sinh", Vương Thông chấp nhận mở Hội thề Đông Quan, xin giảng hòa rút quân về nước.

*** Đặc điểm...** *(1,5 điểm)*

- Khởi nghĩa Lam Sơn diễn ra trong hoàn cảnh nước ta bị nhà Minh đô hộ rất tàn bạo, còn các cuộc kháng chiến trước đó thời Lý Trần diễn ra lúc nước ta là quốc gia độc lập có chủ quyền.

- Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn không phải do vua quan lãnh đạo mà chỉ do một hào trưởng địa phương (Lê Lợi), từ một cuộc khởi nghĩa mang tính chất địa phương đã chuyển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc trên toàn quốc.

- Khởi nghĩa Lam Sơn biểu thị sâu sắc vai trò chủ động định đoạt của quần chúng và cuộc khởi nghĩa đạt đến trình độ chiến tranh nhân dân cao hơn.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Giai đoạn hình thành (thời Ngô - Đinh - Tiền Lê):** *(1,0 điểm)*

Thế kỉ X, nhà nước phong kiến độc lập tự chủ theo thiết chế quân chủ chuyên chế đã được xây dựng, còn sơ khai, nhưng đã là nhà nước độc lập tự chủ của nhân dân ta.

Bộ máy nhà nước ở trung ương do vua đứng đầu, giúp vua có 3 ban Văn, Võ, Tăng. Chia nước làm 10 đạo. Tổ chức quân đội theo chế độ "Ngụ binh ư nông"

*** Giai đoạn phát triển (thời Lý – Trần):** *(1,5 điểm)*

Thế kỉ X - XIV, nhà nước quân chủ chuyên chế nhưng có mức độ vì dưới vua còn có tể tướng và các quan đại thần.

– Thời Lý, Vua đứng đầu, kế đến là tam thái, tam hiếu, thái úy, hệ thống hành khiển và một số quan. Vua chia nước làm 24 lộ, dưới lộ là phủ, châu, huyện, hương.

– Thời Trần, Vua đứng đầu, kế đến là tam thái, tam hiếu, tả hữu tướng quốc bình chương sự, hệ thống hành khiển, một số quan văn, võ,... Vua chia nước làm 12 lộ, dưới là phủ, châu, huyện, hương, xã.

– Luật pháp thành văn với các bộ Hình thư, Hình luật.

– Tổ chức quân đội chặt chẽ hơn có cấm quân và quân địa phương. Ngoài ra còn có lực lượng của tù trưởng, của vương hầu....

– Nhìn chung, thời Lý, Trần cố gắng xây dựng bộ máy chính quyền theo hướng chuyên quyền, ngày càng có quy củ, thời Trần được luyện tập để làm vua.

*** Giai đoạn hoàn thiện (thời Lê sơ):** *(1,5 điểm)*

Thế kỉ XV, dưới thời Lê sơ bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế đạt mức độ cao, hoàn chỉnh.

– Giai đoạn 1428 - 1460, bộ máy Nhà nước cơ bản giống thời Lý, Trần, Vua đứng đầu, dưới có các đại thần, hệ thống hành khiển, hầu hết là các tướng của nghĩa quân Lam Sơn, khác thời Trần hầu hết là con cháu, dòng tộc.

– Giai đoạn 1460 - 1470, Vua đứng đầu, bãi bỏ thái úy (tể tướng) và hệ thống hành khiển, lập 6 bộ, 6 khoa (kiểm soát hoạt động các bộ) và các viện... Vua chia nước làm 13 thừa tuyên (tỉnh) và 1 phủ trung đô.

– Luật pháp: Bộ luật Hồng Đức.

– Ngoại giao: giữ vững biên giới mặt Bắc lẫn mặt Nam.

– Thành phần quan lại chủ yếu tuyển chọn qua thi cử. Đây là bộ máy trí thức, phát triển cao hơn, chuyên chế hơn, xa rời nhân dân hơn → Nước Đại Việt trở thành nước phồn vinh, quy cũ.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Tên cuộc đấu tranh *(0,75 điểm)*	**Thời gian** *(0,75 điểm)*	**Người lãnh đạo** *(0,75 điểm)*	**Kết quả** *(0,75 điểm)*
Chống Tống (thời Tiền Lê)	981	Lê Hoàn	Đánh tan đạo quân Tống do Hầu Nhân Bảo và Lưu Trừng chỉ huy.
Chống Tống (thời Lý)	1075, 1077	Lý Thường Kiệt	Đánh tan đạo quân Tống do Quách Quỳ chỉ huy.
Chống Mông - Nguyên (thời Trần)	1258, 1285, 1287 - 1288	Vua Trần, Trần Hưng Đạo	Ba lần đánh tan quân Mông - Nguyên do Ngột Lương Hợp Thai, Toa Đô, Thoát Hoan, Ô Mã Nhi chỉ huy .
Chống Minh (thời Hồ và thời thuộc Minh)	1406 - 1407 1418 - 1428	Hồ Quý Ly Lê Lợi	Lật đổ ách đô hộ nhà Minh do Vương Thông, Liễu Thăng, Mộc Thạnh,... đứng đầu.

Tên cuộc đấu tranh *(0,75 điểm)*	Thời gian *(0,75 điểm)*	Người lãnh đạo *(0,75 điểm)*	Kết quả *(0,75 điểm)*
Chống Xiêm (thời Tây Sơn)	1785	Nguyễn Huệ	Đánh tan quân Xiêm do Chiêu Tăng, Chiêu Xương chỉ huy.
Chống Thanh (thời Quang Trung)	1789	Quang Trung	Đánh tan 29 vạn quân Thanh do Tôn Sĩ Nghị, Sầm Nghi Đống, Hứa Thế Hanh, chỉ huy.

Nhận xét... *(1,0 điểm)*

- Những cuộc kháng chiến, khởi nghĩa diễn ra hầu khắp các thế kỉ, từ triều đại này sang triều đại khác.

- Chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập là đặc trưng cơ bản của truyền thống yêu nước Việt Nam thời Phong kiến độc lập.

- Thử thách lớn lao của dân tộc đã sản sinh hàng loạt anh hùng tận tụy vì dân, vì nước, tiếng tăm lưu danh muôn thuở.

- Sự nghiệp lớn lao của dân tộc thời độc lập là giữ nước và xây dựng đất nước. Để lại nét mới trong truyền thống yêu nước Việt Nam, khắc sâu tình yêu Tổ quốc, tăng thêm niềm tự hào dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG
TRƯỜNG THPT KRÔNG NÔ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

	Các quốc gia cổ đại phương Đông	Các quốc gia cổ đại Địa Trung Hải
Quá trình hình thành *(1,0 điểm)*	- Điều kiện tự nhiên thuận lợi (nằm trên lưu vực các dòng sông lớn như sông Nin, sông Ấn, sông Hằng, sông Ti-gơ-rơ và sông Ơ-phơ-rát...) - Ra đời sớm: cuối thời kì đồ đá mới (thiên niên kỉ IV TCN) sang thời kì đồ đồng). - Quy mô quốc gia lớn.	- Điều kiện tự nhiên khó khăn hơn cho nông nghiệp (ở ven biển Địa Trung Hải, nhiều đảo, đi lại khó khăn, đất đai ít và khô cứng) nhưng thuận lợi cho thủ công nghiệp, hàng hải, nghề cá... - Ra đời muộn: thời kì đồ sắt (đầu thiên niên kỉ I TCN) - Quy mô quốc gia nhỏ: thành bang.

Kinh tế *(1,0 điểm)*	- Nông nghiệp: biết thâm canh, làm công tác thủy lợi, đắp đê ngăn lũ. - Thủ công: gốm, dệt, đúc đồng, làm giấy. - Có trao đổi sản phẩm giữa các vùng.	- Nông nghiệp kém phát triển, thiếu lương thực. - Thủ công nghiệp phát triển mạnh, nghề cá, đóng thuyền... ra đời. - Thương nghiệp biển phát triển, lưu thông tiền tệ sớm.
Xã hội *(1,0 điểm))*	- Xã hội chia thành 3 tầng lớp chính: quý tộc, nông dân công xã và nô lệ. Trong đó, nông dân công xã là lực lượng đông đảo nhất, giữ vai trò chủ yếu trong sản xuất.	- Xã hội chia thành 3 tầng lớp chính: chủ nô, công dân tự do và nô lệ. Trong đó, nô lệ là tầng lớp đông đảo nhất, là lực lượng sản xuất chính, nuôi sống xã hội.
Chính trị *(1,0 điểm)*	- Nhà nước chuyên chế cổ đại, đứng đầu là vua.	- Nhà nước dân chủ cổ đại.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Những thành tích nổi bật của nền văn hóa Cam-pu-chia và Lào:** *(3,0 điểm)*

– Tôn giáo:

+ Thời gian đầu, Cam-pu-chia theo đạo Hin-đu, thờ các thần Vi-snu và Vi-sa.

+ Về sau đạo Phật du nhập vào Cam-pu-chia ở thế kỉ VXII và Lào thế kỉ XIV theo một dòng mới (Tiểu thừa). Từ đó tạo sự biến đổi chung về văn hóa ở hai nước.

• Chùa thay thế cho đền, tháp.

• Văn hóa Phật giáo phát triển mạnh.

– Kiến trúc:

+ Xây dựng nhiều đền tháp, chùa đồ sộ mang đặc trưng văn hóa dân tộc.

+ Cam-pu-chia: có Ăng-co Vát, Ăng-co Thom.

+ Lào: có Thạt Luổng.

+ Kiến trúc của hai nước đều ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu giáo của Ấn Độ.

– Chữ viết:

+ Từ chữ Phạn người Khơ-me sáng tạo ra chữ Khơ-me cổ vào loại sớm ở Đông Nam Á (đầu thế kỉ VII).

+ Người lào có chữ viết riêng, được xây dựng một cách sáng tạo trên cơ sở vận dụng các nét cong của chữ Cam-pu-chia.

– Nghệ thuật ca múa: (0.5 điểm)

Thích ca múa và sử dụng nhiều nhạc cụ độc đáo, đều ảnh hưởng Ấn Độ.

*** Nhận xét về nền văn hóa Cam-pu-chia và Lào:** *(1,0 điểm)*

- Văn hóa Cam-pu-chia và Lào đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, trực tiếp hoặc gián tiếp.

- Cả hai dân tộc đều có sự sáng tạo trong văn hóa. Tuy chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, nhưng văn hóa mội dân tộc đều có bản sắc riêng.

- Mỗi nước còn có nền văn hóa dân gian, phong tục tập quán, các lễ hội truyền thống, điệu vũ – nhạc làm nền và làm phong phú hơn văn hóa truyền thống của mỗi dân tộc mình.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Trình bày ngắn gọn các cuộc khởi nghĩa nông dân từ thời Tần đến thời Minh.** *(1,0 điểm)*

- Khởi nghĩa Trần Thắng - Ngô Quảng...
- Khởi nghĩa Xích Mi - Lục Lâm...
- Khởi nghĩa Hoàng Cân (Khăn Vàng)...
- Khởi nghĩa Hoàng Sào...
- Khởi nghĩa Chu Nguyên Chương...
- Khởi nghĩa Lý Tự Thành...

*** Đặc điểm của phong trào nông dân Trung Quốc diễn ra từ thời Tần đến thời Minh:** *(3,0 điểm)*

- Các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân Trung Quốc thường nổ ra vào cuối mỗi triều đại. Hầu như triều đại nào cũng có các cuộc khởi nghĩa nông dân.

- Khởi nghĩa liên tục, mang tính chu kì, quy mô ngày càng rộng lớn.

- Nhiệm vụ chính của các cuộc khởi nghĩa là chống phong kiến. Bên cạnh đó, có những cuộc khởi nghĩa chống ngoại xâm (khởi nghĩa Chu Nguyên Chương đánh đuổi giai cấp thống trị Mông Cổ, khôi phục quyền tự chủ của Trung Quốc). Các cuộc khởi nghĩa nông dân đều mang tính tự phát.

- Hầu hết các cuộc khởi nghĩa của nông dân Trung Quốc đều bị thất bại. Nguyên nhân chính là do những khuyết điểm có tính chất cố hữu của nông dân, họ không có hệ tư tưởng riêng, không thống nhất được với nhau, thiếu đoàn kết, cục bộ địa phương, đôi khi còn mâu thuẫn nhau nên dễ bị đàn áp, trừ cuộc khởi nghĩa của Chu Nguyên Chương.

- Phong trào nông dân có tác dụng lớn đối với sự thay thế lẫn nhau của các triều đại phong kiến trong lịch sử Trung Quốc. Phong trào nông dân và sự diệt vong của các triều đại đã dạy cho vua quan đương thời rằng: thu thuế nặng thì dân sầu oán, dân sầu oán thì nước nguy, nước nguy thì vua chết. Chính vì vậy mà sau các cuộc khởi nghĩa nông dân vào buổi đầu mỗi triều đại, các vua quan Trung Quốc thường thi hành nhiều chính sách nhằm xoa dịu mâu thuẫn giai cấp như giảm thuế khóa, bớt lao dịch...

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Thế kỉ XIII, nhân dân Đại Việt đã 3 lần đánh thắng quân xâm lược Mông - Nguyên:** *(1,0 điểm)*

+ Lần 1: 1258
+ Lần 2: 1285
+ Lần 3: 1287 - 1288

*** Nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi:** *(3,0 điểm)*

– Dưới sự chỉ huy của nhà quân sự thiên tài Trần Quốc Tuấn và các vua Trần yêu nước cùng hàng loạt tướng lĩnh tài năng.

– Sự đoàn kết nhất trí của quân dân nhà Trần qua hai hội nghị lịch sử Bình Than và Diên Hồng cùng với "Hịch tướng sĩ" của Trần Hưng Đạo: " *Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể lột da, ăn gan uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thây ta bọc trong da ngựa cũng nguyện xin làm*"

– Truyền thống yêu nước, bất khuất, quật cường của dân tộc (với tinh thần Sát Thát).

– Nghệ thuật chỉ đạo: thực hiện kế "thanh dã", chủ động đối phó với mọi âm mưu của giặc.

– Nhà Trần đặt quyền lợi dân tộc lên trên quyền lợi của cá nhân, chủ động giải quyết những bất hòa nội bộ để đoàn kết chống quân xâm lược Mông - Nguyên thắng lợi.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê các triều đại Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV:** *(3,0 điểm)*

Triều đại	Niên đại	Kinh đô	Quốc hiệu	Vị vua đầu tiên
Ngô	939 - 965	Cổ Loa		Ngô Quyền
Đinh - Tiền Lê	868 - 1009	Hoa Lư	Đại Cồ Việt	Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành
Lý	1009 - 1225	Thăng Long	Đại Việt	Lý Thái Tổ
Trần	1226 -1400	Thăng Long	Đại Việt	Trần Thái Tông
Hồ	1400 -1407	Thanh Hóa	Đại Ngu	Hồ Quý Ly
Lê sơ	1428 -1527	Thăng Long	Đại Việt	Lê Thái Tổ

*** Ý nghĩa của việc Lý Công Uẩn dời đô về Thăng Long:** *(1,0 điểm)*

- Năm 1010, Lý Công Uẩn viết chiếu và chiếu dời đô về Thăng Long. Chiếu dời đô có đoạn: *"Chi vì muốn đóng đô ở trung tâm mưu toan nghiệp lớn, tính kế muôn đời cho con cháu... Địa thế rộng mà bằng phẳng, đất cao mà thoáng. Dân cư khỏi chịu cảnh khổn khổ vì ngập lụt... thật là chốn hội tụ của bốn phương đất nước..."*

- Việc dời đô về Thăng Long, một đất trù phú, đông dân, nhiều tiền năng về kinh tế, văn hóa đã chứng tỏ dân tộc và đất nước ta bước vào một thời kì phát triển mới. Sau hơn một thế kỉ khẳng định mình, sang thời Lý, đất nước Đại Việt bắt đầu vươn dậy với khí thế Thăng Long - rồng bay lên.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Thời Gúp-ta là thời kì định hình, phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ:** *(2,5 điểm)*

- *Chính trị*: Vương triều Gúp-ta có 9 đời vua, qua 150 năm (319-476), thống nhất miền Bắc và làm chủ miền Trung Ấn Độ.

- *Văn hóa*: Định hình và phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ:

+ Tôn giáo: Phật giáo tiếp tục phát triển (truyền bá Phật giáo, xây dựng chùa Hang, tượng Phật); Ấn Độ giáo ra đời và phát triển (thờ thần, xây dựng nhiều ngôi đền đá đồ sộ hình chóp núi, tạc tượng thần để thờ...).

+ Chữ viết: Chữ Phạn được dùng phổ biến, có nguồn gốc từ chữ cổ Bra-hmi

+ Văn học: Mang tâm lý Hin-đu, có những tác phẩm là nguồn cảm hứng vô tận cho văn học nghệ thuật hiện nay của Ấn Độ (tiêu biểu là hai tác phẩm *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-ya-na*).

+ Kiến trúc: Nhiều công trình kiến trúc, điêu khắc có giá trị mang phong cách Hin-đu giáo và Phật giáo.

→ Tôn giáo, chữ viết, văn học, kiến trúc thời Gúp-ta làm nền cho văn hóa truyền thống Ấn Độ.

*** Sự ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á:** *(1,5 điểm)*

- Chữ viết: Từ chữ Phạn một số nước Đông Nam Á đã vận dụng sáng tạo ra chữ viết riêng của dân tộc mình như chữ Chăm cổ (IV), chữ Khơ-me cổ (VII), chữ Thái, Mi-an-ma...

- Văn học: Văn học các nước Đông Nam Á đều mô phỏng hoặc lấy tích từ các sử thi, truyện thần thoại Ấn Độ.

- Về tôn giáo: Phật giáo và Ấn Độ giáo có ảnh hưởng lớn đến tất cả các nước Đông Nam Á.

- Kiến trúc: Ăng-co Vát (Hin-đu), Ăng-co Thom (Phật giáo) ở Cam-pu-chia, Tháp Thạt Luổng (Phật giáo) ở Lào, Thành cổ Pa-gan (Phật giáo) ở Mi-an-ma....

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng so sánh các giai đoạn lịch sử lớn của Lào và Cam-pu-chia.** *(3,0 điểm)*

Thời kì	Cam-pu-chia	Lào
Hình thành	Thế kỉ VI: thành lập Vương quốc Cam-pu-chia (Chân Lạp).	Thế kỉ XIV: Phà Ngừm thống nhất các mường, đặt tên nước là Lan Xang
Phát triển	Thế kỉ IX-XV: (thời kì Ăng-co: 802-1432) Trong các thế kỉ X-XII trở thành một trong những Vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất Đông Nam Á	Thế kỉ XV-XVII: Lan Xang phát triển thịnh vượng đặc biệt dưới thời vua Xu-li-nha Vông-xa
Suy yếu	XV: Năm 1432 dời thủ đô về Phnôm Pênh. Năm 1863 trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.	Thế kỉ XVIII: Chia thành 3 tiểu quốc đối địch nhau. Nhân đó Xiêm xâm chiếm và cai trị. Năm 1893 trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.

*** Nhận xét:**

- Thời kì hình thành, phát triển và suy thoái của Vương quốc Cam-pu-chia sớm hơn Lào.

- Cả Lào và Cam-pu-chia đều chung số phận là thuộc địa của thực dân Pháp vào cuối thế kỉ XIX.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Những biểu hiện chứng tỏ thời Lê sơ là giai đoạn phát triển thịnh đạt.

*** Nhà nước quân chủ được hoàn thiện và phát triển đến đỉnh cao:** *(2,0 điểm)*

- Năm 1428, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập ra nhà Lê, khôi phục quốc hiệu Đại Việt. Bộ máy nhà nước được xây dựng theo mô hình thời Lý - Trần.

- Từ những năm 60 của thế kỉ XV khi đất nước cường thịnh, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn. Ở trung ương chức tể tướng và các chức đại hành khiển bị bãi bỏ. Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ. Các cơ quan Ngự sử đài, Hàn lâm viện duy trì với quyền cao hơn. Cả nước chia làm 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo có 3 ti trông coi các mặt dân sự, quân sự, an ninh. Dưới đạo là các phủ, huyện, châu như cũ. Người đứng đầu xã là xã trưởng, do dân bầu.

- Quan lại được tuyển chọn chủ yếu qua giáo dục, thi cử. Những người đỗ đạt xuất thân từ các thành phần khác nhau dần dần trở thành tầng lớp thống trị, được ban cấp lương bổng, ruộng đất.

- Ban hành Luật Hồng Đức với hơn 700 điều, đề cập đến hầu hết các mặt của đời sống xã hội và mang tính dân tộc sâu sắc.

- Quân đội được tổ chức chặt chẽ, quy cũ, theo chế độ "Ngụ binh ư nông", vũ khí trang bị đầy đủ. Tiếp tục củng cố ý thức đoàn kết dân tộc.

- Về đối ngoại có quan hệ thân thiện với các nước láng giềng và đặc biệt là quan hệ Việt Trung êm đẹp.

*** Khôi phục và phát triển kinh tế:** *(1,0 điểm)*

- Nông nghiệp: Nhà nước ban hành nhiều chính sách tiến bộ như "quân điền", khuyến khích khẩn hoang, quan tâm tới thủy lợi... do đó mùa màng bội thu, đời sống nhân dân no ấm.

- Thủ công và thương nghiệp: được phục hồi và phát triển. Kinh thành Thăng Long trở thành đô thi sầm uất với 36 phố phường. Buôn bán nhộn nhịp, nhiều chợ mới mọc lên.

*** Văn hóa:** *(1,0 điểm)*

- Nho giáo giữ địa vị độc tôn. Giáo dục hoàn thiện và phát triển, thi cư đều đặn, số người đi học ngày càng đông, dân trí được nâng cao, người đỗ tiến sĩ được khắc tên, dựng bia, vinh quy bái tổ...

- Văn học Hán và văn học Nôm đều phát triển mạnh, xuất hiện hàng loạt tập thơ có nội dung ca ngợi đất nước phát triển. Một số bộ sử, địa được biên soạn như *Đại Việt sử kí toàn thư, Hồng Đức bản đồ*...

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Việc xây dựng và phát triển văn hoá dân tộc được đẩy mạnh từ thế kỉ X → XV:** *(3,5 điểm)*

- Tư tưởng, tôn giáo:

+ Nho giáo: Được giai cấp thống trị tiếp nhận và xem là hệ tư tưởng chính thống.

+ Phật giáo: Ngày càng thấm sâu hơn vào cuộc sống tinh thần của nhân dân, được giai cấp thống trị tôn sùng. Nhiều nhà sư như Ngô Chân Lưu, Vạn Hạnh... đã tham gia tích cực vào sự nghiệp giữ nước và dựng nước, vua Trần Nhân Tông Là người lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Đại Việt. Chùa chiền được xây dựng nhiều thời Lý, Trần.

+ Đạo giáo được truyền bá và hoà nhập vào tín ngưỡng dân gian, một số đạo quán được xây dựng. Các phong tục tập quán, tín ngưỡng dân gian được bảo tồn và phát triển.

- Giáo dục:

+ Năm 1070 vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu, đánh dấu nền giáo dục Đại Việt chính thức ra đời. Năm 1075 khoa thi quốc gia đầu tiên được tổ chức.

+ Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XV giáo dục Đại Việt từng bước được hoàn thiện, trở thành nguồn đào tạo quan lại và người tài cho đất nước: Thời Trần các khoa thi được tổ chức đều đặn, Năm 1247 nhà Trần đặt lệ lấy "Tam khôi", quy định rõ nội dung học tập. thời Lê quy chế thi cử được ban hành rõ ràng: cứ 3 năm có một kì thi Hội, chọn tiến sĩ. Năm 1484 dựng bia tiến sĩ, tôn vinh hiền tài.

- Văn học:

+ Văn học Hán phát triển, xuất hiện hàng loạt bài hịch, bài phú nổi tiếng như *Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú,* các tập thơ của Trần Nhân Tông, Trần Quang Khải... nội dung ca ngợi quê hương đất nước, lòng tự hào dân tộc, đánh dấu sự hình thành văn học dân tộc.

+ Ở thế kỉ XI - XII chữ Nôm ra đời trên cơ sở chữ Hán, đánh dấu sự ra đời của chữ viết dân tộc. Đến thế kỉ XV văn học Hán và Nôm đều phát triển, với sự ra đời của hàng loạt tập thơ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lý Tử Tấn... có nội dung ca ngợi đất nước.

- Nghệ thuật:

+ Thời Đinh, Tiền Lê, Hoa Lư trở thành một đô thị với nhiều cung điện đền đài. Thời Lý, Trần, Thăng Long trở thành trung tâm của nền văn hoá mới, ngoài cung điện, đền đài còn có hàng loạt công trình nghệ thuật Phật giáo đặc sắc như chùa Một Cột, chùa Dâu, chùa Dạm... Chùa, tháp được xây dựng rất nhiều ở các địa phương, Cuối XIV, thành nhà Hồ được xây dựng, đánh dấu một bước phát triển mới của nghệ thuật kiến trúc. Phía Nam nhiều đền tháp Chăm được xây dựng mang phong cách độc đáo.

+ Nghệ thuật điêu khắc cũng tinh tế, độc đáo với nhiều loại khác nhau như bệ cột hình hoa sen nở, hành lang rồng, bông cúc nhiều cánh, hình cô tiên, vũ nữ... Hàng loạt tượng Phật được tạc, nổi bật là tượng Phật chùa Quỳnh Lâm.

+ Nghệ thuật sân khấu như chèo, tuồng, ca nhạc... đều phát triển. Múa rối nước là một nghệ thuật đặc sắc phát triển từ thời Lý.

+ Âm nhạc phát triển với nhiều nhạc cụ như trống cơm, sáo, đàn cầm, cồng chiêng... Ca múa nhạc, các trò chơi dân gian được tổ chức trong các ngày mùa, lễ hội.

- Khoa học - kĩ thuật:

+ Sử học: phát triển với các tác phẩm như: *Đại Việt sử kí, Đại Việt sử lược, Trùng Hưng thực lục, Lam sơn thực lục....*

+ Địa lý: *Dư địa chí, Hồng Đức bản đồ.*

+ Quân sự: *Binh thư yếu lược*, Hồ Nguyên Trừng chế tạo được súng thần cơ, thuyền chiến có lầu

+ Về chính trị, toán học, y dược, thiên văn cũng đạt được một số thành tựu đáng kể.

*** Nhận xét chung:** *(0,5 điểm)*

- Văn hoá thời kì này đã đạt được nhiều thành tựu rực rỡ đặc sắc trên tất cả các mặt.

- Thời Lý, Trần, Hồ văn hoá phát triển mạnh được gọi là văn hoá Thăng Long, là nền tảng của nền văn minh Đại Việt.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XV

Tên cuộc kháng chiến và khởi nghĩa	Thời gian	Quân xâm lược	Người lãnh đạo	Trận quyết chiến
Kháng chiến thời Tiền Lê	981	Tống	Lê Hoàn	Bạch Đằng và Ải Chi Lăng
Kháng chiến thời Lý	1075 - 1077	Tống	Lý Thường Kiệt	sông Như Nguyệt
Kháng chiến thời Trần	1258, 1285, 1287 -1288	Mông - Nguyên	Các vua Trần, các tướng tài và Trần Hưng Đạo	Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp, Bạch Đằng
Khởi nghĩa Lam Sơn	1418 - 1427	Minh	Lê Lợi, Nguyễn Trãi	Chi Lăng - Xương Giang

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN KON TUM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Ấn Độ được xem là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại vì:** *(2,0 điểm)*

- Nền văn hóa Ấn Độ được hình thành từ rất sớm (khoảng thiên niên kỉ thứ III TCN)

- Ấn Độ có một nền văn hóa phát triển cao, phong phú và toàn diện.

- Một số thành tựu văn hóa còn được lưu giữ và phát triển cho đến ngày nay.

- Văn hóa Ấn Độ không chỉ có ảnh hưởng đến quá trình phát triển lịch sử, văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á mà còn có ảnh hưởng đ... một nền văn minh lớn thời cổ đại đó là Trung Quốc.

*** Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với các quốc gia Đông Nam Á:** *(2,0 điểm)*

- Chữ viết: Một số nước Đông Nam Á đã sáng tạo ra chữ viết của mình từ chữ Phạn cổ của Ấn Độ.

- Tôn giáo: Đạo Phật, đạo Hồi, đạo Hin-đu được truyền bá sang các nước Đông Nam Á.

- Kiến trúc: Những công trình kiến trúc Đông Nam Á về tôn giáo đều chịu ảnh hưởng của kiến trúc Ấn Độ với tháp nhọn nhiều tầng.

- Mỗi dân tộc Đông Nam Á đều chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ nhưng vẫn giữ được bản sắc dân tộc...

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình hình thành và phát triển:** *(1,5 điểm)*

- Trong khoảng từ thế kỉ VII đến thế kỉ X là thời kì hình thành các quốc gia phong kiến "dân tộc" ở Đông Nam Á. Hàng loạt quốc gia được hình thành trong thời kì này như: Vương quốc

Cam-pu-chia của người Khơ-me, Vương quốc Gia-a và Xu-ma-tơ-ra của người In-đô-nê-xi-a; Vương quốc Đại Cồ Việt của người Việt ...

- Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVIII là thời kì phát triển của của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

*** Biểu hiện của sự phát triển:** *(2,5 điểm)*

- Về kinh tế: thế kỉ X - XVIII là giai đoạn phát triển thịnh vượng của nền kinh tế khu vực Đông Nam Á, hình thành những vùng kinh tế quan trọng, có khả năng cung cấp một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm, các sản phẩm thủ công và những sản vật thiên nhiên quý hiếm.

+ In-đô-nê-xi-a nổi tiếng về hồ tiêu, hương liệu, dừa.

+ Ma-lai-xi-a nổi tiếng về hương liệu,.

+ Cam-pu-chia có nhiều cá và các loại cây ăn quả ngon.

+ Lào nổi tiếng với trầm hương, cánh kiến...

+ Ngoài ra hoạt động ngoại thương cũng rất phát triển: Các hải cảng của người Chăm-pa, Khơ-me, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a đã trở thành những điểm dừng chân và buôn bán của thương nhân nhiều nước trên thế giới.

- Văn hóa dân tộc cũng dần được hình thành và phát triển, gắn liền với quá trình xác lập và phát triển của các quốc gia "dân tộc": Các dân tộc đã sáng tạo ra chữ viết riêng của mình (như người Khơ-me, người Chăm...), Nhiều công trình kiến trúc được xây dựng. Văn hóa, nghệ thuật phát triển...

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Thời Lê sơ (thế kỉ XV) đất nước phát triển trên mọi lĩnh vực:

*** Về chính trị: Nhà nước quân chủ chuyên chế phát triển hoàn thiện:** *(2,0 điểm)*

- Năm 1428, sau thắng lợi của khởi nghĩa Lam Sơn, Lê Lợi lên ngôi hoàng đế, lập nhà Lê sơ, đặt tên nước là Đại Việt.

- Nhà nước được tổ chức lại theo mô hình của thời Trần - Hồ.

- Đến những năm 60 của thế kỉ XV, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn:

+ Ở trung ương: Xóa bỏ chức tể tướng và Đại hành khiển, vua trực tiếp quyết định mọi việc, lập 6 bộ (mỗi bộ quản lý mỗi lĩnh vực), chịu trách nhiệm trước vua. Các cơ quan như Ngự sử Đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn trước. *(0,25đ)*

+ Ở địa phương: Chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên, mỗi đạo đều có 3 ti phụ trách về dân sự, quân sự và an ninh. Dưới đạo là các phủ, huyện, châu, xã. *(0,25đ)*

- Quan lại được tuyển chọn chủ yếu qua thi cử, không phân biệt thành phần xã hội.

- Pháp luật: Ban hành bộ Quốc triều hình luật, (Luật Hồng Đức) gồm 700 điều, quy định khá đầy đủ các tội danh và hình phạt liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội, bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị, cho nhân dân và an ninh đất nước. Đây được xem là bộ luật đầy đủ nhất và có tính dân tộc sâu sắc.

- Quân đội: được tổ chức chặt chẽ theo chế độ "Ngụ binh ư nông", trang bị vũ khí đầy đủ.

- Chính sách đối nội, đối ngoại:

+ Đối nội: Tăng cường củng cố khối đại đoàn kết các dân tộc trong nước, quan tâm đến đời sống nhân dân

+ Đối ngoại: Duy trì quan hệ thân thiện, êm đẹp đối với các nước láng giềng

*** Kinh tế phát triển:** *(1,0 điểm)*

- Nông nghiệp:

+ Nhà nước ban hành chính sách "Quân điền", quy định việc phân chia ruộng công ở làng xã, khuyến khích khai hoang, đẩy mạnh sản xuất.

+ Hệ thống đê điều được sửa đắp, nạo vét kênh mương; Ngoài ra nhà nước còn cho đắp một số đoạn đê biển, tạo điều kiện cho nhân dân khai hoang mở rộng ruộng đồng.

- Thủ công nghiệp và hoạt nội thương phát triển

+ Kinh thành Thăng Long với 36 phố phường vừa sản xuất, vừa buôn bán sầm uất.

+ Nhiều làng thủ công mới hình thành, nhiều chợ mới mọc lên, hoạt động buôn bán tấp nập.

*** Văn hóa:** *(1,5 điểm)*

- Tư tưởng, tôn giáo: Nho giáo giữ vị trí độc tôn.

- Giáo dục nho học thịnh đạt: trường học được mở rộng đến các địa phương. Nội dung học tập được quy định chặt chẽ. Quy chế thi cử được ban hành rõ ràng: cứ 3 năm có một kì thi Hội, mọi người đều được đi thi. Năm 1484, nhà nước cho dựng bia tiến sĩ.

- Văn học, nghệ thuật... tiếp tục phát triển.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Phân tích nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên:

- Nhờ tinh thần đoàn kết chống giặc ngoại xâm của nhân dân ta, trong 3 lần kháng chiến, tất cả các tầng lớp nhân dân, các thành phần dân tộc đều tham gia đánh giặc bảo vệ quê hương đất nước.

- Nhà Trần đã chuẩn bị chu đáo tiềm lực về mọi mặt cho mỗi cuộc kháng chiến. Nhà Trần rất quan tâm chăm sóc sức dân, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân bằng nhiều biện pháp nhằm tạo nên sự gắn bó đoàn kết giữa triều đình với nhân dân, tạo niềm tin cho nhân dân.

- Sự đoàn kết, thống nhất cao trong nội bộ vương triều cũng là nhân tố tạo nên thành công lớn trong các cuộc kháng chiến

- Tinh thần hi sinh, quyết chiến quyết thắng của toàn quân toàn dân, mà tiêu biểu là quân đội nhà Trần.

- Nhờ chiến lược, chiến thuật đúng đắn, sáng tạo của vương triều Trần, đặc biệt là vua Trần Nhân Tông và các danh tướng như Trần Quốc Tuấn, Trần Quang Khải, Trần Khánh Dư.

*** Ý nghĩa lịch sử:** *(2,0 điểm)*

- Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên đã đập tan tham vọng và ý chí xâm lược Đại Việt của đế chế Nguyên, bảo vệ được độc lập toàn vẹn lãnh thổ về chủ quyền quốc gia dân tộc, đánh bại một kẻ thù hùng mạnh và tàn bạo nhất thế giới lúc bấy giờ.

- Thắng lợi này đã khẳng định sức mạnh của dân tộc ta, có ý nghĩa nâng cao lòng tự hào, tự cường chính đáng của dân tộc ta, củng cố niềm tin cho nhân dân.

- Thắng lợi đó góp phần xây đắp nên truyền thống quân sự Việt Nam, truyền thống chiến đấu của một nước nhỏ nhưng luôn phải chiến đấu chống lại kẻ thù lớn mạnh hơn nhiều lần và dành được thắng lợi.

- Thắng lợi của ba lần kháng chiến chống quân Mông-Nguyên không những bảo vệ được độc lập của Tổ quốc mà còn góp phần ngăn chặn những cuộc chiến tranh xâm lược của quân Mông - Nguyên đối với Nhật Bản và các nước phương Nam, làm thất bại mưu đồ thôn tính vùng đất còn lại ở châu Á của Hốt Tất Liệt.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa lớn chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XV:** *(1,0 điểm)*

Tên cuộc kháng chiến, khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Chiến thắng tiêu biểu
Kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê	981	Lê Hoàn	Chiến thắng ở vùng Đông Bắc.
Kháng chiến chống Tống thời Lý	1075 - 1077	Lý Thường Kiệt	Trận quyết chiến trên bờ sông Như Nguyệt (Bắc Ninh).

Tên cuộc kháng chiến, khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Chiến thắng tiêu biểu
Ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên thời Trần	Lần 1: 1258 Lần 2: 1285 Lần 3: 1287 - 1288	Trần Hưng Đạo và các vua quan nhà Trần	Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp, Bạch Đằng
Khởi nghĩa Lam Sơn	1418-1428	Lê Lợi, Nguyễn Trãi	Tân Bình, Thuận Hóa; Chi Lăng - Xương Giang.

b. Điểm khác nhau cơ bản về nghệ thuật chỉ đạo kháng chiến chống ngoại xâm của nhà nước phong kiến trong cuộc đấu tranh chống Tống thời Lý và chống Mông-Nguyên thời Trần: *(3,0 điểm)*

- Thời Lý:

+ Chủ động tấn công, chặn thế mạnh của giặc: khi quân Tống đang chuẩn bị xâm lược nước ta, với chủ trương "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc". Năm 1075, Thái úy Lý Thường Kiệt - người chỉ đạo cuộc kháng chiến đã kết hợp lực lượng quân đội triều đình với lực lượng dân binh của các tù trưởng dân tộc ít người ở phía Bắc mở cuộc tập kích lên đất Tống, đánh tan các đạo quân nhà Tống ở biên giới rồi rút về nước chuẩn bị kháng chiến.

+ Lý Thường Kiệt cho người đọc bài thơ Thần "*Nam quốc sơn hà*", khích lệ được tinh thần chiến đấu của quân dân ta, làm nhụt ý chí của giặc, đồng thời nêu cao tính chính nghĩa và tất thắng của cuộc kháng chiến.

- Thời Trần:

+ Vừa đánh vừa rút lui, tránh thế mạnh của giặc rồi chờ thời cơ phản công, bao vây, cô lập tiêu diệt giặc: Với chiến thuật "Vườn không nhà trống" quân dân thời Trần đã 3 lần đánh bại quân Mông - Nguyên trong các trận Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp và tiêu biểu nhất là trận Bạch Đằng năm 1288.

+ Cho quân thích vào tay hai chữ "Sát Thát", đồng thời cho truyền lời hịch của Trần Hưng Đạo để nêu cao lòng căm thù giặc,khích lệ quân dân quyết tâm đánh giặc, giữ vững nền độc lập của tổ quốc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Hoàn cảnh:** *(1,5 điểm)*

Văn hóa truyền thống của Ấn Độ ảnh hưởng đến nhiều nước châu Á, đặc biệt có ảnh hưởng sâu sắc, toàn diện đến văn hóa của các quốc gia Đông Nam Á. Những ảnh hưởng đó bắt đầu từ những thế kỉ đầu công nguyên do các thương nhân, các nhà truyền đạo... sang buôn bán, du lịch, truyền bá tôn giáo.

*** Chữ viết:** *(1,0 điểm)*

Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đến các nước Đông Nam Á trước hết trong lĩnh vực chữ viết. Chữ Phạn của Ấn Độ đã được truyền bá sang Đông Nam Á từ những thế kỉ đầu Công nguyên. Đầu tiên nhiều dân tộc dùng nguyên chữ Phạn làm chữ viết của mình, sau đó trên cơ sở chữ Phạn họ đã sáng tạo ra chữ viết riêng: người Chăm có chữ Chăm cổ vào khoảng thế kỉ IV, người Khơ-me có chữ Khơ-me cổ thế kỉ VII....

*** Văn học:** *(0,5 điểm)*

Trên cơ sở chữ Phạn, dòng văn học Hin-đu cũng được truyền bá sang Đông Nam Á. Có rất nhiều đề tài trong văn học truyền miệng cũng như văn học viết của các dân tộc Đông Nam Á có xuất xứ từ văn học Ấn Độ. *(0,5đ)*

*** Tôn giáo:** *(0,5 điểm)*

Nhiều dân tộc Đông Nam Á chịu ảnh hưởng và đi theo đạo Bà-la-môn, đạo Phật của Ấn Độ.

*** Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc:** *(1,0 điểm)*

Rất rõ nét: Tháp Chàm (Việt Nam), Ăng-co Vát, Ăng-co Thom (Cam-pu-chia) nhiều chùa tháp, tượng Phật... cũng có mặt hầu khắp các nước Đông Nam Á chịu ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu, Phật giáo của Ấn Độ.

*** Nhận xét:** *(0,5 điểm)*

Có thể nói, ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ tới các nước Đông Nam Á khá toàn diện và sâu sắc. Tuy nhiên sau một thời gian tiếp thu có chọn lọc, các dân tộc Đông Nam Á đã xây dựng một nền văn hóa riêng của mình và đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của loài người những giá trị tinh thần độc đáo.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Niên đại	Vương quốc	Những đặc điểm chính
Từ đầu Công nguyên đến thế kỉ VI *(0,5 điểm)*	Đại Việt, Chăm-pa, Phù Nam...	Thời kì hình thành các Vương quốc cổ Đông Nam Á.
Thế kỉ VII - X *(0,75 điểm)*	Vương quốc Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Vương quốc của người Môn và người Miến ở hạ lưu sông Mê Nam...	Thời kì hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc Đông Nam Á.

Niên đại	Vương quốc	Những đặc điểm chính
Thế kỉ X - XIII *(0,75 điểm)*	Vương quốc In-đô-nê-xi-a, Vương quốc Pa-gan, Vương quốc Thái lan....	Thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á
Thế kỉ XIII - XVIII *(0,75 điểm)*	In-đô-nê-xi-a (Mô-giô-pa-hít), Lạn Xạng, Thái lan...	Thời kì phát triển đỉnh cao của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á
Thế kỉ XVIII - XIX *(0,75 điểm)*	Hầu hết các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.	Thời kì khủng hoảng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.
Kinh tế Đông Nam Á trong các thế kỉ X - XVIII *(0,5 điểm)*	Hình thành những vùng kinh tế quan trọng, có khả năng cung cấp khối lượng lớn lúa gạo, cá, sản phẩm thủ công, nhất là những sản vật thiên nhiên: gỗ quý, cánh kiến, ngọc trai, buôn bán với nhiều nước trên thế giới.	

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Những việc làm của Đinh Bộ lĩnh *(1,0 điểm)*	- Dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước Việt, chọn Hoa Lư làm kinh đô. - Lên ngôi hoàng đế, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, xây dựng nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền.
Những việc làm của các vua đầu thời Lý *(1,0 điểm)*	- Dời đô về Thăng Long, tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước phong kiến quân chủ chuyên chế tập quyền - Đặt tên nước là Đại Việt.
Nhận xét những việc làm của Đinh Bộ lĩnh *(1,0 điểm)*	- Có công dẹp loạn 12 sứ quân thống nhất đất nước - Bước đầu xây dựng nhà nước phong kiến độc lập tự chủ: đặt tên nước là Đại Cồ Việt, xưng hoàng đế (sánh ngang hàng với các hoàng đế phương Bắc), lấy Hoa Lư làm kinh đô. - Việc làm của Đinh Bộ Lĩnh đã khẳng định ý thức dân tộc, ý thức độc lập tự chủ, đồng thời thể hiện Đinh Bộ Lĩnh là ông vua sáng.
Nhận xét những việc làm của các vua đầu thời Lý *(1,0 điểm)*	- Có công lao to lớn đối với dân tộc: Dời đô ra Thăng Long, vùng đất trung tâm thuận lợi, mở ra vận hội mới cho đất nước phát triển lâu dài, thịnh trị. - Đồng thời tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền, thể hiện các vua đầu thời Lý có tầm nhìn chiến lược

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Phân tích ý nghĩa bài hiểu dụ:** *(2,0 điểm)*

"Đánh cho để dài tóc
Đánh cho để đen răng
Đánh cho nó chích luân bất phản

Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn

Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ"

– Nêu quyết tâm đánh giặc để giữ phong tục tập quán lâu đời của dân tộc.

– Quyết tâm tiêu diệt giặc làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù, khẳng định chủ quyền dân tộc.

*** Đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn:** *(2,0 điểm)*

– Thống nhất đất nước về cơ bản:

+ Lật đổ tập đoàn phong kiến Nguyễn ở Đàng Trong; Trịnh, Lê ở Đàng Ngoài.

+ Phá Lũy Thầy.

– Hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc:

+ 1785 đánh bại quân xâm lược Xiêm trên sông Rạch Gầm- Xoài Mút.

+ 1789 đánh bại quân Thanh ở Ngọc Hồi, Đống Đa..

– Xây dựng một vương triều mới, tiến bộ

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Lĩnh vực	Thể loại	Thành tựu
Văn học *(1,0 điểm)*	Chữ Hán	*Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo*...
	Chữ Nôm	*Quốc Âm thi tập, Quân trung từ mệnh tập*
Nghệ thuật *(2,0 điểm)*	Kiến trúc	Đền thờ vua Đinh, Tiền Lê, chùa Diên Hựu, tháp Phổ Minh, Thành nhà Hồ...
	Điêu khắc	Rồng, hoa sen, bông cúc... tinh tế độc đáo
	Sân khấu	Chèo, tuồng, múa rối nước
	Âm nhạc	Trống cơm, sáo, tiêu, đàn tranh, chiêng, cồng...
	Ca múa	Thường tổ chức trong các lễ hội, ngày mùa, có đấu vật, đua thuyền, đá cầu...
An Nam tứ đại khí *(1,0 điểm)*	- Tháp Báo thiên. - Chuông Quy Điền. - Vạc Phổ Minh. - Tượng phật chùa Quỳnh Lâm.	

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vị trí của Vương triều Gúp-ta:** *(3,0 điểm)*

- Vương triều Gúp-ta do vua Gúp-ta sáng lập đã thống nhất miền Bắc và Trung Ấn, trải qua 9 đời vua gần 150 năm (319 - 467).

- Đây là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ, vì thời kì này đã xuất hiện các tôn giáo, những công trình kiến trúc, điêu khắc độc đáo, chữ viết và nền văn học riêng biệt, đặc trưng của Ấn Độ, là cơ sở của nền văn hóa Hin-đu.

- Những yếu tố văn hóa đó là:

+ Tôn giáo gồm:

▪ Phật giáo

▪ Ấn Độ giáo (Hin-đu giáo), thờ 4 vị thần: Bra-ma, Si-va, Vis-nu, In-đra.

+ Kiến trúc, điêu khắc chịu ảnh hưởng của tôn giáo:

▪ Kiến trúc Phật giáo với các chùa hang và tượng Phật bằng đá.

▪ Kiến trúc Hin-đu với những ngôi đền bằng đá đồ sộ, hình chóp núi, các pho tượng thần thánh mang phong cách nghệ thuật độc đáo.

+ Chữ viết: Chữ Phạn.

+ Văn học Hin-đu.

→ Thời Gúp-ta đã hình thành một nền văn hóa đặc sắc Ấn Độ, tỏa ảnh hưởng ra bên ngoài, đặc biệt là Đông Nam Á.

*** Ấn Độ được xem là một trong những trung tâm văn minh của nhân loại vì:** *(1,0 điểm)*

- Văn hóa Ấn Độ định hình từ rất sớm, vào khoảng thiên niên kỉ III TCN.

- Là nền văn hóa phát triển cao, phong phú, toàn diện, một số thành tựu vẫn lưu giữ đến nay.

- Văn hóa Ấn Độ có ảnh hưởng rộng đến quá trình phát triển lịch sử và văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng:** *(2,5 điểm)*

Niên đại	Nội dung chính
Từ đầu công nguyên đến thế kỉ VI	Thời kì hình thành các Vương quốc cổ Đông Nam Á.
Thế kỉ VII – X	Thời kì hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc Đông Nam Á.
Thế kỉ X – XIII	Bước đầu phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.
Thế kỉ XIII – XVIII	Thời kì phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á
Nửa sau thế kỉ XVIII - giữa XIX	Thời kì suy thoái của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á.

b. Biểu hiện sự phát triển thịnh đạt: *(1,5 điểm)*

- Là thời kì hình thành các quốc gia dân tộc, là cơ sở cho sự phát triển thịnh đạt của chế độ phong kiến ở Đông Nam Á.

- Nền kinh tế khu vực phát triển mạnh: Hình thành những vùng kinh tế quan trọng, có khả năng cung cấp một khối lượng lớn lương thực, thực phẩm, các sản phẩm thủ công và những sản vật thiên nhiên. Ngoại thương được mở rộng.

- Nền văn hóa của mỗi dân tộc được hình thành trên cơ sở tiếp thu, chọn lọc những tinh hoa, văn hóa nước ngoài xây dựng nền văn hóa riêng mang đậm bản sắc mỗi dân tộc...

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân:** *(2,0 điểm)*

- Hoa Lư, kinh đô cũ của nhà Đinh là vùng núi non, địa thế hiểm trở mang tính chất phòng thủ, giao thông khó khăn, hạn chế sự phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, không đáp ứng được yêu cầu xã hội ngày càng phát triển.

- "Thành Đại La (Thăng Long), ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn, hổ chầu, ở giữa nam, bắc, tây, đông tiện hình thế núi sông, sau trước. Đất rộng và bằng phẳng, chỗ cao mà sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật thịnh đạt, phồn vinh..."

*** Thăng Long thế kỉ XI - XVIII:** *(2,0 điểm)*

- Thăng Long đã trở thành kinh đô của các triều đại phong kiến Lý, Trần, Hồ, Lê sơ, Mạc và cả tập đoàn phong kiến vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài.

- Thăng Long còn là trung tâm chính trị - kinh tế - văn hóa của cả nước:

+ Trong các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (thế kỉ X - thế kỉ XV), Thăng Long là trung tâm đầu não kháng chiến. Trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần (thế kỉ XIII), triều đình phải ba lần tạm rút bỏ Thăng Long, thực hiện "Vườn không nhà trống", Điện Diên Hồng cũng đi vào lịch sử...

+ Từ thời Lý – Trần, Thăng Long đã là một đô thị lớn với nhiều phố, phường, chợ. Đến thời Lê sơ (thế kỉ XV), Thăng Long đã có 36 phố phường vừa sản xuất hàng thủ công vừa buôn bán sầm uất.

+ Thăng Long còn là trung tâm văn hóa, nền văn hóa Đại Việt thời Lý, Trần, Hồ còn gọi là văn hóa Thăng Long:

▪ Ở Thăng Long (thế kỉ XI) nhà Lý đã cho lập Văn miếu, tổ chức khoa thi Nho học đầu tiên, lập Quốc tử giám. Đến thời Lê sơ, cứ 3 năm có một kì thi Hội, người đỗ Tiến sĩ được khắc tên vào bia đá ở Văn miếu.

▪ Ngoài các cung điện, tháp chuông, đền đài, Thăng Long còn có các công trình kiến trúc độc đáo, chịu ảnh hưởng Phật giáo như: Chùa Một Cột, tháp Báo Thiên, chùa Chân Giáo... Đặc biệt tháp Báo Thiên, chuông Quy Điền đã được xếp vào An Nam tứ đại khí.

- Từ thế kỉ XVI - XVIII các đô thị mới hình thành, Thăng Long (Kẻ Chợ, Kinh kì) không chỉ là trung tâm chính trị, hành chính, văn hóa mà còn là trung tâm kinh tế lớn nhất nước với 36 phố phường, 8 chợ như dân gian ca ngợi: "Thứ nhất Kinh kì, thứ nhì Phố Hiến"

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Tình hình ngoại thương:** *(3,0 điểm)*

- Từ thế kỉ XI - XIV, thời Lý - Trần ngoại thương được mở rộng:

+ Vùng biên giới Việt - Trung, từ thời Lý đã hình thành các điểm trao đổi hàng hóa.

+ Thuyền buôn Trung Quốc, Gia-va, Xiêm, Ấn Độ cũng qua lại buôn bán ở các vùng biển phía Bắc, miền Trung.

+ Năm 1149, nhà Lý lập trang Vân Đồn (Quảng Ninh) làm cảng trao đổi hàng hóa với nước ngoài.

+ Các cảng Lạch Trường (Thanh Hóa), Càn Hải (Nghệ An), Thị Nại (Bình Định) cũng quan trọng.

- Vào thế kỉ XV, thời Lê sơ nhà nước không chủ trương mở rộng ngoại thương. Thuyền buôn nước ngoài chỉ được cập một vài bến cảng, còn bị khám xét nghiêm ngặt.

- Đến thế kỉ XVI – XVIII, do sự giao lưu buôn bán thế giới phát triển và chủ trương mở cửa của chính quyền Trịnh - Nguyễn, ngoại thương phát triển mạnh. Biểu hiện:

+ Việc buôn bán với các nước phương Đông (Trung Quốc, Nhật Bản) phát triển hơn trước. Khá đông kiều dân Trung Quốc, Nhật Bản định cư lâu dài và buôn bán ở nước ta.

+ Các thương nhân Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp cũng đến lập phố sá, cửa hàng buôn bán lâu dài.

+ Các nước bán cho ta vũ khí, thuốc súng, len dạ,... và mua tơ lụa, đường, đồ gốm, nông sản, lâm sản...

- Đến giữa thế kỉ XVIII ngoại thương suy yếu dần.

*** Tác động đối với nền kinh tế trong nước:** *(1,0 điểm)*

- Ngoại thương phát triển bước đầu đưa nước ta tiếp xúc với thương mại quốc tế, đẩy mạnh giao lưu kinh tế, văn hóa, khoa học - kĩ thuật.
- Kích thích hoạt động buôn bán trong nước.
- Thúc đẩy sự phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp.
- Thúc đẩy sự hưng thịnh của một số đô thị, trung tâm kinh tế.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

STT	Cuộc kháng chiến – Khởi nghĩa	Thời gian	Người lãnh đạo	Trận quyết chiến chiến lược
1	Cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê	Năm 981	Lê Hoàn	Vùng Đông Bắc
2	Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý	1075 - 1077	Lý Thường Kiệt	Phòng tuyến Như Nguyệt
3	Cuộc kháng chiến chống Mông Nguyên thời Trần	Lần 1: Năm 1258	Trần Hưng Đạo, các vua Trần, các tướng lĩnh	Đông Bộ Đầu
		Lần 2: Năm 1285		Hàm Tử, Chương Dương, Tây Kết
		Lần 3: 1287 - 1288		Bạch Đằng
4	Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh	1418 - 1427	Lê Lợi, Nguyễn Trãi	Chi Lăng - Xương Giang
5	Cuộc kháng chiến chống quân Xiêm	Năm 1785	Nguyễn Huệ	Rạch Gầm - Xoài Mút
6	Cuộc kháng chiến chống quân Thanh	Năm 1789	Quang Trung	Ngọc Hồi, Đống Đa

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH LONG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN BỈNH KHIÊM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình hình thành:** *(1,0 điểm)*

- Điều kiện tự nhiên: Đất nước như một lòng chảo khổng lồ, xung quanh là rừng và cao nguyên, đáy chảo là Biển Hồ, vùng phụ cận là những cánh đồng phì nhiêu.

- Dân cư: Tộc người chiếm đa số là Khơ-me.

- Địa bàn: Nơi sinh tụ đầu tiên là phía Bắc Cam-pu-chia ngày nay, trên cao nguyên Cò Rạt và mạn trung lưu sông Mê Công.

- Đến đầu thế kỉ VI, Vương quốc của người Khơ-me thành lập, họ gọi tên nước mình là Cam-pu-chia.

*** Thời kì phát triển:** *(2,0 điểm)*

- Thời kì Ăng-co (802-1432) là thời kì phát triển nhất của Vương quốc Cam-pu-chia, Kinh đô Ăng-co (Tây Bắc Biển Hồ)

*** Biểu hiện phát triển:**

- Kinh tế:

+ Nông nghiệp: phát triển người Khơ-me đào nhiều hồ, kênh máng để trữ và điều phối nước tưới. Ngoài ra họ còn biết đánh cá ở Biển Hồ, khai thác lâm sản quý và săn bắt thú rừng

+ Thủ công nghiệp: có nhiều thợ khéo tay, đặc biệt là các nghề trang sức, chạm khắc

- Về văn hóa:

+ Sáng tạo ra chữ viết trên cơ sở chữ Phạn của người Ấn Độ.

+ Văn học dân gian và văn học viết phát triển.

+ Kiến trúc phát triển với những công trình nổi tiếng: Ăng-co Vát, Ăng-co Thom.

- ***Đối ngoại:*** Tăng cường mở rộng thế lực ra bên ngoài. Trong các thế kỉ X -XII, Cam-pu-chia trở thành một trong những Vương quốc mạnh và ham chiến trận nhất ở Đông Nam Á.

*** Thời kì suy yếu:** *(1,0 điểm)*

- Từ cuối thế kỉ XIII, Cam-pu-chia bắt đầu suy yếu.

- Do bị người Thái xâm chiếm nhiều lần, nên năm 1432 người Cam-pu-chia bỏ kinh đô Ăng-co lui về phía nam Biển Hồ, tức khu vực Phnôm Pênh ngày nay.

- Trong hoàng tộc xảy ra những vụ mưu sát, tranh giành địa vị lẫn nhau.

- Năm 1863, bị thực dân Pháp xâm lược.

CÂU HỎI 2:

Nội dung	Vương triều Hồi giáo Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Sự xác lập *(0,5 điểm)*	Năm 1026 người Hồi giáo đánh chiếm vào đất Ấn Độ, lập nên Vương quốc Hồi giáo đặt đô ở Đê-li.	Năm 1398 thủ lĩnh - vua Ti-mua-leng tự nhận là dòng dõi Mông Cổ tấn công Ấn Độ, đến năm 1526 lập ra Vương triều Mô-gôn.
Đặc điểm phát triển *(2,5 điểm)*	- Chính sách thống trị: Truyền bá áp đặt Hồi giáo, phân biệt dân tộc và tôn giáo. Tự giành quyền ưu tiên ruộng đất và địa vị chính trị. - Du nhập văn hóa Hồi giáo - Xây dựng một số công trình kiến trúc tôn giáo, kinh đô Đê-li.	Các ông vua đều ra sức củng cố vương triều ttheo hướng "Ấn Độ hóa", đặc biệt phát triển dưới triều vua A-cơ-ba (1556 - 1605): + Xây dựng chính quyền mạnh. + Thực hiện hòa hợp dân tộc + Phát triển kinh tế. + Hỗ trợ sáng tạo văn hóa nghệ thuật
Vị trí *(1,0 điểm)*	- Bước đầu tạo ra sự giao lưu văn hóa Đông Tây. - Truyền bá đạo Hồi và văn hóa Hồi giáo đến một nước Đông Nam Á.	- Giai đoạn thống nhất và phát triển thịnh vượng nhất trong lịch sử Ấn Độ.

CÂU HỎI 3: Lập bảng thống kê các sự kiện thời Lý - Trần theo mẫu

Nội dung	Thời Lý	Thời Trần
Năm mở đầu và kết thúc *(0,25 điểm)*	1010 - 1225	1225 – 1400
Kháng chiến chống xâm lược *(0,25 điểm)*	Tống (1075 -1077)	3 lần chống Mông - Nguyên (1258, 1285, 1288)
Người chỉ huy *(0,25 điểm)*	Lý Thường Kiệt	Trần Thái Tông, Trần Hưng Đạo
Đường lối chống giặc *(0,25 điểm)*	Tiến công để tự vệ	Vườn không nhà trống
Các danh tướng tiêu biểu *(0,25 điểm)*	Tông Đản, Thân Cảnh Phúc, Lý Kế Nguyên…	Trần Quang Khải, Trần Quốc Toản, Trần Nhật Duật, Trần Bình Trọng, Phạm Ngũ Lão …
Chiến thắng lịch sử *(0,25 điểm)*	Sông Như Nguyệt (Sông Cầu)	Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp, Bạch Đằng

Nội dung	Thời Lý	Thời Trần
Nguyên nhân thắng lợi *(1,0 điểm)*	- Sức mạnh đoàn kết đấu tranh kiên cường bất khuất và trí tuệ sáng tạo của dân tộc ta. - Tài chỉ huy quân sự kiệt xuất của Lý Thường Kiệt.	- Khối đoàn kết quyết chiến của toàn dân tộc - Chiến lược chiến thuật tài tình của vua quan nhà Trần. Tiêu biểu là Trần Hưng Đạo.
Ý nghĩa lịch sử *(1,5 điểm)*	- Chiến thắng oanh liệt mãi mãi khắc sâu trang sử vàng chói lọi. - Buộc quân Tống từ bỏ xâm lược, nền độc lập tự chủ được bảo vệ. - Bài thơ "Thần" của Lý Thường Kiệt khẳng định quyền độc lập thiêng liêng và quyền bình đẳng của dân tộc ta; cảnh cáo nghiêm khắc kẻ ngoại xâm	- Ba lần kháng chiến oanh liệt quân dân nhà Trần đã bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc. - Phá tan ý đồ bành trướng xuống phương Nam của đế quốc Mông Cổ hùng mạnh nhất thế giới lúc bấy giờ. - Nâng cao lòng tự hào tự cường, niềm tin của nhân dân ta góp phần xây đắp nên truyền thống quân sự Việt Nam.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Hai sự kiện tiêu biểu:** *(1,5 điểm)*

– 10/1075 Lý Thường Kiệt đem 10 vạn quân đổ bộ vào đất Tống, tấn công châu Ung (Quảng Tây), châu Khâm, châu Liêm (Quảng Đông).

+ Sau 42 ngày chiến đấu ta đã hạ được thành Ung Châu. Sau đó Lý Thường Kiệt chủ động rút quân.

+ Trận tập kích này đã đánh một đòn phủ đầu, làm quân Tống hoang mang, đẩy chúng vào thế bị động.

– Cuối mùa xuân 1077: quân ta vượt sông Như Nguyệt, đánh bất ngờ vào trận tuyến của quân Tống.

+ Quân Tống thua to, "mười phần chết đến năm, sáu" lâm vào tình thế hết sức khó khăn, tuyệt vọng. Giữa lúc thắng Lý Thường Kiệt chủ động kết thúc chiến tranh bằng cách thương lượng, giảng hòa.

+ Đây là một trong những trận đánh tuyệt vời trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc, đã quyết định số phận quân Tống.

*** Những nét độc đáo trong cách đánh giặc của Lý Thường Kiệt:** *(1,5 điểm)*

- Cách tấn công:

+ Biết chủ động tiến công để tự vệ (sự kiện 10/1075), đánh bất ngờ.

+ Kết hợp chiến tranh tâm lý, cho người ngâm bài thơ Thần (*Nam quốc sơn hà Nam đế cư...*)

- Phòng thủ chắc chắn: biết dựa vào dân, cho các địa phương ráo riết chuẩn bị mọi mặt, biết chọn phòng tuyến sông Như Nguyệt (Sông Cầu) để chận địch, vì đây là một chiến hào tự nhiên địch khó vượt qua.

- Cách kết thúc chiến tranh bằng biện pháp mềm dẻo, thương lượng, giảng hòa (dù đang ở thế thắng) rất nhân bản.

Nhằm:

+ Đảm bảo mối quan hệ bang giao hòa hiếu giữa hai nước.

+ Không làm tổn thương danh dự của nước lớn (Trung Quốc), đảm bảo nền hòa bình lâu dài.

**** Nguyên nhân thắng lợi:*** *(0,5 điểm)*

- Tinh thần yêu nước, đoàn kết và chiến đấu anh dũng của quân và dân ta.
- Sự chỉ huy tài tình của Lý Thường Kiệt với cách đánh giặc rất độc đáo.

**** Ý nghĩa lịch sử:*** *(0,5 điểm)*

- Củng cố nền độc lập tự chủ của nước Đại Việt.
- Buộc nhà Tống phải từ bỏ mộng xâm lược nước ta.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập niên biểu về những hoạt động của phong trào nông dân Tây Sơn (1771 - 1789):** *(2,0 điểm)*

Năm	Những hoạt động chính – Kết quả
1771	Ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ dựng phong trào chống chính quyền họ Nguyễn, lấy vùng Tây Sơn (Bình Định) làm căn cứ đầu tiên.
1773	Tấn công hạ phủ thành Quy Nhơn.
1776 - 1783	Quân thủy, bộ Tây Sơn do Nguyễn Huệ chỉ huy đánh vào Gia Định, bắt giết được chúa Nguyễn chế độ thống trị của tập đoàn họ Nguyễn bị đánh đổ.
1785	Chiến thắng Rạch Gầm - Xoài Mút, đập tan âm mưu xâm lược của phong kiến Xiêm và trừng trị thích đáng hành động bán nước của Nguyễn Ánh.
1786	Nguyễn Huệ tiến quân vượt qua đèo Hải Vân đánh thành Phú Xuân, sau đó tiến ra Thăng Long diệt Trịnh. Cơ đồ thống trị của họ Trịnh xây dựng gần 300 năm đến đây sụp đổ.
1787 - 1788	Quân Tây Sơn ra Bắc Hà xây dựng chính quyền, xóa bỏ hẳn sự phân chia Đàng Trong - Đàng Ngoài
1789	Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, tiêu diệt 29 vạn quân Thanh xâm lược

**** Nhận xét:*** *(2,0 điểm)*

- Là cuộc chiến tranh nông dân vĩ đại nhất trong lịch sử dân tộc.
- Đã chấm dứt tình trạng chia cắt đất nước.
- Bước đầu thống nhất lãnh thổ, đánh đổ chế độ phong kiến phản động Nguyễn, Trịnh, Lê.
- Bảo vệ nền độc lập dân tộc.
- Phía Nam (1785) đánh tan 5 vạn quân xâm lược Xiêm tại Rạch Gầm - Xoài Mút.
- Phía Bắc (1789) đánh bại 29 vạn quân Thanh xâm lược.
- Trong vòng 20 năm hoạt động, từ một cuộc đấu tranh giai cấp chuyển thành 1 cuộc đấu tranh của cả dân tộc chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc.
- Khẳng định tài năng quân sự kiệt xuất của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ - Quang Trung.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. PHẦN LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vị trí của Vương triều Súp-ta trong lịch sử Ấn Độ:** *(1,5 điểm)*

- Cuối thế kỉ III TCN, Ấn Độ bước vào thời kì chia rẽ, khủng hoảng kéo dài mấy thế kỉ. Đầu Công nguyên, miền Bắc Ấn Độ được thống nhất lại, bước vào một thời kì phát triển cao và rất đặc sắc của lịch sử Ấn Độ - thời Vương triều Súp-ta.

- Vương triều Súp-ta do vua Súp-ta sáng lập, có 9 đời vua, qua gần 150 năm (319 - 467). Vương triều này có vai trò tổ chức kháng cự, không cho các tộc ở Trung Á xâm lấn từ phía Tây Bắc, thống nhất miền Bắc Ấn Độ, chiếm cao nguyên Đê-can, làm chủ gần như toàn bộ miền Trung Ấn Độ.

- Nét đặc sắc nổi bật của thời kì này là sự định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ. Thời kì này xuất hiện một nền văn hóa bao gồm nhiều tôn giáo, chữ viết, kiến trúc, điêu khắc mang đặc trưng riêng biệt của văn hoá Ấn Độ, làm cơ sở cho sự hình thành nền văn hóa truyền thống Ấn Độ, làm cho nền văn hóa truyền thống Ấn Độ có giá trị vĩnh cửu, xuyên suốt lịch sử loài người, có ảnh hưởng lớn đến văn hóa các nước Đông Nam Á. Sự phát triển và nét đặc sắc còn giữ được cả dưới thời Hậu Súp-ta (467 - 606) và Vương triều Hác-sa (606 - 647).

- Văn hóa truyền thống Ấn Độ định hình và phát triển thời Vương triều Súp-ta bao gồm:

+ Tôn giáo: Phật giáo và Hin-đu giáo ra đời và phát triển cùng với những tập tục, lễ nghi tôn giáo.

+ Chữ viết ra đời sớm ở Ấn Độ. Ban đầu là kiểu chữ đơn sơ Bra-hmi, được dùng để khắc trên cột A-sô-ca, rồi được nâng lên sáng tạo thành hệ chữ Phạn (San-skrit) được hoàn thiện từ thời A-sô-ca cả chữ viết và ngữ pháp. Chữ Phạn dùng phổ biến thời Súp-ta trong việc viết văn bia. Ngôn ngữ và văn tự phát triển là điều kiện để chuyển tải, truyền bá văn học, văn hóa Ấn Độ.

+ Kiến trúc, điêu khắc Phật giáo như những ngôi chùa hang kì vĩ, những pho tượng Phật bằng đá hoặc điêu khắc trên đá. Những công trình kiến trúc Hin-đu giáo như nhiều ngôi đền bằng đá rất đồ sộ, nhiều tượng thần thánh tạc bằng đá hoặc đúc đồng để thờ, làm thành những phong cách nghệ thuật tạc tượng độc đáo.

+ Văn học Hin-đu và văn học truyền thống được ghi lại, được sáng tạo như hai bộ sử thi *Ma-ha-bha-ra-ta* và *Ra-ma-ya-na*, các tác phẩm của Ka-li-đa-sa như *Sơ-kun-tơ-la*...

- Người Ấn Độ đã mang văn hóa, đặc biệt là văn hóa truyền thống của mình truyền bá ra bên ngoài. Đông Nam Á không chỉ chịu ảnh hưởng rất rõ rệt, mà còn cố học hỏi văn hóa truyền thống Ấn Độ, đặc biệt là học và sử dụng chữ cổ Ấn Độ, rồi từ đó mà sáng tạo ra chữ viết của mình.

*** Vị trí của Vương triều Hồi giáo Đê-li trong lịch sử Ấn Độ:** *(1,5 điểm)*

- Thế kỉ XIII, người Hồi giáo gốc Trung Á chinh phục các tiểu quốc Ấn, lập nên Vương quốc Hồi giáo Ấn Độ, gọi là Vương triều Hồi giáo Đê-li (do vua đóng đô ở Đê-li).

- Trong hơn 300 năm tồn tại và phát triển (1206 - 1526) vương triều này đã truyền bá, áp đặt Hồi giáo vào những cư dân theo Phật giáo và Hin-đu giáo, giành quyền ưu đãi về ruộng đất và địa vị trong bộ máy quan lại. Sự phân biệt tôn giáo và sắc tộc đã gây nên nỗi bất bình trong nhân dân.

- Đây là thời kì văn hóa Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ. Các công trình mang đậm kiến trúc Hồi giáo được xây dựng. Đê-li trở thành "một trong những thành phố lớn nhất thế giới ở thế kỉ XIV". Đây là thời kì tiếp xúc và giao lưu giữa hai nền văn minh đặc sắc là Ấn Độ Hin-đu giáo và Ả-rập Hồi giáo. Bước đầu thúc đẩy sự giao lưu văn hóa Đông - Tây.

- Thời kì này các thương nhân Ấn Độ du nhập Hồi giáo đến một số nơi, một số nước Đông Nam Á.

*** Vị trí của Vương triều Mô-gôn trong lịch sử Ấn Độ:** *(1,5 điểm)*

- Thế kỉ XV, một bộ phận dân Trung Á theo Hồi giáo tự nhận là dòng dõi Mông Cổ tấn công Ấn Độ từ năm 1398, lập nên Vương triều Mô-gôn.

- Vương triều Mô-gôn (1526 - 1707) là thời kì cuối cùng của chế độ phong kiến Ấn Độ nhưng không phải chỉ toàn là khủng hoảng, suy thoái và tan rã. Các vị vua thời kì đầu đã ra sức củng cố vương triều theo hướng "Ấn Độ hóa" và xây dựng đất nước. Đến thời trị vì của vị vua thứ tư là A-cơ-ba, Ấn Độ đạt được bước phát triển mới, xã hội ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa có nhiều thành tựu, đất nước cường thịnh. A-cơ-ba được coi như đấng chí tôn.

- Đến thời con và cháu của A-cơ-ba, nhiều công trình kiến trúc nổi tiếng được xây dựng như lăng mộ Taj-ma-han và lâu đài Thành đỏ La Ki-la, là những di sản văn hóa bất hủ. Tuy nhiên, thời kì này sự đối kháng của nhân dân tăng thêm, tình trạng chia rẽ khủng hoảng xuất hiện.

- Vua cuối cùng của vương triều là Ao-reng-dép phải đối diện với thực dân Anh và bước đầu để mất Ma-đrát, Bom-bay.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Điều kiện tự nhiên:** *(1,0 điểm)*

- Đông Nam Á là khu vực khá rộng, bị chia cắt bởi những dãy núi, rừng nhiệt đới và biển, có những cánh rừng nhiệt đới rất phong phú về thực vật và động vật. Do những điều kiện địa lý của khu vực, sự đan xen của núi đồi, sông, biển... đã tạo nên những vùng nhỏ với cảnh quan đa dạng, có núi, đồi, rừng, biển, đồng bằng...

- Đông Nam Á có khí hậu nóng ẩm. Hoạt động của gió mùa đã tạo nên hai mùa tương đối rõ rệt, mùa khô và mùa mưa.

- Đông Nam Á là quê hương của những gia vị và hương liệu như hồ tiêu, sa nhân, hồi, quế, trầm hương,...

- Điều kiện tự nhiên rất thuận lợi, gió mùa kèm theo mưa rất thích hợp cho sự phát triển của cây lúa nước. Vì thế cư dân Đông Nam Á từ rất xa xưa đã biết trồng lúa và nhiều loại cây củ, ăn quả khác.

*** Điều kiện kinh tế:** *(1,0 điểm)*

- Do điều kiện tự nhiên thuận lợi, ngay từ thời đại đồ đá, con người đã có mặt ở hầu hết các nước Đông Nam Á.

- Đến những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng đồ sắt.

- Nông nghiệp là ngành sản xuất chính, bên cạnh đó mỗi nước đã hình thành nghề thủ công truyền thống như đúc đồng, sắt, dệt, làm đồ gốm... Việc buôn bán theo đường ven biển cũng phát đạt. Các thành thị, hải cảng ra đời, hoạt động nhộn nhịp như Óc Eo (An Giang - Việt Nam), Ta-kô-la (bán đảo Ma-lai-xi-a)...

- Sự phát triển của các ngành kinh tế là cơ sở cho sự ra đời hàng loạt các quốc gia nhỏ ở Đông Nam Á, ngoài ra còn có tác động kinh tế của các thương nhân Ấn.

*** Điều kiện văn hóa:** *(0,5 điểm)*

- Các cư dân Đông Nam Á tiếp thu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, Trung Quốc. Đồng thời, giữa các tiểu quốc thường xuyên có mối liên hệ, trao đổi văn hóa và sản phẩm trên cơ sở phát triển bản sắc văn hóa riêng của mỗi tiểu quốc, mỗi tộc người.

*** Sự hình thành các Vương quốc cổ Đông Nam Á:** *(1,5 điểm)*

- Từ khoảng đầu Công nguyên đến thế kỉ VII, hàng loạt quốc gia sơ kì được hình thành và phát triển ở khu vực phía nam của Đông Nam Á.

+ Vương quốc Chăm-pa ở vùng Trung Bộ nước ta.

+ Vương quốc Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Công

+ Lưu vực sông Mê Nam và sông Iraoađi là địa bàn sinh tụ của người Môn, họ đã thành lập các tiểu quốc như Xích Thổ, Đvaravati, Haripungiaya.

+ Tại lưu vực sông Iraoađi xuất hiện các Vương quốc Sri Ksetra, Thaơn và Pêgu.

+ Trên bán đảo Malaixia có các Vương quốc Kê-đa, Tam-bra-lin-ga, Tu-ma-sic.

+ Ở lãnh thổ Inđônêxia đã hình thành các tiểu quốc như Taruma, Cantôli, SriVigiaya, Kalinga, Malayu.

- Các Vương quốc này nhỏ bé, phân tán trên các địa bàn hẹp, sống riêng rẽ và nhiều khi lại tranh chấp lẫn nhau. Đó cũng chính là nguyên nhân dẫn tới sự sụp đổ của các Vương quốc cổ, để rồi trên cơ sở đó hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc hùng mạnh.

B. PHẦN LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Tình hình nông nghiệp nước ta từ thế kỉ X đến thế kỉ XV:** *(2,0 điểm)*

- Đầu thế kỉ X, sau khi giành độc lập, tự chủ, nhân dân cả nước, từ miền xuôi đến miền ngược phấn khởi, ra sức khai phá đất hoang, mở rộng ruộng đồng, phát triển nông nghiệp, nhằm nhanh chóng nâng cao đời sống, đưa đất nước ngày càng cường thịnh.

- Công cuộc khai hoang, mở rộng diện tích ngày càng gia tăng. Vùng châu thổ các con sông lớn và vùng ven biển được khai phá. Nhiều xóm làng mới được thành lập.

- Các vua Tiền Lê, vua Lý hằng năm làm lễ cày ruộng tịch điền để khuyến khích nhân dân sản xuất.

- Nhà Trần khuyến khích các quý tộc, vương hầu mộ dân nghèo đi khai hoang, thành lập điền trang.

- Đại Việt đương thời thường xuyên bị nạn lụt đe dọa, gây nhiều khó khăn. Nhà Lý chú trọng cho nhân dân xây những con đê. Năm 1248, nhà Trần tổ chức đắp đê từ đầu nguồn đến cửa biển dọc các con sông lớn, gọi là đê "Quai vạc". Chỗ nào đê đắp vào ruộng của dân thì đo đạc, trả tiền. Lại đặt chức quan Hà đê để trông coi sửa đắp "Từ đó, thủy tai không còn nữa và đời sống nhân dân được sung sướng". Làng xóm được bảo vệ, mùa màng ổn định.

- Thời Lê sơ, nhà nước sai người đắp một số đoạn đê biển, tạo điều kiện cho dân khai hoang mở rộng ruộng đồng. Các vua Lê cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại, đặt phép quân điền phân chia ruộng công ở các làng xã.

- Các nhà nước Lý, Trần, Lê sơ đều quan tâm đến bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

- Ngoài việc trồng lúa, nhân dân còn trồng nhiều cây lương thực khác như sắn, khoai đậu, kê và ác loại cây ăn quả như cam, quýt, chuối, nhãn, vải.... cùng với một số cây công nghiệp như bông, dâu.

- Nhiều vườn rau được hình thành xung quanh các khu đông dân. Mùa màng tốt tươi, nhân dân đủ ăn, đủ mặc.

*** Tình hình nông nghiệp nước ta từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII:** *(2,0 điểm)*

- Từ cuối thế kỉ XV đến đầu thế kỉ XVI, ruộng đất ngày càng tập trung vào tay tầng lớp địa chủ, quan lại. Nhà nước không quan tâm đến sản xuất như trước. Mất mùa, đói kém xảy ra liên miên. Cuộc sống của nông dân trở nên khổ cực, họ đã nổi dậy đấu tranh.

- Từ nửa sau thế kỉ XVII nông nghiệp một thời bị tàn phá do chiến tranh mới dần dần ổn định trở lại. Ở Đàng Ngoài, nhân dân tiếp tục khai hoang mở rộng diện tích đất canh tác. Ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn khuyến khích nhân dân khai phá đất hoang, nhanh chóng mở rộng ruộng đồng. Diện tích ruộng đất cả nước tăng lên nhanh chóng.

- Nhân dân hai miền ra sức tăng gia sản xuất, bồi đắp đê đập, nạo vét mương máng. Không dừng lại ở các giống lúa cũ, nhân dân còn tìm cách nhân giống, tạo ra hàng chục giống lúa tẻ, lúa nếp vừa giúp cho bữa ăn thêm ngon, vừa cung cấp thóc gạo cho thị trường. Họ cũng trồng thêm khoai, đậu, ngô, sắn, dâu, bông, mía, đay... Kinh nghiệm "nước, phân, cần, giống" được đúc kết thông qua thực tế sản xuất.

- Ở Nam Bộ do đất đai, thời tiết thuận lợi, nhân dân sản xuất nhiều tóc gạo phục vụ thị trường, nâng cao đời sống. Nghề trồng vườn với nhiều loại cây ngon như dừa, xoài, dứa... khá phát triển. Đây cũng là giai đoạn gia tăng tình trạng tập trung ruộng đất vào tay địa chủ phong kiến.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê các triều đại phong kiến Việt Nam từ thế kỉ X đến thế kỉ XV:** *(3,0 điểm)*

Triều đại	Niên đại	Kinh đô	Quốc hiệu	Vị vua đầu tiên
Nhà Ngô	939 - 967	Cổ Loa (Hà Nội)		Ngô Quyền
Nhà Đinh - Tiền Lê	968 - 1009	Hoa Lư (Ninh Bình)	Đại Cồ Việt	Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành
Nhà Lý	1009 - 1225	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Việt	Lý Thái Tổ
Nhà Trần	1225 - 1400	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Việt	Trần Thái Tông
Nhà Hồ	1400 - 1407	Tây Đô (Thanh Hóa)	Đại Ngu	Hồ Quý Ly
Nhà Lê sơ	1428 - 1527	Thăng Long (Hà Nội)	Đại Việt	Lê Thái Tổ

*** Ý nghĩa của việc Lý Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long:** *(1,0 điểm)*

- Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư (Ninh Bình) về Thăng Long (Hà Nội). Trong chiếu dời đô có đoạn: *"Thành Đại La, đô cũ của Cao vương, ở giữa khu vực trời đất, có thế rồng cuộn hổ chầu, ở giữa nam, bắc, tây, đông, tiện hình thế núi sông sau trước, đất rộng và bằng phẳng, chỗ cao sáng sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật thịnh đạt, phồn vinh, xem khắp nước Việt chỗ ấy là hơn cả. Thực là chỗ hội họp của bốn phương, nơi thượng đô của kinh sư muôn đời ".*

- Việc dời đô về Thăng Long chứng tỏ khả năng tổ chức nhà nước của nhà Lý, chứng tỏ nước ta đã lớn mạnh.

- Hoa Lư có địa thế hiểm trở đáp ứng được yêu cầu phòng thủ đất nước nhưng không có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội. Thăng Long là vùng đất có điều kiện thuận lợi về kinh tế, văn hóa, đáp ứng được những yêu cầu ngày càng phát triển của đất nước.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Cuộc kháng chiến chống Xiêm (1785):** *(1,25 điểm)*

- Đầu những năm 80 của thế kỉ XVIII, sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh đã cũng tàn quân trốn chạy sang Xiêm (Thái Lan) cầu cứu.

- Vua Xiêm sai tướng đem 5 vạn quân thủy, bộ tiến sang nước ta theo sự dẫn đường của quân Nguyễn Ánh. Sau khi chiếm được gần một nửa đất Gia Định (Nam Bộ ngày nay), chúng ra sức cướp phá, hoành hành và chuẩn bị tấn công quân Tây Sơn ở vùng đất còn lại.

- Được tin đó, vua Tây Sơn là Thái Đức (Nguyễn Nhạc) đã sai em làm Nguyễn Huệ đem binh thuyền vào Nam chống giặc. Được sự ủng hộ của nhân dân, đầu năm 1785, Nguyễn Huệ đã tổ chức trận Rạch Gầm - Xoài Mút đánh tan tành quân xâm lược. Nguyễn Ánh theo cánh tàn quân Xiêm chạy thoát. Miền Nam trở lại yên bình.

*** Cuộc kháng chiến chống Thanh (1789):** *(1,75 điểm)*

- Sau khi bị quân Tây Sơn đánh bại, vua Lê Chiêu Thống cùng một số đại thần thân cận bỏ chạy lên phía Bắc, cho người sang Trung Quốc cầu cứu nhà Thanh. Nhận thấy đây là một thời cơ thuận lợi để xâm lược, vua Thanh sai tướng đem 29 vạn quân và dân công, theo sự chỉ dẫn của vua tôi Lê Chiêu Thống tiến sang nước ta, với danh nghĩa giúp nhà Lê đánh quân Tây Sơn giành lại chính quyền.
- Nhân dân Đàng Ngoài vừa trải qua những năm loạn lạc, đói khổ, cuối năm 1788 lại phải chứng kiến hàng chục vạn quân xâm lược tràn vào Thăng Long. Trở lại ngôi vua, Lê Chiêu Thống tìm mọi cách bắt nhân dân đóng góp để phục vụ quân xâm lược. Cảnh cướp bóc, tàn phá, hoành hành lại xảy ra khắp nơi có quân thanh đóng giữ, khiến cho nhân dân càng căm thù quân cướp nước và bán nước.
- Lực lượng Tây Sơn đóng ở kinh thành tạm rút về mạn Ninh Bình, Thanh Hóa, rồi cho người vào Phú Xuân (Huế) cấp báo. Được tin đó, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ quyết định làm lễ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, chỉ huy quân tiến ra Bắc; trên đường đi đã dừng lại ở Nghệ An, Thanh Hóa để tuyển thêm quân. Đúng vào đêm 30 tết (tức 25 - 1 - 1789), quân ta được lệnh tiến công với khí thế từ lời hiểu dụ của vua Quang Trung.
- Sau 5 ngày (bắt đầu từ đêm 30 cho đến trưa mồng 5 Tết Kỉ Dậu) tiến quân thần tốc, chiến đấu quyết liệt và với chiến thắng vang dội Ngọc Hồi - Đống Đa, quân ta đã đánh bại hoàn toàn quân xâm lược, tiến vào Thăng Long. Nhân dân kinh thành mừng vui chào đón quân chiến thắng.

*** Đánh giá công lao của phong trào Tây Sơn:** *(1,0 điểm)*

- Lật đổ các tập đoàn phong kiến Nguyễn, Trịnh, Lê.
- Bước đầu thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- Chiến thắng chống quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ nền độc lập dân tộc.
- Xây dựng một Vương triều mới tiến bộ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT GIA ĐỊNH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vương triều Gúp-ta:** *(2,0 điểm)*

- Vương triều Gúp-ta đã thống nhất toàn bộ miền Bắc và Trung Ấn, trải qua 9 đời vua từ năm 319 - 467, không ngừng đưa đất nước phát triển.
- Thời kì Gúp-ta đã xuất hiện nhiều tôn giáo, chữ viết, kiến trúc, điêu khắc mang đặc trưng riêng biệt, làm cơ sở cho sự hình thành nền văn hóa truyền thống Ấn Độ (văn hóa Hin-đu), làm cho nền văn hóa truyền thống của Ấn Độ có giá trị vĩnh cửu.
- Vì thế thời Gúp-ta là thời kì định hình và phát triển của nền văn hóa truyền thống Ấn Độ.

*** Ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ ra bên ngoài:** *(2,0 điểm)*

- Văn hóa truyền thống Ấn Độ đã tỏa ảnh hưởng đến nhiều nước châu Á, đặc biệt là ảnh hưởng sâu sắc đến các nước Đông Nam Á, bắt đầu từ đầu công nguyên, thông qua việc giao lưu buôn bán.

- Về chữ viết: chữ Phạn của Ấn Độ đã được truyền bá sang Đông Nam Á từ những thế kỉ đầu công nguyên.
  - Ban đầu nhiều dân tộc ở Đông Nam Á sử dụng chữ Phạn làm chữ viết của mình.
  - Sau đó nhiều nước đã sáng tạo ra chữ viết riêng (trên cơ sở chữ Phạn): chữ Chăm cổ của người Chăm-pa (thế kỉ IV), chữ Khơ-me cổ của người Khơ-me (đầu thế kỉ VII), chữ Mi-an-ma, Lào...
- Dòng văn học Hin-đu của Ấn Độ cũng được truyền sang Đông Nam Á với nhiều đề tài văn học viết và văn học truyền miệng.
- Về tôn giáo: nhiều nước Đông Nam Á theo đạo Phật, đạo Hin-đu (và đạo Bà-la-môn) của Ấn Độ như Chăm-pa, Phù Nam, Việt Nam, Cam-pu-chia, Lào, Thái Lan, Mi-an-ma...
- Nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc: Đông Nam Á chịu ảnh hưởng kiến trúc Hin-đu và kiến trúc phật giáo của Ấn Độ.
  - Tháp Chàm ở Việt Nam, Ăng-co Vát và Ăng-co Thom ở Cam-pu-chia, Thạt Luổng ở Lào, chùa Vàng ở Mi-an-ma...
  - Chùa, tháp (Stupa), tượng phật... xuất hiện ở nhiều nước Đông Nam Á.

Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng khá toàn diện về sâu sắc đến các nước Đông Nam Á. Tuy nhiên, mỗi dân tộc ở Đông Nam Á vẫn xây dựng nền văn hóa mang đậm bản sắc riêng.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Đặc điểm	Vương triều Hồi giáo Đê-li	Vương triều Mô-gôn
Giống nhau *(1,0 điểm)*	- Cả hai triều đại đều do đế quốc bên ngoài xâm chiếm Ấn Độ và xây dựng nên. - Cả hai triều đại đều áp bức và thống trị nhân dân Ấn Độ. - Do mâu thuẫn giai cấp và dân tộc, cả hai triều đại đều bị suy yếu và sụp đổ. - Kinh đô đều là Đê-li.	
Khác nhau *(3,0 điểm)*	- Do người Thổ Nhĩ Kì lập nên ở Bắc Ấn theo đạo Hồi. - Tồn tại từ 1206 - 1526 - Truyền bá áp đặt đạo Hồi - Chính sách cai trị: áp bức dân tộc, kì thị tôn giáo, bắt nhân dân Ấn Độ theo đạo Hồi, cấm đạo Hin-đu.	- Do người gốc Mông Cổ lập nên ở Bắc Ấn. - Tồn tại từ 1526 - 1707. - Không áp đặt tôn giáo nào. - Chính sách cai trị: xóa bỏ kì thị tôn giáo, thủ tiêu những đặc quyền Hồi giáo, bỏ thuế ngoại đạo. - Thực hiện chính sách đoàn kết dân tộc. - Xây dựng chính quyền dựa trên sự liên kết tầng lớp quý tộc có tỉ lệ bằng nhau... - Khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa, nhiều công trình kiến trúc độc đáo được xây dựng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Xây dựng và phát triển nhà nước:** *(2,5 điểm)*

– Về tổ chức nhà nước: *(1,0 điểm)*

+ Năm 1010, vua Lý Thái Tổ dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long.

+ Năm 1054, vua Lý Thánh Tông đổi lại tên nước thành Đại Việt.

▪ Chính quyền trung ương từng bước được tổ chức hoàn chỉnh. Vua đứng đầu nhà nước nắm mọi quyền hành... Giúp vua trị nước có tể tướng và các đại thần....

▪ Đất nước được chia thành nhiều lộ, dưới lộ là phủ, huyện, châu, hương, xã... Kinh đô Thăng Long được chia thành hai khu vực: Kinh thành của vua quan và phố phường của nhân dân.

– Về quân đội: *(0,75 điểm)*

+ Được tổ chức quy củ, gồm hai loại quân:

▪ Cấm binh bảo vệ nhà vua và kinh thành

▪ Lộ binh ở các địa phương, tuyển theo chế độ "Ngụ binh ư nông"

+ Khi có chiến tranh các vương hầu, quý tộc được mộ quân, cùng nhà nước đánh giặc, nhân dân cũng được phép tổ chức dân binh...

– Ban hành luật pháp: *(0,75 điểm)*

+ Năm 1042, nhà Lý ban hành bộ "Hình thư" góp phần ổn định trật tự xã hội.

+ Thời Trần ban hành bộ "Hình luật".

– Việc tuyển chọn quan lại: ban đầu chủ yếu chọn từ con em các gia đình quý tộc, quan lại, sau chọn cả những người thi cử đỗ đạt.

– Một số việc làm quan tâm đến đời sống nhân dân: dựng lầu chuông, làm lễ "cầy tịch điền"...

*** Vì...** *(1,5 điểm)*

+ Năm 1010, Lý Thái Tổ đặt niên hiệu Thuận Thiên và quyết định dời đô về Đại La và đổi tên thành Thăng Long.

+ Trong chiếu dời đô nêu rõ: *"Thành Đại La, đô cũ của Cao vương (Cao Biền) ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn, hổ ngồi, chính giữa nam bắc đông tây, tiện nghi sông núi sau trước. Vùng này mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sang sủa, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật thịnh đạt, xem khắp nước Việt, chỗ ấy là hơn cả. Thực là chỗ hội họp của bốn phương,, nơi thượng đô của kinh sư muôn đời".*

– Ý nghĩa:

+ Thể hiện sự sang suốt của vị vua đầu tiên thời Lý.

+ Tạo điều kiện cho kinh thành Thăng Long dần dần trở thành đô thị phồn thịnh, là bộ mặt của đất nước.

+ Thể hiện được uy thế của Đại Việt: Thăng Long vừa là kinh đô của một nước Đại Việt cường thịnh, vừa là một thành thị có quy mô lớn trong khu vực và trên thế giới lúc bấy giờ.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Các biện pháp để phát triển nông nghiệp ở nước ta từ thế kỉ X - XV:** *(2,5 điểm)*

- Công cuộc khai hoang, mở rộng diện tích.
- Thời Đinh, Tiền Lê, nhà nước và nhân dân chăm lo khai phá đất hoang, mở rộng diện tích đất, phát triển nông nghiệp.

▪ Thời Lý, Trần tiếp tục khai hoang, đẩy mạnh sản xuất

▪ Nhà nước bước đầu lấy ruộng thưởng cho những người có công và cấp cho các chùa chiền. Các vua Lê cấp ruộng cho các quý tộc, quan lại, đặt phép "Quân điền", phân chia ruộng công ở làng xã.

▪ Châu thổ các sông lớn và vùng ven biển được khai phá, nhiều xóm làng mới được thành lập.

▪ Các vua Tiền Lê, Lý hàng năm làm lễ cày ruộng (tịch điền) để khuyến khích nhân dân sản xuất

▪ Các vua Trần khuyến khích các vương hầu, quý tộc khai hoang, lập điền trang

- Thủy lợi được quan tâm: do nước ta có nhiều sông ngòi, lũ lụt thường xuyên, kinh đô Thăng Long cũng thường xuyên bị lụt đe dọa.

▪ Nhà Lý cho dân đào nhiều mương máng, đắp đê.

▪ Năm 1248, nhà Trần tổ chức chiến dịch lớn, huy động nhân dân cả nước đắp đê dọc hai bờ các con sông lớn, từ đầu nguồn ra biển, gọi là đê "Quai vạc". Đặt chức hà đê sứ để trông coi việc sửa đắp "Từ đó thủy tai không còn nữa, đời sống nhân dân được sung sướng".

- *Bảo vệ sức kéo*: các nhà nước Lý, Trần, Lê sơ đều quan tâm bảo vệ sức kéo: trâu, bò được bảo vệ, nuôi thêm gà, vịt, ngan...

- Ngoài trồng lúa còn trồng nhiều loại cây lương thực khác (ngô, khoai, sắn...) và các loại cây ăn quả, cây công nghiệp (dâu, tằm, bông...).

- Nhiều vườn rau hình thành quanh các khu dân cư, mùa màng tốt tươi. Nhân dân thời Lê có câu:

"Đời vua Thái Tổ, Thái Tông
Thóc lúa đầy đồng trâu chẳng buồn ăn"

*** Sự phát triển kinh tế từ thế kỉ X-XV có ảnh hưởng đến sự phân hóa xã hội:** *(1,5 điểm)*

Sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế đã nâng Đại Việt trở thành một quốc gia hùng mạnh ở Đông Nam Á, đời sống nhân dân được đảm bảo và ngày càng tốt đẹp. Tuy nhiên, trong hoàn cảnh chế độ phong kiến, xã hội cũng từng bước phân hóa.

– Địa chủ ngày càng mở rộng ruộng đất tư hữu, tầng lớp địa chủ gia tăng.

– Từ thế kỉ XII, nhà Lý đã ban hành nhiều điều luật về mua bán ruộng đất, Lệ thuế buổi đầu nhà Trần ghi: Dân đinh không có ruộng thì miễn cả.

– Các quý tộc Trần với hệ thống điền trang của mình, ban đầu góp phần mở rộng diện tích đất canh tác, giải quyết tình trạng dân phiêu tán.

– Từ thế kỉ XV mất mùa, đói kém, nông dân phải bán ruộng, bán con gái, con trai làm nô tì.

– Vua quan, quý tộc chiếm ruộng đất, ăn chơi xa xỉ, không quan tâm đến đời sống nhân dân.

Nhiều cuộc đấu tranh của nông dân bùng lên, cuối thế kỉ XIV, nhà Trần suy vong. Nhà Hồ thành lập, Hồ Quý Ly thực hiện cải cách, hạn chế việc chấp chiếm ruộng đất của quý tộc, địa chủ nhằm ổn định tình hình.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Thống nhất đất nước:** *(1,5 điểm)*

– Giữa thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Ngoài, Đàng Trong rơi vào khủng hoảng, suy thoái, đời sống nhân dân cực khổ.

– Năm 1771, khởi nghĩa Tây Sơn bùng nổ, do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

– Từ năm 1776 - 1783, quân Tây Sơn tấn công tiêu diệt lực lượng cát cứ của chúa Nguyễn, giải phóng đất Đàng Trong.

– Trong những năm 1786 - 1788, quân Tây Sơn vượt giới tuyến sông Gianh, Lũy Thầy tiến ra Bắc, lần lượt đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh, hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

*** Chống ngoại xâm bảo vệ nền độc lập dân tộc:** *(1,5 điểm)*

– Năm 1785, dưới sự chỉ huy của Nguyễn Huệ, quân Tây Sơn đánh tan 5 vạn quân Xiêm ở trận Rạch Gầm - Xoài Mút...

– Năm 1789, dưới sự chỉ huy thiên tài của Hoàng đế Quang Trung, quân Tây Sơn đã đánh bại 29 vạn quân Thanh, với chiến thắng vang dội Ngọc Hồi - Đống Đa...

*** Xây dựng vương triều mới với nhiều tiến bộ:** *(1,0 điểm)*

- Vua Quang Trung ban chiếu kêu gọi nhân dân khôi phục sản xuất.
- Lập lại sổ hộ, tổ chức lại giáo dục thi cử, đề cao chữ Nôm.
- Thiết lập quan hệ đối ngoại với các nước láng giềng thân thiện.
- Xây dựng chế độ quân chủ chuyên chế, quân đội được tổ chức quy củ...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vương triều Hồi giáo Đê-li:** *(2,0 điểm)*

– Vương triều Hồi giáo Đê-li do người Hồi giáo gốc Trung Á chinh phục Ấn Độ thành lập nên và cai trị Ấn Độ hơn 300 năm (1206 - 1526).

– Vương triều Đê-li có một vị trí quan trọng trong lịch sử Ấn Độ, vì với chính sách áp đặt Hồi giáo, vương triều này đã đưa một yếu tố văn hoá mới - văn hoá Hồi giáo - du nhập vào Ấn Độ, làm đa dạng thêm nền văn hoá Ấn Độ vốn đã rất phong phú và đa dạng. Điều quan trọng ở đây là sự phát hiện nhau giữa hai nền văn minh đặc sắc là Ấn Độ Hin-đu giáo và Ả rập Hồi giáo. Sự giao lưu văn hoá Đông - Tây cũng được thúc đẩy hơn.

– Những thành tựu văn hoá thời Vương triều Hồi giáo Đê-li:

• Một số công trình kiến trúc mang đậm ***dấu ấn kiến trúc Hồi giáo*** như Kinh đô Đê-li đã trở thành *"một trong những thành phố lớn nhất thế giới"* ở thế kỉ XIV.

• Đạo Hồi được truyền bá vào Ấn Độ, từ đó ảnh hưởng đến nhiều nơi khác, đặc biệt là Đông Nam Á.

*** Vương triều Mô-gôn:** *(2,0 điểm)*

– Vương triều Mô-gôn do một bộ phận dân Trung Á theo Hồi giáo, tự nhận là dòng dõi Mông Cổ, lập ra và tồn tại từ thế kỉ XVI đến thế kỉ XVIII.

– Tuy là thời kì cuối cùng của chế độ phong kiến Ấn Độ, nhưng không phải chỉ có khủng hoảng, suy thoái và tan rã, mà vẫn có sự ra sức củng cố vương triều theo hướng "Ấn Độ hoá". Do đó, đã làm nền văn hoá Ấn Độ phát triển rực rỡ và đạt đến đỉnh cao, đặc biệt là đưới thời trị vì của Hoàng đế A-cơ-ba, ông đã làm cho xã hội Ấn Độ ổn định, kinh tế phát triển, văn hoá có nhiều thành tựu mới, đất nước thịnh vượng.

– Các vị vua sau, mặc dù cai trị độc đoán nhưng dưới thời trị vì của họ, vẫn có những công trình kiến trúc vĩ đại như lăng mộ Taj-ma-han và lâu đài Thành đỏ (La Ki-la). Taj-ma-han đã trở thành di sản văn hoá bất hủ của nhân dân Ấn Độ và của cả thế giới, nó là niềm tự hào vĩnh cửu về sự sáng tạo, là niềm xúc động sâu sắc và tình cảm cao quý của con người.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử của Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX

STT	Thời gian	Biểu hiện của sự phát triển
1 *(1,5 điểm)*	10 thế kỉ đầu sau CN	– Hàng loạt quốc gia nhỏ ra đời. – Sản xuất nông nghiệp là ngành chính. – Việc trao đổi sản phẩm và buôn bán theo đường ven biển phát đạt. – Tiếp thu và vận dụng văn hoá Ấn Độ để phát triển sáng tạo văn hoá của dân tộc mình.
2 *(0,5 điểm)*	Thế kỉ VII - thế kỉ X	Hình thành các quốc gia phong kiến dân tộc.
3 *(1,5 điểm)*	Nửa sau thế kỉ X - nửa đầu thế kỉ XVIII	– Hàng loạt quốc gia phong kiến ra đời. – Kinh tế phát triển thịnh vượng. – Bộ máy nhà nước chặt chẽ, kiện toàn. – Xây dựng các nền văn hoá riêng độc đáo đóng góp vào kho tàng văn hoá chung của nhân loại.
4 *(0,5 điểm)*	Nửa sau thế kỉ XVIII - giữa thế kỉ XIX	– Suy thoái. – Trở thành thuộc địa của các nước tư bản phương Tây vào giữa thế kỉ XIX.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Khái quát cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý:** *(1,25 điểm)*

– Hoàn cảnh lịch sử: Những năm 70 của thế kỉ XI, Đại Việt đang phát triển còn nhà Tống bước vào giai đoạn khủng hoảng. Vì thế vua Tống muốn xâm lược nước ta hòng tìm kiếm một chiến thắng để phô trương thanh thế.

– Chủ trương của Lý Thường Kiệt: "Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc" ("Tiên phát chế nhân"). Đây là một sự sáng tạo độc đáo của Lý Thường Kiệt, xuất phát từ nhận thức vững vàng về sức mạnh vật chất và tinh thần của dân tộc, từ sự phân tích, đánh giá đúng những chỗ mạnh, chỗ yếu của địch... biểu thị một tư tưởng chiến lược tích cực: Lấy tiến công để tự vệ.

– Tóm tắt diễn biến:

+ Năm 1075, Lý Thường Kiệt mở cuộc tập kích lên đất Tống, đánh tan các đạo quân nhà Tống ở đây rồi rút về nước.

+ Năm 1077, Khoảng 30 vạn quân Tống đánh sang Đại Việt. Lý Thường Kiệt đã lãnh đạo quân dân ta đánh tan quân Tống trong trận quyết chiến trên bờ sông Như Nguyệt. Cuộc kháng chiến hoàn toàn thắng lợi.

*** Khái quát cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần**: *(1,25 điểm)*

– Dưới thời Trần, trong vòng 30 năm, nhân dân Đại Việt đã ba lần kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược trong các năm 1258, 1285, 1287 - 1288.

– Kinh thành Thăng Long ba lần bị quân xâm lược tàn phá, bộ chỉ huy kháng chiến có lúc bị kẹp giữa hai gọng kìm của quân xâm lược, tứ nam đánh lên và từ Bắc đánh xuống.

– Nhân dân Đại Việt đã thực hiện lệnh của triều đình: "Nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng".

– Nhà Trần chủ trương "thanh dã". Vì vậy, giặc đi đến đâu, nếu không bị đánh giết thì cũng chỉ thấy cảnh "Vườn không nhà trống".

– Cuối cùng giặc phải chịu thất bại trong các trận Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp ở hai lần xâm lược trước và nặng nề nhất là trận đại bại trên sông Bạch Đằng ở lần xâm lược thứ ba.

*** Sự khác nhau giữa hai cuộc kháng chiến:** *(2,0 điểm)*

Nội dung cơ bản	
Cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý	*Cuộc kháng chiến chống Mông – Nguyên thời Trần*
– Chủ trương "tiên phát chế nhân", lấy tiến công trước để tự vệ. Do tương quan lực lượng: nhà Tống đang khủng hoảng, Đại Việt đang vươn lên.	– Chủ trương "Vườn không nhà trống" (thanh dã). Do tương quan lực lượng: Quân Mông - Nguyên mạnh, là đội quân đã từng chiến thắng từ Á sang Âu.
– Quân ta chủ động tiến quân sang đất Tống, đánh tan lực lượng chuẩn bị xâm lược của chúng rồi rút về và tổ chức phòng tuyến đón đánh tan giặc ở bờ Bắc sông Như Nguyệt, không cho chúng tiến vào Thăng Long.	– Cả ba lần giặc đều tiến vào được kinh thành Thăng Long, ta đều phải rút lui để bảo toàn lực lượng. Đồng thời tìm cách làm giặc suy yếu dần rồi mới tổ chức phản công và giành chiến thắng. – Quy mô của ba lần kháng chiến rộng hơn và tính chất quyết liệt hơn.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Bước đầu thống nhất Đất nước:**

– Đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn: Năm 1771, khởi nghĩa nông dân bùng lên ở ấp Tây Sơn (Bình Định) do 3 anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

Sau nhiều năm chiến đấu kiên cường, cuộc khởi nghĩa phát triển, tiến lên đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn (1777), làm chủ từ Quảng Nam trở vào.

– Đánh đổ tập đoàn phong kiến Trịnh – Lê: Trong những năm 1786 – 1788, quân Tây Sơn tiến quân ra Bắc, lần lượt đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Trịnh, Lê và làm chủ toàn bộ đất nước.

– Đánh đổ các thế lực phong kiến ở Đàng Trong và Đàng Ngoài, phong trào nông dân Tây Sơn đã bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.

*** Phong trào nông dân Tây Sơn bảo vệ độc lập dân tộc**

– Kháng chiến chống Xiêm 1785:

+ Sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh cùng tàn quân trốn chạy sang Xiêm cầu cứu. Vua Xiêm sai tướng đem 5 vạn quân thuỷ, bộ tiến sang nước ta theo sự dẫn đường của quân Nguyễn Ánh. Sau khi chiếm được gần một nửa đất Gia Định (Nam Bộ ngày nay), chúng ra sức cướp phá, hoành hành và chuẩn bị tấn công quân Tây Sơn ở vùng đất còn lại.

+ Đầu năm 1785, được sự ủng hộ của nhân dân, Nguyễn Huệ đã tổ chức trận Rạch Gầm - Xoài Mút đánh tan tành quân xâm lược. Nguyễn Ánh theo quân Xiêm chạy thoát.

– Kháng chiến chống Thanh (1789):

+ Theo lời cầu cứu của vua Lê Chiêu Thống, cuối năm 1788, vua Thanh (Hoàng đế Càn Long) cho 29 vạn quân Thanh và dân công theo sự chỉ dẫn của vua tôi Lê Chiêu Thống kéo sang xâm lược nước ta với danh nghĩa giúp nhà Lê đánh quân Tây Sơn giành lại chính quyền. Vua Lê Chiêu Thống bắt nhân dân đóng góp, còn quân Thanh thì cướp bóc, tàn phá, hoành hành khắp nơi. Nhân dân ta khổ cực, căm thù quân cướp nước và bán nước.

+ Lực lượng quân Tây Sơn đóng ở Thăng Long tạm rút về Ninh Bình, Thanh Hoá (đóng ở đèo Tam Điệp), rồi cấp báo về Phú Xuân. Được tin, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ làm lễ lên ngôi hoàng đế (lấy niên hiệu là Quang Trung), tiến quân ra Bắc, đến Nghệ An, Thanh Hoá dừng lại tuyển thêm quân và ra lời biểu dụ thể hiện quyết tâm tiêu diệt quân Thanh để bảo vệ độc lập dân tộc và chủ quyền lãnh thổ. Đúng giao thừa Tết năm Kỉ Dậu 1789 (25 - 01 - 1789), quân ta được lệnh tiến công. Ngày mùng 5 Tết, quân ta đánh bại hoàn toàn quân xâm lược ở Ngọc Hồi - Đống Đa, tiến vào Thăng Long.

→ Đánh tan quân Xiêm và quân Thanh xâm lược, phong trào Tây Sơn đã hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ độc lập dân tộc.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

STT	Nội dung cơ bản	
	Lĩnh vực	**Thành tựu**
1 *(0,75 điểm)*	**Văn học**	– Hàng loạt bài thơ, hịch, phú như *Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo*... Nội dung: toát lên niềm tự hào dân tộc và lòng yêu nước sâu sắc. – Hàng loạt tập thơ của Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Lý Tử Tấn... Nội dung: ca ngợi đất nước phát triển.

STT	Nội dung cơ bản	
	Lĩnh vực	Thành tựu
2 *(1,5 điểm)*	**Nghệ thuật**	– Kiến trúc: ▪ Chùa Một Cột (Diên Hựu), chùa Dâu, chùa Phật tích, chùa Dạm, tháp Báo Thiên, tháp Phổ Minh. ▪ Thành nhà Hồ (Vĩnh Lộc – Thanh Hoá). ▪ Các đền tháp Chăm (ở phía Nam). – Điêu khắc: họa tiết hoa văn độc đáo như rồng mình trơn cuộn trong lá bồ đề, bông cúc nhiều cánh, bệ chân cột hình hoa sen nở... cùng nhiều bức phù điêu có hình các cô tiên, các vũ nữ vừa múa vừa đánh đàn. – Sân khấu: Chèo, tuồng, múa rối nước. – Âm nhạc: trống cơm, sáo, tiêu, đàn cầm, đàn tranh, chiêng cồng ... – Ca múa: trong các ngày lễ hội, ngày mùa ở khắp các làng bản miền xuôi cũng như miền ngược. Kèm theo còn có các cuộc đua tài như đấu vật, đua thuyền, đá cầu...
3 *(1,25 điểm)*	**Khoa học**	– Sử học: *Đại Việt sử kí* do Lê Văn Hưu biên soạn dưới thời Trần. *Lam Sơn thực lục*, *Đại Việt sử kí toàn thư* (Ngô Sĩ Liên)... – Địa lý: *Dư địa chí*, *Hồng Đức bản đồ*. – Quân sự: *Binh thư yếu lược*. – Chính trị: *Thiên Nam dư hạ*. – Toán học: *Đại thành toán pháp* của Lương Thế Vinh, *Lập thành toán pháp* của Vũ Hữu
4 *(0,5 điểm)*	**Kĩ thuật**	Súng thần cơ, thuyền chiến có lầu, kĩ thuật xây thành (Hồ Nguyên Trừng).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Sự hình thành và phát triển của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á:** *(2,5 điểm)*

– Từ thế kỉ VII đến X, ở Đông Nam Á đã hình thành một số quốc gia phong kiến "dân tộc" như Vương quốc Cam-pu-chia của người Khơ-me, các Vương quốc của người Môn và người Miến ở vùng hạ lưu sông Mê Nam, người In-đô-nê-xi-a ở đảo Xu-ma-tra và Gia-va...

– Từ khoảng nửa sau thế kỉ X đến nửa sau thế kỉ XVIII là thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á *(0,25đ)*:

– In-đô-nê-xi-a thống nhất dưới vương triều Mô-giô-pa-hít hùng mạnh trong 3 thế kỉ (1213 - 1527).

– Trên bán đảo Đông Dương, ngoài các quốc gia Đại Việt và Chăm-pa, Vương quốc Cam-pu-chia từ thế kỉ IX cũng bước vào thời kì Ăng-co huy hoàng.).

– Trên lưu vực sông I-ra-oa-đi, từ giữa thế kỉ XI quốc gia Pa-gan ở miền Trung đã mở đầu cho quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Mi-an-ma.).

– Thế kỉ XIV thống nhất lập Vương quốc Thái.).

– Giữa thế kỉ XIV Vương quốc Lan Xang được thành lập.).

*** Biểu hiện của sự phát triển thịnh đạt:** *(1,5 điểm)*

– Kinh tế: có khả năng cung cấp một khối lượng lớn lúa gạo, cá, sản phẩm thủ công (vải, đồ sứ, chế phẩm kim khí...), nhất là những sản vật thiên nhiên (các loại gỗ quý, hương liệu, gia vị, đá quý, ngọc trai, cánh kiến,...). Lái buôn nhiều nước trên thế giới đến đây buôn bán.).

- Chính trị: Tổ chức bộ máy chặt chẽ, kiện toàn từ trung ương đến địa phương.).

– Văn hóa: các dân tộc ở Đông Nam Á đã xây dựng được một nền văn hóa riêng của mình và đóng góp vào kho tàng văn hóa chung của loài người những giá trị tinh thần độc đáo.).

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Bảng niên biểu về tiến trình lịch sử Ấn Độ từ 1500 TCN đến thế kỉ XIX:** *(2,5 điểm)*

Niên đại	Sự kiện
Năm 1.500 TCN	Hình thành một số nhà nước đầu tiên ở vùng Đông Bắc sông Hằng.
Năm 500 TCN	Nước Ma-ga-đa lớn mạnh được nhiều nước khác tôn phục.
Thế kỉ III TCN	Xuất hiện ông vua kiệt xuất nhất của nước Ma-ga-đa là A-sô-ca.
Thế kỉ I	Miền Bắc Ấn Độ thống nhất lại, bước vào thời kì phát triển cao và rất đặc sắc của lịch sử Ấn Độ - thời vương triều Gup-ta.
Thế kỉ VII	Ấn Độ rơi vào tình chia rẽ, phân tán.
Thế kỉ XIII	Vương triều Hồi giáo Đê-li thành lập.
Thế kỉ XIV	Đê-li trở thành "một trong những thành phố lớn nhất thế giới.
Thế kỉ XV	Vương triều Hồi giáo Đê-li bắt đầu suy yếu.
Thế kỉ XVI	Vương triều Mô-gôn thành lập.
Thế kỉ XIX	Thực dân phương tây xâm lược Ấn Độ.

*** Đến thời A-cơ-ba, Ấn Độ phát triển thịnh đạt nhất vì:** *(1,5 điểm)*

Trong suốt nửa thế kỉ trị vì, A-cơ-ba (1556 - 1605) đã thi hành một số chính sách tích cực:

– Xây dựng một chính quyền mạnh mẽ, dựa trên sự liên kết tầng lớp quý tộc, không phân biệt nguồn gốc, số quan lại Mông Cổ (thực ra là gốc Trung Á Hồi giáo), gốc Ấn Độ Hồi giáo, và cả gốc Ấn Độ Ấn giáo, có tỉ lệ gần như bằng nhau.

– Xây dựng khối hòa hợp dân tộc trên cơ sở hạn chế sự phân biệt sắc tộc, tôn giáo và cũng có biện pháp hạn chế sự bóc lột quá đáng của chủ đất, quý tộc.

– Tiến hành đo đạc lại ruộng đất để định ra mức thuế đúng và hợp lý, thống nhất các hệ thống cân đong và đo lường.

– Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật.

– Những chính sách đó làm cho xã hội Ấn Độ ổn định, kinh tế phát triển, văn hóa có nhiều thành tựu mới, đất nước thịnh vượng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Sự phát triển của Phật giáo ở thế kỉ X - XIV:** *(1,5 điểm)*

Phật giáo du nhập vào nước ta thời kì Bắc thuộc cùng với Nho giáo và Đạo giáo. Tuy nhiên, ở các thế kỉ X - XIV, trong nhân dân, ảnh hưởng của Nho giáo còn ít, đạo Phật còn giữ một vị trí đặc biệt quan trọng và rất phổ biến. Các nhà sư được triều đình tôn trọng, có lúc đã tham gia bàn việc nước. Vua, quan nhiều người theo đạo Phật, góp tiền xây dựng chùa, đúc chuông, tô tượng, viết giáo lý nhà Phật...

*** Biểu hiện của sự phát triển đó:** *(2,5 điểm)*

– Nhà Đinh, tiếp sau đó là nhà Tiền - Lê đã xây dựng một nhà nước quân chủ sơ khai gồm 3 ban: Văn ban, Võ ban và Tăng ban. Nhiều nhà sư thức thời như Ngô Chân Lưu, Đỗ Thuận, Vạn Hạnh đã tham gia tích cực vào sự nghiệp dựng nước và giữ nước.

– Thời Lý - Trần, " Lý Thái Tổ lên ngôi mới được 2 năm, tôn miếu chưa dựng, xã tắc chưa lập mà trước đã dựng 8 chùa ở phủ Thiên Đức... cấp độ điệp cho hơn 1000 người ở kinh sư làm tăng" (*Đại Việt Sử Kí toàn Thư*). Một số vị vua thời Lý - Trần đã tìm đến Phật giáo. Vua Trần Nhân Tông khi lên làm thái thượng hoàng đã xuất gia đầu Phật và lập ra dòng Thiền Trúc Lâm Đại Việt. Chùa chiền được xây dựng ở khắp nơi, nhiều người theo đạo Phật, đến nỗi một vị quan đời Trần đã nhận xét: "Thiên hạ năm phần thì sư tăng chiếm một", hoặc "chỗ nào có người ở đều có có chùa thờ Phật".

– Trong các thế kỉ X - XIV, những công trình nghệ thuật Phật giáo được xây dựng ở khắp mọi nơi như chùa: Một Cột (Diên Hựu), chùa Dâu, chùa Phật Tích, chùa Dạm, tháp Báo Thiên, tháp Phổ Minh. Chuông, tượng cũng được đúc rất nhiều.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Những cải cách hành chính dưới thời vua Lý Thánh Tông:** *(3,0 điểm)*

Từ những năm 60 của thế kỉ XV, khi đất nước đã cường thịnh, vua Lê Thánh Tông tiến hành một cuộc cải cách hành chính lớn:

– Ở Trung ương, chức tể tướng và các chức đại hành khiển bị bãi bỏ. Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ, các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn.

– Ở địa phương: cả nước được chia thành 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo đều có 3 ti trông coi các mặt dân sự, quân sự, an ninh. Dưới đạo là các phủ, huyện, châu như cũ. Người đứng đầu là xã trưởng, do dân bầu.

– Thời Lê, giáo dục thi cử trở thành nguồn đào tạo và tuyển chọn quan lại chủ yếu. Quý tộc, quan lại được ban phẩm hàm, cấp lương bổng và ruộng đất.

– Ban hành một bộ luật đầy đủ với tên gọi Quốc triều hình luật (còn gọi là Luật Hồng Đức), gồm hơn 700 điều, liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội.

– Quân đội được tổ chức quy củ, gồm hai bộ phận: quân bảo vệ nhà vua và kinh thành (Cấm quân) và quân chính quy, bảo vệ đất nước (ngoại binh hay lộ binh), được tuyển theo chế độ "Ngụ binh ư nông", được trang bị vũ khí đầy đủ.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

– Những cải cách có tính chất toàn diện, sâu sắc góp phần đưa nhà nước quân chủ phát triển đến đỉnh cao.

– Tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn tạo điều kiện ổn định về chính trị và phát triển kinh tế.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất và lần thứ hai:** *(3,0 điểm)*

Tiêu chí so sánh	Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ nhất	Cuộc kháng chiến chống Tống lần thứ hai
Thời gian	Năm 981	Năm 1075 – 1077
Người lãnh đạo	Lê Hoàn	Lý Thường Kiệt
Tình hình nước Đại Việt	Vua Đinh Tiên Hoàng bị ám hại. Nước Đại Việt gặp nhiều khó khăn.	Nước Đại Việt thời Lý đang vươn lên trong xây dựng đất nước và kinh tế, chính trị phát triển.
Kết quả	Quân và dân Đại Cồ Việt đã đánh tan quân xâm lược Tống ngay trên vùng Đông Bắc. Quan hệ Việt - Tống trở lại bình thường.	Dưới sự lãnh đạo tài giỏi của Lý Thường Kiệt, quân dân ta đánh tan quân xâm lược Tống trong trận quyết chiến trên bờ sông Như Nguyệt. Cuộc kháng chiến hoàn toàn thắng lợi.

*** Ý nghĩa ngắn gọn của bài thơ *Nam Quốc Sơn Hà* của Lý Thường Kiệt:** *(1,0 điểm)*

"Sông núi nước Nam vua Nam ở
Rành rành định phận ở sách trời
Cớ sao lũ giặc sang xâm phạm
Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời".

Bài thơ được xem như bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta, khẳng định chủ quyền của đất nước, ý thức tự hào dân tộc.

Đây là một bài thơ "Thần", thể hiện khí thế, sức mạnh của quân dân Đại Việt, trấn áp tinh thần của quân xâm lược Tống.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vương triều Giúp-ta là thời kì hình thành và...** *(2,0 điểm)*

Đầu Công nguyên, Bắc Ấn được thống nhất, vào thời kì phát triển cao và đặc sắc - thời vương triều Giúp-ta: chống các tộc ở Trung Á, thống nhất Bắc Ấn, làm chủ gần toàn bộ miền Trung Ấn, định hình và phát triển văn hóa truyền thống Ấn Độ.

– Đạo Phật: tiếp tục được phát triển truyền bá khắp Ấn Độ và truyền ra nhiều nơi. Kiến trúc Phật giáo phát triển (chùa Hang, tượng Phật bằng đá).

– Ấn Độ giáo hay đạo Hin-đu ra đời và phát triển: thờ 4 vị thần chính: thần Bra-ma (thần Sáng tạo thế giới), Si-va (thần Hủy diệt), Vis-nu (thần Bảo hộ) và Inđra (thần Sấm sét). Xây dựng nhiều công trình kiến trúc thờ thần (đền bằng đá, hình chóp núi), tạc nhiều pho tượng để thờ, với những phong cách nghệ thuật độc đáo.

– Chữ viết: từ chữ viết cổ Bra-hmi đã nâng lên và sáng tạo thành hệ chữ Phạn (San-skrit).

– Thời Gúp-ta có những công trình kiến trúc, điêu khắc, những tác phẩm văn học, làm cho văn hóa truyền thống Ấn Độ có giá trị vĩnh cửu.

→ Ấn Độ mang văn hóa, đặc biệt văn học truyền thống truyền bá ra bên ngoài, nhất là Đông Nam Á.

*** Những yếu tố văn hóa truyền thống của Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và nơi ảnh hưởng:**

– Chữ viết:

Từ chữ Phạn của Ấn Độ, các dân tộc Đông Nam Á (trừ Việt Nam) dần sáng tạo ra chữ viết riêng của mình, như chữ Chăm cổ thế kỉ IV, chữ Khơ-me cổ thế kỉ VII. Người Lào và các nhóm người Thái khác có hệ thống chữ viết được xây dựng trên cơ sở vận dụng các nét chữ cong của Cam-pu-chia và Mi-an-ma.

– Tôn giáo: đạo Hin-đu và đạo Phật ảnh hưởng ra nhiều nước, nhất là Đông Nam Á.

– Văn học: văn học dân tộc của hầu hết các nước Đông Nam Á đều mô phỏng hay lấy tích từ các sử thi và các truyện thần thoại Ấn Độ.

– Kiến trúc: phần lớn kiến trúc Đông Nam Á đều mô phỏng kiến trúc Hin-đu và Phật giáo. Kiến trúc Hin-đu với các đền hình tháp nhọn, nhiều tầng. Kiến trúc Phật giáo với các kiểu hình tháp (Xtup-ta) có mái tròn.

– Toán: Ấn Độ phát minh ra chữ số, kể cả số 0, truyền bá cho người Ả-rập, rồi khắp thế giới

* Ảnh hưởng đến: Trung Quốc, Việt Nam, khu vực Đông Nam Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Giai đoạn	Sự kiện
1. Hình thành: đầu thế kỉ XIII	- Lào gắn với sông Mê Công. Sông Mê Công vừa là nguồn tài nguyên thuỷ văn dồi dào, trục giao thông của đất nước, vừa là yếu tố thống nhất Lào về địa lí. Đồng bằng ven sông màu mỡ là vựa lúa của Lào.

Giai đoạn	Sự kiện
	- Cư dân cổ là người Lào Thơng, chủ nhân của các nền văn hóa đồ đá, đồ đồng có từ hàng ngàn năm trước và là người đã sáng tạo ra những chum đá khổng lồ, nay còn nằm rải rác trên cánh đồng Chum (Xiêng Khoảng). - - Thế kỉ XIII, nhóm người nói tiếng Thái di cư đến, sống hòa hợp với người Lào Thơng, gọi là người Lào Lùm (Lào ở vùng thấp, phân biệt với người Lào Thơng ở vùng đồi núi). - Tổ chức xã hội sơ khai là các mường cổ. *(Cư dân trong các mường chủ yếu trồng lúa nương, săn bắn và làm 1 số nghề thủ công. Quan hệ kinh tế-xã hội dần dần phát triển.* *Ông vua đầu tiên theo truyền thuyết của Lào là Khún Bo-lom đã lên ngôi và thực hiện cha truyền con nối. Có 15 vua kế tiếp nhau trị vì đất nước trong vòng 500 năm. Vua Lào lúc đầu là Khún, sau là Thào, rồi là Phía)* - 1353, Pha Ngừm thống nhất các mường Lào, lên ngôi, đặt tên nước là Lan Xang (Triệu Voi).
2. Phát triển: XV - XVII	Lan Xang thịnh vượng từ XV đến XVII, nhất là dưới thời vua Xu-li-nha Vông-xa: – Chính trị: Chia nước thành các mường, đặt quan cai trị, xây dựng quân đội do nhà vua chỉ huy. – Kinh tế: Buôn bán, trao đổi với cả người châu Âu. – Đối ngoại: Giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng, kiên quyết chống Mi-an-ma xâm lược.
3. Suy yếu: XVIII	Thế kỉ XVIII, Lan xang yếu dần vì những cuộc tranh chấp trong hoàng tộc: Sau khi Xu-li-nha Vông-xa qua đời, Lan Xang chia làm 3: Luông Pha-bang, Viêng Chăn và Chăm-pa-xắc thì bị Xiêm xâm lược, năm 1893 thì bị Pháp xâm lược.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Vào những năm 60 của thế kỉ XV, đất nước ổn định, vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) tiến hành cải cách hành chính:** *(2,5 điểm)*

– Chính quyền trung ương: bỏ chức tể tướng và các chức đại hành khiển. Vua trực tiếp quyết định mọi việc. Bên dưới là 6 bộ. Các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn.

– Ở địa phương: bỏ các đạo, lộ cũ, chia nước lại thành 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo thừa tuyên có 3 ti phụ trách: quân sự, dân sự và an ninh. Dưới đạo là các phủ, huyện, châu. Xã vẫn là đơn vị hành chính cơ sở. Đứng đầu xã là xã trưởng do dân bầu.

– Quan lại tuyển chọn qua giáo dục, khoa cử.

– Luật pháp: Quốc triều hình luật (Luật Hồng Đức), gồm hơn 700 điều.

– Quân đội: tổ chức theo chế độ "Ngụ binh ư nông", trang bị đủ vũ khí.

– Đối nội, đối ngoại:

+ Đối nội: củng cố khối đoàn kết các dân tộc, phong chức tước cho các tù trưởng, nhất là những người có công chống Minh. Chính sách vùng biên giới rất nghiêm ngặt.

+ Đối ngoại:

▪ Với Lan Xang và Chăm-pa, Chân-lạp: thân thiện, đôi lúc có chiến tranh.

▪ Với các triều đại phương Bắc: giữ lệ triều cống nhưng luôn giữ vững tư thế của quốc gia độc lập, tự chủ.

→ Bộ máy nhà nước đạt mức độ cao, hoàn chỉnh.

*** Ý nghĩa:** *(1,0 điểm)*

– Tạo ra bộ máy quản lí hoàn chỉnh từ trung ương đến địa phương. Tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn, tạo điều kiện ổn định về chính trị và phát triển về kinh tế.

– Tạo ra sự thống nhất trong bộ máy quản lí của nhà nước quân chủ mới.

– Tạo ra uy lực, uy quyền của nhà vua trong việc cai quản đất nước.

→ Chứng tỏ nhà nước quân chủ đạt mức độ cao và hoàn thiện.

*** Nhận xét:** *(0,5 điểm)*

– Những cải cách có tính toàn diện, sâu sắc, góp phần đưa nhà nước quân chủ phát triển đến đỉnh cao.

– Tổ chức bộ máy nhà nước ngày càng chặt chẽ hơn, hiệu quả hơn tạo điều kiện ổn định chính trị và phát triển kinh tế.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Kháng chiến chống Xiêm (1785):** *(0,5 điểm)*

- Sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, cháu chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh chạy sang cầu viện quân Xiêm → 5 vạn quân Xiêm sang xâm lược nước ta.

- Năm 1785, Nguyễn Huệ đã tổ chức đánh trận Rạch Gầm - Xoài Mút (trên sông Tiền - Tiền Giang) đánh tan quân Xiêm, Nguyễn Ánh chạy sang Xiêm.

*** Kháng chiến chống quân Thanh:** *(1,5 điểm)*

- Sau khi bị Tây Sơn đánh bại, vua Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, cầu cứu nhà Thanh → quân Thanh sang xâm lược nước ta.

- Năm 1788, Bắc Bình vương Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, tiến quân ra Bắc.

- Mùng 5 tết Kỉ Dậu (1789), nghĩa quân Tây Sơn chiến thắng vang dội ở Ngọc Hồi – Đống Đa, đánh bại hoàn toàn quân xâm lược, tiến vào Thăng Long.

→ Phong trào nông dân Tây sơn đã bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

*** Em biết gì về Nguyễn Huệ - Quang Trung và đánh giá vai trò của ông:** *(2,5 điểm)*

- Tên thật là Hồ Thơm, sinh năm 1753.

- Là trụ cột của nghĩa quân Tây sơn, đóng góp to lớn trong sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

- 12/1788, tiến quân ra Bắc tiêu diệt quân Thanh. Chiêu ý các tướng và để sáng tỏ danh nghĩa với cả nước, Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế lấy hiệu Quang Trung.

- Hành quân thần tốc bằng cách: chia quân thành các nhóm 3 người, cứ 2 người cáng 1 người, sau 5 ngày ra đến Thăng Long...

– Vai trò của Nguyễn Huệ :

+ Có công lớn trong việc đánh tan chúa Nguyễn ở Đàng Trong và đánh tan quân Xiêm.

+ Có công lớn trong việc đem quân ra Bắc lật chúa Trịnh, phò vua Lê, đánh bại quân Thanh.

→ Như vậy vừa có công trong sự nghiệp thống nhất đất nước vừa có công trong sự nghiệp đánh bại quân Xiêm, Thanh bảo vệ Tổ quốc. Từ một thủ lĩnh nông dân kiệt xuất, Quang Trung trở thành vị anh hùng dân tộc vĩ đại.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Kháng chiến chống Tống	Kháng chiến chống Mông - Nguyên
Thời gian	1075 - 1077	Lần 1: 1258; lần 2: 1285; Lần 3: 1288
Tình hình	Đại Việt đang vươn lên xây dựng đất nước.	Đại Việt đang từng bước ổn định và phát triển.
Người chỉ huy	Lý Thường Kiệt.	Các vua Trần và Trần Hưng Đạo
Cách tổ chức Kháng chiến	Tiến phát chế nhân, chủ động tấn công sang đất Tống rồi chủ động rút về xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt.	Chủ động rút lui để bảo toàn lực lượng, đợi quân giặc mệt mỏi mới tổ chức phản công giành thắng lợi.
Trận quyết chiến chiến lược	Sông Như Nguyệt	Đông Bộ Đầu, Hàm Tử, Chương Dương, Vạn Kiếp, Bạch Đằng.
Cách kết thúc chiến tranh	Chủ động giảng hòa, đặt quan hệ hòa hiếu.	Dùng thắng lợi quân sự làm nhụt ý chí xâm lược của kẻ thù.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT BÌNH PHÚ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Dưới thời Vương triều Gúp-ta và Hác-sa, từ thế kỉ IV-VII, văn hóa truyền thống Ấn Độ được định hình và phát triển với nhiều thành tựu nổi bật:

– Đạo Phật được truyền bá rộng rãi dưới thời vua A-sô-ca, nhiều chùa hang, tượng Phật được dựng lên.

– Ấn Độ giáo ra đời và phát triển. Nhiều ngôi đền bằng đá được xây dựng, các tượng thần được tạc bằng đá, đúc bằng đồng với nhiều phong cách nghệ thuật độc đáo.

– Từ kiểu chữ Bra-hmi ban đầu, người Ấn Độ đã nâng lên sáng tạo thành hệ chữ Phạn (San-skrit) với ngữ pháp hoàn chỉnh. Chữ Phạn dùng để viết văn bia, chuyển tải, truyền bá văn học, văn hóa Ấn Độ.

– Thời Gúp-ta đã có những công trình kiến trúc, điêu khắc, những tác phẩm văn học nghệ thuật làm nền cho văn hóa truyền thống Ấn Độ.

Trong 5 thế kỉ tiếp theo (thế kỉ VII _ XII), mặc dù Ấn Độ bị chia rẽ và phân tán nhưng văn hóa truyền thống Ấn Độ vẫn tiếp tục được phát triển rộng trên toàn lãnh thổ và có ảnh hưởng rộng ra bên ngoài. Tuy nhiên, sự phân tán đã làm cho Ấn Độ không thể chống cự được sự tấn công từ bên ngoài của người Hồi giáo gốc Thổ. Đầu thế kỉ XIII, người Hồi giáo gốc Trung Á chinh phục Ấn Độ và lập nên Vương triều Hồi giáo Đê-li.

– Trong hơn 300 năm tồn tại và phát triển (1206 - 1526), Vương triều Hồi giáo Đê-li đã áp đặt, truyền bá Hồi giáo vào những cư dân theo Phật giáo và Hin-đu giáo. Điều này đã làm cho yếu tố văn hóa Hồi giáo du nhập vào Ấn Độ, làm cho nền văn hóa Ấn Độ vốn đã phong phú càng trở nên đa dạng hơn.

– Những công trình kiến trúc Hồi giáo được xây dựng, Kinh đô Đê-li trở thành "một trong những thành phố lớn nhất thế giới".

– Với sự du nhập của nền văn hóa Hồi giáo, hai nền văn minh đặc sắc - Ấn Độ Hiđu giáo và Ảrập Hồi giáo - đã phát hiện ra nhau. Sự giao lưu văn hóa Đông - Tây cũng được thúc đẩy.

– Dưới thời vương triều Hồi giáo Đê-li, thương nhân Ấn Độ cũng mang Hồi giáo truyền bá đến một số nơi, một số nước Đông Nam Á.

– Từ 1526 - 1707, những người Hồi giáo Trung Á tự nhận mình là dòng dõi Mông Cổ đã lập nên vương triều Mô-gôn ở Ấn Độ. Đây là thời kì cuối của chế độ phong kiến Ấn Độ nhưng các vị vua thời kì đầu đã củng cố vương triều theo hướng "Ấn Độ hóa". Dưới triều vua A-cơ-ba, nền văn hóa Ấn Đô có điều kiện đa dạng hơn và đạt nhiều thành tựu hơn với những chính sách hòa hợp dân tộc:

– Xây dựng chính quyền với tỉ lệ quan lại gốc Mông Cổ, Ấn Độ Hồi giáo và Ấn Độ Hin-đu giáo gần như bằng nhau.

– Hạn chế sự phân biệt sắc tộc và tôn giáo.

– Khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật.

– Những công trình kiến trúc như lăng mộ Taj-ma-han, lâu đài Thành đỏ (La Ki-la) là những biểu tượng đa dạng của văn hóa Ấn Độ và cũng là di sản bất hủ của con người.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Đất nước Cam-pu-chia như một lòng chảo khổng lồ, xung quanh là rừng và cao nguyên bao bọc, còn đáy chảo là Biển Hồ và vùng phụ cận với những cánh đồng phì nhiêu, màu mỡ.

Ở Cam-pu-chia, tộc người chiếm đa số là Khơ-me. Địa bàn sinh sống đầu tiên của người Khơ-me ở phía Bắc Cam-pu-chia ngày nay, trên cao nguyên Cò Rạt và mạn trung lưu sông Mê Công. Người Khơ-me giỏi săn bắn, quen đào ao, đắp hồ trữ nước. Họ sớm tiếp xúc với nền văn hóa Ấn Độ. Đến thế kỉ thứ VI, Vương quốc của người Khơ-me hình thành, họ tự gọi tên nước mình là Cam-pu-chia.

Thời kì Ăng-co (802 - 1432) là thời kì phát triển của Vương quốc Cam-pu-chia, Ăng-co là tên kinh đô được xây dựng ở Tây Bắc Biển Hồ. Sau này người ta lấy tên Ăng-co đặt cho thời kì dài nhất và phát triển nhất của nước Cam-pu-chia phong kiến.

Nhờ sự ổn định vững chắc về kinh tế, xã hội, các vua Cam-pu-chia thời Ăng-co đã không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài. Trong các thế kỉ X - XII, Cam-pu-chia trở thành một trong những vương mạnh và ham chiến trận nhất Đông Nam Á.

Từ cuối thế kỉ XIII, Cam-pu-chia bắt đầu suy yếu. Thêm vào đó, Vương quốc Thái thành lập vào Thế kỉ XIV đã nhiều lần gây chiến với Cam-pu-chia, tàn phá Kinh đô Ăng-co. Sau 5 lần bị người Thái xâm chiếm, năm 1432 người Khơ-me phải bỏ Kinh đô Ăng-co lui về phía nam biển Hồ, tức là khu vực Phnôm Pênh ngày nay. Từ đó, chính quyền phong kiến Cam-pu-chia luôn phải đối phó với nhiều cuộc tấn công từ bên ngoài và lao vào những cuộc mưu sát, tranh giành địa vị lẫn nhau. Tình hình diễn biến phức tạp, đất nước Cam-pu-chia hầu như suy kiệt khi thực dân Pháp xâm lược (1863).

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** So sánh:** *(3,0 điểm)*

Nội dung	Kinh tế Đại Việt thế kỉ X - XV	Kinh tế Đại Việt thế kỉ XVI - XVIII
Nông nghiệp	Diện tích đất canh tác được mở rộng, gia tăng ở vùng châu thổ các sông lớn và vùng ven biển.	- Diện tích đất canh tác được tiếp tục khai hoang, mở rộng ở Đàng Ngoài nhưng bên cạnh đó ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn khuyến khích nhân dân khai phá đất hoang làm cho diện tích ruộng đất cả nước tăng lên nhanh. - Thêm vào đó, do đất đai, thời tiết ở Nam Bộ thuận lợi nên nhân dân đã sản xuất được nhiều thóc gạo phục vụ thị trường
Thủ công nghiệp	- Các nghề thủ công nghiệp như: đúc đồng, rèn sắt, làm gốm sứ, ươm tơ dệt lụa... ngày càng phát triển - Một số làng nghề thủ công hình thành: Bát Tràng, Chu Đậu ... nhân dân ở các làng nghề vẫn làm nông nghiệp. - Việc khai thác tài nguyên trong lòng đất (mỏ vàng, bạc, đồng ...) ngày càng phát triển.	- Bên cạnh các nghề thủ công nghiệp như: đúc đồng, rèn sắt, làm gốm sứ, ươm tơ dệt lụa... ngày càng phát triển và đạt trình độ cao thì nhiều nghề thủ công mới xuất hiện như: khắc in bản gỗ, làm đường trắng, làm đồng hồ, tranh sơn mài... Số làng nghề tăng lên ngày càng nhiều. Ở các làng này, cư dân vẫn làm ruộng nhưng một số thợ giỏi đã họp nhau rời làng ra các đô thị lập phường vừa sản xuất vừa bán hàng - Ở Đàng Ngoài, một số người Hoa đã xin thầu khai thác một số mỏ, nhân đó một số người Việt giàu có cũng xin thầu làm cho sản lượng kim loại khai thác ngày càng lớn.

Thương nghiệp		
Nội thương	- Chợ làng, chợ chùa, chợ huyện mọc lên ở nhiều nơi. Thăng Long là một đô thị lớn.	- Chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên ở nhiều nơi, xuất hiện nhiều trung tâm mua bán của vùng. Việc mua bán ở miền xuôi và miền ngược cũng tăng lên. Từ thế kỉ XVI - thế kỉ XVIII, ngoài Thăng Long là đô thị lớn, nhiều đô thị cũng hình thành ở miền Bắc và miền Nam như: phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam), Thanh Hà (Huế).
Ngoại thương	- Thời kì này đã có giao lưu mua bán với Trung Quốc và các nước phương Nam ở vùng biên giới phía Bắc và miền Trung. Hàng hóa chủ yếu là lụa, giấy bút, hương liệu, vải vóc, ngọc, vàng, ngà voi ...	- Phát triển nhanh chóng, thuyền buôn các nước, kể cả các nước châu Âu đến nước ta ngày càng nhiều. Bên cạnh những thương nhân Trung Quốc, Nhật, Xiêm ... đã xuất hiện những thương nhân Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp... Họ chở đến nước ta những sản phẩm như vũ khí, thuốc súng, len dạ, bạc, đồng... để đổi lấy tơ lụa, đồ gốm, nông lâm sản quý. Nhiều thương nhân nước ngoài đã xin lập phố sá, cửa hàng để có thể buôn bán lâu dài.

*** Nhận xét**: *(1,0 điểm)*

Từ thế kỉ X - XV, nhân dân Đại Việt đã cần cù lao động để xây dựng một nền kinh tế tự chủ, toàn diện. Bước sang thế kỉ XVI - XVIII, mặc dù nhà nước phong kiến Đại Việt có nhiều biến động, đất nước bị chia cắt nhưng do nhiều điều kiện khác nhau nên nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển với những biểu hiện có ý nghĩa xã hội quan trọng.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Hoàn cảnh:** *(1,0 điểm)*

Cuối thế kỉ XIV, nhà Trần suy vong. Năm 1400, nhà Hồ thành lập. Cuộc cải cách của nhà Hồ chưa đạt kết quả mong muốn thì quân Minh ồ ạt tiến sang xâm lược. Năm 1407, cuộc kháng chiến của nhà Hồ thất bại, nước ta rơi vào ách đô hộ của nhà Minh.

*** Diễn biến:** *(1,0 điểm)*

Trước những hành động tàn bạo của kẻ thù: "Nướng dân đem trên ngọn lửa hung tàn; Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ", cuộc khởi nghĩa do Lê Lợi lãnh đạo đã nổ ra ở Lam Sơn (Thanh Hóa) vào mùa xuân năm 1418. Mặc dù nhiều lần bị quân Minh tiến đánh dữ dội, nghĩa quân vẫn giữ tinh thần chiến đấu, mở rộng vùng hoạt động, làm chủ cả vùng đất từ Thanh Hóa vào phía Nam. Được sự hưởng ứng của nhân dân, nghĩa quân đã tấn công ra Bắc, đẩy quân Minh vào thế bị động. Cuối năm 1427, 10 vạn quân cứu viện của giặc kéo vào nước ta đã bị nghĩa quân đánh tan tành ở trận Chi Lăng - Xương Giang lừng lẫy. Giặc rơi vào thế cùng quẫn, nghĩa quân đã "thể đức hiếu sinh" cấp ngựa, thuyền cho chúng về nước.

*** Nguyên nhân thắng lợi:** *(1.0 điểm)*

- Do truyền thống yêu nước và tinh thần đoàn kết chiến đấu của toàn dân ta quyết tâm bảo vệ nền độc lập tự chủ của đất nước.
- Do tài năng lãnh đạo về mặc chiến lược kháng chiến và quân sự của bộ chỉ huy cuộc khởi nghĩa mà đứng đầu là Lê Lợi, Nguyễn Trãi.
- Do cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta là cuộc chiến tranh chính nghĩa.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Vai trò trong thống nhất đất nước:**

– Giữa Thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Ngoài khủng hoảng sâu sắc. Phong trào nông dân bùng lên rầm rộ, kéo dài trong 10 năm thì bị đàn áp.

– Ở Đàng Trong, chúa Nguyễn xưng vương, thành lập triều đình riêng nhưng cũng suy thoái, nhân dân cực khổ.

– Năm 1771, cuộc khởi nghĩa do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo bùng lên ở ấp Tây Sơn (Bình Định). Sau nhiều năm chiến đấu kiên cường, cuộc khởi nghĩa phát triển, tiến lên đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn. Sau đó, lực lượng Tây Sơn tiến quân ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê - Trịnh, thống nhất đất nước. Trong những năm 1786 - 1788, phong trào Tây Sơn lần lượt đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Lê và làm chủ toàn bộ đất nước. Sự nghiệp thống nhất đất nước được hoàn thành.

*** Vai trò trong bảo vệ đất nước:**

– Kháng chiến chống Xiêm (1785)

+ Đầu những năm 80 của thế kỉ XVIII, sau khi chính quyền chúa Nguyễn bị lật đổ, một người cháu của chúa Nguyễn là Nguyễn Ánh cùng tàn quân trốn chạy sang Xiêm (Thái Lan) cầu cứu. Vua Xiêm sai tướng đem 5 vạn quân thủy bộ tiến sang nước ta theo sự dẫn đường của Nguyễn Ánh. Sau khi chiếm được một nửa đất Gia Định, chúng ra sức cướp phá và chuẩn bị tấn công Tây Sơn ở vùng đất còn lại.

+ Được tin đó, vua Tây Sơn là Thái Đức (Nguyễn Nhạc) đã sai Nguyễn Huệ đem binh thuyền vào Nam chống giặc. Được sự ủng hộ của nhân dân, đầu năm 1785, Nguyễn Huệ đã tổ chức trận Rạch Gầm - Xoài Mút đánh tan quân xâm lược. Nguyễn Ánh theo tàn quân Xiêm chạy thoát. Miền Nam trở lại yên bình.

– Kháng chiến chống Thanh (1789):

+ Sau khi bị quân Tây Sơn đánh bại, vua Lê Chiêu Thống cùng một số đại thần thân cận bỏ chạy lên phía Bắc, cho người cầu cứu nhà Thanh. Vua Thanh sai tướng đem 29 vạn quân tiến sang nước ta, với danh nghĩa giúp nhà Lê đánh tan quân Tây Sơn giành lại chính quyền.

+ Lực lượng Tây Sơn đóng ở kinh thành tạm rút về Ninh Bình, Thanh Hóa rồi cho người vào Phú Xuân (Huế) cấp báo. Được tin đó, Nguyễn Huệ quyết định làm lễ lên ngôi hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, chỉ huy quân tiến ra Bắc. Đúng vào đêm 30 tết (tức 25 - 1 - 1789), quân ta được lệnh tấn công.

+ Sau năm ngày tiến quân thần tốc (từ đêm 30 cho đến trưa mùng 5 Tết Kỉ Dậu) và chiến đấu quyết liệt, với trận Ngọc Hồi - Đống Đa, quân ta đã đánh bại hoàn toàn quân xâm lược, tiến vào Thăng Long

+ Những chiến công hiển hách trong sự nghiệp thống nhất đất nước và bảo vệ độc lập dân tộc đã nói lên công lao to lớn của phong trào Tây Sơn.

B. LỚP 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Trình bày sự chỉ đạo của Lê-nin trong Cách mạng tháng Mười Nga (1917) và trong cuộc đấu tranh xây dựng, bảo vệ chính quyền Xô viết.

*** Lê-nin có vai trò quan trọng:** trong việc lãnh đạo Cách mạng tháng Mười đi đến thành công và giữ vững chính quyền Xô viết trong công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền Cách mạng (1917 - 1920) *(0,25 điểm)*

*** Trong Cách mạng tháng Mười:** *(1,5 điểm)*

- Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917 thành công, chế độ chuyên chế Nga hoàng bị lật đổ, cục diện 2 chính quyền song song tồn tại. Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã chuẩn bị kế hoạch tiếp tục làm Cách mạng lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời. *(0,75 điểm)*

- Trải qua 8 tháng đấu tranh hòa bình, Đảng Bôn-sê-vích và Lê-nin chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. *(0,25 điểm)*

- 7 - 10 - 1917 Lê-nin từ Phần Lan trở về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo Cách mạng *(0,25 điểm)*

- 25 - 10 - 1917, Chính phủ lâm thời tư sản sụp đổ, Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi.

*** Xây dựng chính quyền Xô viết:** *(1,25 điểm)*

- Đêm 25 - 10, tại đại hội Xô viết toàn Nga lần thứ hai, với vai trò của người lãnh đạo cao nhất trong chính quyền Xô viết, Người quyết định đập tan bộ máy nhà nước cũ, xây dựng bộ máy nhà nước mới.

- Thông qua Sắc lệnh hòa bình và Sắc lệnh ruộng đất. Thủ tiêu những tàn tích của chế độ phong kiến, xóa bỏ sự phân biệt đẳng cấp, nam nữ bình quyền, các dân tộc bình đẳng. Hồng quân công nông được thành lập.

- Tiến hành quốc hữu hóa các nhà máy xí nghiệp của giai cấp tư sản, thành lập hội đồng kinh tế quốc dân tối cao.

*** Bảo vệ chính quyền Xô viết.** *(1,0 điểm)*

- Cuối năm 1918, 14 nước đế quốc đã câu kết với bọn phản Cách mạng tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết.

- Để huy động sức mạnh của toàn dân chống thù trong giặc ngoài, Lê-nin thực hiện *Chính sách Cộng sản thời chiến*. Nhờ vào *Chính sách Cộng sản thời chiến* đã đập tan mọi âm mưu của kẻ thù trong và ngoài nước, chính quyền Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 - 1945):

*** Hoàn thành nội dung bảng thống kê:** *(2,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện
Từ 9 - 1939 đến 4 - 1940	Anh, Pháp dàn trận nhưng không tấn công Đức (Chiến tranh kì quặc).
22 - 6 - 1940	Đức tấn công Pháp, Pháp đầu hàng.
22 - 6 - 1941	Không tuyên chiến Đức bất ngờ tấn công Liên Xô.
7 - 12 - 1941	Nhật Bản bất ngờ tấn công Mĩ tại Trân Châu Cảng, Chiến tranh lan rộng khắp thế giới.
1 - 1 - 1942	Khối Đồng minh chống phát xít hình thành và ra bản: "Tuyên ngôn Liên hợp quốc".
Từ 11 - 1942 đến 2 - 1943	Chiến thắng Xta-lin-grát.
6 - 1944	Anh, Mĩ mở mặt trận thứ hai ở Tây Âu.
9 - 5 - 1945	Phát xít Đức đầu hàng không điều kiện.

*** Nêu tính chất của cuộc chiến tranh.** *(0,75 điểm)*

- Trước khi Liên Xô tham chiến (từ 1 - 9 - 1939 đến trước 22 - 6 - 1941): chiến tranh đế quốc, xâm lược, phi nghĩa.
- Sau khi Liên Xô tham chiến: chiến tranh chính nghĩa, bảo vệ Tổ quốc chống phát xít.

*** Kết cục của chiến tranh:** *(1,25 điểm)*

- Chiến tranh thế giới thứ hai, kết thúc với sự sụp đổ hoàn toàn của các nước phát xít Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản.
- Thắng lợi vĩ đại thuộc về các dân tộc trên thế giới đã kiên cường chiến đấu chống chủ nghĩa phát xít. Trong cuộc chiến đấu ấy ba cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.
- Hậu quả của chiến tranh là vô cùng nặng nề đối với nhân loại. Hơn 70 quốc gia với 1,7 tỉ người bị lôi cuốn vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị tàn phế.
- Chiến tranh kết thúc đã dẫn đến những biến đổi căn bản của tình hình thế giới.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử (1,0 điểm)	- Sau Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884), thực dân Pháp đã đặt ách đô hộ Việt Nam. - Cuộc phản công tháng 7 - 1885 thất bại, vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần Vương.	- Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Việt Nam, kinh tế, xã hội nước ta có nhiều chuyển biến. - Tác động của những trào lưu tư tưởng tiến bộ thế giới...

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX
Mục tiêu đấu tranh (0,5 điểm)	Giúp vua cứu nước. Khôi phục vương triều phong kiến.	Chống Pháp, giành độc lập, dân chủ.
Hình thức đấu tranh (0,5 điểm)	Khởi nghĩa vũ trang.	Bạo động vũ trang, cải cách xã hội, duy tân đất nước.
Tầng lớp lãnh đạo (0,5 điểm)	Quan lại, sĩ phu, văn thân yêu nước.	Các sĩ phu tiến bộ theo khuynh hướng dân chủ tư sản.
Lực lượng tham gia (0,5 điểm)	Sĩ phu, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, trí thức tiểu tư sản.
Phong trào tiêu biểu (0,5 điểm)	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê...	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thục.
Kết quả, ý nghĩa (0,5 điểm)	- Thất bại - Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh kiên cường của dân tộc. - Là nguồn cổ vũ tinh thần cho những cuộc vận động Cách mạng sau này.	- Thất bại. - Nêu cao tinh thần yêu nước, cổ vũ tinh thần. - Để lại bài học kinh nghiệm cho phong trào Cách mạng về sau.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Tóm lược các giai đoạn phát triển của phong trào nông dân Yên Thế từ năm 1884 đến năm1913:** *(2,0 điểm)*

– Giai đoạn từ năm 1884 đến năm 1892:

Ở Yên Thế có hàng chục toán quân chống Pháp hoạt động riêng lẻ, nhiều thủ lĩnh chỉ huy khác nhau. Thủ lĩnh có uy tín nhất là Đề Nắm đã lãnh đạo nghĩa quân đẩy lùi nhiều cuộc càn quét của quân Pháp ở Cao Thượng, Hố Chuối... Tháng 4 - 1892, Đề Nắm bị sát hại.

– Giai đoạn từ năm 1893 đến năm 1897:

+ Đề Thám (Hoàng Hoa Thám) trở thành thủ lĩnh tối cao của cuộc khởi nghĩa

+ Đây là thời kì hòa hoãn lần thứ nhất giữa nghĩa quân với thực dân Pháp, nhằm tranh thủ thời gian để củng cố lực lượng. Nhưng sau đó Pháp bội ước, lại tổ chức tấn công. Đề Thám xin giảng hòa lần thứ hai (tháng 12 - 1897).

– Giai đoạn từ năm 1898 đến năm1908:

Trong thời gian hòa hoãn lần thứ hai, nghĩa quân vừa sản xuất vừa tích cực luyện tập quân sự. Căn cứ Yên Thế trở thành nơi hội tụ của những nghĩa sĩ yêu nước từ khắp nơi kéo về...

– Giai đoạn từ năm 1909 đến năm1913:

Sau năm 1908, Pháp quyết định mở cuộc tấn công. Nghĩa quân trải qua những tháng ngày gian khổ, phải di chuyển liên tục, nhiều thủ lĩnh đã hi sinh. Đến tháng 2-1913, khi Đề Thám bị sát hại, phong trào tan rã.

*** Hãy nêu nguyên nhân thất bại:** *(1,0 điểm)*

- Tương quan lực lượng chênh lệch (sau khi phong trào Cần Vương thất bại Pháp có điều kiện tập trung đàn áp). Địch kết hợp chặt chẽ giữa thủ đoạn chính trị với thủ đoạn quân sự, dùng tay sai để tìm cách sát hại thủ lĩnh phong trào.

- Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn của một lực lượng xã hội tiên tiến.

- Phong trào mang nặng tính địa phương nhỏ hẹp.

- Cách đánh giặc chủ yếu là phòng thủ, dựa vào địa hình hiểm trở, đánh theo lối du kích.

*** Ý nghĩa:** *(1,0 điểm)*

- Khởi nghĩa Yên Thế tuy thất bại, nhưng kéo dài gần 30 năm, đã ghi một trang vẻ vang trong lịch sử chống Pháp của dân tộc ta.

- Nêu cao tinh thần yêu nước, chiến đấu kiên cường, bền bỉ của nhân dân ta, khả năng Cách mạng hùng hậu của giai cấp nông dân.

- Để lại bài học kinh nghiệm quý báu về chiến tranh du kích, đồng thời thể hiện tài chỉ huy của anh hùng Đề Thám.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Buổi đầu hoạt động cứu nước của Nguyễn Tất Thành (từ năm 1911 - 1918)** *(3,0 điểm)*

- Nguyễn Tất Thành, hồi nhỏ tên là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19-5-1890 tại Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Cụ thân sinh là Nguyễn Sinh Sắc, thân mẫu là Hoàng Thị Loan.

- Người sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước, lớn lên ở một miền quê có truyền thống đấu tranh quật khởi, từ rất sớm Nguyễn Tất Thành đã có ý chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào.

- Người khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ nên quyết định tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

- Ngày 5 - 6 - 1911, Nguyễn Tất Thành từ cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Khác với thế hệ cha anh hướng về Trung Quốc và Nhật Bản, Nguyễn Tất Thành quyết định sang phương Tây, đến nước Pháp để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào rồi về giúp đồng bào mình.

- Nhiều năm sau đó người đã đi qua nhiều nước, nhiều châu lục. Người nhận thấy ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức và bốc lột.

- Cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp. Tại đây người đã làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong cuộc đấu tranh của quần chúng lao động và công nhân Pháp.

- Tham gia trong hội những người Việt Nam yêu nước, Người viết báo, truyền đơn, tranh thủ các diễn đàn, mít tinh để tố cáo thực dân và tuyên truyền cho Cách mạng Việt Nam. Người còn tham gia đấu tranh đòi cho binh lính và thợ thuyền Việt Nam sớm được hồi hương.

- Sống và làm việc trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người dần có những chuyển biến.

- Những hoạt động yêu nước của Người tuy mới chỉ bước đầu, nhưng là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam

*** Nét mới trong hoạt động cứu nước của Người:** *(1,0 điểm)*

- Hướng đi sang phương Tây để tìm con đường cứu nước.

- Cùng sống, làm việc với giai cấp cùng khổ thế giới để tìm ra con đường Cách mạng đúng đắn để cứu nước cứu dân.

- Học hỏi, rút kinh nghiệm từ Cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng mười Nga.

- Xác định một dân tộc muốn giải phóng phải dựa vào sức mình là chính.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH DƯƠNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Đặc điểm:**

- Do giai cấp tư sản lãnh đạo.
- Lực lượng quần chúng nhân dân.
- Mục tiêu: chống đế quốc và phong kiến.

*** Kết quả:**

- Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ phong kiến.
- Mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.
- Do giai cấp tư sản, trí thức lãnh đạo
- Lật đổ chế độ phong kiến,mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển
- Lực lượng là quần chúng nhân dân.
- Đưa giai cấp tư sản lên nắm chính quyền

*** Cách mạng Tân Hợi là cuộc Cách mạng tư sản chưa triệt để vì:**

- Chưa đánh đuổi được các đế quốc.
- Chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện
Cách mạng tháng 2	
Tháng 2 - 1917	Cuộc biểu tình của 90.000 công nhân ở Pê-tơ-rô-grát. Phong trào chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở, bắt giam chính phủ của Nga hoàng → chế độ quân chủ chuyên chế sụp đổ. Hai chính quyền song song tồn tại: Xô viết (đại biểu công nhân -nông dân - binh lính) và Chính phủ lâm thời tư sản.

CM Tháng Mười	
Sau 8 tháng	Đăng Bôn-sê-vích chuyển từ đấu tranh hoà bình sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.
7-10-1917	Lê-nin bí mật rời Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát trực tiếp chỉ đạo cách mạng: lập các đội cận vệ Đỏ và Trung tâm Quân sự cách mạng
Đêm 24-10-1917	Cách mạng tháng 10 bùng nổ: Các Đội Cận vệ Đỏ chiếm được các vị trí then chốt của Mát-xcơ-va.
25-10-1917	Quân khởi nghĩa chiếm Cung điện Mùa Đông.Toàn bộ Chính phủ tư sản lâm thời (trừ Thủ tướng Kê-ren-xki) bị bắt. CMXHCN tháng Mười thắng lợi.
Tháng 11-1917	Khởi nghĩa thắng lợi ở Mát-xcơ-va.
Đầu năm 1918	Cách mạng thắng lợi hoàn toàn trên cả nước Nga.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Trước khi triều đình đầu hàng:** *(2,0 điểm)*

– Chiến trường Đà Nẵng năm 1858: Đốc học Phạm văn Nghị và 300 học sinh xin vua Tự Đức vào Đà Nẵng chiến đấu.

– Gia Định: Nghĩa quân do Dương Bình Tâm chỉ huy đánh đồn Chợ Rẫy (1860).

– 3 tỉnh miền Đông Nam Kì:

+ Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Pháp trên sông Nhật Tảo (1861)

+ Khởi nghĩa của Trương Định ở Gò Công (1862)

– 3 tỉnh miền Tây Nam Kì:

+ Nguyễn Hữu Huân(1875), (Thủ khoa Huân) ở Mĩ Tho.

+ Khởi nghĩa Phan Tôn, Phan Liêm ở Bến Tre (1867).

+ Khởi nghĩa Trương Quyền ở Tây Ninh.

+ Nguyễn Trung Trực lập căn cứ ở Hòn Chông (Rạch Giá) đánh chiếm đồn Kiên Giang (1875).

+ Đấu tranh bằng thơ văn: Nguyễn Thông, Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị...

*** Sau khi Triều đình đã đầu hàng:** *(2,0 điểm)*

– Bắc Kì: Khởi nghĩa Bãi Sậy do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo ở Hải Dương (1883 - 1892)

– Trung Kì:

+ Khởi nghĩa Hương Khê ở Hà Tĩnh (1885 - 1896) do Phan Đình Phùng lãnh đạo.

+ Khởi nghĩa Ba Đình - Hùng Lĩnh ở Thanh Hoá (1886 - 1887) do Phạm Bành, Đinh Công Tráng, Tống Duy Tân... lãnh đạo.

+ Phong trào nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo (1884 - 1913).

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân chủ quan:** *(3,0 điểm)*

- Quân sự lạc hậu (súng thần công tầm đạn ngắm bắn không tới tàu Pháp), quân lính không được trang bị vũ khí đầy đủ (10 người lính chỉ có một người có súng), không được luyện tập thường xuyên (súng thần công chỉ được bắn trong nghi lễ).

- Quan lại ít người tài giỏi (Nguyễn Tri Phương bị điều đi nhiều chiến trường: Đà Nẵng, Kì Hoà, Hà Nội)...

- Cách đánh theo kiểu phong kiến, lạc hậu: thành cao, hào sâu, quân đông, trữ lương thực nhiều, thế thủ... (đại đồn Chí Hoà).

- Triều đình chỉ lo đàn áp các cuộc khởi nghĩa trong nước tự làm suy yếu sức dân. (Lê Văn Khôi...), chính sách cấm đạo làm mất đoàn kết dân tộc.

- Chính sách "Bế quan toả cảng" làm nước ta suy yếu, lạc hậu về mọi mặt: kinh tế, chính trị, quân sự... thua Pháp là nước văn minh phương Tây là tất yếu.

- Chính sách ngoại giao: "thủ đề hoà".

- Nội bộ triều đình mất đoàn kết (phe chủ chiến và phe chủ hoà).

- Quan lại bất tài, chỉ lo ăn chơi vơ vét của dân:

"Tham quan ô lại một phường

Nuôi thân bằng máu bằng xương dân lành"

(Nguyễn Thông)

- Sự đầu hàng của nhà Nguyễn làm khó khăn, cản trở, tổn thất rất nhiều cho phong trào kháng chiến: ra lệnh bãi binh, điều Trương Định đi nơi khác, nộp thủ khoa Huân cho Pháp, tìm bắt Thiên hộ Dương.

*** Nguyên nhân khách quan:** *(1,0 điểm)*

- Sự chênh lệch lực lượng giữa nước ta và nước Pháp

- Hoàn cảnh lịch sử Đông Nam Á: các nước phong kiến lạc hậu bị các đế quốc phương Tây xâm lược là tất yếu.

CÂU HỎI 5:

*** Giống nhau:** *(0,5 điểm)*

- Đều do Văn thân sĩ phu lãnh đạo

*** Khác nhau:** *(3,5 điểm)*

Nội dung	Cuối thế kỉ XIX	Đầu thế kỉ XX
Tính chất	-Tư tưởng phong kiến	Tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây.
Hoạt động:	-Khởi nghĩa vũ trang	-Mở trường dạy học, diễn thuyết, lập hội, biểu tình, đưa thanh niên du học, chuẩn bị bạo động... phát triển kinh tế... - Tinh thần dân chủ tư sản, dân tộc

Nội dung	Cuối thế kỉ XIX	Đầu thế kỉ XX
Phong trào	Phong trào Cần Vương. Phong trào nông dân Yên Thế.	Phong trào Duy tân (1908), phong trào Đông Du (1905), Đông Kinh Nghĩa thục (1908), phong trào Chống thuế ở Trung Kì (1908), Việt Nam Quang phục hội (1912) - Khởi nghĩa Thái Phiên và Trần Cao Vân (1916) Hội kín Nam Kì... khởi nghĩa binh lính Thái Nguyên (1917)...

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH ĐỊNH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

a. Trình bày nội dung: *(2,0 điểm)*

- 3/1/1868 Thiên hoàng Minh Trị thành lập chính phủ mới chấm dứt vai trò của Mạc phủ và tiến hành cải cách chính trị, kinh tế, giáo dục, quân sự. *(0,25 điểm)*

- Chính trị:

+ Xoá bỏ Mạc phủ, thành lập chính phủ mới, xoá bỏ tình trạng cát cứ.

+ Chính phủ được tổ chức theo kiểu châu Âu, gồm 12 bộ, có đại diện quý tộc, tư sản tham gia.

+ Năm 1889, Hiến pháp được ban hành, chế độ quân chủ lập hiến được thành lập.

- Kinh tế: chính phủ thi hành nhiều chính sách cải cách:

+ Thống nhất tiền tệ, thị trường, cho phép mua bán ruộng đất, phát triển kinh tế tư bản ở nông thôn.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ giao thông liên lạc, nhà nước nắm giữ việc khai mỏ.

- Giáo dục:

+ Chính phủ Minh Trị đặc biệt coi trọng giáo dục và được xem là chìa khoá của công cuộc hiện đại hóa đất nước.

+ Nội dung khoa học kĩ thuật được tăng cường trong chương trình giảng dạy.

- Quân sự:

+ Chính phủ Nhật chủ trương tiến hành chiến tranh giành giật thuộc địa, mở rộng lãnh thổ.

+ Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chú trọng phát triển công nghiệp quốc phòng.

*** Tác dụng:** *(1,0 điểm)*

- Đưa đất nước Nhật thoát khỏi khủng hoảng, phát triển kinh tế - xã hội và tạo điều kiện cho chủ nghĩa tư bản phát triển.

- Nhật thoát khỏi nguy cơ xâm lược của các nước tư bản Âu - Mĩ, bảo vệ được độc lập dân tộc và tự cường quốc gia.

- Nhật Bản vươn lên đế quốc và trở thành cường quốc châu Á.

- Đã tác dụng ảnh hưởng đến trào lưu duy tân cải cách của nhiều quốc gia châu Á, tiêu biểu như phong trào Duy tân cải cách ở Trung Quốc, Việt Nam.

*** Bài học kinh nghiệm:** *(1,0 điểm)*

- Bài học về truyền thống đoàn kết dân tộc và tinh thần tự cường quốc gia . Ngày nay đất nước ta đang cải cách, đổi mới để thực hiện chủ trương: "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

- Từ bài học của Cải cách Minh Trị, đất nước ta hiện nay coi giáo dục là quốc sách hàng đầu, là chìa khóa cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Nội dung	**Cải cách Minh Trị ở Nhật Bản (1868)**	**Phong trào Duy Tân ở Trung Quốc (1898)**
Lãnh đạo *(0,5 điểm)*	Quý tộc mới, tư sản đứng đầu là Thiên hoàng.	Các phần tử trí thức phong kiến tiến bộ, đứng đầu là Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu .
Nội dung cải cách *(2,0 điểm)*	- *Kinh tế*: Bãi bỏ chế độ đẳng cấp, thủ tiêu chế độ phường hội và hàng rào thuế quan trong nước. Ban bố quyền tự do buôn bán, đi lại, thiết lập chế độ tiền tệ thống nhất. Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến bị xoá bỏ. Chính phủ cho phép mua bán ruộng đất. Bỏ vốn xây các xí nghiệp kiểu mẫu, nắm việc khai mỏ, phát triển kinh tế TBCN ở nông thôn... - *Chính trị*: Ban hành hiến pháp 1889, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến. Thực hiện "quyền bình đẳng giữa các công dân". Toà án kiểu tư sản được thành lập. Thủ tiêu, xoá bỏ những tàn tích phong kiến. - *Văn hoá, giáo dục*: giáo dục bắt buộc, tăng cường nội dung KHKT, cử thanh niên ưu tú ra nước ngoài học. - *Quân sự*: Trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây, phát triển công nghiệp quốc phòng.	- *Kinh tế*: Lập ngân hàng, xây dựng đường sắt, khai mỏ, khuyến khích tư nhân kinh doanh. - *Chính trị*: Sửa đổi hiến pháp, chủ trương thành lập chế độ quân chủ lập hiến. Quyền tự do ngôn luận, tự do xuất bản sách báo, lập học hội, thủ tiêu một số đặc quyền của tầng lớp quý tộc - Văn hoá, giáo dục: Sửa đổi chế độ thi cử, lập nhiều trường học. - *Quân sự*: Trang bị và huấn luyện theo kiểu phương Tây.

Kết quả *(1,0 điểm)*	- Mở đường cho kinh tế TBCN phát triển, đưa Nhật Bản từ phong kiến thành nước TBCN. - Bảo vệ được độc lập, thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa.	- Tiến hành được trên 100 ngày thì thất bại. - Trung Quốc đứng trước nguy cơ bị thực dân phương Tây xâm lược.
Tính chất *(0,5 điểm)*	Là cuộc Cách mạng tư sản không triệt để.	Có khuynh hướng làm Cách mạng tư sản.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

- 1/9/1858 quân Pháp tấn công Đà Nẵng, quan quân triều Nguyễn nhanh chống để mất thành An Hải, Điện Hải. Vua Tự Đức cử Nguyễn Tri Phương vào xây dựng phòng tuyến bao quanh Đà Nẵng, với chủ trương "án binh bất động ", giam chân địch là chủ yếu.

- 1859 Pháp đánh chiếm thành Gia Định và sau đó triều Nguyễn kí hiệp ước 1862, nhường bộ cho Pháp nhiều quyền lợi: nhường 3 tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và đảo Côn Lôn); phải bồi thường chiến phí.

- 1873 Pháp đánh Bắc Kì lần 1, triều Nguyễn kí hiệp ước 1874, nhường cho Pháp 3 tỉnh miền Tây Nam Kì (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) về mặt pháp lí, mở cửa Thị Nại, cửa Ninh Hải, Hà Nội và sông Hồng cho Pháp vào buôn bán, ngoại giáo Việt Nam phụ thuộc vào đường lối ngoại giao của Pháp, với nội dung này, triều Nguyễn đã thoả hiệp với thực dân Pháp để chống lại phong trào đấu tranh của nhân dân ta, triều Nguyễn đã biến dân thành giặc, biến giặc thành đồng minh.

- 1882 Pháp đánh Bắc Kì lần 2, tấn công Thuận An, triều Nguyễn kí hoà ước 1883, 1884 Việt Nam chia thành 3 xứ với 3 chế độ chính trị, kinh tế khác nhau, Nam Kì thuộc địa, Bắc Kì bảo hộ, Trung Kì tự trị, về cơ bản Việt Nam đã mất quyền tự chủ trên phạm vi cả nước. Triều Nguyễn đã chính thức thừa nhận sự bảo hộ của thực dân Pháp, thực chất mọi công việc chính trị, kinh tế, ngoại giao của nước ta đều do Pháp nắm. Với hoà ước 1883, 1884, triều Nguyễn thực sự đã đầu hàng thực dân Pháp.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng thống kê về các cuộc khởi nghĩa: Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê (Theo nội dung sau)** *(2,25 điểm)*

STT	Tên cuộc khởi nghĩa tiêu biểu	Người lãnh đạo	Địa bàn hoạt động	Thời gian tồn tại
1	Khởi nghĩa Ba Đình	Phạm Bành, Đinh Công Tráng	Ba làng: Mĩ Khê, Thượng Thọ, Mậu Thịnh (huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hoá)	1886 - 1887
2	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Nguyễn Thiện Thuật	Hưng Yên, Hải Dương	1883 - 1892
3	Khởi nghĩa Hương Khê	Phan Đình Phùng, Cao Thắng	Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình	1885 - 1896

*** Cuộc khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu, điển hình nhất:** *(1,75 điểm)*

+ Lãnh đạo: Phan Đình Phùng là một văn thân đã từng đỗ đạt, ra làm quan, là người có uy tín lớn trong nhân dân.

+ Quy mô: Rộng lớn, gồm 4 tỉnh (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).

+ Tổ chức quân đội: Theo lối chính quy, được chia thành 15 quân thứ, có đồng phục, được trang bị súng trường tự tạo (kiểu 1874 của Pháp).

+ Xây dựng được căn cứ: Cồn Chùa, Trùng Khê, Vụ Quang....

+ Thời gian kéo dài nhất: Hơn 10 năm (1885 - 1896).

+ Phương thức hoạt động và kết quả: Tiến hành chiến tranh du kích nhưng hình thức linh hoạt phong phú, chủ động mở các cuộc tấn công vào sào huyệt của Pháp, gây tổn thất lớn cho chúng như trận tiến quân về Nghệ An, trận Vụ Quang...

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Giai đoạn 1885 - 1888:** *(1,0 điểm)*

- Ngay sau khi chiếu Cần vương ra đời, nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước đã sôi nổi hưởng ứng. Họ tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp và tay sai, trên một địa bàn rộng lớn khắp Bắc Kì và Trung Kì.

- Có nhiều văn thân sĩ phu và tướng lĩnh tham gia: Trần Xuân Soạn, Mai Xuân Thưởng, Phan Đình Phùng... Bộ chỉ huy của phong trào đóng ở miền tây Quảng Bình và Hà Tĩnh.

- Cuối 1888 vua Hàm Nghi bị bắt, ông cự tuyệt sự dụ dỗ của Pháp và bị đày sang Bắc Phi.

*** Giai đoạn 1888 – 1896:** *(1,0 điểm)*

- Tuy không còn sự lãnh đạo của triều đình, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển và qui tụ dần thành những cuộc khởi nghĩa lớn như cuộc khởi nghĩa Hùng Lĩnh do Tống Duy Tân lãnh đạo, cuộc khởi nghĩa Bãi Sậy của Nguyễn Thiện Thuật, cuộc khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo.

- Pháp tăng cường càn quét, phong trào ở đồng bằng bị thu hẹp và chuyển dần lên vùng trung du, miền núi.

- Phong trào giai đoạn nay vẫn không khắc phục được tình trạng lẻ tẻ, thiếu sự liên kết và lãnh đạo thống nhất và các cuộc khởi nghĩa lần lượt thất bại, đến 1896 phong trào Cần vương thất bại.

*** So sánh giữa 2 giai đoạn:** *(2,0 điểm)*

- Giống nhau:

+ Đều là phong trào yêu nước chống thực dân Pháp và phong kiến đầu hàng để khôi phục vương quyền.

+ Thu hút được đông đảo văn thân sĩ phu yêu nước và quần chúng nhân dân, nhất là nông dân tham gia.

+ Đều là hình thức khởi nghĩa vũ trang.

+ Đều là thất bại nhưng đã gây nhiều khó khăn và tổn thất cho thực dân Pháp trong quá trình bình định nước ta.

- Khác nhau: *(1,0 điểm)*

+ Lãnh đạo: Giai đoạn 1 có sự lãnh đạo thống nhất của triều đình (vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết), còn giai đoạn 2 không còn sự lãnh đạo thống nhất của triều đình mà do các văn thân sĩ phu trực tiếp lãnh đạo từng địa phương.

+ Qui mô: Giai đoạn 1 có hàng chục cuộc khởi nghĩa nổ ra nhưng quy mô nhỏ, tồn tại ngắn, giai đoạn 2 quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa quy mô lớn hơn và tồn tại dài hơn.

+ Địa bàn: Giai đoạn 1 khởi nghĩa nổ ra rộng khắp vùng đồng bằng và trung du, giai đoạn 2 địa bàn thu hẹp ở vùng trung du và miền núi.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NAM
TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình các nước thực dân phương Tây biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến:** *(2,25 điểm)*

- Hoàn cảnh Trung Quốc cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

- Thực dân Anh gây ra cuộc chiến tranh thuốc phiện (1840 - 1842), Trung Quốc bị thất bại phải kí Hiệp ước Nam Kinh (1842) - mở đầu cho quá trình các nước thực dân phương Tây biến Trung Quốc thành nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.

- Sau khi kí được Hiệp ước Nam Kinh, bằng áp lực quân sự các nước phương Tây đã buộc triều đình Mãn Thanh kí các Hiệp ước bất bình đẳng khác với Pháp, Nhật, Thuỵ Sĩ ... Đến cuối thế kỉ XIX, các nước tư bản phương Tây đã phân chia xong phạm vi ảnh hưởng và thống trị ở Trung Quốc...

- Năm 1900 phong trào Nghĩa Hoà Đoàn bùng nổ, tấn công vào sứ quán của 8 nước đế quốc ở Bắc Kinh, phong trào bị liên quân 8 nước đàn áp và thất bại. Triều đình Mãn Thanh đầu hàng, kí Hiệp ước Tân Sửu 1901. Với Hiệp ước Tân Sửu Trung Quốc chính thức từ một nước phong kiến độc lập đã trở thành một nước nửa thuộc địa nửa phong kiến.

*** Nguyên nhân thất bại, ý nghĩa lịch sử của các phong trào:** *(1,75 điểm)*

– Nêu các phong trào:

+ Phong trào Thái Bình Thiên Quốc (1851 - 1864), là phong trào nông dân do Hồng Tú Toàn lãnh đạo.

+ Phong trào Duy Tân (1898), là phong trào cải cách do bộ phận sĩ phu yêu nước tiến bộ: Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi tiến hành.

+ Phong trào Nghĩa Hoà Đoàn (1900) là phong trào nông dân.

– Nguyên nhân thất bại của các phong trào:

+ Không có một giai cấp tiên tiến lãnh đạo: giai cấp lãnh đạo là nông dân bảo thủ, hẹp hòi, phân tán, không đại diện cho một phương thức sản xuất mới, khi xây dựng chính quyền thì bị phong kiến hoá. (Thái Bình Thiên quốc, Nghĩa hoà đoàn), bộ phận sĩ phu tiến bộ dễ thoả hiệp và chưa đoạn tuyệt hẳn với chế độ phong kiến (phong trào Duy tân).

+ Các phong trào nổ ra khi các nước phương Tây đang đua nhau xâu xé Trung Quốc và triều đình Mãn Thanh đã tỏ ra bạc nhược, vì vậy, phải đối chọi với 2 kẻ thù lớn của dân tộc và giai cấp đó là: đế quốc cấu kết chặt chẽ với phong kiến Mãn Thanh (lực lượng chênh lệch), dễ thất bại.

+ Các phong trào chưa đem lại lợi ích cho phần lớn lực lượng nông dân tham gia, hoặc là xa rời quần chúng nhân dân, không lấy nhân dân làm lực lượng hậu thuẫn. Những sai lầm về mặt chiến lược chiến thuật...

- Ý nghĩa:

+ Phong trào đã giáng một đòn chí mạng vào chế độ phong kiến tồn tại mấy nghìn năm ở Trung Quốc. Nó tuyên bố chế độ phong kiến đã lỗi thời, cần phải thay đổi, nó đánh mạnh vào hệ tư tưởng hủ lậu phong kiến, mở đường cho các tư tưởng mới không ngừng thổi vào và phát triển Trung Quốc (Phong trào Duy tân).

+ Bài học kinh nghiệm: Cho đế quốc một bài học về sức mạnh của quần chúng quật khởi. Nông dân sẽ trở thành một lực lượng chính trong cuộc đấu tranh cải biến xã hội. Các nhà Cách mạng không thể không chú ý đến vấn đề đó.

+ Là đợt sóng đấu tranh chống đế quốc trong phong trào đấu tranh chung của nhân dân châu Á chống sự nô dịch của tư bản phương Tây.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

+ Năm 1914, phân tích tình hình nước Nga khi tham gia chiến tranh đế quốc, nước Nga tồn tại nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết – là khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc. Lê-nin đã đưa ra khẩu hiệu "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến Cách mạng"

+ Sau Cách mạng tháng 2 năm 1917 - nước Nga xuất hiện tình trạng 2 chính quyền song song tồn tại: chính quyền của giai cấp tư sản (chính phủ lâm thời) và chính quyền của công nhân, binh lính (chính quyền Xô viết). Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích chủ trương chuyển từ Cách mạng dân chủ tư sản sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa, chuyển chính quyền từ tay giai cấp tư sản sang tay giai cấp vô sản. Với khẩu hiệu "Tất cả chính quyền về tay các Xô viết", "Tuyệt đối không ủng hộ chính phủ lâm thời".

+ Từ 03/4/1917 trong điều kiện cho phép, Lê-nin nhận thấy có thể giành chính quyền bằng phương pháp hoà bình nên đã chủ trương đấu tranh bằng phương pháp hoà bình để tránh đổ máu. *(0,25 điểm)*

+ Đến tháng 10/1917 điều kiện đấu tranh hoà bình không còn, nhanh chóng chuyển sang đấu tranh vũ trang giành chính quyền. 07/10/1917, Lê-nin từ Phần Lan trở về Pê-tơ-rô-grát trực tiếp lãnh đạo cuộc đấu tranh vũ trang.

+ Ngày 10/10/1917, Hội nghị Trung ương Đảng họp quyết định khởi nghĩa vũ trang vào đêm 25/10. Người đã trực tiếp lãnh đạo khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grát tối 24/10 tại điện Xmô-nưi.

+ Tại Đại hội các Xô viết toàn Nga lần thứ 2 (đêm 25/10) quyết định đập tan bộ máy nhà nước cũ, thành lập bộ máy nhà nước mới của giai cấp vô sản. Kí sắc lệnh hoà bình và sắc lệnh ruộng đất...

+ 03/3/1918 Lê-nin kí với Đức Hoà ước Brét-Li-tốp, nước Nga rút khỏi chiến tranh thế giới thứ nhất, tránh tổn thất cho nhân dân.

+ Tháng 11/1918 Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, 14 nước đế quốc bao vây tấn công nước Nga, Lê-nin ban hành Chính sách "Cộng sản thời chiến" và đưa ra khẩu hiệu "Tổ quốc lâm nguy, tất cả cho tiền tuyến".

Kết luận: Lê-nin giữ vai trò quan trọng, có tính chất quyết định đối với thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga 1917 và công cuộc xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô Viết (1917 - 1920).

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Trước nguy cơ xâm lược của chủ nghĩa tư bản phương Tây, nhà Nguyễn không có chính sách canh tân đất nước để làm cho đất nước mạnh lên, đủ sức chống Pháp.**

- Nhà Nguyễn vẫn duy trì chính sách bảo thủ phản động, tiến hành bế quan toả cảng, không thông thương với các nước phương Tây, thần phục nhà Thanh một cách mù quáng làm cho đất nước bị cô lập và suy yếu.

- Chính vì chính sách thủ cựu của nhà Nguyễn nên khi Pháp xâm lược, chúng ta không có tiềm lực kinh tế vững vàng, không có những điều kiện vật chất và không được lòng dân để đương đầu với thực dân Pháp (đây là nguyên nhân cơ bản để đưa đến việc nước ta rơi vào tay Pháp)

* Trong quá trình kháng chiến nhà Nguyễn đã không có nghệ thuật quân sự độc đáo, sáng tạo mà mắc phải một sai lầm lớn đó là từ bỏ con đường đấu tranh vũ trang, chủ động chống Pháp mà đi vào con đường phòng ngự bị động thương lượng, từng bước đầu hàng đi đến đầu hàng hoàn toàn. Nhà Nguyễn không đoàn kết cùng nhân dân tổ chức đánh giặc mà ngược lại còn xa rời nhân dân, từ chỗ xa rời đi đến chống lại nhân dân. *(1,0 điểm)*

* Trong quá trình kháng chiến nhà Nguyễn đã bỏ qua nhiều cơ hội để phản công và thắng Pháp:

- Năm 1858 Pháp thất thủ ở Đà Nẵng, nhà Nguyễn đã không dốc toàn lực để đánh Pháp.

- Năm 1859 Pháp đánh chiếm Gia Định nhưng lâm vào tình thế vô cùng khó khăn: gặp phải tinh thần quyết chiến đấu của nhân dân, và phải phân tán lực lượng cho nhiều chiến trường, nhưng triều Nguyễn (đại diện là Nguyễn Tri Phương) đã phòng ngự bị động (cho xây dựng đại đồn Chí Hoà).

- Năm 1862 Pháp chiếm được 3 tỉnh miền Đông nhưng gặp phải khó khăn lớn đó là tinh thần chiến đấu của nhân dân, nhà Nguyễn đã không cùng nhân dân chống Pháp mà lại cứu nguy cho Pháp bằng bản Hiệp ước Nhâm Tuất (1862).

- Năm 1867, từ chỗ sợ Pháp nhà Nguyễn đã nhanh chóng đầu hàng và nộp cho Pháp 3 tỉnh miền Tây Nam Kì (đại diện là Phan Thanh Giản).

- Từ 1867 đến 1873, trong 7 năm Pháp gặp nhiều khó khăn (Pháp bị thất bại trong chiến tranh Pháp - Phổ...), cơ hội để triều Nguyễn củng cố, phát triển để nâng cao tiềm lực đất nước. Nhưng nhà Nguyễn vẫn tiếp tục những chính sách cũ, cự tuyệt mọi đề nghị cải cách làm cho đất nước càng suy yếu hơn.

- Năm 1873, 1883 Pháp bị nhân dân Bắc Kì đánh bại 2 lần ở Cầu Giấy, lâm vào tình trạng hoang mang. Đây là cơ hội tốt song nhà Nguyễn đã không chớp lấy. Vì

vậy năm 1883 Pháp lợi dụng cơ hội Tự Đức mất, đem quân đánh chiếm Thuận An, dùng áp lực buộc triều Nguyễn kí Hiệp ước Hacmăng (1883), Hiệp ước Patonot (1884), nhà Nguyễn chính thức đầu hàng Pháp.

Như vậy, từ chỗ không tất yếu, nhà Nguyễn đã để mất nước ta vào tay Pháp trở thành tất yếu.

* Tuy nhiên, trong quá trình chống Pháp cũng có những vị quan của triều đình, kể cả vua (Hàm Nghi, Hoàng Diệu, Nguyễn Tri Phương...) đã nêu cao tinh thần đấu tranh chống Pháp, quyết tâm bảo vệ độc lập dân tộc.

Tóm lại, việc để nước ta rơi vào tay thực dân Pháp hồi cuối thế kỉ XIX là trách nhiệm của phần lớn vua quan triều đình nhà Nguyễn.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Thái độ của các sĩ phu văn thân đối với chiếu Cần Vương:** *(1,0 điểm)*

- Các sĩ phu Việt Nam là những quan lại, những trí thức, những người có học trong xã hội phong kiến Việt Nam lúc bấy giờ, họ bị chi phối nặng nề bởi tư tưởng Nho giáo, tư tưởng "trung quân, ái quốc" (yêu nước là trung thành với vua). Tháng 7/1885, chiếu Cần Vương được ban ra, lập tức được các văn thân, sĩ phu hưởng ứng sôi nổi, nhiệt tình. Chiếu Cần Vương đã đáp ứng được lòng yêu nước và tư tưởng trung quân của họ. Họ đã tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với thực dân Pháp và tay sai trên một địa bàn rộng lớn khắp Bắc Kì và Trung Kì Việt Nam.

- Thái độ của quần chúng nhân dan với chiếu Cần Vương: Trước tiên là nông dân, những người hiểu hơn ai hết giá trị của độc lập tự do, ở họ chỉ có lòng yêu quê hương đất nước thiết tha, lòng yêu nước nồng nàn và cũng bị chi phối bởi tư tưởng trung quân, ái quốc. Chiếu Cần Vương ban ra đã thổi bùng ngọn lửa yêu nước, vốn đang âm ỉ cháy trong quần chúng nhân dân và nhanh chóng biến thành một phong trào rộng lớn, kéo dài hơn 10 năm, mãi tới cuối thế kỉ XIX mới bị dập tắt.

*** Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương:** *(2,0 điểm)*

Gồm 2 giai đoạn chính:

- Giai đoạn đầu từ 1885 đến 11/1888:

+ Phong trào đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết:

+ Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ đã diễn ra trên phạm vi cả nước. Tiêu biểu là các cuộc khởi nghĩa của Mai Xuân Thưởng ở Bình Định, Nguyễn Duy Hiệu, Trần Văn Dư ở Quảng Nam; Lê Trực, Nguyễn Phạm Tuân ở Quảng Bình; Phạm Bành, Đinh Công Tráng ở Thanh Hoá; vùng Bắc Kì có khởi nghĩa của Nguyễn Quang Bích, Nguyễn Đức Ngữ, Nguyễn Thiện Thuật...

+ Đặc điểm nổi bật của phong trào trong giai đoạn này là trong chừng mực nhất định, phong trào còn đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của một triều đình kháng chiến đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Cuối 1888, Vua Hàm Nghi rơi vào tay giặc, nhà vua đã hiên ngang cự tuyệt mọi sự dụ dỗ của Pháp và bị đi đày ở An-giê-ri (thuộc địa của Pháp ở Bắc Phi).

- *Giai đoạn 2 từ 1888 đến 1896:*

+ Giai đoạn này không còn sự chỉ huy thống nhất của một triều đình kháng chiến, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển, nghĩa quân chuyển địa bàn hoạt động từ vùng đồng bằng lên vùng trung du, miền núi, quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn có trình độ tổ chức cao hơn.

+ Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu trong giai đoạn này: Khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên); Khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá); Khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).

+ Tuy nhiên phong trào vẫn chưa khắc phục được tình trạng lẻ tẻ, thiếu sự liên kết và chỉ đạo thống nhất.

+ Cuối 1895, Phan Đình Phùng hi sinh, với việc chấm dứt tiếng súng chống Pháp trên núi Vụ Quang trong khởi nghĩa Hương Khê, năm 1896 những thủ lĩnh cuối cùng của cuộc khởi nghĩa bị bắt, phong trào Cần Vương coi như kết thúc.

*** Cuộc khởi nghĩa được coi là tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương:** *(1,0 điểm)*

Là khởi nghĩa Hương Khê: Vì: Lãnh đạo là các văn thân, sĩ phu, là những người tài giỏi như tiến sĩ Phan Đình Phùng, nhà chế tạo vũ khí Cao Thắng.

Quy mô: Rộng lớn, trải dài trên địa bàn 4 tỉnh Trung Kì: Thanh Hoá - Nghệ An - Hà Tĩnh - Quảng Bình.

Lối đánh linh hoạt, phòng ngự chủ động tấn công, đánh đồn, diệt viện.

Quân đội: Được chia làm 15 quân thứ, được trang bị vũ khí hiện đại theo kiểu Pháp.

Thời gian tồn tại lâu dài hơn các cuộc khởi nghĩa khác: hơn 10 năm.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Có sự nảy sinh khuynh hướng mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX vì:**

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đã làm cho cơ cấu kinh tế xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập vào bên cạnh quan hệ sản xuất phong kiến lạc hậu → các giai cấp, tầng lớp mới ra đời (Công nhân, tư sản, trí thức tiểu tư sản) với những ý nghĩ, cách làm mới.

- Một bộ phận ưu tú trong hàng ngũ trí thức phong kiến đã nhận thấy điểm hạn chế của tư tưởng Nho giáo và sự phản bội của triều đình phong kiến.

- Đúng lúc này, các tân thư, tân báo của Trung Hoa cổ động cho tư tưởng dân chủ tư sản được đưa vào nước ta và được tiếp nhận nồng nhiệt. Bên cạnh đó những đổi mới của Nhật Bản sau cuộc Duy tân Minh Trị càng củng cố thêm niềm tin của họ vào con đường Cách mạng tư sản.

Đây chính là điều kiện làm nảy sinh và thúc đẩy phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới ở nước ta đầu thế kỉ XX. Trong đó tiêu biểu nhất là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

*** Sự giống và khác nhau giữa hai khuynh hướng bạo động và cải cách đầu thế kỉ XX:** *(1,75 điểm)*

- *Giống nhau:*

+ Đều xuất phát từ lòng yêu nước, thương dân.

+ Những người thực hiện đầu là những trí thức phong kiến ưu tú mong muốn giành độc lập cho dân tộc.

+ Đều chịu ảnh hưởng tư tưởng mới ở bên ngoài

+ Đều có khuynh hướng cứu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản.

+ Kết quả cuối cùng: cả hai khuynh hướng đều thất bại nhưng lại tạo điều kiện cho khuynh hướng cứu nước mới sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- *Khác nhau:*

+ Khuynh hướng bạo động do Phan Bội Châu khởi xướng, chủ trương bạo động vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp "nợ máu chỉ có thể trả bằng máu". Ông chủ trương tổ chức lực lượng trong nước và tranh thủ sự viện trợ từ bên ngoài, trước hết là Nhật. Để chuẩn bị cho cuộc bạo động ông đã lập Hội Duy tân (1904), tổ chức phong trào Đông Du sang Nhật. Năm 1908, phong trào Đông du bị thất bại. Năm 1912 ở Trung Quốc ông lại lập ra Việt Nam Quang phục hội, dùng bạo lực đánh đuổi thực dân Pháp. Hội đã cử người về nước để trừ khử một số tên tay sai.

+ Khuynh hướng cải cách do Phan Châu Trinh khởi xướng, ông chủ trương giương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội, chủ trương cứu nước bằng việc nâng cao dân trí, dân quyền. Yêu cầu Pháp phải sửa đổi chính sách cai trị. Ông đề cao phương châm "Tự lực khai hoá", tuyên truyền tư tưởng dân quyền... đánh đổ phong kiến, thiết lập cộng hoà ở Việt Nam. Hình thức phong phú: mở trường học dạy chương trình toán, cách trí, vệ sinh, sử, địa, thể dục... với nội dung mới. Nhà trường còn tuyên truyền mở rộng công thương nghiệp, đẩy mạnh sản xuất, đả phá phong tục lạc hậu, thực hiện đời sống mới... Đến 1908 phong trào tan rã dần.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO AN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THOẠI NGỌC HẦU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những sự kiện tiêu biểu của chiến tranh thế giới thứ hai ở mặt trận châu Á - Thái Bình Dương ...** *(2,0 điểm)*

- Tháng 9 - 1940, Nhật tiến vào Đông Dương, quan hệ Nhật - Mĩ căng thẳng.

- Ngày 7 - 12 - 1941, Nhật tấn công Trân Châu cảng (Mĩ), Mĩ tuyên chiến, chiến tranh lan rộng khắp thế giới.

- Từ tháng 12 - 1941, Nhật Bản mở hàng loạt các cuộc tấn công vào các nước Đông Nam Á, bành trướng khu vực Thái Bình Dương: Nhật chiếm Mã Lai, Thái Lan, Xin-ga-po, Phi-líp-pin, Miến Điện, In-đô-nê-xi-a, nhiều đảo ở Thái Bình Dương ...

- Từ 4 - 1942, Nhật Bản đánh chiếm hầu hết các đảo Tân Ghi-nê, uy hiếp Ô-x-trây-li-a, ...

- Tháng 8 - 1942, quân Mĩ đánh bại quân Nhật ở Gu-a-đan-ca-nan, tạo ra bước ngoặt ở mặt trận này, Mĩ chuyển sang phản công lần lượt đánh chiếm các đảo ở Thái Bình Dương.

- Từ năm 1944, liên quân Anh - Mĩ - Hoa - Ấn tấn công đánh chiếm Miến Điện, Phi-líp-pin, uy hiếp các thành phố lớn của Nhật bằng không quân.

- Ngày 6 - 8 - 1945, Mĩ ném bom nguyên tử xuống thành phố Hi-rô-si-ma (Nhật Bản) làm 140 nghìn người chết.

- Ngày 8 - 8 - 1945, Liên Xô tuyên chiến và tiêu diệt đạo quân Quan Đông (gồm 70 vạn quân Nhật ở Mãn Châu)

- Ngày 9 - 8 - 1945, Mĩ ném quả bom nguyên tử thứ hai xuống thành phố Nagaxaky (Nhật Bản) giết chết 70 nghìn người.

- Ngày 15 - 8 - 1945, Nhật Bản tuyên bố đầu hàng, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

*** Sự kiện tác động mạnh mẽ đến tình hình chiến tranh...** *(1,0 điểm)*

Ngày 7 - 12 - 1941, Nhật Bản tấn công Mĩ tại Trân Châu cảng (Ha-oai), Vì:

- Nhật Bản tấn công Mĩ tại Trân Châu cảng đã buộc Mĩ phải tham chiến, cùng với Liên Xô tham chiến từ tháng 6 - 1941 đã chính thức làm cho cuộc chiến tranh lan rộng khắp thế giới.

- Chính phủ Mĩ phải thay đổi thái độ, bắt tay với Liên Xô trong cuộc chiến chống chủ nghĩa phát xít.

- Từ đó, ngày 1 - 1 - 1942 tại Oa-sinh-tơn, 26 quốc gia (đứng đầu là Liên Xô, Mĩ, Anh) đã kí tuyên ngôn Liên hợp quốc, tuyên ngôn cam kết cùng nhau tiến hành cuộc chiến chống phát xít với toàn bộ lực lượng của mình, từ đó khối đồng minh chống phát xít được thành lập.

- Sự ra đời của khối đồng minh chống phát xít, đã thúc đẩy nhanh quá trình sụp đổ của chủ nghĩa phát xít, kết thúc chiến tranh, lập lại hoà bình thế giới.

*** Những bài học được rút ra từ cuộc chiến tranh ...** *(1,0 điểm)*

- Chủ nghĩa đế quốc, phát xít là nguồn gốc của xâm lược, chiến tranh và phản động, là thế lực đem đến những hậu quả nặng nề cho loài người.

- Đấu tranh chống đế quốc, phát xít, bảo vệ và duy trì một thế giới hoà bình là nguyện vọng của loài người tiến bộ.

- Việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít là một bằng chứng, chứng minh sức sống của chủ nghĩa xã hội, hoà bình, dân chủ, độc lập dân tộc.

- Sự thành lập mặt trận đồng minh chống phát xít là bằng chứng về khả năng hợp tác của các quốc gia có chế độ chính trị xã hội khác nhau. Sự hợp tác này tiếp tục được phát huy trong công cuộc xây dựng đất nước, chống lại các âm mưu gây chiến, xung đột... của các quốc gia, dân tộc hiện nay.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Nội dung so sánh	Cách mạng Tân Hợi năm 1911	Cách mạng tháng Hai năm 1917
Khác nhau: *(1,5 điểm)* - Giai cấp lãnh đạo. - Xu thế phát triển.	- Tư sản, với chính đảng Trung Quốc Đồng minh hội do Tôn Trung Sơn đứng đầu. - Xây dựng nền chuyên chính tư sản (chế độ cộng hoà).	- Vô sản với chính đảng Bôn-sê-vích Nga do Lê-nin đứng đầu. - Lật đổ Chính phủ tư sản lâm thời, tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền chuyên chính vô sản.

- Tính chất.	- Là cuộc Cách mạng dân chủ tư sản không triệt để (hay còn gọi là Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ)	- Là cuộc Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.
Giống nhau: *(2,5 điểm)*		
- Nhiệm vụ.	- Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thực hiện dân chủ, mở đường cho sản xuất phát triển.	
- Lực lượng.	- Quần chúng nhân dân (nông dân, công nhân, tầng lớp nghèo…)	
- Phương pháp CM.	- Khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.	
- Kết quả.	- Thắng lợi (lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế…)	
- Ý nghĩa.	- Xoá bỏ nhà nước cũ (nhà nước phong kiến), xây dựng một nhà nước mới, mở đường cho sản xuất phát triển, ảnh hưởng đến cuộc đấu tranh của nhiều nước trên thế giới trong đó có Việt Nam…	
- Hạn chế.	- Sau Cách mạng, quyền lợi của nhân dân chưa được kịp thời giải quyết như ruộng đất, lương thực, quyền dân chủ …	

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Đặc điểm:** *(2,0 điểm)*

- Vào đầu thứ kỉ XX, do tác động của chính sách khai thác kinh tế lần thứ nhất của thực dân Pháp, cơ cấu nền kinh tế, xã hội Việt Nam có nhiều biến chuyển. Trong xã hội hình thành những giai cấp và tầng lớp mới (công nhân, công thương, tư sản, tiểu tư sản thành thị), sĩ phu nho học có những biến chuyển về tư tưởng. Các biến chuyển trên, đã tạo cơ sở cho các tư tưởng dân chủ phương Tây ảnh hưởng đến nước ta theo con đường Trung Quốc, Nhật Bản. Do những tác động trên, phong trào yêu nước Cách mạng Việt Nam có những nét mới khác trước.

- Đây là phong trào chuyển từ phạm trù phong kiến sang tư sản.

- Động lực của phong trào mở rộng hơn trước, không chỉ có nông dân mà còn có cả các lực lượng mới tham gia như: tư sản, tiểu tư sản, công nhân, sĩ phu với tư tưởng mới, binh lính. Trong đó vai trò lãnh đạo là các sĩ phu yêu nước với tư tưởng mới (dân chủ tư sản).

- Hình thức đấu tranh: bên cạnh các cuộc đấu tranh vũ trang, xuất hiện các hình thức đấu tranh mới là chính trị, ngoại giao, cải cách xã hội: Duy tân hội, Đông kinh nghĩa thục, Việt Nam quang phục hội, sách báo tuyên truyền, diễn thuyết bình văn, biểu tình, bãi công. Đặc biệt là trong thời kì chiến tranh thế giới thứ nhất, các cuộc đấu tranh vũ trang tiếp tục nổ ra (khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên 1917, khởi nghĩa của đồng bào các dân tộc ít người …các cuộc đấu tranh nà chịu sự chi phối của Việt Nam quang phục hội, chứng tỏ phong trào đấu tranh của nhân dân ta thời kì này còn nằm trong phạm trù tư sản.

- Quy mô rộng lớn, thu hút nhiều tầng lớp nhân dân … có nhiều xu hướng khác nhau do tiếp thu luồng tư tưởng mới không đều, các xu hướng này không đối lập nhau, mà hỗ trợ cho nhau, thúc đẩy nhau cùng tiến bộ. Cả hai đều nhằm mục tiêu

chung là đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục độc lập dân tộc. Tiêu biểu là xu hướng Bạo động của Phan Bội Châu, xu hướng cải cách của Phan Châu Trinh.

- Phong trào yêu nước và Cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX, diễn ra sôi nổi, gây cho địch nhiều thiệt hại nặng nề, cuối cùng đều thất bại,do hạn chế về giai cấp và thời đại, thiếu sự lãnh đạo của giai cấp tiên tiến với một đường lối Cách mạng đúng đắn. Tình trạng này cần phải được giải quyết gấp để đưa Cách mạng tiến lên. *(0,25 điểm)*

*** Yêu cầu của Cách mạng Việt Nam...** *(2,0 điểm)*

- Từ năm 1858 - 1918, nhân dân Việt Nam đã anh dũng đứng lên chống thực dân Pháp xâm lược, các phong trào đấu tranh đó là sự biểu hiện và tiếp nối truyền thống yêu nước bất khuất của nhân dân Việt Nam, do hạn chế của điều kiện lịch sử, hạn chế của giai cấp, thời đại, thiếu sự lãnh đạo của một giai cấp tiên tiến, nên các phong trào đó đều thất bại, bị đế quốc đàn áp dã man.

- Những nhiệm vụ mà lịch sử đề ra vẫn tiếp tục giải quyết: Đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, cải cách xã hội tiến lên chế độ dân chủ, bằng phương pháp Cách mạng mới. Giải phóng dân tộc là nhiệm vụ lịch sử đặt lên hàng đầu. Yêu cầu lịch sử lúc này là đòi hỏi phải tìm ra một con đường cứu nước mới, đúng đắn, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại để giành lại độc lập, chủ quyền dân tộc.. Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã thực hiện nhiệm vụ lịch sử ấy, Người đã tìm ra con đường cứu nước mới cho dân tộc Việt Nam, theo con đường Cách mạng tháng Mười, kết hợp đấu tranh dân tộc với đấu tranh giai cấp, chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế vô sản, độc lập dân tộc kết hợp với chủ nghĩa xã hội.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Ý nghĩa lịch sử:** *(1,5 điểm)*

- Khởi nghĩa Yên Thế tuy thất bại, nhưng kéo dài gần 30 năm, đã ghi một trang sử vẻ vang trong lịch sử kháng Pháp thời cận đại của dân tộc ta.

- Khởi nghĩa Yên Thế gây cho địch lo ngại, tổn thất nhiều nhất. Thể hiện tinh thần chiến đấu bền bỉ, dũng cảm, được nhân dân hết lòng ủng hộ, có chỉ huy quân sự tài giỏi cầm đầu, bất chấp mọi thủ đoạn độc ác của kẻ thù, giáng cho chúng những đòn quyết tử.

- Phong trào nông dân Yên Thế, thể hiện rõ rệt tinh thần yêu nước mãnh liệt, chí quật khởi, khả năng chiến đấu kiên cường của nhân dân ta. Chứng minh khả năng Cách mạng hùng hậu của giai cấp nông dân Việt Nam trong lịch sử chống đế quốc xâm lược, mà người đại diện xuất sắc lúc đó là Đề Thám.

*** Nguyên nhân thất bại:** *(1,0 điểm)*

- Tương quan lực lượng chênh lệch (nhất là sau khi phong trào Cần vương tan rã nên thực dân Pháp có điều kiện tập trung lực lượng đàn áp). Địch kết hợp chặt chẽ giữa thủ đoạn chính trị với thủ đoạn quân sự, dùng tay sai để tìm cách sát hại thủ lĩnh phong trào.

- Lực lượng nghĩa quân bị tiêu hao dần, nhân dân bị khủng bố dữ dội không tiếp tế được cho nghĩa quân, Đề Thám bị bọn phản bội sát hại.

- Thiếu sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của một lực lượng xã hội mới.

- Phong trào mang nặng tính địa phương nhỏ hẹp, không có khả năng mở rộng thành một phong trào dân tộc rộng lớn.

*** Vì sao phong trào nông dân Yên Thế kéo dài gần 30 năm:** *(1,5 điểm)*

- Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất của nghĩa quân, sự ủng hộ của nhân dân, sự chỉ huy mưu trí, tài giỏi, sáng tạo của Hoàng Hoa Thám, Cả Trọng, Cả Huỳnh…

- Địa bàn thích hợp với cách đánh du kích, tiêu hao địch, nghĩa quân lại không tự bó mình trong đại bản doanh Phồn Xương, khi cần đã di chuyển trên địa bàn rộng lớn, biết tránh chỗ mạnh của địch, biết kịp thời phân tán lực lượng để tập kích, phục kích tiêu hao lực lượng địch.

- Tư bản Pháp cũng muốn tạm thời đình chiến với nghĩa quân để tạo điều kiện thuận lợi cho cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất. Từ đó, dẫn đến cuộc thương lượng, giảng hoà của nghĩa quân và thực dân Pháp. Tranh thủ thời gian hoà hoãn, nghĩa quân củng cố đồn trại, mua vũ khí, sản xuất, mộ thêm quân … chuẩn bị tích cực cho cuộc chiến đấu mới.

- Cách đánh giặc độc đáo, bí mật, cơ động, bất ngờ, hiệu quả cao.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện	Mục đích	Kết quả
Ngày 1/9/1858	Liên quân Pháp - Tây Ban Nha nã đại bác, đổ bộ lên bán đảo Sơn Trà, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam.	Dùng Đà Nẵng làm bàn đạp, tấn công ra Huế, buộc triều đình nhà Nguyễn đầu hàng.	Sau 5 tháng tấn công, Pháp bị giam chân tại chỗ, không chiếm được Đà Nẵng, phải chuyển hướng tấn công vào Gia Định.
Tháng 2/1859	Pháp tấn công Gia Định.	Chiếm vựa lúa lớn, triệt đường tiếp tế thương thực của triều đình Huế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm chủ lưu vực sông Mê Công.	Chiếm được thành Gia Định.
Từ tháng 2 - 1861 đến tháng 3 - 1862	Pháp tấn công Đại đồn Chí Hòa, đánh chiếm Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long.	Mở rộng việc đánh chiếm nước ta.	Pháp chiếm được ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa), và một tỉnh miền Tây (Vĩnh Long).
Ngày 5-6-1862	Triều đình nhà Nguyễn ký với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.		Triều đình nhà Nguyễn thừa nhận chủ quyền của Pháp ở ba tỉnh miền Đông Nam Kì.

Tháng 6 - 1867	Pháp kéo đến thành Vĩnh Long, yêu cầu nộp thành, uy hiếp Hà Tiên, An Giang.	Chiếm luôn ba tỉnh miền Tây Nam Kì.	- Pháp chiếm gọn ba tỉnh miền Tây Nam Kì mà không tốn một viên đạn nào.
Năm 1873	Pháp tấn công Bắc Kì lần thứ Nhất	Mở rộng chiến tranh ra cả nước, thực hiện âm mưu chiếm toàn bộ nước ta.	Triều đình Huế kí với thực dân Pháp điều ước Giáp Tuất 1874, Pháp rút khỏi Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì, nhà Nguyễn chính thức thừa nhận chủ quyền của Pháp ở 6 tỉnh Nam Kì.
Năm 1882	Pháp tấn công Bắc Kì lần thứ hai	Chiếm toàn bộ nước ta.	Pháp chiếm được Hà Nội và các tỉnh đồng bằng Bắc Kì.
Tháng 8 - 1883	Pháp tấn công cửa biển Thuận An	Buộc triều đình Nhà Nguyễn phải đầu hàng hoàn toàn.	Nhà Nguyễn kí với Pháp hiệp ước Hác - Măng (1883), triều đình nhà Nguyễn chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp trên nước ta.
Tháng 6 - 1884	Pháp buộc nhà Nguyễn kí hiệp ước Patonốt.	Xoa dịu sự công phẫn của nhân dân ta, mua chuộc, lung lạc quan lại nhà Nguyễn.	Đặt cơ sở cho quyền đô hộ của Pháp ở Việt Nam, nước ta trở thành thuộc địa của Pháp.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Cải cách Minh Trị:

*** Bối cảnh lịch sử:** *(0,5 điểm)*

+ Chính trị: Chế độ phong kiến Mạc phủ khủng hoảng.

+ Kinh tế: Nông nghiệp lạc hậu.

+ Xã hội phân chia dẳng cấp, mâu thuẫn gay gắt.

+ Sự xâm nhập của tư bản phương Tây và việc Mạc Phủ kí các điều ước bất bình đẳng dẫn đến phong trào đảo Mạc năm 1868.

*** Nội dung của cuộc cải cách Minh Trị:** *(2,5 điểm)*

+ Cải cách hành chính: Xóa bỏ ranh giới lãnh địa, thống nhất quốc gia; tổ chức Chính phủ theo kiểu phương Tây gồm 12 bộ; sử dụng chuyên gia nước ngoài; ban hành Hiếp pháp 1889 thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

+ Cải cách giáo dục: Ban hành giáo dục bắt buộc; tăng cường nội dung khoa học tự nhiên vào chương trình giảng dạy; lập trường dạy nghề; cử thanh niên ưu tú ra nước ngoài học tập; thực hiện giáo dục.

+ Cải cách kinh tế: Bảo vệ quyền sở hữu ruộng đất phong kiến, xóa bỏ chế độ nộp tô thay bằng thu thuế bằng tiền, cho phép mua bán ruộng đất, coi trọng sự phát triển công thương nghiệp; Nhà nước nắm các ngành kinh tế chủ chốt: Khai mỏ, giao thông đóng tàu...

+ Cải cách quân sự: Hiện đại hóa quân đội theo kiểu phương Tây; thực hiện chế độ nghĩa vụ quân sự; phát triển công nghiệp quân sự đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí...; mời chuyên gia nước ngoài huấn luyện quân đội.

*** Tính chất:** Cách mạng tư sản không triệt để: *(1,0 điểm)*

+ Cuộc cải cách do vua tiến hành từ trên xuống nên còn nhiều hạn chế.
+ Còn tồn tại nhiều tàn dư phong kiến và chính trị.
+ Việc xây dựng quân đội với tinh thần võ sĩ đạo.
+ Gây chiến tranh xâm lược, xây dựng đất nước trên sức mạnh quân sự.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng:** *(1,0 điểm)*

Từ 18 - 2 đến 24 - 2	25 - 2	26 - 2	27 - 2	Từ 27 - 2 đến 2 - 3
Bãi công, biểu tình của công nhân thủ đô Pê-tơ-rô-grát	Tổng bãi công chính trị chống chế độ Nga hoàng.	Khởi nghĩa vũ trang lật đổ chế độ Nga hoàng.	Triều đình Nga hoàng bị lật đổ, Xô viết đại biểu công nhân, binh lính thành lập.	Đấu tranh giành chính quyền giữa vô sản và tư sản. Cục diện hai chính quyền song song tồn tại.

*** Đặc điểm:** *(1,0 điểm)*

Từ bãi công, biểu tình chuyển sang tổng bãi công chính trị rồi chuyển sang khởi nghĩa vũ trang; chế độ Nga hoàng bị lật đổ đã diễn ra cuộc đấu tranh giành chính quyền giữa vô sản và tư sản dẫn tới cục diện hai chính quyền cùng song song tồn tại; Cách mạng đã diễn ra hết sức nhanh chóng, vai trò lãnh đạo và quyết định thắng lợi thuộc về giai cấp công nhân Nga.

***Những khác biệt:** *(1,5 điểm)*

	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ	**Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới**
Tính chất, nhiệm vụ cách mạng	Đánh đổ chế độ phong kiến, xóa bỏ những tàn tích phong kiến, thực hiện dân chủ.	Đánh đổ chế độ phong kiến, xóa bỏ những tàn tích phong kiến, thực hiện dân chủ.
Lãnh đạo Cách mạng	Giai cấp tư sản.	Giai cấp vô sản.
Động lực Cách mạng	Tư sản và nông dân.	Công nhân và nông dân.

Chính quyền Nhà nước	Chuyên chính tư sản.	Chuyên chính công - nông.
Xu thế phát triển của cách mạng	Xây dựng chủ nghĩa tư bản.	Tiến lên làm Cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng CNXH.

*** Những nước đã tiến hành Cách mạng theo dạng cách mạng dân chủ TS kiểu mới:** *(0,5 điểm)*

+ Cách mạng tháng Tám 1945 ở Việt Nam.

+ Cách mạng Trung Quốc năm 1949.

+ Cách mạng Cu-ba năm 1959.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Tình hình Việt Nam:** *(1,0 điểm)*

+ Giữa thế kỉ XIX, trước khi Pháp xâm lược, Việt Nam là nước độc lập, kinh tế có những bước phát triển nhưng đã bộc lộ những suy yếu.

+ Thời nhà Nguyễn, kinh tế công, nông, thương nghiệp sa sút. Nhà Nguyễn thực hiện đường lối đối ngoại thiển cận khiến cho Việt Nam bị cô lập.

+ Đời sống nhân dân gặp khó khăn, nhiều cuộc khởi nghĩa nổ ra.

+ Khả năng phòng thủ đất nước giảm sút, quốc phòng yếu kém đã ảnh hưởng trực tiếp đến việc chống lại sự xâm lược của tư bản phương Tây.

*** Hành động chứng tỏ:** *(2,0 điểm)*

+ Cuối thế kỉ XV đầu thế kỉ XVI, những cuộc phát kiến địa lí đã báo hiệu "buổi bình minh của thời đại TBCN". Liền sau đó, để thỏa mãn nhu cầu sản xuất và kinh doanh, tư bản các nước đã tỏa đi khắp thế giới để tìm kiếm thị trường và nguyên liệu.

+ Trong cuộc chạy đua sang phương Đông, tư bản Pháp đã lợi dụng đạo Thiên chúa như là một công cụ xâm lược.

+ Cuối thế kỉ XVIII, khi phong trào Tây Sơn nổ ra, giám mục Bá Đa Lộc đã chớp cơ hội cho tư bản Pháp can thiệp vào Việt Nam khi Nguyễn Ánh cầu cứu thế lực ngoại bang giúp ông ta giành lại quyền lực.

+ Năm 1857, Napôlêông III lập ra Hội đồng Nam Kì để bàn cách can thiệp vào nước ta, tiếp đó, sứ thần tới Huế đòi được "tự do buôn bán và truyền đạo". Cùng lúc đó, Bộ trưởng Bộ Hải quân Thuộc địa Pháp tăng viện cho hạm đội Pháp ở Thái Bình Dương để cùng Anh - Mĩ xâm lược Trung Quốc và lệnh cho phó Đô đốc Giơ-nuy chỉ huy cho hạm đội Pháp đánh vào Việt Nam ngay sau khi chiếm được Quảng Châu (Trung Quốc)

+ Sau khi liên quân Anh - Pháp chiếm được Quảng Châu (Trung Quốc) buộc triều đình Mãn Thanh kí điều ước Thiên Tân (27 - 6 - 1858), chiều 31 - 8 - 1858, liên quân Pháp - Tây Ban Nha kéo tới cửa biển Đà Nẵng, chuẩn bị nổ súng xâm lược Việt Nam.

*** Thực dân Pháp chọn Đà Nẵng:** *(1,0 điểm)*

+ Đà Nẵng lúc bấy giờ là một bộ phận của tỉnh Quảng Nam, là một cảng lớn, là đầu mối giao thông từ Bắc vào Nam và từ Đông sang Tây, Đà Nẵng lại gần kinh thành Huế.

+ Thực dân Pháp đánh Đà Nẵng đầu tiên nhằm mục đích: đánh chiếm một căn cứ quan trọng để trên cơ sở đó làm bàn đạp đánh vào Nam và đánh ra Bắc, nhanh chóng tấn công Kinh thành Huế, buộc triều Nguyễn phải đầu hàng, kết thúc nhanh cuộc chiến tranh xâm lược của chúng đối với nước ta.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Đặc điểm của cuộc kháng chiến ở miền Tây:** *(1,0 điểm)*

+ Sau khi Nam Kì rơi vào tay thực dân Pháp, nhân dân Nam Kì và nhân dân cả nước kiên quyết đấu tranh chống thực dân Pháp và chống lại sự phản bội của triều đình Huế.

+ Cuộc kháng chiến của nhân dân 3 tỉnh miền Tây Nam Kì bùng nổ khắp nơi như: Tây Ninh, dọc theo sông Cửu Long, Vĩnh Long, Long Xuyên, Cần Thơ...

+ Cuộc kháng chiến chống Pháp ở 3 tỉnh miền Tây Nam Kì có các đặc điểm: lực lượng tham gia kháng chiến là của toàn dân, các sĩ phu yêu nước vừa tham gia kháng chiến vừa lãnh đạo phong trào kháng chiến, cuộc kháng chiến có sự liên kết giữa nhân dân ta với nhân dân Campuchia, tinh thần chiến đấu của nghĩa quân và người lãnh đạo rất anh dũng, tiêu biểu là thái độ của Nguyễn Trung Trực: "Bao giờ người Tây nhổ hết cỏ nước Nam, mới hết người Nam đánh Tây".

*** Khởi nghĩa của Trương Định:** *(2,0 điểm)*

+ Trương Định là con của Lãnh binh Trương Cầm, quê ở Quảng Ngãi. Ông theo cha vào Nam từ nhỏ. Năm 1850, ông cùng Nguyễn Tri Phương mộ phu đồn điền, khai khẩn nhiều đất hoang. Năm 1859, khi Pháp đánh Gia Định, Trương Định đã đưa đội quân đồn điền của ông về sát cánh cùng quân triều đình chiến đấu.

+ Sau Hiệp ước 1862, triều đình hạ lệnh cho Trương Định phải bãi binh, mặt khác điều ông đi nhận chức Lãnh binh ở An Giang, rồi Phú Yên. Nhưng được sự ủng hộ của nhân dân, ông đã chống lệnh triều đình, quyết tâm ở lại chiến đấu. Phất cao lá cờ "Bình Tây Đại nguyên soái", hoạt động của nghĩa quân đã củng cố niềm tin của dân chúng, khiến bọn cướp nước và bán nước phải run sợ.

+ Nghĩa quân tranh thủ thời gian ra sức xây dựng quân sự, rèn đúc vũ khí, liên kết lực lượng, đẩy mạnh đánh địch nhiều nơi.

+ Được biết căn cứ trung tâm của phong trào ở Tân Hòa, ngày 28 - 2 - 1863, Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào căn cứ này. Nghĩa quân dũng cảm chiến đấu suốt 3 ngày đêm, sau đó rút lui để bảo toàn lực lượng, xây dựng căn cứ mới ở Tân Phước. Ngày 20 - 8 - 1864, nhờ có tay sai dẫn đường, thực dân Pháp đã tìm ra nơi ở của Trương Định. Chúng mở cuộc tập kích bất ngờ vào căn cứ Tân Phước. Nghĩa quân chống trả quyết liệt. Trương Định trúng đạn và bị thương. Ông đã rút gươm tự sát để bảo toàn khí tiết.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

+ Lúc đầu vua quan triều đình nhà Nguyễn tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp, biết hợp tác với nhân dân, được nhân dân ủng hộ.

+ Về sau tỏ thái độ lo sợ thực dân Pháp, quay mặt với nhân dân, thậm chí phản đối cuộc kháng chiến của nhân dân để rồi đi từ nhượng bộ này đến nhượng bộ khác.

+ Từng bước đầu hàng giặc, thể hiện sự hèn yếu, tinh thần bạc nhược trong kháng chiến chống Pháp.

+ Điều đó ta có thể kết luận về trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn là: Biến sự mất nước không tất yếu trở thành tất yếu.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Cuộc khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương vì:** *(1,5 điểm)*

+ Địa bàn hoạt động của khởi nghĩa rộng cả 4 tỉnh Bắc Trung Kì (Thanh - Nghệ - Tĩnh - Bình).

+ Khởi nghĩa kéo dài suốt 10 năm (1885 - 1895).

+ Lãnh đạo khởi nghĩa là những người có uy tín, đức độ, tài năng như: Phan Đình Phùng, Cao Thắng.

+ Lực lượng nghĩa quân tham gia khởi nghĩa đông, gồm cả nam, nữ và gồm các dân tộc.

+ Khởi nghĩa đã từng giành được những thắng lợi to lớn: như trận phục kích địch ở núi Vụ Quang, tiêu diệt hàng chục tên địch

*** Lập bảng thống kê:** *(2,5 điểm)*

Tên cuộc khởi nghĩa, thời gian, lãnh đạo	Hoạt động nổi bật	Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm
Bãi sậy: - 1883 - 1892 - Đinh Gia Quế - Nguyễn Thiện Thuật.	Xây dựng nhiều căn cứ ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Chia thành nhiều toán quân nhỏ đánh du kích. Nhiều trận đánh ác liệt diễn ra tại Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Thái Bình...	Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, khống chế các tuyến giao thông đường bộ và đường thủy của địch. Để lại bài học về chiến tranh du kích và xây dựng căn cứ địa Cách mạng.
Ba Đình: - 1886 - 1887 - Phạm Bành - Đinh Công Tráng	Xây dựng công sự kiên cố, có cấu trúc độc đáo. Trận đánh nổi tiếng nhất diễn ra vào tháng 1 - 1887.	Tiêu hao sinh lực địch, làm chậm quá trình bình định vùng Bắc trung kì của thực dân Pháp. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm về tổ chức nghĩa quân và xây dựng căn cứ khởi nghĩa.
Hương Khê: - 1885 - 1895 - Phan Đình Phùng - Cao Thắng	Chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu, căn cứ kháng chiến, huấn luyện quân sự, chế tạo vũ khí. Trận đánh nổi tiếng ở núi Vụ Quang tháng 10 - 1894, tiêu diệt hàng chục tên địch.	Đây là cuộc kháng chiến tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX. Để lại những bài học kinh nghiệm về xây dựng căn cứ, về tổ chức khởi nghĩa và chiến thuật tác chiến.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NINH THUẬN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

+ Hiệp ước được kí kết bởi sự thất bại của Trung Quốc qua cuộc chiến tranh thuốc phiện.

+ Là sự đầu hàng của nhà nước Mãn Thanh.

+ Trung Quốc phải chấp nhận những điều khoản nặng nề theo yêu cầu của thực dân Anh: Mở năm cửa biển, bồi thường chiến tranh, nhượng cho Anh thuộc địa Hồng kông.

+ Biến Trung Quốc từ nước phong kiến độc lập dần trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

+ Sự thất bại của Trung Quốc qua hiệp ước Nam Kinh còn ảnh hưởng đến một số nước ở châu Á.

+ Tuy nhiên Hiệp ước Nam Kinh giúp cho một bộ phận người Trung Quốc cấp tiến thay đổi tư duy, tìm cách cứu Trung Quốc thoát khỏi tình trạng bảo thủ, lạc hậu.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Nội dung so sánh	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới	Cách mạng xã hội chủ nghĩa
Nhiệm vụ	- Đánh đổ chế độ phong kiến. - Xóa bỏ tàn tích phong kiến. - Thực hiện dân chủ. - Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.	- Đánh đổ chế độ phong kiến. - Xóa bỏ tàn tích phong kiến. - Thực hiện dân chủ.	- Lật đổ nền thống trị của giai cấp tư sản. - Xây dựng chủ nghĩa xã hội.
Giai cấp lãnh đạo	Giai cấp tư sản (Anh + quý tộc mới).	Giai cấp vô sản.	Giai cấp vô sản (Đảng Bôn-sê-vích Nga).
Động lực Cách mạng	Tư sản và nông dân.	Công nhân, nông dân, binh lính.	Công nhân, nông dân, binh lính.
Xu thế phát triển	Xây dựng chủ nghĩa tư bản.	Tiến lên làm Cách mạng xã hội chủ nghĩa.	Xây dựng chủ nghĩa xã hội.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Vì sao nảy sinh khuynh hướng mới trong phong trào vận động giải phóng dân tộc đầu thế kỉ XX:** *(2,5 điểm)*

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ I của Pháp đã làm cho cơ cấu kinh tế, xã hội Việt Nam có nhiều thay đổi: quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa được du nhập vào bên cạnh sản xuất phong kiến. Các giai cấp, tầng lớp mới ra đời (công nhân, trí thức, tiểu tư sản với những ý nghĩ, cách làm mới).

- Một bộ phận ưu tú trong hàng ngũ trí thức phong kiến đã nhận thấy điểm hạn chế của hệ tư tưởng Nho giáo và sự phản bội của triều đình phong kiến.

- Đang lúc này các tân thư, tân báo của Trung Hoa cổ động cho tư tưởng dân chủ tư sản được đưa vào nước ta và được tiếp nhận một cách nồng nhiệt. Bên cạnh đó, những đổi mới của Nhật Bản sau cuộc Duy tân Minh Trị càng củng cố niềm tin của họ vào con đường Cách mạng tư sản.

Đây chính là những điều kiện làm nảy sinh và thúc đẩy phong trào yêu nước theo khuynh hướng mới ở nước ta đầu thế kỉ XX. Trong đó, Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh là những nhân vật tiêu biểu nhất.

*** Phân tích sự giống nhau và khác nhau giữa khuynh hướng bạo động và cải cách đầu thế kỉ XX?** *(1,5 điểm)*

- *Giống nhau:*

+ Xuất phát từ lòng yêu nước, yêu dân.

+ Những người thực hiện đều là trí thức phong kiến ưu tú mong muốn giành độc lập dân tộc.

+ Đều ảnh hưởng tư tưởng mới bên ngoài.

+ Đều có khuynh hướng cứu nước theo hệ tư tưởng dân chủ tư sản.

- *Khác nhau:*

Phương hướng tiến hành: Khuynh hướng bạo động dùng vũ lực vũ trang đánh Pháp. Khuynh hướng cải cách dùng tuyên truyền giáo dục cổ động lòng yêu nước thông qua các mặt kinh tế, văn hóa, giáo dục.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Ý nghĩa lịch sử của phong trào khởi nghĩa nông dân Yên thế 1884 - 1913:** *(1,5 điểm)*

- Ghi trang vàng trong lịch sử chống Pháp, nêu cao truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc.

- Gây tổn thất nặng nề cho Pháp, giáng đòn quyết tử làm chậm quá trình bình định của Pháp.

- Nêu cao tinh thần quật khởi cùng khả năng chiến đấu ngoan cường, bền bỉ của nhân dân ta, nhất là nông dân, qua đó chứng minh khả năng Cách mạng hùng hậu của nông dân.

*** Phong trào khởi nghĩa nông dân Yên thế lại tồn tại thời gian dài vì:** *(2,5 điểm)*

- Tinh thần chiến đấu ngoan cường, bất khuất của nghĩa quân cộng với sự ủng hộ của nhân dân.

- Sự mưu trí và tài giỏi của chỉ huy, đứng đầu là Hoàng Hoa Thám.

+ Chọn địa bàn thích hợp với cách đánh du kích, nghĩa quân không tự bó mình trong đại bàn doanh Phồn Xương, khi cần sẽ di chuyển trên địa bàn rộng lớn, biết tránh chỗ mạnh của địch, biết kịp thời phân tán lực lượng để tập kích, phục kích làm tiêu hao sinh lực địch.

+ Sách lược khôn khéo, có thời kì thương lượng giảng hòa với Pháp tranh thủ thời gian để củng cố dần lực lượng, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu mới.

+ Cách đánh giặc độc đáo bí mật, cơ động, bất ngờ, đạt hiệu cao.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Mặt trận	Thái độ của triều đình nhà Nguyễn	Thái độ của nhân dân
Chủ trương	- Lúc đầu chủ trương chống Pháp: Cử Nguyễn Tri phương vào tổ chức chông liên quân Pháp - Tây Ban nha ở mặt trận Đà Nẵng, Gia Định... - Về sau chủ trương hòa hoãn, thương lượng rồi hàng hoàn toàn.	- Kiên quyết chống Pháp ngay từ đầu, cùng quân triều đình chống Pháp. - Khi triều đình nhượng bộ đầu hàng Pháp nhân dân vẫn tự động đứng lên chống Pháp.
Việc chuẩn bị	- Lúc đầu triều đình có phòng bị có cử quan triều đình tổ chức chống Pháp tại Đà Nẵng, xây dựng đồn Chí Hòa ở Gia Định. - Về sau chỉ lo thương thuyết.	- Nhân dân tự động chuẩn bị nhân lực, tài lực cho cuộc kháng chiến.
Biện pháp đấu tranh	- Lúc đầu đấu tranh vũ trang. - Về sau đấu tranh chính trị, thương thuyết chuộc đất.	- Đấu tranh vũ trang là chủ yếu. - Ngoài ra còn các hình thức đấu tranh khác như phong trào tịa địa, đấu tranh băng văn học.
Kết quả	- Lúc đầu cũng gây cho Pháp nhiều khó khăn. - Nhưng khi triều đình thương thuyết đi từ nhượng bộ này (Hiệp ước Nhâm Tuất - 1882) đến nhượng bộ khác (Hiệp ước Giáp Tuất - 1874) rồi đầu hàng hoàn toàn (Hiệp ước Hác-măng - 1883 và hiệp ước Pa-tơ-nốt - 1884) → Triều đình trở thành tay sai của Pháp.	- Làm thất bại kế hoạch đánh mau, thắng mau của Pháp, chúng phải mất 26 năm mới chinh phục được Việt nam. - Tuy thất bại nhưng mãi ngời sáng những trang sử hào hùng của dân tộc, có thêm nét đẹp truền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất kiên cường của dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THỪA THIÊN HUẾ
TRƯỜNG THPT QUỐC HỌC HUẾ

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân:** *(0,5 điểm)*

– *Nguyên nhân sâu xa:* dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai: Là do sự phát triển không đồng đều về kinh tế, chính trị giữa các nước tư bản làm so sánh lực lượng giữa các nước tư bản thay đổi, làm cho việc phân chia thế giới theo hệ thống Vécxai - Oa sinh tơn không còn phù hợp nữa. Điều đó đã làm cho mâu thuẫn giữa các đế quốc phát triển, chiến tranh bùng nổ giữa các nước đế quốc nhằm phân chia lại thế giới.

– *Nguyên nhân trực tiếp:* Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) làm những mâu thuẫn trên thêm sâu sắc, dẫn đến việc lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản với ý đồ gây chiến tranh để phân chia lại thế giới.

*** Nói kẻ tội phạm châm ngòi lửa chiến tranh thế giới thứ hai là bọn phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản. Nhưng các nước Anh, Pháp, Mĩ cũng phải chịu một phần về sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai là không sai.** Vì: *(3,5 điểm)*

- Từ cuộc khủng hoảng kinh tế (1929 - 1933), Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản đã phát xít hóa bộ máy thống trị, đi theo đường lối gây chiến tranh chia lại thị trường thế giới:

Năm 1937, ba nước Đức, I-ta-li-a, Nhật hình thành khối phát xít được mệnh danh là trục "Béclin - Rôma - Tôkiô". Khối này vừa chống quốc tế Cộng sản,vừa nhằm chiến tranh để chia lại thế giới. Sau khi chiếm Đông Bắc Trung Quốc (1931), từ năm 1937, Nhật mở rộng chiến tranh xâm lực trên toàn lãnh thổ Trung Quốc. Phát xít I-ta-li-a tiến hành chiến tranh xâm lược Ê-ti-ô-pi-a (1935) cùng với Đức tham chiến ở Tây Ban Nha (1936 - 1939). Sau khi xóa bỏ Hòa ước Véc-xai, nước Đức phát xít hướng tới mục tiêu thành lập một nước "Đại Đức" gồm tất cả các lãnh thổ có dân Đức sinh sống ở châu Âu.

- Trước các cuộc xâm lược của liên minh phát xít, Liên xô xem phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, nên chủ trương liên kết với các nước tư bản Anh, Pháp, Mĩ để chống Phát xít và nguy cơ chiến tranh. Chính phủ các nước Anh, Pháp, Mĩ đều có chung mục đích là giữ nguyên trạng trật tự thế giới có lợi cho mình. Họ lo sợ sự bành trướng của chủ nghĩa phát xít, nhưng vẫn ghét Cộng sản. Vì thế giới cầm quyền các nước Anh, Pháp, thực hiện chính sách nhượng bộ phát xít, hòng đẩy chiến tranh về phía Liên Xô. Với "Đạo luật trung lập", giới cầm quyền Mĩ thực hiện chính sách không can thiệp vào các sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ.

- Để thành lập nhà nước "Đại Đức", lợi dụng sự dung túng của Anh, Pháp, Mĩ - Hít-le đã: sáp nhập Áo (một nước cùng dân tộc với Đức) vào Đức, yêu cầu chính phủ Tiệp Khắc chuyển Xuyđét (vùng biên giới có 3 triệu người Đức sinh sống) cho Đức ...

Ngày 29/9/1938, Hội nghị Muy-ních được triệu tập với sự tham dự của chính phủ Anh, Pháp, Đức, I-ta-li-a. Một hiệp đinh được kí kết, theo đó, Anh, Pháp trao Xuy-đét của Tiệp cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi thôn tính ở châu Âu. Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3/1939). Không dừng lại ở đó, Hít-le bắt đầu gây hấn và ráo riết chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

Sau khi kí xong hiệp ước "Không xâm phạm lẫn nhau Xô - Đức" (23/08/1939). Rạng sáng 1/09/1939, Đức tấn công Ba Lan. Hai ngày sau Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

→ Như vậy, rõ ràng chính sách nhượng bộ của Anh, Pháp, không can thiệp của Mĩ đã không cứu vãn được hòa bình, mà lại khuyến khích bọn phát xít đẩy mạnh chiến tranh xâm lược. Thủ phạm gây chiến tranh là phát xít Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản. Nhưng các cường quốc Anh, Pháp, Mĩ đã tạo điều kiện (dung túng và nhượng bộ), họ cũng phải chịu một phần về sự bùng nổ cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Chính sách / Nội dung	Chính sách Cộng sản thời chiến	Chính sách Kinh tế mới
Hoàn cảnh ra đời *(1,0 điểm)*	11/1918, Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc. 14 nước đế quốc câu kết với lực lượng phản Cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết. Nước Nga bị bao vây 4 phía. Trước tình hình đó Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đã đề ra chính sách Cộng sản thời chiến.	Sau 7 năm chiến tranh (1914-1920), nước Nga bước vào thời kì hoà bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn. Nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng, chính trị không ổn định, các lực lượng phản Cách mạng chống phá... Trước tình hình đó, 3/1921, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã thực hiện Chính sách Kinh tế mới.
Nội dung *(1,0 điểm)*	- Trưng mua lương thực thừa. - Quốc hữu hóa toàn bộ các xí nghiệp. - Nhà nước nắm độc quyền về kinh tế, quản lí và phân phối lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. - Thi hành chế độ lao động cưỡng bức và áp dụng kỉ luật quân sự cơ quan.	- Đặt thuế lương thực cố định. - Trả lại những xí nghiệp dưới 20 công nhân cho tư nhân tự do sản xuất và buôn bán sản phẩm. - Cho tự do buôn bán, mở các loại chợ. - Cho tư bản nước ngoài thuê một số xí nghiệp, hầm mỏ... - Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế cơ bản: công nghiệp, ngân hàng...
Tính chất *(1,0 điểm)*	Nội dung Chính sách "Cộng sản thời chiến" mang tính chất Cộng sản, được đề ra trong thời chiến. Có tính chất khẩn cấp, tạm thời.	Nhà nước chuyển nền kinh tế tập trung, độc quyền sang nền kinh tế có nhiều thành phần và tự do buôn bán dưới sự điều tiết của Nhà nước.
Tác dụng *(1,0 điểm)*	Huy động tối ta nhân tài, vật lực của đất nước, sức mạnh và sự ủng hộ của nhân dân và phục vụ chiến đấu, đánh thắng thù trong giặc ngoài. Năm 1920, Cách mạng Nga toàn thắng.	Khuyến khích sản xuất, giải quyết thất nghiệp, lợi dụng kinh tế tư nhân, tư bản nước ngoài khôi phục và phát triển kinh tế trong nước, củng cố liên minh công - nông trên cơ sở kinh tế... Năm 1923, nền kinh tế được phục hồi và phát triển, Nhà nước vô sản được củng cố. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước trên thế giới.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

– Từ năm 1858 đến cuối thế kỉ XIX, song song với quá trình xâm lược của thực dân Pháp và quá trình đầu hàng của nhà nước phong kiến Nguyễn là quá trình kháng chiến của nhân dân ta. Cuộc kháng chiến này đã trải qua quá trình lâu dài, liên tục song cũng phức tạp và được chia làm 2 giai đoạn: 1858 - 1884 và 1885 - cuối thế kỉ XIX.

– Từ 1858 - 1884, là giai đoạn trước khi triều đình kí hiệp ước đầu hàng. Nhìn chung cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong giai đoạn này diễn ra ít nhiều có sự chi phối của triều đình thông qua thái độ của các quan lại địa phương. Nếu quan lại nơi nào còn đánh Pháp, nơi đó nhân dân vẫn phối hợp với quan quân triều đình và ủng hộ quan quân kháng chiến. Tình hình trên đã diễn ra như thế ở Nam Bộ, ít nhất là đến trước 1862. Ở Bắc và Trung Kì cũng có tình hình như vậy trước khi triều đình kí hiệp ước đầu hàng 1884. Ở Nam Bộ từ năm 1862, do sự khiếp sợ của quan quân ở đây, cuộc kháng chiến của nhân dân ta thoát li khỏi sự chi phối của triều đình và chĩa mũi nhọn đấu tranh vào cả triều đình phản bội.

– Từ 1885 - cuối thế kỉ XIX, từ sau vụ phản công ở kinh thành Huế, cuộc kháng chiến của nhân dân ta chuyển sang một bước ngoặt. Từ đây cuộc kháng chiến chủ yếu ở Bắc và Trung Kì nhằm vào cả 2 đối tượng: Thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Song cuộc kháng chiến không đồng nhất về mặt nội dung và tính chất mà phân làm 2 tuyến:

+ Tuyến một gồm những phong trào do văn thân, sĩ phu, quan lại yêu nước lãnh đạo. Thường gọi là phong trào Cần Vương.

+ Tuyến hai là những cuộc kháng chiến tự phát của nhân dân ta hoặc do các thành phần không phải văn thân, sĩ phu yêu nước lãnh đạo không ảnh hưởng trực tiếp, sâu sắc của hệ tư tưởng phong kiến mà bị chi phối bởi những quyền lợi trực tiếp của một địa phương. Tiêu biểu là phong trào nông dân Yên Thế.

Tuy vậy, sự phân biệt giữa hai loại phong trào này không hoàn toàn tuyệt đối. Cả hai đều có mặt đồng nhất về nội dung, vì cùng phản ánh mâu thuẫn giữa dân tộc ta với thực dân Pháp và phong kiến tay sai. Đồng thời phong trào Cần Vương đều có tiền thân là phong trào tự động kháng chiến của nhân dân ta và trong nhiều trường hợp, một số cuộc khởi nghĩa như: Bãi Sậy, Sông Đà... vào giai đoạn cuối lại chuyển sang trạng thái tự động.

– Tình hình trên cho thấy, phong trào kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta từ sau vụ phản công kinh thành Huế, mặc dù sôi nổi hơn, song cũng không vượt qua được tình trạng không thống nhất về lãnh đạo, phân tán về tổ chức đã bị địch lần lượt đàn áp.

Nguyên nhân cơ bản của tình trạng trên là sự bất cập của những người lãnh đạo, còn chịu sự chi phối của tư tưởng phong kiến nho giáo, không đáp ứng yêu cầu lãnh đạo một phong trào dân tộc trong thời kì đế quốc chủ nghĩa.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

– Nửa sau thế kỉ XIX, trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào đấu tranh vũ trang chống thực dân Pháp của nhân dân ta, diễn ra liên tục với đỉnh cao là phong trào Cần Vương. Thực chất đây là phong trào chống thực dân Pháp và tay sai để giữ và giành độc lập dân tộc dưới chế độ phong kiến.

– Đầu thế kỉ XX, trước những chuyển biến về kinh tế, xã hội và ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng tư sản từ bên ngoài dội vào, đã xuất hiện một trào lưu dân tộc chủ nghĩa với cuộc vận động dân tộc – dân chủ của những tầng lớp xã hội mới. Đây là phong trào theo khuynh hướng dân chủ tư sản của tầng lớp nho sĩ cũ đã ảnh hưởng tư tưởng mới ở bên ngoài (tư tưởng Duy tân). Vì vậy, có thể nói đây là sự kế tục của phong trào Cần Vương yêu nước cuối thế kỉ XIX, đồng thời đánh dấu bước phát triển mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta.

– Chủ nghĩa yêu nước của phong trào Cần Vương là "trung quân ái quốc": của sĩ phu, văn thân thời trước đã chuyển thành "trung dân ái quốc" (yêu nước gắn liền với thương dân). Khởi xướng phong trào là những sĩ phu yêu nước tiến bộ, tiêu biểu: Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh. Họ mất niềm tin vào chế độ phong kiến, họ bắt đầu có ý thức về dân chủ và dân quyền. Họ chủ trương giải phóng dân tộc gắn liền với duy tân, thay đổi xã hội hiện tại. Mục đích cứu nước để cứu dân, gắn cuộc đấu tranh giành độc lập với phát triển đất nước theo hướng chủ nghĩa tư bản.

– Hình thức và phương pháp đấu tranh không chỉ đấu tranh vũ trang mà còn kết hợp nhiều biện pháp, đấu tranh trên nhiều lĩnh vực: Kinh tế, chính trị, ngoại giao, tư tưởng, văn hóa, đoàn kết dân tộc, vận động giúp đỡ từ bên ngoài...

– Tư tưởng, mục tiêu, nhiệm vụ và phương thức đấu tranh trên đây đã làm dấy lên cuộc vận động cứu nước sôi nổi, sâu rộng trong đông đảo quần chúng đầu thế kỉ XX với các phong trào: Đông du, vận động cải cách Duy tân, Đông Kinh nghĩa thục, chống thuế Trung Kì. Tuy chưa làm bùng nổ một cuộc Cách mạng tư sản thực sự nhưng có thể nói phong trào yêu nước và Cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX, không chỉ là sự kế tục phong trào Cần Vương yêu nước cuối thế kỉ XIX, mà còn đánh dấu bước phát triển mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc ở nước ta.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Bảng thống kê phong trào đấu tranh vũ trang (1914 - 1918):** *(2,5 điểm)*

TT	Phong trào	Địa bàn	Hình thức đấu tranh	Thành phần chủ yếu	Kết quả
1	Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội	Dọc biên giới Việt - Trung	Vũ trang	Công nhân, viên chức thỏa xa	Thất bại
2	Vận động khởi nghĩa của Thái Phiên và Trần Cao Vân	Trung Kì	Vũ trang	Nhân dân, đặc biệt là binh lính	Thất bại
3	Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên	Thái Nguyên	Vũ trang	Binh lính	Thất bại

4	Phong trào Hội Kín ở Nam Kì	Nam Kì	Vũ trang	Nông dân	Thất bại
5	Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số	Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên	Vũ trang	Nhân dân lao động	Thất bại

*** Nhận xét:** *(1,5 điểm)*

- Thành phần tham gia:

Lôi cuốn nhiều tầng lớp, giai cấp, bộ phận bị áp bức trong xã hội. Hoạt động của binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp càng minh chứng cho truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

- Thành phần lãnh đạo:

Không thuộc một tổ chức Cách mạng có tôn chỉ, mục đích và chương trình kế hoạch hoạt động chặt chẽ. Đó chỉ là những phần tử yêu nước thuộc những thành phần khác nhau: Trí thức, nông dân, binh lính, tù chính trị... Thể theo yêu cầu trực tiếp của từng đoàn người đứng ra phát động khởi nghĩa. Tình hình ấy đã dẫn tới sự không thống nhất về mục tiêu đấu tranh, về phối hợp hành động và các cuộc khởi nghĩa rơi vào tình trạng tự phát hoặc phiêu lưu, manh động.

- Tính chất chung của phong trào:

Mặc dầu thiếu lãnh đạo, phong trào mang tính tự phát, song nhìn một cách khái quát những phong trào này vẫn kế thừa được xu hướng mới của cuộc vận động giải phóng dân tộc trước Chiến tranh thế giới thứ nhất.

Xu hướng dân chủ tư sản, xu hướng này vẫn được thể hiện tương đối rõ trong cuộc khởi nghĩa Duy tân và khởi nghĩa Thái Nguyên thông qua những người lãnh đạo ít nhiều có liên hệ với Phan Bội Châu và hướng theo tôn chỉ của Việt Nam Quang phục hội. Riêng hoạt động của Hội kín, xu hướng này có phần mờ nhạt hơn, song hoạt động của họ ít nhiều gắn với lời kêu gọi của Phan Bội Châu và Cường Để, nên ít nhiều cũng chịu ảnh hưởng của cuộc vận động cứu nước của hai ông.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KIÊN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH MẪN ĐẠT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

- Cách mạng tháng Mười đưa đến việc thành lập nhà nước XHCN đầu tiên trên thế giới, có ý nghĩa to lớn đối với nước Nga và thế giới.

- Đối với nước Nga: *(2,25 điểm)*

+ Mở ra một kỉ nguyên mới cho nước Nga, làm thay đổi vận mệnh của đất nước và số phận hàng triệu con người ở Nga.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng, thoát khỏi xiềng xích nô lệ, làm chủ vận mệnh đất nước.

+ Sự ra đời của nhà nước XHCN đã đưa nhân dân lên nắm chính quyền ở một nước chiếm 1/6 diện tích thế giới.

- Đối với thế giới: *(1,5 điểm)*

+ Ảnh hưởng đến phong trào Cách mạng thế giới, đặc biệt phong trào đấu tranh giành độc lập của các nước thuộc địa và phụ thuộc.

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào Cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ ra cho họ con đường đi đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống CNTB.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

	Chính sách Cộng sản thời chiến (1918 - 1921)	**Chính sách Kinh tế mới (1921 - 1925)**
Bối cảnh lịch sử	- Chính quyền Cách mạng còn non trẻ. Kinh tế, xã hội còn rất khó khăn. - Ngoại xâm, nội phản.	- Sau 7 năm chiến tranh nền kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng. - Tình hình chính trị không ổn định. Các lực lượng phản Cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi. - Chính sách Cộng sản thời chiến không còn phù hợp đã kìm hãm nền kinh nước Nga. → Nước Nga Xô viết lâm vào khủng hoảng.
Nội dung	+ Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp. Thi hành chế độ lao động cưỡng bức. + Trưng thu lương thực thừa của nông dân.	* *Nông nghiệp*: Thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thuế lương thực. * *Công nghiệp:* + Khôi phục công nghiệp nặng, + Cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp nhỏ có sự kiểm soát của Nhà nước. + Khuyến khích nước ngoài đầu tư vào Nga. + Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế chủ chốt: công nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng, ngoại thương. * *Thương nghiệp, tiền tệ:* + Tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi, mở chợ, khôi phục và đẩy mạnh mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn. + Năm 1924, Nhà nước phát hành đồng rúp mới.

Kết quả	- Động viên tối đa nhân lực, vật lực của đất nước, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đến cuối 1920, Nga đẩy lùi được thù trong giặc ngoài. - Nước Nga đã bảo vệ được chính quyền non trẻ.	- Nhân dân Xô viết đã vượt qua được những khó khăn to lớn, phấn khởi sản xuất và hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế. - Để lại nhiều kinh nghiệm đối với công cuộc xây dựng CNXH ở một số nước trên thế giới.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

- Chiều ngày 31 - 8 - 1858, 3.000 quân Pháp - Tây Ban Nha dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng. Rạng sáng 1 - 9 - 1858, liên quân Pháp nổ súng mở đầu cuộc xâm lược nước ta. Quân ta dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương anh dũng chống trả. Pháp bước đầu thất bại. Sau 5 tháng xâm lược chỉ chiếm được bán đảo Sơn Trà.

- Ngày 17 - 2 - 1859, Pháp đánh Gia Định. Quân triều đình chống cự yếu ớt rồi tan rã, mặc dù có nhiều binh khí, lương thực.

- Ngày 24 - 2 - 1861, Pháp mở cuộc tấn công quy mô vào Đại đồn Chí Hòa. Quân ta kháng cự mạnh mẽ, nhưng ko thắng nổi, Đại đồn Chí Hòa thất thủ. Thừa thắng, Pháp lần lượt chiếm các tỉnh Định Tường, Biên Hòa và Vĩnh Long.

- Ngày 5 - 6 - 1862, triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất, nhượng cho Pháp nhiều quyền lợi, trong đó có việc thừa nhận 3 tỉnh miền Đông cho Pháp: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa.

- Ngày 6 - 1867, Pháp chiếm 3 tỉnh miền Tây: Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên.

- Ngày 20 - 11 - 1873, Pháp nổ súng đánh thành Hà Nội lần I, quân triều đình dưới sự chỉ huy của Nguyễn Tri Phương kháng cự, nhưng thất bại. Trong vòng chưa đầy 1 tháng, Pháp đã chiếm được các tỉnh: Hưng Yên, Hải Dương, Bắc Ninh, Nam Định, Ninh Bình.

- Ngày 15 - 3 - 1874, triều đình Huế phải kí với Pháp hiệp ước Giáp Tuất. Pháp sẽ rút quân khỏi Bắc kì, còn triều đình Huế thì chính thức thừa nhận 6 tỉnh Nam kì hoàn toàn thuộc Pháp.

- Ngày 25 - 4 - 1882, Pháp nổ súng chiếm thành Hà Nội lần II. Quan quân triều đình và Hoàng Diệu chỉ huy quân sĩ chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội → thất bại. Sau đó, chúng đưa quân đi chiếm Hòn Gai, Quảng Yên, Nam Định.

- Ngày 25 - 8 - 1882, triều đình nhà Nguyễn buộc phải kí với Pháp hiệp ước Hác-măng và 6 - 6 - 1884 hiệp ước Pa-tơ-nốt. Với 2 bản hiệp ước này, thực dân Pháp đã hoàn thành quá trình xâm lược VN về mặt quân sự.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân bùng nổ:** *(1,0 điểm)*

- Với hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt, đã chấm dứt sự tồn tại của nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Thực dân Pháp đã áp đặt chế độ đô hộ trên toàn bộ nước ta.

- Nhân dân và quan lại yêu nước vừa bất bình với sự hèn yếu của triều đình vừa căm thù thực dân nên họ quyết tâm đấu tranh chống bọn cướp nước và bán nước.

- Sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế thất bại, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương.

*** Nguyên nhân thất bại:** *(3,0 điểm)*

- Chủ quan:

+ Giai cấp lãnh đạo là tầng lớp sĩ phu xuất thân từ nông dân, tầng lớp này không đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, không còn đủ khả năng nắm lấy ngọn cờ lãnh đạo Cách mạng ở Việt Nam.

+ Phong trào Cần Vương đi theo con đường phong kiến lạc hậu, nên những phong trào diễn ra lẻ tẻ, rời rạc nên dễ bị cô lập và đàn áp.

+ Chiến lược và chiến thuật của phong trào còn non yếu, chưa phù hợp với thực tiễn của cuộc đấu tranh dân tộc và giai cấp. Chủ yếu dựa vào chiến tranh du kích nhỏ, lẻ.

+ Cuộc khởi nghĩa chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của toàn dân, chưa thực hiện chiến tranh nhân dân.

- Khách quan:

+ Do hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội ở Việt Nam chưa chín muồi, chưa đáp ứng được yêu cầu của thời đại.

+ Do tương quan lực lượng giữa ta và Pháp còn chênh lệch: Pháp mạnh, ta yếu.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

- Các bậc tiền bối mà tiêu biểu là Phan Bội Châu đã chọn con đường sang phương Đông chủ yếu là Nhật, vì ở đó từng diễn ra cuộc Cải cách Minh Trị 1868 làm cho Nhật thoát khỏi số phận một nước thuộc địa; vì Nhật đánh bại đế quốc Nga trong cuộc chiến tranh Nga - Nhật 1904 - 1905 và Nhật còn là nước Đồng văn, đồng chủng với Việt Nam. Đối tượng mà ông gặp gỡ là những chính khách Nhật để xin họ giúp Việt Nam đánh Pháp. Phương pháp của cụ là vận động, tổ chức lực lượng đấu tranh bạo động.

- Còn Nguyễn Ái Quốc sang phương Tây, nhất là nước Pháp, nơi diễn ra những cuộc Cách mạng tư sản, có khoa học kĩ thuật, có nền văn minh phát triển. Đặc biệt, lúc này thực dân Pháp đang thống trị, đô hộ nước ta, một mặt chúng ra sức đàn áp, bóc lột nhân dân Việt Nam, mặt khác chúng rêu rao khẩu hiệu: Tự do, bình đẳng, bác ái. Người đến để tìm hiểu sự thật của nền văn minh nước Pháp, tìm hiểu sự thật về đời sống của giai cấp công nhân và nhân dân lao động ở Pháp, tìm hiểu sự thật của khẩu hiệu đó.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ KHIẾT

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Nội dung cơ bản:** *(3,0 điểm)*

Tháng 1 - 1868 sau khi lên ngôi, Thiên hoàng Minh Trị đã thực hiện một loạt cải cách tiến bộ:

- *Về chính trị:* Thủ tiêu chế độ Mạc phủ, thành lập chính phủ mới, trong đó đại biểu của tầng lớp quý tộc tư sản hoá đóng vai trò quan trọng, thực hiện quyền bình đẳng giữa các công dân. Năm 1889, Hiến pháp mới được ban hành, chế độ quân chủ lập hiến được xác lập...

- *Về kinh tế*: Chính phủ đã thi hành các chính sách thống nhất tiền tệ, thống nhất thị trường, cho phép mua bán ruộng đất, tăng cường phát triển kinh tế TBCN ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống...

- *Về quân sự*: Quân đội được tổ chức và huấn luyện theo kiểu phương Tây, chế độ nghĩa vụ quân sự thay cho chế độ trưng binh. Công nghiệp đóng tàu chiến được chú trọng phát triển, tiến hành sản xuất vũ khí, đạn dược và mời chuyên gia quân sự nước ngoài...

- *Về giáo dục*: Chính phủ thi hành chính sách giáo dục bắt buộc, chú trọng nội dung khoa học - kĩ thuật trong chương trình giảng dạy, cử những học sinh giỏi đi du học ở phương Tây...

*** Kết quả, ý nghĩa:** *(1,0 điểm)*

- Cuộc Duy tân Minh Trị thắng lợi, đã tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nhật Bản phát triển mạnh mẽ, đất nước được hiện đại hoá. Nguy cơ xâm lược từ các nước tư bản phương Tây bị đẩy lùi.

- Nhật Bản nhanh chóng gia nhập vào thế giới tư bản chủ nghĩa, trở thành biểu tượng của công cuộc Duy tân, tự cường của châu Á cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Quân Đồng minh đánh bại phát xít I-ta-li-a:** *(1,0 điểm)*

- Tháng 7 - 1943, quân Đồng minh đổ bộ đánh chiếm đảo Xi-xi-li-a, sau đó tiến đánh Thủ đô Rô-ma.

- Tại Rô-ma, Mút-xô-li-ni bị tống giam, chính phủ mới được thành lập, đầu hàng quân Đồng minh.

- Sau đó, được sự giúp đỡ của quân Đức, Mút-xô-li-ni được giải thoát và lập lại chế độ phát xít ở miền Bắc I-ta-li-a. Hơn 30 sư đoàn quân Đức được điều sang I-ta-li-a chống cự kéo dài hơn 2 năm, mãi đến tháng 5 - 1945 mới bị khuất phục.

- Ý nghĩa: Sự thất bại của phát xít I-ta-li-a làm suy yếu lực lượng của phe phát xít ở châu Âu, đồng thời Đức phải chi viện cho nhiều chiến trường khiến lực lượng bị yếu và mỏng. Từ đó, tạo điều kiện cho phe Đồng minh đánh bại phát xít Đức.

*** Quân Đồng minh đánh bại phát xít Đức:** *(1,75 điểm)*

- Đến nửa cuối năm 1944, quân Đồng minh đã tiến sát biên giới của Đức (Hồng quân Liên Xô ở phía Đông; liên quân Anh - Mĩ ở phía Tây) chuẩn bị tấn công tiêu diệt phát xít Đức.

- Từ tháng 1 - 1945, Hồng quân Liên Xô bắt đầu cuộc tấn công Đức ở mặt trận phía Đông. *(0,25 điểm)*

- Từ tháng 2 - 1945, cuộc tấn công quân Đức ở mặt trận phía Tây của quân Đồng minh cũng bắt đầu.

- Giữa tháng 4 - 1945, Hồng quân Liên Xô bắt đầu mở cuộc tấn công Béc-lin và đập tan sự kháng cự của hơn 1 triệu quân Đức.

- Cùng lúc đó, quân đội Anh - Mĩ cũng tiến vào thủ đô Béc-lin gặp Hồng quân Liên Xô ở Toóc-gâu (bên bờ sông En-bơ).

- Ngày 30 - 4 - 1945, lá cờ đỏ búa liềm của Hồng quân Liên Xô được cắm trên nóc nhà Quốc hội Đức. Hít-le tự sát trong hầm chỉ huy.

- Ý nghĩa: Với sự thất bại này, buộc phát xít Đức phải kí văn bản đầu hàng không điều kiện đối với phe Đồng minh (9 - 5 - 1945). Chế độ phát xít ở Đức bị sụp đổ hoàn toàn. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Âu.

*** Quân Đồng minh đánh bại quân phiệt Nhật Bản:** *(1,25 điểm)*

- Từ năm 1944, quân Mĩ đã tăng cường uy hiếp, đánh phá các thành phố lớn của Nhật Bản bằng không quân.

- Ngày 6 - 8 - 1945, Mĩ ném quả bom nguyên tử đầu tiên xuống thành phố Hirôsima làm 8 vạn người Nhật chết.

- Ngày 8 - 8 - 1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và tấn công tiêu diệt đạo quân Quan Đông gồm 70 vạn quân của Nhật ở Mãn Châu (Trung Quốc).

- Ngày 9 - 8 - 1945, Mĩ ném tiếp quả bom nguyên tử thứ hai hủy diệt thành phố Nagaxaki, giết hại hai vạn người.

- Ý nghĩa: Với những thất bại đó đã buộc Nhật Bản phải chấp nhận đầu hàng không điều kiện phe Đồng minh (15 - 8 - 1945). Chế độ quân phiệt Nhật Bản sụp đổ hoàn toàn. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ở châu Á cũng như trên toàn thế giới.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Hoàn cảnh triều đình nhà Nguyễn kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862)** *(1,25 điểm)*

- Đến tháng 3 - 1862, sau khi chiếm Đại đồn Chí Hòa, thực dân Pháp lần lượt chiếm ba tỉnh miền Đông là Gia Định, Định Tường, Biên Hòa và một tỉnh miền Tây là Vĩnh Long.

- Khi Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông, cuộc kháng chiến của nhân ta càng phát triển mạnh hơn, các toán nghĩa quân của Trương Định, Lê Huy, Trần Thiện Chính đã chiến đấu rất anh dũng và lập được nhiều chiến công.

- Ngày 10 - 12 - 1861, Nguyễn Trung Trực chỉ huy nghĩa quân đánh chìm chiếc tàu Ét-pê-răng (Hi Vọng) của giặc trên sông Vàm Cỏ Đông làm nức lòng nhân dân ta.

- Cuộc kháng chiến của nhân dân ta làm cho quân Pháp gặp nhiều khó khăn, vô cùng bối rối, hoang mang dao động.

- Trong khi đó, triều đình lại không cùng nhân dân ta đánh đuổi Pháp mà lại kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862)

*** Nội dung của Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862):** *(1,0 điểm)*

- Nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn.

- Bồi thường cho Pháp 20 triệu quan (tương đương khoảng 280 vạn lạng bạc).

- Mở các cửa biển Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán.

- Thành Vĩnh Long sẽ được trả lại cho triều đình Huế khi nào triều đình chấm dứt được các hoạt động chống Pháp ở ba tỉnh miền Đông.

*** Nguyên nhân triều đình nhà Nguyễn chấp nhận kí Hiệp ước Nhâm Tuất với Pháp:** *(0,75 điểm)*

- Do triều đình có tư tưởng sợ Pháp, không nhìn thấy được tình hình địch mà chỉ thấy sức mạnh vượt trội về vũ khí của chúng.

- Triều đình không đủ sức vừa chống Pháp ở Nam Kì vừa chống các cuộc nổi dậy của nhân dân chống triều đình ở Trung Kì và Bắc Kì. Cho nên muốn hòa hoãn với Pháp ở Nam Kì để tập trung lực lượng đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ở Bắc Kì và Trung Kì.

- Triều đình không tin tưởng vào năng lực kháng chiến của nhân dân. Có ảo tưởng thông qua thương thuyết có thể lấy lại các tỉnh đã mất.

*** Ảnh hưởng đến cuộc kháng chiến của nhân dân ta:** *(1,0 điểm)*

- Các lực lượng kháng chiến của triều đình ở ba tỉnh miền Đông buộc phải giải tán, chuyển ra khỏi các tỉnh miền Đông Nam Kì. Những người kháng chiến không tuân lệnh bị kết tội.

- Phong trào kháng chiến thiếu người lãnh đạo, thiếu chỗ dựa tinh thần, thiếu vũ khí... Như vậy, lực lượng kháng chiến của nhân dân ta bị suy yếu đi.

- Kẻ thù được tăng cường quân số và vũ khí. Chính quyền thuộc địa của Pháp ở ba tỉnh miền Đông được xây dựng và củng cố. Như vậy, tương quan lực lượng giữa ta với Pháp có lợi cho Pháp. Điều kiện kháng chiến của nhân dân ta khó khăn, gian khổ hơn.

- Mặc dù vậy, nhân dân ta vẫn anh dũng kháng chiến chống giặc. Tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa do Trương Định chỉ huy.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Khái quát Khởi nghĩa Hương Khê:** *(2,25 điểm)*

- Địa bàn: Hương Khê là một huyện miền núi phía Tây tỉnh Hà Tĩnh. Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa là Phan Đình Phùng.

- Các giai đoạn: Từ năm 1885 đến 1888, là giai đoạn chuẩn bị lực lượng, xây dựng cơ sở chiến đấu của nghĩa quân; từ năm 1888 đến 1896, nghĩa quân bước vào giai đoạn chiến đấu quyết liệt - giai đoạn chính của cuộc khởi nghĩa.

- Diễn biến chính:

+ Sau một thời gian ra Bắc tìm cách liên lạc với các sĩ phu, văn thân, Phan Đình Phùng trở về Hà Tĩnh, cùng Cao Thắng trực tiếp lãnh đạo cuộc khởi nghĩa.

+ Từ đầu năm 1889, nghĩa quân đẩy mạnh hoạt động và liên tục mở các đợt tập kích, đẩy lùi nhiều cuộc hành quân càn quét của địch. Nhiều trận đánh nổi tiếng đã diễn ra.

+ Trước sức mạnh áp đảo của địch, nghĩa quân vẫn kiên trì chiến đấu như trận phục kích ở núi Vụ Quang, giết chết hàng chục tên giặc.

+ Sau trận đánh ở núi Vụ Quang, đội quân tay sai của Pháp do Nguyễn Thân chỉ huy tiếp tục tổ chức cuộc vây hãm ở núi Vụ Quang. Nghĩa quân bị triệt đường tiếp tế, quân số giảm sút nhiều. Trong một trận chiến đấu, Phan Đình Phùng bị thương nặng và hi sinh ngày 28 - 12 - 1895. Năm 1896, những thủ lĩnh cuối cùng của cuộc khởi nghĩa lần lượt rơi vào tay Pháp.

*** Kết luận:** *(1,75 điểm)*

Khởi nghĩa Hương Khê được coi là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương:

- Thời gian khởi nghĩa: kéo dài suốt hơn 10 năm (từ 1885 đến 1896).
- Phạm vi rộng lớn: bao gồm 4 tỉnh Bắc Trung Kì (Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình).
- Lãnh tụ khởi nghĩa: Phan Đình Phùng, người từng giữ chức quan Ngự sử trong triều đình nhà Nguyễn, bên cạnh đó còn có Cao Thắng là một vị chỉ huy tài giỏi.
- Lực lượng tham gia:

+ Thu hút được đông đảo lực lượng từ 4 tỉnh Bắc Trung Kì.

+ Nghĩa quân đã chế tạo được loại súng trường tương tự của Pháp.

+ Đã có hơn 3 năm chuẩn bị xây dựng lực lượng về mọi mặt với quy mô lớn, hết sức chu đáo.

- Tổ chức được nhiều trận đánh lớn, thực dân Pháp và tay sai tốn nhiều công sức để bao vây, dập tắt.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Giai đoạn / Tình hình xã hội	Cuộc khai thác lần thứ nhất của thực dân Pháp	Chiến tranh thế giới thứ nhất
Địa chủ *(1,0 điểm)*	- Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ phong kiến trở nên rất giàu có; dựa vào thực dân Pháp ra sức chiếm đoạt đoạt ruộng đất của làng xã, của nông dân. - Tuy nhiên một số địa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép, ít nhiều có tinh thần chống Pháp.	Chiếm đoạt ngày càng nhiều ruộng đất của nông dân.
Nông dân *(1,0 điểm)*	- Ngoài những nỗi khổ truyền thống nay lại càng thêm khổ vì nạn cướp đất lập đồn điền, dựng nhà máy của thực dân Pháp… - Là một lực lượng to lớn trong phong trào chống Pháp nhưng do thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên họ chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của mình.	- Bị bắt lính làm bia đỡ đạn cho thực dân Pháp ở các chiến trường. - Đời sống ngày càng bần cùng.
Công nhân *(1,0 điểm)*	- Xuất hiện cùng với cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp, làm việc trong các hầm mỏ, đồn điền, các xí nghiệp công nghiệp, công trường; còn non trẻ, mục tiêu đấu tranh chủ yếu là vì quyền lợi kinh tế ngoài ra còn hưởng ứng các phong trào chống Pháp do các tầng lớp khác lãnh đạo.	- Tăng lên về số lượng. - Đời sống khó khăn.

Tư sản *(0,5 điểm)*	- Là những người làm trung gian, đại lí tiêu thụ hoặc mua bán hàng hoá hoặc thu mua hàng hoá, cung ứng nguyên vật liệu. - Là những người giàu có trong xã hội.	Trong một số ngành đã thoát khỏi sự kiềm chế của tư bản Pháp, tiêu biểu như Bạch Thái Bưởi.
Tiểu tư sản thành thị *(0,5 điểm)*	Thành phần khá phức tạp: tiểu thương, tiểu chủ sản xuất và buôn bán hàng thủ công, viên chức, nhà giáo, học sinh sinh viên…	Có bước phát triển rõ rệt về số lượng.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Ở Trung Quốc: Cải cách Mậu Tuất (1898):** *(1,0 điểm)*

- Người khởi xướng là phái Duy tân: Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đã dựa vào vua Quang Tự để tiến hành cải cách.

- Nội dung cải cách:

+ Kinh tế: Lập ngân hàng, xây dựng đường sắt, tiến hành khai mỏ. Khuyến khích tư nhân kinh doanh. Công khai dự toán xuất nhập khẩu của Nhà nước.

+ Chính trị: Sửa đổi pháp luật, ban bố các quyền tự do dân chủ (tự do ngôn luận, xuất bản, lập hội). Xoá bỏ một số đặc quyền của quý tộc Mãn Thanh.

+ Văn hoá, giáo dục: Sửa đổi chế độ thi cử. Lập nhiều trường học, nhà in. Mở trường đại học ở Bắc Kinh, cử người đi học ở nước ngoài.

+ Quân đội: Trang bị, huấn luyện theo kiểu phương Tây. Kiểm soát chặt chẽ lực lượng vũ trang.

→ Cuộc cải cách tiến hành được 100 ngày thì thất bại.

*** Ở Nhật Bản: Cải cách Minh Trị (1868):** *(1,0 điểm)*

- Người khởi xướng: Thiên hoàng Minh Trị

- Nội dung cải cách:

+ Kinh tế: Thống nhất tiền tệ, thị trường, cho phép mua bán ruộng đất, phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở nông thôn, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ giao thông liên lạc. Nhà nước nắm giữ việc khai mỏ.

+ Chính trị: Xoá bỏ chế độ Mạc phủ, thành lập chính phủ mới tổ chức theo kiểu châu Âu, xoá bỏ tình trạng cát cứ, đưa Nhật Bản thành một quốc gia thống nhất. Thông qua Hiến pháp 1889 thiết lập nền quân chủ lập hiến.

+ Văn hoá, giáo dục: Thực hiện chế độ giáo dục bắt buộc, tăng cường nội dung khoa học kỹ thuật trong chương trình giảng dạy, cử học sinh đi du học phương Tây.

+ Quân đội: Tổ chức huấn luyện theo kiểu phương Tây, chú trọng phát triển công nghiệp tàu chiến, sản xuất vũ khí.

→ Cải cách thành công.

*** Cải cách Mậu tuất Trung Quốc thất bại vì:** *(1,25 điểm)*

- Do vấp phải sự chống đối rất mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến do Thái hậu Từ Hi cầm đầu.

- Vua Quang Tự chỉ là bù nhìn không có thực quyền chính trị.

- Phong trào phát triển chủ yếu trong tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiến bộ nhưng không đi vào nhân dân lao động, không động viên cũng không muốn dùng nhân dân làm hậu thuẫn.

- Nội bộ chưa đoàn kết.

→ Cải cách Mậu Tuất thất bại làm cho Trung Quốc ngày càng suy yếu, tạo điều kiện thuận lợi cho các nước tư bản phương Tây xâm lược. Cuối thế kỉ XIX, Trung Quốc trở thành một nước nửa thuộc địa, nửa phong kiến.

*** Cải cách Nhật Bản thành công vì:** *(0,75 điểm)*

- Được sự hậu thuẫn mạnh mẽ của các tầng lớp nhân dân, đặc biệt là tầng lớp quí tộc Đaimiô và tầng lớp Sa-mu-rai.

- Người tiến hành cải cách là Thiên hoàng Minh Trị, nắm trong tay thực quyền và là người có tư tưởng Duy Tân tiến bộ.

→ Cải cách thành công đã đưa Nhật Bản thoát khỏi số phận một nước thuộc địa và trở thành một nước tư bản phát triển, một đế quốc hùng mạnh ở châu Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Cách mạng tháng Mười Nga được đánh giá là một sự kiện lịch sử vĩ đại vì:** *(2,0 điểm)*

Cách mạng tháng Mười Nga thành công dẫn đến thành lập nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới có ý nghĩa lịch sử trọng đại đối với nước Nga và toàn thế giới.

- Đối với nước Nga:

+ Mở ra một kỉ nguyên mới làm thay đổi hoàn toàn tình hình đất nước và số phận hàng triệu người ở nước Nga.

+ Lần đầu tiên trong lịch sử Nga, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc được giải phóng khỏi mọi gông xiềng nô lệ, đứng lên làm chủ đất nước và vận mệnh của mình.

+ Xây dựng một xã hội mới ở Nga, xã hội tự do, hạnh phúc và công bằng do nhân dân nắm chính quyền.

- Đối với thế giới:

+ Làm thay đổi cục diện chính trị thế giới. Phá vỡ trận tuyến của chủ nghĩa tư bản, nó không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới.

+ Có ảnh hưởng mạnh mẽ đến phong trào Cách mạng thế giới, đặc biệt là phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc.

+ Cổ vũ mạnh mẽ phong trào Cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế, chỉ cho họ con đường đi tới thắng lợi rong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản.

*** Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười đối với Cách mạng Việt Nam:** *(2,0 điểm)*

- Năm 1920 Nguyễn Ái Quốc đọc bản "Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lê-nin và Người đã tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam. Đó là sự kết hợp phong trào giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, kết hợp phong trào công nhân, phong trào yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản.

- Học tập Lê-nin, Nguyễn Ái quốc đã thành lập tổ chức Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là tiền thân của Đảng và được sự huấn luyện giảng dạy trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc nâng cao ý thức chính trị của Lê-nin.

- Cuộc Cách mạng tháng Mười ở Nga ảnh hưởng trực tiếp đến cách mạng Việt Nam thông qua con đường sách báo bí mật. Các tác phẩm như *Bản án chế độ thực dân pháp, Đường Cách mạng*... mở lớp đào tạo cán bộ, gây cơ sở Cách mạng trong nước.

- Từ kinh nghiệm thắng lợi của Cách mạng tháng Mười Nga, dưới sự lãnh đạo của Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời 3 - 2 - 1930 đã lãnh đạo Cách mạng Việt Nam đến thắng lợi cuối cùng.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Tại sao Pháp chọn Đà Nẵng làm mục tiêu mở đầu cho cuộc tấn công xâm lược Việt Nam vì:** *(2,0 điểm)*

- Đà Nẵng có vị trí chiến lược quan trọng, nếu chiếm được Đà Nẵng sẽ thuận lợi cho việc thực hiện kế hoạch " đánh nhanh thắng nhanh" của Pháp.

- Đà Nẵng có cảng biển sâu và rộng, tàu chiến có thể ra vào dễ dàng, lại nằm trên đường thiên lí Bắc - Nam.

- Hậu phương Đà Nẵng là vùng đồng bằng Nam - Ngãi (Quảng Nam, Quảng Ngãi) có thể lợi dụng để thực hiện âm mưu " lấy chiến tranh nuôi chiến tranh".

- Đà Nẵng cách Huế khoảng 100km, qua đèo Hải Vân. Nếu chiếm được Đà Nẵng có thể uy hiếp Kinh thành Huế, nhanh chống kết thúc chiến tranh.

- Lúc đầu lực lượng bố phòng của nhà Nguyễn ở Đà Nẵng chỉ có khoảng 2000 người (về sau được tăng cường thêm 2000 người nữa), trong khi đó lực lượng liên quân Pháp - Tây Ban Nha là 3000 người, đi trên 14 tàu chiến và được trang bị tới 50 khẩu đại bác.

*** Nguyên nhân dẫn đến thất bại của Pháp tại Đà Nẵng:** *(2,0 điểm)*

Tháng 9- 1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam, nhưng chúng đã bị thất bại nặng nề. Nguyên nhân là:

- Thực dân pháp vấp phải tinh thần kháng chiến quyết liệt của nhân dân ta. Trong suốt thời gian diễn ra chiến sự ở Đà Nẵng quân và dân ta có sự phối hợp chặt chẽ chống giặc, với quyết tâm cao và ngay từ đầu đã dấy lên làn sống đấu tranh bảo vệ Tổ quốc.

- Triều đình cử Nguyễn Tri Phương làm tổng chỉ huy mặt trận Quảng Nam. Ông đã huy động quân dân đắp thành luỹ không cho giặc tiến sâu vào nội địa.

- Thực hiện sách lược "vườn không nhà trống" gây cho Pháp nhiều khó khăn.

- Suốt 5 tháng liền, quân Pháp bị giam chân tại chỗ, lực lượng hao mòn dần, thuốc men, thực phẩm thiếu thốn do tiếp tế khó khăn và khí hậu thổ nhưỡng không thuận lợi.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Đứng trước nguy cơ bị xâm lược, nhà Nguyễn chỉ có thể có hai con đường để lựa chọn:**

+ Một là: Tiến hành cải cách canh tân đất nước.

+ Hai là: Bảo thủ thi hành chính sách như cũ.

- Tác dụng của canh tân, cải cách: làm cho đất nước ta lúc này có thể thoát khỏi cuộc khủng hoảng, do đó sức mạnh phòng thủ của đất nước được tăng lên, thực tế tấm gương của Nhật đã chứng minh.

- Các nhà cải cách như Phan Thanh Giản, Phạm Phú Thứ, Bùi Viện, Nguyễn Trường Tộ... cũng cho rằng chỉ có cải cách thì mới có thể làm cho đất nước thoát khỏi hoạ xâm lăng.

- Tiếc thay, nhà Nguyễn đã từ chối con đường này, đã bỏ lỡ thời cơ để có thể cứu nguy được đất nước thoát khỏi hoạ xâm lăng.

- Nhà Nguyễn vẫn thi hành chính sách đối kháng với nhân dân: giữ nguyên các chính sách cũ, thậm chí còn tăng cường các biện pháp áp bức, bóc lột tàn bạo: các thứ thuế, kìm hãm các nhân tố tư bản chủ nghĩa trong kinh tế, không chăm lo sản xuất, đê Văn Giang 18 năm liền bị vỡ.

Từ sự phân tích trên có thể thấy nhà Nguyễn đã vì quyền lợi ích kỉ của giai cấp mình mà hi sinh quyền lợi của các dân tộc, nên tuy đã tổ chức chống lại xâm lăng của Pháp nhưng không có khả năng tập hợp, lãnh đạo nhân dân kháng chiến như trước. Mặt khác cũng cần nêu được: có nguy cơ xâm lăng, nhưng không tất yếu phải mất nước, nhà Nguyễn với những việc làm kể trên đã biến cái không tất yếu thành cái tất yếu. Do vậy, nhà Nguyễn phải chịu trách nhiệm trong việc để đất nước ta rơi vào tay Pháp.

*** Trong quá trình tiến hành chống lại sự xâm lược của Pháp, nhà Nguyễn còn mắc phải một số sai lầm là:** Đã từ bỏ con đường đấu tranh vũ trang truyền thống của dân tộc mà đi theo con đường thương lượng, đầu hàng từng bước đến đầu hàng hoàn toàn.

*** Trong quá trình kháng chiến chống lại sự xâm lược của Pháp, nhà Nguyễn không biết chớp cơ hội tốt để phản công.** Từ chỗ không tất yếu, nhà Nguyễn đã để việc mất nước vào tay Pháp thành tất yếu.

Tuy nhiên, có thể nhận thấy trong quá trình chống Pháp xâm lược, có những vị thượng quan của triều đình, thậm chí cả vua như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, Hàm Nghi,.. đã nêu ra tấm gương cao cả, quyết tâm bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước mà nhân dân ta ngàn đời kính trọng.

Do vậy, việc để nước ta rơi vào tay Pháp hồi cuối thế kỉ XIX là trách nhiệm của một bộ phận vua quan nhà Nguyễn.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** So sánh chủ trương và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh theo yêu cầu của bảng sau:** *(3,0 điểm)*

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Chủ trương cứu nước	Chống đế quốc giành độc lập dân tộc bằng bạo động, bằng đấu tranh vũ trang, bằng dựa vào dân trong nước, dựa vào cả Nhật, cầu viện Nhật chống Pháp.	Chống chế độ phong kiến giành tự do dân chủ bằng phương pháp ôn hoà không bạo động, bằng cuộc vận động cải cách duy tân đất nước, bằng cả việc dựa vào Pháp chống phong kiến.
Mục tiêu trước mắt	Giải phóng dân tộc (cứu nước để cứu dân).	Cải cách dân chủ (cứu dân để cứu nước).

Phương pháp đấu tranh	Bạo động vũ trang.	Cải cách, bất bạo động
Phương thức hoạt đông	Bí mật, bất hợp pháp, có tổ chức (Duy Tân hội, Việt Nam Quang Phục hội).	Công khai hợp pháp, không xây dựng các tổ chức chính trị mà chỉ dứng ra kêu gọi, hô hào…
Những hoạt động tiêu biểu	-1904 lập Duy Tân hội, tổ chức phong trào Đông du đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật… - 1912 thành lập Việt Nam Quang phục hội theo tư tưởng cộng hoà, tổ chức các hoạt động bạo động…	- Khởi xướng và tham gia nhiều hoạt động truyền bá tư tưởng mới, vận động lập trường học, hội buôn, tham gia giảngdạy và thuyết trình ở Đông kinh nghĩa thục. - Cùng Trần Quy Cáp, Huỳnh Thúc Kháng… khởi xướng cuộc vận động Duy Tân ở Trung kì những năm 1906 - 1908.

*** Xác định điểm giống nhau trong tư tưởng cứu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh:** *(1,0 điểm)*

Hai ông, hai xu hướng đều giống nhau về mặt chủ trương chiến lược, thống nhất ở mục đích Cách mạng, đều muốn cứu nước cứu dân, gắn dân với nước, gắn cứu nước với duy tân làm cho đất nước phát triển, đều phấn đấu cho mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường Cách mạng tư sản tiến lên chủ nghĩa tư bản.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẾN TRE
TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện	Tính chất	Ý nghĩa
1851 – 1864	Phong trào Thái Bình Thiên Quốc do Hồng Tú Toàn lãnh đạo. Nhân dân Trung Quốc đã tiến hành đấu tranh mạnh mẽ chống đế quốc và phong kiến.	Phong trào yêu nước dân tộc dân chủ.	Thể hiện tinh thần yêu nước của nhân dân, là phong trào lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, đã xây dựng được chính quyền Cách mạng và thi hành nhiều chính sách tiến bộ.
Năm 1898	Cuộc vận động duy tân do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu đề xuất, chủ trương cải cách chính trị	Duy tân theo con đường TBCN, chống phong kiến không triệt để.	Cải cách để cứu vãn tình thế, thể hiện sự tiếp thu tư tưởng tiên tiến của tầng lớp quan

	thay thế chế độ quân chủ chuyên chế bằng chế độ Quân chủ Lập hiến. Phong trào tồn tại hơn 100 ngày thì thất bại.		lại và sĩ phu yêu nước.
Năm 1900	Phong trào Nghĩa hòa đoàn bùng nổ ở vùng Sơn Đông rồi nhanh chóng lan rộng ra vùng Trực Lệ, Sơn Tây và vùng Đông Bắc Trung Quốc. Nghĩa quân tiến vào Bắc Kinh tấn công các sứ quán nước ngoài.	Phong trào yêu nước dân tộc dân chủ.	Thể hiện tinh thần yêu nước thiết tha của nông dân, quyết tâm chống đế quốc.
Năm 1911	Cuộc Cách mạng Tân Hợi, lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ phong kiến lâu đời.	Cách mạng dân chủ tư sản không triệt để.	Lật đổ triều đại Mãn Thanh, chấm dứt chế độ quân chủ chuyên chế tồn tại lâu đời ở Trung Quốc, mở đường cho CNTB phát triển và có ảnh hưởng nhất định đến cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của một số nước châu Á.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Chứng minh:** *(3,0 điểm)*

Chính quyền Xô viết non trẻ vừa mới ra đời đã phải đối mặt với nhiều thách thức. *(0,25 điểm)* Dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Lê-nin, nhân dân Nga và giai cấp công nhân đã đoàn kết, anh dũng chiến đấu bảo vệ vững chắc thành quả Cách mạng mới giành được. Đã khẳng định được ý nghĩa to lớn của câu nói: *"Một cuộc Cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ".*

- Cuối 1918, quân đội của 14 nước đế quốc câu kết với lực lượng phản Cách mạng trong nước nhằm mở cuộc tấn công vũ trang tiêu diệt nước Nga Xô viết non trẻ.

- Trong 3 năm (1918 - 1920), nhân dân Nga đã tập trung toàn bộ sức lực tiến hành cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài trong những điều kiện vô cùng khó khăn để giữ vững chính quyền Xô viết.

- Trong hoành cảnh đất nước bị bao vây, từ năm 1919 Chính quyền Xô viết thực hiện *Chính sách Cộng sản thời chiến:*

- Nội dung chính sách:

+ Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp.

+ Trưng thu lương thực thừa của nông dân.

+ Thi hành chế độ cưỡng bức lao động (từ 16 đến 50 tuổi) ...

Tác dụng: huy động tối đa mọi nguồn lực về của cải, nhân lực của đất nước phục vụ cho cuộc chiến đấu chống thù trong, giặc ngoài.

- Vừa chiến đấu vừa xây dựng, Hồng quân và nhân dân Xô viết đã từng bước đẩy lùi các cuộc tấn công của lực lượng phản Cách mạng trong và ngoài nước.

- Cuối năm 1920 chiến sự chấm dứt, nhà nước Xô viết được bảo vệ và giữ vững.

Bài học biết tự bảo vệ của Cách mạng tháng Mười là một trong những cống hiến có ý nghĩa lịch sử đối với phong trào Cách mạng thế giới. Bài học kinh nghiệm này của Cách mạng tháng Mười có ý nghĩa quốc tế sâu rộng và mang tính sâu sắc.

*** Vận dụng bài học "biết tự bảo vệ" của Cách mạng tháng Mười đối với Cách mạng nước ta:** *(1,0 điểm)*

- Qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và kháng chiến chống Mĩ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, ta luôn chú trọng bảo vệ và phát huy những thành quả Cách mạng đã đạt được.

- Cụ thể:

+ Dưới sự lãnh đạo của Đảng mà đứng đầu là chủ tịch Hồ Chí Minh đã đưa nước ta vượt qua những khó khăn thử thách như "ngàn cân treo sợi tóc" của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau khi Cách mạng tháng Tám thành công.

+ Sau khi giành thắng lợi trong kháng chiến chống Mĩ cứu nước, Cách mạng nước ta chuyển sang giai đoạn tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước, hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước, thực hiện nhiệm vụ kinh tế - xã hội, chống thù trong giặc ngoài để bảo vệ biên giới lãnh thổ.

Qua đó, khẳng định Đảng ta đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn Cách mạng Việt Nam, bài học "biết tự bảo vệ" cũng được vận dụng một cách linh hoạt, thể hiện ý nghĩa to lớn câu nói của Lê-nin: *"Một cuộc Cách mạng chỉ có giá trị khi nó biết tự bảo vệ"*.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Bối cảnh và nội dung Hiệp ước Nhâm Tuất (5 - 6 - 1862):** *(1,0 điểm)*

– Bối cảnh:

+ Sau khi giành thắng lợi tại Đại đồn Chí Hòa, Pháp chiếm luôn Định Tường (12 - 4 - 1861), Biên Hòa (18 - 12 - 1861), Vĩnh Long (23 - 03 - 1862).

+ Khi giặc Pháp từ Gia Định đánh lan ra, cuộc kháng chiến của nhân dân ta phát triển càng mạnh mẽ hơn. Giữa lúc phong trào kháng chiến của nhân dân dâng cao, quân giặc vô cùng bối rối thì triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất.

– Nội dung: Hiệp ước có 12 điều khoản trong đó có những khoản chính như:

+ Triều đình nhượng hẳn cho Pháp ba tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn.

+ Bồi thường 20 triệu quan (ước tính bằng 280 triệu lạng bạc).

+ Mở 3 cửa biển: Đà Nẵng. Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha tự do buôn bán.

+ Trả lại thành Vĩnh Long nếu chấm dứt hoạt động chống Pháp ở Miền Đông.

*** Bối cảnh và nội dung Hiệp ước Giáp Tuất (1784):** *(0,5 điểm)*

- *Bối cảnh:* Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất, phong trào kháng chiến ở Bắc Kì diễn ra sôi nổi với thắng lợi tiêu biểu tại Cầu Giấy ngày 21 - 12 - 1873 làm cho Pháp hoang mang, tìm cách thương lượng. Trong bối cảnh đó, triều đình Huế kí Hiệp ước Giáp Tuất.

- *Nội dung:* Hiệp ước gồm 22 điều khoản. Với Hiệp ước này triều đình nhà Nguyễn chính thức thừa nhận sáu tỉnh Nam Kì là đất thuộc Pháp, công nhận quyền đi lại, buôn bán, kiểm soát và điều tra tình hình ở Việt Nam của chúng.

*** Bối cảnh và nội dung Hiệp ước Hác-măng (25/8/1883):** *(1,0 điểm)*

- *Bối cảnh:* Cửa biển Thuận An lọt vào tay giặc, triều đình Huế vô cùng bối rối xin đình chiến. Ngày 25 - 8 - 1883 triều đình kí với Pháp bản Hiệp ước do Pháp thảo sẵn.

- *Nội dung:* + Việt Nam đặt dưới sự bảo hộ của Pháp. Nam Kì là xứ thuộc địa nay mở rộng ra hết tỉnh Bình Thuận. Bắc Kì gồm cả Thanh - Nghệ - Tĩnh là đất bảo hộ. Trung Kì (phần còn lại) triều đình quản lí, nhưng đại diện Pháp ở Huế sẽ điều khiển các công việc của Trung Kì.

+ Quân sự: Triều đình phải nhận huấn luyện viên và sĩ quan chỉ huy của Pháp, triệt hồi binh lính Bắc Kì về Kinh đô Huế. Pháp được đóng đồn ở Bắc Kì, ở những nơi xét thấy cần thiết, toàn quyền xử trí nghĩa quân Cờ đen.

+ Ngoại giao của Việt Nam kể cả quan hệ với Trung Quốc đều do Pháp nắm giữ.

+ Kinh tế: nắm và kiểm soát toàn bộ nguồn lợi trong nước.

*** Bối cảnh và nội dung Hiệp ước Pa-tơ-nốt (6 - 6 - 1884):** *(0,5 điểm)*

- *Bối cảnh:* Để chấm dứt chiến sự, Pháp tiến hành tiêu diệt các ổ đề kháng còn sót lại, thương lượng để loại trừ sự can thiệp của nhà Thanh bằng quy ước Thiên Tân (11/5/1884). Cử Pa-tơ-nốt sang Việt Nam kí hiệp ước mới.

- *Nội dung:* Gồm 19 điều khoản, căn bản dựa trên Hiệp ước Hác-măng, có điều chỉnh như sau: Trả lại các tỉnh Bình Thuận, Thanh - Nghệ - Tĩnh cho triều đình Huế cai quản như cũ nhằm xoa dịu dư luận công phẫn của nhân dân và mua chuộc thêm những phần tử phong kiến đầu hàng.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

Qua các Hiệp ước cho thấy rõ thái độ nhu nhược hèn yếu của triều đình nhà Nguyễn đã bỏ rơi dần chủ quyền của dân tộc:

- Hiệp ước Nhâm Tuất cắt 3 tỉnh miền Đông, nhượng một số quyền lợi kinh tế cho Pháp.

- Hiệp ước Giáp Tuất cắt tiếp 3 tỉnh miền Tây, công nhận quyền đi lại kiểm soát nước ta của Pháp. Đến đây, chủ quyền dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ ngày càng bị vi phạm nghiêm trọng.

- Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt đã vi phạm độc lập chủ quyền của toàn dân tộc ta, triều đình Huế đã dấn thêm một bước nữa thỏa hiệp và đầu hàng Pháp. Căn bản, từ đây ta đã mất chủ quyền trên phạm vi toàn quốc. Triều đình Huế chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp, đặt cơ sở cho sự thống trị và bóc lột của Pháp ở Việt Nam.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Triều Nguyễn duy trì chính sách cai trị bảo thủ, lạc hậu đối lập với nhân dân:** *(2,5 điểm)*

– Giữa thế kỉ XIX, Pháp ráo riết tìm cách đánh chiếm Việt Nam, trong tình hình mọi mặt đất nước ta khủng hoảng nghiêm trọng. Bối cảnh đó, đặt triều đình nhà Nguyễn đứng trước hai con đường phải lựa chọn: Tiến hành cải cách để canh tân đất nước hay bảo thủ thi hành chính sách như cũ.

– Làm cho đất nước thoát khỏi khủng hoảng, do đó sức mạnh phòng thủ của đất nước được tăng lên. (Minh họa thêm tấm gương Nhật Bản).

– Những nhà tư tưởng cải cách tiêu biểu như: Nguyễn Lộ Trạch, Phạm Phú Thứ, Nguyễn Trường Tộ,... đã đề xuất những tư tưởng canh tân trên nhiều lĩnh vực kinh tế lẫn chính trị - xã hội. Các ông cho rằng, chỉ có cải cách mới làm cho đất nước thoát khỏi họa xâm lăng. Nhà Nguyễn đã bỏ lỡ con đường cải cách, bỏ lỡ con đường có thể cứu nguy cho đất nước thoát khỏi họa xâm lăng.

- Nhà Nguyễn vẫn tiến hành những chính sách đối kháng với nhân dân, vẫn giữ nguyên chính sách như cũ, thậm chí tăng cường các biện pháp áp bức bóc lột tàn bạo. Cụ thể như: Thuế khóa, kìm hãm sự phát triển kinh tế TBCN, nông nghiệp sa sút, công thương nghiệp ngày càng suy yếu trầm trọng. Như vậy, nhà Nguyễn vì quyền lợi ích kỉ của mình hi sinh quyền lợi cả dân tộc. Vì thế, trong quá trình tổ chức kháng chiến chống Pháp không có khả tăng tập hợp nhân dân tiến hành kháng chiến. Nhà Nguyễn đã biến nguy cơ mất nước từ không tất yếu trở thành tất yếu.

*** Nhà Nguyễn mắc sai lầm trong quá trình tiến hành kháng chiến chống Pháp:** *(1,5 điểm)*

+ Từ bỏ con đường vũ trang chống Pháp đi theo con đường, thương lượng đầu hàng từng bước đến đầu hàng hoàn toàn. (Nêu dẫn chứng khi Pháp chiếm 3 tỉnh Miền Đông, Miền Tây, đánh Hà Nội lần thứ nhất và thứ hai, tấn công Thuận An và kí Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt).

+ Không biết chớp thời cơ để giành thắng lợi, một lần nữa bỏ rơi cơ hội đánh Pháp giành độc lập (có thể dẫn chứng cụ thể):

→ 3 - 1860 Nguyễn Tri Phương vào Gia Định xây dựng Đại đồn Chí Hòa, phòng thủ không tấn công Pháp trong khi Pháp gặp khó khăn do bị sa lầy trong cuộc chiến ở Trung Quốc và I-ta-li-a.

→ Trong hai lần chiến thắng Cầu Giấy, khiến nhân dân ta vô cùng phấn khởi, thể hiện quyết tâm tiêu diệt giặc của nhân dân ta, làm cho Pháp phải hoang mang, triều đình Huế lại theo đuổi con đường thương thuyết hòa bình.

+ Tuy nhiên, trong quá trình tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược có những tấm gương là các viên quan triều đình như Nguyễn Tri Phương, Hoàng Diệu, hay cả vua Hàm Nghi đã thể hiện quyết tâm của mình bảo vệ độc lập, chủ quyền đất nước, không ngại hi sinh vì đất nước.

Như vậy, trách nhiệm của triều đình nhà Nguyễn đã để nước ta rơi vào tay giặc Pháp thuộc về một bộ phận vua quan thủ cựu của triều đình nhà Nguyễn.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Những hoạt động trong buổi đầu tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1918):** *(2,5 điểm)*

- Nguyễn Ái Quốc, lúc nhỏ tên Nguyễn Sinh Cung, sau đổi là Nguyễn Tất Thành, sinh 19 - 5 - 1890 tại làng Kim Liên, Nam Đàn, Nghệ An. Cha là cụ Nguyễn Sinh Sắc, mẹ là Hoàng Thị Loan. Sinh ra trong một gia đình yêu nước trí thức, lớn lên ở một miền quê có truyền thống yêu nước đấu tranh quật khởi, từ rất sớm Nguyễn Tất Thành đã có chí đánh đuổi thực dân Pháp, giải phóng đồng bào.

- Ngày 5 - 6 - 1911, Nguyễn Tất Thành rời bến cảng Nhà Rồng - Sài Gòn, ra đi tìm đường cứu nước. Trong nhiều năm sau đó, Người đã đi qua nhiều nước, nhiều châu lục khác nhau. Người đã nhận thấy rằng ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu những người lao động cũng bị áp bức bóc lột dã man.

- Khoảng cuối 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp, tại đây Người làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong cuộc đấu tranh của quần chúng lao động và giai cấp công nhân Pháp. Tham gia hoạt động trong Hội những người Việt Nam yêu nước. Người viết báo, truyền đơn, tranh thủ các diễn đàn, các buổi mít tinh để tố cáo thực dân và tuyên truyền cho Cách mạng Việt Nam. Người còn tham gia đấu tranh đòi cho binh lính và thợ thuyền Việt Nam sớm được hồi hương.

- Sống và làm việc trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người có những biến chuyển mạnh mẽ.

*** Ý nghĩa những hoạt động trong buổi đầu tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc (1911 - 1918):** *(0,5 điểm)*

Tuy mới chỉ bước đầu nhưng là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

*** Nhận định nét khác biệt trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc so với các sĩ phu yêu nước đầu thế kỉ XX:** *(1,0 điểm)*

- Phan Bội Châu: Vận động quần chúng trong nước tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài (Nhật Bản), bạo động đánh Pháp giành độc lập cho dân tộc; thiết lập nền quân chủ lập hiến, sau đó chuyển sang tư tưởng cộng hòa thể hiện qua Phong trào Duy Tân hội, Việt Nam Quang Phục hội,....

- Phan Châu Trinh: Giương cao ngọn cờ dân chủ, cải cách xã hội, cứu nước bằng phương pháp nâng cao dân trí, dân quyền, vạch trần chế độ phong kiến thối nát, đòi hỏi Pháp sửa đổi chế độ cai trị thuộc địa.

- Nguyễn Ái Quốc rất khâm phục tinh thần yêu nước của các chí sĩ Cách mạng như Phan Đình Phùng, Phan Bội Châu, và Phan Châu Trinh nhưng không tán thành con đường cứu nước của họ nên quyết định tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc. Người không hướng về Trung Quốc, Nhật Bản như các thế hệ cha anh mà quyết định sang phương Tây, đến nước Pháp để tìm hiểu xem nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi trở về giúp đồng bào mình.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRÀ VINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TRÀ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Chính sách Kinh tế mới

*** Hoàn cảnh lịch sử:** *(1,0 điểm)*

- Sau chiến tranh, kinh tế quốc dân bị tàn phá nghiêm trọng.

- Tình hình chính trị không ổn định, các lực lượng phản Cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

- Tháng 3 - 1921, Đảng Bôn-sê-vích Nga quyết định thực hiện Chính sách Kinh tế mới (NEP) do Lê-Nin đề xướng.

*** Nội dung:** *(2,0 điểm)*

- *Trong nông nghiệp*:

+ Thay thế chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực (nộp bằng hiện vật).

+ Sau khi nộp đủ thuế đã quy định từ trước mùa gieo hạt, nông dân được toàn quyền sử dụng số lương thực dư thừa và được tự do bán ra thị trường

- *Trong công nghiệp*:

+ Tập trung khôi phục công nghiệp nặng.

+ Cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp loại nhỏ (dưới 20 công nhân) có sự kiểm soát của nhà nước.

+ Khuyến khích tư bản nước ngoài tự do đầu tư kinh doanh.

+ Nhà nước nắm các ngành kinh tế chủ chốt như công nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng, ngoại thông.

+ Chấn chỉnh việc tổ chức, quản lí sản xuất công nghiệp.

+ Phần lớn các xí nghiệp chuyển sang chế độ tự hạch toán kinh tế, cải tiến chế độ tiền lương.

- *Trong thương nghiệp và tiền tệ*:

+ Tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi, mở lại các chợ, khôi phục và đẩy mạnh mối liên hệ giữa thành thị và nông thôn.

+ Năm 1924, phát hành đồng rúp mới thay các loại tiền cũ.

*** Ý nghĩa:** *(1,0 điểm)*

- Sau một thời gian ngắn, nền kinh tế quốc dân đã có những chuyển biến rõ rệt.

- Là sự chuyển đổi kịp thời từ nền kinh tế do nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần, nhưng vẫn đặt dưới sự kiểm soát của nhà nước.

- Với chính sách này, nhân dân Xô viết đã vượt qua những khó khăn to lớn, phấn khởi sản xuất và hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

- Để lại nhiều kinh nghiệm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một số nước trên thế giới.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng hệ thống phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX:** *(2,75 điểm)*

Tên phong trào	Cuộc khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc 1851 – 1864	Cuộc vận động Duy tân (1898)	Phong trào Nghĩa Hòa đoàn
Lãnh đạo	Hồng Tú Toàn	Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu cùng sự đồng tình của vua Quang Tự	
Hoạt động chính	1 - 1 - 1851, khởi nghĩa diễn ra ở Kim Điền, sau lan rộng ra nhiều địa phương. - Nghĩa quân xây dựng chính quyền ở Nam kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ.	Phong trào phát triển chủ yếu trong tầng lớp quan lại, sĩ phu tiếp thu tư tưởng tiến bộ, không dựa vào lực lượng nhân dân	- Bùng nổ ở Sơn Đông lan sang Trực Lệ, Sơn Tây. - Liên quân 8 nước đàn áp.
Ý nghĩa	Đây là phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc.	Thể hiện tư tưởng tiến bộ của các nhà nho yêu nước Trung Quốc nhằm đổi mới đất nước.	Nêu cao tinh thần anh dũng chống xâm lăng của nhân dân Trung Quốc

*** Nhận xét:** *(1,25 điểm)*

- Mục tiêu của phong trào: đấu tranh chống đế quốc, phong kiến.
- Phong trào diễn ra sôi nổi, có quy mô rộng lớn khắp cả nước.
- Hình thức đấu tranh phong phú: Khởi nghĩa vũ trang, phong trào Duy tân cải cách.
- Lực lượng tham gia: nông dân, tư sản, các tầng lớp nhân dân.
- Tất cả đều thất bại do nguyên nhân chung là:

+ Triều đình Mãn Thanh cấu kết với đế quốc đàn áp phong trào.

+ Các phong trào còn tự phát, chưa tập hợp và phát huy được sức mạnh của quần chúng nhân dân.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

– Chính sách khai thác thuộc địa lần nhất của thực dân Pháp: cướp đoạt ruộng đất; tập trung khai thác mỏ (than đá, thiếc, kẽm,...); xây dựng các cơ sở công nghiệp phục vụ mục đích quân sự và mục đích khai thác lâu dài (đường sắt, đường bộ, bến cảng).

– Những chuyển biến về cơ cấu kinh tế:

+ Cuối thế kỉ XIX, kinh tế chủ yếu là nông nghiệp.

+ Đầu thế kỉ XX, kinh tế cơ bản vẫn là nông nghiệp, tuy nhiên đã xuất hiện những cơ sở kinh tế công nghiệp (khai thác mỏ, cơ khí, công nghiệp nhẹ), giao

thông đường bộ, giao thông đường sắt, đường biển và thương nghiệp. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa từng bước du nhập vào Việt Nam.

– Những chuyển biến về cơ cấu xã hội: xã hội phân hóa sâu sắc, những giai cấp cũ phân hóa, xuất hiện những tầng lớp giai cấp mới.

+ Các giai cấp cũ phân hóa:

▪ Địa chủ phong kiến: một bộ phận nhỏ trở nên giàu có, dựa vào Pháp cướp bóc ruộng đất của dân; một số đđịa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép, ít nhiều có tinh thần chống Pháp.

▪ Nông dân: Khốn khổ vì tô thuế, bị mất ruộng đất một số trở thành công nhân.

+ Xuất hiện các lực lượng xã hội mới:

▪ Công nhân: xuất hiện trong cuộc khai thác thuộc địa, nhanh chóng phát triển về số lượng, là những người làm việc trong các hầm mỏ, đồn điền, xí nghiệp, công trường.

▪ Tư sản: là những người làm trung gian, đại lí tiêu thụ hoặc mua hàng hóa, chủ hiệu buôn, cơ sở sản xuất... số lượng ít, tiềm lực kinh tế yếu.

▪ Tiểu tư sản: gồm tiểu thương, tiểu chủ, người buôn bán, nhà báo, nhà giáo, học sinh, sinh viên... đời sống bấp bênh.

→ Như vậy cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp đã làm nảy sinh những lực lượng xã hội mới. Sự biến đổi này đã tạo điều kiện bên trong cho cuộc vận động giải phóng dân tộc theo xu hướng mới đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

- Hai bản Hiệp ước 1883 và 1884. Nhà nước phong kiến đấu hàng

- Ngày 25 - 8 - 1883, triều đình Huế kí với Pháp bản Hiệp ước Hác-măng với những nội dung chủ yếu:

+ Việt Nam đặt dưới sự "bảo hộ" của Pháp. Nam Kì là xứ thuộc địa từ năm 1874 nay mở rộng ra hết tỉnh Bình Thuận. Bắc Kì gồm các tỉnh: Thanh - Nghệ - Tĩnh là đất bảo hộ, Trung kì (phần đất còn lại) giao cho triều đình quản lí.

+ Đại diện của Pháp tại Huế trực tiếp điều khiển công việc ở Trung Kì.

+ Mọi việc giao thiệp của Việt Nam với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) đều do Pháp nắm giữ.

+ Về quân sự: Triều đình phải nhận các huấn luyện viên và sĩ quan chỉ huy của Pháp, phải triệt hồi binh lính Bắc Kì về Kinh đô Huế. Pháp phải đóng đồn binh ở những nơi xét thấy cần thiết ở Bắc Kì, được toàn quyền xử lí đội quân Cờ đen.

+ Về Kinh tế: Pháp nắm và kiểm soát toàn bộ các nguồn lợi trong nước.

- Chính phủ Pháp cử Pa-tơ-nốt sang Việt Nam, kí với triều đình Huế Hiệp ước 6 - 6 - 1884, gồm 19 điều khoản, căn bản dựa trên Hiệp ước Hác-măng nhưng được sửa một số điều nhằm xoa dịu dư luận và mua chuộc thêm những phần tử phong kiến đầu hàng.

*** Nhận xét:**

- Hiệp ước Hác-măng và Pa-tơ-nốt được kí, triều đình ra lệnh giải tán phong trào kháng chiến của nhân dân, triều đình chấp nhận sự đầu hàng, nước ta trở thành thuộc địa nửa phong kiến.

- Những hoạt động chống Pháp của nhân dân ở Trung Kì và Bắc Kì vẫn không ngừng tiếp diễn. Nhiều trung tâm kháng chiến tiếp tục hình thành. Những toán nghĩa binh dưới sự lãnh đạo của quan lại chủ chiến như Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiền, Phan Vụ Mẫn, Hoàng Đình Kinh... phối hợp với lực lượng quân Thanh (kéo sang từ mùa thu năm1882) liên tiếp tấn công quân Pháp, gây cho chúng nhiều thiệt hại.

- Từ tháng 12 - 1883, Pháp tiến hành nhiều cuộc hành binh nhằm tiêu diệt các ổ đề kháng còn lại. Pháp đưa quân chiếm Sơn Tây, Bắc Ninh, Tuyên Quang, đồng thời thương lượng để loại trừ sự can thiệp của triều đình Mãn Thanh bằng quy ước Thiên Tân (11 - 5 - 1884).

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng hệ thống kiến thức về phong trào chống Pháp của nhân dân ta từ năm 1858 đến năm 1884.**

Thời gian	Diễn biến chính	Nhân vật tiêu biểu
1858 - 1862	Nhân dân Đà Nẵng kháng chiến chống thực dân Pháp, thực hiện kế hoạch "Vườn không nhà trống" phối hợp cùng quân triều đình chống Pháp.	Nguyễn Tri Phương.
	Phong trào kháng chiến của nhân dân miền Đông Nam Kì.	Trương Định, Trần Thiện Chính, Lê Huy.
	Đốt cháy tàu Hi vọng của Pháp trên sông Vàm Cỏ.	Nguyễn Trung Trực.
1863-1873	Nhân dân 3 tỉnh miền Đông Nam kì chống Pháp, các cuộc khởi nghĩa bùng nổ.	Trương Định, Phan Tôn, Phan Liêm, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân.
1873 - 1884	Cuộc chiến đấu bảo vệ thành Hà Nội	Nguyễn Tri Phương
	Nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh nổi dậy phản đối Hiệp ước 1874	Trần Tấn, Đặng Như Mai, Nguyễn Huy Điển.
	Nhân dân Hà Nội và các tỉnh Bắc Kì kháng chiến chống xâm lược	Hoàng Diệu.
	Nhiều trung tâm kháng chiến hình thành. Nhiều toán nghĩa binh dưới sự chỉ huy của quan lại chủ chiến phối hợp với quân Thanh liên tiếp tấn công quân Pháp.	Nguyễn Thiện Thuật, Tạ Hiền, Phan Vụ Mẫn, Hoàng Đình Kinh.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÚ YÊN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Sự kiện đánh dấu bước chuyển biến...** *(0,75 điểm)*

Ngày 20 - 6 (ngày 3 - 7), Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo nhân dân Pê-tơ-rô-grát xuống đường biểu tình hòa bình. Chính phủ tư sản lâm thời được sự ủng hộ của những người Men-sê-vích và xã hội Cách mạng đã xả súng vào quần chúng, sau đó đàn áp Đảng Bôn-sê-vích và lùng bắt Lê-nin... → Đảng Bôn-sê-vích và Lê-nin quyết định chuyển sang khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

*** Sau đó Cách mạng phát triển...** *(1,75 điểm)*

- Đầu tháng 10 - 1917, không khí cách mạng bao trùm khắp nước Nga.

- Ngày 7 - 10 (20 - 10), Lê-nin bí mật rời Phần Lan về Pê-tơ-rô-grát, trực tiếp chỉ đạo Cách mạng.

- Các Đội Cận vệ Đỏ ra đời, Trung tâm Quân sự Cách mạng được thành lập để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa trong cả nước.

- Đêm 24 - 10 (6 - 11), các Đội Cận vệ Đỏ đã nhanh chóng chiếm được những vị trí then chốt ở Thủ đô.

- Đêm 25 - 10 (7 - 11), quân khởi nghĩa chiếm Cung điện Mùa Đông, toàn bộ Chính phủ tư sản lâm thời (trừ Thủ tướng Kê-ren-xki) bị bắt.

→ Ngày 25 - 10 (7 - 11) trở thành ngày thắng lợi của cuộc Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười.

- Tiếp theo, khởi nghĩa thắng lợi ở Mát-xcơ-va đến đầu năm 1918, Cách mạng giành được thắng lợi hoàn toàn trên đất nước Nga.

*** Nguyên nhân làm nên thắng lợi...** *(1,5 điểm)*

– Nguyên nhân chủ quan:

+ Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Bôn-sê-vích, đứng đầu là Lê-nin...

+ Sức mạnh của khối liên minh công nông, tình đoàn kết chiến đấu của các dân tộc Nga ...

– Nguyên nhân khách quan:

+ Có điều kiện quốc tế thuận lợi

▪ Các nước đế quốc đang bận chiến tranh không có điều kiện can thiệp vào nước Nga.

▪ Phong trào Cách mạng thế giới đang phát triển sôi nổi, ngăn chặn bàn tay can thiệp của đế quốc và cổ vũ, Cách mạng vô sản Nga .

+ Giai cấp công nhân Nga có kẻ thù là giai cấp tư sản Nga tương đối yếu.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Đảng Bôn-sê-vích và Lê-nin quyết định chuyển từ chính sách Cộng sản thời chiến sang chính sách Kinh tế mới, vì:** *(1,5 điểm)*

- Do 4 năm chiến tranh đế quốc và 3 năm nội chiến kéo dài → nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng.

- Trong hòa bình, Chính sách Cộng sản thời chiến không còn phù hợp, quần chúng nhân dân bất mãn → bọn phản động lợi dụng kích động nhân dân gây bạo loạn ở nhiều nơi .

→ Nước Nga lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế - chính trị nghiêm trọng . Trước tình hình đó, Đại hội lần thứ X Đảng Bô-sê-vích Nga (3/1921) quyết định chuyển từ *Chính sách Cộng sản thời chiến* sang *Chính sách Kinh tế mới*.

*** Lập bảng so sánh...** *(2,0 điểm)*

Nội dung so sánh	**Chính sách Cộng sản thời chiến**	**Chính sách kinh tế mới**
Nông nghiệp	Trưng thu lương thực thừa của nông dân.	Thu thuế lương thực cố định...
Công nghiệp	Quốc hữu hóa tất cả các xí nghiệp	Cho tư nhân thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp loại nhỏ; khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga...
Thương nghiệp	Nhà nước nắm độc quyền...	Tư nhân được tự do buôn bán, trao đổi, mở lại các chợ...
Cách thức quản lý của Nhà nước	Nhà nước nắm độc quyền về kinh tế, quản lí và phân phối lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Thi hành chế độ lao động cưỡng bức đối với toàn dân...	Nhà nước nắm các mạch máu kinh tế: công nghiệp, giao thông vận tải, ngân hàng, ngoại thương. Các xí nghiệp chuyển sang chế độ tự hoạch toán kinh tế...

*** Thực chất của Chính sách Kinh tế mới**: *(0,5 điểm)*

Là chuyển từ nền kinh tế do Nhà nước nắm độc quyền sang nền kinh tế hàng hóa có sự điều tiết của Nhà nước, công nhận sự tồn tại trong một thời gian nhất định của nhiều thành phần kinh tế khác nhau để sử dụng vốn, kinh nghiệm của tư bản trong và ngoài nước để phát triển đất nước...

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Những chuyển biến về xã hội ở Việt Nam từ cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất đến Chiến tranh thế giới thứ nhất**: *(3,0 điểm)*

- *Giai cấp địa chủ*: Một bộ phận nhỏ trong giai cấp địa chủ phong kiến đã dựa vào thực dân Pháp để chiếm đoạt ruộng đất và bóc lột nông dân, họ trở thành tay sai đắc lực cho thực dân Pháp. Bên cạnh đó, một số địa chủ vừa và nhỏ bị đế quốc chèn ép nên ít nhiều có tinh thần chống Pháp.

- *Giai cấp nông dân*: Bị phân hóa sâu sắc: Vốn đã khốn khổ bởi nạn thuế khóa, địa tô, phu phen, tạp dịch... nông dân Việt Nam lại càng khổ hơn bởi nạn cướp đất lập đồn điền, xây dựng nhà máy của thực dân Pháp, số hộ không có ruộng đất ngày càng tăng, một bộ phận nông dân phải lên thành phố, đến các công trường, hầm mỏ và đồn điền để kiếm việc. Đặc biệt trong Chiến tranh thế giới thứ nhất, nạn bắt lính, sưu cao thuế nặng, bão lụt, hạn hán... làm cho nông dân ngày càng kiệt quệ, bần cùng. Vì vậy, đây là một lực lượng to lớn trong phong trào chống Pháp ở Việt Nam.

- *Giai cấp công nhân*: Do chính sách khai thác của thực dân Pháp, đội ngũ công nhân Việt Nam ra đời, họ là những nông dân bị mất đất phải làm việc trong các hầm mỏ, đồn điền, các công trường... Đến Chiến tranh thế giới thứ nhất, giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng (Riêng ngành than, năm 1904 mới có 4.000 công nhân, đến năm 1914 đã có 15.000 công nhân. Trước chiến tranh, các cơ sở kinh doanh của Bạch Thái Bưởi chỉ có vài trăm, đến năm 1914 lên tới hơn 1.000 người...). Ngay từ khi ra đời, công nhân Việt Nam đã đấu tranh để chống thực dân Pháp và đòi các quyền lợi kinh tế.

- *Tầng lớp tư sản*: Trong quá trình khai thác thuộc địa, thực dân Pháp cần có những người làm trung gian, đại lí tiêu thụ hoặc thu mua hàng hóa, cung ứng nguyên vật liệu. Nhờ buôn bán họ trở nên giàu có. Ngoài ra một số sĩ phu yêu nước, chịu ảnh hưởng của tư tưởng tư sản Trung Quốc, Nhật Bản đã đứng ra lập các hội buôn, cơ sở sản xuất. Đó chính là những lớp người đầu tiên của tư sản Việt Nam. Đến Chiến tranh thế giới thứ nhất, tư sản Việt Nam phát triển cả về số lượng và thế lực kinh tế, nhưng chưa trở thành giai cấp thực sự.

- *Tầng lớp tiểu tư sản thành thị*: Gồm tiểu thương, tiểu chủ, công chức, học sinh, sinh viên...ra đời trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất và đông đảo hơn trong giai đoạn chiến tranh nhưng đời sống bấp bênh, bị chèn ép, bạc đãi... nên cũng có tinh thần đấu tranh.

*** Ngay từ khi ra đời, giai cấp công nhân Việt Nam đã đấu tranh chống lại tư bản Pháp vì:** *(1,0 điểm)*

- Ra đời trong bối cảnh đất nước chịu thân phận của một nước thuộc địa nửa phong kiến, công nhân Việt Nam phải chịu ba tầng áp bức: phong kiến, thực dân Pháp và tư sản Pháp; lại có truyền thống yêu nước nên càng nung nấu tinh thần đấu tranh mạnh mẽ hơn.

- Nguồn gốc của công nhân chủ yếu là từ nông dân bị phá sản và bị thực dân Pháp bóc lột nên có lòng căm thù giặc sâu sắc.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng so sánh:** *(2,75 điểm)*

Nội dung so sánh	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Chủ trương cứu nước	Chống đế quốc giành độc lập dân tộc bằng bạo động, bằng đấu tranh vũ trang, trên cơ sở dựa vào nhân dân và dựa cả vào Nhật Bản.	Chống chế độ phong kiến giành tự do dân chủ bằng phương pháp ôn hòa không bạo động, bằng cuộc vận động cải cách đất nước, dựa vào Pháp.
Mục tiêu trước mắt	Giải phóng dân tộc (cứu nước để cứu dân).	Cải cách dân chủ (cứu dân để cứu nước).
Phương pháp đấu tranh	Bạo động vũ trang	Cải cách, bất bạo động

Phương thức hoạt động	Bí mật bất hợp pháp, có tổ chức.	Công khai hợp pháp, không xây dựng tổ chức chính trị mà chỉ đứng ra kêu gọi, hô hào…
Những hoạt động chính	- Năm 1904, lập Hội Duy tân, tổ chức phong trào Đông du đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật học. - Năm 1912 thành lập Việt Nam Quang phục hội theo tư tưởng cộng hòa, tổ chức các cuộc bạo động để gây dư luận và trừ khử những tên thực dân đầu sỏ cùng tay sai đắc lực của chúng.	- Khởi xướng và tham gia nhiều hoạt động truyền bá tư tưởng mới, vận động lập trường học, hội buôn, tổ chức các buổi diễn thuyết để tuyên truyền nhằm nâng cao dân trí, dân quyền. - Khởi xướng cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì (1906 - 1908) và phong trào chống thuế ở Trung Kì.

*** Điểm giống nhau:** *(0,75 điểm)*

Mặc dù chủ trương và phương pháp Cách mạng có sự khác nhau nhưng cả hai ông đều thống nhất ở mục đích Cách mạng, đều muốn cứu nước cứu dân, gắn dân với nước, gắn cứu nước với duy tân làm cho đất nước phát triển, đều phấn đấu cho mục tiêu dân giàu nước mạnh theo con đường Cách mạng tư sản.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Hiệp ước Nhâm Tuất (1862):** *(1,75 điểm)*

– Hoàn cảnh ra đời:

+ Năm 1861, quân Pháp chiếm Gia Định, rồi lần lượt chiếm các tỉnh Định Tường (4 - 1861), Biên Hòa (12 - 1861), Vĩnh Long (3 - 1862).

+ Các cuộc kháng chiến của Trương Định, Nguyễn Trung Trực… gây cho Pháp nhiều thiệt hại. Giữa lúc quân Pháp gặp nhiều khó khăn thì triều đình Huế kí với Pháp Hiệp ước Nhâm Tuất (1862).

– Nội dung chính:

Hiệp ước có 12 điều khoản, trong đó có những khoản chính như: triều đình nhượng hẳn cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và đảo Côn Lôn; bồi thường 20 triệu quan (ước tính bằng 280 vạn lạng bạc); triều đình phải mở 3 cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên cho thương nhân Pháp và Tây Ban Nha vào tự do buôn bán; thành Vĩnh Long sẽ được trả lại cho triều đình Huế khi nào triều đình chấm dứt được các hoạt động chống Pháp ở 3 tỉnh miền Đông.

– Hậu quả: Mất đi 3 tỉnh miền Đông Nam Kì - một phần lãnh thổ của đất nước, đồng thời cũng là một vựa lúa lớn của triều đình và cả nước. Hiệp ước Nhâm Tuất được kí kết đã khiến cho nhân dân bất mãn với triều đình và đã tạo điều kiện cho Pháp có cơ hội thực hiện dã tâm xâm lược toàn bộ nước ta.

*** Hiệp ước Hác-măng (1883):** *(2,25 điểm)*

– Hoàn cảnh ra đời:

+ Ngày 17 - 7 - 1883, vua Tự Đức qua đời. Lợi dụng triều đình đang bận rộn với việc chọn người kế vị, chiều 18 - 8 - 1883, quân Pháp tấn công và chiếm cửa Thuận An.

- Triều đình hoảng sợ vội cử người xin đình chiến. Cao ủy Pháp là Hác-măng đến Huế, đưa ra một bản Hiệp ước thảo sẵn (Hiệp ước Hác-măng), buộc triều đình phải chấp nhận.

– *Nội dung chính:*

+ Với Hiệp ước Hác-măng (25 - 8 - 1883), về cơ bản, từ đây Việt Nam đã mất quyền tự chủ trên phạm vi cả nước, triều đình Huế đã chính thức thừa nhận sự bảo hộ của Pháp, mọi công việc chính trị, kinh tế, ngoại giao của Việt Nam đều do Pháp nắm.

+ Tại Huế, đặt chức Khâm sứ người Pháp, có quyền gặp vua bất cứ lúc nào khi thấy cần thiết. Tại Hà Nội, Hải Phòng và một số nơi khác đặt chức Công sứ, có quân đội bảo vệ và có quyền kiểm soát việc tuần phòng, quản lí việc thuế vụ, giám sát mọi sự thu chi, phụ trách việc thuế quan.

+ Khu vực triều đình cai trị chỉ còn từ Khánh Hòa ra tới Đèo Ngang (Bình Thuận sáp nhập vào Nam Kì; Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh sáp nhập vào Bắc Kì), nhưng trong khu vực này, việc thương chính, công chính đều do Pháp nắm. Quân Pháp đóng ngay tại Thuận An và Huế.

+ Về quân sự, ngoài việc phải chấp nhận huấn luyện viên và sĩ quan chỉ huy Pháp, triều đình phải triệt hồi số quân lính đưa ra Bắc Kì. Pháp được đóng đồn dọc sông Hồng và những nơi xét thấy cần thiết. Pháp có toàn quyền xử trí đội quân Cờ đen.

+ Về kinh tế, Pháp nắm và kiểm soát toàn bộ các nguồn lợi trong nước. Mọi việc giao thiệp của Việt Nam với nước ngoài (kể cả với Trung Quốc) cũng do Pháp nắm.

– *Hậu quả:* Hiệp ước đã vi phạm trắng trợn chủ quyền của dân tộc. Trong thực tế, kể từ hiệp ước này, thực dân Pháp đã đặt ách thống trị trên toàn bộ đất nước ta. Nhân dân phản ứng rất quyết liệt, không chỉ chống thực dân Pháp mà còn chống cả triều đình.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LONG AN
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vì sao nước Nga phải tiến hành hai cuộc Cách mạng trong năm 1917:** *(1,0 điểm)*

– **Cách mạng dân chủ tư sản tháng 2 - 1917:** Trước Cách mạng nước Nga là nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là Nga hoàng. Kinh tế bị kìm hãm, công nông nghiệp còn rất lạc hậu, đời sống của người dân Nga thấp nhất châu Âu. Vì thế cần có một cuộc Cách mạng dân chủ tư sản để xóa đi sự cản trở phong kiến mở đường cho nước Nga phát triển.

– **Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917:** Sau khi Cách mạng tháng 2 -1917 thắng lợi, hình thái hai chính quyền song song tồn tại. Chính phủ lâm thời tư sản Nga không triệt để xóa phong kiến mà còn cấu kết với quý tộc phong kiến tiếp tục chiến tranh với Đức.Do vậy, muốn giải phóng mọi sự cản ngại nước Nga phải tiến hành cuộc Cách mạng vô sản lật đổ Chính phủ tư sản, thiết lập nhà nước công nông tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội.

*** Trình bày diễn biến khởi nghĩa của Cách mạng tháng Mười:** *(1,0 điểm)*

- Đến tháng 10 không khí Cách mạng lên đến cao độ, Lê-nin bí mật từ Phần Lan về nước trực tiếp chỉ đạo Cách mạng.

- Đêm 24-10-1917 cuộc Cách mạng bùng nổ, quân Cách mạng chiếm các vị trí then chốt và bao vây cung điện Mùa đông nơi ẩn náu của chính phủ tư sản.

- Đêm 25-10-1917 các đơn vị cận vệ đỏ tấn công cung điện Mùa đông, bắt giữ toàn bộ chính phủ tư sản, cuộc khởi nghĩa ở Pê tơ rô grat thắng lợi.

- Đến tháng 11-1918 Cách mạng thắng lợi khắp nước Nga.

*** Phân tích vai trò của Lê-nin trong và sau Cách mạng:** *(2,0 điểm)*

- Hiện tượng hai chính quyền song song tồn tại sau Cách mạng tháng 2 - 1917 thể hiện sự bế tắc về phương hướng phát triển của Cách mạng .Với Luận cương tháng tư Lê-nin đã quyết định chuyển từ Cách mạng dân chủ tư sản sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Sau sự kiện đàn áp đẫm máu tháng 7 - 1917, Lê-nin nhận ra điều kiện đấu tranh hòa bình không còn nữa, vì thế tại Đại hội lần thứ VI của Đảng Bôn-sê-vich. Lê-nin xác định: "Phải lật đổ chính quyền tư sản bằng con đường bạo lực vũ trang".

- Đến đầu tháng 10 - 1917, Lê-nin từ Phần lan về nước trực tiếp chỉ đạo cuộc khởi nghĩa ở Pê-tơ-rô-grát đêm 24 rạng ngày 25 - 10 - 1917 thắng lợi.

- Sau khi giành được chính quyền với nhiệm vụ người cao nhất trong chính quyền Xô viết Lê-nin ban hành sắc lệnh hòa bình và sắc lệnh ruộng đất nhằm thỏa mãn nguyện vọng của nhân dân Nga.

- Lê-nin ban hành nhiều chính sách xóa bỏ mọi tàn tích của phong kiến, thực hiện quyền tư do dân chủ, thành lập hồng quân để bảo vệ chính quyền và tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

- Để huy động sức lực của toàn dân tộc chiến đấu chống thù trong giặc ngoài, Lê-nin thực hiện chính sách Cộng sản thời chiến. Nhờ vào chính sách táo bạo và đúng đắn này mà mọi âm mưu của kẻ thù trong và ngoài nước bị đập tan, chính quyền xô viết non trẻ của nước Nga được bảo vệ và đứng vững.

- Đến năm 1921, Chính sách Cộng sản thời chiến không còn phù hợp, Lê-nin đề xướng Chính sách Kinh tế mới chuyển nền kinh tế Nga sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần do nhà nước kiểm soát.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Những nhân tố góp phần đánh bại chủ nghĩa quân phiệt Nhật:** *(2.0 điểm)*

- Sự sụp đổ của chủ nghĩa phát xít Đức và I-ta-li-a ở châu Âu làm cho Nhật Bản mất chỗ dựa, rơi vào tình thế hoang mang, tuyệt vọng.

- Sự thất bại trước những đợt phản công của Anh, Mĩ trên các đảo Thái Bình Dương, Đông Nam Á, việc Mĩ ném 2 quả bom nguyên tử xuống 2 thành phố Hirôsima và Nagasaki... tạo tâm lí hoảng sợ, không còn ý chí chiến đấu...

- Việc Liên Xô tham chiến ở Viễn Đông, đặt Nhật Bản vào tình thế thất bại không thể tránh khỏi...

- Ở Trung Quốc, quân giải phóng chuyển sang tổng phản công quân Nhật cùng với phong trào kháng Nhật ở một số nước Đông Nam Á diễn ra mạnh mẽ... (Việt nam, In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a) ...

- Sức ép của nhân dân và phái chủ hòa trong nội bộ giới cầm quyền ở Nhật Bản.

- Ngày 15/8, Nhật Bản chấp nhận đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc ...

*** Đánh giá vai trò của Liên Xô, Anh, Mĩ trong Chiến tranh thế giới thứ hai.** *(2.0 điểm)*

– Vai trò của Liên Xô

+ Liên xô là trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

+ Tập hợp được các lực lượng yêu chuộng hòa bình đấu tranh chống phát xít.

+ Những chiến thắng quan trọng ở mặt trận Xô - Đức: Mát-xcơ-va, Xta-lin-grát, cuộc tấn công Béc-lin... cùng với Anh, Mĩ buộc Đức đầu hàng vô điều kiện...

+ Liên Xô tham gia chống Nhật, đánh tan đội quân Quan Đông, góp phần quan trọng buộc Phát xít Nhật đầu hàng đồng minh, chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Tổ chức các Hội nghị Ianta, Pốtđam, bàn việc kết thúc chiến tranh...

– Vai trò của Anh - Mĩ

+ Có vai trò to lớn trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.

+ Là lực lượng chủ yếu ở mặt trận bắc Phi và châu Á - Thái Bình Dương, góp phần tiêu diệt chủ nghĩa phát xít I-ta-li-a...*(0,5 điểm)*

+ Mở mặt trận thứ hai tấn công phát xít Đức từ phía tây, cùng với Liên Xô buộc Đức đầu hàng, kết thúc chiến tranh ở châu Âu

+ Tham gia chống Nhật ở Viễn Đông, buộc Nhật Bản phải đầu hàng...

+ Cùng với Liên Xô thiết lập trật tự mới sau Chiến tranh thế giới thứ 2.

CÂU HỎI 3: *(4.0 điểm)*

Sau Hiệp ước Pa-tơ-nốt (1884), nhất là sau cuộc phản công của phái chủ chiến ở Kinh thành Huế (do Tôn Thất Thuyết đứng đầu) thất bại, một phong trào khởi nghĩa vũ trang chống Pháp dưới danh nghĩa Cần Vương diễn ra sôi nổi, kéo dài đến 1896. Bên cạnh đó còn có những cuộc đấu tranh tự phát của nhân dân các địa phương ở trung du và miền núi, nổi bật là cuộc khởi nghĩa Yên Thế...

*** Đặc điểm:** *(1,5 điểm)*

- Phong trào diễn ra trong bối cảnh triều đình Nguyễn đã hoàn toàn đầu hàng thực dân Pháp, thực dân Pháp đã thôn tính được nước ta và bắt đầu bình định, mở rộng vùng chiếm đóng.

- Lãnh đạo phong trào là các văn thân, sĩ phu yêu nước hưởng ứng chiếu Cần vương, hoặc những thủ lĩnh nông dân (Hoàng Hoa Thám...)

- Lực lượng tham gia phong trào đông đảo mọi tầng lớp: sĩ phu, văn thân, đồng bào các dân tộc thiểu số, đông nhất là nông dân...

- Mục tiêu của phong trào là giúp vua đánh Pháp, hoặc giữ đất, giữ làng...

- Phong trào diễn ra sôi nổi, quyết liệt, rộng khắp trong cả nước với hình thức khởi nghĩa vũ trang.

- Kết quả: hầu hết các cuộc khởi nghĩa trong phong trào vũ trang chống Pháp đều thất bại.

*** Nguyên nhân thất bại của phong trào:** *(1,0 điểm)*

- Thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn. Ngọn cờ phong kiến đã lỗi thời, không thể tập hợp, đoàn kết để tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống Pháp.

- Thiếu sự thống nhất, phối hợp giữa các cuộc khởi nghĩa với nhau.

- Cách đánh giặc chủ yếu là dựa vào địa thế hiểm trở (như khởi nghĩa Ba Đình, khởi nghĩa Bãi Sậy...)

- Thực dân Pháp còn mạnh, tương quan lực lương bất lợi cho ta...

*** Bài học kinh nghiệm:** *(1,0 điểm)*

- Cần có một lực lượng xã hội tiên tiến, có đủ năng lực lãnh đạo.

- Phải có sự phối hợp giữa các cuộc khởi nghĩa.

- Phải chủ động, linh hoạt trong cách đánh...

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Khái quát về phong trào Cần Vương và trào lưu dân tộc chủ nghĩa đầu thế kỉ XX:** *(1,5 điểm)*

- Trong nửa sau thế kỉ XIX trước sự xâm lược của thực dân Pháp, phong trào chống Pháp của nhân dân Việt Nam diễn ra liên tục. Lúc đầu là phong trào kháng chiến của quần chúng kết hợp với lực lượng quân đội chính quy của triều đình, tiếp theo là phong trào yêu nước khởi nghĩa vũ trang Cần Vương còn chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến. Thực chất đây là phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân nhằm đánh đổ Pháp và tay sai khôi phục lại nền độc lập dưới chế độ phong kiến.

- Đầu thế kỉ XX, đã xuất hiện một chủ nghĩa quốc gia dân tộc với những cuộc vận động dân tộc - dân chủ của những tầng lớp xã hội mới. Tiêu biểu là Phan Bội châu, Phan Châu Trinh với các phong trào Đông du, phong cải cách xã hội ở Bắc Kì và Trung Kì (như việc thành lập Đông Kinh nghĩa thục, phong trào Duy tân ở Trung Kì), phong trào chống thuế ở Trung Kì 1908... Đây là phong trào giải phóng dân tộc theo con đường dân chủ tư sản, nó kế tục phong trào Cần Vương chống Pháp cuối thế kỉ XIX nhưng đồng thời cũng mang nhiều nét mới khác trước.

*** Những điểm mới và khác so với phong trào Cần Vương:** *(2,5 điểm)*

- Về mục tiêu: Nếu phong trào Cần Vương chống Pháp giành độc lập và khôi phục lại chế độ phong kiến thì phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX chống Pháp, hương tới một nền cộng hòa, xây dựng nước Việt Nam độc lập.

- Tầng lớp khởi xướng trào lưu này là những sĩ phu yêu nước tiến bộ. Họ là những nho sĩ được đào tạo trong nền khoa cử cũ nhưng đã chuyển biến theo tư tưởng mới của thời đại, tư tưởng "Duy tân".

- Chủ nghĩa yêu nước của các sĩ phu văn thân thuộc phong trào Cần Vương trước kia nay đã chuyển thành chủ nghĩa dân tộc gắn liền với những tư tưởng dân chủ và mong muốn nước nhà đuổi kịp các quốc gia văn minh trên thế giới.

- Về hình thức và phương pháp đấu tranh:

Không chỉ hạn chế trong những hình thức đấu tranh vũ trang như trước đây mà còn kết hợp cả với nhiều biện pháp mới về chính trị, ngoại giao, tiến hành một phong trào cải cách sâu rộng trong đông đảo quần chúng.

- Lực lượng tham gia: phong trào có điểm mới là có sự tham gia của các giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện bên cạnh các giai cấp, tầng lớp cũ của phong trào Cần Vương...

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Bảng kê các sự kiện chính của tiến trình Pháp xâm lược Việt Nam (1858 - 1884)** *(1,5 điểm)*

Niên đại	Sự kiện
Ngày 1/9/1858	Pháp đánh chiếm bán đảo Sơn Trà, mở màn xâm lược Việt Nam.
Tháng 2/1859	Pháp đánh Gia Định.
Tháng 2/1862	Pháp chiếm ba tỉnh miền Đông Nam Kì.
Ngày 5/6/1862	Kí Hiệp ước Nhâm Tuất.
Tháng 6/1867	Pháp chiếm ba tỉnh miền Tây Nam Kì.
Ngày 20/11/1873	Pháp đánh thành Hà Nội lần 1.
Tháng 4/1884	Pháp đánh chiếm Bắc Kì lần 2.
Ngày 18/8/1883	Pháp đánh vào Huế, triều đình đầu hàng kí Hiệp ước Hác-măng.
Ngày 6/6/1884	Kí Hiệp ước Pa-tơ-nốt.

*** Nhận xét:** *(2,5 điểm)*

Thời gian	Triều đình	Nhân dân
1858 - 1862	Triều đình Huế có tổ chức chống Pháp nhưng thiếu kiên quyết, thiếu đường lối... Từ chỗ chống cự yếu ớt đến việc chọn con đường cắt đất cầu hoà.	Nhân dân đánh giặc dũng cảm, góp phần làm thất bại kế hoạch xâm lược của địch; nhiều tấm gương yêu nước xuất hiện như Trương Định, Nguyễn Trung Trực...
1863 - 1867	Triều đình đối phó tiêu cực với âm mưu của Pháp (chuộc đất), quay lưng lại phong trào kháng chiến của nhân dân, khước từ các đề nghị canh tân đất nước.	Nhân dân tiếp tục chống pháp (không tuân lệnh triều đình, kết hợp chống Pháp với chống phong kiến đầu hàng) như cuộc chiến đấu dưới sự lãnh đạo của Trương Định, Trương Quyền, Phan Liêm, Phan Tôn, Nguyễn Trung Trực...
1873 - 1884	Triều đình tổ chức kháng chiến nhưng dè dặt, đi đến thoả hiệp kí kết các hiệp ước cầu hoà, đầu hàng và kết thúc vai trò lịch sử.	Nhân dân kiên quyết kháng chiến: - Cuộc chiến đấu của Chưởng cơ tại Ô Thanh Hà, nhân dân phục kích giết chết Gác-ni-ê ngày 21 - 2 - 1873. - Quân dân ta cùng với quân Cờ đen của Lưu Vĩnh Phúc phục kích giết chết Ri-vi-e ngày 19 - 5 - 1883.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TIỀN GIANG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN TIỀN GIANG.

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Phân tích nguyên nhân:** *(3,0 điểm)*

– Nhật bản trước cải cách:

+ Giữa XIX, chế độ Mạc phủ (đứng đầu là Sơ-gun) đã suy yếu và khủng hoảng nghiêm trọng.

▪ Về kinh tế: nông nghiệp phong kiến lạc hậu, công thương nghiệp phát triển theo hướng TBCN.

▪ Về xã hội: Tư sản ngày càng có thế lực kinh tế, nhưng không có quyền lực về chính trị. Nông dân bị phong kiến áp bức, bóc lột nặng nề.

▪ Về chính trị: đứng đầu nhà nước là Thiên hoàng nhưng thực quyền nằm trong tay tướng quân.

+ Các nước tư bản phương Tây, trước tiên là Mĩ, dùng áp lực quân sự buộc Nhật Bản phải "mở cửa". Nhật Bản đã kí những hiệp ước bất bình đẳng, với những điều kiện nặng nề.

– Nguyên nhân cải cách:

+ Như vậy, đến giữa XIX, Nhật bản đứng trước sự lựa chọn: hoặc tiếp tục duy trì chế độ phong kiến trì trệ, bảo thủ để các nước đế quốc xâu xé, hoặc canh tân, cải cách, đưa Nhật bản phát triển theo con đường của các nước tư bản phương Tây.

+ Trong bối cảnh đó, các tầng lớp nhân dân Nhật Bản, đặc biệt tầng lớp Sa-mu-rai đã ủng hộ Thiên hoàng lật đổ triều đình Mạc phủ, tiến hành cải cách.

*** Vì sao nói cuộc Duy tân Minh trị có ý nghĩa như một cuộc Cách mạng tư sản?** *(1,0 điểm)*

– Gạt bỏ những cản trở của chế độ phong kiến.

– Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Nhật.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Phân tích những nét chính trong các mối quan hệ quốc tế trước chiến tranh:** *(2,0 điểm)*

- Khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã dẫn đến sự phân hóa các nước đế quốc thành hai khối đối lập: tư bản dân chủ (Anh, Pháp, Mĩ), tư bản phát xít (Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản).

- Đường lối đối ngoại của mỗi lực lượng:

+ Đức, I-ta-li-a, Nhật:

▪ Liên kết với nhau để thành lập khối liên minh phát xít, đẩy mạnh chiến tranh xâm lược các nước, âm mưu chia lại thế giới.

▪ Lợi dụng đường lối nhân nhượng, thỏa hiệp của Anh, Pháp, Mĩ để thực hiện mưu đồ thôn tính châu Âu rồi mới dốc toàn lực đánh Liên xô.

+ Anh - Pháp:

▪ Nhân nhượng, thỏa hiệp với phát xít, nhằm đẩy phát xít tấn công Liên Xô.

▪ Từ chối lời đề nghị hợp tác với Liên Xô.

+ Liên Xô:

▪ Kiên quyết chống phát xít, kêu gọi Anh, Pháp hợp tác chống phát xít, chống chiến tranh.

▪ Khi lời đề nghị hợp tác với Anh, Pháp không được chấp thuận, Liên Xô kí với Đức Hiệp ước không xâm phạm lẫn nhau, để tránh tình thế bị cô lập giữa các nước đế quốc, tranh thủ thời gian hòa hoãn chuẩn bị lực lượng chống phát xít.

*** Đánh giá trách nhiệm của Anh, Pháp:** *(2,0 điểm)*

- Đường lối đối ngoại của mỗi lực lượng chi phối thái độ và hành động của mỗi bên, là cơ sở để giải thích cho các sự kiện cụ thể trong tiến trình chiến tranh.

- Cụ thể, đỉnh cao của sự nhân nhượng, thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với phát xít là việc Anh, Pháp kí với Đức Hiệp ước Muy-ních (1938), cắt vùng Xuy-đét của Tiệp khắc, đổi lấy việc Hít-le hứa sẽ tấn công Liên Xô. Tiếp theo đó, Anh, Pháp đã làm ngơ cho Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (1939).

- Không dừng lại ở đó, ngày 1/9/1939, Đức tấn công Ba lan, đồng minh của Anh, Pháp. Đến lúc này, Anh, Pháp đành phải tuyên chiến với Đức nhưng vẫn nuôi ảo tưởng, Đức sẽ tấn công Liên Xô. Chiến tranh đã bùng nổ giữa hai khối đế quốc, mà không phải là giữa Liên Xô và phát xít, như mong đợi của Anh, Pháp.

- Tóm lại, chính sách nhân nhượng, thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với phe phát xít đã tạo điều kiện cho phát xít nhanh chóng thôn tính các nước châu Âu tư bản, làm bùng nổ chiến tranh.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Vì sao trong năm 1917, ở Nga đã diễn ra hai cuộc Cách mạng?** *(1,5 điểm)*

- Sau Cách mạng tháng Hai, chế độ Nga hoàng bị lật đổ, nước Nga có tình trạng hai chính quyền song song tồn tại:

+ Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.

+ Xô viết đại biểu của công nhân, nông dân và binh lính.

- Đây là hai chính quyền đối lập nhau, không thể cùng tồn tại lâu dài. Do đó, yêu cầu đặt ra lúc này là phải thủ tiêu tình trạng hai chính quyền song song tồn tại, chuyển toàn bộ chính quyền về tay các Xô viết.

- Trước tình hình đó, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích đã vạch ra đường lối chuyển từ Cách mạng dân chủ tư sản sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

→ Năm 1917, nước Nga diễn ra hai cuộc Cách mạng.

*** Điền vào những chỗ trống trong bảng sau:** *(2,5 điểm)*

Các nội dung cần so sánh	Cách mạng tháng Hai năm 1917	Cách mạng tháng Mười năm 1917
- Mục tiêu	- Lật đổ chế độ phong kiến	- Lật đổ chính quyền tư sản.
- Lãnh đạo	- Vô sản	- Vô sản.
- Lực lượng tham gia	- Liên minh công nông	- Liên minh công nông.
- Hướng phát triển	- Chuyển sang CMXHCN	- Xây dựng CNXH.
- Tính chất Cách mạng	- CMDCTS kiểu mới.	- CMXHCN.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Các giai đoạn phát triển của phong trào Cần Vương:** *(1,0 điểm)*

- *Giai đoạn 1:* (1885 - 1888)

+ Phong trào đặt dưới sự chỉ huy thống nhất của một triều đình kháng chiến, đứng đầu là vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết.

+ Địa bàn hoạt động: rộng lớn (Bắc Kì, Trung Kì).

- *Giai đoạn 2:* (1888 - 1895)

+ Năm 1888, Vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, phong trào không còn sự chỉ huy thống nhất, Cần Vương chỉ còn là danh nghĩa.

+ Địa bàn hoạt động: thu hẹp dần ở vùng trung du và rừng núi Bắc Kì.

*** Chứng minh: độc lập dân tộc là mục tiêu chủ đạo của phong trào:** *(1,5 điểm)*

- Mục tiêu của phong trào Cần Vương là đánh Pháp để *giành độc lập* và *khôi phục lại ngôi vua*. Trong điều kiện lịch sử Việt Nam lúc đó, sự xuất hiện của một vị vua yêu nước Hàm Nghi đã đáp ứng nguyện vọng cấp thiết của toàn dân: cần có một ngọn cờ yêu nước để tập hợp nhân dân chống giặc. Do đó, văn thân, sĩ phu và các tầng lớp nhân dân đã nhiệt liệt hưởng ứng Chiếu Cần Vương. Việc giúp Vua khôi phục lại ngôi vua giờ đây không phải là mục tiêu quan trọng hàng đầu, mà chỉ còn là hướng đi tiếp theo, sau khi giành được mục tiêu số một là giành độc lập.

- Điều này thể hiện rất rõ ở giai đoạn hai của phong trào Cần Vương, khi Vua Hàm Nghi bị Pháp bắt, những cuộc khởi nghĩa Cần Vương vẫn tiếp diễn.

*** Vị trí của phong trào Cần Vương trong lịch sử:** *(1,5 điểm)*

- Phong trào Cần Vương trước hết là phong trào yêu nước chống Pháp chịu ảnh hưởng của ý thức hệ phong kiến. Như vậy, phong trào chính là sự tiếp nối tư tưởng yêu nước theo lập trường quân chu suốt một thời gian dài trong lịch sử phong kiến nước ta.

- Thất bại của phong trào Cần Vương chính là thất bại của ngọn cờ yêu nước phong kiến, chứng tỏ sự phá sản của ý thức hệ yêu nước phong kiến, đặt ra yêu cầu mới cho phong trào yêu nước Việt Nam: cần phải tìm ra một con đường cứu nước mới, một hệ tư tưởng Cách mạng, phù hợp với điều kiện lịch sử mới.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Vị trí của phong trào Cách mạng Việt Nam đầu XX:** *(2,0 điểm)*

- Phong trào cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX là sự tiếp nối phong trào đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam cuối thế kỉ XIX. Nói cách khác, thất bại của phong trào chống Pháp cuối XIX đã đặt tiền đề cho sự ra đời của phong trào cách mạng Việt Nam đầu XX với những đường nét mới, phương hướng mới, trong đó nội dung dân chủ là yếu tố nổi bật.

- Đến lượt mình, thất bại của con đường cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX cũng để lại nhiều bài học kinh nghiệm đồng thời đặt ra yêu cầu: Cần phải tìm ra con đường và phương hướng cứu nước mới cho cách mạng Việt Nam giai đoạn tiếp theo.

*** Cho biết cảm nghĩ về những người đã khởi xướng phong trào:** *(2,0 điểm)*

- Đại diện cho tầng lớp sĩ phu nho học mới, với lòng yêu nước thiết tha, với hoài bão cứu nước to lớn, với tầm suy nghĩ vượt qua các nhà nho yêu nước đương thời, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh đã khởi xướng phong trào cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

- Đặc biệt ở Phan Bội Châu, chủ trương Cách mạng của ông là sự chuyển biến liên tục trong nhận thức, từ yêu nước theo lập trường dân chủ, ông đã từng bước vươn lên tiếp cận với lập trường dân chủ.

- Dù trải qua nhiều thất bại khó khăn, hai ông vẫn kiên trì bền bỉ theo đuổi đến cùng sự nghiệp cứu dân cứu nước.

- Do vậy, Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh mãi mãi xứng đáng với vị trí những nhà Cách mạng tiêu biểu của Việt Nam đầu thế kỉ XX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG NAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Ý nghĩa lịch sử Cách mạng tháng Mười Nga 1917:** *(2,0 điểm)*

- Là sự kiện lịch sử trọng đại đối với nước Nga và thế giới. Một kỉ nguyên mới đã mở ra làm thay đổi tình hình đất nước và số phận hàng triệu người Nga.

- Lần đầu tiên trong lịch sử nước Nga, giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc Nga được giải phóng, thoát khỏi mọi xiềng xích nô lệ.

- Ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình và cục diện thế giới. Đã phá vỡ trận tuyến chủ nghĩa tư bản, làm cho nó không còn là một hệ thống duy nhất trên thế giới nữa.

- Cổ vũ mạnh mẽ giải phóng Cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và phong trào giải phóng trên thế giới.

*** Ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười với phong trào Cách mạng giải phóng dân tộc thế giới:** *(2,0 điểm)*

- Là tấm gương sáng, nguồn cổ vũ động viên to lớn với phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

- Đã tạo nên sự chuyển biến to lớn về nội dung - tư tưởng, hình thức tổ chức và phương pháp đấu tranh Cách mạng cho phong trào giải phóng dân tộc thế giới.

- Sau Cách mạng tháng Mười phong trào giải phóng dân tộc xuất hiện một khuynh hướng mới, khuynh hướng vô sản.

- Sau Cách mạng tháng Mười, phong trào Cách mạng giải phóng dân tộc gắn liền với Cách mạng vô sản chính quốc, là bộ phận của Cách mạng thế giới.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Kết cục Chiến tranh thế giới thứ hai:** *(2,0 điểm)*

- Chủ nghĩa Phát xít bị sụp đổ hoàn toàn.

- Thắng lợi thuộc về các dân tộc trên thế giới, trong đó Liên Xô, Mĩ, Anh là lực lượng trụ cột, giữ vai trò quyết định trong việc tiêu diệt chủ nghĩa phát xít.

- Chiến tranh thế giới thứ hai để lại hậu quả nặng nề: Hơn 70 quốc gia bị lôi vào vòng chiến, khoảng 60 triệu người chết, 90 triệu người bị thương, bị tàn phế và thiệt hại khoảng 4000 tỉ USD.

- Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc dẫn đến những thay đổi căn bản cục diện thế giới.

*** Vai trò của Liên Xô trong chiến tranh thế giới thứ hai:** *(2,0 điểm)*

- Chiến tranh của Liên Xô chống Phát xít xâm lược là cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.

- Nhân dân Liên xô và các lực lượng vũ trang Xô viết đã đánh bại chủ nghĩa Phát xít Đức và chư hầu, bảo vệ tự do và độc lập của Tổ quốc XHCN.

- Đây là mặt trận chủ yếu trong chiến tranh thế giới thứ hai, quân đội Xô viết không những giải phóng đất nước mình mà còn thực hiện nghĩa vụ của mình là giải phóng châu Âu khỏi chủ nghĩa phát xít Đức.

- Sự tham gia của Liên Xô chống Phát xít Nhật đã góp phần to lớn vào sự nghiệp giải phóng các dân tộc châu Á, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.

→ Liên Xô giữ vai trò quan trọng đi đầu, một lực lượng chủ chốt góp phần quyết định thắng lợi trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước và cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử (1,0 điểm)	Triều đình Huế đã kí hiệp ước 1884 thực sự đầu hàng thực dân Pháp. Phái chủ chiến và Vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương.	Thực dân Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất, làm cho nền kinh tế, xã hội Việt Nam có nhiều biến đổi. Anh hưởng của những trào lưu tiến độ trên thế giới.
Mục tiêu đấu tranh (0,75 điểm)	Chống Pháp sau đó lập lại chế độ phong kiến.	Chống pháp, hướng tới một nền cộng hoà, một nước Việt Nam độc lập.
Hình thức đấu tranh (0,75 điểm)	Khởi nghĩa vũ trang.	Hình thức phong phú: Bạo động vũ trang, cải cách xã hội.. với các phong trào như phong trào Duy tân, phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thục.
Lực lượng tham gia	Sĩ phu, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông sản, tư sản, tiểu tư sản.
Kết quả (0,5 điểm)	Các cuộc khởi nghĩa đều thất bại.	Khơi dậy tư tưởng dân chủ ở Việt Nam.
Ý nghĩa (0,5 điểm)	Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc. Dọn đường cho những cuộc vận động Cách mạng đầu thế kỉ XX.	Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta, mở ra một hướng của con đường cứu nước mới ở Việt Nam từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

Nội dung so sánh	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Chủ trương cứu nước (1,0 điểm)	Chống đế quốc giành độc lập dân tộc bằng bạo động, bằng đấu tranh vũ trang,	Chống chế độ phong kiến giành tự do dân chủ bằng phương pháp ôn hoà không bạo động, bằng

	bằng dựa vào nhân dân trong nước, dựa vào Nhật cầu viện Nhật chống Pháp.	cuộc vận động cải cách duy tân đất nước, bằng cả việc dựa vào Pháp chống phong kiến..
Mục tiêu trước mắt (0,5 điểm)	Giải phóng dân tộc (cứu nước để cứu dân).	Cải cách dân chủ (cứu dân để cứu nước).
Phương pháp đấu tranh (0,5 điểm)	Bạo động vũ trang.	Cải cách, bất bạo động.
Phương thức hoạt động (1,0 điểm)	Bí mật hợp pháp, có tổ chức (Duy tân hội, Việt Nam Quang phục hội).	Công khai hợp pháp không xây dựng các tổ chức chính trị mà chỉ đứng ra kêu gọi, hô hào...
Những hoạt động tiêu biểu (1,0 điểm)	-1904 lập Duy tân hội, tổ chức phong trào Đông du đưa thanh niên Việt Nam sang Nhật... - 1912 thành lập Việt Nam Quang phục hội theo tư tưởng cộng hoà, tổ chức các hoạt động bạo động.	- Khởi xướng và tham gia nhiều hoạt động truyền bá tư tưởng mới, vận động lập trường học, hội buôn, tham gia giảng dạy và diễn thuyết ở Đông Kinh nghĩa thục. - Cùng Trần Quý Cáp, Huỳnh Thúc Kháng... Khởi xướng cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì những năm 1906 - 1908.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Giai cấp tầng lớp	Đại vị xã hội, xuất thân	Thái độ với Cách mạng.
Địa chủ (0,5 điểm)	Là các vua quan phong kiến, người có ruộng đất. Họ thuộc tầng lớp trên xã hội, có nhiều của cải và sống sung sướng .	- Đại bộ phận địa chủ lớn cấu kết với thực dân Pháp, ra sức bóc lột nhân dân ta, tay sai trung thành của Pháp. - Một số địa chủ vừa và nhỏ có tinh thần yêu nước.
Nông dân (1,0 điểm)	Là những người bị đế quốc và phong kiến tước đoạt ruộng đất, bị phá sản. Cuộc sống của họ cơ cực trăm bề và bị hai tầng áp bức bóc lột của kiến quốc, phong kiến.	- Họ căm ghét chế độ bóc lột của thực dân Pháp và phong kiến nên có ý thức nên có ý thức dân tộc sâu sắc. - Nông dân sẵn sàng hưởng ứng tham gia phong trào đấu tranh, cách mạng nếu giai cấp nào mang lại cuộc sống ấm no cho họ.
Tư sản (0,5 điểm)	Là những chủ xí nghiệp, chủ hãng buôn lớn, nhà thầu khoán... họ có tài sản trong tay, cuộc sống khá giả.	- Tuy có của cải, nhưng tư sản bị các nhà tư bản và chính quyền thực dân Pháp chèn ép - Vì thế lực yếu, lại phải lệ thuộc vào thực dân Pháp nên họ chưa tỏ ra thái độ tham gia cách mạng.

Tiểu tư sản trí thức. (1,0 điểm)	Là các chủ nhà xưởng nhỏ, viên chức nghèo, thanh niên, giáo viên, học sinh, sinh viên.	- Cuộc sống có phần dễ chịu hơn nông dân, nhưng rất bấp bênh. - Có ý thức dân tộc, sẵn sàng đóng góp sức mình, tham gia cách mạng.
Công nhân (1,0 điểm)	Đa số xuất thân từ nông dân, cuộc sống rất khổ vì bị ba tầng áp bức bóc lột: đế quốc, phong kiến và tư bản	- Là giai cấp tiên tiến nhất (đại diện cho phương thức sản xuất mới). - Do hoàn cảnh xuất thân và chịu cảnh áp bức bóc lột nặng nề, họ có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ. Họ được lịch sử giao cho sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT PHAN CHÂU TRINH

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

* **Bối cảnh:** *(1,5 điểm)*

- Giữa thế kỉ XIX, mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Nhật xuất hiện.
- Chế độ Mạc phủ bị khủng hoảng nghiêm trọng.
- Nhật Bản đứng trước nguy cơ xâm lược của tư bản phương Tây.
- Những năm 60 của thế kỉ XIX, cuộc đấu tranh chống Mạc phủ đã bùng nổ mạnh mẽ.
- Ngày 3 - 1 - 1868 Thiên hoàng Minh Trị lập chính phủ mới, thực hiện cuộc cải cách gọi là cải cách Minh Trị.

* **Nguyên nhân thành công:** *(1,5 điểm)*

- Giai cấp phong kiến cầm quyền Nhật Bản xuất hiện một bộ phận tiến bộ, tiêu biểu là Thiên hoàng Minh Trị.
- Cơ sở kinh tế -xã hội cho cuộc cải cách khá vững chắc, tiền đề quan trọng để thực hiện thành công cải cách.
- Được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân Nhật Bản.

*** Tác động:** *(1,0 điểm)*

- Kinh tế TBCN phát triển nhanh chóng,Nhật Bản chuyển lên CNĐQ.
- Các nước phương Tây buộc phải xoá bỏ các hiệp ước bất bình đẳng với Nhật. Nhật Bản thoát khỏi thân phận một nước thuộc địa.
- Tạo sức mạnh quân sự cho Nhật cùng các nước phương Tây xâm nhập vào Trung Quốc.
- Ảnh hưởng lớn đến tư tưởng sĩ phu Trung Quốc, Việt Nam.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Con đường dẫn đến chiến tranh:** *(2,0 điểm)*

- Hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản muốn gây chiến tranh để phân chia lại thị trường thế giới.

- Mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với Liên Xô.

- Năm 1937 liên minh phát xít hình thành, mâu thuẫn giữa các nước đế quốc với đế quốc ngày càng tăng cao.

- Ngày 29 - 9 - 1938 Anh, Pháp kí hiệp định Muy-ních để đổi lấy sự cam kết của Hít-le về việc chấm dứt mọi thôn tính châu Âu.

- Ngày 23 - 8 - 1939 Hiệp ước Xô - Đức không xâm lược lẫn nhau được kí kết.

- 1 - 9 - 1939 phát xít Đức tấn công Ba Lan châm ngòi bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai.

*** Nhận xét thái độ các nước lớn:** *(2,0 điểm)*

+ Trước những hành động xâm lược của liên minh phát xít, các nước Anh, Pháp, Mĩ, Liên Xô lại không có một đường lối hành động chung.

+ Mĩ theo "chủ nghĩa biệt lập".

+ Anh, Pháp: muốn giữ nguyên trật tự thế giới, thực hiện chính sách nhượng bộ để đổi lấy hoà bình.

+ Liên Xô kiên quyết chống chủ nghĩa phát xít chủ trương liên kết với các nước Tư bản dân chủ để chống chiến tranh.

+ *Nhận xét:* Chính thái độ khác nhau của các nước lớn đặt biệt là thái độ dung túng, thoả hiệp phát xít của các nước Anh, Pháp đã tạo điều kiện cho chủ nghĩa phát xít tự do hành động dẫn đến sự bùng nổ của Chiến tranh thế giới thứ hai.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Tóm lược**: tiểu sử và hoạt động cứu nước của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Nguyễn Ái Quốc. *(1,0 điểm)*

- Phan Bội Châu: xuất thân trong một gia đình nhà nho nghèo yêu nước ở Nghệ An. Ngay từ đầu ông đã chủ trương dùng bạo lực giành độc lập, lập Hội Duy tân (1904), vận động phong trào Đông du (1908)...

- Phan Châu Trinh: người phủ Tam Kì, tỉnh Quảng Nam, từ nhỏ đã nổi tiếng thông minh học giỏi. Phan Châu Trinh đề xướng phong trào Duy tân (1906) và hoạt động tích cực ở miền Trung...

- Nguyễn Ái Quốc: sinh ra trong một gia đình trí thức yêu nước. Người rất khâm phục tinh thần yêu nước của Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh nhưng Người đã nhìn thấy sự bế tắt của các con đường đó. Ngày 5 - 6 - 1911 Người rời bến cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước...

*** Giống nhau:** *(1,0 điểm)*

- Yêu nước, muốn làm Cách mạng để giải phóng dân tộc.

- Đều có tư tưởng hướng ra nước ngoài để học hỏi kinh nghiệm tìm con đường cứu nước đúng đắn.

*** Khác nhau:** *(1,0 điểm)*

- Phan Bội Châu: chủ trương dùng bạo động vũ trang, cầu viện Nhật để đánh Pháp, giành độc lập dân tộc.

- Phan Châu Trinh: chủ trương cứu nước bằng việc nâng cao dân trí, dân quyền, cải cách đất nước.

- Nguyễn Ái Quốc: chủ trương hướng ra nước ngoài, đến chính nước đế quốc đang thống trị dân tộc, để tìm hiểu, học hỏi, đúc rút kinh nghiệm, tìm con đường cứu nước.

*** Điểm mới trong con đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc:** *(1,0 điểm)*

- Hướng đi sang các nước phương Tây.
- Cùng sống và làm việc với giai cấp cùng khổ thế giới để tìm ra con đường Cách mạng đúng đắn để cứu nước và cứu dân.
- Học hỏi, rút kinh nghiệm từ phong trào Cách mạng thế giới, nhất là Cách mạng tháng Mười Nga (1917)
- Xác định một dân tộc muốn giải phóng phải dựa vào sức mình là chính.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Một số cuộc khởi nghĩa Cần Vương tiêu biểu:** *(1,0 điểm)*

- Khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887) do Phạm Bành và Đinh Công Tráng lãnh đạo.
- Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1887 - 1892) do Tống Duy Tân lãnh đạo.
- Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892) do Nguyễn Thiện Thuật lãnh đạo.
- Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1895) do Phan Đình Phùng, Cao Thắng lãnh đạo.

*** Ưu điểm:** *(1,0 điểm)*

- Phát huy truyền thống yêu nước, dũng cảm của các tầng lớp nhân dân.
- Nổ ra kịp thời, sôi nổi vì một động cơ chung là đánh Pháp cứu tổ quốc.
- Quy mô phong trào rộng lớn, lực lượng tham gia đông đảo.
- Nghĩa quân biết lợi dụng điều kiện địa lí hiểm yếu và dùng chiến thuật du kích để đối phó với một lực lượng lớn mạnh hơn.

*** Nhược điểm:** *(1,5 điểm)*

- Thiếu tổ chức và lãnh đạo chưa đúng đắn, chiến thuật phong kiến không còn phù hợp.
- Hậu cần thiếu thốn, trang bị vũ khí thô sơ.
- Các cuộc khởi nghĩa nổ ra lẻ tẻ, không có sự liên kết.
- Sự hạn chế của chiếu Cần Vương làm giảm đi một lực lượng lãnh đạo kiên định, tiên tiến khi đường lối lãnh đạo của giai cấp phong kiến không còn phù hợp.

*** Kết luận**: *(0,5 điểm)*

Với những đặc điểm nêu trên, cuộc kháng chiến của nhân dân ta cuối thế kỉ XIX mặc dù hết sức oanh liệt, cuối cùng đã thất bại. Tuy vậy phong trào cũng đã tiêu biểu cho tinh thần yêu nước bất khuất của dân tộc.

Cổ vũ các phong trào giải phóng dân tộc theo khuynh hướng dân chủ tư sản đầu thế kỉ XX do các sĩ phu nho học mới lãnh đạo, tiêu biểu là Phan Bội Châu và Phan Châu Trinh.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước Đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử *(1,0 điểm)*	- Sau hiệp ước Hác-măng Pa tơ-nốt, triều đình đầu hàng thực dân Pháp. - Nhân dân và quan lại yêu nước tiếp tục đấu tranh. - Cuộc phản công ở kinh thành Huế bị thất bại. Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm nghi hạ chiếu Cần Vương.	- Phong trào Cần vương thất bại. - Sự chuyển biến kinh tế xã hội Việt Nam trong khai thác thuộc địa lần thứ nhất của Pháp. - Ảnh hưởng các trào lưu tư tưởng tư sản tiến bộ, các sĩ phu yêu nước vận động cứu nước.

Mục tiêu đấu tranh *(0,5 điểm)*	- Đánh đuổi thực dân Pháp cướp nước. - Khôi phục lại vương triều phong kiến.	- Đánh đuổi thực dân Pháp. - Gắn liền với cải cách Duy Tân thay đổi chế độ xã hội theo kiểu dân chủ tư sản .
Tầng lớp lãnh đạo *(0,5 điểm)*	- Vua Hàm Nghi, Tôn Thất Thuyết. - Sĩ phu, văn thân.	- Các trí thức phong kiến mới tiêu biểu Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh.
Lực lượng tham gia *(0,5 điểm)*	- Sĩ phu, văn thân. - Đông đảo các nông dân, các dân tộc người thiểu số.	- Sĩ phu yêu nước, tri thức nhỏ, tiểu tư sản thành thị, giới công thương, học sinh, sinh viên, nông dân…
Phong trào tiêu biểu *(0,5 điểm)*	- Khởi nghĩa Bãi Sậy - Khởi nghĩa Ba Đình - Khởi nghĩa Hùng Lĩnh - Khởi nghĩa Hương Khê.	- Phong trào Đông du. - Phong trào Duy tân. - Đông Kinh nghĩa thục.
Kết quả và ý nghĩa *(1,0 điểm)*	- Thất bại. - Chứng minh khả năng Cách mạng hùng hậu của nhân dân trong đấu tranh chống Pháp xâm lược. - Để lại nhiều bài học và nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho những trào lưu dân tộc chủ nghĩa sau này.	- Thất bại. - Tiếp tục thể hiện truyền thống yêu nước tinh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc vì độc lập tự do. - Khơi dậy tư tưởng dân chủ,con đường cứu nước mới ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KHÁNH HOÀ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

- Ngày 25 - 10 - 1917 Cách mạng tháng Mười Nga thành công.
- 1918 - 1920: Nhân dân Nga xây dựng và bảo vệ chính quyền Xô Viết.
- 1922: Liên bang Cộng hoà XHCN Xô viết ra đời.
- 1921 - 1925: Liên Xô hoàn thành Chính sách Kinh tế mới.
- 1928 - 1933: Liên Xô hoàn thành kế hoạch tập thể hoá nông nghiệp và kế hoạch 5 năm lần thứ I.
- 1933 - 1937: Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ 2 và tiến hành công nghiệp hoá XHCN.
- Từ 1937 - 1941:Liên Xô hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ 3.
- Từ năm 1941 - 1945: Liên Xô tham gia cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại tháng lợi.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

- ***Giống:*** + Đều cải cách toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội.
  + Đều đưa đất nước phát triển theo Phương Tây.

- ***Khác:***

Nước	Nhật Bản	Trung Quốc
Thời gian cải cách	1868.	1898.
Lực lượng tiến hành	Vua, quý tộc mới, tư sản, thợ thủ công, nông dân, thị dân.	Một số nho sĩ tiến bộ và Vua.
Kết quả	Thành công.	Thất bại.
Ý nghĩa	Là CM DCTS, tạo điều kiện đi lên TBCN.	Mở đường cho các tư tưởng tiến bộ phát triển.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Các hiệp ước:** *(2,0 điểm)*

- Ngày 5 - 6 - 1862 Điều ước Nhâm Tuất cắt 3 tỉnh miền Đông Nam Kì cho Pháp.
- Ngày 15 - 3 - 1874 Điều ước Giáp Tuất cắt 6 tỉnh miền Đông Nam Kì cho Pháp.
- Ngày 25-8-1883 Điều ước Hác-măng Việt Nam bị chia cắt thành 3 miền
- Ngày 6 - 6 - 1884 Điều ước Pa-tơ-nốt trao 3 tỉnh Thanh - Nghệ - Tĩnh cho triều đình quản lí.

*** Nhận xét:** *(2,0 điểm)*

- Triều đình nhà Nguyễn sợ Pháp quân đông, vũ khí mạnh.
- Không tin vào khả năng chống Pháp của nhân dân.
- Ảo tưởng bằng thương thuyết để chuộc lại các tỉnh đã mất vì thế đã kí các điều ước đầu hàng từng bước và đầu hàng hoàn toàn.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Giai đoạn 1:** 1885 - 1888 Tôn Thất Thuyết và Hàm Nghi lãnh đạo,hàng trăm cuộc khởi nghĩa đã nổ ra ở Trung Kì, Bắc Kì, tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Thiện Thuật ở Hưng Yên và khởi nghĩa của Phạm Bành ở Thanh Hoá

*** Giai đoạn 2:** 1888 - 1896 Lãnh đạo là các văn thân sĩ phu yêu nước hình thành một số trung tâm khởi nghĩa, hoạt động chủ yếu ở vùng núi, trung du tiêu biểu là Khởi nghĩa Hùng Lĩnh của Tống Duy Tân ở Thanh Hoá, khởi nghĩa Hương Khê do Phan Đình Phùng lãnh đạo ở Nghệ An.

Nhận xét: - Phong trào Cần Vương bị Pháp đàn áp, kéo dài 10 năm thể hiện tinh thần đấu tranh anh dũng chống xâm lược của nhân dân Việt Nam.

- Cổ vũ to lớn cho trào lưu dân tộc chủ nghĩa ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

- Giống: *(2,0 điểm)*

+ Đều đưa đất nước thoát khỏi ách thống trị của Pháp đi theo con đường của Nhật Bản.

+ Đều do các sĩ phu yêu nước tiến bộ theo tư tưởng tư sản lãnh đạo.

+ Đều lôi cuốn các tầng lớp nhân dân tham gia.

+ Đều thất bại.

- **Khác:** *(2,0 điểm)*

Nội dung	Phan Bội Châu	Phan Châu Trinh
Đường lối cách mạng	Giải phóng dân tộc, cứu nước, cứu dân.	Cải cách dân chủ, cứu dân, cứu nước.
Phương pháp cách mạng	Bạo động vũ trang.	Cải cách văn hoá, xã hội.
Lực lượng cách mạng	Trí thức.	Nông dân.
Ý nghĩa	Cổ vũ tinh thần đấu tranh vũ trang cho nhân dân cả nước.	Cổ vũ tinh thần cải cách dân chủ cho nhân dân cả nước.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT PLÂY KU

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

- Năm 1916, tình thế cách mạng bùng nổ, Lê-nin kêu gọi giai cấp công nhân Nga và các nước "Biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến Cách mạng".

- Đầu năm 1917, tình thế Cách mạng chín muồi, Lê-nin và đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng Hai năm 1917.

- Ngày 3 - 4 - 1917 Lê-nin từ Thụy Sĩ về nước chỉ rõ nhiệm vụ của Cách mạng lúc này là chuyển từ Cách mạng dân chủ tư sản sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- 3 - 7 - 1917 Lê-nin quyết định giành chính quyền bằng khởi nghĩa vũ trang khi Chính phủ lâm thời đàn áp dã man cuộc biểu tình của nhân dân ở Pêtorôgrat.

- Ngày 7 - 10 - 1917 Lê-nin từ Phần Lan về nước trực tiếp lãnh đạo Cách mạng.

- 10 - 10 - 1917 kế hoạch khởi nghĩa của đảng Bôn-sê-vích bị lộ, Lê-nin sáng suốt quyết định khởi nghĩa trước một ngày, tạo yếu tố bất ngờ đối với Chính phủ tư sản giành thắng lợi .

- Với sự chỉ đạo đúng đắn của Lê-nin đã làm nên thành công của Cách mạng tháng Mười Nga lần đầu tiên trên thế giới mở đầu thời kì lịch sử hiện đại.

CÂU HỎI 2: *(3,0 điểm)*

Nội dung so sánh	Cách mạng Tân Hợi 1911	Cách mạng Nga 1905-1907
Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến, thực hiện dân chủ	Lật đổ chế độ phong kiến, thực hiện dân chủ
Giai cấp lãnh đạo	Tư sản	Vô sản
Động lực Cách mạng	Tư sản, nông dân	Công nhân, nông dân
Chính quyền nhà nước	Chuyên chính tư sản	Chuyên chính công- nông
Xu thế phát triển của Cách mạng	Xây dựng chủ nghĩa tư bản	Tiến lên Cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội
Tính chất của Cách mạng	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu cũ.	Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện
1/9/1858	Pháp tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam.
23/2/1861	Pháp tấn công đại đồn Chí Hòa.
10/12/1861	Nghĩa quân Nguyễn Trung Trực đốt cháy tàu Ét-pê-răng của Pháp.
5/6/1862	Hiệp ước Nhâm Tuất được kí kết.
20/11/1873	Pháp đánh Hà Nội lần thứ nhất.
21/12/1873	Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ nhất.
19/5/1883	Chiến thắng Cầu Giấy lần thứ hai.
25/8/1883	Hiệp ước Hắc-măng được kí kết.

CÂU HỎI 2: *(5,5 điểm)*

*** Hoàn cảnh bùng nổ:** *(1,5 điểm)*

– Về phía thực dân Pháp:

+ Thực dân Pháp đã bình định xong Việt Nam...

+ Âm mưu tiêu diệt phe chủ chiến...

+ Về phía cuộc kháng chiến:

+ Phong trào kháng chiến của nhân dân ta tiếp tục phát triển...

+ Phe chủ chiến trong triều đình chuẩn bị mọi điều kiện để chống pháp...

+ 5 / 7 / 1885 phe chủ chiến tấn công vào đồn Mang Cá...

+ 13 / 7 / 1885 chiếu Cần Vương được ban ra...

*** Phân tích nội dung và tác dụng của chiếu Cần Vương:** *(2,0 điểm)*

– Nội dung: Nêu và phân tích được nội dung chính: Kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên giúp vua kháng chiến chống Pháp giành độc lập dân tộc... *(1,0 đ)*

– Tác dụng:

- Thổi bùng ngọn lửa yêu nước trong nhân dân...

- Tạo ra phong trào khởi nghĩa vũ trang chống Pháp quyết liệt kéo dài hơn 10 năm...

*** Phong trào tiêu biểu...** *(2,0 điểm)*

– Khởi nghĩa Hương Khê

– Giải thích:

+ Địa bàn hoạt động rộng...

+ Nghệ thuật đánh du kích gây nhiều tổn thất cho Pháp...

+ Thời gian tồn tại lâu...

+ Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu...

CÂU HỎI 3: *(3,5 điểm)*

Làm rõ nội dung cơ bản của phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX theo các yêu cầu: bối cảnh lịch sử; mục tiêu đấu tranh; hình thức đấu tranh; lực lượng tham gia; kết quả; ý nghĩa

Nội dung so sánh	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
Bối cảnh lịch sử	Ảnh hưởng những trào lưu tiến bộ thế giới. Thực dân Pháp đã tiến hành công cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất.
Mục tiêu đấu tranh	Nước gắn liền với dân, chống Pháp để cứu nước, cứu dân, thay đổi chế độ.
Hình thức đấu tranh	Khởi nghĩa vũ trang, đấu tranh chính trị, ngoại giao và cải cách.
Lãnh đạo	Sĩ phu yêu nước tiến bộ chịu ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh), nông dân, tư sản,tiểu tư sản.
Kết quả	Đặt nền tảng cho tư tưởng dân chủ ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.
Ý nghĩa	Cổ vũ mạnh mẽ tinh thần đấu tranh giải phóng dân tộc, mở ra một con đường mới từ sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUANG TRUNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Sơ lược tiểu sử của Tôn Trung Sơn và Học thuyết Tam dân:** *(1,5 điểm)*

– Tôn Trung Sơn (1866 - 1925) tên thật là Tôn Dật Tiên, sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở Quảng Đông. Năm 13 tuổi, ông đến học ở Hô-nô-lu-lu (Ha-oai). Sau đó, ông tiếp tục học ở Hồng Công, rồi học y khoa ở Quảng Châu. Ông đã đi nhiều nước trên thế giới, có điều kiện tiếp xúc với tư tưởng dân chủ Âu - Mĩ một cách có hệ thống. Đứng trước nguy cơ đất nước bị xâm lược ngày càng nghiêm trọng, ông nhìn thấy rõ sự thối nát của chính quyền Mãn Thanh nên sớm nảy nở tư tưởng Cách mạng lật đổ triều Thanh, xây dựng một xã hội mới.

– Học thuyết Tam dân: Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc.

+ Dân tộc độc lập: Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa thành một nước độc lập.

+ Dân quyền tự do: Thành lập nước cộng hòa dân quốc, làm cho nhân dân được tự do.

+ Dân sinh hạnh phúc: Giải quyết vấn đề ruộng đất, bảo đảm cho nông dân có ruộng cày, người dân có cuộc sống hạnh phúc.

*** Sự thành lập, cương lĩnh, mục tiêu, tác dụng của tổ chức Trung Quốc Đồng minh hội:** *(2,5 điểm)*

– Sự thành lập: Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc đã lan rộng khắp các tỉnh. Hoa kiều ở nước ngoài cũng nhiệt liệt hưởng ứng phong trào. Trước tình hình đó, Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản, thống nhất lực lượng thành một chính đảng. Tháng 8/1905, Trung Quốc Đồng minh hội - chính đảng của giai cấp tư sản ra đời.

+ Thành phần: Trí thức tư sản, tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh, cùng một số đại biểu nông dân công nhân nhưng đông nhất vẫn là trí thức, tư sản và tiểu tư sản.

+ Quy mô: Có tính chất toàn quốc, cơ cấu lãnh đạo thống nhất.

– **Cương lĩnh chính trị:** Dựa trên học thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn là "Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc".

– **Mục tiêu:** Đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập Dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng về ruộng đất cho dân cày.

– **Tác dụng:** Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào Cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động Cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

– Những ưu điểm và hạn chế trong Cương lĩnh của Trung Quốc Đồng minh hội:

+ Ưu điểm: Cương lĩnh nêu mục tiêu và nhiệm vụ phù hợp với nguyện vọng của các tầng lớp quần chúng nhân dân về độc lập, tự do, hạnh phúc và ruộng đất dân cày nên được nhân dân ủng hộ.

+ Hạn chế: Cương lĩnh chưa thể hiện tính chất triệt để của Cách mạng, đó là chưa nêu được kẻ thù chủ yếu của Cách mạng là chủ nghĩa đế quốc và giai cấp địa chủ phong kiến.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân dẫn đến Chiến tranh thế giới thứ hai:** *(1,5 điểm)*

- Nguyên nhân sâu xa là do mâu thuẫn giữa các nước đế quốc về thị trường và thuộc địa. Mâu thuẫn giữa các nước thắng trận và bại trận; giữa các nước thắng trận với nhau sau Chiến tranh thế giới thứ nhất.

- Nguyên nhân trực tiếp là do cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 làm cho những mâu thuẫn trên càng thêm sâu sắc, dẫn đến việc lên cầm quyền của chủ nghĩa phát xít ở một số nước với ý đồ gây chiến tranh để phân chia lại thế giới và chính sách nhượng bộ, thỏa hiệp của Mĩ, Anh, Pháp đã tạo điều kiện cho khối phát xít phát động chiến tranh.

*** Niên biểu:** *(2,5 điểm)*

Thời gian	Chiến sự	Kết quả
Từ ngày 1/9/1939 đến ngày 29/9/1939	Đức tấn công Ba Lan	Ba Lan bị Đức thôn tính.
Từ tháng 9/1939 đến tháng 4/1940	"Chiến tranh kì quặc"	Tạo điều kiện để phát xít Đức phát triển mạnh lực lượng.
Từ tháng 4/1940 đến tháng 6/1940	Đức tấn công Bắc Âu và Tây Âu	Đan Mạch, Na Uy, Bỉ, Hà Lan, Lúc-xăm-bua bị Đức thôn tính. Pháp đầu hàng Đức.
Từ tháng 10/1940 đến tháng 6/1941	Đức tấn công Đông và Nam Âu.	Ru-ma-ni, Hung-ga-ri, Bun-ga-ri, Nam Tư, Hi Lạp bị thôn tính.
Ngày 22/6/1941	Đức tấn công Liên Xô.	Trong những tháng đầu tiên, nhờ ưu thế về vũ khí và kinh nghiệm tác chiến, Đức tiến sâu vào lãnh thổ Liên Xô.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Thái độ của triều đình	Thái độ của nhân dân
1858 - 2/1861	- Xây thành lũy, phòng tuyến tại Đà Nẵng và Gia Định, tăng cường lực lượng, thực hiện chiến thuật phòng thủ. - Kêu gọi nhân dân ứng nghĩa, chủ trương "vườn không nhà trống", bất hợp tác với giặc.	Ngay từ đầu, nhân dân đã hưởng ứng lời kêu gọi của triều đình phá nhà cửa, vườn tược, đào hào, cùng quân triều đình xây thành đắp lũy, lập các đội dân binh hăng hái

	- Quan quân phối hợp với nhân dân đánh Pháp.	đánh Pháp.
2/1861 - 5/6/1862	Phòng tuyến Chí Hòa bị phá vỡ, quân chính quy tan rã, triều đình hoang mang dao động, số ít quan quân triều đình tiếp tục đánh Pháp, đa số lo sợ muốn thủ để hòa, cuối cùng đã kí Hiệp ước Nhâm Tuất để bảo vệ quyền thống trị.	Phong trào chống Pháp của nhân dân diễn ra ngày càng mạnh mẽ dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu văn thân yêu nước, thể hiện quyết tâm đánh Pháp đến cùng, nhiều căn cứ chống Pháp được xây dựng ở Gò Công, Gia Định, Đồng Tháp Mười... chiêu mộ hàng ngàn nghĩa quân, đẩy quân Pháp vào thế bất lợi.
6/1862 - 6/1867	- Sau khi kí Hiệp ước, triều đình ra lệnh cho nghĩa quân bãi binh, giải tán phong trào kháng chiến, hạ khí giới nộp cho Pháp. - Triều đình bước đầu trả chiến phí cho Pháp, cử phái đoàn sang Pháp thương thuyết chuộc 3 tỉnh miền Đông nhưng thất bại. - Tăng tô, thuế, đàn áp khởi nghĩa nông dân, từ chối cải cách trong khi lẽ ra phải chỉnh đốn nội trị, bồi dưỡng sức dân, đoàn kết nhân dân kháng chiến. Thái độ của nhà Nguyễn tạo điều kiện thuận lợi cho Pháp chiếm luôn 3 tỉnh miền Tây.	- Từ phong trào ứng nghĩa chuyển thành phong trào tự động kháng chiến sôi nổi khắp lục tỉnh, nghĩa quân kiên quyết bám đất, bám dân, phản kháng quyết liệt bản Hiệp ước 1862, nổi bật nhất là hoạt động của nghĩa quân Trương Định. - Một số sĩ phu văn thân yêu nước ở miền Đông thể hiện thái độ bất hợp tác với địch, không chấp nhận Hiệp ước 1862 bằng phong trào "tị địa".
1868 - 1874	Từ chống cự yếu ớt đi đến thỏa hiệp với thực dân Pháp, kí kết các hiệp ước cắt đất cầu hòa.	Tiếp tục kháng chiến chống Pháp, chống phong kiến đầu hàng.
1875 - 1884	Giai cấp phong kiến từng bước đầu hàng, kết thúc vai trò lịch sử.	Kiên quyết kháng chiến chống Pháp với tinh thần trách nhiệm cao.
1885 - cuối thế kỉ XIX	Một bộ phận giai cấp phong kiến (phái chủ chiến) đứng đầu là Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đã tiến hành cuộc phản công ở Kinh thành Huế. Phong trào Cần Vương bùng nổ.	Quần chúng nhân dân hưởng ứng sôi nổi, nhiệt tình.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Phong trào có yếu tố Cách mạng vì:** *(1,0 điểm)*

- Ảnh hưởng của trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài vào Việt Nam (Phong trào cải cách chính trị - văn hóa ở Trung Quốc, tư tưởng của Cách mạng Pháp với những tác phẩm của Ruxô, Môngtexkiơ được dịch sang tiếng Hán du

nhập vào nước ta; Cách mạng Tân Hợi (1911) ở Trung Quốc và đặc biệt là cuộc Duy tân Minh Trị) đã được các sĩ phu nho học tiếp nhận nồng nhiệt.

- Cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp (1897 - 1914) đã làm xuất hiện những thành phần kinh tế tư bản chủ nghĩa, tầng lớp tư sản và tiểu tư sản thành thị ngày càng đông. Bộ phận trí thức thức trẻ đang trên con đường tư sản hóa đã góp vai trò quan trọng trong việc tiếp thu những luồng tư tưởng Cách mạng để dấy lên cuộc vận động yêu nước tiến bộ mang màu sắc dân chủ tư sản ở nước ta đầu thế kỉ XX.

*** Yếu tố Cách mạng được biểu hiện:** *(1,5 điểm)*

- Mục đích: Cứu nước – cứu dân (dân và nước gắn liền với nhau).

- Lực lượng của phong trào có điểm mới là sự tham gia của các giai cấp, tầng lớp như công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản bên cạnh các giai cấp, tầng lớp cũ của phong trào Cần Vương.

- Gắn liền với tư tưởng cứu nước mới là phương thức đấu tranh mới: đoàn kết dân tộc, chuẩn bị thực lực, vận động giúp đỡ từ bên ngoài, tiến hành phong trào cải cách sâu rộng mà điều cốt yếu là phải nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, làm cho người dân ý thức được quyền của mình.

*** Cứu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản bị thất bại do:** *(1,5 điểm)*

- Chưa tìm ra lực lượng xã hội tiên tiến đủ sức lãnh đạo công cuộc cứu nước.

- Không thấy được sức mạnh to lớn, quyết định của công - nông và các tầng lớp nhân dân lao động khác cũng như chưa biết cách tập hợp lực lượng của toàn dân tộc.

- Không tìm ra tương lai tươi sáng cho sự phát triển của dân tộc sau khi đánh đuổi ngoại xâm trong bối cảnh chế độ phong kiến đã lỗi thời, tư sản quốc tế phản động, tư sản dân tộc yếu ớt.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Những sự kiện tiêu biểu:** *(2,0 điểm)*

- Phong trào Đông du (1904 - 1908) do nhà yêu nước Phan Bội Châu khởi xướng.

- Việt Nam Quang phục hội (6/1912) do Phan Bội Châu và một số người khác thành lập với mục đích: Đánh đuổi giặc Pháp, khôi phục nước Việt Nam, thành lập nước Cộng hòa Dân quốc Việt Nam.

- Phong trào Duy tân (1905 – 1908) do Phan Châu Trinh khởi xướng, phong trào Duy tân ở Quảng Nam rồi phát triển ra khắp các tỉnh Trung Kì.

- Phong trào chống đi phu, đòi giảm sưu thuế (3/1908) ở các tỉnh Trung Kì.

- Đông Kinh nghĩa thục do các sĩ phu yêu nước tiến bộ lập ra (3/1907), cụ thể hóa dưới hình thức một ngôi trường tiến bộ do Lương Văn Can làm hiệu trưởng. Tháng 11/1907, thực dân Pháp ra lệnh đóng cửa trường.

- Vụ đầu độc binh lính Pháp ở Hà Nội (6/1908) do binh lính người Việt trong quân đội Pháp và nghĩa quân của Hoàng Hoa Thám phối hợp thực hiện.

- Phong trào nông dân Yên Thế (1884 - 1913): Đây là một phong trào đấu tranh tự phát, điển hình của nông dân Việt Nam chống thực dân Pháp do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo.

- Ngày 5/6/1911 người thanh niên trẻ tuổi Nguyễn Tất Thành sang phương Tây tìm đường cứu nước.

*** Phân tích một sự kiện tiêu biểu (Học sinh có thể lựa chọn một sự kiện tiêu biểu để phân tích, ví dụ phong trào Đông du):** *(2,0 điểm)*

- Phong trào Đông du – một trong hai phong trào đấu tranh theo khuynh hướng dân chủ tư sản nổi bật nhất ở Việt Nam trong những năm đầu thế kỉ XX.

- Phong trào Đông du do Duy tân hội, cụ thể là Phan Bội Châu khởi xướng. Chủ trương của Hội là nhằm đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập, thành lập chính thể quân chủ lập hiến ở Việt Nam. Ông đã xuất dương cầu viện, trước hết là cầu viện Nhật vì là nước "đồng văn, đồng chủng" và còn là nước tư bản phát triển, tổ chức phong trào Đông du đưa thanh thiếu niên sang học tập ở Nhật Bản để chuẩn bị lực lượng chống Pháp.

- Phong trào Đông du ban đầu diễn ra thuận lợi, số học sinh lên đến 200 người, nhưng từ tháng 8/1908 trở đi, thực dân Pháp cấu kết với chính phủ Nhật đàn áp phong trào

- Phong trào Đông du đã tiếp thu và truyền bá một số tư tưởng đúng đắn của Phan Bội Châu. Phan Bội Châu đã nêu rõ kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược và vạch rõ những tội ác của chúng. Thành tựu của Phong trào Đông du không phải chỉ ở việc đưa một số thanh niên đi du học, mà đã dùng văn thơ yêu nước và Cách mạng "thức tỉnh quốc dân", góp phần nâng cao tinh thần yêu nước, lòng tự hào về truyền thống đấu tranh kiên cường, bất khuất của dân tộc; phong trào còn đào tạo được một số cán bộ cung cấp cho phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX như Đặng Tử Mẫn, Lương Ngọc Quyến…

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TÂY NINH
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Vì sao nước Nga Xô viết phải thực hiện Chính sách Kinh tế mới?** *(1,0 điểm)*

- Năm 1921, nước Nga Xô viết bước vào thời kì xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn:

+ Nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng…

+ Chính trị không ổn định, các lực lượng phản Cách mạng điên cuồng chống phá, gây bạo loạn ở nhiều nơi.

+ Chính sách Cộng sản thời chiến lạc hậu, nhân dân bất bình.

- Trong bối cảnh đó, tháng 3/1921, Đảng Bôn-sê-vích quyết định thực hiện Chính sách Kinh tế mới (NEP) do V.I. Lê-nin đề xướng

b. Nội dung của Chính sách Kinh tế mới

- Trong nông nghiệp: thay chế độ trưng thu lương thực thừa bằng thu thuế lương thực…

- Trong công nghiệp:

+ Khôi phục công nghiệp nặng, cho phép tư nhân được thuê hoặc xây dựng những xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga.

+ Nhà nước nắm các ngành kinh tế chủ chốt...

+ Chấn chỉnh việc tổ chức, quản lí sản xuất công nghiệp...

- Trong thương nghiệp và tiền tệ: tư nhân được tự do buôn bán... Năm 1924, phát hành đồng rúp mới...

- Với việc thực hiện Chính sách Kinh tế mới, chỉ sau một thời gian ngắn, nền kinh tế quốc dân của nước Nga Xô viết đã có những chuyển biến rõ rệt trên tất cả các lĩnh vực.

*** Phân tích tác động...** *(1,0 điểm)*

- Đây là chính sách phù hợp, kịp thời, đầy tính sáng tạo, chuyển từ nền kinh tế do Nhà nước nắm độc quyền về mọi mặt sang nền kinh tế nhiều thành phần nhưng nhà nước vẫn kiểm soát.

- Với chính sách này, nhân dân Xô viết đã vượt qua những khó khăn to lớn về kinh tế, chính trị, hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

- Chính sách Kinh tế mới còn có ý nghĩa quốc tế sâu sắc và có giá trị đến ngày nay ở một số nước xây dựng CNXH. Ở Việt Nam, những kinh nghiệm của nước Nga Xô viết được Đảng Cộng sản Việt Nam vận dụng vào quá trình đổi mới.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai:** *(2.5 điểm)*

- Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933) đã dẫn đến việc chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên cầm quyền ở các nước Đức, I-ta-li-a và Nhật Bản. Ba nước này liên kết nhau hình thành liên minh phát xít, chủ trương gây chiến tranh xâm lược nhằm chia lại thế giới (nêu những hoạt động gây chiến của Nhật, Đức, I-ta-li-a trong những năm 1931 - 1939).

- Sau khi lên cầm quyền, Chính phủ Hít-le ngang nhiên xóa bỏ Hòa ước Véc-xai, hướng tới việc thành lập một nước "Đại Đức"...

- Trong bối cảnh đó, Liên Xô coi chủ nghĩa phát xít là kẻ thù nguy hiểm nhất, chủ trương hợp tác với các nước tư bản Anh, Pháp để chống phát xít và nguy cơ chiến tranh...

- Vì muốn giữ nguyên trật tự thế giới có lợi cho mình... Anh, Pháp đã không thành thật hợp tác với Liên Xô, trái lại Anh, Pháp thực hiện chính sách nhân nhượng phát xít, hòng đẩy chiến tranh về phía Liên Xô. Còn Mĩ, với Đạo luật Trung lập... không can thiệp vào những sự kiện xảy ra bên ngoài châu Mĩ.

→ Các nước phát xít đẩy mạnh hoạt động xâm lược...

- Tháng 3/1938, với việc Đức thôn tính Áo, sau đó gây ra vụ Xuy-đét nhưng Hít-le không gặp một sự cản trở nào từ các nước dân chủ, điều này cho thấy Anh, Pháp tiếp tục nhượng bộ Đức.

- Đỉnh cao của chính sách nhượng bộ, thỏa hiệp của Anh, Pháp đối với Đức là những thỏa thuận của các nước trên tại Hội nghị Muy-ních (29/9/1938)... nhưng thực tế, Tiệp Khắc chưa phải là tham vọng cuối cùng của Đức, do đó, sau Hội nghị Muy-ních, Hít-le tiếp tục hoạt động gây chiến và bành trướng bằng việc gây hấn với Ba Lan.

- Hiệp ước Xô - Đức không xâm phạm lẫn nhau (23/8/1939) với mưu đồ của Đức... và là giải pháp tốt cho Liên Xô trong tình thế bị cô lập...

- 1/9/1939, Đức tấn công Ba Lan - là sự kiện cuối cùng, trực tiếp dẫn đến sự bùng nổ Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Như vậy, sự xuất hiện của chủ nghĩa phát xít ở Đức, I-ta-li-a, Nhật là do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới (1929 - 1933), với tham vọng điên cuồng của các nước phát xít và chính sách nhượng bộ, thỏa hiệp của Anh, Pháp, Mĩ đã tạo điều kiện cho các nước phát xít phát động chiến tranh thế giới.

*** Lập bảng thống kê những sự kiện chính về cuộc phản công của quân Đồng minh trên các mặt trận (từ tháng 11/1942 đến tháng 6/1944) theo mẫu sau:** *(1,5 điểm)*

Trận đánh	Tại chiến trường	Thời gian	Nét chính diễn biến	Ý nghĩa
Trận Xta-lin-grát	Xô - Đức	11/1942 → 2/1943	- Hồng quân Liên xô tấn công, bao vây, chia cắt và tiêu diệt toàn bộ quân tinh nhuệ của Đức...	- Tạo bước ngoặt làm xoay chuyển tình thế của cuộc chiến tranh: từ đây Liên xô và quân Đồng minh chuyển sang phản công trên tất cả các mặt trận.
Trận Cuốc-xcơ	Xô - Đức	5/7 → 23/8/1943	- Liên xô đánh tan 30 sư đoàn địch...	- Tạo điều kiện thuận lợi cho Liên xô tiếp tục tấn công, đến tháng 6/1944 giải phóng phần lớn lãnh thổ Liên Xô.
Các trận đánh ở An-gi-ê-ri, Tuy-ni-di...	Bắc Phi	3 → 5/1943	Quân Anh - Mĩ phản công quét sạch quân Đức - I-ta-li-a ở châu Phi	Tạo điều kiện thuận lợi cho quân Đồng minh đổ bộ vào I-ta-li-a...
Gua-đan-ca-nan	Châu Á - Thái Bình Dương	8/1942→ 1/1943	Mĩ đánh bại Nhật	- Tạo bước ngoặt: Mĩ chuyển sang phản công trên toàn chiến trường...

CÂU HỎI 3: *(4.0 điểm)*

*** Thực dân Pháp âm mưu xâm chiếm nước ta là vì:** *(1,5 điểm)*

- Từ giữa thế kỉ XIX, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa của Pháp có bước phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển này đặt ra nhu cầu về thị trường, nguyên nhiên liệu và nhân công rất lớn cho nền kinh tế công nghiệp. Do đó, nước Pháp muốn đẩy mạnh xâm lược thuộc địa để phát triển nền kinh tế, bành trướng thế lực của mình cạnh tranh với các nước tư bản khác, đặc biệt đối với nước Anh.

- Từ lâu, tư bản Pháp đã nhòm ngó và có ý định xâm chiếm nước ta vì trong khu vực Đông Nam Á, Việt Nam có vị trí chiến lược quan trọng, có nguồn tài nguyên phong phú nhưng do tình hình chính trị của Pháp lúc đó chưa ổn định nên Pháp chưa thực hiện cuộc xâm lược. Cho đến giữa TK XIX, Pháp ráo riết vạch kế hoạch đánh chiếm Việt Nam.

- Trong khi đó, chế độ phong kiến ở nước ta dưới thời nhà Nguyễn đang lâm vào khủng hoảng, suy yếu. Nền kinh tế kiệt quệ, đời sống nhân dân đói khổ, mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt. Chính sách cấm đạo của nhà Nguyễn đã tạo cớ cho thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta vào năm 1858.

*** Quá trình xâm lược của Pháp...** *(2,5 điểm)*

- Sau nhiều lần đưa quân đến khiêu khích, chiều 31/8/1858 liên quân Pháp - Tây Ban Nha kéo tới dàn trận trước cửa biển Đà Nẵng.

- Từ 1/9/1858, Pháp thực hiện âm mưu "đánh nhanh thắng nhanh" ở Đà Nẵng nhưng thất bại. Đến tháng 2/1859, chúng chuyển hướng tấn công vào Gia Định nằm thực hiện bước đầu âm mưu "chinh phục từng gói nhỏ". Ở đây do quân đội triều đình không có kế sách đánh giặc phù hợp, nặng về phòng thủ nên Pháp có điều kiện đánh chiếm 3 tỉnh miền Đông Nam Kì (Gia Định, Định Tường, Biên Hòa) và tỉnh Vĩnh Long từ tháng 2/1861 đến tháng 3/1862, buộc triều đình Huế kí Hiệp ước Nhâm Tuất (5/6/1862) nhượng hẳn cho Pháp 3 tỉnh miền Đông Nam Kì.

- Trước thái độ bạc nhược của triều đình, quân Pháp lần tới chiếm 3 tỉnh miền Tây Nam Kì (Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) trong vòng 5 ngày (từ 20 đến 24/6/1867) mà không tốn viên đạn nào.

- Sau khi củng cố lực lượng ở Nam Kì, Pháp đem quân đánh chiếm Bắc Kì lần thứ nhất (11/1873). Một lần nữa, triều đình Tự Đức chủ trương thương lượng với Pháp bằng việc kí Hiệp ước Giáp Tuất (1874).

- Đến đầu những năm 80 của TK XIX, Pháp chuyển sang đế quốc chủ nghĩa nên càng ráo riết xúc tiến âm mưu xâm lược toàn bộ Việt Nam, trước tiên là đem quân đánh chiếm Bắc Kì lần thứ hai (4/1882). Rồi nhân cơ hội lúc vua Tự Đức mất, triều chính đang rối ren, Pháp đem quân tấn công Thuận An, buộc triều đình nhà Nguyễn phải đầu hàng, chấp nhận sự bảo hộ của Pháp bằng các Hiệp ước năm 1883 và năm 1884.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân bùng nổ và sự phát triển của phong trào Cần Vương:** *(3,0 điểm)*

– Nguyên nhân bùng nổ:

+ Sau cuộc phản công quân Pháp của phái chủ chiến tại Kinh thành Huế thất bại (5/7/1885), Tôn Thất Thuyết đưa vua Hàm Nghi rời khỏi Kinh thành, chạy ra sơn phòng Tân Sở (Quảng Trị).

+ Ngày 13/7/1885, Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi xuống chiếu Cần Vương, kêu gọi văn thân, sĩ phu và nhân dân cả nước đứng lên vì vua mà kháng chiến.

+ Hưởng ứng chiếu Cần Vương, một phong trào vũ trang chống Pháp bùng nổ. Phong trào diễn ra sôi nổi, liên tục kéo dài hơn 10 năm mới chấm dứt.

– Sự phát triển của phong trào:

Phong trào phát triển qua hai giai đoạn:

+ Từ năm 1885 đến năm 1888: phong trào được đặt dưới sự chỉ huy của vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết

▪ Từ khi chiếu Cần Vương được phát ra, nhiều văn thân, sĩ phu đã sôi nổi hưởng ứng, họ tập hợp nghĩa binh, xây dựng căn cứ, đấu tranh quyết liệt với quân Pháp và bọn tay sai. Hàng trăm cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ nổ ra trên phạm vi rộng lớn, nhất là ở Bắc Kì và Trung Kì.

▪ Cuối năm 1888, do có sự chỉ điểm của tên Trương Quang Ngọc, vua Hàm Nghi bị thực dân Pháp bắt và bị đưa đi đày ở An-giê-ri. Mặc dù vậy, phong trào vẫn được duy trì.

▪ Từ năm 1888 đến 1896: Ở giai đoạn này, không còn sự chỉ đạo của triều đình, nhưng phong trào vẫn tiếp tục phát triển, quy tụ dần thành các trung tâm lớn và ngày càng lan rộng.

▪ Trong điều kiện chiến đấu mới, phong trào phải chuyển dần từ vùng đồng bằng lên vùng trung du và vùng rừng núi để tổ chức chống Pháp. Tiêu biểu là khởi nghĩa Bãi Sậy (Hưng Yên), khởi nghĩa Hùng Lĩnh (Thanh Hóa), khởi nghĩa Hương Khê (Hà Tĩnh).

▪ Đến năm 1896, sau thất bại của khởi nghĩa Hương Khê, phong trào Cần Vương coi như chấm dứt.

*** Nhận xét gì về phong trào...** *(1,0 điểm)*

- Phong trào Cần Vương thực chất là phong trào đấu tranh yêu nước chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta nhằm tiến tới mục tiêu khôi phục lại chế độ phong kiến độc lập...

- Là một phong trào kháng chiến rộng lớn, thể hiện truyền thống và khí phách anh hùng của dân tộc ta, nuôi dưỡng năng lực chiến đấu của nhân dân ta, để lại những bài học kinh nghiệm quý báu cho cuộc đấu tranh chống xâm lược ở giai đoạn sau này...

- Phong trào thất bại là do chưa tập hợp được lực lượng trên quy mô rộng lớn để tạo thành phong trào trong toàn quốc; phong trào nổ ra lẻ tẻ, thiếu sự liên kết và chỉ đạo thống nhất...

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Ái Quốc có gì khác so với những người đi trước?** *(2,75 điểm)*

- Sơ lược tiểu sử của Nguyễn Ái Quốc...

- Vào lúc này, thực dân Pháp đã xác lập được ách thống trị trên toàn cõi Việt Nam và tiến hành khai thác. Trong khi đó, phong trào Cách mạng Việt Nam tiếp tục rơi vào tình trạng khủng hoảng, bế tắc về một đường lối cứu nước đúng đắn. Tình hình đó đã thôi thúc Nguyễn Ái Quốc ra đi, tìm con đường cứu nước mới cho dân tộc.

- Rút kinh nghiệm thất bại của các bậc tiền bối. Ngày 5/6/1911, Người rời bến Nhà Rồng (Sài Gòn) ra đi tìm đường cứu nước. Khác với thế hệ trước thường

hướng về Trung Quốc và Nhật Bản, Người quyết định đi sang phương Tây, đến nước Pháp - nơi có tư tưởng "tự do, bình đẳng, bác ái" để tìm hiểu xem "nước Pháp và các nước khác làm thế nào, rồi sẽ về giúp đồng bào mình".

- Trong nhiều năm đó, Người đã đi qua nhiều nước, nhiều châu lục khác nhau, vừa lao động để kiếm sống, vừa học tập văn hóa, và rèn luyện trong các cuộc đấu tranh của quần chúng lao động và giai cấp công nhân Pháp. Trong quá trình đó, Người đã tiếp nhận ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, tư tưởng của Người có những biến chuyển mạnh mẽ. Điều này khác với các bậc tiền bối là đi ra nước ngoài để cầu viện, đào tạo nhân tài, tổ chức tập hợp lực lượng đánh Pháp theo con đường cứu nước đã định sẵn: con đường dân chủ tư sản.

*** Ý nghĩa của những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong những năm 1911 - 1918:** *(1,25 điểm)*

- Qua những chuyến đi tận mắt nhìn thấy và đồng cảm với những dân tộc bị áp bức, bóc lột, Người có sự đánh giá sâu sắc và toàn diện hơn về kẻ thù.

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc trong giai đoạn này tuy mới bước đầu nhưng đúng hướng và có ý nghĩa nhiều mặt, là cơ sở quan trọng để sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Người đến với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tìm ra con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BÌNH PHƯỚC
TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917:** *(2,5 điểm)*

– Diễn biến:

+ Đầu năm 1917, nước Nga lâm vào cuộc khủng hoảng trầm trọng. Quần chúng nhân dân lúc này tính rằng chỉ có một lối thoát: lật đổ chế độ Nga hoàng - tình thế Cách mạng đã chín muồi.

+ Ngày 18/2 (3/3) năm 1917, 30.000 công nhân nhà máy Pu-ti-lốp đình công, chủ xưởng cho đóng cửa nhà máy, đình công lan rộng.

+ Ngày 23/2 (8/3), nhân ngày quốc tế phụ nữ, 9 vạn công nhân ở 50 xí nghiệp của thủ đô Pê-tơ-rô-grát biểu tình, sau đó lan rộng toàn thành phố, đến ngày thứ 3, cuộc bãi công đã phát triển thành cuộc Tổng bãi công chính trị chống chế độ Nga Hoàng.

+ Ngày 26/2 (11/3) dưới sự lãnh đạo của Đảng Bôn-sê-vích, công nhân đã chuyển từ tổng bãi công chính trị thành khởi nghĩa vũ trang. Quân khởi nghĩa chiếm đóng các công sở, bắt giam các bộ trưởng và tướng tá của Nga hoàng.

– Kết quả:

+ Ngày 27/2 (12/3) chế độ quân chủ chuyên chế Nga hoàng sụp đổ, các Xô viết đại biểu công nhân, nông dân, binh lính được thành lập.

+ Ngày 2/3 (15/3) Chính phủ lâm thời - chính phủ của giai cấp tư sản được thành lập.

→ Nước Nga xuất hiện cục diện 2 chính quyền song song tồn tại: Chính phủ lâm thời tư sản và Xô viết đại biểu công nhân - nông dân - binhlính.

– Ý nghĩa:

+ Nga từ một nước phong kiến trở thành một nước cộng hoà.

+ Tạo điều kiện để nước Nga tiến tới một cuộc Cách mạng XHCN lật đổ chính quyền của giai cấp tư sản giành chính quyền về tay nhân dân và tiến lên xây dựng XHCN

*** Cách mạng tháng Hai là một cuộc Cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới:** *(1,5 điểm)*

Cuộc Cách mạng Tháng Hai ở Nga tuy cũng làm nhiệm vụ đánh đổ chế độ phong kiến và thực hiện những cải cách dân chủ nhưng nó mang những nét khác biệt:

- Lãnh đạo Cách mạng: Giai cấp vô sản chứ không phải giai cấp tư sản.
- Động lực Cách mạng: Công nhân và nông dân (liên minh công - nông).
- Chính quyền được thành lập sau Cách mạng: Nền chuyên chính công nông.
- Hướng phát triển: Tiến lên xây dựng XHCN.

→ Căn cứ vào những cơ sở trên để có thể khẳng định cuộc Cách mạng tháng Hai ở Nga là 1 cuộc Cách mạng DCTS kiểu mới.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Cuối thế kỉ XIX, chế độ phong kiến Trung Quốc dưới triều Mãn Thanh đã trở nên suy yếu, mâu thuẫn xã hội gay gắt, phong trào đấu tranh của nông dân chống phong kiến phát triển mạnh làm cho chế độ phong kiến Trung Quốc khủng hoang nghiêm trọng. Lợi dụng tình hình đó, các đế quốc phương tây đua nhau xâu xé Trung Quốc. Trước sự xâm lược của đế quốc phương tây, triều đình Mãn Thanh bạc nhược đã liên tiếp kí với Anh, Mĩ, Pháp, Nhật.các hiệp ước bất bình đẳng, biến Trung Quốc từ một nước phong kiến độc lập trở thành một nước nửa thuộc địa. biểu hiện:

– Sau chiến tranh thuốc phiện(1840-1842), Trung Quốc phải kí với thực dân Anh Hiệp ước Nam Kinh (29/8/1842) với các điều khan nặng nề: Trung Quốc phải mở 5 cửa biển (Quảng Châu, Phúc Châu, Ninh Ba, Hạ Môn, Thượng Hải) để cho người Anh tự do buôn bán, cắt Hương Cảng cho Anh, bồi thường cho Anh 21 triệu Bảng. Việc định mức thuế xuất - nhập khẩu của Anh do 2 bên thoả thuận. Người Anh được hưởng quyền lãnh sự tài phán ở Trung Quốc.

– Điều ước Thiên Tân (6/1858) với Anh, Pháp: Trung Quốc phải bồi thường cho Anh, Pháp, chúng phái sứ thần đến Kinh đô.

– Điều ước Bắc Kinh với Pháp, Anh (1960): cắt thêm vùng Cửu Long cho Anh, mở thêm cửa biển Thiên Tân. Trung Quốc phải bồi thường cho Anh, Pháp mỗi nước 8 triệu lạng bạc.

– Sau đó Trung Quốc kí một loạt các hiệp ước với Mĩ, Pháp, Bỉ, Bồ Đào Nha, Thuỵ Điển, Nauy → Từng bước biến Trung Quốc thành một nước nửa thuộc địa.

– Năm 1884, kí với Pháp điều ước Thiên Tân I mở cửa biên giới Việt - Trung cho Pháp vào buôn bán.

– Sau khi thất bại ở chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), Trung Quốc kí với Nhật hiệp ước Mã Quan (5/1895): nhường cho Nhật bán đảo Liêu Đông, Đảo Đài Loan và quần đảo Bành Hồ cùng với một khoản tiền chiến phí cho Nhật là 200 triệu lạng bạc.

→ Cuối thế kỉ XIX. Trung Quốc bị chia thành nhiều khu vực ảnh hưởng:

+ Anh chiếm các tỉnh lưu vực sông Trường Giang

+ Pháp chiếm Quãng Đông, Quãng Tây, Vân Nam

+ Nga chiếm: Đông Bắc Trung Quốc, Lữ Thuận, Đại Liên

+ Đức chiếm: Giao Châu Loan, Sơn Đông.

– Trước nguy cơ bị xâm lược, triều đình Mãn Thanh thì bạc nhược, yếu hèn, phong trào Nghĩa hoà đoàn nổ ra (1900), quân khởi nghĩa tấn công các sứ quán đế quốc ở Bắc Kinh, bị triều đình nhà Thanh phản bội. Ngay sau đó liên quân 8 nước đế quốc tiến vào Bắc Kinh đàn áp phong trào. Nhà Thanh lại một lần nữa đầu hàng đế quốc, kí điều ước Tân Sửu (1901) với các điều khoản hết sức nặng nề: bồi thường chiến phí cho các nước đế quốc đóng quân ở Bắc Kinh.

→ Với điều ước Tân Sửu, Trung Quốc đã trở thành nửa phong kiến, nửa thuộc địa.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nội dung cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất của thực dân Pháp** *(2.0 điểm)*

– ***Hoàn cảnh***: Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, sau khi dập tắt được phong trào Cần Vương, cơ bản hoàn thành cuộc bình định, thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất một các có hệ thống và quy mô. Năm 1897, Pháp cử Pôn Đu-me sang làm toàn quyền Đông Dương và trực tiếp tiến hành khai thác thuộc địa.

– ***Nội dung:***

+ *Về chính trị:*

▪ Thâu tóm mọi quyền hành trong tay người Pháp. Lập một chính phủ chung cho toàn "*cõi Đông Dương thuộc Pháp*", gọi tắt là Đông Pháp: gồm 5 xứ: Bắc Kì, Trung Kì, Nam Kì, Ai Lao, Cao Miên đứng đầu là quan toàn quyền (thay mặt cho Chính phủ Pháp ở Đông Dương).

▪ Lập các toà án Tây, toà án Nam, lập các đội quân thuộc địa và nhiều nhà tù kiên cố để đàn áp mọi cuộc nổi dậy.

+ *Về Kinh tế:* Đẩy nhanh khai thác nông, công, thương nghiệp và đẩy nhanh xây dựng hạ tầng cơ sở đường giao thông:

▪ Nông nghiệp: Đẩy mạnh cướp đoạt ruộng đất của nông dân để lập đồn điền trồng cao su, cà phê, chè...

▪ Công nghiệp: Tập trung vào khai thác vơ vét nguồn tài nguyên khoáng sản nhất là than đá, kẽm, thiếc... ở Quảng Ninh, Thái nguyên, Quảng Nam... Bên cạnh đó còn đẩy mạnh công nghiệp phục vụ đời sống như điện, nước, bưu điện... Công nghiệp chế biến cũng được phát triển các trung tâm công nghiệp chế biến như Sài Gòn, Nam Định, Vinh...

▪ Thương nghiệp: Độc chiếm thị trường Việt Nam, đánh thuế nặng vào hàng hoá của nước ngoài nhập vào Việt Nam.

▪ Hệ thống giao thông vận tải được xây dựng khá hoàn chỉnh, gồm đường bộ và sắt Năm 1912 tổng chiều dài được sắt đã làm xong ở Việt Nam là 2059km, các bến cảng lớn được xây dựng như cảng Sài gòn, Đà nẵng, Hải Phòng, những cây cầu lớn cũng được xây dựng như Cầu Tràng Tiền (Huế), cầu Long Biên (Hà Nội), cầu Bình

lợi (Sài Gòn). Với mục đích để phục vụ cho việc vận chuyển, khai thác và đàn áp các cuộc khởi nghĩa của nhân dân ta..

+ *Về văn hoá*: Duy trì nền Hán học cũ, mở các trường học chữ quốc ngữ, chữ Pháp, truyền bá nền văn hoá Pháp để cổ suý cho việc xâm lược Việt Nam của Pháp và đề đào tạo tầng lớp tay sai.

*** Phân tích sự chuyên biến và thái độ Cách mạng của xã hội Việt Nam.** *(2.0 điểm)*

Những chính sách cai trị của thực dân Pháp đã làm cho xã hội Việt Nam chuyển biến mạnh mẽ.Giai cấp cũ trong xã hội bị phân hoá, giai cấp, tầng lớp mới được hình thành.

– Giai cấp cũ trong xã hội bị phân hoá:

+ *Địa chủ:* Vua, quan phong kiến, người có nhiều ruộng đất. Họ là tầng lớp trên của xã hội, có nhiều của cải và sống sung sướng. Dưới tác động của cuộc khai thác họ cũng bị phân hoá thành nhiều bộ phận với thái độ cách mạng khác nhau khác nhau:

▪ Đại bộ phận địa chủ lớn (đại địa chủ) đã câu kết với thực dân Pháp, ra sức bóc lột, đàn áp nhân dân ta, là tay sai trung thành của Pháp.

▪ Một số địa chủ vừa và nhỏ họ có tinh thần dân tộc, có tinh thần yêu nước

+ *Nông dân:* Chiếm 3/4 dân số trong xã hội

▪ Là những người bị đế quốc và phong kiến tước đoạt ruộng đất, bị phá sản.Nông dân ngày càng bị bần cùng hoá nghiêm trọng (Năm 1914 có hơn 70% dân không có ruộng cày). Cuộc sống của họ ngày càng cơ cực trăm bề vì bị hai tầng áp bức bóc lột là đế quốc, phong kiến. Mất đất nông dân phải bán sức lao động cho chủ đồn điền, nhà máy, hầm mỏ và họ là nguồn gốc của giai cấp công nhân sau này.

▪ Họ căm ghét chế độc bóc lột của thực dân Pháp và phong kiến nên có ý thức dân tộc sâu sắc. Họ sẵn sàng hưởng ứng và tham gia phong trào đấu tranh Cách mạng nếu có giai cấp nào mang lại cuộc sống ấm no cho họ.

– Giai cấp, tầng lớp mới được hình thành:

+ *Tư sản dân tộc:*

▪ Là những chủ xí nghiệp, chủ hãng buôn lớn, nhà thầu khoán... Họ có tài sản trong tay, cuộc sống của họ khá giả.

▪ Tuy có của cải nhưng họ luôn bị tư sản mại bản và chính quyền thức dân chèn ép.

▪ Vì thế lực yếu, lại lệ thuộc vào thực dân Pháp nên họ chưa tỏ thái độ tham gia cách mạng.

+ *Tiểu tư sản trí thức:*

▪ Là chủ xưởng nhỏ, viên chức nghèo, thanh niên, giáo viên, học sinh, sinh viên... Có cuộc sống dễ chịu hơn nông dân, nhưng rất bấp bênh.

▪ Có ý thức dân tộc, sẵn sàng đóng góp sức mình, tham gia Cách mạng.

+ *Công nhân:*

▪ Đa số xuất thân từ nông dân, cuộc sống rất khổ vị bị ba tầng áp bức bóc lột: đế quốc, phong kiến và tư bản, là giai cấp cấp tiên tiến nhất (đại diện cho phương thức sản xuất mới).

• Do hoàn cảnh xuất thân và chịu cảnh áp bức bóc lột nặng nề, họ có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ. Họ được lịch sử giao cho sứ mệnh lãnh đạo cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Khái quát phong trào dân tộc dân chủ ở Việt Nam những năm đầu thế kỉ XX:** *(1,0 điểm)*

– Lãnh đạo phong trào là các văn thân, sĩ phu yêu nước theo khuynh hướng dân củ tư sản

– Các phong trào tiêu biểu: Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy tân ở Trung Kì.

– Mục tiêu đấu tranh: Đánh Pháp, giành độc lập dân tộc, kết hợp với cải cách xã hội, xây dựng chế độ quân chủ lấp hiến và dân chủ cộng hoà tư sản

– Hình thức đấu tranh: Vũ trang, tuyên truyền giáo dục vận động cải cách xã hội, kết hợp với lực lượng bên trong và bên ngoài

– Lực lượng tham gia: Học sinh, giáo viên, nông dân, công nhân

– Kết quả: Thất bại, nhưng đánh dấu sự ra đời của trào lưu cứu nước mới ở Việt Nam: Trào lưu dân chủ tư sản.

*** Vai trò của phong trào này đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc đầu thế kỉ XX** *(3,0 điểm)*

Trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt của dân tộc phong trào này có những đóng góp to lớn đối với sự phát triển của lịch sử dân tộc những năm đầu thế kỉ XX:

- Thứ nhất:

+ Giúp cho nhân dân Việt Nam nhận thức đúng đắn bản chất của chế độ phong kiến: chế đô phong kiến đã đi vào giai đoạn cuối của sự phát triển, cần phải thay thế nó bằng một chế độ xã hội mới.

+ Trên cơ sở thay đổi nhận thức, nhân dân dần thoát khỏi các quan niệm cổ hủ của phong kiến, cách sống và phương thức làm ăn theo kiểu phong kiến.

- Thứ hai:

+ Thông qua các phong trào, thức tỉnh tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc, qua đó cổ vũ các tầng lớp nhân dân đứng lên chống Pháp và tay sai.

+ Thức tỉnh tính tự cường dân tộc, muôn canh tân để làm đất nước giàu mạnh lên, trở thành mục đích sống và lao động trên hết của những người yêu nước Việt Nam.

- Thứ ba: Làm thay đổi về chất trong quan niệm chính trị của những người yêu nước Việt Nam - nền tảng để thay đổi tư tưởng chính trị của toàn bộ xã hội: đó là chuyển từ tư tưởng trung quân ái quốc sang tư tưởng dân chủ tư sản - với những quan niệm chưa hề có trong hệ tư tưởng của xã hội Việt Nam. Xét trong hoàn cảnh lúc này, đây là những tư tưởng tích cực và tiến bộ, qua đó hình thành những chí hướng sống tích cực và năng động hơn.

+ Chính thay đổi đó, là cơ sở quan trọng cho việc chuyển sang tư tưởng dân chủ xã hội chủ nghĩa sau này. Chính nó đã khai thông tư duy lôgic theo kiểu hiện đại, thoát ra khỏi hệ tư tưởng và tư duy kiểu phong kiến.

- **Thứ tư**: Phong trào dân tộc - dân chủ đầu thế kỉ XX là bước đệm quan trọng cho phong trào giải phóng dân tộc sau này:

+ Thông qua phong trào đã thúc đẩy phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc Việt Nam đầu thế kỉ XX lên một bước cao hơn với những nội dung và tính chất khác trước.

+ Nó được coi là thời quá độ - viên gạch nối cho sự phát triển của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc sau này:

+ Tuy nhiêu, phong trào này cũng có những hạn chế nhất định:

+ Quan niệm tự do, dân chủ chỉ giới hạn cho giai cấp tư sản và các tầng lớp trân của xã hội.

+ Chưa thực sự chú ý đến những bộ phận tầng lớp dưới của xã hội: công nhân, nông dân (vấn đề ruộng đất, vấn đề tăng lương, giảm giờ làm... chưa được đặt ra).

Tuy vậy, trong hoàn cảnh lịch sử của dân tộc, con đường đấu tranh này có tác động tích cực là căn bản.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Thái độ của triều đình nhà Nguyễn	Thái độ của nhân dân
Chủ trương *(1,0 điểm)*	- Lúc đầu chủ trương chống Pháp: Cử Nguyễn Tri Phương vào tổ chức chống liên quân Pháp - Tây Ban Nha ở mặt trận Đà Nẵng, Gia Định - Về sau chủ trương hoà hoãn thương lượng rồi đầu hàng hoàn toàn	- Kiên quyết chống Pháp ngay từ đầu, cùng với quân triều đình chống Pháp. - Khi triều đình nhượng bộ đầu hàng Pháp nhân dân vẫn tự động đứng lên chống Pháp.
Chuẩn bị *(1,0 điểm)*	- Lúc đầu triều đình có phòng bị, có cử quan triều đình tổ chức chống Pháp tại Đà Nẵng, xây dựng đồn Chí Hoà ở Gia Định, có ý thức chuẩn bị để chống Pháp. - Về sau Triều đình chỉ lo thương thuyết và nhân nhượng Pháp, không chú ý xây dựng và chuẩn bị mọi mặt cho kháng chiến.	- Ngay từ đầu nhân dân tự động chuẩn bị nhân lực, tài lực cho cuộc kháng chiến
Biện pháp đấu tranh *(1,0 điểm)*	- Lúc đầu triều đình đã sử dụng hình thức đấu tranh vũ trang. - Về sau chủ yếu đấu tranh chính trị: thương thuyết chuộc lại đất đã bị mất.	- Đấu tranh vũ trang là chủ yếu. - Ngoài ra còn có các hình thức đấu tranh khác như phong trào tị địa, đấu tranh bằng văn học.

Kết quả *(1.0 điểm)*	- Lúc đầu gây cho Pháp rất nhiều khó khăn. - Nhưng khi triều đình thương thuyết đi từ nhượng bộ này (Hiệp ước Nhâm Tuất - 1862) đến nhượng bộ khác (hiệp ước Giáp Tuất 1874) rồi đầu hàng hoàn toàn (Hiệp ước Hác-măng - 1883 và Hiệp ước Pa-tơ-nốt - 1884), và cuối cùng Triều đình trở thành tay sai của Pháp.	- Làm thất bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của Pháp, chúng phải mất 26 năm mới chinh phục được Việt Nam - Tuy thất bại nhưng mãi ngời sáng những trang sử hào hùng của dân tộc, tô thêm nét đẹp truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bất khuất kiên cường của dân tộc.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG

CÂU HỎI 1: *(4.0 điểm)*

Nội dung	Phong trào Cách mạng 1918 - 1923	Phong trào Cách mạng 1929 - 1939
Hoàn cảnh	- Chiến tranh thế giới thứ nhất và những hậu quả nó làm cho mâu thuẫn xã hội ở các nước tư bản thêm gây gắt. - Sự cổ vũ của thắng lợi Cách mạng tháng Mười Nga đối với giai cấp công nhân.	- Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929- 1933 và những hậu quả của nó. - Sự đe dọa của chủ nghĩa phát xít.
Nội dung	- Chống chủ nghĩa đế quốc.	- Chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh.
Tính chất	- Cách mạng dân chủ tư sản (Cách mạng 11.1918 ở Đức).	- Thành lập mặt trận nhân dân chống phát xít ở các nước.
Kết quả	- Ở Đức: chế độ quân chủ bị lật đổ. - Ở Hung-ga-ri: Nước cộng hòa Xô viết thành lập tồn tại 133 ngày.	Thắng lợi ở Pháp 1936. Thất bại ở Tây Ban Nha 1939.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Nhật Bản thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa và trở thành nước đế quốc vì:** *(3,0 điểm)*

– Hoàn cảnh:

+ Giữa thế kỉ XIX,những mầm mống kinh tế tư bản phát triển nhanh. Cuộc đấu tranh của các tầng lớp nhân dân (nông dân, thợ thủ công và thị dân) bùng nổ mạnh mẽ. Mâu thuẫn xã hội ngày càng gây gắt dẫn đến chế độ Mạc phủ bị khủng hoảng nghiêm trọng.

+ Đứng trước nguy cơ xân lược của các nước tư bản phương Tây, Mạc phủ lần lượt kí các hiệp ước bất bình đẳng với Mĩ rồi Anh, Pháp, Hà Lan… làm cho phong trào chống Mạc phủ ngày càng phát triển.

+ Tháng 1 năm 1868 chế độ Mạc phủ bị lật đổ. Ngày 3 - 1 - 1868 chính phủ mới do Thiên hoàng thành lập và thực hiện một số cải cách (Cải cách Minh Trị).

– Cải cách Minh Trị (1868 - 1873):

+ Cải cách về hành chính: ban hành hiến pháp, thực hiện quyền tự do dân chủ; tổ chức chính phủ 12 bộ, sử dụng chuyên gia nước ngoài; xóa bỏ ranh giới lãnh địa, thống nhất quốc gia...

+ Cải cách về kinh tế, tài chính: Cho phép mua bán ruộng đất, bãi bỏ chế độ nộp tô. Thiết lập chế độ tiền tệ thống nhất; thành lập ngân hàng trung ương. Khuyến khích sản xuất hàng tiêu dùng, nhà nước bỏ vốn xây dựng xí nghiệp, nhà nước nắm việc khai thác mỏ, đóng tàu...

+ Cải cách văn hóa, xã hội, giáo dục, quân sự: cải cách chương trình giảng dạy,cử thanh niên ra nước ngoài học tập, lập trường dạy nghề; hiện đại hóa quân sự theo kiểu của phương Tây...

→ Cải cách Minh Trị mở đường cho nước Nhật trở thành nước tư bản chủ nghĩa, bảo vệ được độc lập, đưa nước Nhật thoát khỏi số phận của một nước thuộc địa trở thành nước đế quốc hung mạnh ở châu Á.

*** Liên hệ Việt Nam, Trung Quốc:** *(1,0 điểm)*

Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX Trung Quốc, Việt Nam là những nước bị chủ nghĩa đế quốc chinh phục, không thoát khỏi tình trạng bị nô dịch vì:

- Ở Trung Quốc: cuộc Duy tân Mậu Tuất (1898) đã vấp phải sự ngăn cản của lực lượng bảo thủ do Từ Hi Thái hậu cầm đầu, vì vậy vua Quang Tự không thực hiện được những chính sách cải cách do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu khởi xướng.

- Ở Việt Nam: Lực lượng bảo thủ của quan lại triều Nguyễn đã thực hiện những chính sách thủ cựu về đối nội, đối ngoại khước từ những cải cách của nhóm duy tân đứng đầu là Nguyễn Trường Tộ.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Ý nghĩa lịch sử Cách mạng tháng Mười Nga:** *(2,0 điểm)*

- Đập tan ách áp bức bóc lột của CNTB và chế độ phong kiến tồn tại lâu đời ở nước Nga. Lần đầu tiên trong lịch sử, Cách mạng đưa công nhân, nông dân lên nắm quyền, xây dựng chế độ xã hội mới xã hội chủ nghĩa.

- Đánh đổ tư bản chủ nghĩa của một khâu quan trọng của nó là đế quốc Nga, làm cho chủ nghĩa tư bản không còn là hệ thống duy nhất trên thế giới.

- Dưới ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông và phong trào công nhân ở các nước phương Tây có sự gắn bó mật thiết với nhau trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc.

- Cung cấp cho phong trào Cách mạng thế giới những bài học kinh nghiệm quý giá. Đi vào lịch sử nhân loại như một sự kiện trọng đại, mở đầu cho một thời kì mới: thời kì lịch sử thế giới hiện đại.

*** Ảnh hưởng của Cách mạng tháng Mười Nga đối với Cách mạng Việt Nam:** *(2,0 điểm)*

- Năm 1920 sau khi đọc bản "Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa" của Lê-nin, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã tìm ra con đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Con đường cứu nước cụ thể là kết hợp phong trào công nhân và phong trào yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin.

- Tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản nước ta là Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên được sự huấn luyện giảng dạy của Nguyễn Ái Quốc... Những bài giảng của Người vạch trần tội ác của thực dân Pháp, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lê-nin, kinh nghiệm tổ chức đảng vô sản kiểu mới ở Nga.

- Cách mạng tháng Mười Nga đã ảnh hưởng đến Việt Nam thông qua con đường sách báo bí mật, qua các thanh niên tiến bộ...

- Cách mạng tháng Mười Nga được sự lãnh đạo của Đảng Công nhân Xã hội dân chủ Nga tiền thân của Đảng Cộng sản Liên Xô, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (2.1930) lãnh đạo Cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác... Đảng ta cũng học tập kinh nghiệm đoàn kết công - nông - binh tạo một khối để tạo thành sức mạnh vĩ đại.

CÂU HỎI 4: *(5,0 điểm)*

* Đầu thế kỉ XIX có phong trào đấu tranh tự phát đập phá máy móc của vô sản thì giữa thế kỉ XIX với sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học của Mác và Ăng-ghen, từng bước vô sản đã đấu tranh tự giác, đường lối mục đích rõ ràng: vô sản đánh đuổi tư sản nắm chính quyền thiết lập chuyên chính vô sản tiến tới xây dựng chủ nghĩa xã hội. *(1,0 điểm)*

* Hình thức đấu tranh rất phong phú đa dạng: *(1,0 điểm)*

- Bên cạnh đấu tranh chính trị là đấu tranh vũ trang

- Đặc trưng của thời kì thứ hai (1870 - 1918) là hình thức đấu tranh nghị trường, đấu tranh hợp pháp vận động tranh cử.

- Ở Đức nhân dân thắng lợi trong bầu cử quốc hội 1890, đạo luật "đặc biệt" bị xóa bỏ.

- Ở Pháp năm1893 công nhân thắng lợi trong quốc hội.

* Đặc trưng tiêu biểu là bãi công kinh tế có quy mô lớn, thời gian bãi công, đình công dài hơn trước: *(1,0 điểm)*

- Ở Anh đình công 1889 buộc giới chủ phải tăng lương.

- Ở Pháp 1875 bãi công của thợ mỏ kéo dài năm tháng.

- Điển hình là ngày 1-5-1886 bãi công của 35 vạn công nhân Chicagô, kết quả: ngày làm 8 tiếng.

Bãi công chỉ cho công nhân biết đoàn kết, tập hợp các tầng lớp nhân dân đấu tranh làm lung lay nền thống trị của CNTB.

* Từ các phong trào đấu tranh đã sản sinh những tổ chức công đoàn, tổ chức Đảng, tổ chức chính trị độc lập: Đảng Xã hội Dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân Pháp (1879), Đảng Xã hội Mĩ (1901), Đảng Công nhân Anh (1905). Các đảng tập hợp quanh mình lực lượng công nhân đấu tranh có tổ chức không còn tính chất cá nhân nữa. *(1,0 điểm)*

* Cao hơn nữa là ngày 14 - 7 - 1889 Ăng-ghen thành lập Quốc tế II ở Pa-ri: tập hợp lực lượng công nhân thế giới đấu tranh có đường lối chiến lược, sách lược rõ ràng, có tính chất quần chúng rộng lớn, có tính tự giác cao. *(0,5 điểm)*

* Năm 1903 Đảng Bôn-sê-vích Nga thành lập tạo bầu không khí mới trong Quốc tế II. Lãnh tụ Lê-nin đấu tranh không mệt mỏi chống chủ nghĩa cơ hội, bọn đế quốc xâm lược. *(0,5 điểm)*

CÂU HỎI 5: *(3,0 điểm)*

*** Nguồn gốc sâu sa:** *(2,0 điểm)*

- Do tác động của quy luật phát triển không đồng đều về kinh tế và chính trị của các nước đế quốc là nguồn gốc gây ra mâu thuẫn giữa các nước đế quốc xoay quanh vấn đề thuộc địa.

+ Hai "đế quốc già" là Anh và Pháp có thuộc địa rộng lớn.

+ Còn các nước "đế quốc trẻ" là Mĩ, Đức, Nhật mới phát triển tốc độ tăng trưởng nhanh nhưng thuộc địa lại quá ít. Khi đó hầu hết đất đai trên thế giới đã bị xâm chiếm không còn "chỗ trống" nữa.

+ Điều đó dẫn đến sự giành giật gây gắt về thuộc địa bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh quy mô bộ phận.

Vậy vấn đề tranh chấp thuộc địa là nguồn gốc sâu xa của cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất.

*** Duyên cớ trực tiếp:** *(1,0 điểm)*

- Xảy ra sự kiện Xéc-bi. Xéc-bi là nước của người Xla-vơ ở vùng Ban-căng bị đế quốc Áo - Hung thống trị. Một sinh viên Xéc-bi thuộc tổ chức bí mật "bàn tay đen" đã ám sát thái tử Áo khi ông ta thăm Bôx-nia.

- Ngày 18 - 7 - 1914 Áo - Hung tuyên chiến với Xéc-bi. Ngày 19 - 7 Anh tuyên chiến với Áo - Hung.

- Ngày 1/8 Đức tuyên với Nga. Ngày 3/8 Áo - Hung tuyên chiến với Pháp. Ngày 1/8 Anh tuyên chiến với Đức, Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO GIA LAI
TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những nét lớn về công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô từ năm 1925 đến năm 1941:** *(Mỗi ý 0,5 điểm)*

- Sau khi hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế, nhân dân Liên Xô bước vào thời kì xây dựng CNXH với nhiệm vụ trọng tâm là công nghiệp hoá XHCN.

- Liên Xô thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hoá theo đường lối ưu tiên phát triển công nghiệp nặng, công nghiệp chế tạo máy móc, nông cụ, công nghiệp năng lượng, khai khoáng, công nghiệp quốc phòng ...

- Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1928 - 1932) và kế hoạch 5 năm lần thứ 2 (1933 - 1937) đều hoàn thành trước thời hạn. Qua hai kế hoạch Liên Xô đã đạt nhiều thành tựu to lớn, đưa Liên Xô từ một nước công nghiệp lạc hậu trở thành một cường quốc công nghiệp XHCN.

- Trong công nghiệp, công cuộc tập thể hoá nông nghiệp đã đưa 93% số hộ nông dân với trên 90% diện tích canh tác vào nền công nghiệp tập thể hoá, có quy mô sản xuất lớn.

- Văn hoá - giáo dục, Liên Xô đã thanh toán nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục thống nhất, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước và thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở ở các thành phố.

- Các giai cấp bóc lột bị xoá bỏ, chỉ còn lại 2 giai cấp là công nhân, nông dân tập thể và tầng lớp trí thức mới XHCN.

- Từ năm 1937, Liên Xô tiếp tục thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ ba.

- Công cuộc xây dựng CNXH ở Liên Xô trong những năm 1925 - 1941 đạt được những thành tựu to lớn, tạo nên những biến đổi về nhiều mặt, có lợi cho nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh để bảo vệ Tổ quốc.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Tình hình thế giới từ Hội nghị Muy-ních đến Chiến tranh thế giới thứ hai:** *(3,0 điểm)*

- Ngày 29 - 9 - 1938, Hội nghị Muy-ních được triệu tập với sự tham gia của người đứng đầu các Chính phủ Anh, Pháp, Đức và I-ta-li-a. Một hiệp định đã được kí kết, theo đó Anh, Pháp trao vùng Xuy - đét của Tiệp Khắc cho Đức để đổi lấy sự cam kết của Hit-le về việc chấm dứt mọi cuộc thôn tính ở châu Âu.

- Sau khi chiếm Xuy-đét, Hít-le thôn tính toàn bộ Tiệp Khắc (3.1939) bắt đầu gây hấn và chuẩn bị tiến hành chiến tranh với Ba Lan.

- Trước khi khai chiến, Đức đã đề nghị đàm phán với Liên Xô và bản Hiệp ước Xô - Đức không xâm lược nhau đã được kí kết ngày 23 - 8 - 1939 và kèm theo đó là một "Biên bản mật " nhằm phân chia khu vực ảnh hưởng ở Đông Âu giữa hai nước.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

Hội nghị Muy-ních là đỉnh cao của chính sách thoả hiệp của các nước Anh, Pháp đối với phát xít Đức. Chính phủ Anh, Pháp hi vọng rằng, bằng việc bán rẻ quyền lợi của Tiệp Khắc cho Hít-le, họ không những sẽ tránh được một cuộc đọ sức với Đức, mà chĩa mũi nhọn của cuộc chiến tranh vào Liên Xô. Tuy nhiên thực tế diễn ra không như vậy, bởi Tiệp Khắc chưa phải là tham vọng cuối cùng của Hít-le.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Kế hoạch xâm lược nước ta của Pháp từ năm 1859 đến 1873:** *(3,0 điểm)*

- Kế hoạch đánh chiếm từng gói nhỏ: Sau 5 tháng bị giam cầm, không chiếm nổi bán đảo Sơn Trà, Pháp quyết định đưa quân vào Gia Định, thực hiện nhanh ý đồ chiếm Nam Kì và mở đường sang Cam-pu-chia. Ngày 17.2.1859, chúng nổ súng đánh thành Gia Định, quân Triều đình đầu hàng, nhưng lực lượng dân binh chiến đấu anh dũng, liên tục chúng không dám đóng quân trong thành. Kế hoạch "Đánh nhanh, thắng nhanh" thất bại, từ năm 1861, chúng chuyển sang kế hoạch "Chinh phục từng gói nhỏ".

- Ngày 23 - 2 - 1861: Tấn công Đại đồn Chí Hoà, chúng đạt được kết quả. Thừa thắng, từ năm 1861 đến 1862 chúng chiếm luôn Định Tường (12 - 4 - 1861), Biên Hoà (18 - 12 - 1861), Vĩnh Long (23 - 2 - 1862).

- Nhân dân Nam Kì, dưới sự lãnh đạo của các sĩ phu văn thân yêu nước (Trương Định, Nguyễn Trung Trực...) đứng lên kháng chiến khiến giặc lúng túng. Giữa lúc ấy, Triều đình nhà Nguyễn đã kí hiệp ước Nhâm Tuất (5.6.1862) với những điều khoản hết sức nặng nề. Bất chấp sự phản kháng của nhân dân, thái độ bạc nhược của Triều đình nhà Nguyễn tạo điều kiện cho Pháp tiếp tục thực hiện kế hoạch.

- Ngày 20 - 6 - 1867: Pháp đánh chiếm thành Vĩnh Long

- Từ 20 - 24 - 6 - 1867: Pháp chiếm gọn 3 tỉnh miền Tây Nam Kì.

*** Pháp thay đổi kế hoạch từ "Đánh nhanh thắng nhanh" sang kế hoạch "Chinh phục từng gói nhỏ" vì:** *(1,5 điểm)*

- Thái độ đấu tranh của nhân dân quyết liệt.
- Thái độ, hành động tích cực phối hợp của nhà Nguyễn với nhân dân.
- Nguyễn Tri Phương thực hiện kế hoạch lập phòng tuyến.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Kể các phong trào đấu tranh chống Pháp tiêu biểu của nhân dân ta trong những năm Chiến tranh thế giới thứ nhất:** *(3,0 điểm)*

- Hoạt động của Việt Nam Quang phục hội 1914.
- Cuộc vận động của Thái Phiên, Trần Cao Vân 1916.
- Khởi nghĩa của binh lính Thái Nguyên 1917.
- Phong trào Hội kín ở Nam Kì.
- Những cuộc khởi nghĩa vũ trang của đồng bào dân tộc thiểu số.
- Phong trào công nhân và hoạt động của Nguyễn Ái Quốc.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

Đây là thời kì phong trào Cách mạng Việt Nam khủng hoảng về đường lối và giai cấp lãnh đạo. Các phong trào còn mang tính tự phát, đấu tranh nặng đòi quyền lợi cá nhân, kinh tế. Chưa đề ra đường lối đấu tranh cụ thể, lâu dài. Các phong trào đầy đủ thành phần lãnh đạo, có cả tiểu tư sản, phong kiến, binh lính. Chưa có sự lãnh đạo thống nhất của một giai cấp tiên phong.

CÂU SỐ 5: *(4,0 điểm)*

Lập bảng so sánh giữa khởi nghĩa nông dân Yên Thế với các cuộc khởi nghĩa trong phong trào Cần Vương: *(Mỗi nội dung 1,0 điểm)*

Nội dung so sánh	Khởi nhĩa nông dân Yên Thế	Các cuộc khởi nghĩa Cần Vương
Thành phần lãnh đạo	Xuất thân từ nông dân.	Các sĩ phu văn thân yêu nước.
Mục tiêu đấu tranh	Bảo vệ cuộc sống, bảo vệ quê hương, đất nước.	Khôi phục quốc gia phong kiến độc lập.
Thời gian tồn tại	1884 - 1913	1885 - 1896.
Tính chất	Dân tộc.	Tính chất dân tộc (Phạm trù phong kiến).

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO KON TUM
TRƯỜNG THPT CHUYÊN KON TUM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Liên Xô đóng vai trò là lực lượng, chủ chốt và quyết định trong việc đấu tranh chống phát xít, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.** *(2,25 điểm)*

- Liên Xô tham gia chiến tranh đã làm cho tính chất của chiến tranh thay đổi. Liên Xô trở thành trụ cột của lực lượng đoàn kết các nước chống phát xít, chính phủ Anh, Mĩ đứng về phía Liên Xô và lực lượng dân chủ chống phát xít (Mặt trận Đồng minh chống phát xít thành lập 1/1/1942).

- Mặt trận Xô - Đức là mặt trận chủ yếu, Liên Xô đã dành được thắng lợi từng bước:

+ Chiến thắng Mát-xcơ-va, chiến thắng Xta-lin-grát, cuộc tiến công của Liên Xô từ cuối 943, Liên Xô đánh vào Béclin tiêu diệt chủ nghĩa phát xít Đức, cùng với Anh - Mĩ đã buộc Đức kí điều ước đầu hàng không điều kiện (9/5/1945).

+ Thắng lợi của Liên Xô đã tạo điều kiện cho Anh, Mĩ có những thắng lợi khác ở các chiến trường Bắc Phi, I-ta-li-a...

- Liên Xô tham gia chống Nhật, đánh tan đội quân Quan đông mạnh nhất của Nhật ở Trung Quốc và Triều Tiên, góp phần quan trọng buộc quân phiệt Nhật kí điều ước đầu hàng Đồng minh không điều kiện (14/8/1945) kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.

*** Vai trò của Anh, Mĩ:** *(1,75 điểm)*

Anh, Mĩ là những nước có quân đội mạnh, được trang bị tối tân, lại có nền kinh tế vững vàng nên đã giáng cho quân đội phát xít những đòn nặng nề ở Bắc Phi, châu Âu, Viễn Đông, góp phần loại từng nước phát xít ra khỏi cuộc chiến. Do đó, Anh - Mĩ cũng đóng vai trò chủ chốt, quyết định trong việc tiêu diệt phát xít, kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai.

- Ở Bắc Phi: 11/1942, Anh - Mĩ đổ bộ lên Bắc Phi chiếm Ma-rốc, An-giê-ri, Tuy-ni-di.

- Ở I-ta-li-a: 10/7/1943 Anh - Mĩ đổ bộ lên đảo Xi-xi-li-a, chủ nghĩa phát xít I-ta-li-a sụp đổ.

- Ở mặt trận phía Tây: 6/6/1944 Anh - Mĩ mở mặt trận thứ hai, tiến vào giải phóng nước Pháp và một số nước Tây - Nam Âu.

- Chống Nhật ở Viễn Đông: Cuối 1943, Anh - Mĩ mở đợt tấn công ở Miến Điện, Philippin, In-đô-nê-xi-a, buộc Nhật đầu hàng.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Giống nhau: *(0,5 điểm)*

- Đều là những chính sách đưa ra nhằm giải quyết khó khăn cho đất nước.

- Đều thể hiện sự sáng tạo, vai trò lãnh đạo sáng suốt của Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích.

Khác nhau: *(3,5 điểm)*

Tiêu chí so sánh	Chính sách Cộng sản thời chiến (1918 - 1920)	Chính sách Kinh tế mới (1921 - 1925)
Hoàn cảnh	Tiến hành chiến tranh Cách mạng chống thù trong, giặc ngoài.	Đất nước gặp nhiều khó khăn khi bước vào hoà bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội
Nội dung	- Trưng thu lương thực thừa. - Quốc hữu hoá các xí nghiệp. - Nhà nước nắm độc quyền quản lí, phân phối lương thực, thực phẩm. - Thi hành chế độ lao động bắt buộc.	- Bãi bỏ chế độ trưng thu lương thực thừa, thay bằng thuế lương thực. - Tự do buôn bán, mở lại các chợ. - Cho phép tư nhân mở các xí nghiệp nhỏ. - Khuyến khích tư bản nước ngoài vào đầu tư ở Nga.
Tác dụng	- Tập trung toàn bộ sức người, sức của để chống thù trong, giặc ngoài. - Bảo vệ thành quả Cách mạng tháng Mười.	- Phục hồi, phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. - Tạo cơ sở kinh tế, chính trị cho Liên Xô bước vào xây dựng CNXH.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Đặc điểm của phong trào đấu tranh chống Pháp cuối XIX:** *(3,0 điểm)*

Bao gồm 3 phong trào: Cần Vương, nông dân Yên Thế, cuộc đấu tranh của đồng bào miền núi.

- Phạm vi hoạt động: Rộng khắp cả nước.
- Quy mô: Còn mang tính chất cục bộ địa phương, phụ thuộc địa hình địa vật, chưa phát triển thành phong trào có qui mô toàn quốc.
- Mục tiêu: Đánh Pháp, giải phóng dân tộc, khôi phục lại chế độ phong kiến.
- Lãnh đạo: Văn thân, sĩ phu yêu nước, nông dân.
- Lực lượng: Văn thân sĩ phu, nông dân, các dân tộc thiểu số (chủ yếu là nông dân).
- Hình thức: Khởi nghĩa vũ trang.
- Kết quả: Thất bại.
- Nguyên nhân thất bại: Chưa chú ý xây dựng sức mạnh vật chất, mang tính chất cục bộ, lẻ tẻ, thiếu sự lãnh đạo thống nhất.
- Ý nghĩa lịch sử:

+ Nêu cao tinh thần yêu nước của dân tộc.

+ Cổ vũ tinh thần chiến đấu, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu, dọn đường cho cuộc vận động Cách mạng đầu XX.

*** Nguyên nhân các phong trào đấu tranh này đều thất bại:** *(1,0 điểm)*

– ***Khách quan:***

+ Tương quan lực lượng chênh lệch giữa ta và thực dân Pháp.

+ Chưa có điều kiện để xác định con đường cứu nước mới.

– ***Chủ quan:***

+ Thiếu giai cấp lãnh đạo tiến bộ, có khả năng đưa cuộc đấu tranh đến thắng lợi.

+ Đường lối, chiến thuật đấu tranh chưa đúng, chưa có hiệu quả.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Khái quát qua về phong trào dân tộc, dân chủ ở Việt Nam đầu XX:** *(0,5 điểm)*

Nảy sinh do ảnh hưởng của tư tưởng dân chủ tư sản từ bên ngoài vào, dưới sự lãnh đạo của những sĩ phu yêu nước tiến bộ, tiếp thu tư tưởng dân chủ tư sản. Các phong trào tiêu biểu là: Đông du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thục...

*** Những đóng góp của các phong trào này với sự phát triển của lịch sử dân tộc đầu XX:** *(3,5 điểm)*

- Thức tỉnh tinh thần yêu nước và lòng tự hào dân tộc, cổ vũ các tầng lớp nhân dân đứng lên chống Pháp và tay sai phong kiến.
- Truyền bá được một số tư tưởng đúng đắn, nhận thức được bản chất của chế độ phong kiến, xác định được những kẻ thù chủ yếu của dân tộc như: Phan Bội Châu xác định kẻ thù là Pháp, Phan Châu Trinh xác định kẻ thù là phong kiến, làm phong phú thêm hình thức đấu tranh của dân tộc như bạo động, cải cách.
- Làm thay đổi về chất trọng quan niệm chính trị của những người yêu nước Việt Nam đó là chuyển từ tư tưởng trung quân ái quốc sang tư tưởng dân chủ tư sản. Xét trong hoàn cảnh lịch sử lúc này, đây là những tư tưởng tiến bộ, là cơ sở cho việc chuyển sang tư tưởng dân chủ xã hội chủ nghĩa sau này.
- Phong trào dân tộc dân chủ đầu XX là bước đệm quan trọng thúc đẩy phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam sau này.
- Tuy nhiên, phong trào dân tộc dân chủ đầu XX cũng có những hạn chế nhất định:

+ Quan niệm tự do dân chủ chỉ giới hạn cho giai cấp tư sản và các tầng lớp trên của xã hội.

+ Chưa thực sự chú ý đến những tầng lớp dưới của xã hội (công nhân, nông dân...).

Tuy vậy, trong hoàn cảnh lịch sử lúc bấy giờ, tác động của con đường đấu tranh này căn bản là tích cực.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Việt Nam Quang phục hội	Khởi nghĩa binh lính Huế	Khởi nghĩa binh lính Thái Nguyên	Phong trào Hội kín Nam Kì	Khởi nghĩa đồng bào thiểu số
Thành phần chủ yếu	Công nhân, viên chức, hoà xa.	Binh lính người Việt trong quân đội Pháp.	Binh lính người Việt trong quân đội Pháp.	Nông dân.	Đồng bào dân tộc thiểu số
Lãnh đạo	Đỗ Chân Thiết	Thái Phiên, Trần Cao Vân.	Trịnh Văn Cấn, Lương Ngọc Quyến.	Phan Xích Long	Giàng Tả Chay, Nơ Trang Lơng.
Địa bàn	Bắc Kì, Trung Kì.	Trung Kì	Thái Nguyên	Nam Kì	Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ.
Hình thức	Vũ trang bạo động	Vũ trang bạo động	Vũ trang bạo động	Tuyên truyền, vận động	Vũ trang bạo động

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỒNG THÁP
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Hoàn cảnh lịch sử:** *(1,5 điểm)*

- Đến giữa thế kỉ XIX, chế độ Mạc phủ Tô-ku-ga-oa bị khủng hoảng, mâu thuẫn xã hội gay gắt.
- Các nước TBCN phương Tây lăm le xâm lược.
- Các hiệp ước bất bình đẳng kí với Mĩ, Anh, Pháp, Đức... gây bất mãn cho nhân dân.
- Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đang phát triển nhanh.
- Qua đó, chế độ Mạc phủ bị phong trào "Đảo Mạc" lật đổ (tháng 1/1868), vua Minh Trị Thiên hoàng (15 tuổi) lập chính phủ mới, cải cách đất nước.

*** Nội dung cải cách:** *(2,5 điểm)*

- *Về chính trị:*
  + Lập chính phủ mới kiểu tư bản phương Tây (12 bộ).
  + Dời đô từ Kiôtô về Êđô (sau đổi thành Tôkiô)
  + Thực hiện bình đẳng công dân, ban hành hiến pháp mới (1889).
- *Về giáo dục*
  + Được xem là chìa khóa cho công cuộc duy tân.
  + Có chế độ giáo dục bắt buộc 4 năm, tổ chức du học.
  + Chú yù bộ môn khoa học kỹ thuật. Lập trường dạy nghề.
- *Về kinh tế:*
  + Thống nhất tiền tệ, thị trường, tự do mua bán.
  + Phát triển kinh tế và hạ tầng nông thôn.
  + Thay nộp tô bằng nộp thuế.
  + Nhà nước xây dựng một số mô hình xí nghiệp mẫu rồi bán rẻ cho nhân dân.
- *Về quân sự*
  + Mời chuyên gia Anh, Đức sang huấn luyện, đóng tàu chiến, sản xuất vũ khí.
  + Thay chế độ trưng binh bằng nghĩa vụ quân sự.
  + Đề cao tinh thần, tư tưởng Sa-mu-rai (ý chí cao, kỉ luật tốt).

→ Kết luận:

Qua các nội dung cải cách, giúp Nhật chuyển từ nước phong kiến lên tư bản đế quốc, không bị xâm lược của các nước phương Tây.

CÂU HỎI 2: *(4.0 điểm)*

*** Diễn biến Cách mạng tháng Hai năm 1917 ở Nga.** *(1,5 điểm)*

- Ngày 9 - 1 - 1917, công nhân ở Pê-tơ-rô-grát biểu tình, mở đầu cuộc Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai.
- Ngày 18 - 2 - 1917, có 3000 công nhân nhà máy Pu-ti-lốp đình công.
- Ngày 23 - 2 - 1917, có 90.000 nữ công nhân ở Pê-tơ-rô-grát biểu tình.

- Ngày 26-2-1917, công nhân chuyển tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang. *(0,25 điểm)*

- Ngày 27 - 2 - 1917, lập Xô Viết đại biểu công nhân và binh lính. *(0,25 điểm)*

- Ngày 28 - 2 - 1917, xuất hiện song song hai chính quyền (chính phủ tư sản lâm thời và Xô Viết)

*** So sánh:** *(2,5 điểm)*

	Cách mạng tháng Hai năm 1917	**Các cuộc Cách mạng tư sản khác**
Tính chất, Nhiệm vụ	- Xóa phong kiến Nga Hoàng. - Ban bố dân chủ.	- Xóa chế độ phong kiến. - Ban bố dân chủ.
Giai cấp lãnh đạo	- Giai cấp vô sản.	- Giai cấp tư sản.
Động lực Cách mạng	- Công nhân, nông dân, binh lính.	- Giai cấp tư sản.
Chính quyền Nhà nước	- Xô Viết đại biểu công - nông - binh làm chức năng chính quyền nhà nước.	- Chuyên chính tư sản.
Xu thế phát triển	- Làm Cách mạng XHCN và xây dựng CNXH	- Xây dựng CNTB

B. LỊCH SỬ VIỆT NAM

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Những khó khăn của chế độ phong kiến Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX:

- Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập. Các vua Nguyễn luôn tìm cách khôi phục lại mô hình nhà nước quân chủ chuyên chế nhưng vẫn không cứu vãn được khủng hoảng.

- Kinh tế các ngành nông - công - thương nghiệp sa sút, tài chính trì trệ, nạn đói liên tục, đời sống nhân dân đói khổ.

- Có chính sách "bế quan tỏa cảng" Nhà nước nắm quyền ngoại thương, ngăn cấm nhân dân giao lưu nước ngoài, cự tuyệt cải cách.

- Dân tình điêu đứng vì nạn tham nhũng, cường hào, địa chủ.

- Việc cấm đạo Thiên Chúa tạo cơ hội để thực dân Pháp chia rẽ lương - giáo.

- Mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ gay gắt, làm bùng nổ đấu tranh nông dân.

- Qua đó, đất nước suy kiệt, khả năng phòng thủ yếu dần, tạo điều kiện tốt cho thực dân Pháp xâm lược Việt Nam.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Những chủ trương lớn:** *(2,0 điểm)*

- Phan Bội Châu: Ông sinh năm 1867, thuộc tầng lớp khoa bảng ở Nghệ An. Ông là một trong những lãnh tụ tiêu biểu trào lưu dân tộc dân chủ Việt Nam vào đầu thế kỉ XX.

"Ông tranh thủ sự giúp đỡ của nước ngoài (Nhật Bản), thực hiện bạo động để giành lại độc lập cho đất nước. Xây dựng thể chế chính trị từ quân chủ lập hiến ban đầu để chuyển sang thể chế cộng hòa ở giai đoạn sau, qua tổ chức các phong trào Duy tân, Đông du Việt Nam Quang Phục Hội..."

- Phan Châu Trinh: Ông sinh năm 1872, quê ở Quảng Nam, từng làm quan cho nhà Nguyễn. ông luôn đề cao dân chủ, cải cách xã hội theo hướng dân chủ tư sản.

Đấu tranh ôn hòa để đòi thực dân Pháp nới lỏng cai trị, từ đó có điều kiện nâng cao dân trí, dân quyền cho nhân dân. Dựa vào chính quyền Pháp để đánh đổ phong kiến Nam Triều.

*** Mối quan hệ:** ***(2,0 điểm)***

- Giống nhau:

+ Đều là những trí thức phong kiến yêu nước, thương dân.

+ Cùng chống xâm lược thực dân để đòi độc lập dân tộc.

- Khác nhau:

+ Phan Bội Châu chủ trương cứu nước trước, cứu dân sau. Xem giải phóng dân tộc là điều kiện để cải cách dân chủ.

+ Phan Châu Trinh chủ trương cứu dân trước, cứu nước sau. Xem nâng cao trình độ dân trí là điều kiện thuận lợi để giải phóng dân tộc.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** So sánh phong trào Cần Vương với phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX.**

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
Hoàn cảnh ra đời. *(1,5 điểm)*	- Sau 1883 - 1884, thực dân Pháp đã áp đặt được ách đô hộ ở Việt Nam. - Nhân dân và quan lại tiến bộ đấu tranh chống bọn cướp nước, bán nước. - Sau thất bại trong cuộc phản công tháng 7 - 1885. Tôn Thất Thuyết lấy danh nghĩa vua Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương.	- Phong trào Cần Vương thất bại. - Kinh tế, xã hội nước ta có nhiều chuyển biến trong cuộc khai thác lần thứ nhất của Pháp. - Tác động của trào lưu tư tưởng tư sản tiến bộ, các sĩ phu yêu nước vận động cứu nước.
Tầng lớp lãnh đạo *(0,5 điểm)*	- Triều đình do vua Hàm Nghi đứng đầu. - Các sĩ phu, văn thân.	Các sĩ phu tiến bộ, như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh...
Lực lượng tham gia *(0,5 điểm)*	- Sĩ phu, văn thân, nông dân, dân tộc ít người.	- Sĩ phu, trí thức, tiểu tư sản, nông dân, học sinh...
Phong trào tiêu biểu *(0,5 điểm)*	Khởi nghĩa Bãi Sậy, Ba Đình, Hương Khê...	Phong trào Đông du, Duy tân, Đông Kinh nghĩa thục...

Kết quả và ý nghĩa *(1,0 điểm)*	- Thất bại do chưa phối hợp chiến đấu giữa các nơi. - Có vị trí to lớn trong sự nghiệp chống đế quốc. - Để lại nhiều bài học và là nguồn cổ vũ tinh thần cho trào lưu dân tộc chủ nghĩa sau này.	- Thất bại do điều kiện đấu tranh (kinh tế, xã hội...) chưa chín mùi. - Kế tục tinh thần đấu tranh vì độc lập, tự do. - Gắn liền sự nghiệp cứu nước với công cuộc cải cách duy tân để tìm con đường cứu nước mới.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẠC LIÊU

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những chính sách...** *(3,0 điểm)*

Năm 1868, sau khi lật đổ chế độ Mạc phủ, Minh Trị đã ban hành chính sách cải cách trên tất cả các lĩnh vực.

- Về chính trị:

+ Hình thành một quốc gia thống nhất, tập trung quyền chỉ đạo về trung ương.

+ Chính phủ được tổ chức lại theo kiểu châu Âu gồm 12 bộ, có đại diện của quý tộc, tư sản tham gia, trong đó các Sa-mu-rai vùng Tây Nam đóng vai trò quan trọng trong chính phủ.

- Về kinh tế:

+ Thống nhất tiền tệ, thị trường. Chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến bị xóa bỏ, chính phủ cho phép mua bán ruộng đất.

+ Trong công nghiệp, Nhà nước thực hiện chính sách hỗ trợ công thương: đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đường sá, cầu cống, sau đó bán cho các nhà tư sản trả góp.

+ Nhà nước nắm độc quyền quản lí và đầu tư cho các ngành công nghiệp luyện kim, khai mỏ, chế tạo vũ khí...

- Về giáo dục:

+ Xem giáo dục là chìa khóa của công cuộc hiện đại hóa nước Nhật.

+ Ban hành chế độ giáo dục bắt buộc. Nội dung giáo dục được cải tiến theo hướng chú trọng khoa học kĩ thuật.

+ Cử thanh niên ưu tú ra nước ngoài học tập.

- Về quân sự:

+ Đổi mới và tổ chức theo kiểu phương Tây...

+ Mời chuyên gia quân sự nước ngoai huấn luyện quân đội.

+ Chú trọng phát triển công nghiệp quân sự...

*** Giáo dục được xem là chìa khóa...** *(1,0 điểm)*

+ Giáo dục được xem là chìa khóa chính để nâng cao dân trí, tạo cho con người có khả năng nắm bắt khoa học kĩ thuật, tư tưởng văn hóa tiên tiến để hội nhập vào thế giới tư bản chủ nghĩa.

+ Nhật Bản là quốc gia nông nghiệp, kinh tế, văn hóa, xã hội đều lạc hậu, muốn đưa nước Nhật tiến lên con đường hiện đại hóa chỉ có thể đạt được kết quả từ sự đổi mới của giáo dục. Vì giáo dục sẽ thúc đẩy phát triển kinh tế và đổi mới xã hội.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Tiền đề chủ quan:** *(3,0 điểm)*

– **Kinh tế:**

+ Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, nước Nga chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

+ Sự xuất hiện các công ty độc quyền và vai trò lũng đoạn của nó trong đời sống kinh tế, chính trị của đất nước. Sự kết hợp giữa tư bản ngân hàng với tư bản công nghiệp hình thành tập đoàn tư bản tài chính.

+ Chủ nghĩa đế quốc một mặt phát triển sức sản xuất lên cao chưa từng có, tạo ra mâu thuẫn không thể dung hòa với nhau giữa sức sản xuất và quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

+ Mặt khác, ở Nga tồn tại quan hệ sản xuất phong kiến với nền nông nghiệp lạc hậu.

- Chính trị và xã hội:

+ Sự tồn tại của chủ nghĩa tư bản độc quyền và những quan hệ tiền tư bản chủ nghĩa, sự kết hợp những hình thái kinh tế tiên tiến nhất và lạc hậu nhất làm cho nước Nga trở thành nơi hội tụ cao độ những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc: mâu thuẫn giữa địa chủ với nông dân, mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản, mâu thuẫn giữa đế quốc Nga với các dân tộc bị áp bức, mâu thuẫn giữa đế quốc Nga với các nước đế quốc Tây Âu.

+ Toàn bộ những mâu thuẫn này chồng chéo lên nhau và ngày càng gay gắt làm cho nước Nga trở thành khâu yếu nhất trong sợi dây chuyền của chủ nghĩa đế quốc. Giai cấp vô sản Nga đã xây dựng được chính đảng tiên phong, Cách mạng chân chính của mình. Đó là đảng Bôn-sê-vích Nga do Lê-nin sáng lập, có khả năng lãnh đạo cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản và các tầng lớp nhân dân.

*** Tiền đề khách quan:** *(0,5 điểm)*

Nga tham gia chiến tranh thế giới thứ nhất tạo điều kiện thuận lợi cho thắng lợi Cách mạng Nga năm 1917 vì: chiến tranh làm cho nước Nga suy yếu, kiệt quệ về mọi mặt, thúc đẩy những mâu thuẫn xã hội trở nên gay gắt, dẫn tới Cách mạng bùng nổ. Chiến tranh làm cho các thế lực đế quốc không có điều kiện can thiệp vào *(0,5 điểm)*

→ **Kết luận**: *(0,5 điểm)*

Cách mạng vô sản nổ ra và thắng lợi trước tiên ở Nga năm 1917 vì nước Nga có đầy đủ những tiền đề chủ quan và khách quan, trong khi các nước Tây Âu và Bắc Mĩ không hội tụ đầy đủ những yếu tố cần thiết.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Nguyên nhân bùng nổ:** *(1,0 điểm)*

– Sau khi thực dân Pháp hoàn thành cuộc xâm lược Việt Nam với Hòa ước 1884 thì cuộc đấu tranh chống Pháp của nhân dân Việt Nam chuyển sang một giai đoạn mới.

– Cuộc mở đầu là cuộc tấn công trại lính Pháp cạnh kinh thành Huế (1885) do Tôn Thất Thuyết chỉ huy.

– Cuộc tấn công bị thất bại Tôn Thất Thuyết đã phò vua Hàm Nghi chạy ra Tân Sở (Quảng Trị), tại đây ông đã lấy danh nghĩa Hàm Nghi hạ chiếu Cần Vương (7/1885), kêu gọi các văn thân, sĩ phu cùng toàn dân tiếp tục kháng chiến.

– Hưởng ứng chiếu Cần Vương, nhiều văn thân, sĩ phu yêu nước đã lãnh đạo nhân dân khởi nghĩa chống Pháp.

*** Quá trình phát triển:** *(2,0 điểm)*

– Phong trào khởi nghĩa vũ trang Cần Vương bùng nổ và phát triển trong nhiều địa phương ở Trung Kì và Bắc Kì. Mặc dù năm 1888, vua Hàm Nghi bị bắt và bị đày ra nước ngoài nhưng phong trào khởi nghĩa Cần Vương vẫn tiếp tục phát triển, kéo dài đến những năm cuối thế kỉ XIX.

– Trong phong trào Cần Vương, các thủ lĩnh văn thân, sĩ phu liên kết với các thổ hào địa phương, tập hợp đông đảo quần chúng nông dân dùng vũ khí thô sơ chống Pháp. Kết quả các cuộc khởi nghĩa đều thất bại do so sánh lực lượng chênh lệch bất lợi cho nhân dân ta và các thế lực phong kiến suy tàn.

– Các cuộc khởi nghĩa tiêu biểu: khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887) do Phạm Bành và Đinh Công Tráng chỉ huy. Khởi nghĩa Hùng Lĩnh (1886 - 1892) của Tống Duy Tân. Khởi nghĩa Bãi Sậy (1885 - 1892) của Đinh Gia Quế, Nguyễn Thiện Thuật và khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896) của Phan Đình Phùng.

*** Ý nghĩa lịch sử:** *(1,0 điểm)*

– Tuy thất bại nhưng các cuộc khởi nghĩa Cần Vương là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho những phong trào dân tộc chủ nghĩa mới ra đời trong những thập niên đầu thế kỉ XX

– Từ đó, công cuộc đấu tranh giành độc lập đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi những người yêu nước phải cải cách xã hội (bỏ chế độ vua quan, quân chủ lập hiến), chuẩn bị cho những cuộc vận động Cách mạng ở đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Những điểm giống nhau và khác nhau...** *(3,0 điểm)*

- Giống nhau:

+ Cả hai cụ Phan đều nhận thực rõ yêu cầu đặt ra cho lịch sử dân tộc lúc bấy giờ là phải giành độc lập dân tộc và phát triển đất nước.

+ Đều chuyển từ ý thức hệ quân chủ sang ý thức hệ dân chủ tư sản.

- Khác nhau:

+ Phan Bội Châu chủ trương bạo động, đánh đuổi thực dân Pháp giành độc lập dân tộc trước mới có thể phát triển đất nước.

+ Phan Châu Trinh chủ trương dựa vào Pháp để canh tân đất nước, làm cho đất nước mạnh lên mới đủ sức đánh Pháp.

*** Sự thất bại của hai nhà Cách mạng...** *(1,0 điểm)*

- Cả hai đều thất bại vì bị hạn chế thời đại, đều chưa nhận thức đúng đắn về bản chất kẻ thù, chưa đáp ứng yêu cầu lịch sử đặt ra.

+ Yêu cầu mới cần giải quyết là phải giải quyết hai mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam, phải tập hợp đoàn kết các tầng lớp – giai cấp đánh đuổi thực dân Pháp giành lại độc lập dân tộc.

Đồng thời, phải cải cách xã hội tiến lên chế độ dân chủ. Muốn vậy, Việt Nam phải có những phương hướng Cách mạng mới phù hợp với thực tiễn Việt Nam và xu thế của thời đại, nhất là cần có một giai cấp tiên tiến lãnh đạo.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	**Phong trào Cần Vương**	**Phong trào yêu nước và Cách mạng Việt Nam đầu thế kỉ XX**
Bối cảnh lịch sử *(1,25 điểm)*	- Triều đình Huế đã thật sự đầu hàng thực dân Pháp. - Cuộc phản công của phái chủ chiến ở Huế thất bại. Vua Hàm Nghi xuất bôn, hạ chiếu Cần Vương.	- Ảnh hưởng của những trào lưu tiến bộ thế giới tác động… - Thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất ở Đông Dương - Sự hình thành các tầng lớp – giai cấp mới
Mục tiêu đấu tranh *(0,5 điểm)*	Chống Pháp, sau đó lập lại chế độ phong kiến.	Chống Pháp, hướng tới một nền cộng hòa, một nước Việt Nam độc lập
Hình thức đấu tranh *(0,5 điểm)*	Khởi nghĩa vũ trang	Nhiều hình thức phong phú: phong trào Đông du, Đông Kinh nghĩa thục, Duy tân…
Lực lượng tham gia *(0,75 điểm)*	Sĩ phu, nông dân.	Sĩ phu tiến bộ, nông dân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản.
Kết quả *(0,5 điểm)*	Gây cho Pháp nhiều tổn thất, các cuộc khởi nghĩa đều thất bại.	Có nhiều đóng góp vào sự nghiệp giải phóng dân tộc. Khơi dậy tư tưởng dân chủ tư sản ở Việt Nam đầu thế kỉ XX.
Ý nghĩa *(0,5 điểm)*	Nêu cao tinh thần yêu nước, ý chí đấu tranh bất khuất của dân tộc. Dọn đường cho những cuộc vận động Cách mạng đầu thế kỉ XX.	Cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ta. Mở ra một hướng của con đường cứu nước mới ở Việt Nam từ sau chiến tranh thế giới thứ nhất.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẦN THƠ
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Trung Quốc Đồng minh hội:** *(3,5 điểm)*

– Sự thành lập:

+ Đầu thế kỉ XX, giai cấp tư sản Trung Quốc lớn mạnh nhưng bị thực dân và triều đình phong kiến Mãn Thanh chèn ép, kìm hãm. Dựa vào các cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân, giai cấp tư sản Trung Quốc bắt đầu tập hợp lực lượng, thành lập các tổ chức chính trị của mình, tiến hành Cách mạng theo khuynh hướng dân chủ tư sản mà đại diện ưu tú là Tôn Trung Sơn.

+ Đầu năm 1905, phong trào đấu tranh chống đế quốc, chống phong kiến của nhân dân Trung Quốc đã lan rộng khắp các tỉnh. Tôn Trung Sơn từ châu Âu về Nhật Bản thống nhất lực lượng thành một chính đảng.

- Tháng 8/1905, "*Trung Quốc Đồng minh hội*" – chính đảng của giai cấp tư sản ra đời.

– Tiến bộ và hạn chế:

+ Tiến bộ:

▪ Là chính đảng của trí thức tiểu tư sản, địa chủ, thân sĩ bất bình với nhà Thanh, một số đại biểu công nhân, nông dân. Nhìn chung, đây là một chính đảng Cách mạng đại diện cho quyền lợi của giai cấp tư sản Trung Quốc, tập hợp được nhiều hội viên trong nước, là tổ chức thống nhất toàn quốc, cơ cấu lãnh đạo thống nhất (Tôn Trung Sơn được bầu làm đại tổng thống) và có Cương lĩnh chính trị rõ rệt.

▪ Về đường lối, nhiệm vụ Cách mạng được đề ra trong Cương lĩnh dựa trên học thuyết "*Tam dân*" của Tôn Trung Sơn là "*Dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh hạnh phúc*". Qua đó, Đồng minh hội đã xác định được nhiệm vụ Cách mạng là: đánh đổ Mãn Thanh, khôi phục Trung Hoa, thành lập dân quốc, thực hiện quyền bình đẳng ruộng đất.

+ Hạn chế:

▪ Chưa xác định đúng kẻ thù và nhiệm vụ lớn của Cách mạng Trung Quốc là chống đế quốc mà chỉ chĩa mũi nhọn vào cuộc đấu tranh chống triều đình Mãn Thanh.

▪ Chưa nhận thức đúng vai trò và khả năng của giai cấp công - nông ở Trung Quốc nên chưa tập hợp được đông đảo họ trong cuộc đấu tranh.

*** Vai trò:** *(0,5 điểm)*

Dưới sự lãnh đạo của Đồng minh hội, phong trào Cách mạng Trung Quốc phát triển theo con đường dân chủ tư sản. Tôn Trung Sơn và nhiều nhà hoạt động Cách mạng khác đã tích cực chuẩn bị mọi mặt cho một cuộc khởi nghĩa vũ trang.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Sự khác nhau giữa chính sách Cộng sản thời chiến và chính sách Kinh tế mới:** *(3,0 điểm)*

Nội dung	Chính sách Cộng sản thời chiến	Chính sách Kinh tế mới
Hoàn cảnh thực hiện	Cả nước có chiến tranh.	Thời kì hòa bình.

Mục đích	Thực hiện tốt nhiệm vụ chống thù trong giặc ngoài.	Phục hồi, phát triển kinh tế, giải quyết những khó khăn về chính trị - xã hội.
Nội dung	Nhà nước kiểm soát toàn bộ nền công nghiệp; trưng thu lương thực thừa; thi hành chế độ lao động bắt buộc...	Thực hiện chính sách thuế lương thực; cho phép tư nhân thuê hoặc xây dựng các xí nghiệp nhỏ, khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh ở Nga; cho tự do buôn bán, mở lại các chợ...
Ý nghĩa	Huy động được tối đa sức người, sức của để thực hiện tốt nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài, bảo vệ chính quyền Xô viết.	Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển sản xuất, đưa nước Nga vượt qua khủng hoảng kinh tế - chính trị - xã hội; Thể hiện sự chuyển đổi kịp thời của nhà nước. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho nhiều nước.

*** Sự khác nhau về vai trò của nhà nước:** *(1,0 điểm)*

- *Chính sách Cộng sản thời chiến*: Nhà nước nắm độc quyền quản lí về mọi mặt: sản xuất, phân phối...và thực hiện chế độ lao động bắt buộc.

- *Chính sách kinh tế mới*: Nhà nước chỉ nắm quyền quản lí các ngành kinh tế then chốt để thực hện vai trò kiểm soát và điều tiết kinh tế.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

Ngay sau khi Pháp nổ súng đánh vào của biển Đà Nẵng (1/9/1858), mở màn cuộc chiến tranh xâm lược nước ta thì quân và dân ta đã chống trả quyết liệt, gây cho Pháp nhiều khó khăn, tổn thất, không thực hiện được kế hoạch "*đánh nhanh, thắng nhanh*". Khi Pháp mở rộng xâm lược, nhân dân ta đã chiến đấu ngoan cường, liên tục, đều khắp... nhưng cuối cùng cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta lúc bấy giờ đã thất bại.

*** Nguyên nhân thất bại:**

– Thực dân Pháp có lực lượng quân sự mạnh hơn ta, lại quyết tâm xâm lược Việt Nam làm thuộc địa.

– Triều đình nhà Nguyễn không có khả năng và ý muốn tập hợp, đoàn kết, tổ chức, lãnh đạo nhân dân chống ngoại xâm như các triều đại phong kiến trước đó (Lý, Trần, Lê...) bởi vì mâu thuẫn giữa Nhà nước phong kiến suy yếu, lỗi thời với nhân dân ngày càng sâu sắc "***triều đình sợ dân hơn sợ giặc***".

– Vua quan triều Nguyễn bảo thủ, không tiếp nhận cái mới, tiến bộ để cải cách, duy tân đất nước, làm cho sức nước sức dân yếu đi, không đủ sức chống ngoại xâm.

– Quan quân triều Nguyễn không có tinh thần chiến đấu, luôn do dự, ở vào thế thủ, bị động trước sự tấn công của Pháp; đặc biệt không phối hợp được với lực lượng kháng chiến của nhân dân.

▪ Triều đình Huế luôn có tư tưởng cầu hòa, đi từ nhượng bộ này tới nhượng bộ khác, thậm chí ngăn cản phong trào kháng chiến của nhân dân và cuối cùng đầu hàng hoàn toàn.

▪ Cuộc kháng chiến của nhân dân ta trong điều kiện bấy giờ thiếu sự lãnh đạo chung, thiếu đường lối, chủ trương thống nhất nên diễn ra rời rạc, phân tán... không tạo nên sức mạnh to lớn, dễ bị thực dân Pháp đánh bại.

*** Suy nghĩ:**

– Sự thất bại của cuộc kháng chiến chống Pháp (1858 – 1884) chỉ là tạm thời, phong trào kháng chiến vẫn được duy trì, phát triển ở trình độ cao.

– Để đưa kháng chiến đến thắng lợi cần có tổ chức, có lãnh đạo, có đường lối đúng và biết đoàn kết toàn dân...

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Nội dung và ý nghĩa của chiếu Cần Vương:** *(1,5 điểm)*

- Nội dung:

+ Tố cáo âm mưu xâm lược Việt Nam của thực dân Pháp, sự phản bội của một số quan lại, tính bất hợp pháp của triều đình Đồng Khánh do Pháp mới lập nên.

+ Kêu gọi và khích lệ sĩ phu, văn thân và nhân dân cả nước quyết tâm kháng chiến đến cùng.

- Ý nghĩa:

+ Thúc đẩy, cổ vũ nhân dân đứng lên kháng chiến chống Pháp.

+ Thổi bùng ngọn lửa yêu nước vốn đang âm ỉ cháy trong quần chúng nhân dân, nhanh chóng biến thành một phong trào rộng lớn, với nhiều cuộc khởi nghĩa, kéo dài hơn 10 năm.

+ Thể hiện lòng yêu nước, quyết tâm chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của nhân ta.

*** Nhận xét:** *(2,5 điểm)*

- Giai đoạn 1 (1885 - 1888):

+ Phong trào diễn ra rầm rộ, sôi nổi, dưới sự chỉ đạo chung do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết đứng đầu.

+ Lực lượng tham gia đông đảo quần chúng nhân dân, đặc biệt là nông dân.

+ Phong trào diễn ra trên địa bàn rộng lớn, từ đồng bằng, ven biển đến miền núi, tập trung ở các tỉnh Bắc Kì, Trung Kì.

- Giai đoạn 2 (1888 - 1896):

+ Sau khi vua Hàm Nghi bị bắt, Tôn Thất Thuyết sang Trung Quốc cầu viện, phong trào không vì thế mà tan rã, trái lại vẫn tiếp tục phát triển, càng về sau càng có xu hướng đi vào chiều sâu, quy tụ thành những cuộc khởi nghĩa lớn, có trình độ tổ chức cao hơn và duy trì cuộc chiến đấu kéo dài trong nhiều năm.

+ Địa bàn hoạt động: chủ yếu ở vùng trung du và miền núi.

+ Lãnh đạo là các văn thân, sĩ phu yêu nước.

→ Như vậy, phong trào tuy diễn ra dưới danh nghĩa "*giúp vua cứu nước*", nhưng trên thực tế dù có vua hay không có vua, phong trào vẫn phát triển với mục đích đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc. Điều đó chứng tỏ: "*Cần vương chỉ là danh nghĩa, tính chất yêu nước chống Pháp là chủ yếu*"

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

*** Hoàn thành sơ đồ:** *(2,5 điểm)*

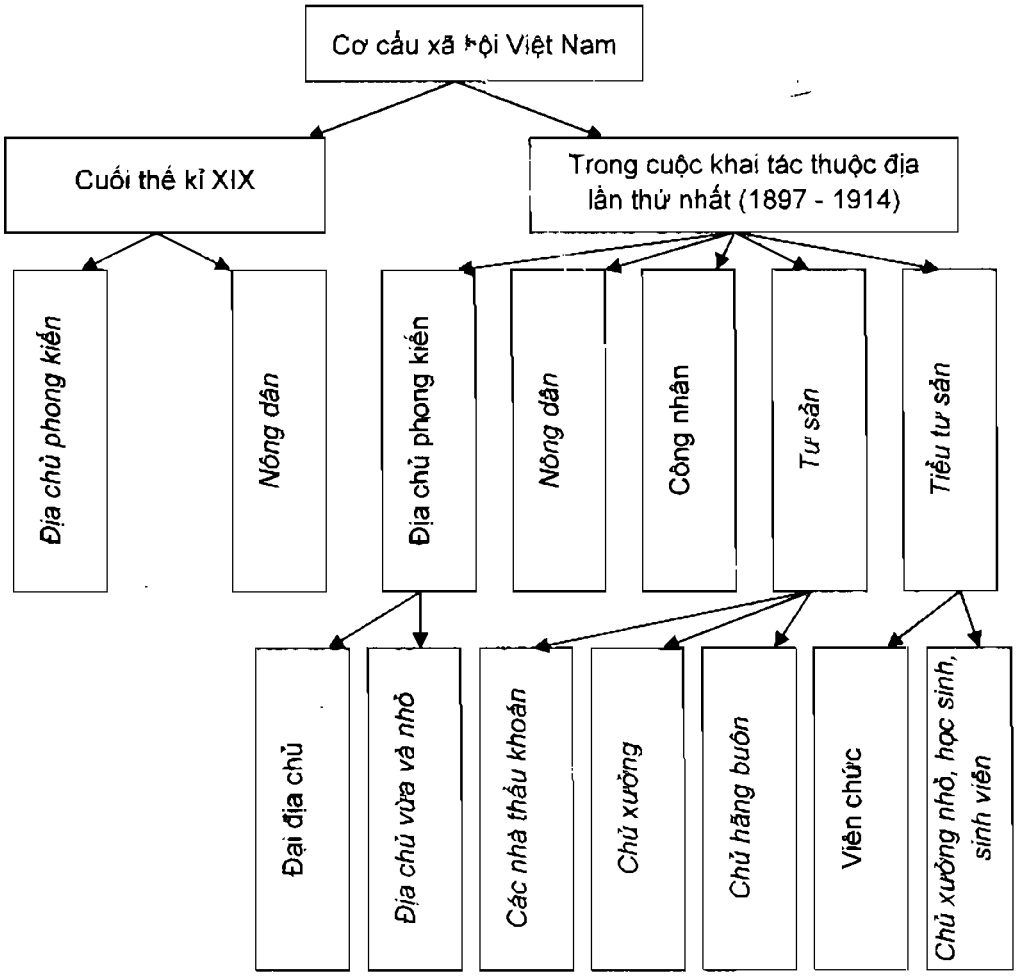

*** Thái độ, vị trí từng giai cấp, tầng lớp :** *(1,5 điểm)*

– Địa chủ phong kiến:

+ Đại địa chủ: giàu có, dựa vào Pháp ra sức chiếm đoạt ruộng đất, có quyền lợi gắn chặt với thực dân Pháp.

+ Địa chủ vừa và nhỏ: bị đế quốc chèn ép, ít nhiều có tinh thần chống Pháp.

- Nông dân: bị cướp đoạt ruộng đất, đời sống cơ cực. Là một lực lượng Cách mạng to lớn nhưng do thiếu sự lãnh đạo đúng đắn nên chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của mình.

– Công nhân: bị thực dân, phong kiến bóc lột, có tinh thần đấu tranh mạnh mẽ chống giới chủ để cải thiện điều kiện làm việc và đời sống.

- Tư sản: hoạt động công thương, mở hiệu buôn bán nhưng bị thực dân Pháp khống chiếm, chèn ép nên số lượng nhỏ bé, thế lực yếu.

- Tiểu tư sản: gồm viên chức, chủ xưởng nhỏ, học sinh, sinh viên... ngày một đông; có tinh thần dân tộc nên hào hứng tham gia các cuộc vận động dân tộc cứu nước.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VĨNH LONG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN BỈNH KHIÊM

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

Những sự kiện để minh chứng, Liên Xô có vai trò trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít .

*** Trước chiến tranh**· Chính sách của Liên Xô là: *(0,75 điểm)*

+ Chống phát xít và chống chiến tranh.

+ Liên Xô đề nghị hợp tác với các nước thành lập Mặt trận chống phát xít,chống chiến tranh nhưng bị từ chối.

+ Anh, Pháp, Mĩ dung dưỡng,thỏa hiệp với phát xít.

*** Trong chiến tranh** (1941 - 1945): *(3,25 điểm)*

– Mặt trận Xô-Đức:

+ Chiến thắng bảo vệ Mát-xcơ-va chỉ còn cách Mát-xcơ-va 20km, nhưng quân Đức không vào được thủ đô, bị đẩy lùi 400km. Chiến thắng này có ý nghĩa quan trọng, tiêu hao sinh lực địch,đập tan kế hoạch đánh "chớp nhoáng" của Đức.

+ Chiến thắng Xta-lin-grát là trận thắng lớn và tiêu biểu nhất về nghệ thuật quân sự, cũng như xoay chuyển toàn cục chiến tranh, đánh dấu bước ngoặt căn bản tiến trình chiến tranh, báo hiệu sự thất bại phe phát xít.

+ Chiến thắng ở Cuốc-xơ (1943).

+ Giải phóng toàn bộ lãnh thổ Xô viết (1944).

+ Tiến qua Đông Âu, phối hợp giải phóng các nước Đông Âu.

+ Trận công phá Béc-lin (từ 16/4 đến 30/4/1945), tiêu diệt sào huyệt của Hít-le, chính phủ Đức đầu hàng.

– Đánh bại quân đội Nhật:

+ Ngày 8/8/1945 Liên Xô tuyên chiến với Nhật và tấn công tiêu diệt quân Nhật,15/8/1945 Chính phủ Nhật đầu hàng.

– Liên Xô giữ vai trò quan trọng, là lực lượng chủ chốt góp phần quyết định thắng lợi, đánh bại chủ nghĩa phát xít, bảo vệ nền văn minh nhân loại.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Lập bảng các phong trào đấu tranh của nhân dân Trung Quốc từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX.**

Tên phong trào	Diễn biến phong trào	Kết quả
Khởi nghĩa Thái bình Thiên quốc *(1,0 điểm)*	+ Lãnh đạo là Hồng Tú Toàn, nổ ra ngày 1/1/1851 ở Kim Điền - Quảng Tây - Sau đó lan rộng khắp các địa phương cả nước. - Đây là phong trào nông dân lớn nhất trong lịch sử Trung Quốc, đã xây dựng chính quyền ở Thiên Kinh và thi hành nhiều chính sách tiến bộ.	+ Năm 1864 được sự giúp đỡ các nước đế quốc, chính quyền Mãn Thanh tấn công Thiên Kinh, đàn áp phong trào, cuộc khởi nghĩa thất bại.

Cuộc vận động Duy tân *(1,0 điểm)*	+ Do Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu lãnh đạo với sự đồng tình và ủng hộ vua Quang Tự. + Cuộc vận động chủ yếu trong các tầng lớp quan lại, sĩ phu có ý thức tiếp thu tư tưởng tiên tiến, không dựa vào lực lượng nhân dân.	+ Cuộc vận động Duy tân nhanh chóng thất bại khi vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của phái thủ cựu trong giai cấp phong kiến do Từ Hi Thái hậu cầm đầu.
Phong trào Nghĩa hòa đoàn *(1,0 điểm)*	+ Bùng nổ ở Sơn Đông sau đó lan rộng ra Trực Lệ, Sơn Tây. Nghĩa quân tấn công các sứ quán nước ngoài ở Bắc Kinh.	+ Sau đó, liên quân 8 nước đế quốc tiến vào Bắc Kinh, đàn áp phong trào. Nghĩa hòa đoàn anh dũng chiến đấu chống xâm lăng, nhưng cuối cùng bị đánh bại vì thiếu lãnh đạo thống nhất, thiếu vũ khí.

*** Nhận xét:** *(1,0 điểm)*

- Nhiệm vụ, mục tiêu của các phong trào: Chống đế quốc hoặc chống phong kiến. Nhưng chưa giải quyết đồng thời hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến.
- Lãnh đạo: Nông dân hoặc giai cấp phong kiến.
- Kết quả:Đều thất bại do chưa có một giai cấp tiên tiến với đường lối đúng đắn lãnh đạo.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

* Nhà Nguyễn từng bước kí điều ước bán nước và cuối cùng là đầu hàng hoàn toàn làm tay sai cho Pháp thể hiện qua các điều ước:

Tên hiệp ước	Nội dung chính	Hậu quả
Nhâm Tuất (5/6/1862) *(1,0 điểm)*	- Nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam Kì: Biên Hòa, Gia Định, Định tường và đảo Côn Lôn cho Pháp - Mở 3 cửa biển: Đà Nẵng, Ba Lạt, Quảng Yên → cho phép tự do buôn bán. - Bồi thường chiến phí.	- Mất một phần lãnh thổ. - Nhân dân bất mãn.
Giáp Tuất (15/3/1874) *(1,0 điểm)*	- Mất 6 tỉnh Nam Kì. - Mở thêm cửa biển:Thị Nại, Ninh Hải… - Ngoại giao của ta phụ thuộc ngoại giao của Pháp.	- Mất một phần quan trọng chủ quyền Việt Nam. - Thị trường riêng của Pháp.
Hác-măng (25/3/1883) *(1,0 điểm)*	- Quyền bảo hộ của Pháp ở Bắc Kì và Trung Kì - Thanh - Nghệ - Tĩnh thuộc Bắc Kì	- Vi phạm trắng trợn chủ quyền dân tộc. - Nhân dân phản ứng quyết liệt.

Pa tơ nốt (6/6/1884) *(1,0 điểm)*	- Điều khoản như Hiệp ước Hác-măng - Trả lại Thanh - Nghệ - Tĩnh cho Trung kì	- Cơ sở lâu dài cho chính sách đô hộ của Pháp ở Việt Nam, chính quyền phong kiến đầu hàng hoàn toàn làm tay sai cho Pháp.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Lãnh đạo:**

- Cuối thế kỉ XIX: Các sĩ phu, văn thân yêu nước
- Đầu thế kỉ XX: Các sĩ phu yêu nước tiếp thu tư tưởng tiến bộ (tư tưởng tư sản)

*** Chủ trương, đường lối:** *(1,0 điểm)*

- Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX: Chống Pháp, chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến.
- Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX: Chống Pháp, theo khuynh hướng dân chủ tư sản.

*** Biện pháp đấu tranh:** *(1,0 điểm)*

- Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX: Khởi nghĩa vũ trang.
- Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX:Bạo động vũ trang, tuyên truyền vận động cải cách.

*** Thành phần tham gia:** *(1,0 điểm)*

- Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX: Sĩ phu yêu nước, nông dân.
- Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX: Nho sĩ yêu nước tiến bộ, nông dân, công nhân,binh lính...

*** Hình thức hoạt động:** *(1,0 điểm)*

- Phong trào yêu nước cuối thế kỉ XIX: Xây dựng căn cứ khởi nghĩa.
- Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX: Nhiều hình thức phong phú như du học, mở trường học, cổ động, phát triển kinh tế, khởi nghĩa vũ trang.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Thời gian	Sự kiện	Nhân vật
8/1883	Quân Pháp đổ bộ lên chiếm Thuận An, Cao ủy Pháp đến Huế, đưa ra một bản Hiệp ước thảo sẵn, buộc triều đình phải chấp nhận.	Hác-măng
1885 - 1895	Khởi nghĩa Hương Khê là đỉnh cao nhất của phong trào Cần Vương cuối thế kỉ XIX có quy mô rộng lớn, lập nhiều chiến công gây cho Pháp nhiều tổn nhất nặng nề.	Phan Đình Phùng
1862	Bất chấp lệnh bãi binh của triều đình ông kiên quyết ở lại cùng nhân dân chiến đấu và được suy tôn là "Bình Tây đại nguyên soái".	Trương Định

Thời gian	Sự kiện	Nhân vật
10/12/1861	Chiến công vang dội, đội quân của Nguyễn Trung Trực đã đánh chìm tàu chiến của Pháp trên sông Vàm Cỏ Đông.	Nguyễn Trung Trực
21/12/1873	Trận đánh gây tiếng vang lớn:Trận phục kích của quân ta tại Cầu Giấy, Gác-ni-ê bị giết chết.	Gác-ni-ê
1883 - 1892	Cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất của nhân dân vùng Bắc Bộ, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu.	Nguyễn Thiện Thuật

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

A. LỊCH SỬ THẾ GIỚI

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Cách mạng dân chủ tư sản tháng Hai năm 1917:** *(1,75 điểm)*

– Ngày 23 - 2 -19197, 9 vạn nữ công nhan ở Pê-tơ-rô-grát biểu tình, đến 27 - 2, chuyển sang tổng bãi công và lan rộng khắp thành phố. Đảng Bôn-sê-vích lãnh đạo chuyển từ tổng bãi công chính trị sang khởi nghĩa vũ trang.

- Binh lính được tuyên truyền giác ngộ đã đứng về phía Cách mạng cùng với quân khởi nghĩa chiếm toàn bộ các công sở quan trọng nhất, nhà ga, cầu, bưu điện... Nga hoàng Ni-cô-lai II tuyên bố thoái vị. Chế độ quân chủ chuyên chế bị sụp đổ.

- Quần chúng bầu ra các Xô viết đại biểu công nhân, nông dân và binh lính. Giai cấp tư sản cũng thành lập ra chính quyền: Chính phủ tư sản lâm thời.

- Kết quả:

+ Cách mạng tháng Hai thắng lợi nhưng một tình hình chính trị chưa từng có diễn ra ở nước Nga, đó là tình trang hai chính quyền song song tồn tại.

+ Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản và chính quyền Xô viết đại biểu của công nhân, nông dân và binh lính. Đại diện cho lợi ích của các giai cấp khác nhau nên không thể tồn tại cùng nhau.

*** Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười năm 1917:** *(2,25 điểm)*

- Trước tình hình tồn tại song song hai chính quyền, Lê-nin và Đảng Bôn-sê-vích Nga đã chuẩn bị kế hoạch và vạch ra nhiệm vụ tiếp tục làm Cách mạng lật đổ Chính phủ lâm thời của giai cấp tư sản.

- Tháng 4 - 1917, Lê-nin đã chỉ ra nhiệm vụ (Luận cương tháng Tư), mục tiêu và đường lối chuyển từ Cách mạng dân chủ tư sản sang Cách mạng xã hội chủ nghĩa. Giành chính quyền cho giai cấp vô sản, những tầng lớp nghèo và nông dân bằng đấu tranh hòa bình nhằm tập hợp lực lượng quần chúng.

- Qua 8 tháng đấu tranh, Đảng Bôn-sê-vích đã lãnh đạo chuyển sang thời kì khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền.

- Ngày 7 - 10 - 1917, Lê-nin về Pê-tơ-rô-grát trực tiếp lãnh đạo Cách mạng. Các đội Cận vệ đỏ ra đời, trung tâm Quân sự Cách mạng được thành lập.

- Tối 24 - 10, các Đội cận vệ đỏ đã chiếm được những vị trí chủ chốt của Thủ đô và bao vây Cung điện Mùa Đông, các bộ trưởng của Chính phủ tư sản bị bắt. Khởi nghĩa giành thắng lợi ở Pê-tơ-rô-grát.

- Tối 25 - 10, các đơn vị Cận vệ đỏ bắt đầu tấn công Cung điện Mùa Đông, đến rạng sáng ngày 26 -10, đã chiếm được Cung điện Mùa Đông, Chính phủ tư sản bị lật đổ.

- Đầu tháng 11 - 1917, Chính quyền Xô viết được thành lập ở Mát-xcơ-va. Cuối tháng 3 -1918 Chính quyền Xô viết đã giành thắng lợi hoàn toàn trên khắp nước Nga.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

*** Đánh giá chiến thắng Xta-lin-grát:** *(1,5 điểm)*

- Đây là Chiến thắng lớn đầu tiên của quân đội Liên Xô từ khi tham gia chiến tranh chống phát xít. Chiến thắng nầy có ý nghĩa to lớn đối với Hồng quân Liên Xô, từ đây Hồng quân Liên Xô chuyển sang phản công quân đội phát xít Đức cho đến ngày thắng lợi hoàn toàn.

- Đối với phe đồng minh:

+ Chiến thắng nầy đã tạo nên bước ngoặc xoay chuyển tình thế của Chiến tranh thế giới thứ hai: ưu thế chuyển từ phe Trục sang phe Đồng minh.

+ Kể từ đây phe Đồng minh chuyển sang phản công trên khắp các mặt trận cho đến ngày chủ nghĩa phát xít thất bại.

*** Căn cứ vào đâu để nói rằng ...** *(2,5 điểm)*

- Sau chiến thắng Xta-lin-grát, Liên Xô liên tục phản công phản công phản xít Đức giải phóng toàn bộ lãnh thổ Liên Xô, tiêu diệt phát xít Đức. Quân đội Liên Xô tiếp tục tấn công quân Nhật.

- Liên Xô phản công phát xít Đức:

+ Từ tháng 7→8/1943, quân đội Liên Xô đã giành thắng lợi trận Cuốc-xcơ, bẻ gãy cuộc tấn công của địch. chuyển sang phản công tiêu diệt và loại ra khỏi vòng chiến đấu 50 vạn quân Đức; giải vây Lê-nin-grát; đến tháng 6-1944, phần lớn lãnh thổ Liên Xô được giải phóng.

+ Từ tháng 6→8/1944, giải phóng Bê-lô-rút-xi-a, đánh tan đạo quân trung tâm mạnh nhất của Đức; giải phóng hoàn toàn lãnh thổ Liên Xô; tiến vào giải phóng các nước Đông Âu.

+ Từ tháng 1-1945, Liên Xô tấn công phía Đông nước Đức. Ngày 16-4 đến 2-5-1945, tấn công Béc-lin, đến 30-4-1945, đã cắm cờ chiến thắng trên nóc tòa nhà Quốc hội Đức. Ngày 2-5-1945, Béc-lin treo cờ trắng đầu hàng.

- Liên Xô tấn công quân Nhật.

+ Ngày 8-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật Bản và tấn công 70 vạn quân Quan Đông ở Mãn Châu (Trung Quốc), cùng với tấn công của phe Đồng minh đến 15-8-1945, Nhật đầu hàng không điều kiện. Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Khởi nghĩa Bãi Sậy (1883 - 1892):** *(1,25 điểm)*

– Xây dựng căn cứ:

+ Thời gian từ 1883 đến năm 1892 (10 năm). Địa bàn rộng lớn: Biết lợi dụng vào địa hình lau sậy rậm rạp thuộc các huyện Văn Lâm, Văn Giang, Khoái Châu, Yên Mĩ ở Hưng Yên để xây dựng căn cứ.

- Địa bàn còn mở rộng ở vùng châu thổ sông Hồng Ngoài ra còn có căn cứ Hai Sông ở Hải Dương.

– **Tổ chức lực lượng**: Tổ chức lực lượng nghĩa quân được chia thành từng toán nhỏ 20 - 25 người, trà trộn vào dân.

– **Cách đánh:** Đã triệt để lợi dụng chiến thuật du kích: tập kích-ehớp nhoáng, phục kích các đồn trại giặc trên các tuyến giao thông có hiệu quả.

*** Khởi nghĩa Ba Đình (1886 - 1887).** *(1,50 điểm)*

– Xây dựng căn cứ:

+ Thời gian từ 1886-1887 (2 năm). Địa bàn: Ở ba làng Thương Thọ, Mậu Thịnh, Mĩ Khê thuộc huyện Nga Sơn Thanh Hóa.

+ Lợi dụng các luỹ tre làng và các vùng đầm lầy xung quanh cùng với tre và bùn đất có tại chỗ để xây dựng công sự chiến đấu, nằm án ngữ con đường chạy từ Bắc vào Nam.

+ Ba Làng được nối với nhau bằng chiến hào, có thể hỗ trợ cho nhau trong chiến đấu. Ngoài ra còn có căn cứ Mã Cao để làm nhiệm vụ cảnh báo và phòng bị cho cho căn cứ Ba Đình.

- **Tổ chức lực lượng:**

+ Nghĩa quân được tuyển cả những làng xung quanh khoảng 300 người, có cả người Kinh, Mường, Thái, tập trung ở Ba Đình.

+ Nhân dân tham gia phục vụ vận chuyển lương thực, xây đắp công sự, tải thương, động viên cổ vũ binh sĩ chiến đấu.

– **Cách đánh:** Nghĩa quân toả đi các nơi, kiểm soát các tuyến giao thông, tổ chức phục kích, tiêu diệt các đoàn xe.

*** Khởi nghĩa Hương Khê (1885 - 1896).** *(1,25 điểm)*

– Xây dựng căn cứ:

+ Thời gian từ 1885 - 1896 (gần 12 năm). Địa bàn rộng lớn, ở các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, dựa vào địa thế núi rừng hiểm trở.

- Đại bản doanh ở Hương Khê, tựa lưng vào dãy Trường Sơn. Từ đây có thể tỏa vào quảng Bình, Quảng Trị ra Nghệ An hoặc xuống đồng bằng, khi cần thiết có thể sang Lào.

– **Tổ chức lực lượng:** Tổ chức tương đối chặt chẽ, nghĩa quân được chia làm 15 quân thứ, mỗi quân thứ do một tướng lĩnh có năng lực và uy tín chỉ huy. Nghĩa quân được trang bị súng trường tự chế theo mẫu của Pháp.

– **Cách đánh**: Chống lại những cuộc càn quyét của địch, phối hợp tập kích với những trận tấn công lớn gây cho địch nhiều thiệt hai như trận tấn công vào Nghệ An (11-1993), tập kích vào thị xã Hà Tĩnh (3-1894), thắng lợi ở Vụ Quang (10-1894).

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

*** Cuộc vận động Duy tân ở Trung Kì.** *(2,0 điểm)*

- Vào đầu thế kỉ XX, cuộc vận động Duy tân do Phan Châu Trinh, Huỳnh Thúc Kháng, Trần Quý Cáp... lãnh đạo lại diễn ra sôi nổi ở Trung Kì.

- Hình thức hoạt động của phong trào Duy tân rất phong phú: mở trường, diễn thuyết, tuyên truyền đả phá các hủ tục phong kiến lạc hậu, đua nhau cắt tóc ngắn, mặc áo ngắn, đả kích quan lại xấu, cổ động mở mang công thương nghiệp...

Về kinh tế:

- Cổ động chấn hưng thực nghiệm, lập hội kinh doanh như: Quảng Nam hiệp thương công ti, ở Hà Nội có Đông Thành Xương, Nghệ An có Triều Dương thương quán, ở Phan Thiết có công ti Liên Thành.

- Ngoài ra còn chú ý nghề làm vườn, nghề thủ công, lập "nông hội" chuyên việc san đồi trồng quế, hồ tiêu... mở lò rèn, xưởng mộc...

Giáo dục:

- Mở trường học theo lối mới cũng được quan tâm thành lập ở nhiều nơi, dạy chữ Quốc ngữ, dạy các môn mới thay cho Tứ thư, Ngũ kinh.

- Ở Quảng Nam có bốn trường lớn là Diên Phong, Phước Bình, Phú Lâm và Quảng Phước, mỗi lớp có khoảng 70 đến 80 học sinh.

Xã hội:

- Vận động cải cách trang phục và lối sống, vận động nhân dân cắt tóc ngắn, ăn mặc theo kiểu quần áo "Âu hóa", may bằng vải nội. Lên án các hủ tục phong kiến.

- Cuộc vận động Duy tân có tác động làm bùng nổ phong trào chống thuế năm 1098 ở Trung Kì.

*** Đông Kinh nghĩa thục** *(2,0 điểm)*

- Tháng 3 - 1907, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền ... mở một trường học tại Hà Nội, lấy tên là Đông Kinh nghĩa thục.

- Trường học được xây dựng theo mô hình của Nhật. Chương trình học gồm các bài về địa lí, lịch sử, cách trí, khoa học thường thức...

- Bên cạnh hình thức dạy học ở trường, các nhà Nho tiến bộ còn tổ chức các buổi diễn thuyết, bình văn để cổ động học chữ Quốc ngữ, hô hào mở hội kinh doanh công thương, lên án bọn quan lại hủ bại, bài trừ mê tín, hủ tục... kêu gọi đoàn kết đấu tranh...

- Các hoạt động này nhằm bồi dưỡng và nâng cao lòng yêu nước, truyền bá nội dung học tập và nếp sống mới.

- Lúc đầu trường hoạt động chủ yếu ở Hà Nội, sau đó mở rộng ra ngoại thành và các tỉnh ở Bắc Kì, trở thành trung tâm của phong trào Duy tân ở Bắc Kì.

- Hoạt động của Đông Kinh nghĩa thục khiến thực dân Pháp lo ngại. Tháng 11-1907, Pháp ra lệnh đóng cửa trường. Hầu hết các giáo viên của trường bị bắt, sách báo bị cấm hoặc bị tịch thu.

- Tuy tồn tại trong thời gian ngắn nhưng Đông Kinh nghĩa thục đã đạt được kết quả rất lớn, đặc biệt là trong việc cổ động, phát triển văn hoá, ngôn ngữ dân tộc ở đầu thế kỉ XX.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
Giai cấp lãnh đạo	Quan lại theo phái chủ chiến (Tôn Thất Thuyết lãnh đạo với danh nghĩa Vua Hàm Nghi)	Sĩ phu yêu nước tiến bộ (trên con đường tư sản hóa). (Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh)

Nội dung	Phong trào Cần Vương	Phong trào yêu nước đầu thế kỉ XX
Lượng lượng	Chủ yếu là nông dân.	Nông dân, công nhân, học sinh, binh lính.
Mục tiêu	Chống Pháp giành độc lập, thiết lập trở lại nền quân chủ.	Chống Pháp giành độc lập, thiết lập nền cộng hòa (tư bản chủ nghĩa).
Đối tượng cách mạng	Thực dân Pháp.	Thực dân Pháp và phong kiến.
Hình thức đấu tranh	Chủ yếu là đấu tranh vũ trang	Đấu tranh vũ trang, bạo động kết hợp với các vận động duy tân cải cách, lập trường học, mở hội buôn...
Kết quả	Thất bại.	Thất bại.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CÀ MAU
TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN NGỌC HIỂN

CÂU HỎI 1: *(4,0 điểm)*

*** Những biểu hiện chứng tỏ Nhật Bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc:** *(3,0 điểm)*

Trong 30 năm cuối thế kỉ XIX, đặc biệt là từ sau Chiến tranh Trung - Nhật (1894 - 1895), chủ nghĩa tư bản phát triển nhanh chóng ở Nhật Bản. Công nghiệp, nhất là công nghiệp nặng rất phát triển, kéo theo sự phát triển của thương nghiệp và ngân hàng. Nhiều công ti độc quyền xuất hiện như: Mit-su-bi-si, Mit-xư-i... các công ti này làm chủ nhiều ngân hàng, nhiều nhà máy....giữ vai trò to lớn trong đời sống kinh tế, chính trị ở Nhật Bản. Lịch sử Nhật Bản gọi giai đoạn này là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ hai (1895 - 1912).

- Sự phát triển mạnh mẽ của nền kinh tế đã tạo sức mạnh kinh tế, quân sự và chính trị cho giới cầm quyền thi hành chính sách xâm lược và bành trướng.

- Nhật Bản chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc gắn liền với các cuộc chiến tranh xâm lược: Chiến tranh Đài Loan (1874), Trung Quốc (1894 - 1895), chiếm Triều Tiên (1910) và chiến tranh đế quốc: Chiến tranh Nga - Nhật (1904 - 1905)... Nhật thu được nhiều lợi ích về đất đai và tài chính. Nhật Bản trở thành một đế quốc hùng mạnh ở châu Á.

*** Nhật là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt vì:** *(1,0 điểm)*

Nhật tiến lên con đường tư bản chủ nghĩa, song vẫn duy trì quyền sở hữu ruộng đất phong kiến; tầng lớp quý tộc, đặc biệt là giới võ sĩ Sa-mu-rai vẫn có ưu thế chính trị rất lớn. Họ chủ trương xây dựng đất nước bằng sức mạnh quân sự. Những điều đó, làm cho chủ nghĩa đế quốc Nhật có đặc điểm là chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt.

CÂU HỎI 2: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Chính sách Cộng sản thời chiến	Chính sách kinh tế mới
Hoàn cảnh thực hiện *(1,0 điểm)*	Năm 1918, Liên quân 14 nước đế quốc cấu kết với bọn phản Cách mạng trong nước mở cuộc tấn công vũ trang nhằm tiêu diệt nước Nga Xô viết. Cả nước có chiến tranh.	Năm 1921, nước Nga bước vào thời kì hòa bình xây dựng đất nước trong hoàn cảnh cực kì khó khăn: nền kinh tế bị tàn phá nghiêm trọng; tình hình chính trị không ổn định; các lực lượng phản động chống phá Cách mạng.
Mục đích *(1,0 điểm)*	Thực hiện tốt nhiệm vụ chống thù trong, giặc ngoài.	Phục hồi phát triển kinh tế, giải quyết những khó khăn về chính trị, xã hội.
Nội dung *(1,0 điểm)*	Trưng thu lương thực thừa; quốc hữu hóa các xí nghiệp; nhà nước nắm độc quyền về kinh tế, quản lí và phân phối; thực hiện chế độ lao động cưỡng bức; ban lệnh tổng động viên.	Thực hiện chính sách thuế nông nghiệp; cho tự do buôn bán; cho phép tư nhân thuê, mở các xí nghiệp nhỏ; khuyến khích tư bản nước ngoài đầu tư, kinh doanh; phát hành đồng tiền rúp.
Ý nghĩa lịch sử *(1,0 điểm)*	- Huy động tối đa sức người, sức của, tạo nên sức mạnh tổng hợp. - 1920, nước Nga Xô viết đẩy lùi liên quân 14 nước đế quốc, bảo vệ vững chắc chính quyền Xô viết.	- Thúc đẩy kinh tế quốc dân chuyển biến rõ rệt, giúp nhân dân Xô viết vượt qua khó khăn, hoàn thành khôi phục kinh tế. - Là bài học đối với công cuộc xây dựng của một số nước xã hội chủ nghĩa.

CÂU HỎI 3: *(4,0 điểm)*

*** Diễn biến:** *(2,0 điểm)*

Cuộc khởi nghĩa Hương Khê (1885-1896) do Phan Đình Phùng và Cao Thắng lãnh đạo được chia thành 2 giai đoạn:

– 1885 – 1888: Xây dựng lực lượng :

+ Tập hợp, huấn luyện binh sĩ, phiên chế thành 15 thứ quân, do các tướng lĩnh có uy tính chỉ huy. Rèn đúc vũ khí, nghĩa quân đã chế được súng trường theo kiểu 1874 của Pháp.

+ Đào đắp công sự Ngàn Trươi, Vụ Quang, hình thành hệ thống chiến lũy hoàn hảo. Tích lũy lương thảo nhờ sự đóng góp của nhân dân rồi cất giấu trong rừng sâu.

– 1888 – 1896: Chiến đấu quyết liệt:

+ Nghĩa quân vừa chiến đấu chống lại các cuộc tấn công của địch, vừa chủ động tấn công địch.

+ 1893, lực lượng nghĩa quân bị thiệt hại nặng, bị bao vây, cô lập. Cao Thắng tấn công xuống đồng bằng, chiếm thành Nghệ An nhưng bị hi sinh trong trận đồn Nu (Thanh Chương).

+ 17/10/1894, nghĩa quân giành thắng lợi lớn tại trận Vụ Quang, giết chết nhiều tên giặc. Nhưng bị nghĩa quân bị vây hãm, bị thiệt hại nhiều.

+ 28/12/1895, Phan Đình Phùng hi sinh. Cuộc khởi nghĩa thất bại.

*** Tính tiêu biểu:** *(2,0 điểm)*

Cuộc khởi nghĩa Hương Khê là cuộc khởi nghĩa tiêu biểu nhất trong phong trào Cần Vương vì:

- Đây là cuộc khởi nghĩa kéo dài nhất trong phong trào Cần Vương, suốt 10 năm.

- Có quy mô rộng lớn, địa bàn hoạt động rộng khắp 4 tỉnh: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

- Có tổ chức tương đối chặt chẽ, nghĩa quân được chia thành 15 quân thứ do những tướng lĩnh có tài chỉ huy. Đại bản doanh đặt tại núi Vụ Quang, tựa lưng vào dãy Trường Sơn. Từ đây nghĩa quân có thể theo đường núi vào Quảng Bình, Quảng Trị ra Nghệ An, Thanh Hóa hay theo đường sông đi xuống các vùng đồng bằng hoặc khi cần thiết có thể lánh sang Lào.

- Cuộc khởi nghĩa đã lập được nhiều chiến công và gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.

- Cuộc khởi nghĩa đã huy động đến mức cao độ sự ủng hộ và tiềm năng to lớn của nhân dân.

- Về quân sự, nghĩa quân đã biết sử dụng những phương thức tác chiến linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong quá trình chuẩn bị lực lượng cũng như khi giao chiến với địch.

Tuy nhiên, do những hạn chế của thời đại, cuộc khởi nghĩa Hương Khê đã thất bại. Sự thất bại của phong trào Cần vương cũng là mốc đánh dấu sự kết thúc của phong trào đấu tranh chống Pháp dưới ngọn cờ Cần vương.

CÂU HỎI 4: *(4,0 điểm)*

- Nguyễn Ái Quốc tên thật là Nguyễn Sinh Cung, sinh ngày 19/5/1890 trong một gia đình trí thức yêu nước tại Làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An - một vùng quê có truyền thống đấu tranh. Người sớm có tinh thần yêu nước và ý chí cứu nước.

- Trước cảnh nước mất, nhà tan, các cuộc đấu tranh của nhân dân đều bị thất bại, bế tắc, Người đã quyết định đi sang phương Tây tìm đường cứu nước.

- Ngày 05/6/1911, Nguyễn Ái Quốc rời cảng Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước. Khác với thế hệ cha anh hướng về Trung Quốc và Nhật Bản, Nguyễn Ái Quốc quyết định sang phương Tây và các nước khác, xem các nước này làm thế nào trở nên hùng cường, rồi trở về giúp đồng bào mình.

- Năm 1911 - 1917, Người bôn ba qua nhiều nước làm nhiều nghề để sống, tiếp xúc với nhiều người. Người nhận thấy rằng ở đâu bọn đế quốc, thực dân cũng tàn bạo, độc ác; ở đâu người lao động cũng bị áp bức, bóc lột dã man.

- Năm 1917, Nguyễn Ái Quốc trở lại Pháp, Người đã làm rất nhiều nghề, học tập, rèn luyện trong cuộc đấu tranh của quần chúng lao động và giai cấp công nhân Pháp. Người tích cực hoạt động tố cáo thực dân Pháp và tuyên truyền cho Cách mạng Việt Nam ...

- Sống và làm việc trong phong trào công nhân Pháp, tiếp nhận ảnh hưởng Cách mạng tháng Mười Nga – tư tưởng của Người có những chuyển biến mạnh mẽ.

→ Những hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc từ 1911 - 1918, tuy mới chỉ bước đầu, nhưng là cơ sở quan trọng để Người xác định con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam.

CÂU HỎI 5: *(4,0 điểm)*

Nội dung	Khởi nghĩa Bãi Sậy	Khởi nghĩa Ba Đình
Thời gian *(0,5 điểm)*	1883 - 1892	1886 - 1887
Địa bàn hoạt động *(0,5 điểm)*	Không cố thủ ở một nơi mà hoạt động trên một phạm vi rộng lớn ở Đồng bằng Bắc Bộ.	Tại địa bàn 3 làng: Mậu Thịnh, Thượng Thọ, Mĩ Khê.
Xây dựng căn cứ *(1,0 điểm)*	Khai thác triệt để địa thế của vùng đầm lầy, lau sậy um tùm để xây dựng căn cứ; từ căn cứ chính có thể mở rộng hoạt động khống chế đồng bằng, khống chế các tuyến đường giao thông trong khu vực.	Xây dựng căn cứ với thành lũy kiên cố, khó tiếp cận, có vị trí thuận lợi cho việc kiểm soát giao thông. Điểm yếu: dễ bị cô lập, dễ bị bao vây.
Chiến thuật *(1,0 điểm)*	Đánh du kích, chia thành nhóm nhỏ rất cơ động và linh hoạt, thường lợi dụng yếu tố bất ngờ để tổ chức những trận tập kích chớp nhoáng.	Sử dụng lối đánh chiến tuyến cố định, có khả năng tập trung lực lượng để đánh những trận lớn. Không thể dùng chiến thuật, chỉ có thể áp dụng lối đánh chiến tuyến mà thôi.
Tổ chức và hoạt động *(1,0 điểm)*	Không tổ chức thành đội quân lớn mà phân tán thành các đội quy mô nhỏ (20 – 25 người), phân tán vào làng ở lẫn với dân, hoạt động rải rác khắp nơi. Bên cạnh hoạt động đánh địch, còn tiến hành binh vận, chống càn, đánh phá các tuyến giao thông, đồn bốt...	Nghĩa quân gồm khoảng 300 người, chia thành 10 toán, mỗi toán có một Hiệp quản chỉ huy. Hoạt động chủ yếu của nghĩa quân là chặn đánh các đoàn xe vận tải của địch và tập kích các toán lính hành quân qua căn cứ.

Mục Lục

Lớp 10

STT	Trường	(Tỉnh/Thành phố)	Trang	
			Câu hỏi	Đáp án
1	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG	TP. HỒ CHÍ MINH	5	47
2	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG	BÌNH DƯƠNG	6	50
3	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH THÚC KHÁNG	QUẢNG NAM	6	56
4	TRƯỜNG THPT CHUYÊN THOẠI NGỌC HẦU	AN GIANG	7	62
5	TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU	ĐẮK LẮK	8	67
6	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	NINH THUẬN	9	71
7	TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUỐC HỌC HUẾ	THỪA THIÊN HUẾ	10	74
8	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH MẪN ĐẠT	KIÊN GIANG	10	80
9	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ KHIẾT	QUẢNG NGÃI	11	86
10	TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG	LÂM ĐỒNG	12	91
11	TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE	BẾN TRE	12	96
12	TRƯỜNG THPT CHUYÊN TRÀ VINH	TRÀ VINH	13	100
13	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH	PHÚ YÊN	13	103
14	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN	LONG AN	14	106
15	TRƯỜNG THPT KON TUM	KON TUM	14	111
16	TRƯỜNG THPT CHUYÊN TIỀN GIANG	TIỀN GIANG	15	114
17	TRƯỜNG THPT CHUYÊN VỊ THANH	HẬU GIANG	16	120
18	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH	ĐỒNG NAI	16	122
19	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	KHÁNH HÒA	17	126
20	TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUANG TRUNG	BÌNH PHƯỚC	17	129
21	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA	TÂY NINH	19	134
22	TRƯỜNG THPT KRÔNG NÔ	ĐẮK NÔNG	19	138
23	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG	GIA LAI	20	142

24	TRƯỜNG PTTH CHUYÊN KONTUM	KON TUM	20	145
25	TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	ĐỒNG THÁP	21	150
26	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG	CẦN THƠ	21	152
27	TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN BỈNH KHIÊM	VĨNH LONG	22	156
28	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	ĐÀ NẴNG	22	160
29	TRƯỜNG THPT GIA ĐỊNH	TP. HỒ CHÍ MINH	23	165
30	TRƯỜNG THPT MẠC ĐĨNH CHI	TP. HỒ CHÍ MINH	23	169
31	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG	TP. HỒ CHÍ MINH	24	173
32	TRƯỜNG THPT NGUYỄN THƯỢNG HIỀN	TP. HỒ CHÍ MINH	25	177
33	TRƯỜNG THPT BÌNH PHÚ	TP. HỒ CHÍ MINH	25	180

Lớp 11

STT	*Trường*	*(Tỉnh/Thành phố)*	*Trang*	
			Câu hỏi	*Đáp án*
1	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ HỒNG PHONG	TP. HỒ CHÍ MINH	26	185
2	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG	BÌNH DƯƠNG	27	189
3	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	BÌNH ĐỊNH	27	192
4	TRƯỜNG THPT HUỲNH THÚC KHÁNG	QUẢNG NAM	28	196
5	TRƯỜNG THPT CHUYÊN THOẠI NGỌC HẦU	AN GIANG	28	201
6	TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN DU	ĐẮK LẮK	29	206
7	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	NINH THUẬN	30	211
8	TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUỐC HỌC HUẾ	THỪA THIÊN HUẾ	30	213
9	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HUỲNH MẪN ĐẠT	KIÊN GIANG	31	218
10	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ KHIẾT	QUẢNG NGÃI	32	221
11	TRƯỜNG THPT CHUYÊN THĂNG LONG	LÂM ĐỒNG	32	226
12	TRƯỜNG THPT CHUYÊN BẾN TRE	BẾN TRE	33	230
13	TRƯỜNG THPT CHUYÊN TRÀ VINH	TRÀ VINH	34	236

14	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG VĂN CHÁNH	PHÚ YÊN	34	240
15	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LONG AN	LONG AN	35	244
16	TRƯỜNG THPT CHUYÊN TIỀN GIANG	TIỀN GIANG	35	249
17	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LƯƠNG THẾ VINH	ĐỒNG NAI	36	252
18	TRƯỜNG THPT PHAN CHÂU TRINH	ĐÀ NẴNG	37	255
19	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	KHÁNH HÒA	37	258
20	TRƯỜNG THPT PLÂY-KU	GIA LAI	37	260
21	TRƯỜNG THPT CHUYÊN QUANG TRUNG	BÌNH PHƯỚC	38	262
22	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HOÀNG LÊ KHA	TÂY NINH	39	266
23	TRƯỜNG THPT HÙNG VƯƠNG	BÌNH PHƯỚC	39	271
24	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK NÔNG		40	277
25	TRƯỜNG THPT CHUYÊN HÙNG VƯƠNG	GIA LAI	40	280
26	TRƯỜNG THPT CHUYÊN KON TUM	KON TUM	41	283
27	TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU	ĐỒNG THÁP	42	286
28	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO BẠC LIÊU		42	289
29	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÝ TỰ TRỌNG	CẦN THƠ	43	293
30	TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGUYỄN BỈNH KHIÊM	VĨNH LONG	44	297
31	TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN	ĐÀ NẴNG	45	300
32	TRƯỜNG THPT CHUYÊN PHAN NGỌC HIỂN	CÀ MAU	46	304

NS. HỒNG ÂN
www.nhasachhongan.com.vn
Email: baolongco_ha@vnn.vn
18D Nguyễn Thị Minh Khai - Q.1 - TP.HCM
ĐT: 38246706 - 08083021 - 39107095 ♦ Fax: 08083017
Điểm đến của tri thức

Mời bạn tìm đọc:

- 158 Tỉnh lộ 8 - Thị trấn Củ Chi - TP.HCM *ĐT:(08) 37924216
-94 Xô Viết Nghệ Tĩnh - Ninh Kiều ▪ ĐT: (0710) 3818891
- 15 Lê Thái Tổ - Vĩnh Long - ĐT: 0907845219

- Công ti sách TBTH Hà Nội
45B Lý Thường Kiệt - Hoàn Kiếm - Hà Nội
- 828 Đường Láng - Hà Nội - ĐT: (04) 35575385
- 29 Phan Bội Châu - Hải Phòng - ĐT: 0313.839599
- 259 Lê Duẩn - TP. Vinh - ĐT: 0383.554777
- 129 Phan Chu Trinh - Đà Nẵng * ĐT: 3821317
- 04 Lý Thái Tổ - TP. Đà Nẵng - ĐT: 0511.3823421
- 103 Lý Thái Tổ - Đà Nẵng * ĐT: 3824452
- 25 Lê Lợi - Tp. Thanh Hóa * ĐT: 3857099
- NS Liên Sương, 127 Trần Quốc Tuấn - Trà Vinh
- 124 ĐL Hùng Vương - Ba Ngòi - Cam Ranh * ĐT: 3854496
- NS Trẻ, 41 Trần Hưng Đạo - Sóc Trăng
- 136 Nguyễn Thị Minh Khai - Trà Vinh * ĐT: 0909174029
- 19 Trường Chinh - Buôn Ma Thuột *ĐT: 3953408
- 518 Cách Mạng Tháng Tám - Thủ Dầu Một - BD
- 295 Đường 30/4 - Tây Ninh *ĐT: 3827249

8 935092 732534

Giá: 50.000đ